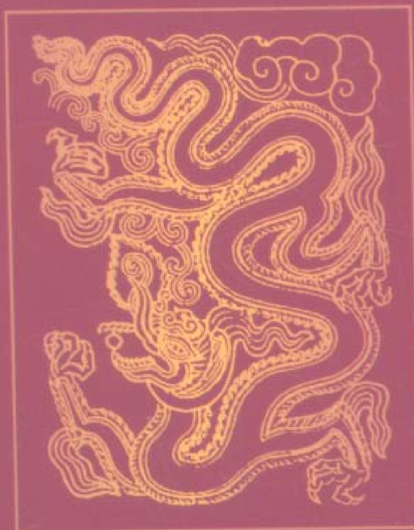


HOÀNG QUỐC HẢI

VƯƠNG TRIỀU SỤP ĐỔ

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

6





NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

VƯƠNG TRIỀU SỤP ĐỔ

Bão Táp Triều Trần

HOÀNG QUỐC HẢI

VƯƠNG TRIỀU SỤP ĐỔ

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

6





NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

I

Uống xong tuần trà cuối cùng Chu An dừng lại ngắm ngọn bạch lạp đã sắp tàn. Ông định nối thêm ngọn sáp khác vào giá, chợt nghe tiếng chim vít chè hót.

Vậy là trời sắp sáng. Bỏ ngọn sáp vào chiếc tráp gỗ mun, ông ngồi nghe giọng hót sắc gọn của chim mẹ, và giọng non nớt chiêm chiếp như tiếng gà mới nở của mấy cái chim non, đang cố láy theo giọng mẹ. Từ nhỏ, mẫu thân ông đã dạy phải chăm chỉ học hành như loài vít chè kia, may ra mới thấu dáo được chữ nghĩa thánh hiền. Và đúng là ông đã học "như thiết như tha, như trác như ma" để khỏi phụ công sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ.

Thế là người học trò của ông - những năm gần đây ông chỉ có mỗi một người học trò, ấy là đức Dụ tông, đã gần hai tháng nay bỏ học, không nói với ông một lời. Từ ngày ông được triệu về làm Quốc tử giám tư nghiệp, có đôi ba lần tiếp xúc với đức thượng hoàng Minh tông. Nhà vua quả là người có văn chất, có đức độ. Thượng hoàng ngỏ ý muốn mời ông về dạy cho quan gia, để khai sáng thêm con đường trị nước của Dụ tông. Gọi là mời,

nhưng đấy là mệnh vua, ông chỉ biết tuân phục. Mấy năm trước, quả Dụ tông có chăm nghe, chăm hỏi về kinh sách, về đạo trị, loạn ở đời, về nhân, nghĩa, và về đủ mọi thứ ứng xử từ nội trị đến bang giao. Nhưng từ ngày thượng hoàng Minh tông băng; Dụ tông hay tìm đọc những yêu thư, rồi lại kết bè kết cánh với lũ thần tử đồi bại, thả lỏng kỷ cương, xa dời phép tắc, sa vào con đường đọa lạc. Ông đã hết lời can ngăn, kể cả dẫn dụ về gương sáng các đời, những mong nhà vua hồi tâm tỉnh ngộ, nhưng vô ích. Cực chẳng đã, ông đành liều thân can gián, dâng sớ xin chém bảy tên quyền gian, quan cao, chức trọng vào loại đầu triều, được vua sủng ái. Có trừ được lũ yêu quái ấy mới nối lại được thể thống. Thật ra, việc này là phải do quan tả gián nghị đại phu Trương Hán Siêu đàn hặc ngay từ những năm ông còn sống. Ngặt vì Hán Siêu tuổi già lại bị bưng bít, thành thử ông không biết đầu cuối ra sao.

Nhưng cũng từ ngày quan Tư nghiệp dâng sớ, nhà vua không lai vãng đến tòa Kinh Diên để nghe giảng nữa. Chu An nghĩ lung lắm. Mái đầu đã bạc, bụng chất chứa kinh luân, mà ngày nào ông cũng phải đến chờ người học trò vĩ đại kia để hầu giảng cho trọn đạo một ông thầy, trọn nghĩa vua tôi. Nhưng Dụ tông vẫn không ló đến tòa Kinh Diên. Bữa nay vừa đúng hai tháng. Ông quyết không chờ thêm một ngày nào nữa. Ngay từ tối hôm trước, ông đã gói ghém tất cả phẩm phục vua ban lại và đặt trên mặt

chiếc kỷ, nơi ông vẫn ngồi hầu giảng nhà vua. Bây giờ chỉ còn mỗi một việc là ra đi. Chu An búi lại lọn tóc cho gọn, bên ngoài, ông quấn chiếc khăn vành dây bằng lượt đen trùm lên búi tó. Rồi khoác lên mình chiếc áo thụng xanh thuở hàn vi. Chợt nhớ ra điều gì, ông quay lại gọi tên trà nô và dặn: "Ngươi lau rửa cẩn thận bộ đồ trà rồi để vào chỗ cũ. Hôm nay có việc ta phải đi sớm". Xong, quan Tư nghiệp xỉa cho y ba tiền. Y chắp tay vái lia lịa. Bỗng y sực nhớ ra, liền hỏi:

- Bẩm quan sư phó, ngài không chờ xem, ngộ nhỡ hôm nay quan gia đến nghe giảng thì sao?

Chu An hất hàm: "Ờ ta bận". Với lấy cây gậy trúc, ông bước ra khỏi nhà bái đường. Đi qua cửa Huyền Vũ, là cửa nhà vua vẫn thường qua đó để vào tòa Kinh Diên, Chu An đặt chiếc mũ vua ban vào đầu gậy rồi treo lên cánh cổng, và đi về phía bến Đông-bộ-đầu, nơi ấy tiểu đồng đã chờ sẵn ông với một lá thuyền.

Sương giăng trắng cả kinh thành. Thăng Long như vẫn còn đang mơ ngủ. Chu An vừa đi vừa ngoái lại nhìn những tòa tháp, những lâu đài, điện các của kinh thành, như đang cố ngoi lên để khỏi bị ngợp chìm trong cái bể sương kia mà lòng bùi ngùi khôn xiết. Có nhẽ nào, ông nghĩ - Có nhẽ nào kinh thành của nước Đại Việt sừng sững thế này, chất chứa bao hào khí, khiến lũ giặc Nguyên - Mông phải tán đởm kinh hồn, nhưng rồi một ngày nào đó lại phải sập đổ vì một tên hôn quân. Lòng ông nghẹn

uất. Trông trước trông sau không thấy có ai, Chu An đưa ống tay áo thụng lên gạt thầm mấy giọt lệ. Gần tới bến, quan Tư nghiệp cứ đi vài bước lại quay lại ngắm rặng hòe, đang phơi những nhánh cành khẳng khiu ra che đỡ tuyết sương. Vừa trông thấy con thuyền, Chu An đã kịp nhận ra có hai người từ dưới bến đi lên. Sương bay lấp lóa, không nhìn rõ mặt khách. Hai người đó đến trước Chu An cung kính chắp tay vái:

- Lạy thầy, cho anh em con theo tiễn.

Chợt nhận ra Phạm Sư Mạnh và Lê Quát, Chu An giận lắm. Ông nghiêm giọng, nói:

- Hóa ra các anh vào hùa với quân đốn mạt vẫn giám sát ta mà ta không hay biết. Liệu các anh có trói ta đem về triều không? Chu An giơ chiếc gậy trúc gạt hai người ra rồi săm săm xuống bến.

Lê Quát, Phạm Sư Mạnh cùng hối hả chạy theo thầy. Phạm Sư Mạnh níu thuyền lại, còn Lê Quát đỡ cho thầy bước xuống.

Phạm Sư Mạnh nói:

- Bẩm thầy, ít bữa nay chúng con thấy thầy có vẻ buồn quá. Đã mấy lần anh em con lảng vảng đánh tiếng, nhưng không thấy thầy gọi, nên không dám vào kính yết. Chiều hôm qua, nhân có việc con phải ra bãi sông, thấy chú Tồn đang cho thuyền cập bến. Con không dám hỏi, nhưng ngầm đoán là thầy sắp đi xa. Con về, nói lại với anh Quát, hai anh em con bàn nhau cứ chờ thầy ở đây.

Chu An thấy hai người học trò nói tình thực, trong lòng xem đã nguôi nguôi. Ông cúi nhìn họ và nói:

- Thôi các anh về, thầy đi.

- Lạy thầy, đầy triều rắn rết, chúng con ở lại mà làm gì. Thầy cho chúng con theo hầu.

- Không được! Chu An nghiêm giọng. Các anh còn trẻ lại là rường cột, phải ở lại triều mà gánh vác việc nước. Thầy già, bất lực rồi, phải đi thôi!

- Nhưng thưa thầy chúng con phải làm gì ạ?

- "Kiến cơ nhi tác!"[1] Chu An nói rồi phẩy tay cho tiểu đồng nhổ sào, ông đi thẳng vào trong khoang.

Dõi trông cho tới khi con thuyền đã khuất hẳn, không gian chỉ còn là một biển mây trắng mịt mùng, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh nhìn nhau vừa bùi ngùi vừa ngơ ngác. Chợt Lê Quát hỏi Phạm Sư Mạnh:

- Tôn huynh có biết tại sao thầy bỏ Thăng Long mà đi không?

Lê Quát nghĩ rằng Phạm Sư Mạnh giữ chức chưởng bạ thư, kiêm Khu mật tham chính, được gần vua, nên biết rõ ngọn nguồn hơn mình. Còn mình, tuy là Hữu bộc xạ, tham dự chính phủ, nhưng thường lĩnh mệnh đi kinh dinh các lộ, các trấn luôn.

Nghe Lê Quát hỏi, Phạm Sư Mạnh thở dài:

---

[1] Cứ xem diễn biến thời cơ mà liệu cách hành động.

- Chắc là đệ cũng không biết gì nhiều hơn tôn huynh. Có điều rằng tính thầy nghiêm khắc, nghe đâu đã hai tháng nay hoàng thượng bỏ học. Cũng không ra thị triều nữa. Công việc nhà nước phó mặc cho các đài, sảnh, viện tự lo. Lại còn bao điều chướng tai gai mắt hàng ngày, thầy cứ phải nghe, phải thấy. Người có trí lự, có tâm huyết như thầy, làm sao chịu nổi.

Hai người vẫn vừa đi vừa nói chuyện, sau vài đắn đo, Lê Quát lại hỏi:

- Đệ nghe như thầy có sớ, điệp gì dâng lên hoàng thượng, tôn huynh có biết việc ấy không?

- Có! Việc ấy thì đệ biết. Vì các giấy tờ, sớ, điệp trình lên hoàng thượng đều phải qua bên Khu mật viện. Nhưng nội dung như thế nào thì chỉ có hoàng thượng mới rõ. Bỗng Phạm Sư Mạnh đấm ngực thùm thụp - Thôi đúng rồi. Đệ nhớ ra rồi. Tính đến hôm nay là vừa tròn hai tháng, kể từ ngày thầy dâng sớ. Và cũng đúng hai tháng hoàng thượng bỏ học, bỏ thị triều.

- Thế là rõ, Lê Quát đáp - Hoàng thượng lánh mặt. Chắc là những điều thầy nói có phương hại đến các thú ăn chơi của nhà vua.

- Hẳn nhiên như thế rồi - Phạm Sư Mạnh tiếp. Từ ngày thượng hoàng băng, nhà vua đổi niên hiệu thành Đại trị, thì bắt đầu từ những năm Đại trị tới giờ, lại chứa chấp quá nhiều mầm đại loạn. Có phải thế không tôn huynh?

- Dạ, đệ cũng thấy thế. Mà có nhẽ chỉ có thầy chúng ta

mới đủ dũng khí, để nói ra cái mầm họa loạn ấy với hoàng thượng.

- Vâng đúng thế. Ngay cả đến quan Tả gián nghị đại phu Trương Hán Siêu là người đã có công trong thời Trùng hưng[1], lại trải thờ bốn đời đế mà còn phải ngậm miệng, huống nữa là người khác.

- Thế còn quan lớn đại hành khiển, thượng thư hữu bật kiêm tri khu mật viện, thị kinh diên đại học sĩ trụ quốc khai huyện bá Nguyễn Trung Ngạn thì sao? Chẳng nhẽ con người văn võ toàn tài, trải mấy đời vua đều đắc sủng mà cũng ngậm miệng sao? Lê Quát hỏi lại.

Phạm Sư Mạnh thở dài đáp:

- Tôn huynh còn lạ gì. Đôi khi vì ngậm miệng mà được đắc sủng. Huynh không thấy dân gian thường nói: "Ngậm miệng ăn tiền" đó sao? Với Nguyễn Trung Ngạn thì không hẳn thế. Nhưng ông ta đã gần tám mươi tuổi, lại nghễnh ngãng, nghe chẳng được, còn nói cái gì.

Hai người im lặng đi một quãng nữa vừa tới cửa Đại Hưng, Phạm Sư Mạnh bèn rủ Lê Quát:

- Hay là đệ cùng với huynh thử ghé vào cung Cảnh Linh xem hoàng thượng có đấy không.

Hai người định rủ nhau đến chầu Dụ tông, nhưng vừa tới gần cung Cảnh Linh đã nghe tiếng đàn phách cứ rộn

---

[1] Trùng hưng, niên hiệu thứ hai đời Trần Nhân tông bắt đầu từ tháng 9 năm Ất dậu (1285).

lên, cứ xốn xang lên. Bước mau tới cổng lại thấy quân canh nghiêm mật, và bên tả môn treo một tấm biển, nét chữ sắc như dao: "Miễn chầu". Hai vị đại thần cùng buông một tiếng thở dài.

Họ buồn bã chia tay nhau, ai về phủ nấy.

Trong cung, trên chiếc long sàng trải nệm gấm, tấm màn the buông rủ và phía ngoài che hờ một bức bình phong, nhưng vẫn nhìn thấy lấp ló Dụ tông đang úp mặt trên cái bộ ngực trần lồ lộ của một vũ nữ để ngủ. Cả đức vua cùng vũ nữ đều còn lõa thể sau cơn hành lạc. Cạnh đó những kẻ đàn, hát diễn xướng cứ việc nào việc nấy. Họ diễn cho nhau xem, và chờ bất chợt ngài ngự thức giấc là dã thấy ngay trò vui.

Trâu Canh, viên đệ nhất ngự y đang lúi húi mở nắp chiếc hộp bạc, lấy ra một củ nhân sâm to bằng ngón chân cái đã xắt làm ba đoạn. Y dùng chiếc cật nứa thái ra từng khoanh mỏng, bỏ vào chiếc ấm "Diêu biến", do cánh thuyền buôn phương Bắc từ Hàng Châu đem sang biếu hoàng thượng, từ năm Kỷ sửu (1349). Trâu Canh cứ lật đi lật lại chiếc ấm, xem mãi sắc men và kiểu dáng. Y tự nhủ: "Đây là bọn nhà buôn bịp bợm, chứ làm gì có lắm đồ "Diêu biến" thế này. Nguyên ủy là do những người làm đồ gốm, sứ ở Hàng Châu vào thời Nam Tống, khi phơi hàng mộc ngoài trời, bỗng có đàn chim diêu bay qua, thình lình có con ỉa rơi đúng vào thành một chiếc bình. Khi người thợ nhúng men không biết, cứ để thế tắm men. Kịp khi nung

chín rồi dỡ hàng ra, thấy một chiếc bình có màu sắc rực rỡ kỳ lạ, khác hẳn với những chiếc cùng loại. Mãi sau người ta mới phát lộ ra cái chuyện "phân diêu". Cánh thợ gốm đặt cho nó cái tên: "Diêu biến". Cho là vật quý, lò gốm đem dâng vua Tống. Nhà vua ưng ý lắm, sai chế ít món đồ có kiểu men này. Nhưng chế làm sao nổi. Vài năm sau có người thợ giỏi, chế tác được loại men có màu gần giống như thế, gọi là "Định Diêu". Đem tiến, vua tạm ưng. Và dụ rằng: "Các loại đồ chế theo kiểu men này, cấm không được bán ra ngoài dân gian, vì vậy mới có tên là "Quân Diêu". Và dưới trôn mỗi món đồ đều viết hai chữ: "Ngự dụng" đóng khung chữ nhật, màu đỏ. Ấy là ở đời Nam Tống khi còn thịnh kia, chứ bây giờ thì họ bán như bán rau đầy các chợ Hàng Châu. Việc ấy Dụ tông sao biết được.

Thấy Dụ tông cựa mình, Trâu Canh giơ tay làm hiệu cho đám nhạc công, ca công hãm bớt âm lượng để nhà vua ngủ thêm lát nữa. Trâu Canh biết, nhà vua chỉ ngủ chập chờn thôi. Suốt ngày đêm hành lạc và hưởng lạc, thì làm sao mà ăn ngon ngủ yên được. Y bỏ củ sâm thái dở vào hộp đậy kín lại, rồi chế nước sôi vào ấm "Diêu biến" đặt trong chiếc giỏ ủ, lót gấm màu huyết dụ.

Là một thầy thuốc lão luyện, lại được chân truyền từ nhiều đời, Trâu Canh biết Dụ tông yểu thọ lắm. Chân âm của ông ta hầu như đã kiệt. Mà hằng ngày ông lại hối thúc phải bổ dương cho ông ta hành lạc. Còn một phương thuốc cuối cùng, Trâu Canh đem ra cung hiến nốt. May

mà y đã liệu tính từ mấy năm nay, lại được quan chi hậu Mai Thọ Đức, là một hoạn quan được nhà vua tin cẩn vào bậc nhất tiếp tay, nếu không thời cũng đến thúc thủ. Quan chi hậu cục là người được đặc cách trông coi đám cung nữ và phi tần của nhà vua. Lại được toàn quyền tuyển lựa mĩ nữ, thục nữ trong toàn cõi Đại Việt, đưa về cung hiến cho vua dùng dần. Vì thế Trâu Canh đã nhờ Mai Thọ Đức lựa cho mấy đứa trẻ con cỡ chín, mười tuổi đem về nuôi vỗ. Và cứ đứa nào vừa tới tuổi dậy thì, tức là khi chúng vừa tròn 13 tuổi, thì quan ngự y đến khám lại cho thật tinh tường một lần nữa. Thiếu nữ đó phải thật khỏe mạnh, tươi nhuận, mới cho ngậm sâm và uống thuốc để ngủ ròng rã chín ngày đêm liền. Trong khi thiếu nữ ngủ say, thời đem nhân sâm ủ vào trong âm đạo để ngày đêm nó tiết âm khí, làm cho củ nhân sâm trương lên trong đủ chín đêm. Lúc lấy sâm ra phải hong phơi trong chín ngày đêm ở nơi thoáng mát, rồi cất trong hộp bằng bạc có nắp kín. Vì bạc là chất thuộc âm tính, nó tạo sự ôn nhuận cho vị thuốc. Và một liều dùng của nó cũng là chín củ dùng trong chín đêm. Nếu trong thời gian dùng thuốc này mà lánh dục được thời công hiệu vô cùng, chân âm hồi phục cấp kỳ. Liền đó lại bổ dương nữa thì âm dương cân bằng. Chân khí lại vượng, không kém gì nguyên khí trong độ dậy thì của đám con trai mười sáu mười bảy tuổi.

Trâu Canh lắc đầu, y tự nghĩ: đức vua là một kẻ háo

dục, đến một ngày còn không kiêng nổi, nói gì tới cả chín ngày đêm. Đây là phương thuốc cải lão hoàn đồng mà ông nội y ngày trước là Trâu Tôn đã dâng Hốt-tất-liệt, vị hoàng đế của nhà Đại Nguyên. Sau khi dùng phương thuốc này công hiệu, Thiên tử có ban cho Trâu Tôn chức vạn hộ hầu. Tức là được ăn lộc trong ấp có một vạn nhà. Kíp đến khi thiên triều mở cuộc Nam chinh, Trâu Tôn được theo dưới trướng của thái tử Thoát-hoan. Cuộc chiến đại bại, Trâu Tôn bị quân Đại Việt bắt, rồi y xin ở lại luôn không về đất Nguyên nữa.

Bữa nay Trâu Canh dâng phương thần dược này. Y định lát nữa hoàng thượng thức dậy, sẽ tâu sự thể đầu đuôi để ngài còn kiêng cữ. Nếu kiêng được, mà phục hồi nguyên khí, thì lo gì không thêm tuổi thọ.

Nghe trong màn có tiếng hắt hơi, Trâu Canh liếc nhìn thấy nhà vua ngồi nhỏm dậy, ngài co chân đạp thật mạnh vào mặt ả vũ nữ, khiến ả lăn huỵch xuống chân long sàng. ả sợ quá, cứ thế chạy ra giữa sàn diễn, nơi đám ca kỹ và nhóm nhạc công đang đàn hát rời rạc. Nom ả trắng hếu như một con lợn vừa mới cạo lông.

Viên quan hoạn Mai Thọ Đức lấp ló sau cánh gà thét lên cái giọng the thé:

- Nổi nhạc to lên, ca lên cho mùi mẫn! Ngài ngự thức dậy rồi! Giọng y hồ hởi. Đoạn y quay lại phía sau, nói vọng vào đám thị nữ đang trố mắt nhìn ả vũ nữ đang trần truồng ngơ ngác.

- Các ả vào ngay ngự tẩm, hầu hoàng thượng mặc ngự bào!

Một lũ con gái xiêm y rực rỡ chạy túa về phía long sàng, nơi đức vua còn đang tồng ngồng như một đứa trẻ chưa biết lẫy.

Dụ tông xúng xính trong bộ áo hoàng bào, trước ngực thêu hai con rồng chầu cái mặt trời đỏ chóe, lại đính thêm viên hồng ngọc to bằng chiếc trứng chim sâu, và loáng thoáng vài gợn mây thêu ngũ sắc. Ông không đội vương miện, mà đội chiếc mũ bình thiên dát dầy ngọc quý. Dù ánh lấp lóa từ những viên hồng ngọc phát ra, vẫn không làm tươi được nước da xanh bủng của nhà vua. Hai thị nữ dìu ông ngồi vào chính tẩm, nơi đã trải chiếc nệm gấm và đặt một chồng gối xếp để nhà vua ngồi xem các trò diễn.

Nhìn thấy Trâu Canh ở phía bên tả, vua vẫy lại.

Trâu Canh đứng hầu. Vua cho ngồi vào góc long sàng. Viên ngự y rủ rỉ nói về phương thần dược mà y đã sắp sẵn, chỉ còn chờ thánh ý.

Cứ mỗi lời Trâu Canh nói, mắt nhà vua lại sáng lên, đầu gật lia lịa. Thấy nhà vua chịu lời, Trâu Canh nói thêm:

- Bệ hạ mới có hai mươi nhăm tuổi. Việc hồi sức nhanh lắm. Nhưng bệ hạ nhớ phải kiêng đủ chín ngày như thần dặn thời thuốc mới thực công hiệu.

- Được rồi! Được rồi! Ngươi đưa ta dùng luôn xem nào.

Trâu Canh hai tay dâng bát nước sâm lên Dụ tông, còn dặn thêm:

- Bệ hạ nhớ kiêng.

- Ờ, ta nhớ, Dụ tông đáp.

Thấy trò đàn hát nhàm tai, nhà vua phẩy tay cho lui.

Hoạn quan chi hậu cục Mai Thọ Đức biết ý ngài ngự, nên vẫy tay vào phía sau cánh gà, lập tức một đội vũ nữ mười hai ả đẹp như tiên giáng trần ùa ra. Họ múa theo điệu múa của người Chiêm Thành, nên mỗi người chỉ quây quanh bụng một mảnh xiêm bằng kim tuyến xé tướp ra như ta tước mảnh lá chuối, ngắn độ một gang tay. Vậy là nó chỉ che được lấp lửng cái chỗ cần phải che ở phía dưới của người con gái. Trên ngực, theo đúng cốt cách Chiêm, cũng có một mảnh vải nịt gọn hai bầu vú, nhưng đã nhiều lần ngài quở về việc che nịt ấy. Vì vậy, lần này quan chi hậu cục bắt các ả cứ để ngực trần. Trên đầu mỗi ả đội một chiếc mũ Chàm làm thuần bằng vàng ròng, có trạm trổ hoa lá tinh vi. Trên đỉnh mỗi chóp mũ lại gắn một viên ngọc. Mỗi mũ một màu ngọc khác nhau, cho nên khi các nàng múa, ngọc bắt ánh sáng phát ra những tia hào quang lấp lánh bảy sắc cầu vồng, lại phảng phất mùi hương xạ, mùi thơm tho từ da thịt các thiếu nữ tỏa ra, khiến ta có cảm nhận như đang sống ở cõi thiên tiên. Lại thêm hai cổ tay các vũ nữ đều có đeo vòng vàng và hai chùm nhạc.

Xem các nàng múa, đức vua lại thấy rạo rực. Đúng là từ lúc uống thuốc của ngự y vào tới giờ, vua cảm thấy trong người mát dịu, khí huyết lưu thông, hơi thở điều hòa, lại

cả thèm ăn nữa. Đảo mắt nhìn thấy viên chính chưởng phụng ngự Bùi Khoan, cũng là một cận thần được nhà vua sủng ái, Dụ tông bèn vẫy lại:

- Cho ta ăn cái gì đi. Vua nói.

- Tâu hoàng thượng, có ngay ạ.

Bùi Khoan cho bê vào một chiếc khay vàng, trên đó có món ngọc dương[1] hầm hoài sơn và liên nhục[2], khởi tử[3] còn bốc khói. Bên cạnh đó là món long tu nấu với nước hầm tắc kè, lại kèm thêm một tô rượu thạch xương bồ pha với huyết dê thơm phức.

Dụ tông vừa ăn, uống vừa khen ngon. Quay về phía Trâu Canh, ngài mỉm cười:

- Thánh y! Thần dược! Ta chưa thấy bao giờ trong người lại khỏe như bây giờ. Ta hết bệnh rồi Trâu tiên sinh!

Nhà vua nháy mắt cho bọn hoạn quan Mai Thọ Đức. Y lạch bạch chạy đến ghé tai nghe vua phán:

- Bắt con ngựa to nhất kia vào hậu tẩm - Nói rồi ngài đứng dậy săm săm đi về phía hậu cung.

Trâu Canh cúi mặt nén một hơi thở.

---

[1] Ngọc dương: dái dê.

[2] Hạt sen.

[3] Vị thuốc kích dục mọc trên núi đá.

II

Chu An biệt Thăng Long đã ba ngày, kinh thành vẫn yên ắng. Ngoài Phạm Sư Mạnh, Lê Quát và mấy người tọa thượng nô[1] trong tòa Kinh Diên biết, tịnh không một người nào khác hay tin ấy. Những chuyện khác, việc khác thì đã không cánh mà bay. Nhưng việc nghiêm trọng này không ai dại gì lại bép xép. Bởi trong triều, phe này cánh nọ đang hầm hè nhau, chỉ chờ có cơ hội là lấn lướt nhau, hại nhau. Ngay cả chiếc mũ Chu An treo trước cổng Huyền Vũ cũng không ai dám đụng đến. Vì cổng đó chỉ dành riêng cho vua đi.

Mấy bữa nay Hiến từ hoàng thái hậu ở trong cung Thánh Từ người bứt rứt quá. Bà đứng ngồi không yên, ăn ngủ không được. Ngự y chẩn mạch không thấy ngài có bệnh gì, nên chỉ bốc thang "an thần", và nói mấy lời yên ủy cho thái hậu bình tâm. Bỗng thái hậu nhớ tới thượng hoàng và những lời căn dặn trước khi ngài băng: *"Ta chết,*

---

[1] Những nô tì hầu hạ trong cung vua đều có xăm ba chữ "Tọa thượng nô" lên trán.

không có gì ân hận. Chỉ thương hậu cô đơn. Vả lại Dụ tông tuy dã ở ngôi nhưng lại thiếu vắng người giám sát, nên y mặc sức muốn làm gì thì làm. Cho nên hậu phải để mắt tới việc triều chính. Ta biết, điều này ngoài tầm nghĩ hiểu của hậu. Nhưng cứ xem các việc quan gia làm, việc nào hậu thấy lương tâm áy náy, thời quan gia thế nào cũng có sự lầm lỡ trong đó. Cốt nhất là sự học của Dụ tông. Ta đã ủy thác cho Chu An là người có văn chất, có khí chất bậc nhất của Đại Việt để giáo huấn cho quan gia. Vậy hậu cũng nên để ý tới việc này".

Nhớ như in những lời Minh tông căn dặn, vậy mà bấy lâu nay hậu cũng có qua lại thăm viếng gì quan Tư nghiệp Quốc tử giám đâu. Có để ý gì đến việc học hành của quan gia đâu. Thế có nghĩa là chính hậu cũng đã xao nhãng lời dặn của Thượng hoàng. Lại nữa quan gia, cũng lâu không thấy tới viếng thăm cung Thánh Từ.

Thái hậu bèn sai lấy kiệu để bà sang tòa Kinh Diên. Bà đi thẳng vào cổng Huyền Vũ là cổng đi tắt vào nội điện. Vật đầu tiên bà trông có vẻ nghịch mắt là chiếc mũ treo trên cánh cổng, hai chiếc dải rủ xuống như hai cánh tay buông xuôi.

Thái hậu quát hỏi, bọn tọa thượng nô tâu:

- Bẩm thái hậu, đấy là mũ của quan Tư nghiệp Quốc tử giám Chu An, treo ở đó đã từ ba hôm nay.

- Quan sư phó đâu? Quan gia đâu, hôm nay có học không? Thái hậu dằn giọng hỏi và bà nhìn sói vào tòa nhà sừng sững, im phắc.

Đám nô bộc ngơ ngác nhìn nhau khép nép. Rồi một lão nô vòng tay lễ phép thưa:

- Tâu đức thái hậu, từ hơn hai tháng nay quan gia không lui tới điện Kinh Diên. Còn quan Tư nghiệp thì treo mũ ở đây đã ba ngày vẫn không thấy người trở lại.

Thái hậu thở dài. Bà vừa buồn vừa giận. Giận con thì ít, giận mình nhiều hơn. Bà bước vào nhà bái đường, trông thấy mấy bọc quần áo và chiếc mũ treo ngoài cửa Huyền Vũ kia, thế là bà hiểu tất cả cơ sự. Bà không khỏi bàng hoàng về việc Chu An đã bỏ đi. Bà thật lấy làm tiếc. Âu cũng là bài học cho con ta và cả cho ta nữa, bà thành thật nghĩ như vậy. Và tận đáy sâu lòng mình, bà thấy kính trọng người thầy học này; kính trọng cả việc bỏ đi của ông ta nữa. Con người vừa lẫm liệt cao ngạo, vừa khí phách tiết tháo của một bậc nho giả, bậc thức giả. Chán vạn kẻ khác, nếu ở vào vị thế của ông ta là tự phụ tự mãn lắm rồi, quỳ gối uốn lưng cốt để làm vừa lòng thiên tử.

Nỗi giận con lại cháy bùng lên, mặc dù bà là một người mẹ yếu đuối. Bà sai kiệu vào thẳng điện Thiên An và cho nổi trống đăng văn liên hồi.

Các quan từ nhất nhị phẩm đến lục thất bát phẩm ở các đài, sảnh, viện, phủ đệ lục tục kéo nhau đến chầu. Tất cả đã gần đủ, chỉ thiếu có Dụ tông và dăm bảy viên đại thần nữa.

Thái hậu sai đặt ghế cho bà ngồi trước ngai vàng. Thấy có cuộn giấy đã mở niêm phong đặt trên long án, bà liền

trải ra coi. Bà không tin ở mắt mình ngay từ hàng chữ đầu: "*Sớ xin trảm bảy tên đại gian thần*". Lướt xuống trang cuối cùng thấy dòng chữ: "*Chu An kính bái!*".

Thái hậu biến sắc mặt, và run bần bật. Bà cố trấn tĩnh để dọc lần lượt tên tuổi và tội trạng từng đứa.

- Hoạn quan chi hậu cục Mai Thọ Đức, kẻ cai quản phi tần và tuyển chọn mĩ nữ, đã lạm dụng chức quyền bắt về vô số con gái nhà lương dân. Để nhiều người chết trẻ, chết già vì mòn mỏi trong cung thất, lại bầy ra các trò dâm ô trác táng, dẫn hoàng thượng vào con đường vô đạo.

- Trâu Canh, viên ngự y phạm tội làm cho hoàng thượng liệt dương từ năm ba tuổi, lại bày trò phục dương cho bề trên khi mười lăm tuổi. Đã bắt cóc hai mươi mốt dứa trẻ khỏe mạnh, con nhà lương dân, giết đi lấy mật làm thang cho bài thuốc hồi dương của quan gia. Rồi bầy trò cho quan gia thông dâm với chị ruột mình, nói là phương thuốc chữa trị. Trong khi chữa trị cho quan gia, y lại thông dâm với cung nhân của chính quan gia.

Trâu Canh là người Hán, cháu nội Trâu Tôn đi theo quân nhà Nguyên vào xâm lược Đại Việt, năm ất dậu (1285) thất trận bị bắt xin hàng, lại xin được cư trú. Nay y lộng hành, dẫn dắt đức vua vào con đường thương luân bại lý.

- Bùi Khoan, chính chưởng phụng ngự. Bầy mọi trò cờ bạc, rượu chè dơ dáy ngay trong cung thất, dẫn đức vua vào mê lộ, bê tha như đám dân đen ngu muội.

- Văn Hiến hầu can tội gây bè lập đảng khiến các đại thần chia rẽ, ngờ vực nhau. Làm cho đức vua khó phân biệt người ngay kẻ nịnh.

- Hành khiển tả ty lang trung Nguyễn Thanh Lương xảo trá, dẫn vua vào con đường ăn chơi xa xỉ, tới cạn kiệt của kho nhà nước còn chưa đủ.

- Hành khiển hữu ty, hữu bộc xạ Tâm Đức Ngưu đồng lõa với Nguyễn Thanh Lương tìm đủ mọi cách tăng thu thuế khóa, tăng các sắc thuế từ thượng cổ chưa có, để bòn rút của dân, lấy tiền chi vào các cuộc ăn chơi trác táng của hoàng thượng. Kể cả những năm mất mùa đói kém, dân chết đói đầy đường, chúng cũng không tha giảm.

- Đoàn Nhữ Cẩu, đồng binh chương sự bòn rút khẩu phần của lính, các đồ binh khí đã cũ hỏng vẫn không chịu thay thế để lấy tiền công bỏ túi. Lại sao nhãng việc luyện tập canh phòng, biên cương phía Bắc, phía Nam gần như bỏ ngỏ. Hiện thời Chiêm Thành đang ráo riết nhòm ngó miền châu Hóa.

Điều tệ hại đáng nói nhất là lũ gian thần này mượn danh hoàng thượng, để làm các việc mà nhìn bề ngoài thiên hạ cứ ngỡ là chúng làm vì hoàng thượng. Nhưng kỳ thực các khoản chi tiêu cho hoàng thượng chỉ một phần, còn vào túi chúng tới chín phần.

Để giữ nghiêm phép nước, nối dòng đại thống từ Thái tôn cao hoàng đế, xin bệ hạ cho chém đầu bảy tên gian

thần trên, và tịch thu sản nghiệp của chúng sung quốc khố, để làm gương răn kẻ khác...

Đọc xong, thái hậu toát mồ hôi ướt đẫm cả mấy lần áo gấm. Mặc dù tiết trời giá lạnh mà thái hậu cảm thấy như có lò lửa đốt ngay trong bụng, trong ngực mình.

Giữa lúc thái hậu đang nổi cơn thịnh nộ thì tại cung Cảnh Linh, Dụ tông vẫn say sưa hành lạc. Thình lình có kẻ đến báo, Dụ tông cùng bè lũ hoảng hốt lên kiệu hấp tấp vào thẳng điện Thiên An.

Trông thấy Dụ tông mặt xám như chì, lại dẫn theo một bầy trong đó có gần đủ mặt bảy tên mà Chu An xin chém, lửa giận nổi lên đùng đùng, Thái hậu vỗ long án quát:

- Quan Tư nghiệp Quốc tử giám Chu An, dâng sớ xin chém bảy tên gian thần, phạm nhiều tội đại ác. Ta y án! Giọng bà rít lên nghe ghê sợ - Nhưng ta còn muốn chém tên thứ tám nữa kia - thái hậu chỉ vào Dụ tông đang quỳ mọp, run bần bật - Hành án xong, triều đình sẽ nghị bàn lập vua mới! Nói xong, bà ngã ngất lịm từ ghế cao gieo xuống thềm điện.

Lời thái hậu phán, như tiếng sét đánh vào điện Thiên An giữa một ngày đông không mưa gió. Các triều quan đều nghi hoặc những người theo nhà vua vào chầu muộn, hẳn là bọn bảy tên mà Chu An xin chém. Riêng Lê Quát và Phạm Sư Mạnh thì không những không nghi ngờ gì bọn chúng, mà chỉ thầm phục thầy mình nắm rất chắc tình hình nội trị trong triều, và dám đưa ra một bản án vô tiền

khoáng hậu trong lịch sử cổ kim. Vì ai cũng thừa biết bảy tên đó đang thao túng mọi mặt của triều đình. Các đài, sảnh, viện chẳng qua chỉ là hình thức của một bộ máy cai trị, chứ thực sự quyền điều hành công việc quốc gia đều nằm trong tay lũ gian thần ấy cả. Mà bảy tên đó lại là bảy tên chân tay thân tín nhất của đức vua. Có điều lạ, thái hậu chỉ nói Chu An xin chém bảy tên gian thần, chứ ngài chưa đọc rõ tên từng đứa. Nhưng mỗi triều quan đều ngầm hiểu chúng là những tên nào. Như vậy là tội ác của chúng đã quá rõ ràng, ai ai cũng thấy được, dân gian càng thấy rõ hơn, chỉ có đức vua anh minh là không thấy được.

Khi thái hậu ngã xuống, các quan vội vã xúm vào khiêng bà sang thái y trang[1]. Dụ tông sững sờ chưa biết phải làm gì. Giữa lúc mọi người đang rối bời lên, thì hoạn quan Mai Thọ Đức lạch bạch chạy vọt lên, vơ lấy toàn bộ cái nắm giấy (đúng ra là sớ thất trảm) mà thái hậu ném vào mặt Dụ tông.

Việc sa vào thú ăn chơi để triều đình bê trễ khiến thái hậu uất lên mà lâm bệnh, làm cho Dụ tông có phần hối hận. Và lo lắng nữa. Nếu như mai đây bà hồi sức, lại thu lấy quyền chấp chính như Thượng hoàng, thì việc ông bị phế truất cũng có thể xảy ra lắm. Dụ tông hình dung đến việc thượng phụ[2] ngài là đức Anh tông, chỉ uống rượu

---

[1] Cơ quan y tế trong cung vua.

[2] Thượng phụ: ông nội

say nhân tết Đoan ngọ, bỏ mất một buổi thiết triều mà đức Nhân tông còn định phế truất. Ông tự nghĩ, lỗi của mình nặng quá. Nặng quá. Nhưng Dụ tông làm gì có thì giờ để nghĩ nhiều đến việc đổi lỗi, như Anh tông ngày trước. Bọn gian thần luôn luôn đến săn sóc ngài, chỉ dẫn cho ngài những việc dối trá cần phải làm, để che tai bịt mắt thái hậu.

Hành khiển tả ty lang trung Nguyễn Thanh Lương rỉ tai nhà vua: "Bệ hạ phải luôn túc trực bên thái hậu, cho tới khi nào thái hậu bình phục hẳn rồi lựa lời xin ngài tha cho. Tình mẫu tử, thần tin là thái hậu không cố chấp đâu. Nhất là bệ hạ phải làm ra vẻ buồn rầu, ân hận đến héo hon, ắt thái hậu sẽ động tâm. Lại nữa, cấm ngặt không cho đám học trò của Chu An và các bọn khác vào thăm hỏi chuyện trò với thái hậu. Nếu việc này không giữ cho nghiêm cẩn, bệ hạ sẽ nguy đấy".

Đồng binh chương sự Đoàn Nhữ Cẩu cũng vào cung tâu nhỏ: "Thần sẽ nắm chắc quân ngoài các lộ, các trấn đề phòng bất trắc. Nhưng để yên lòng trăm quan và dân chúng kinh kỳ, xin bệ hạ dụ cho đại hành khiển Tri khu mật viện sự Nguyễn Trung Ngạn, duyệt cấm quân[1] tại Giảng Võ đường, tại bến Đông-bộ-đầu và hồ thủy quân,

---

[1] Cấm quân túc trực thuộc thượng thư sảnh điều hành. Nhưng từ năm Ất tị (1341) Nguyễn Trung Ngạn được coi Tri khu mật viện thì giao luôn cả cấm quân cho Tri khu mật viện điều hành.

cho dân chúng kinh kỳ xem...". Bọn gian thần cứ thay nhau ém nhà vua như thế, hóa ra tiếng nói trung thực không lọt tới tai vua.

Trâu Canh không dám xuất lộ, nhưng y vẫn lén lút cho người đến dâng thuốc hàng ngày. Thật tình y lại thấy mừng, vì nếu hoàng thượng cứ phải túc trực bên thái hậu độ mươi ngày, thì thuốc của y công hiệu không biết đâu mà lường.

Trong những ngày thái hậu lâm bệnh, hoàng trưởng tử Cung túc vương Nguyên Dục cũng vào ra cung Thánh từ thăm viếng hậu. Thái hậu vẫn có lòng thương Nguyên Dục là trưởng tử mà không được lập. Bởi Minh tông tính rất nghiêm; ngài không câu nệ việc lập trưởng hay lập thứ ở ngôi. Mà ngài chỉ quan tâm đến tư chất người ở ngôi cao, có đủ tài đức trị vì một quốc gia hay không. Nguyên Dục vì ham mải chơi bời, đắm chìm trong hoan lạc, thượng hoàng đã nghiêm dạy nhiều lần vẫn không chịu đổi lỗi, nên không cho lập. Khi Minh tông truyền ngôi cho hoàng tử Vượng là con bà thái hậu Minh từ, Dục vẫn ngầm oán cha. Tới khi Hiến tông yểu thọ mà băng, Minh tông lại lập thái tử Hạo lúc ấy mới có sáu tuổi lên ngôi, thì Nguyên Dục yên tâm rằng mình bị phế. Dù sao thì Dục cũng tạm bằng lòng vì Hạo và Dục là hai anh em cùng mẹ. Và hai người tính nết cũng hợp nhau. Nhưng cũng từ đây, Dục lao vào con đường ăn chơi đến cùng xa cực xỉ. Từ khi thượng hoàng băng, hai người đi lại với nhau thân tình

lắm. Nay nhân có chuyện thái hậu bất bình, Dụ tông có ý nhờ Cung túc đại vương giải hòa. Nguyên Dục đã có đôi ba lần nói, bà thái hậu vẫn còn im hơi lặng tiếng chưa tỏ lộ điều gì. Nhưng bà vẫn chú ý xem Dụ tông có thật sự ăn năn không. Từ bữa hồi tỉnh lại tới nay, cứ lúc nào mở mắt bà đã thấy Dụ tông ân cần thăm hỏi. Ngày ba lần nhà vua tự tay bê thuốc mời bà uống. Nét mặt lúc nào cũng rầu rĩ. Ngoài việc hầu thuốc, nhà vua kê ghế ngồi ngay dưới chân ngự tẩm đọc sách suốt ngày. Có lúc Dụ tông ra ngoài, bà đã xem thử nhà vua đọc sách gì. Hóa ra con bà nghiền ngẫm kinh Xuân-Thu. Đọc kinh Xuân-Thu của đức Khổng Phu Tử, lại biện biệt được lẽ phải quấy, ác thiện thời gỗ đá cũng trở thành hiền nhân quân tử; xưa bà đã nghe Minh tông nói vậy.

Thật ra thái hậu đã mềm lòng. Nhiều lúc bà muốn gọi nhà vua lại, nói đôi điều hòa giải cho tình mẫu tử lại yên ấm như xưa. Nhưng bà cứ vờ nén tâm để thử thách con thêm dăm ba ngày nữa.

Tội nghiệp cho bà thái hậu nhân từ, bà đâu biết con bà sầu héo là vì nhà vua nhớ tới các cảnh hoan lạc bên cung Cảnh Linh, tự nhiên phải dứt đoạn. Nhất là Trâu Canh phục thuốc cho ông, sức lực xem ra đã sung mãn, đã rạo rực lắm rồi. Dụ tông béo hẳn ra, da dẻ đỏ lự. Hằng ngày, trước khi vào chầu thái hậu, hoạn quan Mai Thọ Dực phải lấy tro bếp trộn với sáp rồi thoa lên mặt cho nhà vua, lại dặn phải ngồi vào chỗ tối, vì mắt thái hậu kém, sẽ không

nhận thấy Dụ tông nuôi mẹ ốm mà béo ra. Còn sách, thì nhà vua cứ mở hàng chục trang một mà không đọc được chữ nào. Dụ tông đang nóng lòng chờ hòa giải xong với thái hậu, để lại tiếp tục các thú dâm bôn. Với ông lúc này, một trăm đức Khổng Tử cũng không bằng bộ ngực con mi nữ mà ông đang khao khát tới cháy lòng.

Bữa nọ thái hậu gọi Dụ tông đến bên giường phán bảo:

- Quan gia đã nhận ra lỗi lầm của mình chưa?

Lòng Dụ tông vui khôn xiết tả. Ông biết thời cơ đã đến, nhưng nếu hấp tấp thì lại hỏng. Bởi vậy ông hết sức gìn giữ lòng mình, làm ra vẻ khổ đau ân hận lắm. Ông nói lí nhí như rặn ra từng tiếng một:

- Trăm lạy mẫu hậu đại xá.

Dụ tông mới chỉ thốt ra được có sáu tiếng thôi mà bà thái hậu đã ngồi bật dậy. Mới hay lòng hiếu kính của con cái còn quý hơn nhiều lắm, tác dụng hơn nhiều lắm so với các loại sâm, nhung, quế, phụ.

Khốn thay bà thái hậu với từ tâm của người mẹ, có biết đâu những lời nói kia chỉ là lời điêu sảo. Vì không phải các việc con bà làm bị sai hỏng, mà nó sai hỏng tự cái tâm của nhà vua. Sự thật ông ta có nói gì đâu, có hứa hẹn đổi lỗi gì đâu. Mục đích của ông ta chỉ gói gọn trong hai chữ "Đại xá". Có nghĩa là xin mẹ dừng truất ngôi con.

Hiền từ thái hậu ân cần nói với nhà vua:

- Quan gia, dù sao thì mẹ con ta cũng phải kiểm xét lại cái "sớ thất trảm" của ông Chu An, xem kẻ nào đáng tội thì

phải xử để giữ nghiêm phép nước. Ta định xong rồi sẽ đưa sang viện Đăng văn, cho bọn đình úy nghị tội, theo quốc triều hình luật.

Nghe mẹ nói, Dụ tông bủn rủn cả người, nếu như bà nhất quyết đòi chém đầu cả bảy tên ấy, thì ta như người cụt hết tay chân đầu óc. Nhưng trong lòng ông không khỏi thán phục bọn kia, vì tất cả sự nghĩ hiểu của mẹ con ông, đều nằm trong dự liệu của họ cả. Vì vậy ông bình tĩnh đáp lời thái hậu:

- Trăm lạy, con xin nghe sự phán xét của mẫu hậu.

- Theo ý quan gia thì viên Chi hậu cục Mai Thọ Đức là người thế nào? Bà thái hậu lần lượt đưa ra điểm xét từng tên một.

Không cần nói vội, Dụ tông làm ra vẻ nghĩ suy đắn đo lắm. Lâu sau nhà vua mới nhẩn nha đáp:

- Tâu mẫu hậu, viên hoạn quan này được phụ hoàng con lựa tuyển, và đã được người huấn dạy chu đáo, tin cẩn. Con vẫn sắp đặt ông ta ở các công việc xưa phụ hoàng đã cho làm, chứ chưa có dám thay đổi gì. Con sợ nếu tự ý thay đổi sẽ mang tội bất kính với tiên đế. Vả lại ông ta cũng chưa có biểu hiện gì lầm lỗi.

Lại đến lượt bà thái hậu suy nghĩ. Bà buột miệng hỏi:

- Thế còn những lời buộc tội của ông Tư nghiệp Chu An thì sao?

- Lạy mẫu hậu. Chu An là một nhà giáo, nên ông nhìn các sự việc thường khắt khe.

Nghe ra cũng có lý, bà Hiến từ lại hỏi đến viên ngự y Trâu Canh.

- Tên thầy thuốc này, theo ta thời nó ác độc quá, phải trị tội. Không thể cứu một người khỏe mạnh như con, mà phải giết tới hai mươi mốt người khác. Lại còn cái chuyện y xui con làm điều thương luân bại lý với chị con. Tiếc thay, các việc ấy có nhẽ cả triều đình đều biết, cả nước đều biết, chỉ riêng mình ta, nay mới được biết! Thái hậu buông một tiếng thở dài.

Dụ tông đang trầm ngâm nhớ lại các điều mà ông đã được biết, cũng như những điều lũ "thất trảm" bầy trước cho ông. Một lát sau, nhà vua với giọng buồn bã đến thảm thiết tâu:

- Trăm lạy mẫu hậu, đúng là nếu chỉ nhìn vào các hành vi của quan ngự y, thời đáng trăm lần xử giảo. Nhưng mẫu hậu thử nghĩ lại đêm trung thu năm Kỷ mão (1339) xem?

Mới nghe nhắc đến cái đêm ghê rợn ấy, bà thái hậu đã rùng mình. Dường như cảnh ấy vẫn chưa phai trong đầu óc bà. Bà nhớ đó là một đêm trăng sáng, bà cùng nhà vua đi trên chiếc lâu thuyền để ngắm trăng Dâm Đàm[1] và xem dân gian thả các loại đèn xếp trên mặt hồ. Cảnh tượng thật

[1] Tên cũ của Hồ Tây. Dâm Đàm có nghĩa là hồ sương mù. Vì quanh năm lúc nào cũng có khói sương mờ mịt. Mãi đến năm Quý Dậu (1573) niên hiệu Gia thái đời Lê Thế tông vì kiêng tên ông vua này là Lê Duy Đàm, nên đám sử quan mới xin đổi tên hồ.

là đẹp. Cứ như cả một trời sao, sa xuống mặt nước hồ. Còn quanh hồ thì người trong các phường đổ ra rước đèn, múa lân và hát hò giao duyên vừa vui tai, lại vui mắt. Rõ là một thời thái bình. Cuộc chơi đã tàn, nhà vua và hậu lên kiệu thời không thấy hoàng tử Hạo (húy của Dụ tông) đâu cả. Hỏi nhũ mẫu, nhũ mẫu nói hoàng tử đòi lại với mẫu hậu. Đúng là lúc ấy bà có ẵm hoàng tử một lúc. Nhưng rồi hoàng tử lại đòi về với nhũ mẫu. Ai dè hoàng tử lăn xuống nước lúc nào không ai hay. Hô hoán lên, vua sai cả đội quân thủy rải ra khắp mặt hồ, và ven các bến bãi quanh hồ. May thay tìm thấy hoàng tử trôi vào cái lờ đơm cá của dân chài, nằm chết cứng trong hom chiếc giỏ thời. Người ta bắt hoàng thượng và hoàng hậu không được nhìn vào hoàng tử, họa chăng mới cứu nổi.

Lập tức Trâu Canh được triệu đến, y đã châm cứu các huyết mạch chừng đến nửa trống canh mới thấy nước trong bụng hoàng tử ộc ra, mi mắt hơi động dậy. Ngày ấy hoàng tử chưa đầy ba tuổi. Trâu Canh cũng nói hoàng tử lớn lên sẽ bị liệt dương, không thể có con được. Đúng là Trâu Canh đã cứu sống hoàng tử, nếu không bà sẽ phải ân hận suốt đời. Vì thế bà đã tâu với hoàng thượng sung Trâu Canh vào thái y viện. Còn như bây giờ Chu An nói, y cố tình làm cho thái tử bị bệnh ấy để có cớ tiến thân. Chẳng biết hư thực thế nào. Thái hậu lại nghĩ, ơn ấy coi như bà đã trả cho Trâu Canh rồi. Nhưng còn cái tội giết hai mươi mốt đứa trẻ con nhà lương dân lấy mật

làm thang thuốc, cùng cái trò vô luân bỉ ổi kia thì phải trị tội chứ.

Khó nhọc lắm thái hậu mới lại nói được nên lời:

- Thế còn các tội khác của Trâu Canh thì phải trị chứ quan gia? Như tội giết trẻ con chẳng hạn.

- Bẩm mẫu hậu, vào năm Tân mão (1351) con 15 tuổi, tức là đến tuổi trưởng thành của người con trai thì Trâu Canh dâng phương thuốc phục dương. Con thấy việc này là cần cho con, nhưng phương hại nhiều lắm, nên không dám tự quyết. Con có nói y đem trình thượng hoàng.

- Ý thượng hoàng thế nào? Thái hậu nóng lòng hỏi.

- Dạ bẩm, phụ hoàng con chấp thuận.

- Có đúng phụ hoàng con chấp thuận không?

Giọng thái hậu nửa phần nghi hoặc nửa phần lo sợ.

- Tâu mẫu hậu con không dám sai lời. Sau khi phụ hoàng con chấp thuận bèn mật giao cho hoạn quan chi hậu cục Mai Thọ Đức, là người tin cẩn lo liệu. Nếu mẫu hậu không tin lời con thời cho Chi hậu cục vào đối chất. Cả hiền tỉ con, công chúa Thiên Ninh chắc cũng chưa quên việc này.

Dụ tông nói trôi chảy, lại có phần đanh thép nữa.

Chính vì thế mà bà thái hậu thất vọng. Hình ảnh bậc minh quân đức độ như Minh tông, suốt một đời bà thờ phụng, nay cái tấm mạng che ấy rơi bịch xuống đất rồi. Bà nhìn gương mặt ông ghê tởm, như mặt của một tên đồ tể

đóng giả đấng minh quân. Còn Dụ tông thì nói làm gì. Tuổi trẻ vừa háo sắc lại háo dục, vả lại nó được cha dung dưỡng. Bà thốt ra mấy tiếng lục bục như trẻ con tập nói:

- Bất nhân! Bất nhân!

Dụ tông nghe được các lời ấy, bèn vội vã phân bua:

- Tâu, việc không phải chỉ có thế. Phụ hoàng con làm chỉ vì mẫu hậu đó thôi.

- Vì ta! Bà nói như thét lên.

- Bẩm vâng, xin mẫu hậu bình tâm để con nói. Chẳng là mẫu hậu chỉ sinh được hai anh em chúng con là trai. Huynh trưởng con vì tính tình phóng đãng nên phụ hoàng không cho nối ngôi. Việc ấy khiến mẫu hậu càng buồn. Lại nữa tới khi ấy Cung túc vương vẫn chưa sinh con. Mà thầy thuốc cho biết huynh trưởng con mắc chứng bệnh vô sinh khó chữa. Nếu con suốt đời mang bệnh, thời hai anh em con đều vô sinh. Việc đó khiến cho mẫu hậu rất buồn, vì phụ hoàng con, ngoài mẫu hậu ra còn nhiều bà phi khác, con cháu đông đúc chả nói làm gì.

Thái hậu chép miệng thở dài:

- Ta không ngờ thượng hoàng hẹp lượng thế. Các con cháu của thượng hoàng không phải là con cháu ta sao. Với lại, ta thà không có cháu ruột còn hơn phạm vào tội ác giết người.

Dụ tông cảm thấy buốt nhói ở trong lòng. Ông tự nghĩ: "Vậy là mẫu hậu không thương ta, không cảm

thông với nỗi khổ đau bệnh tật của ta". Nhà vua sấp nói, mà không hề nghĩ rằng mình nói ra những điều tàn nhẫn, bất nhân.

- Con thấy mẫu hậu không nên quá quan hoài đến vài chục cái mặt của đám trẻ con bẩn thỉu kia. Thử hỏi, mạng sống của chúng có gì đáng quý. Đến hàng ức vạn đứa cũng thế thôi, cứ gì vài chục đứa. Trời sinh ra thế. Phượng hoàng ăn thịt các loài chim thú yếu hơn nó. Con hổ ăn thịt con chó sói. Con chó sói ăn thịt con cáo. Con cáo ăn thịt con thỏ... Còn như sinh mệnh của trăm họ đều thuộc quyền vua. Vua muốn làm gì thì làm. Xin mẫu hậu cho qua chuyện ấy để khỏi mang nỗi u buồn, có hại cho tuổi già.

Nghe Dụ tông nói, thái hậu rụng rời hết cả tay chân. Bà không ngờ. Thật không ngờ con bà lại ác độc đến thế. Bà không nói được lời nào nữa. Nước mắt bà cứ xối tuôn ra không cầm giữ được.

Thấy mẹ buồn, lại có ý như giận cả hai cha con nhà vua, nên Dụ tông nói thêm để an ủi mẹ:

- Vả chăng mẫu hậu nên biết, phụ hoàng con làm các việc đó cho con, không phải chỉ vì con, mà còn vì mẫu hậu như con vừa nói. Thêm nữa, phụ hoàng con muốn nhân việc này chuộc cả sự lầm lỡ về cái án của quốc phụ thượng tể năm Mậu thìn (1328).

Dụ tông không ngờ, ông đã khoét sâu vào vết thương không bao giờ kín miệng của mẹ từ hơn ba chục năm nay.

Thái hậu ngồi phắt dậy. Đôi mắt bà ráo hoảnh, vằn những tia máu. Bà nhìn thẳng vào cặp mắt của Dụ tông, nhưng không thấy gì cả. Mắt bà lạc đi như mắt người điên. Hiện ra trước mắt bà là máu. Máu của bố bà chảy phọt lên từ chiếc cổ không đầu, nhuốm đỏ toàn thân, lênh láng thành vũng dưới chân cột pháp trường. Còn chiếc đầu rụng xuống đất, mắt vẫn mở trừng trừng, như là ngơ ngác tự hỏi: "Vì sao ta chết?".

Vụ án như một vết nhơ không bao giờ gột rửa được của triều Minh tông. Chính Minh tông đã giết chú mình cũng tức là giết bố vợ mình - người mà ông ta tôn làm quốc phụ thượng tể.

Chuyện thật là vớ vẩn. Chỉ vì bè này đảng nọ, chỉ vì hiềm khích, chỉ vì tham vọng quyền lực và ngôi báu. Tên vô lại Cương đông Văn Hiến hầu đem một trăm lạng vàng đút lót cho thằng Trần Phẫu, gia thần của cha ta, để nó vu cho cha ta là mưu phản. Việc này còn có tên hành khiển thiếu bảo Đỗ Khắc Chung tòng phạm, cùng với người đồng hương ở Giáp Sơn là thái phi Lê thị - kẻ đã sinh ra thái tử Vượng (Hiến tôn), mưu đánh đổ cha ta, cũng tức là đánh đổ ta để lập con thị.

Chuyện không có chứng cớ gì mà Minh tông giết cha ta. Nhớ ngày ấy, nhà vua nhốt cha ta vào ngục không cho ăn uống. Ta phải mặc áo ướt vào trong tù thăm cha, rồi vắt kiệt áo lấy nước cho cha uống. Chao ôi, nhớ mãi ánh mắt cha ngày ấy. Đó là thứ ánh sáng sầu thảm, ai oán và căm

giận. ánh sáng kết tụ từ đôi mắt cha ta, là mối oan khuất muôn đời không gì hóa giải được.

Thế rồi chỉ vài năm sau, vì ghen tuông, vợ tên Phẩu đã tố giác việc này ra. Minh tông vờ hối hận, cho phục các chức tước hão, còn cha ta thì chết thật! Lại đến bây giờ phải nghe thằng con ta nói vài chục mạng người, hàng ức vạn người có giết đi thì cũng chẳng việc gì phải hối. Nó lại ví nó với cha nó, cái lũ làm vua ấy, dẫu có ăn thịt người thì cũng giống như con hổ, con sói ăn thịt các loài cáo, cầy, thỏ, chuột. Ôi, những tên vua hung bạo, đúng là những con hổ, con sói hai chân.

Thái hậu rền rĩ, lòng bà như rỉ máu. Bà tự nói với mình. "Bất hạnh thay, ta đã lấy phải một con hổ hai chân, rồi lại sinh ra một con sói hai chân nữa. Tiếc thay chúng không có vằn lông mà lại khoác hoàng bào, đội vương miện nên người đời khó nhận ra. Lịch sử có thể tôn Minh tông như một đấng minh quân thì kệ thây lịch sử. Với ta, ông ấy chỉ là một tên nghịch tử, bất hiếu, bất mục - một đấng ngu quân trở thành bạo chúa".

Thái hậu mệt mỏi - lịm ngất đi, nhưng Dụ tông lại tưởng bà thiếp ngủ, nên nhà vua lui xuống chiếc ghế ở chỗ tranh tối tranh sáng, để lại đọc cuốn thánh thư của đức Khổng Phu Tử.

Việc xét định "thất trảm sớ" còn kéo dài vài ba ngày nữa. Nhưng Dụ tông đã biện minh cho tất cả bọn chúng trắng án. Vì một lẽ rất giản đơn rằng, các vị đại thần ấy,

công thần ấy thuần là người của tiên đế để lại, mà tội trạng thì chưa có gì minh bạch cả. Hoặc có người mà tiên đế đã tha cho từ trước, như Trâu Canh chẳng hạn.

Thật ra thì không phải chỉ có bảy tên như Chu An đòi trảm, mà là tám tên kia. Bởi bữa trước tại triều, bà Hiến từ thái hậu đã chỉ vào Dụ tông nói: "Ta còn muốn chém tên thứ tám nữa!". Và nếu như việc đó có xảy ra, thời cũng phù hợp với ý nguyện của muôn dân.

Bảy hoặc tám tên gian quân, gian thần thời Trần Dụ tông tuy thoát cảnh rơi đầu, nhưng bản án của chúng do một con người phách lực như Chu An cáo giác, thì vẫn còn treo lơ lửng trên đầu mọi triều đại.

III

Thế là vụ sớ "thất trảm" của Chu An bị đẩy lùi vào dĩ vãng. Lũ "thất trảm" được vua về hùa thắng thế, càng huênh hoang lấn lướt các bậc trung thần. Chúng còn phao tin rằng sớ "thất trảm" chỉ là cuộc gây rối của một ông đồ gàn, khí tiết hão, may mà hoàng thượng nể mặt là thầy học, nếu không thì Chu An cũng mất đầu rồi.

Bọn chúng tha hồ thao túng, mà Dụ tông thì cứ mỗi ngày một mê muội đắm chìm trong sắc dục. Nghi thánh hoàng hậu - công chúa Ý Từ[1], con gái của bình chương sự Huệ túc vương; cùng thứ phi Triều Mân[2] - con gái của thái úy Nguyên Trác, bấy lâu Dụ tông cũng bỏ mặc trong cảnh phòng không gối lẻ.

Viên hành khiển tả ty lang trung Nguyễn Thanh Lương còn giảng giải cho Dụ tông mọi nhẽ huyền vi của trời đất. Rằng số của Dụ tông lẽ ra phải chết từ năm ba tuổi. Vì

---

[1] Ý Từ với Dụ tông là anh em họ nội.

[2] Triều Mân là cháu ruột của Dụ tông. Vì Nguyên Trác với Dụ tông là anh em cùng bố khác mẹ.

trong thân, mệnh cung của nhà vua tuy có Thiên khôi[1], Thiên quý[2], Thiên tài[3], nhưng bị Địa không[4], Địa kiếp[5], Phi liêm án ngữ. May mà cung phúc đức lại có Thiên Đức[6] với Tả phù [7], Hữu bật[8] giải cứu, nếu không thì khó thoát cái hạn năm ba tuổi ở hồ Dâm Đàm.

Nhưng xét cung điền trạch có chính tinh Liêm trinh[9], là ác tinh tọa thủ. Lại hợp với một bầy ma quỷ là Hóa kỵ[10], Tang môn[11], Đại hao[12] cùng các hung tinh là Hỏa[13], Linh[14] hội tụ, thì nhà vua không thể cư ngụ trong những chính điện do các tiên đế để lại được. Ngay từ đầu năm chúng đã mời Dụ tông về ngự hẳn tại cung Cảnh Linh. Sự thật, Cảnh Linh là nơi xa cung Thánh Từ nhất, bà thái hậu không dễ dàng lui tới kiềm chế.

Ngay cung Cảnh Linh, chúng cũng cho là không hợp với tuổi xuân của nhà vua. Phải tạo lập các cung thất mới, hợp với số mệnh của vua, may chăng hoàng thượng còn trường thọ mà hưởng thụ các thứ quý lạ ở trên đời.

Việc này, Dụ tông còn băn khoăn lắm. ở hẳn cung Cảnh Linh thì ông không phản bác gì. Bởi vì đây là cung sang quý nhất trong các cung điện mà các bậc tiên đế để lại. Chẳng thế, hồi quân Nguyên xâm lấn, Thoát-hoan cũng chọn cung này làm nơi hành lạc. Nhưng còn việc xây cất hàng loạt cung thất mới, thì lấy đâu ra tiền bạc mà

[1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14] Tên các ngôi sao trong số tử vi của Dụ tông.

làm, Dụ tông đem điều đó hỏi lại hành khiển tả ty Nguyễn Thanh Lương.

Nguyễn Thanh Lương ung dung đáp:

- Tâu hoàng thượng, thần vì sự trường cửu của triều ta mà ra công sắp đặt việc xây cất, kỳ cho hoàng thượng thấy được cảnh tiên nơi hạ giới này mới nghe. Còn tiền bạc thì dựa vào quốc khố. Việc này chỉ có quan hữu ty mới biết rõ. Nói rồi y hất hàm sang phía hành khiển Tâm Đức Ngưu.

Tâm Đức Ngưu cười khẩy, rồi y nghiêm mặt tâu:

- Trình thánh thượng, nếu thánh thượng cho những điều chúng thần tâu là vì thánh thượng, thời chỉ xin thánh thượng châu phê, còn tiền bạc thì thánh thượng khỏi phải quan hoài đến, thần đã có cách.

- Tức là khanh lại tăng thu thuế khóa? Dụ tông hỏi.

- Tâu bệ hạ, tiền của ở trong dân như nước, lấy lúc nào, lấy như thế nào, mẹo ấy là ở chúng thần, còn thuế khóa cũng chỉ là một phương sách thôi ạ.

Dù sao thì Dụ tông cũng còn phân vân. Sau cái vụ "sớ thất trảm" ông vẫn chưa hoàn hồn. Vả lại còn những tay trung thần lẫm liệt như Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Sư Mạnh, Lê Quát... cùng biết bao các vương hầu như Trần Nguyên Đán cũng là tướng kiêm thông văn võ kiệt hiệt lắm, dễ gì che tai bịt mắt họ.

Đùng một cái, trời không mưa không gió mà sét đánh sạt một góc điện Thiên An. Từ cung Cảnh Linh trở về, xem

tận mắt một góc điện cháy đen thui, đất dưới nền điện sụt sâu hàng trượng, rắn như gạch nung, Dụ tông tái mặt. Trong bụng nhà vua hoang mang sợ hãi lắm.

Từ đấy, lũ "thất trảm" nói gì nhà vua cũng tin. Vài ngày sau đó, cung điện mới được hưng công. An phủ sứ các lộ ngày đêm hối thúc dân vào rừng già kiếm tìm gỗ quý như ô mễ[1], gụ, lim, đinh, vàng tâm, thạch lát[2]. Số lượng, kích thước, chủng loại triều đình đều đã có phân bổ và quy định rõ ràng, tới mức không gì có thể lầm lẫn được. Các lộ, trấn còn phải săn lùng cho bằng được các thứ chim quý, thú lạ, các kỳ hoa dị thảo cùng là kỳ nam, trầm hương, tùng hương; các loại ngọc quý, đá quý để trang điểm cho vườn ngự và trang trí cung thất. Những loại này tùy từng địa phương có sản vật hay không mà phân bổ. Các địa phương không có sản vật, được nộp bằng tiền hoặc vàng thay thế.

Ngoài ra các lộ cũng phải cung hiến thợ giỏi, gạch, đá cùng phu phen tạp dịch và gạo thóc đem theo tự nuôi lấy thợ của mình.

Lại nói về bà Hiến từ thái hậu, từ sau bữa nổi trống coi chầu ở điện Thiên An, và sau các cuộc bàn luận với Dụ tông về lũ gian thần trong sớ "thất trảm" của Chu An thì tinh thần bà sụp hẳn. Bà không hề màng tới việc con bà

---

[1] Ô mễ: gỗ mun, sắc đen.

[2] Thạch lát: Loại gỗ lát mọc trên núi đá, vân đẹp như tranh vẽ.

làm những điều phải quấy, ác thiện ra sao nữa. Bà thây kệ sự đời. Bà chỉ xót đau cho thân phận cha bà bị chết thảm thương, oan uổng. Cũng từ bữa Dụ tông khơi lại chuyện cũ, bà căm ghét cả hai cha con nhà vua. Dạo này bà hay đi cúng cầu lễ bái ở các cửa đền, chùa. Lòng bà rất muốn chịu pháp giới nhà Phật cho thanh thản, nhưng đã trót hứa với Minh tông trước khi ông ta qua đời. Vì ông ta cứ nài nỉ: "Sau khi ta chết thì ngươi nên ở lại cung Thánh Từ, đừng xuất gia".

Không xuất gia, nhưng Hiến từ vừa nhờ vị hòa thượng ở chùa Diên Hựu thiết lập một điện thờ Phật tại gia ở ngay Song hương đường[1]. Thái hậu chưa nghĩ đến cái chết, nhưng thực tình bà chán ngán hết thảy. Ngay cảnh lầu son điện ngọc, với bà cũng chỉ là một thứ giam cầm trói hãm.

Dụ tông hụp lặn trong trường hoan lạc dâm bôn với lũ gian thần không gì ngăn cản được đã đi một nhẽ, song còn Cung túc vương Nguyên Dục, huynh trưởng của nhà vua thì sống ra sao?

Nếu như Dụ tông vì thể diện là đấng quân vương, các trò khả ố chỉ diễn ra trong cung Cảnh Linh cùng với một số gian thần, thì Cung túc vương Nguyên Dục không có gì phải gìn giữ. Ông ta hành lạc ở bất cứ nơi nào ông ta muốn. Nhất là từ năm Đinh dậu (1357), thượng hoàng Minh tông mất đi, không còn ai chế hãm nữa thì anh em

---

[1] Nơi ở chính của thái hậu trong cung Thánh Từ.

Dụ tông càng đi sâu vào con đường phóng đãng. Và nữa, ngay cả khi Minh tông còn sống cũng không ngăn được Nguyên Dục. Nhớ một bữa Nguyên Dục đi xem đám giáo phường trình diễn tích "Vương Mẫu hiến bàn đào". Chính là gánh hát của vợ chồng nhà Dương Khương. Thấy Dương thị (vợ của Dương Khương) đóng vai Vương Mẫu đẹp quá, hát hay quá, Nguyên Dục mê liền. Dương thị quả là một người đàn bà nhan sắc. Nàng có khuôn mặt trái xoan thanh tú, chiếc mũi nhỏ và thẳng, đôi môi đỏ mọng lúc nào cũng chúm chím như hé cười. Mà khi nàng cười thì hai hàm răng của nàng ánh lên như những viên ngọc tỏa sáng. Giọng hát của nàng mới mê đắm làm sao.

Khi nàng đã cất tiếng lên, chẳng khác gì tiếng chuông vàng trong trẻo, cứ len lỏi vào tận đáy sâu huyết quản ta, óc não ta, và nó cứ ngân vang mãi mãi trong lòng ta. Lại đôi mắt nàng nữa chứ, đôi mắt lá răm lúng liếng như là có thần nhãn, vì nó phát hào quang trùm sáng cả gương mặt ai được nàng nhìn tới. Còn tóc nàng thì là cả một suối mây đen nhức. Và da nàng mịn trắng với hai má hồng mũm mĩm như hai trái đào tiên.

Ngay từ phút đầu, Nguyên Dục đã được mắt nàng soi chiếu, khiến cho tâm hồn đại vương cứ bấn loạn cả lên. Đại vương len vào giằng lấy trống chầu. Nhưng hết cả một tích trò, đại vương cứ đờ đẫn như người ngây, không điểm được một tiếng trống nào đúng nhịp.

Tích trò đã mãn, phường đã xếp gánh mà Cung túc vương tay vẫn khư khư nắm chiếc dùi trống, mắt vẫn cứ còn dán vào phía sau cánh gà.

Dương Khương khúm núm quỳ trước Cung túc vương mà rằng:

- Bẩm đại vương, chẳng hay đám giáo phường chúng tôi có phạm điều gì bất kính với đại vương không, mà mãn cuộc trò vẫn chưa thấy đại vương hồi quý phủ?

Cung túc vương giật mình nhìn xuống, hóa ra không phải là "Vương Mẫu". Ông hơi bực mình gắt:

- Nhà ngươi muốn gì?

- Dạ tâu đại vương, trò đã mãn rồi ạ.

- Ờ, ờ... Cung túc vương như vẫn còn mê đắm "Vương Mẫu" mà chính là Dương thị thủ vai. Đoạn ông lại hỏi:

- Ai là chủ gánh trò này?

Dương Khương đáp:

- Tâu đại vương, chính là kẻ tiểu nhân này.

- Chẳng hay "Vương Mẫu" là ai đó? - Nguyên Dục hỏi.

- Dạ bẩm, mụ đó là vợ của tiểu nhân.

Cung túc vương trừng mắt quát:

- Hỗn! Sao ngươi dám gọi "Vương Mẫu" là mụ? Ta cấm đó, từ nay chỉ được gọi nàng là "Vương Mẫu".

- Dạ, xin tuân ý bề trên.

Vậy là từ đấy Dương thị mang tên "Vương Mẫu", ngay cả khi thị không đóng tích trò.

Rồi Cung túc vương xuống lệnh:

- Toàn ban hát của nhà ngươi về phủ ta diễn một tháng.

Dương Khương mỉm cười nịnh bợ. Trong thâm tâm y cũng linh cảm có một điều gì đấy chẳng lành, nên y khéo léo chối từ:

- Bẩm vương, tích diễn của bản phường ít lắm ạ, làm sao mà mua vui được cho đại vương lấy cả tháng.

- Ngươi có mấy tích trò cả thảy - Nguyên Dục hỏi.

- Trình bề trên, chúng tôi chỉ có ba tích thôi ạ.

- Tích gì?

- Dạ! Một là "Vương mẫu hiến bàn đào".

- Ta biết rồi! Cung túc vương ngắt lời - Nói các tích khác.

- Dạ! Tích thứ hai là "Chung Vô Diệm phó hội kỳ bàn". Tích thứ ba là... là... - Dương Khương ấp úng.

Cung túc vương gắt:

- Là cái gì, ngươi không biết à?

Dương Khương đỏ mặt với vẻ ngượng ngùng nói khẽ:

- Dạ, tích thứ ba là "Dương Khương lập nghiệp".

Cung túc vương sửa luôn:

- Ngươi nói sai rồi. Có phải ngươi muốn nói tới tích Khương Tử Nha giúp Vũ Vương mở nghiệp cho nhà Chu?

Dương Khương ngượng chín người, nói lại:

- Bẩm vương, "Dương Khương lập nghiệp" chính là tích trò kể về kẻ tiểu nhân này.

- Sao lại thế? Nguyên Dục ngạc nhiên hỏi.

- Dạ bẩm, vợ chồng tiểu nhân thường bảo nhau: "Đời chúng mình cũng lắm chuyện hay, tội gì không đem ra diễn cho thiên hạ xem". Thế là hai vợ chồng kẻ tiểu nhân này bèn sắp xếp lại thành tích trò, và diễn.

- Có hay không? Công chúng có xem không?

Nguyên Dục hỏi.

- Dạ, công chúng xem còn đông hơn cả các tích khác. Bởi vì vợ chồng tiểu nhân diễn cứ gọi là khóc thì khóc hết nước mắt, mà cười thì cười xoắn cả ruột lại.

- Thôi, thế là đủ rồi, các ngươi vào luôn phủ ta nghỉ đêm nay.

- Dạ, xin đại vương rộng cho khi khác.

- Không được. Ta đã bảo vào phủ ta là phải vào.

Dương Khương lại xin:

- Dạ, tâu bề trên, ngày mai làng tôi mở hội, chúng tôi phải về diễn cho dân làng xem.

Dương thị giấu mặt, nhưng nghe thấu cả chuyện bèn chạy ra trước Nguyên Dục vòng tay kính cẩn nói, thị vẫn còn giữ nguyên áo mũ "Vương Mẫu".

- Tâu đại vương, chồng thiếp là kẻ quê mùa thường hay thủ tín, nhất là với dân làng, nơi mình sinh sống suốt đời. Nhưng thiếp tôi trộm nghĩ, cơ may được ra mắt đại vương thời ngàn năm chỉ có một lần thôi, nên không được phép chối từ.

Vả lại mình ạ, thị nhìn vào mắt chồng nói - với dân

làng, vợ chồng mình đành nộp khoán vậy chớ sao. Mà biết ta diễn trong phủ đại vương đây, thì đến bố làng cũng chẳng dám động đến chân lông vợ chồng mình, chứ còn nói gì khoán với vạ. Thị lúng liếng đôi mắt như ngầm bảo với chồng: - "Cứ nhận nhời di, sao mình ngu thế".

Cung túc vương thấy ánh mắt nàng liếc xéo sang vương, khiến vương càng thêm mê đắm. Và Cung túc vương lên kiệu về trước, gánh hát của vợ chồng nhà Dương Khương nối bước theo sau.

Đêm sau, đêm sau nữa, lại đêm sau nữa, Cung túc vương Nguyên Dục chỉ đòi diễn có một tích: "Vương Mẫu hiến bàn đào". Và lửa dục bốc lên, vương muốn đuổi Dương Khương đi, chiếm trọn "Vương Mẫu" cho mình.

Trong ba đêm ba ngày ấy, Dương thị như bắt mất hồn vương. Và thị cũng thừa biết vương mê đắm thị. Vì thế, thị càng chao mắt đưa tình, càng cao giọng hát cả những khi không có diễn trình gì.

Một hôm Cung túc vương cho đòi Dương Khương lên tận gác tía trên đại điện. Vương nói:

- "Vương Mẫu" đã vào phủ ta là không ra được, ngươi phải nhường nàng lại cho ta. Ngươi muốn lấy gì ta cũng đổi.

Dương Khương cũng đã liệu tính, cơ sự sẽ diễn ra như vậy. Y lớn tiếng cười, như Đổng Trác cười trong "Phụng Nghi Đình".

- Ngươi cười gì? Vương hỏi.

- Đại vương nghĩ quẩn rồi. Ai lại đi đổi vợ. Nếu vậy vợ

đổi vợ. Đại vương lấy vợ tôi, tôi lấy vợ của đại vương. Đó là luật chơi trong sự đổi chác. Đổi hòa. Đại vương nghĩ sao?

- Hỗn! Vương mắng - Ngươi là tiện dân, sao dám sánh với vợ ta.

- Sao vương sánh với vợ tôi thì được? Dương Khương lại cười lớn, khiến vương càng tức.

- Ta không giỡn với ngươi đâu. Hỗn là mất đầu. Vợ ngươi sẽ là thiếp của ta. Còn ngươi hoặc là lấy 100 đĩnh vàng. Hoặc là lấy mười cung nhân trẻ đẹp như "Vương Mẫu". Hoặc là ngươi muốn lấy cả hai thứ ta cũng cho. Miễn là "Vương Mẫu" thuộc về ta.

- Đại vương nghe tôi nói đây! Dương Khương cao giọng - Đại vương có đổi cả vương phủ và thái ấp cùng các chức tước của đại vương để lấy nàng, tôi cũng không đổi. Chúng tôi lấy nhau vì yêu nhau, đã thề trước đền thiêng cùng sinh cùng tử. Chúng tôi đầu gối, tay ấp chưa bao giờ dời nhau nửa bước. Nếu đại vương tính chuyện ức hiếp thì một là tôi chết hai là đại vương phải chết.

Nguyên Dục giật mình đứng dậy canh chừng.

- A, ngươi dám phạm thượng! Ta chỉ hô lên một tiếng là ngươi rụng đầu.

Dương Khương cười khẩy.

- Tôi đã làm gì đại vương đâu. Chắc là người phải chết sẽ là tôi. Mà nếu tôi chết, thì nàng "Vương Mẫu" của tôi cũng tự vẫn liền theo, đại vương không có cách gì ngăn được nàng đâu.

- Ngươi nghĩ kỹ đi, ngươi còn có cha mẹ nữa chứ, đừng tính chuyện liều. Ta bảo thật, ngươi cứ lấy quách 100 đĩnh vàng cùng mấy đứa hầu non của ta, sung sướng suốt đời.

Mắt Dương Khương đỏ sọc nhìn thẳng vào mặt Nguyên Dục, y nói:

- Mất nàng, những thứ đó của vương chỉ đáng giá như một cục phân. Y nói thế rồi bỏ lửng. Với Dương Khương, đây cũng là một tích trò mà y đang diễn tới điểm nút. Y tự biết cái giá của mình lắm. Thật ra vợ chồng y đã có bàn bạc kỹ lưỡng với nhau rồi. Y đang sắp xếp đến chỗ hạ màn. Khương lại tiếp - Thôi được, ý bề trên là ý trời. Tôi sẽ để "Vương Mẫu" lại vương phủ cho đại vương.

- Chao ôi, ngươi thật là cao thượng! Nguyên Dục thốt lên với vẻ hoan hỉ.

- Nhưng... Khương ngập ngừng.

- Lại còn nhưng gì nữa? Hả, thế ngươi còn muốn gì nào? Ta mong ngươi không đổi ý.

- Nhưng tôi muốn báo trước cho đại vương biết một điều mà chưa chắc đại vương đã ưng ý. Nàng là một người đàn bà độc nhất vô nhị trên thế gian này. Nếu đại vương đã được ngủ với nàng một lần. Tôi chỉ nói một lần thôi, thì tất cả các loại đàn bà con gái khác, kể cả công chúa, quận chúa, cả tiên sa cá lặn gì thì cũng đều là một thứ giẻ rách hết. Vì vậy các bà vương, các cung nữ của vương sẽ căm ghét vương lắm đấy.

- Trời, ta không ao ước gì hơn thế! Vì vậy ta mới đổi cho ngươi cả một chục đứa hầu non.

- Một chục cái giẻ rách. Tôi không thèm. Dương Khương nhấn giọng - Tuy vậy, tôi vẫn để nàng lại cho đại vương với hai điều ước thúc sau đây.

- Sao, chỉ có hai điều thôi ư? Đến cả hai trăm điều, hai ngàn điều ta cũng nhận - ngươi nói đi!

Dương Khương hắng giọng rồi nhìn trước nhìn sau trong khắp gian điện. Bỗng y hạ thấp giọng:

- Đây là điều tối mật, đại vương thử xem có kẻ nào nghe trộm được không.

Nguyên Dục ngó quanh ngó quẩn rồi vào.

- Không có ai cả, ngươi cứ nói đi.

Nhìn xoáy vào đôi mắt hau háu của Nguyên Dục, Khương tiếp:

- Hiện thời nàng đã có thai được hai tháng. Nhưng đứa con đó phải là con của Đại vương. Đại vương hiểu ý tôi chứ.

- Hiểu, hiểu. Ta hiểu. Đúng rồi, nó là con ta. Nó mang họ ta. Nó kế nghiệp ta.

- Đấy là một điều ước.

- Thế điều thứ hai nữa là gì?

- Điều thứ hai là thi thoảng tôi phải được ghé vào cung phủ thăm mẹ con nàng. Tất nhiên, sự ra vào ấy là phải che mắt thế gian.

Lại đến lượt Cung túc vương im lặng. Vương cảm thấy bứt rứt.

- Ngươi làm ta khó xử quá! Vương thốt lên - Chính điều

ước thứ hai này làm ta bận tâm đấy. Hay là ngươi cứ dứt khoát với một cái giá nào đi. Thật đắt cũng được. Ta không tiếc của đâu.

- Tôi đã kính báo với đại vương như thế là cạn nhẽ. Tôi không cần vàng ngọc, không cần hầu non gái đẹp. Đại vương thử đặt mình vào địa vị tôi, thử một chút thôi, xem nên như thế nào là phải. Kẻ tiện dân như chúng tôi, đúng là không có một tí ti quyền hành nào cho bản thân cả. Không có một thứ gì để che đỡ cho sinh mệnh của mình. Pháp luật là của các vương hầu và quan lại. Nhưng chúng tôi có một cái quyền duy nhất, mà ngay cả đến đức vua cũng không thể tước đoạt được. Bước cùng quẫn là chúng tôi phải dùng đến nó.

- Cái gì vậy? Nguyên Dục hỏi với vẻ tò mò.

- Cái chết! Dương Khương đáp một cách thản nhiên, cứ như là vợ chồng y có thể chết ngay trước mặt vương.

Nguyên Dục hơi chột dạ, vương nói:

- Thôi được, ta nhận cả với ngươi hai điều ước thúc đó. Nhưng ta cũng phải ước lại với ngươi một điều. Rằng ngươi chỉ thăm viếng nàng và đứa nhỏ thôi. Không được tiết lộ ngươi là cha nó. Không được tư thông với nàng. Bội ước là mất mạng.

- Tôi chấp nhận! Dương Khương cười khẩy - Vương đa nghi quá. Vậy xin vương lập tờ bảo chứng. Cả ba người cùng ký, và mỗi người giữ một bản.

- Được!

IV

Trước viện đăng văn có xây một cái lầu nhỏ, và treo ở đấy một chiếc trống cái. Mặt trống to đến hai thước bảy tấc rưỡi. Tang trống sơn son, thếp rồng vàng uốn lượn cùng những lọn mây rực lên như ngọn lửa. Ý chừng đấy là lửa công lý.

Trống ấy để cho những người có nỗi oan khuất, kêu mãi không thấu cửu trùng, thì đến đó thúc lên một hồi ba tiếng, khắc có người ở Viện đăng văn, tức là cơ quan luật pháp cao nhất của triều đình ra tiếp. Muốn đánh trống ấy, phải leo lên một chiếc thang cao quá đầu người mới lấy được cái dùi.

Nhưng lâu nay, suốt ngày đêm người trong nước đổ về đông như trẩy hội. Họ chen chúc nhau tranh dùi trống, mấy lần suýt gây án mạng, mà tiếng trống thì không bao giờ dứt được.

Viện đăng văn không đủ người tiếp dân. Vả lại, dẫu có tiếp cũng không có cách nào xử hết được các điều oan khuất nhan nhản trong dân, nhiều như lá cây trên rừng.

Vì vậy quan đình úy đã cho đốt chiếc thang ấy đi, và

phái hẳn một đô quân đến canh không cho ai vào trong lầu trống. Dân các lộ trong nước, những ai còn chưa biết việc này, kéo về kinh sư, ngó nhìn chiếc trống từ xa, chửi đổng vài câu rồi cắp đít đi liền. Bởi thế, Viện đăng văn trở nên vắng ngắt. Và hai mặt trống da đã mốc xanh. Đây là học đòi chính sách thân dân từ đời Lý Thái tổ.

Đời Thái tổ, Thái tông da trống cũng mốc xanh như bây giờ. Không phải người ta đốt thang, giấu dùi và rải lính canh nghiêm ngặt, mà vì dân tình không có ai bị oan ức tới mức phải kêu cầu, để cất công về kinh sư gõ trống.

Ấy thế mà một buổi sớm kia, khi tam cung lục viện đang im ắng, thì bỗng tiếng trống từ Viện đăng văn hối thúc đến náo loạn cả kinh thành. Các quan đình úy, tự khanh, thiếu khanh và ngay cả tốp lính canh lầu trống cũng nhìn nhau ngơ ngác đến hoảng loạn. Vì lầu trống, không những vẫn có quân canh, mà cửa lầu lâu nay lại còn được gài vào một ổ khóa lớn. Hai cánh cửa lầu vẫn khép kín, ổ khóa vẫn im ỉm nằm kia, nhưng đúng là trong lầu có người đang thúc trống.

Cả một đô lính hò hét, dáo mác bao vây lầu trống. Khi hai cánh cửa mở toang ra, người ta thấy một bà già tóc bạc trắng đang ngồi vắt vẻo trên chiếc xà ngang, vẫn giương thẳng cánh nện dùi xuống mặt trống mỗi lúc một thêm hối hả. Trên nóc lầu, một mảng trời sáng hiện ra to bằng chiếc sàng gạo. Chính bà lão ấy đã rỡ ngói chui vào lầu từ đêm mà lính canh không biết.

Đích thân quan đình úy ân cần mời bà vào viện.

Bà lão mệt như muốn ngất. Mồ hôi toát ướt hết áo, tóc hai bên mang tai bà cũng bết dính lại. Nhưng đôi mắt bà rực sáng, đến nỗi ta có cảm giác, đặt vào đó một dúm bùi nhùi, lửa sẽ bùng lên. Quan đình úy hơi cúi xuống, tuồng như ông sợ nhìn vào đôi mắt ấy. Nhiều năm trong cuộc đời làm cái nghề án tích này cho ông biết, những người như thế, đừng có chọc giận họ. Vì vậy, ông bỏ qua tất cả những gì gọi là lỗi lầm khi bà đột nhập lầu trống như một tên đạo chích, mà nhẹ nhàng hỏi:

- Vậy chớ lão bà có điều gì oan khuất cần đến cán cân công lý.

- Ai giữ cán cân công lý ở đây? Bà bất chấp cả lễ nghi trên dưới. Bà hỏi cứ như bà là quan tòa chứ không phải nạn nhân.

Cũng không chấp nê với người đang oan ức, lòng đầy oán hờn. Quan đình úy nhẹ nhàng đáp:

- Tôi đây, lão bà. Tôi là đình úy tự khanh. Đây là Viện đăng văn, cơ quan luật pháp cao nhất của triều đình.

- Thế ông đình úy đây, có phải tên là Nguyễn Trung Ngạn không? Nếu là ông Ngạn thời tôi mới nói hết khúc nhôi để ông xét.

Quan đình úy rất lấy làm đau lòng, vì như thế có nghĩa là tiếng tăm đã đồn khắp trong dân, rằng ông không phải là kẻ đại diện trung thực cho cán cân công lý. Tuy suốt đời ông giữ một lòng ngay thẳng, thanh liêm, nhưng đúng là

ông chưa dám làm một việc gì đụng đến các đại quan khi họ mắc trọng án. Ông đành nói với bà lão:

- Có phải bà lão chỉ muốn gặp quan đại hành khiển, thượng thư hữu bật kiêm tri khu mật viện Nguyễn Trung Ngạn không?

- Dạ phải! Tôi chỉ tin có ông ta mới là người chính trực. Lúc này lão bà xem ra đỡ mệt hơn, bà ăn nói đã có vẻ bình tĩnh và lễ độ hơn.

- Thật đáng tiếc, bây giờ đại quan không coi sóc bên thẩm hình viện nữa, thì làm sao mà xét án cho bà.

- Không. Đã là người tốt thì việc gì mà chả làm được. Bố tôi là một ông đồ nho. Tôi vẫn thấy ông dạy đám học trò "kiến ngãi bất vi vô dũng dã!"[1].

Quan đình úy thở dài, và có phần như tự hổ thẹn, vì mình đứng đầu cả cái cơ quan pháp luật của triều đình mà dân không tin.

May thay, lúc đó có kiệu của quan đại hành khiển vào. Quan đình úy chỉ cho bà lão hãy ngồi tạm vào chiếc ghế phía sau bức bình phong.

Theo hầu quan đại hành khiển có viên thư lại, bê cả một đống hồ sơ đặt lên mặt án. Liền đó quan đại hành khiển Nguyễn Trung Ngạn nói luôn:

---

[1] Thấy việc nghĩa mà không ra tay hành động thì không phải là người dũng lược vậy!

- Các đô phong đoàn[1] ở hai châu thượng hạ Hồng[2], bắt được một số tên trong đảng của Ngô Bệ đang hoành hành ở vùng Trà Hương[3], thanh thế của tên này lớn lắm. Chúng dám ra mặt đánh phá các châu, quận và bắt giết nhiều xã quan. Vậy bản chức nhờ quan đình úy cùng toàn thể các vị bên Đăng văn viện tra xét việc này cho sáng tỏ, để sớm dẹp yên đám giặc ấy cho dân chúng yên ổn làm ăn.

Lão bà ngồi nghe không sót một tiếng. Thấy nói đến cái tên Ngô Bệ, bà nghe quen quen. Hình như dân Thanh Hóa của bà, người ta đang xì xào bàn tán rủ nhau theo Ngô Bệ. Nhiều người bảo cái ông tướng cướp này nhân đức lắm. Ông ta thuần cướp của bọn quan lại tham nhũng, bọn phú hào vơ vét của dân. Cứ gọi là chúng có gì, ông ta cho quân lấy hết. Rồi lại đem chia khắp cho người nghèo. Thật khác với triều đình như mặt trăng với mặt trời. Triều đình thì chuyên cướp (thôi thì sưu cao thuế nặng với đủ các thứ đóng góp phục dịch, có khác gì cướp) của người

---

Thời Dụ tông sưu cao thuế nặng, quan lại tham nhũng, dân đói khổ, trộm cướp nhiều. Năm Giáp thân (1344) triều đình đặt 20 đô phòng đoàn ở các lộ, chuyên đi trấn áp giặc cướp và các cuộc nổi dậy của dân nghèo (tương tự với lực lượng cảnh sát dã chiến đặc biệt của các nước bây giờ).

[2] Hai châu thượng hạ Hồng dời Trần thuộc lộ Hải Đông tức Hưng Yên, Hải Dương và một phần Hải Phòng ngày nay.

[3] Trà Hương thuộc vùng đất huyện Kim Thành, Hải Dương.

nghèo, để bù đắp cho cái đám quan lại gian tham ác độc vốn đã giàu sụ.

Lão bà ngừng hẳn mạch suy tư, có một cái gì đấy thức dậy trong trí nhớ của bà. Bà ghé mắt vào khe bình phong nhìn ra. Thôi đúng rồi! Đúng ông ta trước làm an phủ sứ ở Thanh Hóa. Và ông đã lập ra "Bình doãn đường" để xét kiện, không một vụ nào còn bị oan uổng. Dân Thanh cứ gọi ông là "Ông Bao Công". Nhưng sao bây giờ ông ta khác thế. Già lắm. Cằm chảy xệ xuống chứ không còn vẻ cân quắc như hồi ông ở trong Thanh. Dù sao thì vẫn là ông ta. Nghĩ vậy, bà liền bước ra phủ phục trước mặt ông mà lạy.

Nguyễn Trung Ngạn giật mình ngơ ngác không còn biết là chuyện gì nữa. Quan đình úy lấy làm bực mình, bèn thuật lại các chuyện cho quan đại hành khiển nghe. Nhưng quan ngài nghểnh ngãng nghe câu được câu chăng.

Quan đình úy quay ra nói với bà lão:

- Nào, có chuyện oan khuất lớn lao gì, bà trình cho quan đại hành khiển nghe đi. Đại danh ngài chính là Nguyễn Trung Ngạn như bà mong gặp đấy. Quan ông đứng đầu các viện trong triều chính, bà cứ nói đi.

Bà lão tươi cười, chắp hai tay vái Nguyễn Trung Ngạn. Ông chậm chạp gật gật cái đầu, vì quan ông rất béo, cổ ngài bự lắm.

- Cháu là con cụ đồ Tạ Thái ẩn nhà có Kim cúc viên; hồi

trọng trị ở Thanh Hóa, cụ hay đến chơi với bố cháu, cụ có nhớ không?

Nguyễn Trung Ngạn giương đôi mắt mờ mờ nhìn xói vào người đàn bà. Ông lại hơi nghiêng vành tai để nghe bà ta nói. Khi thấy bà ta ngậm miệng rồi ông bảo: "Ờ, ờ, cái gì nhỉ?".

Bà lão chán ngán quá. Bởi bà thấy vị đại thần lẫm liệt tượng trưng cho thần công lý nơi lộ Thanh Hóa mấy chục năm trước, nay đã là một ông lão già nua ngơ ngơ ngẩn ngẩn như một lão tiều phu, như một lão thất phu.

Giữa lúc ấy thì quan đình úy lại giục:

- Bà kêu cầu gì thì kêu đi. Quan ông đây bận nhiều việc nước lắm.

Lão bà nói mà không cần biết ông già kia có nghe được hay không. Bà chỉ nói điều bà cần phải nói. Giọng bà đau xót:

- Tôi xin hỏi, con tôi có tội gì mà triều đình giết nó?

- Triều đình nào giết con bà? Giết bao giờ? Tên nó là gì? Nó phạm tội gì? Quan đình úy hỏi.

- Cháu là Tạ Lai, giữ chức ngự thư hỏa, hầu cận vua.

Nguyễn Trung Ngạn nghe được hai tiếng "Tạ Lai", ông hình dung đầy đủ các sự việc. Quan đình úy cũng tường tận việc này lắm. Thì ra bà ta là mẹ tên Tạ Lai. Tội tầy đình. án tích đã xong. Ai dám xét lại vụ này chỉ có mất mạng.

- Vậy nó có tội tình gì đại quan cho tôi được biết? Lão bà nói với tất cả sự bộc bạch chân thành nhưng nghẹn

uất - Con tôi là một đứa đức độ. Cha nó vẫn khen là hiền. Cháu được học hành kinh sách không thiếu một thứ gì. Nhưng cha nó không cho đi thi. Nó lại được người cậu dậy cho ít bài quyền thuật để phòng thân. Bởi cái thời này hỗn đạo lắm. Đùng một cái nhà vua bắt đi lính. Thôi thì cũng được, ba năm sau nó về, con tôi lại vườn là con tôi. Khốn nạn làm sao, người ta lại đưa nó vào cái đội thiên tử binh. Ông đồ nhà tôi đã mất. Cảnh mẹ góa con côi. Tôi tự nhủ: thế là con tôi khổ rồi! Gần lửa rát mặt. Gần vua thì cũng như gần lửa thôi. Người ta quan cao chức trọng mới mong gần vua để còn thăng bổ, còn bổng lộc; con tôi là thằng lính, cắp giáo đi hầu, xơ múi gì. Lại tới khi tôi nghe nó nhắn về, rằng nó được chuyển vào ngự thư hỏa, chuyên việc canh phòng hầu cận vua. Mấy ông câu đương[1] trong làng được tin ấy đến nhà tôi khúm núm, nói rằng: "Ông Tạ Lai được làm quan tại triều".

Ối giời ơi, thế là nhà tôi thất đức rồi! Thế là nó vào hùa với lũ ăn cướp rồi. Thì cái đám quan lại ở vùng tôi đều thế cả, trừ cái ông này hồi trước - Bà vừa nói vừa chỉ vào Nguyễn Trung Ngạn. Ngừng để thở một lát, bà lại nói - Hầu vua, nó có tội gì mà giết nó? Ai giết nó, xin các đại quan chỉ cho tôi, tôi phải giết kẻ ấy.

---

[1] Câu đương: Chức của xã quan, tương đương với chủ tịch xã ngày nay.

- Bà đừng ăn nói hỗn hào mà phạm thượng. Bà phải bình tâm lại để tôi nói cho mà nghe. Mất con ai chẳng xót. Nhưng vụ này không khiếu nại ở nơi nào được đâu. Vốn là đầu tháng vừa rồi ngự thư hỏa Tạ Lai, chính con bà ấy, đứng hầu vua ngủ giữa ban ngày tại Lương phong đường. Tức là trong cung cấm ấy. Chẳng biết thế nào y lại rút gươm ra để xem. Đúng lúc vua thức dậy nom thấy, ngờ là thích khách, sai đem chém đầu ngay. Việc này không hề có qua Viên ngoại lang[1], Thẩm hình viện[2] hay Đăng văn viện[3]. Bà biết đấy, tất cả là tự đức vua xuống lệnh.

Nghe chưa dứt lời, lão bà đã ngất khuỵu xuống. Quan đại hành khiển Nguyễn Trung Ngạn nặng nề đứng dậy, ông nói như người nói ngọng:

- Tạ Lai nó định giết vua. Rồi ông lên kiệu về dinh phủ.

Lát sau tỉnh dậy, lão bà phờ phạc. Bà nói đứt nối từng lời;

- Con tôi chết oan. Thằng này tính nó táy máy lắm. Không cái gì là không nghịch. Giời ơi, sao vua của các ông ngu thế. Thử hỏi nó có bè nọ đảng kia gì mà bảo có người xui nó giết vua. Thử hỏi nó giết vua rồi, các ông có chịu thờ nó làm vua không, hay các ông cũng giết nó.

[1, 2, 3] Theo thứ tự công việc thì Viên ngoại lang, tuân chỉ lệnh của nhà vua lập hồ sơ ban đầu đưa sang Thẩm hình viện. Thẩm hình viện lập án tụng xong rồi đưa sang Đăng văn viện để xử (Đăng văn viện thời Trần Thái tôn có Kiểm pháp quan, từ năm Thiệu phong thứ 4 đời Trần Dụ tôn, tức năm Giáp thân (1344) đổi sang các chức đình úy, tự khanh, thiếu khanh).

Bà chỉ mong cho người ta giết bà đi, để bà được theo về với chồng với con, để khỏi phải sống ở cái thời đốn mạt này. Bà lại gào lên:

- Ngu! Một lũ các người ngu! Chỉ lấy nghi hoặc, lấy hiếu sát làm đầu. Sẽ có người khác giết lũ các ông.

Nói xong bà phủi đít đi liền. Phải nói là bà lê từng bước để ra khỏi cái tòa công lý ấy.

V

Cung túc vương Nguyên Dục, hoàng trưởng tử của đức tiên đế Trần Minh tông, cướp vợ của một tên phường chèo, tin đồn ầm ĩ khắp Thăng Long, khắp nước. Nhưng rồi cái tin ấy cũng nhạt dần đi. Vì so với đương kim thiên tử Trần Dụ tông, thì việc chơi bời trác táng của Cung túc vương đã thấm tháp gì. Tin ấy, cuối cùng cũng đến tai Hiến từ thái hậu, bà giận Nguyên Dục lắm. Bà cho đó là một sự điếm đàng, làm nhục cả gia phong.

Từ khi đón được "Vương Mẫu" về, và lập xong "điều ước" với Dương Khương, Cung túc vương lấy làm mãn nguyện. Vương cho rằng Dương Khương đã nói đúng. "Vương Mẫu" quả là người đàn bà thế gian hy hữu. Vì tất cả những gì thuộc về nàng đều hoàn hảo cả. Da thịt nàng vừa ấm dịu, vừa thơm ngọt như mùi trầm, mùi xạ, mùi lê, táo, mùi của các loài hoa thanh khiết. Đúng ra nó là một thứ mùi thơm không phân biệt được, mà dường như chỉ có các tiên nữ trên thượng giới mới có sự thơm tho cao khiết ấy. Còn ăn nằm với nàng ư. Hồn phách ta cứ như được phiêu diêu trên tận chín tầng trời, mà sự khoái lạc thì không gì tả xiết. Khi giao phối với nàng, ta được tận

hưởng sự đê mê trần thế. Nhưng có điều lạ, là các cuộc giao hoan, có thể kéo suốt đêm ngày, không hề làm cho ta có cảm nhận gì về sự mệt mỏi. Rõ ràng chính nàng tiếp nối sinh lực cho ta, chứ không phải nàng hút tủy xương sức lực ta như bọn đàn bà khác. Lại cũng đúng như Dương Khương nói, sau khi ta đã ăn nằm với nàng rồi, thời tất cả bọn mĩ nữ khác đều là một thứ giẻ rách. Ta giận vì ta chậm chân hơn Dương Khương. Thằng đốn mạt tiện dân này, sao nó lại có diễm phúc hơn ta. Chính có nàng, có sự giao hòa phối dục với nàng, ta mới cảm thấy cuộc đời này thật đáng sống. Phải thừa nhận rằng, nàng mới chỉ khẽ thổi vào ta một làn hơi thoáng nhẹ, lập tức ta biến thành một ông hoàng có niềm thống khoái đệ nhất thế gian. Điều lạ nữa là, giao phối với nàng lần thứ hai, thứ ba, thứ tư... trở đi thì cứ lần sau ta lại được hưởng cái đê mê dịu ngọt hơn lần trước. Sự bí ẩn về nàng, muôn đời vẫn cứ còn là bí ẩn.

Cung túc vương trong những ngày đầu được "Vương Mẫu", ngoài các cuộc giao hoan trong phòng the, vương đều bắt nàng mặc nguyên y phục "Vương Mẫu", đúng cái vai nàng đóng mà lần đầu vương nhìn thấy. Song chỉ độ mươi ngày sau, vương chợt nhận ra rằng, khi không khoác xiêm y lên người, nàng còn đẹp hơn nhiều, rực rỡ hơn và khêu gợi hơn. Vì vậy suốt ngày đêm vương bắt nàng ở trong cung với tấm thân trần. Suốt ngày đêm sáp thắp sáng lòa. Trời rét thì đốt lò sưởi, đốt trầm. Và rồi chính vương, vương cũng không cần áo tía đai vàng, mũ mão

đại vương. Tức là đại vương cũng tồng ngồng như một đứa trẻ sơ sinh. Nhưng cơ thể đại vương thì đúng là một kiệt tác méo mó của hóa công. Toàn thân đại vương tựa như một con chó già bị bỏ đói tới cả năm. Ngực lép, lưng vẹo, da thịt nhăn nheo, nhũn nhẽo, khắp người điểm những nốt rỗ đậu mùa sâu hoáy. Suốt ngày đêm, hai cơ thể họ như dính với nhau làm một. Và rồi các cung thất của các bà chánh thất, thứ thất, các tần nữ, thục nữ, mỹ nữ trong Cung túc vương phủ, dường như mạng nhện đã giăng đầy các tiểu môn, đại môn; ngay cả màn trướng cũng lương vương tơ nhện.

Về phần "Vương Mẫu" thì sao? Phải ăn nằm với một con người xấu xí, thô bạo, nàng không khỏi không dấy lên cảm giác kinh tởm. Nhưng rồi cái quyền lực của đại vương quá lớn. Của cải tài sản của đại vương cũng không có giới hạn như quyền lực của ông ta vậy. Nghĩa là ông ta chỉ thua có vua. Mà vua lại là em ruột ông, ít tuổi hơn ông nhiều lắm. Nói gì Dụ tông chẳng phải nghe. Lại điều quan trọng vào bậc nhất là ông ta không có con. Ông ta sẽ nhận cái bào thai trong bụng của nàng với Dương Khương đây, là con ruột của mình. Và nếu cần đẻ nữa, thì lại vẫn có Dương Khương vào ra tự tiện trong cung này như ước thúc đã ghi. Vậy là vì tương lai của con nàng, và của chính vợ chồng nàng nữa, nên nàng phải hầu tiếp một bộ xương dâm dục, trước còn gượng gạo, e ấp. Nhưng sau quen dần lại cảm thấy hứng thú, vì nó có cả một trời quyền lực và của cải lấp ló ở phía sau cây gỗ

mục kia. Chính là nàng yêu những thứ đó. Đã có lần Dương Khương nói với Dương thị: "Biết đâu thằng bé đang nằm trong bụng nàng, lại chẳng trở thành một Tần Thủy hoàng đế".

Kỳ lạ, những cuộc giao hoan của Nguyên Dục như là không có một hạn giới nào, một chừng mực nào. Vương cứ triền miên, ngay cả khi bụng "Vương Mẫu" đã to vượt mặt. Và vương chỉ tạm dừng khi nàng đau đẻ. Nàng đẻ cho vương được một đứa con trai thật là khôi ngô, tuấn tú. Vương đặt cho nó cái tên: Trần Nhật Lễ.

Nghe tin thiếp của Cung túc vương Nguyên Dục sinh con trai, bà Hiến từ thái hậu mừng lắm. Từ bấy lâu, bà vẫn sầu héo bởi cả hai người con trai bà, trời đều bắt tội vô sinh. Nếu quả thế, thì đời bà bất hạnh quá. Các con bà bất hiếu quá. Phúc đức nhà vua mỏng quá. Nhưng bây giờ Cung túc vương đã sinh đặng hoàng nam, mọi sự hẳn là phải đổi khác. Các bà thái phi, thần phi không dám nhìn bà với con mắt giễu cợt, và ngầm có sự thích thú trong thâm tâm.

Thái hậu chăm đi lại thăm nom mẹ con "Vương Mẫu" lắm. Tựa như nàng chính là con gái bà. Ngày hoàng tôn tròn một tháng tuổi, thái hậu tặng cho cháu một chiếc vòng ngọc nạm vàng, cùng một chiếc vuốt hổ bịt bạc để đeo cho kỵ nắng gió. Đúng thằng bé là cục vàng của bà.

Lại nói từ khi "Vương Mẫu" sinh con, nàng không còn hứng thú gì trong việc ăn nằm với Nguyên Dục nữa. Mọi

tình cảm, tâm lực, nàng dồn hết vào cho con. Vì vậy cái thần dục của nàng mất hẳn. Nguyên Dục ngủ với nàng, không những không cảm thấy khoái hoạt như xưa, mà còn mệt rã rời tới mấy ngày liền. Có lúc Nguyên Dục nghĩ: hay nàng là một con yêu tinh đến lừa ta để hút hết tinh khí của ta. Vương lại nghĩ đến truyện đời Lương vương xưa, có hai con yêu tinh đội lốt hai người con gái đẹp mang cái tên rất dáng yêu. Một nàng là Bạch Vân Nương, một nàng là Quế Thanh Hương. Hai "nàng" yêu tinh ấy, suýt hãm hại hết các con của Lương vương và phá nát cả vương triều nhà Lương.

Tự nhiên, Nguyên Dục lại thấy chán "Vương Mẫu". Song không vì thế mà vương quay lại với các mĩ nữ trong cung phủ. Vương nghĩ ra các trò chơi quái đản, để tiêu cho đến kiệt cùng sức lực. Trâu Canh đã cho vương phương thuốc cực kỳ hiệu nghiệm. Thạch khởi tử[1] ngâm với rượu và cao sơn dương toàn tính. Và mỗi khi hành lạc lại thắt thêm ba vòng dây "dâm dương hoắc" [2] vào lưng. Vương đã làm như thế trước một đội vũ nữ khỏa thân ba chục ả, ngay trong cung cấm của mình. Kèn, trống, sênh, phách, đàn sáo cứ ỉ non hòa tấu. Các mỹ nhân cứ múa. Và Vương cứ bắt từng ả một hành lạc trước hai mươi chín ả

---

[1] Thạch khởi tử: Loại cây thuốc kích dục, nhưng phải mọc trên núi đá mới có công hiệu cao.

[2] Một loại cây leo có tính kích dục cực mạnh. Mới sờ vào nó thôi, người đã rạo rực, muốn hành lạc.

kia cùng với cả một dàn nhạc. Y làm kế tiếp như thế, tựa như một con dê cụ dầu đàn đứng án ngữ trước cửa chuồng mỗi khi đóng mở cửa, các nàng dê cái đều phải lần lượt chịu cho nó... rồi mới được ra hoặc vào chuồng. Cho đến ả thứ ba mươi thì Vương gục xuống, và không bao giờ dậy nữa.

Cung túc vương Nguyên Dục dã chết. Người ta chôn vương mà không gỡ bỏ ba vòng dây dâm dương hoắc. Nếu như lại có kiếp sau của mỗi con người, thì chắc rằng cái dây định mệnh thắt ngang lưng kia, sẽ đưa vương về kiếp sống của loài dê. Phải chăng đó cũng là ước vọng cao cả của các bậc vương giả khi đã sa vào vòng đọa lạc.

Cung túc vương Nguyên Dục chết, khiến Hiển từ thái hậu buồn vô hạn. Tuy vương có ham mải chơi bời, nhưng không hẳn là đứa con bất hiếu. Chỉ vì thượng hoàng nghiêm khắc quá, cha con lại không hợp tính nhau, nên vương không được lập. Cũng từ khi biết mình bị phế, Nguyên Dục lại càng lao vào con đường cùng quẫn. Nay Dục mất, thái hậu càng thương. Sợ có sự ghen tức trong mấy vị phu nhân của Nguyên Dục với mẹ con "Vương Mẫu", nên thái hậu đưa mẹ con nàng sang cung Thánh Từ ở cùng với bà.

"Vương Mẫu" là một người đàn bà không những có nhan sắc vào loại chim sa cá lặn mà còn duyên dáng, khiêm nhường, biết đường cư xử. Nên càng ngày thái hậu càng thương yêu.

Cũng từ khi Cung túc vương Nguyên Dục mất đi, "Vương Mẫu" không cho Dương Khương (chồng nàng) lui tới cung phủ nữa. Và bên cung Thánh Từ thì nàng nghiêm cấm. Hai người chỉ hẹn gặp nhau mỗi tháng một lần ở chùa Tư Phúc, là ngôi chùa mà Dương Khương có người bác ruột trụ trì tại đó.

"Vương Mẫu" đã chấp nhận cho Dương Khương lấy vợ khác. Nhưng tình nghĩa giữa hai người vẫn còn khăng khít lắm. Và "Vương Mẫu" chuyển của cải về cho chồng mở mang sản nghiệp, giàu có vô cùng. Vợ mới của Dương Khương, tịnh không biết gì về các việc tư riêng cũng như các mối quan hệ của y với nàng "Vương Mẫu".

Ấy là những chuyện trong cung cấm của triều đình. Còn như ngoài dân gian thì thật là cùng cực. Suốt từ tháng tư đến tháng tám trời nắng như rang, không hề có một giọt mưa. Lúa giỗ nghẹn đòng rồi rũ héo chết khô. Cây cối trong các vườn đều úa lá. Các giếng, đầm, ao, hồ đều cạn nẻ cả đáy bùn. Cá, tôm, ếch, nhái chết phơi mình đầy nội. Đi về nẻo nào cũng có mùi hôi thối. ấy là chưa kể vụ mùa năm trước, sâu cắn gié, thiệt hại tới quá nửa, mà thuế má, sưu dịch không có khoan giảm.

Việc xây cất cung thất mới cho nhà vua vẫn không có gì cản trở. Số người chết vì các tai nạn gỗ, gạch, cưa xẻ, đá đè... nhiều vô kể. Song cũng không thấm vào đâu, so với số phu phen bị chết đói, ngay trong khi làm việc. Nhiều thợ xẻ, mới đưa được vài mạch cưa đã gục xuống. Chết

nhiều nhất vẫn là đám phu hồ và phu đốn gỗ. Các chuyện ấy, việc ấy đều không đến tai, đến mắt nhà vua. Thảng, bọn "thất trảm" có mời vua dạo qua xem. Vua khen thợ giỏi, làm nhanh. Dụ tông lấy làm hài lòng lắm.

Nếu như hạn hán kéo dài vua không biết. Dân đói, chết dầy đường vua không biết, thì cái nạn lụt hồi tháng chín, tức là sau kỳ đại hạn là mưa rả rích, mưa như vỡ đê trời, khiến cả nước đều ngập trắng băng. Điện Thiên An cao nhất, nước cũng vào láng nền. Cung Cảnh Linh nước ngập lưng cột. Vậy là nạn lụt năm ấy vua Dụ tông có biết. Nằm trên lầu ngọc, nhà vua tiếp tục các cuộc hành lạc.

Chi hậu cục, hoạn quan Mai Thọ Đức rủ rỉ nói với nhà vua nửa kín nửa hở:

- Tâu hoàng thượng, khi nào khánh thành cung thất mới, chúng thần sẽ có một món quà kỳ thú nhất thế gian để kính dâng hoàng thượng.

Tính tò mò, Dụ tông dời tay khỏi ngực ả vũ nữ đang hầu tiếp ngài, liền hỏi:

- Ngươi định dâng ta cái gì đó? Nhà vua mỉm cười thật vui.

- Dạ tâu, chúng thần đã ước với nhau là phải giữ cho tuyệt mật, ai nói hở ra là phạm điều ước thiêng.

- Khanh nói chúng thần là những ai đó?

- Dạ tâu, chỉ có thần và Trâu ngự y thôi ạ.

- Sao ngươi bảo phải "giữ cho tuyệt mật" lại còn đi nói với ta.

- Tâu, vì kính quí bệ hạ, nên thần mới tiết lộ có món quà, chớ thần đã nói quà gì đâu ạ?

- Ngươi láu lắm. Dụ tông cười lớn - Ta tha tội cho ngươi không gạn hỏi nữa, nhưng phải xây cất nhanh lên nữa chứ?

- Muôn tâu, không thể nhanh hơn được nữa ạ.

Nước rút đi, khắp kinh thành nhơ nhớp. Khắp nước bệnh dịch hoành hành. Dân chết đói, chết bệnh nhiều không kém đời Lý Cao tông[1].

Đã thế, trộm cướp lại nổi lên nhan nhản, không một người lương thiện nào đêm hôm dám ló mặt ra đường. Đêm đêm có nghe thấy tiếng kêu "cướp", thì nhà nào nhà ấy gài cổng, ngõ cửa rả cho chặt. Nhà ai còn một chút máu mặt thì phải chôn giấu của cải, hễ nghe tiếng động thì bỏ nhà đi trốn. Ngay giữa ban ngày, giữa chốn phố phường đông đúc như đất Thăng Long, bọn côn đồ vẫn ngang nhiên sấn vào chợ, vào các cửa hàng, cướp của ngay trước mặt bọn lính tứ sương, bọn đô phòng đoàn.

Quan đại hành khiển Nguyễn Trung Ngạn, xin vua cho, hễ nơi nào còn thóc kho Nhà nước thì mở ra phát chẩn cho dân. Lại bán quan tước từ hàng lục phẩm trở xuống tới bát phẩm để lấy thóc, lấy tiền, chẩn cấp cho bàn dân thiên hạ. Các việc, vua đều y cho cả.

---

[1] Lý Cao tông (1176-1210): dưới triều đại này đã xảy ra nạn đói, dân nước chết quá nửa mà nhà vua vẫn không ngừng việc xây cất cung điện và ăn chơi xa xỉ.

Song, còn việc tên Ngô Bệ tại vùng Trà Hương thì thanh thế mỗi ngày một mạnh, dân theo về y không phải ít. Quan bình chương sự đang nghĩ cách trừ khử, ngài vẫn chưa đi đến một quyết sách nào.

Phủ Thiên Trường là nơi có cung Trùng Quang và cung Trùng Hoa ở đó. Lại là đất mở nghiệp của vương triều Trần, lụt cũng làm cho dân tình trở nên bi thảm. Quan an phủ sứ có sớ về triều, xin nhà vua ngự giá giáng lâm để làm yên lòng dân chúng.

Vua không thể không về. Nhưng giữa lúc dân đói khát bệnh tật mà vua về, thời phải có gì chẩn cấp. Bọn "thất trảm" bàn đến nát nước, Trâu Canh dâng kế:

- Tâu bệ hạ, sau lụt, dân vùng nào cũng mắc các chứng cảm mạo và kiết lị, ỉa chảy. Tốt nhất bệ hạ nên phát thuốc cho họ.

- Nhưng thuốc đâu mà phát.

- Tâu, thần đã có làm được hơn ba ngàn viên thuốc tễ, trị các chứng cảm hàn, cảm nhiệt... chỉ xoay thang thôi ạ. Thần sẽ bán cho bệ hạ.

- Nhưng sao ngươi nói bây giờ bệnh dịch nhiều kia mà.

- Dạ, có sao đâu ạ. Thuốc ở trong tay bệ hạ ban cho thần dân, thời trị được bá bệnh chớ sao. Thần đang nghĩ phải đặt cho nó một cái tên. Có khi chỉ nghe tên thuốc thôi, lại tự tay bệ hạ phát cho, người bệnh chưa kịp uống đã khỏi.

Quả là Trâu Canh đang vắt óc tìm ra một cái tên đặt cho

loại thuốc cảm của y thật. Táy máy y mở nắp một hũ thuốc lấy ra vài viên xem. Mùi quế, quy... vừa thơm vừa hắc. Nhìn viên thuốc có màu hồng của vị thần sa, Trâu Canh "à" lên một tiếng:

- "Hồng ngọc sương!". Tâu bệ hạ, gọi loại thuốc này là "Hồng ngọc sương". "Hồng ngọc sương trị bách bệnh". Bệ hạ cứ ban lời nói ấy, dân còn tin hơn cả bọn thầy phù thủy khoác lác thánh thần, mà lại chỉ cho họ uống có tàn hương, nước thải thôi.

Dụ tông cười khà:

- Khanh đúng là một tên đại ma giáo. May mà thượng hoàng tha chém cổ ngươi.

- Nếu thần mất đầu, lấy ai trị bệnh cho bệ hạ.

Nhà vua nhìn tên thầy thuốc hỏi nửa như trêu chọc nửa như nghi ngờ:

- Vậy chớ các phương thuốc ngươi dâng cho ta, có giống như "Hồng ngọc sương" không?

Trâu Canh chột dạ. Y hơi biến sắc, vội tâu:

- Thần đội ơn bệ hạ nhiều lắm, dẫu gan óc lầy đất chưa dễ đáp đền trong muôn một. Những phương thuốc dâng bệ hạ đều là bí truyền, cực kỳ công hiệu, chỉ dành chữa trị cho các bậc thiên tử uy đức trùm thiên hạ. Ngay đến các bậc vương giả, các đại phú gia đức mỏng cũng không dùng được. Và lại khi dâng các phương thuốc cứu bệ hạ, là thần cũng bị giảm thọ, tai họa để lại cho con cháu không

biết đâu mà lường được. Vì rằng, nó phạm vào cái thiên lương thiên đức của người thầy thuốc[1].

Dụ tông về Thiên Trường, giữa lúc dân chúng đang xếp hàng đông nghìn nghịt, dưới trời nắng chang chang để chờ ngài. Mãi gần trưa nhà vua mới tới dinh an phủ sứ. Bốn đô cấm vệ quân đi theo nhà vua gồm 320 tên, đứa nào cũng béo tốt mập mạp, da trắng như da con gái. Đứa thì lăm lăm thanh mã tấu, đứa thì trường kiếm, đoản kiếm đứng ken thành hai hàng dài cho tới trung tâm bãi đất cửa dinh, nơi đã dựng lên một đài cao và che bảy chiếc lọng vàng. Vua ngự ở đó cho dân chúng trông thấy mặt rồng. Nhà vua không nói gì. Chỉ có quan an phủ sứ Thiên Trường lên nói lời chúc tụng nhà vua. Lại nói, vua sẽ ban "Hồng ngọc sương" là thuốc trị bá bệnh cho dân. Cứ mỗi đầu người được phát hai viên thuốc, hai tiền và hai thăng gạo. Viên an phủ sứ vừa dứt lời, dân chúng tung hô "Đức vua vạn tuế!". "Đức vua vạn tuế!" tưởng như sắp sập đổ cả vùng đất Thiên Trường.

Xong đâu đó, vua lên kiệu ra lâu thuyền để ngược Thăng Long.

Còn việc phát các thứ thuốc, tiền, gạo thì sao? Vì đông người quá, không làm thế nào để phát có thứ tự được. Sợ rằng có kẻ khỏe mạnh chen được, sẽ lĩnh nhiều lần. Có người lại chẳng được gì. Đại quan bèn dụ rằng:

---

[1] Ý Trâu Canh muốn nói đến việc phải giết trẻ con lấy mật làm thang để phục dương cho Dụ tông.

"Dân chúng hãy về. Các xã quan làm tờ khai đệ trình lên phủ. Phủ thu thập lấy đệ trình lên lộ. Rồi các ty chức trên lộ sẽ chiều danh sách phát về tận thôn ấp".

Dân nghe có lý, lục tục kéo nhau ra về, để lại trên bãi đất trước dinh an phủ sứ bảy xác người bị chen giẫm bầm tím cả mặt mũi, lòi cả ruột gan.

Những tin đồn nhà vua đi đến tận các vùng miền có lụt lớn, tự tay ngài ngự chẩn cấp thuốc men, gạo tiền cho từng người dân bị nạn, đã bay khắp bốn cõi trong cả nước.

VI

Ngô Bệ người vùng Trà Hương, y không phải là tên đứng đầu đảng cướp. Bệ vốn con nhà lương dân lại có được theo đòi học hành, nên phân biệt được đôi điều phải quấy. Bệ quê Giáp Sơn, đất võ. Y người to khỏe. Khi chưa tinh thông võ nghệ, Bệ đã có thể đánh thắng cả chục người. Sau được một võ sư trong vùng, thấy Bệ là người có khí chất trượng phu, nên thu về dạy cho. Chẳng bao lâu Bệ nổi tiếng là tay võ nghệ cao cường. Bọn cướp dù đông đến mấy, ngổ ngáo đến mấy cũng không dám xông vào vùng đất của Ngô Bệ.

Ngô Bệ tụ tập trai tráng không phải đi cướp của giết người như bọn trộm cướp bất lương.

Sự bất bình của Bệ là ở chỗ bọn xã quan, bọn châu, quận nhũng nhiễu dân chúng, tàn ác quá đáng. Dân kêu cầu không thấu, không đâu xét xử cho. Ngay trong xã ấp, bọn câu đương cũng lập nhà giam, để giam cùm những ai dám trái ý chúng.

Triều đình chỉ có một sắc thuế đất ruộng, ban bố từ đời vua Thiệu Bảo[1], nhưng chúng lại tự đặt ra hàng chục thứ

---

[1] Thiệu Bảo niên hiệu của Trần Nhân tông khi mới lên ngôi. Niên hiệu kéo dài 7 nam từ Kỷ mão (1279) đến Ất dậu (1285). Sau đó là Trùng hưng.

ước, khoán khác để bắt dân phải gánh nộp. Ngay thuế đất ruộng, triều đình thu một, chúng lạm bổ đến gấp ba gấp bốn lần.

Bệ đã tụ họp cùng với một số người có lương tri, ra tờ bố cáo, phần thì kêu gọi, phần thì cảnh tỉnh chúng. Ai dè chúng không khoan nới mà còn thẳng tay đàn áp. Các trại giam ở ấp xã chỉ hẹp như một gian chuồng trâu, mà chúng tống giam tới cả trăm người. Có cụ già nghẹt thở mà chết.

Thế không đừng được, Ngô Bệ bèn phất cờ tụ nghĩa. Mới có bảy ngày treo yết bảng trong vùng, trai tráng theo về đông tới cả ngàn người.

Ngô Bệ lấy vùng núi An Phụ làm nơi tụ tập nghĩa quân. Trận đầu, diệt bọn xã quan có tội ác. Liền đó, lấy của các nhà giàu bất chính chia cho dân nghèo trong vùng. Khắp mấy châu, phủ từ Trà Hương đến Nam Sách, Chí Linh bọn quan lại tham nhũng có tội ác đều bị bắt ra trừng trị hết. Dân theo về ngày một đông.

Thanh thế Ngô Bệ ngày một lớn. An phủ sứ lộ Hải đông dâng sớ xin quân triều đình về tăng viện.

Triều đình bèn cử viên tướng trẻ, nhưng dũng lược Trần Khắc Chấn, lĩnh ấn tiên phong, đem theo một vệ quân thần sách về thẳng An Phụ thảo phạt.

Lại nói Ngô Bệ vì có sức khỏe lại vì lòng tức giận đám quan lại châu, huyện, xã ức hiếp dân lành quá đáng, nên nổi máu trượng phu bèn tụ nghĩa, dấy quân chống lại.

Nay các mục đích như trừ gian, diệt ác, quân phân của cải đã làm xong, Bệ không biết phải làm gì nữa. Vì trong quân của Bệ không có một kẻ sĩ nào theo, nên không ai vạch đường chỉ lối cho y. Và cái chí của Bệ cũng không phải là chống lại triều đình. Nên y cho họp tả hữu, định về hàng triều đình.

Giữa lúc ấy thì quân bản bộ của lộ Hải đông đã vây kín đồn trại của Ngô Bệ.

Bệ kéo cờ xin hàng, nhưng quan quân cứ xông vào đánh giết. Bệ không cho quân chống cự. Nên chỉ một loáng là quân Bệ tan tác. Ngô Bệ bị bắt cùng với ba mươi tên thủ túc khác đóng cũi giải về kinh. Vua sai chém hết.

Khi Trần Khắc Chấn cho quân tới gần An Phụ, thì được tin Ngô Bệ đã bị bắt giải về kinh sư. Trần Khắc Chấn bèn đem theo cả vệ quân thần sách qua vùng Chí Linh, xem dư đảng của tên Tề nào đó, tự xưng là cháu ngoại của Hưng Đạo đại vương, dám tụ tập số dân đói khát quanh vùng đi cướp bóc, nhũng nhiễu trong dân. Tới nơi, được biết bọn chúng đã tự tan. Tên Tề trốn đi biệt tích, quan quân còn đang tróc nã.

Tiện đường, Trần Khắc Chấn rẽ vào thăm thái ấp của quan Chương túc quốc thượng hầu Trần Nguyên Đán.

Trần Khắc Chấn nhận ra đây là một vùng đất kỳ thú. Núi non trùng điệp, rừng bạt ngàn, sông lớn sông nhỏ chằng chịt, ruộng đồng phì nhiêu. Dân đông, biết giữ lễ mà chân chất, mộc mạc. Thảo nào xưa kia Yên Sinh

vương Liễu, rồi đến Trần Hưng Đạo, Trần Khánh Dư, nay là quan Chương túc; và gần đây lại có cả quan Tư nghiệp Quốc tử giám Chu An cũng từ quan về núi Phượng Hoàng ẩn dật.

Sau khi phát lộ ra điều đó, tướng quân Trần Khắc Chấn rất lấy làm lạ, vùng đất này lại bao chứa được cả hai phần trái ngược nhau, mà phần nào cũng ưu việt cả. Tức nó vừa là đất dụng võ, lại vừa là đất ẩn dật.

Thật ra, Trần Khắc Chấn ghé vào thái ấp của quan quốc thượng hầu cũng là một sự cầu may, chưa chắc ông đã có nhà. Vì hiện ông đang coi sóc tòa Khâm thiên giám, lại kiêm cả việc quân tại trấn Quảng Oai.

Gặp Trần Khắc Chấn, quốc thượng hầu vui lắm. Về thứ bậc, Trần Nguyên Đán thuộc hàng thúc bá của Khắc Chấn. Nhưng mỗi người ở một chi khác. Trần Nguyên Đán vốn là chắt nội Trần Quang Khải, một chi tộc lẫy lừng từ thời kình chống giặc Nguyên - Mông, vẫn làm cho Khắc Chấn ngưỡng mộ.

Tuy hai bác cháu cùng làm quan tại triều, nhưng ít khi gặp nhau lắm. Vì Khắc Chấn chỉ là một chức quan nhỏ, lại thuộc hàng dưới. Còn quốc thượng hầu thuộc hàng đại công khanh thì làm sao mà gặp nhau được.

Nguyên Đán là người học rộng, văn chất cao nhã, tuổi trẻ thích giao du. Không phải ông thích giao du trong hàng vương tôn quý tộc, mà thích được thù tiếp với các bậc danh sĩ đương thời. Những năm gần đây chán ngán

thời thế, ông còn giao du với cả các bậc tu sĩ, ẩn sĩ ở các chùa, quán. Ông cũng từng nghe danh Khắc Chấn là một tướng trẻ nhưng đởm lược, và có chí tiến thủ. Nhất lại khao khát con đường chân, thiện.

Vái Nguyên Đán ba vái, Trần Khắc Chấn nói:

- Cháu đường đột đến vấn an bá phụ, chẳng hay có điều gì phiền phức không ạ?

- Không, không có gì phiền cho ta cả. Ta lại còn mong cháu đến nữa là khác. Cháu tính, ta ở chốn sơn lâm cùng cốc này mà cháu còn tìm đến thăm, thời quý lắm. Quý lắm. Trần Nguyên Đán nắm tay Trần Khắc Chấn ân cần mời ngồi vào kỷ.

Sau một tuần trà, Nguyên Đán hỏi:

- Vậy chớ tiện việc quân cháu ghé thăm ta, hay có lệnh hoàng thượng triệu ta đó? Vẫn là quý chàng trai, mới nom cũng biết là con người đàng hoàng đáng bậc chính nhân quân tử, nhưng năm tháng cũng cho ông thấy cần phải thận trọng, cẩn tắc vô ưu. Thời thế bây giờ khó lắm. Khó lắm.

Trần Khắc Chấn vội đặt chén nước xuống vái quan quốc thượng hầu, rồi thưa:

- Để bá phụ phải hỏi tới điều đó, cháu thật có lỗi.

Chàng bèn thuật hết đầu đuôi công việc. Và ghé lại đây, chính là lòng chàng từ lâu ngưỡng mộ và kính ái bậc bề trên, chớ không có điều gì quan ngại.

- Vậy điệt điệt ở chơi với ta được bao lâu? Ta biết việc quân không thể thư nhàn, nhưng đã tới đây, ta muốn lưu cháu ít nhất vài ba ngày. Rồi ta sẽ dẫn cháu đi xem ấp trại của ta. Có nhẽ trong khắp nước, ta thích vùng này hơn cả.

- Dạ bẩm bá phụ, đúng là việc quân thì bá phụ không còn lạ gì, nên cháu không thể lưu lại vài ba ngày hầu bá phụ được. Nhưng thực quả, nếu chưa được bá phụ dạy bảo diều gì mà đã ra đi thời cháu ân hận lắm. Cháu xin bá phụ cho phép ở lại thăm bá phụ qua đêm nay. Sớm mai, cháu lại phải dẫn quân về kinh ạ.

- Ha ha... Nguyên Đán cười hể hả - Đành vậy. Nhưng ta biết nói chuyện gì với cháu nhỉ! Liền đó, ông gọi đám gia nô dem cho ông bình rượu cúc.

Rượu cúc vàng óng, sánh như mật ong, rót ra bát ngọc, mùi hương cúc, hương men tỏa thơm ngào ngạt. Tự tay ông đưa mời.

Khắc Chấn nâng hai tay đỡ bát rượu. Đúng là chàng chưa được trông thấy thứ rượu kim cúc nào thơm ngon tinh khiết như thế này. Sức chàng có thể uống một hơi hàng chục bát. Nhưng viên tướng trẻ Trần Khắc Chấn chỉ khẽ mím môi nhấp một chút, rồi đặt bát xuống. Trong đầu chàng dang vương vấn về một cái gì đó. Đang nghi hoặc một cái gì đó.

Chương túc quốc thượng hầu lại nói:

- Cháu uống rượu đi. Rượu này tự tay ta cất lấy. Cúc cũng do ta trồng lấy. Ta có ba sào kim cúc, với cả mẫu

ruộng chỉ cấy có một thứ nếp cái hoa vàng, để cất rượu uống quanh năm.

"Thế là rõ rồi - Trần Khắc Chấn tự nghĩ - Bá phụ đã chán thời thế muốn về ẩn dật mất rồi".

Bỗng chàng cười vang, nói:

- Trình bá phụ, ông Đào Tiềm[1] trồng những ba mẫu kim cúc kia, bá phụ mới trồng có ba sào còn ít quá đấy ạ.

Trần Nguyên Đán đứng xốc dậy như thế hổ vồ mồi. Ông ôm lấy hai vai Trần Khắc Chấn mà lắc:

- Cháu hiểu hết cả gan ruột ta rồi. Cháu thông tuệ lắm. Đã thế, ta chỉ nói với cháu về cái chí muốn đi ở ẩn của ta, cùng các thứ cỏ cây hoa lá trong trang ấp thôi, chứ không nói chuyện thời thế, nghe chưa?

Trần Khắc Chấn mỉm cười, đáp:

- Thưa vâng ạ.

- Nào cháu uống đi, Trần Nguyên Đán giục. Uống rồi ta dẫn cháu đi xem vườn cúc. À, mà ta mới trồng được giống hồng Bảo Lâm quý lắm. Năm ngoái đã bói được ít quả. Lại mấy khóm bạch trà, và có dễ đến vài trăm cây quất, giống lấy từ Thiên Trường về. Ước gì tết cháu ghé đây mà xem hoa trái, cây cảnh của ta. Nếu được xem đúng độ, đúng

---

[1] Đào Tiềm, hiệu là Đào Uyên Minh, một cao sĩ đời Tấn (Trung Hoa cổ đại) chán ghét thời thế, từ quan về ở ẩn. Ông trồng ba mẫu kim cúc để cất rượu thết bạn bè.

mùa của nó, thời đến chí trượng phu như cháu cũng muốn đi ở ẩn kia! Nguyên Đán lại cười sảng khoái. Ông tiếp - Gọi là ẩn thôi, chớ ta phải làm việc tối ngày với đám gia nô đấy. Mà ta cũng đã từ quan đâu.

- Thưa bá phụ, lại còn việc đọc sách nữa chứ ạ.

- À, đúng. Đúng, ta đọc đến mải mê. Đọc đủ thứ.

- Thưa bá phụ, nếu bỏ cái thú làm bạn với thiên nhiên, cây cảnh và đọc sách, cháu chắc chắn là ít người ở ẩn được lắm.

- Ờ, ờ... cháu nói đúng. Nhưng sao ta càng đọc sách càng thấy đầu óc trống rỗng.

- Dạ, thưa bá phụ, thế thì những thứ đó tự thân chẳng có ý nghĩa gì. Mà nó chỉ trở nên quan yếu đối với các bậc ưu thời mẫn thế, chán đường công danh, chán thế tục đi cầu tìm cái sự nhàn thôi có phải không ạ?

- Đúng! Cháu ta còn ít tuổi mà nghị luận xem ra có thể so với Đổng Trọng Thư đời Hán được.

- Lạy bá phụ, cháu đâu dám nghĩ thế.

- Ấy là ta nghĩ thế. Mà cháu quả cũng giống thế.

- Bá phụ quá yêu mà khen. Thực cháu thấy một điều khác còn quan yếu, hơn cả các thứ sách vở cùng thiên nhiên cây cảnh.

- Điều gì vậy cháu? Trần Nguyên Đán hỏi, giọng hồ hởi. Bởi càng nói chuyện với viên tiểu tướng này, ông càng thấy mến chàng.

- Trình bá phụ, các bậc đi ở ẩn xưa nay thường lánh đục

tìm trong. Trước hết cầu cho cái thân được an, sau nữa cho cái tâm được tĩnh. Nhưng thưa bá phụ, một khi cái thân đã an thì cái tâm lại không tĩnh nữa. Cháu đoan chắc với bá phụ như vậy. Người ta nói, xưa nay chỉ có ông Đào Tiềm là toại nguyện khi ở ẩn. Nhưng cháu vẫn không tin. Đấy là chuyện đời sau thêm thắt vào, để lấp cho đầy cái chỗ khiếm khuyết của thuyết ẩn dật.

Trần Nguyên Đán giật mình vì sức kiến giải vững vàng của Khắc Chấn. Đúng thế, ông mới chỉ sửa soạn cho việc về ở ẩn thôi, mới định cố quên đi chuyện đời thường cho quen mà sao nó vẫn cứ cộm lên, cứ như có cái gì bất như ý, như là một sự tự vấn của lương tâm. Chao ôi cái thằng nhỏ, đúng là cái lòng nó trung dũng, cái tâm nó sáng trong, nên nó nhìn sự vật cái gì cũng rành rõ, tỏ tường. Quả vậy, tuổi trẻ là phải nghĩ đến việc kinh bang tế thế, việc chấn hưng đất nước, nếu không chỉ là đồ bỏ. Nhớ lại thời Trùng hưng, đức Nhân tông mới chỉ 27 tuổi mà cầm đầu cả một dân tộc, một quốc gia, kình chống lại một thế lực có sức mạnh ngang trời đất. Ấy là quân Thát-đát.

Nghĩ không thể tiếp mãi câu chuyện này với thằng bé được, bởi ông đã hẹn không nói chuyện thời thế. Vậy mà nó lại đang dẫn ông vào cuộc rồi. Nguyên Đán bèn nắm tay Trần Khắc Chấn, ông nói:

- Ta phải khoe với cháu cái này. Thế là ông kéo tuột chàng ra hoa viên. Ông chỉ vào một cây bạch mai có cái dáng thật đẹp. Thể hiện sự cân quắc của một tư tưởng cao

siêu, thanh khiết. Các cành thưa thớt, khẳng khiu trơ ra với sương tuyết, không còn một chiếc lá nào, nhưng lại chúm chím những nụ bật ra từ khe nách của thân cành.

Nhìn cây lão mai và sự hào hứng của Trần Nguyên Đán, Khắc Chấn biết chí trượng phu cùng tài trí hơn đời của bá phụ đã chìm trong cái thế của cây cảnh mất rồi. Những bậc hiền tài như thế này mà làm ngơ trước thế nước, thì thật là điều chàng không thể hiểu nổi. Chàng nhất định phải tìm cho ra nhẽ. Trần Khắc Chấn bèn lên tiếng:

- Trình bá phụ, nhìn toàn thể hoa viên của bá phụ, quả là đẹp. Nhưng đi vào tiểu thể từ thế cây, dáng cảnh đến các giống, các loài cây lạ, hoa quý thời cháu quả là mù đặc. Nhưng riêng cây lão mai mà bá phụ chỉ cho cháu kia, cháu thấy nó có một vẻ đẹp dị thường, ít loài cây khác có được.

- Cháu thử nói ta nghe!

- Dạ, cháu thấy loài cây này tuy mảnh mai nhưng có một năng lực tự bảo tồn thật mãnh liệt. Bá phụ nhìn kìa, để chống lại tuyết sương, nó trút hết lá để lấy nhựa nuôi thân, và nuôi cả những cái mầm nụ; chỉ mai đây nó lại xòe tung ra rực rỡ, cùng với những đọt lá non đẹp hơn cả bộ lá già cũ. Loài cây này, thưa bá phụ, cháu thấy nó có khí chất tựa tựa như dân tộc Đại Việt ta vậy. Cho nên cháu không nghĩ rằng chi mai lại hợp với tâm thức người ẩn dật, mà thực nó hợp với tính quật khởi của các bậc có chí khí anh hào.

Nghe Trần Khắc Chấn nói, Nguyên Đán không khỏi

khâm phục tính mẫn nhuệ của tuổi trẻ. Nhưng ông thật đau lòng và có phần hơi hổ thẹn, vì có lúc ông đã nghĩ: "Không biết nó thuộc phe đảng nào đến dò tìm ta".

Khi vào tiệc rượu, rượu được ba tuần, chủ khách xem ra không còn dè dặt nữa.

Trần Nguyên Đán hỏi:

- Vừa rồi ta nghe dân chúng khắp cõi đồn rằng sau vụ lụt, hoàng thượng về Thiên Trường và nhiều nơi khác, ban thần dược "Hồng ngọc sương" cùng gạo, tiền đến tận tay dân bị nạn, ta mừng quá. Nếu các việc tiếp theo mà cứ cái đà nhân nghĩa này, lòng dân chắc sẽ quy phụ, chứ không còn cái nạn như Ngô Bệ nữa để cháu phải ra tay.

Trần Khắc Chấn dằn mạnh bát rượu xuống, mặt sa sầm:

- Tiếc thay đó là điều bá phụ nghe người ta đồn. Chính cái vụ Thiên Trường đó, mà chỉ có Thiên Trường thôi không có nơi nào khác nữa đâu. Cháu dẫn quân cấm vệ đi hộ giá chứ ai.

Trần Khắc Chấn kể lại các việc như nó đã xảy ra.

Nghe xong, Trần Nguyên Đán thở dài:

- Đại bất hạnh cho cả dân tộc, khi mà sự dối trá lại ngự trị trên chính ngai vàng điện ngọc. Vậy cháu bảo ta không ẩn dật thì còn làm gì được nữa? Đoạn ông đứng dậy với tay lấy cuốn sách trên án thư. Vừa mở sách, Nguyên Đán vừa nói - Nhân vụ lụt ta có viết vài dòng cảm tác, cháu thử đọc xem sao.

Trần Khắc Chấn vội đón lấy. Chàng nhẩm đọc:

***Nhâm dần niên lục nguyệt tác*[1]**

Niên lai hạ hạn hựu thu lâm

Hòa cảo miêu thương lại chuyển thâm

Tam vạn quyển thư vô dụng xứ

Bạch đầu không phụ ái dân tâm.

Đọc xong Trần Khắc Chấn lặng người đi. Chàng biết bá phụ thương dân đến cháy lòng, nhưng bất lực, nên dồn trút tâm can vào ngọn bút. Vẻ mạnh dạn, chàng thưa:

- Trình bá phụ, cháu thấy cái tâm của bá phụ quả là đã mệt mỏi, muốn lánh ẩn thật, nhưng cái chí của bá phụ thì không hẳn thế. Cháu chỉ mong sao các bậc tài đức, quyền thế như bá phụ, hãy góp sức lại hưng thế nước lên. Cứ như thiển ý của cháu thì thế nước đang có đà lâm nguy.

Lúc này Nguyên Đán không còn dè dặt nữa, ông nói:

- Cháu còn ít tuổi đã biết nghĩ thế, huống chi ta. Nhưng tình thế khó lắm. Triều đình thì năm bè bảy mối. Bè nọ đảng kia hầm hè cắn xé nhau. Hoàng thượng thì mải mê trong thú vui đọa lạc, bị lũ bảy tên thao túng. Thực quyền trị nước, hiện ở trong tay bọn chúng. Vì chúng được

---

Dịch nghĩa: Thơ làm vào tháng 6 năm Nhâm dần (1362)
Năm nay mùa hè bị hạn, mùa thu bị lụt,
Lúa khô mạ thối, tai hại càng nhiều.
Đọc ba vạn cuốn sách mà thành vô dụng,
Bạc đầu luống phụ lòng thương dân.

hoàng thượng mê muội tin dùng. Cháu bảo bọn ta làm gì được. Hoàng thượng gạt hết các người thân tín, vừa có tài có đức trong hoàng tộc ra khỏi bộ máy triều đình rồi. Như ta, hàm là quốc thượng hầu, một trong những tước vị đầu triều, nhưng thực quyền lại không có gì. Ta chỉ được coi sóc một trấn nhỏ, vài chục tên quân với một dúm dân, chúng nó bóp chết lúc nào mà chẳng được. Còn cái Đài khâm thiên giám kia, có ai cần gì đến nó.

- Cháu thật có lỗi, trước đây cháu đã ngờ bá phụ cầu tìm sự an nhàn. Nào đâu cháu có biết được nội tình lại suy đốn đến mức này. Đáng tiếc, dạo ấy giá thái hậu cứ làm già lên, cứ thi hành cái án theo sớ thất trảm của quan Tư nghiệp Quốc tử giám Chu An cáo giác, thì phúc cho nước biết mấy!

- Đó là sự tức giận nhất thời thôi, chứ bà thái hậu không có bản lĩnh như Ỷ Lan[1] phu nhân, hoặc Linh Từ[2] quốc mẫu. Âu cũng là vận số nước mình thôi cháu ạ! Trần Nguyên Đán buông một câu đầy thất vọng.

- Trình bá phụ, cháu không tin vào vận số. Cháu chỉ tin vào các bậc cân quắc ra tay, thì lũ tiểu nhi chúng cháu dù có phơi thây trên nội cỏ cũng xin vác giáo theo hầu.

---

[1] Ỷ Lan, nguyên phi của Lý Thánh tông (1054-1072).

[2] Linh Từ quốc mẫu trước lấy Lý Huệ tông sinh được hai công chúa. Sau lại lấy Trần Thủ Độ. Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ 1257, bà là người có công sơ tán các gia đình hoàng tộc và cả việc hậu cần, quân lương.

- Thôi được, hẵng cứ ngẫm. Nhưng ta mừng, nước vẫn còn được những người có tâm huyết như cháu, thời còn có hi vọng.

Khắc Chấn lại hỏi:

- Thưa bá phụ, cháu xem như sức quân ta bây giờ yếu lắm. Giả sử có giặc bắc, giặc nam, chưa chắc đã giữ được nước như thời Trùng hưng.

- Cháu đo sức quân thế là đúng. Ta cũng lo lắm.

- Dạ, thưa bá phụ, mặt nam, quân Chiêm Thành đang ráo riết nhòm ngó đất Hóa Châu. Mà người Châu Hóa cũng chia lòng lắm. Họ không còn mấy tin ở triều đình nữa.

Ngừng một lát, như để suy nghĩ thêm điều gì đấy mà từ lâu ấp ủ. Trần Khắc Chấn lại nói:

- Trình bá phụ, thế tại sao hiện nay dân đói, tướng hèn, quân nhát? Chẳng nhẽ Hưng Đạo binh pháp hết phép mầu rồi chăng?

Trước câu hỏi có quan hệ đến sinh mệnh của bản thân, và sự hưng vong của nước mà Trần Khắc Chấn đặt ra, quan quốc thượng hầu suy nghĩ lung lắm. Ông chưa say, sức rượu ông không kém Lê Tần, Trần Nhật Duật xưa kia. Vì thế mà ông phải cân nhắc. Biết điều xấu, tốt mà không giảng giải cho con cháu nghe là ích kỷ, là không phải đạo. Biết điều phải quấy mà không giúp cho người khác biện biệt được là hèn. Chẳng lẽ ta lại là một kẻ vừa ích kỷ vừa hèn sao? Trần Nguyên Đán tự hỏi. Và ông cũng thầm trả lời - Không! Ta chưa bao giờ là một kẻ hèn, một kẻ ích kỷ.

Nếu có nhiều việc ta chưa làm được như chí ta ấp ủ, thì đấy là do thời thế. Còn ta thì chưa đủ sức để tạo ra thời thế, đành khoanh tay thúc thủ như một kẻ bất tài.

Ông sửa lại nếp áo rồi nhìn thẳng vào mắt Trần Khắc Chấn, như để một lần nữa đo lường tính trung thực và cương dũng của chàng. Đoạn ông nói:

- Này cháu!

- Dạ!

- Cháu có biết điều ta hỏi cháu hệ trọng đến mức nào không? Nếu bàn cạn nhẽ mà việc này tới tai hoàng thượng, là bác cháu ta mắc tội khi quân đấy. Thôi được, bác cháu ta có khi chỉ còn lần gặp này. Bác xem cháu như người bạn tri ngộ. Bác sẽ nói tất cả. Nhưng trước khi nói, có khi ta với cháu phải đến trước bàn thờ tổ phụ thắp một tuần nhang. Ta muốn thế, vì đây là cuộc luận bàn có quan hệ đến thế nước, mà từ lâu ta đã cố quên không nghĩ tới.

Trần Nguyên Đán liền đứng dậy đi trước, Trần Khắc Chấn theo sau vào hậu đường. Nơi có bài vị thờ Trần Quang Khải và Trần Hưng Đạo.

Nguyên Đán lầm rầm khấn điều gì Khắc Chấn không nghe được, nhưng chàng cho đó là những lời tâm huyết thiêng liêng lắm.

Từ nhà thờ hai vị đại anh hùng bước ra, Trần Khắc Chấn thấy lòng thư thái, và chàng cảm thấy như mình vừa được gột rửa một thứ nước thơm tinh khiết. Chàng chờ đợi.

Trần Nguyên Đán nhìn cháu, thong thả nói:

- Cháu hỏi ta vì sao dân đói? Dân đói là do triều đình ăn của dân nhiều quá. Tức là tô thuế quá nặng; và do quan lại tham nhũng, bòn rút của dân đến cạn kiệt. Còn tướng hèn, là do cất nhắc người không có năng lực và khí chất vào các cương vị trọng yếu. Một tướng văn dốt nát, cho sang làm bình chương quân quốc trọng sự, thì các tướng dưới quyền sẽ khinh mà không tòng phục. Cầm quân đánh dẹp một vài trận mà thua, là khí thế ba quân dâm nhát sợ đi, hèn đi chứ sao. Hoặc tướng võ, mà không tinh thông binh pháp, văn chương, thì chỉ là một thứ võ biền, là ngu tướng. Tướng đã ngu, đã hèn thì quân còn dũng làm sao được mà không nhát. Cháu xem thời Trùng hưng, các vị tiền bối của chúng ta, các bậc tướng soái đều văn võ kiêm thông, mà yêu lính như con. Thời Trùng hưng được thế, là vì có các đấng minh quân trị vì. Triều đình không những thâu tóm được tất thảy người tài đức dùng cho nước, mà còn có chính sách thân dân, lo cho dân từ mảnh ruộng cấy con trâu cày. Bây giờ thế nào thì cháu đã biết. Triều đình khinh dân lắm. Coi mạng dân không bằng con chó, con lợn.

Vua đã coi dân như chó, lợn, thì dân cũng coi vua như hùm, như sói, như cừu thù. Vì thế mới có nạn Ngô Bệ, và xem ra sẽ còn nhiều Ngô Bệ khác nữa cháu ạ. Với một vẻ chán ngán đến mệt mỏi, quốc thượng hầu bèn tựa thân vào chồng gối xếp. Nuốt một hơi thở sâu vào đáy bụng, ông lại nói - Hưng Đạo binh pháp không bao giờ hết phép mầu được. Nhưng dùng nó phải có đức. Đức lớn lắm mới

dùng được. Thử hỏi, thượng tể Quốc Chẩn có tội gì mà phải rụng đầu nơi pháp trường? Đem quân pháp giết người đồng tông vô tội là ngu quân, thất đức chứ sao. Cháu có nhớ trong "Vạn kiếp tông bí truyền thư" có một nhời huấn giáo như sau: "*Sau này con cháu và bồi thần của ta có học được bí thuật này, thì nên lấy lòng sáng suốt mà thi hành bày xếp, không nên lấy ngu tối mà dạy truyền, trái thế thì mình phải chịu tai ương mà vạ lây đến con cháu*".

Nghe bá phụ đọc lại lời dặn của Hưng Đạo, Trần Khắc Chấn thấy lạnh gáy. Chàng nhớ lại vụ án Thượng tể Quốc Chẩn năm Mậu thìn (1328) thời Trần Minh tông, mà sinh thời cha chàng thường kể, với tất cả sự nhức nhối và phẫn uất. Như thế là các việc đều đã tỏ sáng.

Nguyên Đán ngừng lời, đôi mắt ông lim dim như mơ như thực.

Trần Khắc Chấn nhẹ nhàng nói:

- Lạy bá phụ, trước đây trong đầu óc, trong suy nghĩ của cháu cứ như một lớp mây mờ, không thể nào mà gạt đi để nhìn cho thấu suốt được. Nay nghe bá phụ giảng giải, cháu như người mù thấy lại ánh sáng, nhận biết đường đi. Cháu biết, đây là những điều trọng yếu, cháu hứa sẽ không hở môi ở bất cứ nơi chốn nào với bất cứ ai. Nhưng có nhẽ, bá phụ cho phép cháu mà đừng coi cháu như một kẻ mạn xược bất kính các bậc bề trên, vì cháu còn trẻ, nên cháu vẫn phải đi theo đường của cháu, bá phụ đi theo đường của bá phụ.

- Giỏi! Cháu nói thế là hữu lý và trung thực. Trần Nguyên Đán tỏ lời khen.

- Thưa bá phụ, còn một việc nữa cháu vẫn cứ phân vân. Bởi nhẽ hồi ấy cháu còn nhỏ chưa biết gì, mà các bậc bề trên khi xác định đương kim hoàng thượng[1] thường nói rằng đời Thiệu phong công việc chính trị tốt, chỉ có từ Đại trị tới giờ chính sự mới đổ đốn.

- Nhầm! Trần Nguyên Đán phân định ngay mà không cần phải suy xét. Đời Thiệu phong bắt đầu từ năm Tân tỵ (1341). Khi ấy đức Dụ tông lên ngôi mới có sáu tuổi. Niên hiệu này kết thúc năm Đinh dậu (1357) cũng là năm thượng hoàng Minh tông băng. Phải hiểu rằng các quyết sách thời ấy đều do ở tay thượng hoàng cả. Những gì mà Dụ tông làm được cũng bắt đầu từ niên hiệu Đại trị[2]. Vì vậy thầy học của nhà vua mới phải dâng sớ "thất trảm" chứ.

- Dạ cháu hiểu! Đa tạ bá phụ.

---

[1] Ám chỉ Dụ tông.

[2] Niên hiệu Đại trị từ Mậu tuất (1358) đến Kỷ dậu (1369) là năm Dụ tông mất.

VII

Không phải sớm ấy Chu An bỏ Thăng Long không về thẳng núi Phượng Hoàng vùng Chí Linh, mà phải sống tá túc vào đâu đó. Việc này ông đã có dự liệu từ trước. Nghĩa là từ năm Tân mão (1351), khi Trâu Canh dâng phương thuốc phục dương cho Dụ tông, được thượng hoàng Minh tông chấp thuận. Ông nhận ngay ra tính phi nhân của thượng hoàng. Năm ấy Dụ tông vừa tròn 15 tuổi. Chữa trị xong được bệnh liệt dương thì Dụ tông mắc phải hai bệnh mới: bất nhân và vô luân. Vì rằng ông ta phải dùng tới 21 chiếc mật của trẻ con mạnh khỏe làm thang cho phương thuốc, rồi lại thông dâm với chị ruột mình là công chúa Thiên Ninh.

Cũng từ đấy, Chu An nhận thấy người học trò của mình dần dần đổi tâm đổi tính. Sao nhãng việc học. Lén dấu đọc các loại yêu thư. Và nhất là ham mải con đường sắc dục, do Trâu Canh cùng tên hoạn quan chi hậu cục Mai Thọ Đức dẫn dắt.

Đã đôi lần quan Tư nghiệp có trình lên thượng hoàng Minh tông về sự lo lắng của mình, và xin thượng hoàng

nghiêm huấn cho nhà vua. Nhưng xem ra thượng hoàng cũng không quan hoài gì nhiều lắm. Thành thử người học trò vĩ đại của ông ngày càng xa lánh cái đạo của người quân tử, mà lại yêu thích cái đạo của lũ tiểu nhân.

Tiếp đến các năm của niên hiệu Đại trị, tức là từ sau khi thượng hoàng Minh tông mất, nhà vua đã 23 tuổi, bắt đầu vào tuổi trưởng thành và tự xác lập vương quyền, thì nhà vua càng tin dùng bọn bất nhân, vô tài. Chúng đua nhau đục khoét dân lành, kéo bè lập đảng để hại người hiền tài không thuộc phe cánh chúng.

Căm giận bọn quan lại sói lang, Chu An đã nhiều lần bầy tỏ nỗi lo lắng của mình trước nhà vua. Xin đức vua lưu tâm dùng người tài đức, và chỉnh đốn mối rường cho có kỷ cương của một triều đại; rồi còn phải lo đến việc dân, việc binh. Cương mục của một nước không thể tùy tiện được. Nhà vua không phản bác ý thầy, nhưng cũng không nghe, không làm các việc quang minh chính đại, ích quốc lợi dân như Chu An đã xướng xuất.

Tự biết rồi cũng có ngày phải từ quan, phải vĩnh biệt đất Thăng Long văn hiến, nên nhân một cuộc nhàn du về vùng Kiếp Bạc, Bình Than rồi ra cửa sông Bạch Đằng do Trương Hán Siêu mời đi trong chuyến ông kinh dinh lộ Hải đông hồi năm Nhâm thìn (1352). Dọc hành trình Chu An thường chú ý đến tài thơ văn, và phần nào là đức hạnh của họ Trương, nên cũng cảm mến ông. Bởi ông là môn khách của đức Hưng Đạo đại vương từ thuở niên thiếu,

hẳn nhiên là hấp thụ được đức tốt của ngài. Trong số các trước tác của Trương Hán Siêu, Chu An thích nhất bài "Phú sông Bạch Đằng". Nói về hào khí Đại Việt, mà viết như "Bạch Đằng giang phú" thời thực là tuyệt bút. Sông Bạch Đằng từ Ngô vương Quyền chém Lưu Hoằng Tháo (938), đến Hưng Đạo cả phá quân Nguyên trong trận đại thủy chiến năm Mậu tí (1288), đã có biết bao người viết về chiến công hiển hách này, nhưng đều bị lu mờ trước Hán Siêu. Phải chăng Hán Siêu được nuôi dưỡng trong cái hào khí đó, nên phát lộ được ra bằng thi phú chăng?

Ngồi trong thuyền nghe sóng vỗ lóc róc quanh mạn, lại cả tiếng gió ngàn từ hai bên bờ lau sậy, rừng rú bạt ngàn; tưởng như nghe lại được tiếng gươm khua, tiếng quân thét. Chợt thi hứng nổi lên, Chu An đã toan lấy giấy bút ra viết. Nhưng ngửng thấy Hán Siêu ngồi trước mặt, Chu An chột dạ đành nén lại một tứ thơ. Tựa như Lý Bạch tới lầu Hoàng Hạc, ngửng nhìn lên vách đã thấy thơ Thôi Hiệu. Đọc xong, ông buồn bã thốt lên:

"Nhãn tiền hữu cảnh đạo bất đắc.

Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu" [1]

Chuyến đi này Chu An ngắm được một thế đất ưng ý. ấy là một dải núi, rừng già phủ kín, nom có cái dáng của

---

[1] Nghĩa là:

Trước mắt có cảnh nói không được.

Thôi Hiệu (đã) đề thơ ở trên đầu rồi.

một con phượng hoàng giương cánh. Thấy tình thế trong triều ngày một khó chịu, vài năm sau Chu An sai một số môn sinh và gia nhân ra dựng cho ông một nếp thảo lư bên khe suối. Có bậc đá dẫn tới thềm, có cổ thụ bao quanh, lại có giếng thơi và một vài thứ cây cảnh mà ông ưa xem ngắm.

Giận vì Dụ tông mê đắm vào con đường vô đạo, lại khi mạn không đếm xỉa gì đến sớ cáo giác bảy tên quyền gian, mà ông đã dâng tới hai tháng. Chu An liền phủi áo ra đi. Ông đi một mạch tới mái lều tranh của ông nơi núi Phượng Hoàng.

Tưởng rằng xa lánh một ông vua ngu tối, một triều đình mục nát về bạn bầu với cây cỏ chốn lâm tuyền cho thư tĩnh. Ai dè, ở chưa ấm chỗ, các bậc cố lão trong vùng nghe danh tiếng ông, tới tấp đến thăm viếng. Và nài nỉ xin lập một ngôi trường ngay cạnh thảo đường của tiên sinh, để tiên sinh dạy cho con cháu họ. Không thoái thác được, Chu tiên sinh đành trở lại với nghề. Những đứa trẻ con nhà lương dân này, xem ra chúng biết tôn sư trọng đạo hơn nhà vua nhiều. Bởi vậy, tiên sinh cũng tìm được nguồn vui trong cái đạo của người thầy.

Lại nói đến Dụ tông, sau khi thầy học đã bỏ đi, mặc nhiên ông không học ai, và cũng không ai dạy ông được nữa. Nhưng thái hậu Hiến từ, đôi khi vẫn cứ nhắc tới Chu An với tấm lòng kính ái. Để làm vừa lòng mẹ, Dụ tông lại cho sứ đến thăm hỏi sức khỏe Chu An và ban cả áo mũ.

Bất đắc dĩ phải nhận, nhưng khi sứ giả đi rồi, thời ông lại đem các thứ đó cho các bậc cao niên nghèo túng trong vùng. Và ông cũng chỉ gởi lời sứ giả về đáp lễ vua, chứ không hề có một chữ nào cho Dụ tông cả. Nhiều lần Dụ tông phàn nàn với thái hậu: "Con đã mấy phen cho triệu Chu tiên sinh về triều, muốn giao cho tiên sinh vài trọng trách mà ông đều từ chối".

Biết tính của tiên sinh, bà thái hậu khuyên Dụ tông: "*Người cao thượng, tiết tháo như thế, quan gia sai bảo sao được*". Từ đấy không bao giờ Dụ tông nhắc đến người thầy học của mình nữa, mà ông chỉ lo xem việc xây cung thất mới đến bao giờ thì hoàn tất.

Cũng là chuyện không may, khi khởi công xây dựng được ít lâu thì trời làm hạn hán. Tiếp đó là lụt, phá nát tới gần nửa số công trình. Của kho nhà nước có hạn. Dân chết đói đầy đường, lại còn các việc binh nhung, hàng trăm thứ chi tiêu mà chỉ trông vào có ngọn lúa của đám dân cày, rồi liền năm mất mùa, dân lấy gì đóng thuế. Việc xây cất có nguy cơ phải đình hoãn.

Lũ gian thần họp nhau lại bàn mưu tính kế. Chúng quyết bằng mọi cách phải xây cất được cung thất như đã hứa, để làm đẹp lòng vua. Trước hết là phải gia tăng thuế khóa, không đánh vào bọn khố rách áo ôm được vì mùa màng mất trắng, thì phải thẳng tay móc túi bọn giàu có.

Hành khiển hữu ty Tâm Đức Ngưu xin vua cho ban một sắc luật mới, tức là luật kiểm điểm tài sản. Luật này

chỉ áp dụng cho các nhà quyền quý, các đại phú gia. Tức như trước kia, những người quyền quý ấy, những chủ nhân gia sản lớn ấy mất đi, đương nhiên mọi thứ của cải tài sản, vợ con họ có quyền thừa kế. Nay theo luật mới, khi các người ấy chết đi, lập tức phải kê biên tài sản. Vật gì quý báu, nhà nước thu lấy.

Vì sắc luật mới này mà nhiều người chết, quàn đến thối ra cũng chưa báo tử, chưa phát tang, bởi gia nhân còn tìm cách chôn giấu hoặc phân tán tài sản.

Một sắc luật khác về điền thổ có tên là "xắn chân bãi cát bồi". Hầu hết các bãi đất mầu mỡ ven sông, trước đây đều chia cho các vương hầu, các công chúa để lập điền trang. Còn nông nô được tha thải, muốn có ruộng cấy phải khai phá các đất rừng hoặc đất ngập mặn. Các chân bãi bồi ấy nếu như thủy lưu thay đổi bồi đắp lên, có khi cả một dải dài tới mấy trăm mẫu, mặc nhiên người chủ của bãi đất có chân cát bồi ấy được tọa hưởng. Nay theo sắc luật mới, chiểu theo diện tích được cấp cũ, dôi ra bao nhiêu thì chủ đất phải đóng thuế. Thuế truy thu từ ngày có chân bãi bồi mới. Vậy có người phải đóng ngược lên tới mấy chục năm liền. Nhiều nhà khuynh gia bại sản về luật thuế mới, ai không đóng thuế, dất ấy nhà nước thu lấy bán.

Chỉ với hai sắc thuế này, lũ quyền gian thu về không biết bao nhiêu của cải tài sản tiền bạc; cho nên việc xây cất cung thất cho vua không lúc nào ngơi nghỉ. Nhưng cũng chỉ với hai sắc thuế này, nhà vua đã bị toàn bộ giới vương

hầu và quý tộc ngấm ngầm chống lại. Như thế cũng có nghĩa là dưới triều Đại trị của Dụ tông, khắp trong nước, không kể giàu nghèo, ai ai cũng được nhà vua móc túi.

Ngoài các sắc thuế mới mà từ thượng cổ chưa có, lũ quyền gian còn tìm mọi cách để sao vơ vét được nhiều tiền bạc nhất, trước hết là cho chúng, sau đó mới cho vua. Bởi thế, chúng moi móc không trừ một thứ gì, không từ một ai, kể cả thân tín trong hoàng gia, hoàng tộc cũng thế thôi. Ví như Ngô Dẫn, trại chủ xã Đại Lại, là một phú gia địch quốc, trong nước ai cũng biết tiếng. Lai lịch là do về đời Minh tông, cha Dẫn bắt được một viên ngọc rết to, đem ra thương cảng Vân Đồn bán cho người ngoại quốc. Một chủ thuyền buôn lớn người nước Nguyên, biết đây là viên ngọc cực quý. Ông ta liền bán hết cả hàng hóa và đội thương thuyền của mình đi, để mua bằng được viên ngọc ấy. Gia đình Dẫn trở nên giàu có. Minh tông bèn đem công chúa Nguyệt Sơn gả cho Ngô Dẫn.

Viên phò mã này phần thì ở xa triều đình, phần thì cậy của, nên đôi khi xử sự với công chúa có phần khiếm khuyết, công chúa giận lắm.

Dò biết được chuyện này, lũ Tâm Đức Ngưu cho người ra khích công chúa. Lại phao tin đồn rằng Ngô Dẫn đi tư thông với bọn con gái khác, và tỏ vẻ khi mạn công chúa. Tức giận vì ghen tuông, công chúa Nguyệt Sơn cáo giác về triều. Nhận được tờ điệp này, bọn chúng xin vua trị tội phò mã Ngô Dẫn. Vua y án. Ngô Dẫn được tha tội chết,

nhưng toàn bộ gia sản bị tịch thu. Ấy đại loại những chuyện kiếm cớ cướp lột trắng trợn như thế, nhiều không kể hết được.

Thấy bọn từ hoạn quan Mai Thọ Đức đến ngự y Trâu Canh, rồi hành khiển tả ty lang trung Nguyễn Thanh Lương, hành khiển hữu ty lang trung Tâm Đức Ngưu, đồng bình chương sự Đoàn Nhữ Cầu tên nào cũng lập được kỳ công với vua. Đứa thì nghĩ ra cách xây dựng cung thất, đứa tìm tiền, đứa trị bệnh, đứa dắt gái cho vua hành lạc, mà mình cũng trong bọn tâm phúc cố cựu của vua cả, chẳng nhẽ không có kế gì dâng vua chăng; chính chưởng phụng ngự Bùi Khoan nghĩ vậy, y đang ngày đêm vắt óc kiếm kế tìm tiền cho vua. Và cũng là cho y.

Một hôm nhân đi qua thấy đám cung nữ đang chơi trò đánh chuyền ăn tiền. Cả cái đám trong ban nhạc cung đình, giờ nghỉ rỗi rãi chúng cũng đánh bạc. Bùi Khoan tự hỏi: "Tại sao ta lại không lập một chiếu bạc cực lớn trong cung này mà chơi. Cứ gọi là hốt bạc của thiên hạ". Y ngỏ ý xin phép vua. Vua bằng lòng cho. Thế là chính chưởng phụng ngự tư giấy triệu đến từng nhà các phú hộ trong nước. Từ vùng Bắc Giang thượng hạ đến vùng Hồng, Khoái, Hải Đông, Quốc Oai, Thanh Hóa... Trong giấy y nói rõ vào cung Cảnh Linh đánh bạc để giải khuây cho hoàng thượng.

Các nhà giàu được giấy triệu về kinh sư nghĩ rằng, vinh hạnh nào bằng được vua biết đến. Nay lại có dịp vào cung

hầu ngài ngự, biết đâu chẳng có cơ may tiến thân. Vậy là họ dốc hầu bao được bao nhiêu vàng, bạc tiền nong, tính toán xem để lại ít nhiều, còn đâu mang đi hết. Người gần thì đi ngựa, kẻ xa thì đi thuyền. Nhưng dù đi ngựa hay đi thuyền qua địa giới trấn, lộ nào thời trấn lộ ấy phải cho quân hộ tống hết địa hạt của mình, rồi lại giao khách bạc cho địa giới tiếp theo, cứ thế các con bạc được lính hầu dẫn tới cung Cảnh Linh.

Chờ cho hàng trăm con bạc đã tề tựu hết về cung, Bùi Khoan mới bầy trò vua thết yến trước khi vào cuộc chơi. Trong dạ yến, Dụ tông chỉ nói có mỗi một câu: "*Thấy các ngươi là bọn làm ăn giỏi, có của ăn của để, ta cho gọi các ngươi về kinh, cốt là để khích lệ con dân trong nước, ai ai cũng có chí làm giàu. Dân giàu thời nước mạnh. Ta không mong gì hơn thế*".

Được nhà vua khen, bọn phú hộ lấy làm phấn khích lắm.

Khai mào cuộc chơi bạc, nhà vua lánh mặt để Bùi Khoan chủ sự.

Quan chính chưởng phụng ngự nói rằng, hoàng thượng cho phép khách được lưu lại cung vui chơi trong khoảng mười ngày. Cho nên đêm ấy chỉ chơi chiếu lệ, chưa có gì gọi là sát phạt.

Cũng đêm ấy, sau khi đã hành lạc xong với hai cung nữ mà viên hoạn quan Mai Thọ Đức mới kiếm được về, đã gây cho nhà vua sự sướng khoái đến không thể chợp mắt được. Mặc dù vua vẫn quen sau khi hành lạc thì gối đầu lên ngực một mỹ nữ, lại gác chân lên đùi một mỹ nữ khác

thì thiếp ngủ được ngay. Trong khi nhà vua không ngủ được, hai cung nhân lại ngủ say như chết. Dụ tông nghĩ gần nghĩ xa đến bọn tay chân thân tín, đứa nào cũng giàu nứt đố đổ vách, mà bản thân nhà vua tiếng rằng có cả thiên hạ, chứ thực của riêng thì chẳng có gì. Nhưng của kho cũng rỗng cả rồi, mà bọn tâm phúc thì cứ nay thúc phải thu khoản này, mai lấy khoản kia, thời mới có tiền chi cho việc xây cất. Vua nghĩ: "Thế tại sao ta không tìm cách lấy tiền của thiên hạ về cho riêng ta, mà không cần qua quốc khố. Như thế sẽ mặc sức chi tiêu, mặc sức hưởng lạc". Việc đầu tiên vua nghĩ tới là việc các con bạc kìn kìn tải tiền vào cung. Chúng tưởng rằng qua cuộc đỏ đen này nhiều đứa trắng tay, nhưng cũng nhiều đứa hốt được của trời cho. Bọn này cực ngu, khi đã mang tiền vào tận đây, sao Bùi Khoan nó cho các người đem ra, nếu như nó chưa lấy đến đồng tiền cuối cùng của lũ các người. Vua lại nghĩ: "Bùi Khoan cũng là tên điêu xảo. Nếu cứ để nó lột hết của lũ này, thì nó cũng chỉ cho ta một, hai phần, còn nó lấy tới tám chín phần cho mà xem".

Bỗng nhà vua bật cười lên thành tiếng, và ông reo lên thành lời: "Ta có cách rồi!".

Hôm sau, vua đi dạo quanh các chiếu bạc xem họ đánh, khi vua đến đâu, các con bạc lấy làm hãnh diện, đánh càng hăng. Cứ đi lượn vòng như thế, xem nước bạc nào đặt trên chiếu tới vài ba trăm quan, vua liền nói: "Ta cho các ngươi vào cung chơi, vui hả? Nước bạc này ta lấy hồ lì!". Nói rồi

nhà vua quờ tay vơ liền. Theo đó bọn cận thị thự lục cục tống hết vào bao. Vua làm như thế, cho đến khi các con bạc ra khỏi cung với hai bàn tay trắng.

Bùi Khoan lắc đầu chửi thầm: "Lão này nhỏ tuổi mà ranh như ma!". Và như vậy, tiền bọn nhà giàu đem tới đã vào túi nhà vua tám, chín phần, mà chỉ chạy vào túi Bùi Khoan có hai, ba phần. Vua lấy làm khoái chí lắm, và càng tìm cách để hái ra tiền.

Mấy hôm sau, Dụ tông lại nghĩ ra một mẹo mới, ngay trong khi hành lạc với hai ả mỹ nữ. Đã lâu, Trâu Canh tạo cho nhà vua một sức hám dục kỳ lạ, từ các phương thuốc kích dục và các món ăn bổ béo. Cho nên Dụ tông có thói quen bắt hai mỹ nữ vào ngự tẩm cùng một lúc. Vua chơi một ả, còn ả kia nằm bên cạnh, chờ đến lượt. Đang cỡi trên bụng mỹ nhân, vua phát đánh đét một cái vào mông ả, rồi hét toáng lên: "Hay lắm! Hay lắm!". Ả này tưởng mình làm đẹp lòng vua nên toét miệng cười, bị nhà vua đấm cho một đấm vào giữa mặt. Dụ tông có thói quen tàn bạo ngay trong khi hành lạc. Sướng khoái thì ông ta làm đủ trò, nhưng lỡ có mỹ nhân nào chưa biết tính vua mà dám chia sẻ niềm khoái lạc ấy, thì hãy coi chừng. Bởi vua cho rằng, đàn bà mà như thế là không đoan trang, không trung tiết!

Hôm sau hoàng thượng cho đòi quan quốc khố và hình quan vào chầu tại cung Cảnh Linh. Dụ tông nói:

- Ta cũng cần có tiền để tiêu mà không phải cứ mỗi lúc đều lấy trong quốc khố.

Nghe vua nói các quan mừng lắm, tưởng nhà vua đã hồi tâm, từ bỏ con đường xa phí, nhưng các quan chưa kịp vui thì vua lại tiếp:

- Nay các ngươi theo ý ta mà ban một đạo dụ về tiền tỉnh mạch. Tức là việc xuất nhập tiền kho của nhà nước. Lệ thu vào, cứ mỗi quan là 60 tiền, vẫn như cũ, nhưng khi xuất ra, mỗi quan chỉ có 58 tiền thôi. Mỗi tháng quốc khố phải dồn tính vào một ngày cuối, xem đã xuất là mấy mươi vạn quan, chiếu theo số xuất ấy, bạc dôi ra bao nhiêu đem sang cung Cảnh Linh nộp cho ta.

Các quan tái mặt, không tin ở tai mình nữa.

Hình quan liền can:

- Xin bệ hạ tỉnh trí lại, khắp thế gian từ thượng cổ chưa có luật này.

Dụ tông giận lắm, đập long án quát:

- Sao các ngươi ngu thế? Ta đã nghĩ bao đêm ròng mới nảy ra được mẹo đó. Ngàn vàng không mua nổi. Các ngươi ngẫm xem, luật này chỉ có lợi. Một là bớt được tiền quốc khố phải chi, hai là ta cũng đỡ mang tiếng phải tiêu tốn tiền kho nhiều quá. Thật là nhất cử lưỡng lợi. Nhà vua nở một nụ cười cầu hòa.

Các quan biết có liều can hơn nữa cũng không được, đối với một người vừa tham bẩn, vừa có quyền lực tót vời, muốn giết ai chỉ một cái phẩy tay là xong. Hình quan tự nghĩ: Suy cho cùng thì khi ta ban hành những luật lệ mới, dù có ích cho xã hội để hủy bỏ những luật lệ đã thành nếp

quen thuộc đời đời đối với dân chúng, là ta phạm vào tội chống lại những luật lệ trước đó. ấy thế mà hiện thời phải ban những luật lệ mà bản thân nó đã là tội ác đối với đương thời rồi thì thật là khủng khiếp quá, man rợ quá. Đời sao nhố nhăng làm vậy. Luật pháp kiểu này chỉ là lưỡi gươm cực sắc để cho một người dùng bậy.

Với lòng khinh ghét đến tận tủy xương, quan quốc khố quỳ lạy nhà vua đủ bốn lạy, giọng ông run lên:

- Bệ hạ đúng là một đấng anh minh! Chỉ một mẹo nhỏ của bệ hạ, giá còn cao hơn cả nghìn vàng! Đầu óc chúng thần ngu tối, trì độn không sao theo kịp được tài trí của bệ hạ!

- Được, các khanh cứ thế mà làm - Nói rồi nhà vua vẫy tay cho lui.

VIII

Điện chính và cung thất đã xây cất xong. Phải nói đây là một kỳ công và cũng là một kiệt tác của con người trên thế gian. Nếu như cung Cảnh Linh được liệt vào cung đẹp nhất trong các cung trước đây, đến ngay Thoát-hoan hồi sang xâm lấn cũng phải thốt lên: "Cung thất của Nguyên triều không thể hơn được", thời so với cung mới này chưa thấm vào đâu. Nóc điện chính cao gần bằng tháp Báo Thiên, là ngọn tháp cao nhất Thăng Long hồi đó. Cũng trên nóc điện ấy đắp hai con rồng, vây cẩn toàn bằng ngọc bích, hai mắt là hai viên ngọc minh châu, chầu về chiếc mặt nhật bằng vàng hình lá đề to bằng cái mẹt, giữa cẩn một viên hồng ngọc to như cái đấu. Mái điện lợp ngói lưu ly men vàng. Những màu sắc ấy, những vàng ngọc ấy, ngày bắt ánh sáng mặt trời, đêm bắt ánh sáng trăng sao, luôn tỏa ra những thứ màu huyền ảo, khiến ta có cảm giác đây là một tòa điện từ chốn thiên tiên rơi xuống Thăng Long. Các hàng cột hành lang điện to tới ba người ôm, đều được bọc bằng vàng dát mỏng. Hành lang dài, rộng có thể đặt đại tiệc tới cả ngàn người vẫn

chưa hết chỗ. Những bức trạm trên các khung cửa hoặc các vách ngăn, là những công trình tinh xảo, do các tay thợ giỏi vào bậc nhất của kinh sư, và của cả nước dồn về. Mỗi bức trạm là một cảnh sinh hoạt trong tứ dân. Lại có cả một bức trạm liên hoàn chạy theo bốn mặt của tòa điện, nói về các trận phá quân Nguyên thời Trùng hưng. Cái tài tình của họa sư và các thợ khắc trạm là ở chỗ, chỉ xem hết các cảnh ở đây, đã có thể hình dung đầy đủ cuộc chiến thời ấy náo nhiệt và oanh liệt biết dường nào. Nó chính là cuốn sử được viết bằng tranh khắc trạm cực kỳ tinh xảo. Đấy mới chỉ là phía ngoài của tòa điện. Còn trong nội thất thì không thể nào tả hết được các đồ trần thiết bầy biện quý hiếm, và xa xỉ. Các loại mà ta thường nói như đũa ngà, chén ngọc, mâm vàng, giường thất bảo chỉ là những thứ được xếp vào loại bình xoàng ở cung này. Điện chính đã xây xong, nhưng các công trình khác nằm trong thế hài hòa thời vẫn còn đang gấp rút hoàn thành. Tác giả kỳ tài của tòa điện này, là một người buộc phải ẩn danh. Nhưng hành khiển tả ty lang trung Nguyễn Thanh Lương thì mạo nhận là do y phác kiểu, và truyền đạt các ý đồ cho thợ làm. Ngôi điện chính tuy đã xong, nhưng vẫn chưa đặt nổi một cái tên. Việc này còn đang tranh cãi nhau dữ lắm. Tới khi hàng trăm người chuyển được hai cây quế lớn từ rừng về, thân cây to tới hai người ôm không xuể đem trồng trước điện. Dụ tông bèn nói: "Sao không gọi điện này là điện Song Quế". Thế

là triều thần ùa vào tán dương cao ý của hoàng thượng. Và điện mang tên: "Song Quế".

Trong vườn ngự phía sau điện Song Quế, hàng mấy ngàn nông nô đang ngày đêm đào một cái hồ cực lớn. Giữa hồ, lấy đá dấp thành một trái núi với hình dáng, hang hốc và cây cỏ, tưởng như nó đã có ở đấy tới cả ngàn năm. Lại khai chín con ngòi chầu vào hòn núi giữa hồ, tạo cái thế cửu long tranh châu[1]. Và chín con ngòi kia thông với nhau được bởi một con kênh lớn bao vòng quanh ngoài hồ. Thuyền nhỏ có thể đi lại dễ dàng trong ngòi. Trên bờ hồ và bờ kênh trồng tùng và đủ các thứ hoa thơm cỏ lạ. Hàng trăm cây cầu vồng nhỏ, gọi là tiểu kiều, bắc qua các con ngòi, tạo thành những lối đi kỳ thú dưới các vòm cây tỏa bóng mát rượi, và hương hoa thơm phức. Lại có ba cây cầu vồng lớn gọi là đại kiều, bắc vào trái núi giữa hồ làm theo kiểu thượng gia hạ kiều[2], có lan can, tay vịn, soi trạm kỳ công.

Mọi công việc đều đang được tiến hành gấp gáp để còn kịp khánh thành vào dịp nguyên tiêu. Vì thế, hễ ai có sơ suất gì là trị tội liền. Số người chết từ ngày khởi công đến nay, tính đến gần ba năm, cộng lại tới hàng vạn. Đủ các kiểu chết: Chết đói, chết bị gỗ đè, đá rơi. Chết vì kiệt sức. Chết vì ốm bệnh. Chết vì làm sai quy cách. Chết... chết nhiều lắm! Có thể nói điện Song Quế được xây cất thuần

---

[1] Chín con rồng tranh nhau viên ngọc.

[2] Cầu có mái che như mái nhà.

bằng xác của nông nô, của sơn tràng, của các loại thợ tinh xảo trong toàn cõi Đại Việt.

Để ngày khánh thành điện là ngày hội vui của cả nước, ngay từ tháng mười, vua đã truyền cho các vương thần, các công chúa và các trấn, lộ dâng các trò chơi vui, lạ. Vua sẽ đích thân chấm chọn, rồi ban thưởng cho trò chơi nào hay nhất. Và cũng qua cuộc thi này, sẽ chọn một số trò được đem vào trình diễn tại điện Song Quế, nhân lễ đại khánh. Nhưng tới kỳ hạn, vua ra đài ngự để xem các trò lạ; thì cũng thật là lạ, không có một vương hầu, một công chúa, một lộ trấn nào về dâng trò cả. Chờ mãi đến gần trưa, mới thấy có một đám leo dây múa rối vào. Phường rối diễn tích: "Đường Minh hoàng du nguyệt điện", vua thích lắm.

Sở dĩ phải đón phường rối vào lấp chỗ trống, là do chính chưởng phụng ngự Bùi Khoan không thấy các vương hầu hưởng ứng, nghĩ cứ để thế sẽ làm vua bẽ mặt, bèn cho người đi gọi phường rối. Và dặn trước: phải diễn tích ấy. Còn nhà vua tuy bầm giận đám vương hầu thật đấy, nhưng chẳng có lý gì để trị tội họ. Vì đây là cuộc thi trò vui. Ai có trò và thích thì thi, không thích thì thôi.

Lại nói đến các công trình trong điện Song Quế. Cuối tháng mười thì thấy thấy công việc trong khu vực hồ như núi non, cây cảnh đã hoàn tất, bèn dẫn nước hồ Dâm Đàm vào. Nước mấp mé bờ hồ, lập tức cảnh sắc trở nên huy hoàng. Để việc trang điểm khu hồ và vườn ngự thật ngoạn

mục, người ta cho làm thêm vườn chim, thú. Các loài chim như hạc, công, phượng, họa mi, đại bàng, trĩ, yểng, vẹt, ri, sáo... thôi thì không thiếu một loài nào. Các con vật này đều được ở trong những chiếc lồng theo đủ các kiểu dáng khác nhau, dáng nào cũng đẹp, cũng xinh. Những chiếc cóng đựng nước, đựng thức ăn cho chúng đều bằng sứ men ngọc do phường gốm Bát Tràng cống nạp.

Còn các loại thú thì từ voi, hổ, sư tử, tê giác, hươu, nai, cầy, cáo, chồn, khỉ, gấu, báo... không thiếu một loài nào. Nhưng kỳ lạ nhất trong vườn thú này là đồ cống vật của Chiêm Thành từ năm Nhâm thìn (1352) vẫn còn giữ được. ấy là một con voi trắng, một con ngựa trắng tuyền. Tức là toàn thân các con vật ấy từ mắt tới móng guốc, lông da đều một sắc trắng phau. Lại có cả một con kiến trắng dài một thước chín tấc, mỗi ngày ăn hết hai bộ gan gà. Kể cũng là vật lạ trên đời hiếm thấy.

Những cung vàng điện ngọc, chim thú quý lạ, hoa thơm trái quý, tất cả những thứ đó, tuy chưa hoàn hảo để mở hội khánh thành, nhưng đức vua đã trông thấy, đã sờ thấy. Còn như "món quà dâng ngày đại khánh" mà bọn Mai Thọ Đức cùng Trâu Canh nói hé, thì quả nhà vua chưa biết nó là cái gì. Trong đầu óc, nhà vua dự đoán: Chẳng qua lại cũng mấy con mỹ nữ mà bọn kia còn dấu ta. Song không biết nó xinh đẹp, nó khác lạ kỳ thú ở chỗ nào, chứ cứ như cái bọn gái tơ, thì có gì mà lũ này phải giấu giếm. Tuy nhiên, Dụ tông cũng thừa biết, đó là thứ cực lạ.

"Đằng nào rồi chúng cũng phải dâng ta". Nghĩ vậy, nên nhà vua cũng không thóc mách dò tìm nữa.

Nhà vua nghĩ giản đơn có vậy, nhưng đối với Mai Thọ Đức và Trâu Canh là cả một kỳ công, mà chúng phải lo từ bốn năm nay. Trâu Canh đặt cho Mai Thọ Đức một số quy chuẩn về lựa tuyển đám mỹ nhân này, khi chúng còn trong độ chín tuổi. Mỗi đứa một vẻ khác nhau, nhưng phải có ngày sinh tháng đẻ xê xích nhau không quá mười ngày. Mai Thọ Đức đi tới ba tháng ròng, bắt về hơn bốn chục đứa, Trâu Canh không ưng một đứa nào. Cuối cùng là cả Trâu, Mai đi khắp nước mới lựa được tám đứa con gái chín tuổi, mà Trâu Canh gọi là đội "Bát tiên".

Việc nuôi dưỡng và dạy dỗ bọn này, cũng là một kỳ công không kém việc xây cất điện Song Quế. Trông nom nuôi dạy bọn chúng, giao hẳn cho đám hoạn quan cùng với nữ nhạc sư, và mấy bà cung trung giáo tập. Những người đã được tham dự vào việc này đều phải giữ mồm giữ miệng, ai bép xép, mất đầu như chơi. Với đám trẻ, hàng ngày chúng được học các nghi lễ chốn triều đình. Học ăn, học nói, học cách thức mặc xiêm y và cách trang điểm, cách giữ gìn sắc đẹp. Sau rốt là học đàn, học hát và học chữ. Bằng ấy thứ học mà chỉ có trong bốn năm. Nhưng đến năm thứ ba, tức năm chúng 12 tuổi thời bắt buộc chúng phải học cho bằng được các ngón nghề gợi dục và kích dục khi được hợp cẩn với hoàng thượng. Lại

còn một việc tối hệ trọng có liên quan đến sinh mạng của các kẻ quản chế và giáo huấn chúng, nhất là bọn hoạn quan không được táy máy nghịch ngợm, khiến lũ trẻ có thể bị rách màng trinh. Và chúng cũng không được phép sờ mò nghịch ngợm vào cái của quý của chính chúng, mà tất cả chỉ là để dành dâng hoàng thượng. Vì vậy mà chúng được mặc một thứ xiêm y đặc biệt, khiến chúng không tự cởi ra được. Còn việc, đại, tiểu tiện hoặc tắm táp thì nhất loạt theo giờ giấc. Mỗi lần chúng đi đại, tiểu tiện hoặc tắm táp đều có hai hoạn quan dẫn đi, và cũng là để các quan giám sát lẫn nhau khỏi tò mò bậy bạ.

Các hoạn quan trước khi được giao cho cai quản bọn này, đã được quan ngự y Trâu Canh khám xét rất kỹ, xem bọn họ có còn sót một ly nào về khả năng tình ái nam nữ nữa không. Tức là khi thiến, vô tình còn để sót một tí hoa. Trâu ngự y cho lũ này uống một loại thuốc kích dương cực mạnh, chờ cho thuốc ngấm, rồi bắt chúng cởi hết quần áo đứng ra xếp hàng xem đám vũ nữ khỏa thân múa các điệu gợi tình. Nếu việc thử nghiệm ấy mà dương vật tên nào cương cứng lên sẽ bị chặt liền, và sau đó bị xử lăng trì. May thay bọn này không một tên nào bị loại.

Tuy nhiên, tất cả những thứ học hành, giữ gìn đó cũng chỉ là phụ. Mà chính là việc bó hai chân và bó bụng, để lũ trẻ mỗi ngày mỗi lớn, mỗi béo ra, thịt được dồn vào làm cho ngực, mông và bộ phận sinh dục của chúng đều nở nang, to mập. Việc này hoàn toàn phụ thuộc vào cung

cách cho ăn uống và thuật cuốn bó. Nếu cuốn căng quá mà không nới dần theo độ tuổi và sức lớn lên của thân thể đứa bé, thì đôi chân sẽ bị teo, chúng không mang nổi mình, không xê dịch đi lại được thời cũng chẳng khác gì một con lợn. Nó sẽ trở thành một thứ người kỳ quái, gây cảm giác ghê tởm. Mặc dù các bộ phận kia của chúng có mập mạp đến đâu cũng vô dụng. Nghệ thuật đê mạt đến tuyệt kỹ này do tên Trâu Canh bầy xếp. Vạ đó là môn thuốc bí truyền của tổ phụ y, là Trâu Tôn đem từ Trung Quốc sang, để phục vụ dưới trướng Thoát-hoan, sau truyền lại cho y.

Từ ba bốn tháng nay, lũ trẻ đã được gỡ bỏ hết các loại vải cuốn bó, chúng đã đi lại bình thường. Và đang tập những bước đi nhún nhẩy, duyên dáng.

Thường ngày Trâu Canh vẫn phải lén đến xem xét. Khi y tới, quan chi hậu cục Mai Thọ Đức đều phải kèm sát. Có lần thấy Trâu Canh vạch vòi xem xét kỹ quá, Đức đã phải ghé tai cảnh tỉnh: "Quan ngự y còn nhớ cái vụ trong cung hồi năm Tân mão (1351) không?".

Trâu Canh đỏ mặt. Y luôn luôn khinh ghét đám hoạn quan thóc mách, nhưng không tài nào gạt bỏ được chúng, bởi nhà vua rất cần bọn này, vì chúng trung thành mù quáng như một lũ chó. Trâu Canh nhớ rành rõ năm ấy y dâng phương thuốc phục dương cho Dụ tông. Y được phép ra vào trong cung cấm giữa đám phi tần của nhà vua. Vì Dụ tông liệt dương, nên đám cung phi lúc nào

cũng khao khát tình ái. Trâu Canh đã tìm cách thông dâm với bọn họ nhiều lần. Chẳng may lũ hoạn quan rình bắt được. Xét tội y phải chém bêu đầu, nhưng vì đã chữa khỏi bệnh cho nhà vua, nên thượng hoàng Minh tông tha tội chết. Chuyện đã cách đây đến hàng chục năm rồi, mà tên chó săn này vẫn không chịu buông tha. Vì vậy Trâu Canh càng căm tức Mai Thọ Đức. Tuy thế, cũng chỉ là sự hằm hè ghen tức nhau thôi. Thực ra thì họ cũng là một bè một đảng cả. Và đều được vua yêu, vì bọn họ cùng là tay chân thân tín nhất của nhà vua.

Ấy, quà dâng vua của các bậc sủng thần kỳ quái là vậy đó. Tất cả tâm lực và trí lực của các đấng trọng thần này, đều tập trung vào việc làm cho đất nước suy kiệt đến điêu tàn, và để làm vừa lòng chỉ có một người.

Lại nói điện Song Quế. Tới lúc này công việc đã hòm hòm, đang đi vào thu dọn rác rưởi. Nom toàn bộ tòa cung điện với kênh, hồ, cùng cảnh sắc đã cực kỳ ngoạn mục. Nhưng để cho công trình đạt tới mức tận mỹ, quan hành khiển tả ty lang trung còn cho đào thêm hai cái hồ nhỏ nữa. Một hồ có tên Thanh Hải để chứa nước mặn. Hồ kia có tên Thanh Ngư để chứa nước ngọt.

Hồ chứa nước ngọt Thanh Ngư là để nuôi giống cá Thanh phụ (cá giếc). Loại này có nhiều giống lạ. Giống vảy bạc, giống vảy xanh, giống vảy đỏ. Việc đào hồ Thanh Ngư và thả các loại cá giếc này thì không mấy công phu tốn kém. Riêng hồ Thanh Hải thì phải nói là một sự cầu kỳ

tốn phí chưa từng có. Bởi từ lòng hồ tới thành vách, đều phải láng trát sao cho nước không thấm vào đất. Khi hồ đã hoàn tất, hàng đoàn thuyền mấy trăm chiếc của lộ Hải đông xếp đầy chum vại nước mặn, nối đuôi nhau cập bến Đông-bộ-đầu. Hàng ngày có tới mấy trăm ngàn lượt người kìn kìn gánh nước từ thuyền lên đổ vào hồ. Một nồi nước mặn chở từ biển về đến Thăng Long, giá còn đắt gấp mấy nồi gạo. Hồ Thanh Hải đầy nước mặn, lại sai người đi khắp các vùng biển lấy về đủ thứ hải vật như đồi mồi, trai ngọc, bào ngư, tôm hùm, san hô... lại cho người vào tận Châu Hóa chở cá sấu về thả.

Và để cho hòa hợp với hai hồ nhỏ mang tên Thanh Hải, Thanh Ngư, hồ lớn được đặt tên Lạc Thanh. Việc xây cất điện Song Quế tới đây coi như đã hoàn tất.

Quan đồng bình chương sự Đoàn Nhữ Cẩu xin nhà vua cho lập hẳn một khách đô, tức là lập một đội quân chuyên canh gác để bảo vệ khu tam hồ và hành lang đại điện. Còn việc bảo vệ điện Song Quế và bảo vệ vua lại thuộc quân cấm vệ. Vua y cho.

Sớm ngày Nguyên tiêu, vua cùng bách quan làm lễ dâng hương ở nhà Thái miếu xong, lại kéo ra Xã Đàn làm lễ tế cáo trời đất, cầu cho hòa cốc phong đăng, dân khang vật thịnh. Xong đâu đó, vua dẫn bá quan về làm lễ đại khánh tại điện Song Quế. Bấy giờ đã vào giờ ngọ. Vua vừa đặt chân tới thềm đại điện thì bá quan tung hô "Vạn tuế!"... "Vạn vạn tuế!".

Rồi cùng một lúc tiếng pháo nổ giòn tan, xác pháo phủ đầy mặt đất, khói pháo mờ mịt như mây mù. Cửa điện chính mở ra, ánh sáng của hàng ngàn ngọn bạch lạp òa soi thấu mọi khe ngách của tòa điện. Một dải vóc đại hồng do hai quan hành khiển tả ty lang trung Nguyễn Thanh Lương, hành khiển hữu ty lang trung Tâm Đức Ngưu mặc phẩm phục đại triều, kính cẩn nâng bằng cả hai tay, mặt nghiêm trang hướng về hoàng thượng. Giữa hai vị hành khiển ấy là quan đồng bình chương sự Đoàn Nhữ Cẩu, tay nâng một chiếc khay vàng, trên đặt một con dao bạc chuôi ngọc. Đi sau nhà vua thấy có hoạn quan Mai Thọ Đức; ngự y Trâu Canh; chính chưởng phụng ngự Bùi Khoan; hữu tướng quốc thái úy Nguyên Trác; tả tướng quốc Cung định vương Phủ...; nhập nội đại hành khiển thượng thư hữu bật kiêm tri khu mật viện sự - thị kinh diên đại học sĩ - trụ quốc khai huyện bá Nguyễn Trung Ngạn đầu râu tóc bạc, lẫm liệt trong bộ võ phục, lại đeo gươm chuôi vàng đứng hàng thứ 19. Còn các ông hành khiển tri khu mật viện sự Phạm Sư Mạnh; tả bộc xạ Tăng Khoan, hữu bộ xạ Lê Quát thì đứng nối đuôi ở mãi tít tắp phía sau. Khi đức Dụ tông đặt một bàn chân qua ngưỡng cửa nội điện, thì quan đồng bình chương sự Đoàn Nhữ Cẩu dâng chiếc khay vàng lên trước vua. Dụ tông bèn nhặt lấy con dao cắt một nhát đứt đôi dải vóc đại hồng, rồi đi thẳng vào nội điện. Khói trầm tỏa thơm ngào ngạt cùng ánh sáng lấp lóa của các đồ vàng, bạc, châu báu làm cho nội điện có một

không khí vừa huyền ảo vừa trang nghiêm kỳ lạ. Nhạc thiều vừa dứt, nhã nhạc lại tiếp nối vang rền. Lúc này Dụ tông mới quay lại vẫy vẫy cho các đại thần bước vào nội điện xem ngắm.

Khắp xung quanh diện, tới tận vườn ngự uyển và khu hồ Lạc Thanh, Thanh Hải, Thanh Ngư đều có các trò chơi, trò diễn. Như leo dây múa rối, chèo, hát đúm, hát trống quân, kéo co, vật... lại có cả bơi thuyền trên hồ Lạc Thanh. Nhưng các phường diễn ấy đều do bọn Bùi Khoan, Mai Thọ Đức thuê ở ngoài vào hết. Chẳng có phường hát nào là của các vương hầu hoặc của dân chúng đưa đến diễn mừng cả. Còn các trò chơi như vật, võ, kéo co, đua thuyền thì thuần là bọn lính đóng giả dân vào dâng trò vui thôi. Những người vào xem cũng là lính và vợ con lính đóng giả dân hết.

Trong nội điện thì vui chơi náo nhiệt thế, còn ngoài đường phố kinh kỳ lại vắng tanh vắng ngắt. Phần thì sớm nay là ngày mùng một tết. Các nhà giầu nghèo gì cũng đều sửa lưng cơm cúng gia tiên. Vả lại mới trải qua mấy vụ hạn, lụt mất mùa liền. Sức dân chưa hồi lại được. Hơn nữa việc xây cất điện Song Quế, đã vắt kiệt sức dân trong cả nước, mà dân kinh kỳ phải gánh chịu phần nặng nhất. Tuy không nói ra, nhưng trong lòng ai cũng tỏ ý khinh ghét nhà vua. Nên việc đại khánh trong điện Song Quế là của Dụ tông và đám triều quan thôi, còn dân chúng vẫn cứ dửng dưng.

Mấy viên cận thần của Dụ tông nghe được ngoài phố xá kinh kỳ im ắng. Biết là dân oán. Chúng bèn cho tay chân đi mua thật nhiều pháo, lại có cả hàng xe kẹo bánh và đồ chơi trẻ con. Đem những thứ đó đến đầu các phố, gạ trẻ con ra cho đồ chơi, cho kẹo, bánh. Rồi cho chúng pháo để chúng đốt đì đùng và reo hò, tựa như là dân cũng vui với cuộc vui của triều đình cho đỡ ngượng.

Suốt một ngày nhà vua phải làm các việc khổ sở không thể thoái thác được, như việc dâng hương trong nhà thái miếu, việc tế cáo trời đất... Vua chỉ mong cho chóng hết ngày để nghỉ ngơi, và xem bọn Trâu Canh, Mai Thọ Đức bầy cái trò gì như chúng đã hứa.

Quả thế, họ xin vua đến giờ tuất sẽ thỉnh ngài vào trong hậu điện.

Ngôi hậu điện từ ngày xây cất, chính nhà vua cũng chưa bước chân vào nội thất. Nay thì mọi sự đều làm nhà vua phải kinh ngạc. ánh sáng trắng như ban ngày mà không thấy một ngọn bạch lạp nào. Thềm điện lát bằng gỗ gụ đánh bóng. Các khe ghép giữa hai mảnh ván là trầm hương xẻ mỏng ép vào. Vì vậy, trong điện không đốt trầm, không có hương khói mà mùi thơm cứ ngào ngạt. Quanh bốn vách tường cao lên độ hơn gang tay, cũng ghép gỗ thơm như thế. Từ mép gỗ áp tường phía trên, bao kín bốn mặt tường là những tấm gương có chiều cao bằng nửa thân người. Vì thế người ngồi ở phía nào, góc nào cũng thấy hình mình trong gương. Hoặc giả

nằm trên sàn điện, nhất là trên long sàng mà nhìn vào bốn mặt gương thì càng rõ. Xung quanh gian điện kê tám chiếc án với tám màu sắc, kiểu dáng khác nhau và mười sáu chiếc đôn sứ, cứ hai chiếc một cùng màu với màu chiếc án. án được cẩn bằng những thứ ngọc quý. Trên mỗi án có một lọ hoa, trong đó cắm những thứ hoa lá khác nhau. Phía trên các tấm gương có treo loáng thoáng mấy bức sơn thủy họa của Hàn Cán, Lý Long Miên, Triệu Mạnh Phủ[1]. Lại có một bức họa khá to vẽ theo tích Lã Bố hí Điêu Thuyền rất là tình tứ. Bức này không thấy bút danh họa sĩ. Lùi dần về góc phía tây nội điện kê một chiếc long sàng, trên trải nệm gấm và chăn gối tinh nguyên, thơm phức. ở đây không giăng màn the mà chỉ có bức bình phong sáu tấm có thể dồn khép lại, hoặc kéo dài che lửng được hai mặt long sàng. Suốt cả bức bình phong ấy, đều khắc tranh liên hoàn khảm ngọc trai, theo tích "Giang tả cầu hôn" [2].

Nhà vua vừa ngắm xong nội thất của hậu điện thì cũng vừa lúc Trâu Canh bước vào. Y mời vua vào ngự long sàng, còn y ngồi ngay lên chiếc chiếu cạp điều trên trải nệm gấm màu lam. Dụ tông không vào long sàng mà cùng ngồi xuống cạnh Trâu Canh. Canh bê chồng gối xếp đặt cạnh vua để ngài tựa lưng cho đỡ mỏi. Ngay

---

[1] Các họa sĩ nổi tiếng của Trung Hoa thời Tống, Nguyên.

[2] Lưu Bị sang Giang Đông cầu hôn.

lúc ấy chi hậu cục hoạn quan Mai Thọ Đức dẫn tám cô gái vào. Mà từ ngày hôm nay tới mồng mười tháng giêng chúng mới lần lượt tròn mười ba tuổi. Trâu Canh nói khẽ:

- Tâu bệ hạ, đây gọi là đội "Bát tiên" mà chúng thần nói là quà dâng bệ hạ nhân ngày đại khánh.

Vua không nói được, chỉ "ờ, ờ" như người líu lưỡi. Quả là sắc đẹp của tám nàng tiên kia đã bắt mất hồn vía vua rồi. Mỗi nàng mặc một màu khác nhau. Xiêm y của các nàng may bằng một loại sa mỏng, phải cho người sang tận Hàng Châu bên Trung Quốc mới kiếm được. Xiêm y mỏng nhẹ, cứ như một làn khói màu lướt thoáng qua thân thể các nàng. Vì thế, vua thấy ngay được những bộ phận vua thường ưa thích. Thực tình, bao giờ Dụ tông nhìn con gái, nhà vua cũng nhìn từ đáy xiêm y lên đến ngực họ. Rồi sau đó nhà vua mới nhìn vào mặt chúng. Với các nàng trong đội "Bát tiên" này cũng thế. Có một điều kỳ lạ, khi nhìn vào các gương mặt non tơ kiều diễm và thánh thiện kia, lửa dục lại không cháy lên trong lòng vua như những cảnh ngộ khác. Một cái gì dường như là mầm thiện vừa chợt lóe ở trong đầu đức vua. Dụ tông nghĩ: "Đây là những thiên thần, phũ phàng với họ là có tội với Trời".

Nom gương mặt nhà vua dìu dịu, Trâu Canh nói:

- Tâu bệ hạ, thần xin được trình lên bệ hạ danh xưng của các tiên nữ.

- Khanh nói đi - Vua đáp.

- Tú Liễu! Trâu Canh gọi to. Người con gái đứng đầu hàng, mặc bộ xiêm y màu lá, trên đầu gài một nhành liễu làm bằng lụa, đính một viên kim cương nhỏ. Nàng đi một đôi hài nhỏ xíu mầu rêu dát ngọc lam. Cổ đeo chiếc vòng ngọc, cẩn vàng. Nàng có nước da trắng hơi phơn phớt xanh, thân thể nàng thon nhỏ, dẻo dai tựa một nhành liễu. Nàng rón rén bước về phía nhà vua cúi lạy.

Dụ tông mỉm cười và ban cho một chiếc quạt trầm, phất lụa, màu lá. (Đây là lộc vua ban, nhưng cũng do đám hoạn quan Mai Thọ Đức lo liệu trước). Tú Liễu được vua ban lộc xong, liền rẽ vào chiếc án có màu lá và có bình hoa cắm nhành liễu.

- Hồng Đào! Trâu Canh lại xướng danh tiếp. Cô gái này cũng đẹp như cô trước, nhưng có nước da phơn phớt hồng. Nhất là cặp má đỏ au như trái đào lên mã. Nếu để một trái đào bên cạnh má nàng, hẳn là chim chóc sẽ nhầm mà mổ vào má nàng thay vì mổ vào trái đào. Nàng khoác bộ xiêm y màu hoa đào. Trên đầu gài một bông đào hé nở, đài nhụy gắn một hạt kim cương lấp lánh. Nàng cũng đến lạy quỳ trước đức vua. Và chồng quạt trầm đã xếp theo thứ tự, vua cứ cầm lấy ban cho từng người.

Lần lượt, Trâu Canh lại xướng lên:

- Thanh Quế!

- Hằng Nga!

- Cẩm Nhung!

- Dạ Lan!

- Bạch Liên!

- Mẫu Đơn!

Được cả tám người đẹp, tám nàng tiên này quả là vua không còn ao ước gì hơn nữa.

Khi các nàng đã về ngồi tại nơi chốn của mình, vua mới nói với Trâu Canh và Mai Thọ Đức:

- Ta vô cùng cảm kích trước tấm lòng các khanh đối với ta. Ta sẽ có trọng thưởng để xứng với công lao của các khanh.

Nhân lúc nhà vua mở lòng, Trâu Canh nói ngay:

- Tâu bệ hạ, "Đội bát tiên" này không phải chỉ để cho bệ hạ thỏa lòng dục, mà chính là một phương thuốc chúng thần muốn dâng để chữa trị, mong bệ hạ kéo dài tuổi thọ để muôn năm trường trị ngôi trời.

- Phương thuốc! Lại còn thế nữa? Vua ngạc nhiên hỏi.

- Tâu hoàng thượng, hoàng thượng có còn nhớ đã có lần thần dâng bệ hạ phương thuốc "bát tiên"[1] để trị liệu không ạ?

- Có. Ta nhớ. Thế thì sao?

- Tâu, thần đã xem kỹ chân âm cùng khí huyết của các nàng. Mỗi nàng hợp với một vị thuốc. Thần lại chẩn mạch,

---

[1] Đó là bài thuốc đại bổ có tám vị: Sâm, quy, thục, thược, xuyên, linh, truật, thảo.

thấy chân âm của bệ hạ suy lắm. Chiều ý bệ hạ dùng các phương thuốc kích dục, để bệ hạ hành lạc. Nhưng như thế nó lại càng hút kiệt chân âm. Nay các nàng tiên này vừa đúng tuổi dậy thì. Chúng thần đã chọn, cho tới nay là dúng từng ngày một. Nhân sâm đã ủ trong người các nàng và lấy ra cất riêng từng hộp, có ghi quý danh ở ngoài. Phải tuân thủ đúng như phương sách. Mỗi ngày bệ hạ chỉ được hợp cẩn với một nàng, và chỉ một lần thôi. Nhưng nếu đêm bệ hạ hợp cẩn, thì cả ngày hôm ấy bệ hạ phải ngậm sâm ủ trong người nàng. Nếu bệ hạ làm đúng như thần dặn trong tám ngày liền, thời chân âm của bệ hạ hồi phục được. Sau đó thần lại điều dương nữa cho cân bình âm dương thì sức bệ hạ tráng kiện lên ngay. Còn ăn uống, thần đã kê thực đơn cho quan chính chưởng rồi. Bệ hạ nên nhớ rằng, tuổi cao mà chân âm suy, nếu được giao hòa với thiếu nữ đúng tuổi dậy thì, chỉ một lần trong năm thôi, chân âm cũng hồi phục được nhiều lắm, huống hồ bệ hạ tuổi còn đang độ tráng niên.

- Ta nhớ rồi. Nhớ rồi! Vua nói - Nhưng ngay đêm nay ta muốn hợp cẩn đã được chưa?

- Tâu bệ hạ, thần đã nói là phải ngậm sâm trước một ngày kia mà.

- Thôi được, để ta vừa ngậm sâm vừa hợp cẩn cũng được chứ sao?

Trâu Canh lặng thinh.

IX

Lại nói đến mẹ con "Vương Mẫu", từ ngày Cung túc vương Nguyên Dục chết đi, Hiển từ thái hậu vì thương mà đem vào Song Hương đường che chở, nên mẹ con nàng cũng được yên thân mà hưởng phú quý. Nàng con nhà tiện dân lại làm nghề đào hát, nên ở trong cung thường bị các bà chính thất, thứ thất của Nguyên Dục vốn con cái các nhà đại gia khinh ghét. Nhất là các bà không có con mà nàng thì lại sinh đặng hoàng nam. Các bà cũng nghi cái thằng ranh Nhật Lễ kia, không phải là con của đại vương. Vì nó không có một nét gì khả dĩ gọi là dòng máu của Nguyên Dục. Còn tính tình thì ham mải chơi bời, lại cục cằn ngỗ ngược như đám con nhà tiện dân. Biết thế, nhưng không ai dám hở môi. Bởi sinh thời, đại vương đã nói là con của mình. Còn bà thái hậu từ ngày giận Dụ tông tới nay, lại kịp khi Nguyên Dục chết đi, bà dồn trút tình thương cho đứa cháu đích tôn của bà.

Và lại "Vương Mẫu" cũng là một người biết cư xử. Chỉ riêng nhan sắc của nàng, giọng nói của nàng cứ như rót vào tai cũng đã làm dịu lòng thái hậu. Hàng ngày nàng lại

hay lui tới thăm hỏi, chăm sóc, khiến thái hậu cảm thấy lúc nào nàng cũng ở bên mình. Nhìn cảnh nàng còn trẻ mà một lòng thủ tiết thờ chồng, nuôi con, nhiều lúc thái hậu cũng trạnh lòng. Vì vậy bà càng chăm lo cho Nhật Lễ học hành. Thỉnh thoảng thái hậu có ghé nhà Toát trai[1] hỏi mấy ông sư phó, xem sức học của Nhật Lễ thế nào, thời mấy ông nói là công tử học được.

Được thái hậu rủ lòng thương, nên có đôi lần "Vương Mẫu" đã làm ra vẻ sầu khổ mà tâu với người rằng:

- Nay hoàng tôn đã lớn, sắp đến tuổi mở phủ[2], trăm điều con trông cậy nơi mẫu hậu. Con chỉ xin mẫu hậu một điều, khi hoàng tôn được mở phủ riêng rồi, mẫu hậu cho phép con xuất gia[3].

Chao ôi, bà thái hậu đã buồn nẫu cả người. Chính bà cũng định xuất gia từ lâu, ngặt vì có lời hứa với Minh tông ràng buộc, nên phải ở lại chốn thâm cung tẻ ngắt này. Nếu mai đây hoàng tôn ra ở riêng, chỉ còn lại mấy người đàn bà

---

[1] Toát trai là tên nhà học dành cho hoàng thái tử do Trần Nhật Duật đặt. Nhật Lễ là con đại vương Nguyên Dục, anh vua Dụ tông, nên con cũng được dự vào hàng hoàng tử.

[2] Theo quy chế đời Trần, các hoàng tử và các vương tôn công tử đến 16 tuổi được phép mở phủ riêng, để quen sống tự lập. Đời Lý cũng có tục này, nhưng các hoàng tử và vương tôn công tử phải mở phủ ở các vùng xa kinh sư, sống chung lẫn với nhân dân. Vì vậy đời Lý, các vua gần dân hơn đời Trần.

[3] Tức là đi tu tại chùa.

góa với nhau, đã buồn rũ ra rồi, mà nàng lại còn định bỏ ta mà đi nữa sao. Nghĩ thế, thái hậu tìm lời an ủi:

- Hoàng tôn đến tuổi, ta sẽ lo việc mở phủ, con cứ yên tâm, còn chuyện xuất gia, thật không nên. Nếu ta để con xuất gia sẽ mang tiếng với thiên hạ, là ta ruồng rẫy con. Phật tại tâm. Nếu con muốn tu thì tu ngay cái tâm mình, là Phật chứng rồi. Hoặc giả con muốn lập riêng một ngôi am ở trong cung này để hương khói, thời sau khi hoàng tôn ra phủ, con sẽ lập. Để ta lại nhờ hòa thượng làm lễ rước Phật cho.

"Vương Mẫu" không ước gì hơn thế. Tức là nàng chỉ mong sao thái hậu cảm thông nỗi cô đơn của nàng; thái hậu biết cho nàng một lòng thủ tiết, tâm hồn nàng trong lặng như đã diệt được lòng dục. Vì vậy, nàng khẽ thưa:

- Trăm lạy mẫu hậu thương con thân góa. Mẫu hậu đã dạy thế con xin vâng. Chỉ mong mẫu hậu rộng phép cho con, thi thoảng được đi thăm viếng cảnh chùa, để lòng thư tĩnh.

- Việc đi lễ Phật hoặc vãng cảnh chùa, nên lắm con ạ. Ta nghiệm ra cứ khi nào tâm thần rối loạn, ngồi trước Phật đài mà niệm mấy hồi kinh, thì y như rằng lòng lại thanh tĩnh. Nếu đi lễ Phật thì con cứ đi, có gì phải câu nệ.

Chao ôi, lời thái hậu làm cho lòng dạ nàng xốn xang lên, như nàng đang được hát trên sàn diễn phường chèo thời con gái. Một tay múa chiếc quạt lụa, còn tay kia thì vươn lên như vít cả trời cao xuống mà nghe nàng hát. Và

từ đấy, nàng năng lui tới các chùa tháp. Nhưng nhiều nhất vẫn là chùa Tư Phúc - nơi nàng hò hẹn với Dương Khương - người chồng cũ. Vừa là để giải tỏ nỗi niềm, vừa là để tư thông với nhau cho chồng nàng vơi vợi nỗi đơn côi.

Còn về phần học hành của Nhật Lễ, thực không như các ông sư phó nói để thái hậu đẹp lòng. Mặt mũi công tử nom cũng khôi ngô, chớ không đến nỗi như các bà mẹ ghẻ chì chiết. Song tính tình công tử thì thật bất trị. Khi về Song Hương đường với mẫu thân chàng cùng thái hậu, thì chàng tỏ ra ngoan ngoãn lễ độ lắm. Nhưng bước ra khỏi Song Hương đường mà gặp lũ trẻ phố phường rong chơi, là công tử liền nhập bọn mà không đến nhà Toát trai nữa, mặc cho các ông sư phó chờ suốt buổi. Ngày mai, công tử lại kiếm cớ nói dối. Học hành thì tối dạ, công tử rất khó nhận ra mặt chữ. Còn các bài học thời không học được nghiêm chỉnh. Công tử cứ chế thành những câu hát pha trò, khiến các bậc sư phó nghiêm là thế cũng phải bật cười. Công tử có giọng hát rất hay. Và nếu là lời các bài ca thì công tử mau thuộc lắm. Sau, mấy vị sư phó phải nghĩ cách đặt các bài học thành bài ca, còn chữ thì viết phóng cho công tử tô nhiều lần, để công tử vừa tập viết, vừa nhớ mặt chữ. Quả nhiên, khi làm theo cách ấy lại hợp với Nhật Lễ. Công tử học rất mau thuộc bài, lại cũng dễ nhớ mặt chữ. Rồi chàng đem các bài học ấy về cung hát ông ổng. "Vương Mẫu" sợ quá. Nàng thầm

nghĩ: "Đúng là giống nào nòi ấy". Nàng vội nghiêm cấm con không được hát ở trong cung. Vì nàng thừa biết, đời vẫn coi các đào kép hát là "xướng ca vô loài". Nay một công tử mà hát ngay ở trong cung thì thật là bất hạnh. Dù "Vương Mẫu" có giảng giải thế nào thì công tử cũng không thể hiểu được, tại sao lại cấm hát. Vì thực tình chàng yêu thích từ lời ca đến cả giọng mình khi cất lên. Nhưng cuối cùng công tử phải chấp nhận với mẹ: "Không được hát ở trong cung".

Chuyện Dụ tông khánh thành điện Song Quế cùng các quy mô xây cất, mức độ xa xỉ và các chuyện cờ bạc dâm ô ở trong cung, bay đi khắp nước. Người có nhân cách cao thì khinh ghét, kẻ có tham vọng tối tăm thì thèm khát, còn dân thì nhất loạt ta oán nhà vua.

Quan Chương túc quốc thượng hầu Trần Nguyên Đán vẫn coi sóc tòa Khâm thiên giám và một trấn nhỏ gần kinh sư, nhưng không được nhà vua triệu về dự ngày đại khánh. Sự thật, Nguyên Đán cũng ít khi ở trấn, mà ông đã trao cho người dưới quyền nắm giữ công việc, để ông về hương ấp Chí Linh dưỡng nhàn; nhưng thực ra là để nghiền ngẫm các việc về thiên văn và thời thế.

Những chuyện đồi bại trong cung cấm đến tai ông ngày một nhiều, vừa buồn thời thế, vừa giận mình bất lực càng tích tụ trong đầu óc, khiến ông mệt mỏi vô cùng. Đôi ba lần ông đã có ý định sang núi Phượng Hoàng thăm Chu tiên sinh. Rồi lại ngại vì Chu An đã

dốc lòng ẩn lánh, chưa chắc ông đã tiếp. Cuối cùng thì không chịu nổi nỗi cô đơn, ông bèn sai gia nô quẩy theo một chậu bạch trà và một vò rượu kim cúc sang núi Phượng Hoàng.

Thấy quan Khâm thiên giám quốc thượng hầu đến thăm trong phong độ giản dị, áo thụng nâu, quần lụa mộc, đầu chít khăn chữ nhân, chống gậy trúc, lại có cả tiểu đồng quẩy theo bầu rượu, Chu An bèn cho học trò tạm nghỉ buổi học để ông tiếp bạn.

Chu An là người cao thượng, thiệp liệp nên ông coi Trần Nguyên Đán cũng như chỗ bạn bè, chứ thực tuổi tác hai người cũng chênh lắm. Vả nữa qua thơ văn, Chu tiên sinh cũng cảm nhận thấy ở Trần Nguyên Đán một con người có tâm huyết, có nhân cách và có trí tuệ siêu việt.

Khác với sự băn khoăn của mình lúc ra đi, vì Chu tiên sinh tiếp đón niềm nở, nhưng lại sợ có điều gì làm mếch lòng tiên sinh, nên Nguyên Đán vừa cười lễ độ vừa nói:

- Tôi đường đột đến thăm tiên sinh vì lòng kính ái, chứ không phải đến than vãn với tiên sinh về các chuyện chính trị thời thế đâu ạ.

Chu An ve vuốt chòm râu bạc, nhìn khách mỉm cười hóm hỉnh.

Nguyên Đán lại nói:

- Tôi tự cất lấy rượu kim cúc uống, vò này đã hạ thổ được ba năm, nhân sang chơi gọi là có chút quà để làm lễ

tương kiến. Còn đây là chậu bạch trà, biếu tiên sinh để thưởng xuân.

Chu An thích lắm. Ông ngó xem ngay chậu bạch trà và nói:

- Nụ này là tết nở mãn khai đây. Bạch trà là một loài hoa tinh khiết và khó tính vào bậc nhất. Tôi ưa loài hoa này, nhưng nếu nhận của quan huynh hóa ra tham lam quá. Tiên sinh lại vuốt râu cười khà khà.

Trần Nguyên Đán thấy Chu An cởi mở, xuề xòa nên càng kính mến, ông đáp lời tiên sinh:

- Bẩm, tôi đã đem sang đây là để biếu tiên sinh. Vả lại, bên hương ấp, tôi cũng còn một chậu như thế này.

Thấy Nguyên Đán nói tới cái chậu, lúc này Chu An mới để ý đến. Ông ngắm nghía từ hình dáng đến màu men, rồi nói:

- Lý! Đây là đồ nung từ đời Lý Nhân tông. Da lươn đẹp lắm. Màu khỏe. Màu chậu này khi hoa nở ra mới thấy đẹp. Tuyệt đẹp! Quan huynh quả là một người đã sành về cây cảnh lại sành về sự hòa sắc.

Được Chu An khen, Nguyên Đán thích lắm.

Mải về cây cảnh, Chu An sực nhớ chưa pha nước. Đúng lúc tiểu đồng vừa quạt sôi siêu nước đem lên. Tiên sinh liền bảo:

- Con để đấy ta pha trà mời quan quốc thượng hầu. Con đi lo cơm nước giúp ta.

Tiểu đồng vừa đi được vài bước, ông gọi lại dặn thêm:

- Con nấu cho ta bát canh cua, rau dút. Ờ, ờ, nếu rau dút già thì con nấu với rau cải vườn nhà. Rán cho ta mấy con cá rô uống rượu nữa.

Khi vào bữa, nhìn mâm cơm thanh đạm, Trần Nguyên Đán càng kính phục tư cách cao thượng của Chu tiên sinh. Thà đạm bạc ở một xó rừng sâu hẻo lánh để giữ lấy phẩm giá, còn hơn là cao lương mỹ vị ở cái triều đình vô đạo với cả một lũ bất lương. Tiên sinh hơn ta nhiều lắm.

Rượu của Nguyên Đán cất quả là ngon. Chu tiên sinh vừa mở chiếc nút lá chuối khô ra, mùi thơm bay sực nức cả nếp thảo lư. Tiên sinh không có chén ngọc để rót loại rượu quý này. Ông rót ra chén gốm Bát Tràng. Nâng chén rượu lên ngang mày, tiên sinh mời quan quốc thượng hầu:

- Thôi thì nhất kiến vi cựu, mời quan huynh xơi với tôi chén rượu quý của ngài.

Chủ khách cùng cười và cùng đưa chén lên môi nhấp.

Chu An tính nghiêm cẩn, ít nói. Trong các cuộc giao tiếp, ông chỉ nghe nhiều hơn là nói. Nhưng nếu ông đã nói thì không còn ai có thể bắt bẻ hoặc thêm bớt được lời nào. Vì vậy, ngay đến cả các bậc thiên tử như Minh tông, Dụ tông đều phải kính nể. Nhưng bữa nay thì lại khác, như là một sự ngoại lệ. Ông trò chuyện rôm rả tự nhiên, như thể ông và quan Khâm thiên giám đã là đôi bạn vong niên từ lâu lắm.

Rượu được vài tuần, tiên sinh ve vuốt chòm râu bạc, trầm ngâm ngắm sắc diện Trần Nguyên Đán. Vầng trán cao, lông mày rậm hơi xếch, mắt to sáng như có hào quang. Tam đình, ngũ nhạc đều hài hòa nở nang. Khí sắc vững vượng. Tiên sinh tự nghĩ: "Con người này thông tuệ, phách lực, nếu gặp thời đắc dụng, sẽ là bậc tài trí hơn đời. Người này mà có quyền lực lớn trong tay sẽ làm lợi dân, ích nước. Đức tốt lắm. Tốt lắm". Đoạn tiên sinh mỉm cười hỏi:

- Tôi nghe đồn quan huynh cũng có cái chí đi ở ẩn, có phải vậy chăng?

Tiên sinh đoán trúng ý của Nguyên Đán, ông đặt chén rượu xuống mâm, nói với tất cả sự cởi mở:

- Bẩm, tôi cũng định nối gót tiên sinh.

Chu An cười lớn:

- Hóa ra thiên hạ coi tôi là kẻ đi ở ẩn. Cả quan huynh cũng nghĩ thế. Ha ha!... Thiên hạ nhầm cả. Nói thực với quan huynh, tôi đi đây là để lánh nạn. Mà việc này tôi có dự liệu từ lâu, nên mới chọn nơi đây dựng một cái thảo lư. Cũng như là chiếc quan tài sống của mình chứ hay ho gì đâu.

Trần Nguyên Đán kinh ngạc:

- Thưa tiên sinh, Nguyên Đán tôi thực không hiểu ý ngài.

- Chuyện thật là đơn giản. Dạy Dụ tông nhiều năm, tôi biết tâm tính nhà vua. Nên đã cố khuyên giải dẫn dụ.

Phần nhiều tôi đem gương lớn các đời ra để giảng. Kinh Xuân-Thu của đức Khổng Tử tôi giảng kỹ lắm. Bởi trong đó có biết bao tấm gương tốt và gương xấu. Xem ra Dụ tông không hấp thụ được, hẳn nó không hợp với tâm chất nhà vua. Tôi lại đem các điều băn khoăn trình lên thượng hoàng Minh tông để ngài nghiêm huấn quan gia. Nếu như quan gia không cải đổi được cái tâm, tôi còn mong thượng hoàng sẽ nhận ra điều đó để mà lập người khác. Nhưng chẳng ích gì. Kíp tới khi thượng hoàng băng, với niên hiệu Đại trị của mình, Dụ tông tự đưa kỷ cương triều chính vào con đường rối nát, do một lũ gian thần thân tín xướng xuất và thúc ép. Thấy chướng quá và giận quá, vì các việc nhà vua làm đều có quan hệ đến vận mệnh của dân, của nước, tôi lạm dụng cái thiên chức của một ông thầy, khuyên nhà vua sửa sang việc chính trị, xa lánh hoặc phế bỏ bọn gian nịnh, bè đảng. Nhà vua không nghe. Tôi dâng sớ xin chém hết cả lũ bảy tên đại gian, đại ác. Tức như tôi đánh một nước bạc cuối cùng - thuần những lá bài ngửa. Như thế có nghĩa là hoặc nhà vua bỏ tôi, hoặc bỏ cả lũ gian thần. Tình thế như thế nào quan huynh đã biết. Nếu tôi vẫn tiếp tục ở lại triều thì chuốc cho nhà vua quá. Mà lũ kia chắc chắn là chúng sẽ giết tôi. Vậy tôi phải ra đi. Đi như thế này tức là đi lánh nạn đấy! Nhấp thêm một hớp rượu, tiên sinh lại vuốt râu cười khà khà - Một nhà giáo không màng tước lộc, bỏ vào chốn rừng sâu, đời cho thế là đi ở ẩn. Chúng không ngu đến

nỗi lại đi giết người ở ẩn. Thế là tôi thoát nạn! Ha, ha! Quan huynh đã rõ chưa nào?

Trần Nguyên Đán gượng cười, ông tự thẹn vì mình cũng lầm như thiên hạ khi nghĩ về tiên sinh.

- Mà tôi cũng định nay mai trở lại gia hương thôi. Tuổi già, sức xuống lắm. Vả lại ở đây lam chướng.

Thấy Chu An thực lòng cởi mở. Nguyên Đán dè dặt hỏi:

- Dám xin tiên sinh cho tôi một lời khuyên.

Chu An mỉm cười:

- Ở cái tuổi của quan huynh là "nhi bất hoặc"[1] rồi. Tôi còn dám khuyên điều gì nữa. Nhưng nếu tôi vào địa vị quan huynh thời tôi ẩn tại triều. ẩn tại triều mới là đại ẩn.

- Sao tiên sinh không làm thế?

- Cảnh ngộ tôi khác, tôi không đi là hỏng, là mất mạng. Còn quan huynh lại ở cảnh ngộ khác. Nếu quan huynh bỏ quan chức mà về lúc này, dễ bị vu có ý đồ làm phản, là mắc họa đấy.

Trần Nguyên Đán tái mặt, hỏi luôn:

- Sao lại như vậy, xin tiên sinh chỉ bảo giùm cho.

Chu An rót thêm rượu cho Nguyên Đán, ông rung đùi, vuốt râu rồi thong thả nói:

---

[1] Ý nói Trần Nguyên Đán đã vào cái tuổi bốn mươi rồi, không ai lừa nói nữa. (Tứ thập nhị bất hoặc - lời của Khổng Tử).

- Quan huynh có hai cái thế là ở và đi. Tôi nói cái thế tại triều trước. Hiện nay tước là quốc thượng hầu cao lắm. Đứng vào hàng đầu triều đấy. Nhưng chức và quyền lại rất nhỏ, coi sóc chỉ có một tòa Khâm thiên giám cùng một trấn bé tí tẹo mãi vùng sơn cước. Đất hẹp, dân ít, không phải là nơi dụng võ, nên chẳng ai quan hoài tới. Tước cao, nhưng lộc mỏng. Theo chỗ tôi biết thì quan huynh từ ngày được phong tước, triều đình chưa cấp thêm một tấc đất nào. Quan huynh, nghĩa thì là thân thích nội tộc với vua, nhưng tình lại rất sơ. Vua đối xử bạc bẽo, hờ hững. Thử hỏi, bọn quyền gian còn nghi gì quan huynh nữa. Vậy cái thế đó, ẩn tại triều là đại ẩn. Nhưng phải khéo lắm, mới giữ được để lũ gian nịnh không kéo vào bè đảng chúng. Một khi chúng đã kéo vào mà không vào, là nguy đến tính mạng.

Nghe tiên sinh phân giải, Trần Nguyên Đán thầm phục tiên sinh cao kiến, nhìn vào các việc cứ tỏ sáng như gương.

- Bây giờ tôi lại nói về cái thế quan huynh từ quan, ở ẩn. Tôi nói thật, ẩn là ẩn cái thân thôi, chứ làm sao ẩn được cái tâm (Nguyên Đán chợt nghĩ đến điều viên tướng trẻ Trần Khắc Chấn đã nói với ông độ trước). Quan huynh về bây giờ lập tức bị bọn gian nịnh nghi ngay. Mà chúng nghi, tức là vua nghi. Vua đã nghi thời không ai sống nổi. Chắc quan huynh nhớ vụ án quan quốc phụ thượng tể Trần Quốc Chấn năm Mậu thìn (1328) chứ?

- Dạ nhớ! Nguyên Đán gật đầu.

- Vì sao chúng nghi? Chu An nói tiếp - Bởi quan huynh sức lực còn đang sung mãn, tài năng đang độ chín. Văn võ kiêm thông. Người trong nước ai cũng thừa biết, nếu giao việc binh cho quan huynh, thời binh ta hùng mạnh chẳng kém đời Trùng hưng.

- Tiên sinh dạy quá lời. Tôi đâu có được như vậy, Nguyên Đán khiêm tốn ngắt lời Chu An.

- Đây là tôi nói sự thật, tiên sinh lại tiếp - Không một người nào có đầu óc và tai mắt, lại không nghĩ rằng quan huynh có tài dùng binh đứng vào hàng thượng tướng, mưu lược nhất trong số các tướng soái thời nay. ấy vậy mà quan huynh lại lui về cái vùng đất dụng võ này. Chắc quan huynh dư biết, vùng đất ta đang ở đây lợi cho việc dùng binh tới mức nào? Vậy thời bọn kia sẽ nghĩ ngay đến việc hổ đã về rừng. Chúng sẽ tìm cách trừ khử quan huynh ngay lập tức. Thử hỏi, với các cớ đó mà quan huynh cáo quan về ẩn dật là nguy lắm, nguy lắm! Ngoại trừ việc quan huynh có cao ý về đây để mở lại nghiệp lớn thì không kể.

Nghe xong, Trần Nguyên Đán toát mồ hôi, bèn đứng dậy vái Chu An hai vái:

- Tôi vô cùng cảm kích trước lời dạy của tiên sinh. Nếu tiên sinh không mở mắt cho tôi thì thật là đại họa.

Trần Nguyên Đán bèn bộc bạch:

- Quả tình tôi có nghĩ đến việc kinh dinh đất nước

cho hưng vượng lại. Nhưng không có người tâm phúc. Các vị tả hữu tướng quốc, đều là con của thượng hoàng mới được nhà vua cất nhắc, đều là những người bất tài, an phận thủ thường. Quan đại hành khiển, tri khu mật viện Nguyễn Trung Ngạn, tuy là người trung thực đức độ, nhưng già quá, không còn sức làm các việc lớn nữa. Hiện thời ông cũng chỉ là một thứ hàng trưng bầy của đám gian thần mà không tự biết. Còn các ông Phạm Sư Mạnh, Lê Quát là những người có tài năng, có nhân cách, song lại không có thế lực. Chúng nó chia mỏng các người trung thực, tài đức đi các ngả để không còn có khả năng liên kết nữa. Mà vua, thực chỉ là một con rối trong tay bọn chúng. Thành thử khó quá! Khó quá!

Chu An gật gù tán thưởng, ông nói:

- Tôi biết cái chí của quan huynh lớn lắm. Nhưng tình thế lúc này, khó thật. Nhớ ban nãy, khi quan huynh mới đến đã vội nói: "Không bàn đến các chuyện chính trị và thời thế". Nói cho cùng, sự nghiệp chính trị là sự nghiệp vĩ đại, nó bao trùm lên hết thảy mọi mặt của xã hội và đời sống con người. Cả văn chương, cả việc binh, việc lương cùng mọi quan hệ đạo đức đều do nó tác động đến cả. Từ miếng ăn hàng ngày của ta đến mọi sự trị loạn, cái gì mà không nằm trong ảnh hưởng chi phối của nó. Nó là một sự nghiệp cực kỳ to lớn. Tại sao ta lại không bàn? Chắc quan huynh nhớ thời sơ Trần, đức Trung vũ Đại vương Trần Thủ Độ đã dựng nghiệp cho nhà Trần ta thế nào.

Tôi cho đó là một sự nghiệp chính trị vô tiền khoáng hậu trong lịch sử nước nhà. Tuy nhiên, sự nghiệp ấy phải được trao cho những người thật sự có tài năng, có đức độ nắm giữ, thời mới dắt dẫn cả dân tộc đi vào con đường quang minh chính đại, dân mới giầu, binh mới mạnh, nước mới vững vàng mà ngửa mặt lên không thẹn với trời cùng các lân bang. Song, nếu sự nghiệp ấy rơi vào tay lũ bất tài, bất lương thời chúng sẽ dẫn cả dân tộc tới chỗ cầu bơ cầu bất, như một lũ ăn mày. Quốc gia vì thế mà trở nên yếu hèn.

- Thưa tiên sinh, tôi không tin nhà vua lại có thể làm được một điều gì khác, như các việc từ thời Đại trị tới nay đã làm.

- Tôi cũng tin như vậy, vì bản chất một con người cải hóa được là khó lắm; mà lại tự cải hóa, họa chăng chỉ có các bậc thánh mới làm nổi. Trầm ngâm một lát, Chu An lại nói - Tôi xem các việc nhà vua làm những năm gần đây, như xây cất cung điện tới cùng xa cực xỉ, không tiếc tiền của và xương máu lê dân, lại ăn chơi trác táng, dâm ô. Cung thất trở thành nơi gá bạc và đĩ điếm. Rồi định ra các sắc thuế quỷ quái vơ vét của dân. Vua mà nghĩ đến việc tự làm giàu cho riêng mình, thời kiến thức không hơn một gã thất phu. Tôi xem như chính Dụ tông đã thỉnh lên hồi chuông khai tử cho sự nghiệp vĩ đại của nhà Trần, giống như Cao tông nhà Lý vậy. Song mức độ của Dụ tông còn tồi bại hơn Cao tông nhiều lắm.

Trần Nguyên Đán buồn rầu xác nhận:

- Dạ, tôi cũng đã có nghĩ như tiên sinh.

Chợt nhớ ra điều gì, Chu An lại nói:

- Không biết quan huynh có cao ý gì về việc hưng vong của các triều đại? Riêng tôi chiêm nghiệm thấy ở nước mình từ Đinh, Lê, Lý, đến nhà Trần ta, thì sự hưng thịnh của mỗi thời mỗi khác; không thời nào giống thời nào. Nhưng đến sự suy vong thì thật là giống nhau quá. Nó như từ một khuôn đúc vậy. Nghĩa là bắt đầu từ chỗ không ưa lời nói thẳng, ghét người hiền, bỏ người tài, khinh dân, nghi ngờ kẻ sĩ, trọng dụng kẻ nịnh hót, bất tài, vô đạo. Rồi tiến thẳng vào con đường mạt lộ là xa xỉ, hoang dâm, trác táng... rồi: sụp đổ!

Trời đã ngả sang quá nửa chiều, các đại nhân vẫn say sưa đàm đạo. Bữa rượu vẫn chưa tàn. Tiểu đồng khẽ vào bẩm với Chu An: "Thưa thầy, con sửa soạn bữa tối chứ ạ?".

Cả chủ khách đều giật mình rời mâm rượu bước ra nhìn trời. Chiều mùa đông, mặt trời như được ủ kỹ trong mây xám, sắc trời mờ mịt. Trên các chóp đỉnh rừng già mây trắng đã đùn lên mờ mờ như khói phủ.

Trần Nguyên Đán ngỏ lời cáo biệt.

Chu An cố lưu lại hai ba lần mà không được. Tiên sinh ghé tai Trần Nguyên Đán dặn nhỏ:

- Quan huynh cứ nên ở lại triều, chờ xem có cơ may thì "hành". Bằng không thì "tàng" cũng chưa là muộn.

Như vừa chợt nhớ ra điều gì, Chu An "à" lên một tiếng rồi nói. Tưởng như đó chỉ là chuyện bâng quơ.

- Về... Về Phạm Sư Mạnh, Lê Quát cùng lũ học trò tôi trong triều, là bọn có nhân cách cả đấy. Chỉ tiếc, người tốt không hợp quần được với nhau, còn kẻ xấu thì chúng lại cấu kết chặt chẽ.

Hai đại nhân nắm tay nhau quyến luyến mãi trước giờ lưu biệt.

X

Thực ra Trâu Canh muốn hầu hạ nhà vua lâu dài, vì bản thân y cũng được nhiều ơn mưa móc. Của cải của y giầu có không biết đâu mà kể. Trâu Canh đã dụng công khôi phục chân âm cho Dụ tông, rồi sau đó, hồi phục sức khỏe dần dần cho hoàng thượng. Y cũng đã hết lời can ngăn, dẫn dụ về đường lợi hại của thuốc men và dục vọng. Nhưng ngay buổi tối ngày đại khánh trong tòa hậu điện ấy, nhà vua lại hành lạc bất chấp lời khuyến cáo về y lý. Trâu Canh không còn hi vọng gì cứu chữa cho Dụ tông được nữa. Y tính đến chuyện cao chạy xa bay để tránh hậu họa.

Ngoài trị liệu bằng các phương thuốc gia truyền kỳ khu ra, Trâu Canh còn kết hợp xem cả tướng, số vua, tức là y tính đến cả sự tiến lui của mình theo mệnh số của Dụ tông. Chỉ riêng việc trị bệnh cho Dụ tông, y đã phải dụng công mấy chục năm ròng. Bù vào đó là mối lợi thu về, quá sức y tưởng tượng. Lượng định phòng xa, nên từ mấy năm nay, y đã chuyển vợ con ra cảng Vân Đồn, mở cửa hàng buôn bán. Phần lớn của cải và các đồ châu báu cũng

đã chuyển ra ngoài đó. Nếu thời thế tới chỗ mạt vận, thì cả nhà lên một chiếc thuyền, tếch đi phương nào chẳng được. Dạo này y nghiền ngẫm sâu về tướng mạo và tử vi của nhà vua kỹ lắm. Đúng là ông có quý tướng, nhưng chỉ ở đôi mắt và thế ngồi. Còn như cái tai thì hỏng. "Não hậu kiến tai vô tình hán". Sách tướng đã chỉ rõ điều này. Vả lại, cứ xem cách nhà vua đối với thầy học của mình, đối với mẹ mình thì đủ rõ ông ta là kẻ bất hiếu, bất nghĩa. Còn đối với các cung nữ, các mỹ nữ, các kẻ hầu hạ đã đem lại niềm khoái lạc, thú hưởng thụ cho nhà vua cũng bị đối xử tàn nhẫn. Cho nên, con đường lâu dài, không thể cứ ở mãi Thăng Long, ở mãi trong cung được. Có lúc sẽ phải chịu chung cái họa tru di, mà đám cận thần sủng ái của nhà vua, cứ lộng hành mỗi ngày một thái quá gây nên. Nhờ hồng phúc tổ tông mà nhà vua thoát được cái hạn Phi liêm[1], Địa kiếp[2], Địa không[3] năm ba tuổi. Nhưng lại khó tránh cái Đại hạn năm ba mươi tư tuổi. Trong cung Quan lộc có Hồng loan[4], Phục binh[5] lại có Kình[6], Đà[7], Hỏa[8], Linh[9] vây hãm. Nhất định nhà vua sẽ chết khi còn đang ở ngôi, và chết vì con đường sắc dục. Hơn nữa Phá quân[10] lại bị hãm ở cung Nô, thời nguyên do cái chết còn ở chỗ bọn bầy tôi gian nịnh gây ra nữa.

Tính tới tính lui đủ đường, cạn nhẽ. Trâu Canh đột ngột bỏ Thăng Long đi như một sự mất tích.

[1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10] Tên các loại hung tinh trong số Tử vi của Dụ tông.

Còn Dụ tông, từ khi có đội "Bát tiên", nhà vua không những không hồi phục như Trâu Canh mong muốn, trái lại sức lực càng suy kiệt mau chóng. Cũng bởi nhẽ, Dụ tông không nghe lời Trâu Canh mà đi vào sắc dục thái quá.

Về phần tiền bạc, nhà vua thu cho riêng mình không phải ít. Song việc chi tiêu quá lớn. Mà dạo này cũng không lừa được các con bạc vào cung nữa. Bởi không ai chịu nổi cái lối vừa trịch thượng, vừa ăn cướp của nhà vua. Nhiều lúc Dụ tông hỏi chính chưởng phụng ngự Bùi Khoan:

- Làm thế nào để ta có thêm tiền nhỉ?

Bùi Khoan cũng muốn tìm kế dâng vua. Nhưng mọi sắc thuế, mọi mánh lới có nhẽ đã dùng cạn cả. Bùi Khoan vốn là tay bợm rượu, bỗng một hôm đang ngồi hầu rượu nhà vua, chợt lóe trong đầu y một mẹo nhỏ. Y liền tâu vua ngay:

- Bệ hạ có cho phép thần mở một cuộc thi uống rượu ở trong cung không?

- Ngươi thử nói ta nghe.

- Tâu, cứ ai uống hết mười đấu rượu thì được lĩnh 100 quan tiền đủ. Ai không uống hết mười đấu thì phải nộp cho hoàng thượng 10 quan.

Dụ tông vội đặt chén rượu xuống lườm Bùi Khoan:

- Sao nhà ngươi ngu thế! Thiên hạ có hàng vạn đứa uống hết cả hai chục đấu rượu. Thi kiểu này ta có bán cả điện Song Quế, cả cung Cảnh Linh cũng không đủ trả tiền thưởng.

Bùi Khoan cười hì hì:

- Tâu bệ hạ, mẹo đấy. Có thế thiên hạ mới hám tiền mà đi thi chứ. Bệ hạ nghĩ thử xem, chơi một ăn mười, mà lại ăn chắc. Đứa nào chả thích. Thích nhất lại được vào điện Song Quế, là cung điện nổi tiếng mà dân chúng chỉ được nghe đồn chứ chưa được thấy. Với vẻ hơi cao ngạo, Bùi Khoan lại nói - Thần còn ối cách lấy tiền của thiên hạ.

Vua nghe đã thấy ngứa ngáy cái lỗ tai, bèn nhích lại gần Bùi Khoan hỏi:

- Ngươi kể mẹo của ngươi ta xem có được không, rồi ta sẽ cho phép.

Bùi Khoan thầm nghĩ: có nhẽ lần này phải mặc cả kỹ lưỡng chứ không dại như các lần đánh bạc trước, nhà vua thu gần hết, mình chẳng xơ múi gì. Tợp thêm một hớp rượu nữa, y nói:

- Nếu không thắng, thần xin giao cả sản nghiệp của thần cho bệ hạ. Nhưng bệ hạ định cho thần mấy phần trong số thu được, thời thần mới nói cái mẹo của thần ra.

- Ta cho ngươi một nửa số tiền thu được. Còn như nếu lỗ, ngươi phải tự bỏ tiền ra trang trải.

- Xin bệ hạ viết cho thần mấy chữ làm bảo chứng.

- Ngươi không tin ta sao? Dụ tông đưa mắt lườm Bùi Khoan.

Khoan cười hề hề:

- Dạ, thần tin bệ hạ, nhưng chỉ sợ khi bệ hạ thấy thu được số tiền lớn quá, bệ hạ lại đổi ý.

- Ngươi dám chắc là có thu lớn?

- Dạ chắc chứ ạ.

- Thôi được, đưa bút đây ta viết. Ngươi đúng là một tên đại bợm.

Cầm tờ bảo chứng trong tay, Bùi Khoan lại cười hềnh hệch.

- Tâu hoàng thượng, mẹo của thần như sau: Ta phải cất rượu thật ngon, thật êm. Xong lấy ráy tai lợn ngâm vào rượu độ mười ngày, rồi chắt gạn cho nước thật trong tuyền. Tâu bệ hạ, loại này ngửi chỉ thấy mùi rượu thơm. Nhưng khi uống vào, đứa nào giỏi lắm chịu nổi một đấu, không thì ngay hớp đầu đã nôn mửa tận mật xanh mật vàng.

Vua sướng quá cười sằng sặc, phun cả thức ăn vào mặt Bùi Khoan. Vua nói qua tiếng cười chưa dứt hẳn:

- Vậy thì khanh lo liệu mau đi, ta đang cần tiền.

Trong khi Bùi Khoan lo cho cuộc thi uống rượu thì vua cũng nghĩ thêm cách để kiếm tiền. Một hôm nhân đi chơi hóng mát ra cánh đồng, thấy rau đậu của dân trồng xanh tốt, vua đòi viên cai quản đám tọa thượng nô lên điện dạy:

- Ngươi đem đám nô bộc của ta sang bên bờ bắc sông Tô Lịch, ta nghe nói đất vùng ấy tốt lắm, cắm lấy vài mẫu trồng tỏi cùng các loại rau đậu cho ta.

Ba tên quản nô vòng tay thưa:

- Muôn tâu bệ hạ, các thứ trong cung dùng, đã có quan đại an phủ sứ thường ngày bắt dân đem đến phụng đủ rồi ạ.

Vua gắt:

- Ta biết rồi! Trồng để bán.

Thế là bọn nô bộc của nhà vua ùa đi chiếm đất của dân. Nhưng chúng chỉ trồng tỏi[1] là nhiều thôi. Đến mùa thu hoạch, vua tự định giá các loại hành, tỏi, rau đậu rồi cho lính đem tới các nhà có máu mặt, bắt phải mua. Có thứ chỉ đáng giá một tiền, vua đòi phải trả đủ một quan. Rồi lại bắt thợ khéo từ Thanh Hóa, từ Quảng Oai về cung làm quạt lụa, và cũng định giá bắt các nhà phải mua như thế. Từ ngày có lệ này, các nhà quan, nhà giàu, nhà buôn đều tức vua lắm.

Lại nói đến cuộc thi do Bùi Khoan bố cáo. Dân bợm rượu bàn tán xôn xao khắp kinh thành. Kẻ nào cũng bắt vợ con bòn mót các thứ bán lấy đủ 10 quan để đi thi. Nhiều nhà nghèo, chẳng có gì để bán. Chồng bèn giỗ vợ: "Nhà cứ chịu khó vay đâu đó, xong tôi sẽ đưa lại cho mình cả trăm quan. Sức tôi uống dư mười lăm đấu, mà lệ thi chỉ phải uống có mười đấu thôi, lo gì".

Vì hám tiền, nên tới ngày mở cửa cung, khách tửu thí

[1] Khu đất bên kia sông Tô Lịch nay là vùng đất giáp phường Bưởi. Ngày xưa thường gọi là khu Vườn tỏi.

vào đông nghìn nghịt, chen chúc nhau tới cả mấy ngàn người; có nhẽ còn đông hơn đám sĩ tử và gia nhân kéo nhau về kinh trong kỳ thi hội mấy năm trước.

Bùi Khoan cho tất cả các loại tửu thí đều được chơi quanh hành lang đại điện, được ngó hồ Lạc Thanh chớ không được leo lên các cày cầu.

Quan chính chưởng phụng ngự hôm nay mặc áo đại trào màu tía, đội mũ giải trãi, lưng thắt đai thêu chim phượng, có đính mấy hạt ngọc minh châu, chân đi hia đen. Tay cầm lá cờ lệnh. Bùi Khoan vẫy gọi đám tửu thí vào rót cho mỗi người một chén, nói là ngự tửu vua ban. Ai cũng nức nở khen rượu ngon, chén quý.

Lệ thi, mỗi người vào cửa phải nộp 10 quan, mỗi lần vào 50 người, cứ đánh xong ba tiếng trống là phải uống hết một đấu. Ai uống đủ mười đấu ra cửa sau, mỗi người được lĩnh 110 quan. Tức là cả số tiền 10 quan đặt cược trước khi vào được trả lại. Ai nấy bước vào cửa mặt mày đều tươi tỉnh, luôn luôn mỉm cười vì đinh ninh ăn chắc một trăm quan.

Quan phụng ngự Bùi Khoan sắp xếp lối ra cho bọn đã qua cuộc thi đi theo con đường bao kín, dẫn ra phía ngoài điện Song Quế. Vì vậy bọn thi rồi với bọn chờ thi không hề giáp mặt nhau.

Lại nói trong các phòng thi, ngay đến cả những tay đại sâu rượu, cũng không có tay nào chịu nổi một đấu. Nhiều người nôn mửa. Ai không nôn được thì mặt mày xám ngoét, tay ôm bụng lảo đảo bước ra. Bọn nô bộc trong

cung luôn luôn túc trực, trong tay sẵn có giẻ lau và nồi chậu để lau sạch ngay các thứ nôn mửa, cho tốp sau vào không thấy được cảnh dơ dáy.

Tới quá nửa chiều, cuộc thi kết thúc. Bùi Khoan không mất một đồng giải thưởng nào mà thu về hơn một vạn quan.

Buổi tối ăn yến, vua cho Bùi Khoan cùng ngồi. Vua cứ nức nở khen Khoan mãi. Khoan nộp cho vua năm nghìn quan. Vua hỏi:

- Thế khanh được bao nhiêu?

- Tâu bệ hạ, thần cũng chỉ được bằng bệ hạ.

Vua có ý hơi hối là đã hứa cho Khoan một nửa. Rượu ngà ngà say, vua hỏi Khoan:

- Ta hỏi thực khanh nhé, sức khanh uống được bao nhiêu đấu rượu?

- Tâu bệ hạ, thần uống phải một trăm đấu mới đã. ấy là Bùi Khoan bốc lên nói thế.

Dụ tông cười bảo:

- Khanh chỉ nói khoác.

- Tâu hoàng thượng, thần uống được thật mà.

- Vậy thì thế này, ngươi rót, ta đếm, ngươi uống được một trăm đấu, ta thưởng ngươi 100 quan.

- Thần xin vâng. Khoan nhận liều. Nhưng y cũng biết nhà vua đã say gần líu lưỡi rồi, y sẽ lập mẹo lừa vua.

- Nhưng nếu ngươi không uống nổi trăm đấu thì ngươi mất gì cho ta?

- Thần xin dâng bệ hạ một nghìn quan.

Nhà vua vẫn vừa uống vừa đếm từng đấu cho Bùi Khoan. Khoan uống chừng mười đấu liền, mắt nhà vua đã hoa lên. Sau đó, y cứ rót xong, đưa lên miệng giả vờ uống, rồi lại rót cho vua đếm. Nhiều lúc vua không nhớ đã đếm bao nhiêu đấu rồi, y nhắc vua theo kiểu đếm cá mè. Cuối cùng vua thua.

Vua thua cuộc. Vua say, nhưng vẫn còn đủ minh mẫn để không trao cho Bùi Khoan 100 quan mà nói:

- Thôi được, ta sẽ tặng cho ngươi, tước 2 tư. Thế là ngươi được hưởng lộc cao suốt đời chả hơn ư?

Kể ra Dụ tông say mà ứng xử như vậy là cực giỏi. Nhà vua cho cái mà nhà vua không mất. Chả trách quan quốc khố phải lễ sống mà khen vua là đấng anh minh!

Ngày tháng thoi đưa, Dụ tông thoắt đã ngoài ba mươi tuổi. Vào cái tuổi ấy, nhẽ ra sinh lực phải dồi dào, nhưng với nhà vua thì cứ mỗi ngày một khô héo như cái dây leo bị cắt gốc. Thân thể gầy yếu còm nhom, da đen xám như da hổ giun. Mặc dù cao lương, mĩ vị chẳng còn thiếu một thứ gì. Dường như nhà vua cũng linh cảm thấy mình chẳng còn sống được bao lâu nữa, nên càng chơi bời phóng đãng. Rượu chè, dâm ô, cờ bạc. Dạo này chẳng còn kéo được ai vào trong cung đánh bạc nên càng buồn, vua đành ra chơi ngoài nhà các quan, nhà dân. Có lần đang đêm, sai chèo thuyền nhỏ cho vua đến nhà quan thiếu úy Trần Ngô Lang ở hương Mễ Sở đánh bạc. Mãi gà gáy

dồn[1] mới về. Lúc về đến ngang bến đò sông Chử gia[2] sờ đến ấn báu, gươm báu là những vật truyền quốc thì đã mất trộm từ lúc nào không biết. Vua buồn lắm. Về đến cung thì phát bệnh.

Các quan thầy thuốc ở thái y ty và thái y viện đều dốc sức vào cứu chữa, mà bệnh tình cứ ngày một tăng. Vua mắc chứng mê sảng. Có khi giữa ban ngày vẫn kêu là "Tối lắm!" "Tối lắm!" "Ta sợ lắm!" "Thắp bạch lạp lên!". Đốt tới cả trăm ngọn nến, vua vẫn cứ đòi thắp nữa. Lại ôm đầu kêu hét ầm ĩ: "Tạ Lai! Tạ Lai! Ngươi đừng đòi mạng ta nữa. Ta có giết ngươi đâu. Pháp quan chém đầu ngươi chớ không phải ta! Không phải ta!"... Nhà vua thét đến lạc cả giọng: "Tạ Lai! Đúng là ta không trông thấy ngươi rút gươm ra thật. Đó là ta mơ thấy thế. Lúc thức giấc, ta lại tưởng ta trông thấy thế. Thôi, ngươi bằng lòng đi, ta phong thần cho, được thờ cúng đời đời! ối, không à? Ngươi nhất định đòi mạng ta sao?"... Các quan xúm lại lay gọi, đổ thuốc. Mắt nhà vua đã hơi có thần sắc, tức là hơi tỉnh được một chút thì nhà vua càng thấy sợ. Người run bần bật, mồ hôi toát ướt đẫm.

Thuốc thang phục dưỡng, vua đỡ được vài ngày rồi bệnh lại nặng hơn. Giữa trưa, vua đang ngồi ở long sàng, các quan chầu trực hai bên tả hữu, bỗng nhà vua lại hốt

---

[1] Gần sáng.

[2] Đoạn sông Hồng gần bến Mễ Sở ngày nay.

hoảng la: "Đuổi, đuổi hết bọn trẻ con đi! Kìa sao lại cứ để chúng nhao nhao đòi nhảy bổ vào ta!". Mắt nhà vua mở trừng trừng, vằn đỏ như máu. "Kìa kìa, chúng nó đấy một... hai... ba, hai mươi mốt đứa cả thẩy. Đứa nào ruột gan cũng rỗng hết, bụng đầy máu, nó đòi ta trả mật cho nó. Trả mật cho nó! Lấy đâu ra hai mươi mốt chiếc mật người trả cho bọn này! Trời ơi!". Vua hét lên, giằng khỏi tay mấy người đang giữ rồi ngã vật xuống giường thở hổn hển.

Thấy vua bệnh tật thất thường, thần sắc nhợt nhạt, thọ yểu sớm tối chẳng biết lúc nào, chi hậu cục thủ, hoạn quan Mai Thọ Đức liền nghĩ ngay đến món tiền nhà vua nợ. Thừa lúc Dụ tông tỉnh táo, y lựa lời tâu:

- Bẩm, như thế là bệ hạ còn thiếu của thần cả thảy hơn bảy trăm quan.

Dụ tông gật đầu.

- Bệ hạ cho thần xin lại. Dạo này bấn quá. Bổng lộc lâu nay chẳng có gì, mà thỉnh thoảng còn phải bù vào tiền chi phí cho bệ hạ.

- Cho ta! Ngươi bù tiền gì chi phí cho ta? Dụ tông ngạc nhiên hỏi.

- Thì trước đây bệ hạ thường cho thần uống rượu thạch xương bồ, rượu bồ đào. Quen rồi thần đâm ra nghiện. Bây giờ bệ hạ không cho nữa, thần phải bỏ tiền ra mua uống. Trước bệ hạ chi, nay thần tự chi, thế chẳng phải là bù cho bệ hạ sao.

Dụ tông mỉm cười. Nụ cười làm khuôn mặt nhà vua méo xệch đi. Dường như ngài ngự cố nén một cơn đau, gắng gượng lắm mới nói được:

- Ta chẳng còn đồng nào để trả ngươi cả. Hay là ngươi cứ viết văn tự nợ, ta ký vào cho ngươi, để khi nào có, ta trả.

- Giời ơi, thần giữ tờ giấy ấy làm gì?

- Bùi Khoan, Thanh Lương, Tâm Đức Ngưu... chúng cũng cho ta ký nợ bằng văn tự cả đấy thôi. Ta nợ bọn ấy nhiều, nợ ngươi đáng là bao.

- Nhưng bọn ấy họ giàu chứ thần nghèo rớt mồng tơi.

Dụ tông lại gượng cười. Đôi môi nhà vua mấp máy:

- Ngươi đúng là một tên giả dối.

- Giời ơi, sao bệ hạ đối với thần cạn tình thế. Thần đã tự cung hình[1] để vào chầu bệ hạ còn chưa đủ sao?

- Ngươi cung hình là vì ngươi chớ đâu phải vì ta. Ta đã cho cha mẹ, họ hàng ngươi hưởng tước lộc đời đời, ngươi còn đòi gì nữa.

Mai Thọ Đức cứ băn khoăn như là người tự vấn lương tâm. Dường như không phải thế, những con lợn thiến này không nhìn thấy lương tâm bao giờ cả. Lương tâm đối với bọn chúng là cả một sự xa xỉ. Và một khi đã không có lương tâm thì còn vấn cái gì? Y loay hoay, chẳng qua là y

---

[1] Thiến, hoạn.

đang toan tính ở trong đầu để y tróc nợ đức vua mà y cho là ông sắp chết. Y tự nghĩ, bọn kia hầu vua, vừa bòn đẽo của vua, vừa hà hiếp cướp bóc dân, vơ vét đủ thứ. Chỉ riêng việc xây điện Song Quế, cứ gọi là tiền chảy vào túi chúng nó phân nửa. Lại còn chuyện ái ân vụng trộm với đám phi tần, nhan nhản như một lũ ma khát tình. Còn ta, cứ ru rú ở trong cung như một con chó thiến già, xơ múi gì. Tình ư, chẳng qua chỉ là một thứ thị tình, xem ngắm hoặc rờ mó chỉ làm cho lũ yêu tinh thêm điên giận, mà ta thì cũng thêm thèm, thêm khát chứ nước mẹ gì. Tiền ư, cũng là một thứ gà què ăn quẹn cối xay, bớt xén, bóp nặn, nhử mồi mấy đứa đàn bà, họa may năm thổ mười thì mới được đức vua đoái đến. Vừa thương thân, vừa giận dỗi, y nói:

- Bệ hạ định bao giờ cho thần xin lại số nợ đó? Bệ hạ cứ giả vờ, trong cung thiếu gì thứ bán ra tiền.

Dụ tông lắc đầu nhăn mặt:

- Thôi, ta gán cho ngươi khu vườn tỏi ba mẫu đấy. Đưa giấy bút đây ta viết cho.

Mai Thọ Đức tự nghĩ, ba mẫu vườn thổ tả ấy không đáng một trăm quan, mà ông ấy gán nợ bảy trăm quan, chơi róc đến thế là cùng. Nhưng nếu không lấy thì dại, mất trắng. Y bẽn lẽn nói:

- Tâu, như vậy thần thiệt tới cả chục lần. Xin bệ hạ cho thần thêm hai chục tên nô, để chúng trông nom vườn tược. Nói rồi y đưa giấy bút cho Dụ tông.

Nghe tin Dụ tông ốm nặng, Hiến từ thái hậu lên kiệu vào thẳng điện Song Quế. Thái hậu thấy nhà vua mặt bệch ra như sáp. Hai tay chắp lại, vái lia lịa, miệng nói: "Ta lạy các ngươi, những oan hồn kia. Các ngươi dựng điện Song Quế, đào hồ Lạc Thanh, lấy nước mặn biển đông, bắt cá sấu, tất cả những oan hồn kia. Sao các ngươi đông thế? Mấy ngàn, mấy vạn đứa? Ta lấy mạng đâu đền cho các ngươi. Thôi thì ta trả điện, trả hồ cho các ngươi. Ta cho các ngươi tất cả. Các ngươi tha cho ta! Tha cho ta!" Nhà vua hết nài nỉ khẩn thiết lại vái, lại lạy.

Thấy cảnh đó, thái hậu không sao cầm được nước mắt. Ngồi xuống cạnh con, hai tay bà vuốt xuôi hai vai Dụ tông, tựa như hồi nhà vua mới còn hai, ba tuổi.

Nhà vua mê sảng về các việc tội lỗi, ác độc mà khi cầm quyền đã phạm phải. Thái hậu rùng mình nghĩ đến chuyện quả báo. Một tay bà vẫn đặt lên vai Dụ tông, tay kia bà lần chuỗi tràng hạt đeo nơi cổ, thầm niệm kinh giải oan. Thái hậu cho người đi khắp các chùa tháp, nhờ các hòa thượng, cao tăng lập đàn giải oan cho các vong hồn, cầu cho nhà vua tai qua nạn khỏi.

Nhật Lễ đã mở phủ riêng được hai năm. "Vương Mẫu" vẫn ở lại Song Hương đường chầu chực thái hậu. Ngày càng được thái hậu yêu thương. Có hai nơi nàng hay lui tới: đó là phủ Nhật Lễ và chùa Tư Phúc.

Nghe tin Dụ tông mắc trọng bệnh có thể qua đời, Dương Khương thấy thời cơ lớn đã đến. Ngày nào chàng

cũng ngồi ở chùa Tư Phúc chờ "Vương Mẫu" đến để bàn đại sự.

Một bữa đã vãn chiều, "Vương Mẫu" mới tới, nói lại các việc về Dụ tông và tình cảm của thái hậu với mẹ con nàng.

Dương Khương nói ngay:

- Tình thế gấp lắm rồi. Nàng phải khéo léo nắm lấy vận hội. Nếu Dụ tông mất, việc lập vua mới là phụ thuộc vào cố mệnh của vua. Vì hiện nay vua không có con. Có thể sẽ lập trong số anh em, vì con của thượng hoàng còn nhiều lắm. Nhân nàng được thái hậu yêu, phải nói lót với thái hậu trước đi. Rằng sinh thời Cung túc đại vương Nguyên Dục đã không được lập. Hận cho đến lúc chết. Nay nên lập con của đại vương để hồn nơi suối vàng cũng được thỏa. Nếu thái hậu nhận cho thì bây giờ Dụ tông sắp chết, nhà vua sẽ ăn năn hối lỗi: mọi điều, mọi việc, thái hậu nói là nghe liền. Nàng gắng lên. Con chúng ta làm vua không biết chừng! Nhưng ta dặn trước, từ nay đến lúc được lập, nàng không được hé nửa lời với Nhật Lễ, ta là cha nó. Nhớ nhé.

"Vương Mẫu" nhất nhất làm theo ý chồng, nhưng nàng khéo léo đến tinh vi, nên nói gì thái hậu cũng nghe.

Khắp kinh thành, chùa nào cũng làm đàn chay cầu cúng cho Dụ tông. Nhưng cũng khắp kinh thành, và có nhẽ là cả nước, những người lương thiện đều cầu mong cho vua chóng chết để dân đỡ khổ.

Một bữa nọ, Dụ tông xem có phần tỉnh táo, nhà vua nói với tả hữu:

- Ta nghe như ở vùng Chí Linh có mấy đạo sĩ tu đạo thần tiên có nhiều pháp thuật cao lắm, sao các khanh không mời một vài người về gặp ta thử xem.

Thế là đội cấm vệ được phái đi tìm đạo sĩ thâu đêm. Quân đến tận các hang núi heo hút trong rừng sâu, tìm kiệt cả sức người sức ngựa mới tới được vài cái đạo quán. Các tiểu đồng cho biết là đạo sĩ - thầy họ đi Yên Tử luyện thuốc trường sinh. Cũng có tiểu đồng nói, thầy họ ra mãi ngoài đảo xa miền Đông hải luyện đan. Quân hỏi bao giờ các đạo sĩ mới về. Họ đều lắc đầu kêu là không biết. "Có khi đi hàng năm". Cuối cùng rồi họ cũng kiếm được một mụ. Mụ nói cái thứ tiếng gì líu ríu khó nghe. Ăn mặc thì dây nhợ lôi thôi, áo quần mảnh đen mảnh đỏ. Hỏi điều gì thì mụ chỉ lên trời, lại chỉ xuống đất, rồi trỏ vào đầu mụ, liền đó giơ tay bắt quyết và hét lên những tiếng man rợ. Sau nghe quen cái giọng của mụ mới hiểu ra, mụ là đạo sĩ cao tay bậc nhất, trời sai mụ xuống cứu đất nước này. Mụ có nhiều pháp thuật siêu việt, trừ tà, trị bệnh bằng thần chú và ấn quyết. Quân đưa mụ về triều và cho gặp chúa thượng.

Trông thấy mụ, mắt nhà vua sáng lên. Nước da ửng hồng, cứ như mụ trị bệnh bằng cái uy của mụ, tức là một thứ tâm linh thần cảm. Tưởng như nhà vua đã khỏi bệnh tới tám chín phần.

Vua hỏi tu luyện, pháp thuật thế nào. Mụ chỉ trả lời bằng các cử chỉ và tiếng nói ú ớ, mơ hồ.

Vua lại nói:

- Cho ta xem một trong những pháp thuật trị niệu của đạo sĩ?

Mụ ra hiệu đưa giấy bút. Người ta đem đến, mụ vẽ nguệch ngoạc thuần một thứ hình xoáy trôn ốc, cả thảy được bốn dòng. Không giống chữ bùa, chẳng phải chữ triện, các loại chương, thảo đều không phải nốt. Ai xem cũng nghĩ mụ ta bố láo. Nhưng Dụ tông cứ xoay đi xoay lại mảnh giấy rồi khen:

- Đây là bài thơ hay nhất mà ta được biết. Không ngờ đạo sĩ lại còn là một đệ nhất thi nhân trong thiên hạ.

Vua ra hiệu đưa bút mực. Nhà vua nghĩ ở trong đầu sẽ phê rằng:

- "*Độ thân nghiệp thượng thiên hạ đệ nhất thi nhân*". Ý vua muốn nói, người này sống bằng cái nghề cao thượng, là một nhà thơ vào loại nhất thiên hạ. Nhưng đầu óc nhà vua thế nào lại viết ra những câu chữ lủng củng, chẳng có gì gọi là văn chương. Có điềm gì quái ra mà vua lại phê vào lề "bài thơ" của đạo sĩ như sau:

"Độ thân khất thực thiên hạ đệ nhất nhân"[1]. Dưới ghi thêm: Đại trị thập nhất niên, thập nguyệt, sơ nhị nhật"[2]. Dụ tông hoàng đế khâm thử!

---

[1] Tức là: Sống bằng nghề hành khất, trong thiên hạ, mày là đứa số một.

[2] Nghĩa là: Ngày mồng hai, tháng 10 năm Đại trị thứ 11.

XI

Dụ tông băng!

Tin ấy làm náo động cả kinh thành. Dân chúng ùa ra đường, ra quán đông như đi xem hội giữa ban ngày. Không một ai đả động gì đến cái chết của nhà vua. Nhưng cứ xem sắc mặt người dân nơi chợ búa, và qua ánh mắt họ nhìn nhau nơi quán xá, đủ biết họ đang ngầm có niềm vui chung.

Như một sự lạ, các hàng quán trong khắp đất kinh kỳ, bỗng khách lên chật ních. Chủ quán luôn miệng dạ ran, khách vẫn cứ phải chờ, phải gọi đi gọi lại cũng chưa có được nậm rượu trắng.

Tại một dạ quán có tên "Hoa lâu đại tửu điếm" ở phường Vạn Xuân, là một trong những tửu điếm sang nhất Thăng Long. Thường ngày, khách trung, hạ lưu không dám lai vãng tới đây. Thế mà bữa nay đông nghịt, đủ hạng người. Khách ăn uống, nói cười sảng khoái, như trong lòng họ đều có một sự phấn khích cần bộc lộ. Người ta trở nên dễ dãi với nhau.

Một cụ già râu tóc bạc trắng vừa bê bát rượu lên miệng,

thì mấy anh khóa sinh lách vào khiến bát rượu đổ trùm lên ngực áo. Rượu bắn cả vào đầu vào mặt mấy người ngồi cùng chiếu.

Các chàng trai chưa kịp xin lỗi, mấy người đã vội nói xí xóa giàn hòa:

- Ồ, không có gì đâu! Không có gì đâu!

Cụ già ve vuốt chòm râu ướt cười khanh khách:

- Đổ rượu là may! May lắm đó các chú.

Mấy anh khóa sinh tỏ ra người học thức, vội bê đến trước cụ già một nậm rượu lớn và cả một quan tiền, xin chuộc lỗi.

Cụ già xua tay từ chối. Trả lại tiền cho người vừa móc từ tay nải ra.

Cầm nậm rượu giơ lên, cụ nói:

- Rót ra ta cùng uống với nhau.

Mọi người nâng chén chúc thọ cụ già. Còn cụ, cụ giơ cao chén lên nói: "Chúc cho mọi người tin yêu nhau như anh em một nhà. Chúc cái thiện trong lòng ta!" Xong cụ tém râu, ngửa cổ uống một hơi cạn chén rượu.

Không khí trong quán như được xông bằng rượu. Nói dại, lúc này mà có ai châm đóm hút thuốc lào, nhất định lửa sẽ bùng lên cháy quán ngay lập tức.

Triều đình chưa phát tang, nên chưa có lệnh cấm các cuộc vui. Dân chúng cũng cứ giả vờ, xem như chưa có chuyện nhà vua qua đời. Bởi thế, họ cứ ăn, cứ uống, cứ vui

chơi, ca hát. Người ta nói đủ thứ chuyện. Nào hai cây quế trong điện Song Quế, một cây tự nhiên chết đứng. Chẳng hiểu đó là điềm gì. Lại cá sấu bò lên chân ngọn giả sơn đớp vào cẳng sau con hổ đang nằm ngủ, kéo xuống dìm chết trong lòng hồ Lạc Thanh. Như thế có nghĩa là âm thịnh, dương suy. Còn loạn, còn khổ.

Lạ nhất là đám giáo phường, bỗng dưng thay tích hát. Các phường đang diễn tích "Tây Vương Mẫu", "Tô Vũ chăn dê", bỗng quay ra diễn: "Khương Tử Nha[1] hạch tội ác Trụ vương", hoặc tích "Bạo chúa Lê Ngọa triều"[2].

Dân chúng đi xem hát nườm nượp. Ba bốn phường cùng diễn một tích, vẫn không đủ chỗ cho người xem.

Dụ tông mất mà chưa kịp viết di chiếu chọn người kế vị, sợ có biến, nên quan chánh chưởng phụng ngự Bùi Khoan cho đóng hết các cửa cung lại và truyền: "Cấm vệ quân phải canh phòng cẩn mật, nội bất xuất ngoại bất nhập". Hiến từ thái hậu lòng đang ngổn ngang trăm mối. Bà nghĩ việc chọn người nối dòng đại thống lúc này cực kỳ hệ trọng. Bà cũng biết, nếu không kín nhẽ, họa sẽ từ đấy mà ra. Cho nên việc Bùi Khoan cấm cung cũng là phải.

---

[1] Khương Tử Nha, tướng của Võ Vương diệt vua Trụ, lập ra nhà Chu, khoảng thế kỷ thứ 10 trước Tây lịch. Đây là đoạn Khương Tử Nha bắt được ác Trụ và đang hỏi tội y.

[2] Lê Long Đĩnh, biệt hiệu "Ngọa triều" (1005-1009) là một tay hoang dâm vô độ và tàn ác không kém vua Trụ. Long Đĩnh mắc bệnh "sa đì" không ngồi được, phải nằm thiết triều nên đời gọi ông là "ngọa triều".

Chính chưởng phụng ngự khúm núm tâu:

- Thiên tử băng, không kịp viết di chiếu, xin Thái hoàng thái hậu cho ý chỉ.

Bà Hiển từ gạt nước mắt, xuống lệnh:

- Ông cho mời ngay các quan vào nghị bàn. Chưa lập xong vua mới, chưa được phát tang. Không hở việc này cho các phi tần biết, ông nhớ chứ. Nội tẩm phải canh phòng cẩn mật, cấm ngặt đám nội nhân và cả thái y chức cũng không được ra vào chỗ quan gia nằm nữa.

Bùi Khoan nhất nhất vâng dạ. Y cho vệ kim ngô đi thỉnh các quan tới chầu Thái hậu. Lòng y tan nát, đang tìm kế thoát thân. Trâu Canh đã bỏ bọn y đi từ lâu rồi. Bây giờ y mới biết Trâu Canh là một tên cáo già. Nòi đại Hán thâm hiểm đến thế là cùng. Nó bòn rút không biết bao nhiêu của cải của nhà vua. Hoàng thượng nợ, nó tróc đòi không thiếu một xu.

Thấy vua sắp hoạn nạn, nó bỏ đi trước. Lại rút êm cả tài sản và gia thuộc mà không gây động tĩnh gì, quả nó là một giống yêu quái thành tinh.

Nhìn đi nhìn lại, Bùi Khoan thấy bọn chi hậu cục hoạn quan Mai Thọ Đức, tả hữu hành khiển Nguyễn Thanh Lương, Tâm Đức Ngưu cùng lũ lĩ chúng nó cũng lủi đâu mất. Tự nhiên y thấy hoang mang, hãi sợ.

Đêm thượng tuần tháng sáu, trời không trăng, không sao, không khí tích tụ oi nồng như sắp có giông có bão. Điện Song Quế vẫn sáng trưng ánh bạch lạp như mọi bữa, nhưng

tịnh không có một bóng người qua lại, không một lời ca tiếng nhạc. Trái với nội điện, ngoài tử cấm thành tối om, từng tốp lính đi lại canh phòng cứ rập rờn như lũ ma trơi. Khoảng gần canh một, các đại quan đã tề tựu đông đủ trong nội điện. Người ta thấy có mặt tả tướng quốc Cung Định vương Phủ. Cung Tĩnh vương Nguyên Trác. Cung Tuyên vương Kính là các con của thượng hoàng Trần Minh tông, anh em cùng cha khác mẹ với hoàng thượng vừa quá cố.

Tả bộc xạ Tăng Khoan. Thượng thư hữu bật, nhập nội hành khiển Lê Quát. Nhập nội hành khiển tri khu mật viện sự kiêm nhập nội nạp ngôn Phạm Sư Mạnh.

Thống quân đồng tri thượng thư tả ty sự Trần Thế Hưng.

Các quan đứng đầu Đô tổng quản; Điện tiền chỉ huy sứ; Tả, hữu kim ngô; Tam phủ thân vệ, huân vệ, dực vệ; Thái chức ty; Ngự sử đài; Nội lệnh sử; Đình úy tự... đã đến chầu hầu.

Hiển từ thái hậu được các quan rước lên ngai, tất cả đều phủ phục chờ ngài phán.

Thái hậu giơ tay áo thụng che mặt, lau nước mắt rồi truyền:

- Ta thất đức, nên gặp cảnh lá vàng còn ở trên cây nhưng lá xanh đã rụng. Dụ tông chẳng may thất lộc. Nước không thể một ngày không có vua. Hoàng thượng băng mà không kịp lập di chiếu. Vậy ý trăm quan thế nào, nói ta nghe!

Không khí triều hội im phăng phắc. Chỉ có tiếng lửa reo mơ hồ. Những giọt nến hồng cứ chảy dài như những dòng huyết lệ. Thỉnh thoảng một con thiêu thân ngã vào

cây nến, xác trương phềnh, nổ bem bép. Không biết trong đầu các quan nghĩ gì về đức vua vừa tạ thế; lại nghĩ gì về người được sách lập, người đó là ai.

Trong ba vương đang giữ trọng trách đầu triều, đều là anh em ruột thịt với vua cả. Lý đương nhiên, nếu Dụ tông bị phạt tự[1] thời việc kế vị trước hết phải chọn trong các con của thượng hoàng, ai là người tài đức thì lên ngôi. Nếu không có ai xứng đáng, sẽ chọn trong các công tử, con của các đại vương. Mặc nhiên là phải chọn từ trên xuống. Cái nhẽ sáng trong như vậy, nhưng trăm quan chưa ai dám khai khẩu.

Cũng giờ đó, Nội lệnh sử ghi vào thực lục [2]:

"Ngày... tháng... năm... đức Dụ tông hoàng đế băng hà". Và bên Ngự sử đài, sử quan cũng ghi vào chính sử như bên Nội lệnh sử. Quan ngự sử đại phu nom thấy chữ "băng" bèn hạch sử quan. Rồi cầm bút xóa chữ "băng", ghi chữ "hoăng"[3] vào bên cạnh.

---

[1] Phạt tự: Không có con trai, tội bất hiếu.

[2] Thực lục: Sách ghi lại các việc diễn ra trong sinh hoạt thường ngày của vua và triều đình.

[3] Theo quy chế rất chặt chẽ của đạo nho, các nghĩa của chữ chép trong sử đều thể hiện tư chất của con người. Ví dụ các vua hiền khi chết, chép là "băng"; các vua tư cách thấp hơn, khi chết chép là "hoăng"; vua tiếm vị, khi sống làm nhiều điều thất đức, khi chết chép là "tồ". Người làm quan liêm chính, khi chết chép là "tốt"; quan gian nịnh, khi chết chép là "tử".

Thật ra thì sử quan cũng đã định viết chữ "hoăng". Bởi nhẽ chữ "băng" là để ghi về cái chết của các bậc minh vương, thánh đế. Còn chữ "hoăng" là ghi về cái chết của các ông vua kém đức. Đúng lý thì Dụ tông cũng không xứng đáng được dùng chữ "hoăng" mà phải dùng chữ "tồ" hoặc chữ "tử".

Chờ mãi không thấy các quan nhúc nhích, bà Thái hậu liếc nhìn ba vị đại vương, thấy nét mặt các vương cực kỳ căng thẳng. Bà nghĩ, nếu ta lập một trong ba người thì hai người kia sẽ oán ta. Hẳn là các quan cũng e ngại điều này nên không ai dám nói. Thái hậu buồn rầu phán:

- Hoàng thượng mới băng. Đây là việc đại sự quốc gia. Các ông ăn lộc nước sao cứ thủ thế mãi vậy?

Bà nói chưa dứt lời thì có hai thượng quan bước lên cùng một lúc, vòng tay thưa:

- Trình Thái hậu!

Mọi người ngó nhìn xem ai. Đó là quan nhập nội hành khiển tri khu mật viện sự, kiêm nhập nội nạp ngôn Phạm Sư Mạnh và quan thượng thư hữu bật, nhập nội hành khiển Lê Quát.

Thấy hai quan đầu triều lại vốn là người cương trực, đều là học trò của Chu An, ai cũng kính nể. Các đại vương chăm chú lắng nghe xem hai quan đề cử ai. Bà Thái hậu chỉ tay vào Phạm Sư Mạnh:

- Ông nhập nội nạp ngôn nói trước.

Phạm Sư Mạnh tâu:

- Nay hoàng thượng băng chưa kịp lập di chiếu, cũng không có cố mệnh. Nếu như ngôi thái tử đã lập thì nay cứ việc tôn vinh. Ngặt vì hoàng thượng chưa có ý sách lập ai, nên theo ý thần, cứ chọn các đại vương con của thượng hoàng lên kế vị là hợp đạo trời. Còn như chọn vương nào là do tôn ý của Thái hậu và các đại thần - Nói xong ông vái dài Thái hậu rồi lùi ba bước.

Thái hậu lại chỉ tay vào Lê Quát:

- Ông thượng thư hữu bật nói đi.

Lê Quát vái Thái hậu rồi thưa:

- Dạ, ý của thần cũng giống như ý của quan tri khu mật viện sự.

Các người khác cũng dựa ý nhau mà nói na ná như vậy cả. Các đại vương vẫn căng thẳng chờ nhau không ai nói gì.

Hiến từ thái hậu không biết quyết thế nào cho phải. Bà rùng mình nghĩ đến cảnh tranh giành giết chóc nhau, nếu như một trong ba vương được lên ngôi.

Bản tính hiền hòa nhân hậu, bà hướng về người con bất hạnh đã qua đời - Cung túc vương Nguyên Dục.

Bà nghĩ đến giọt máu của vương - công tử Nhật Lễ. Vả lại Lưu thị[1] tuy xuất thân là kẻ tiện dân làm nghề đào hát,

---

[1] Lưu thị tức là Lưu Nương Tú vợ của Dương Khương, đã từng thủ vai "Vương Mẫu" được Nguyên Dục mê và cướp lấy. Nhật Lễ vốn là con của Dương Khương đã có thai hai tháng trước khi Lưu thị về với Nguyên Dục. Lưu Nương Tú vốn là tằng nữ của Lưu Kế là một kép hát theo quân Thoát-hoan sang xâm lược nước ta bị bắt rồi xin ở lại.

nhưng bản tính hiếu thuận lại biết đạo thờ chồng, nuôi con. "Hay ta cho Nhật Lễ lên ngôi! Âu cũng là sự đền bù. Chắc Nguyên Dục ở dưới suối vàng vong linh cũng được thỏa". Nghĩ vậy, bà Hiến từ để ý nhìn khắp một lượt rồi hắng giọng:

- Trăm quan nghe ta nói đây! Mọi người như thót bụng lại, căng mắt nhìn Thái hậu. Không khí im phắc, nặng nề, như phảng phất mùi tử khí lợm tanh - Ta đã hỏi ý trăm quan, hỏi các vương. Nhưng các ngươi lại bảo tùy ta. Vậy theo ta, mọi việc phải trở về mối rường, cương kỷ. Xưa Nguyên Dục là đích trưởng tử không được lập. Nay Nhật Lễ không phải là con của Dục sao? Thế thì Nhật Lễ lên ngôi là thuận đạo trời, hợp lòng người. Ta chắc các tiên đế ở dưới suối vàng cũng cho việc này là phải. Nếu các ông không ai cãi lời ta, thời việc lập vua mới tới đây là xong.

Thái hậu vừa dứt lời, các quan đều tung hô: "Vạn tuế!".

Trời vừa hửng sáng, trăm quan lại tề tựu trước sân rồng chờ kiệu đi rước vua mới vào thị triều. Nhật Lễ vừa bước xuống kiệu, các quan cúi rạp lạy chào. Nhà vua bước thẳng lên nội điện, leo tót lên ngai vàng mà chưa làm lễ tức vị. Nghĩa là chưa thụ ấn kiếm truyền quốc và nhận vương miện cùng áo long cổn.

Các quan thấy chán quá bèn đưa mắt ngầm hỏi quan thái chúc ty, là người đứng đầu việc lễ nghi triều điển.

Quan thái chúc bèn đến bên ngai vàng nói nhỏ vào

tai nhà vua: "Thỉnh vương xuống làm lễ thụ phong đã". Tân quân ngượng đỏ mặt, rời long ngai, bước theo quan thái chúc.

Sau lễ tức vị, đình thần dâng tôn hiệu Đại Định. Công cuộc đầu tiên của triều Đại Định là lo việc tang lễ cho Dụ tông.

Từ sau lễ đăng quang, Nhật Lễ vận tang phục và chịu tang Dụ tông như một hoàng thái tử kế vị. Người ta đã làm đủ các nghi lễ đế vương cho Dụ tông. Linh cữu của nhà vua đã được đưa về quàn tại điện Tịnh Minh, nằm bên hữu điện Thiên An. Hằng ngày, Nhật Lễ với sự hầu hướng của phủ tông chính[1] và ty thái chúc, vẫn tự mình làm lễ chiêu tịch điện, dâng cơm rượu cho hồn ma Dụ tông, và phải túc trực bên linh cữu.

Ngoài đại điện lập đàn chay, cầu siêu cho linh hồn người quá cố không lúc nào dứt.

Sắp tới tuần quàn trót, thái hoàng thái hậu Hiến từ cho triệu các cao tăng khắp nước về kinh. Theo ý bà, nên lập một đàn giải oan, cúng trong bảy ngày đêm, rồi đưa linh cữu nhà vua đi an táng. Bà nghĩ: khi sống, Dụ tông đã làm nhiều điều thất đức. Bà không dám tỏ lộ sự thật với các cao tăng về vụ nhà vua chấp thuận cho viên ngự y Trâu Canh, giết chết hai mươi mốt đứa trẻ lấy mật làm thang

---

[1] Phủ tông chính: Nơi lưu giữ sổ sách, các đồ tế tự và các công việc về họ hàng nhà vua.

thuốc cho mình. Lại nữa vụ giết oan Tạ Lai, cùng biết bao oan hồn chết chóc trong khi xây cất điện Song Quế. Những vụ việc này khi sắp qua đời, Dụ tông thường nhìn thấy các oan hồn hiện về đòi mạng, nhà vua hoảng hốt la hét đến ngất đi. Hiến từ giấu biệt các điều ấy, nhưng tăng chúng đều biết uẩn ý của thái hậu. Bởi lẽ những điều ác dộc Dụ tông gây nên, họa chăng chỉ có triều đình và hoàng gia, hoàng tộc không biết hết, chớ trong dân gian thì không ai lạ gì.

Những ngày đầu còn bối rối trước cái tang của Dụ tông không ai để ý, nhưng dần dần người ta thấy vắng các quan cận thần của vua, những người được vua sủng ái như hoạn quan chi hậu cục Mai Thọ Đức; ngự y Trâu Canh; hành khiển nhập nội tả ty Nguyễn Thanh Lương... Ngay quan chính chưởng phụng ngự Bùi Khoan là chân tay thân tín nhất của vua, cũng chỉ thấy loáng thoáng vài ngày rồi mất dạng. Kiểm lại, tất cả các người có tên trong sớ thất trảm của Chu An đều biến mất.

Các quan họp bàn không nên làm gì kinh động đến tân quân. Tri khu mật viện sự Phạm Sư Mạnh xin với quan đô áp nha thống chế, phái quân về quê quán từng đứa trong lũ "thất trảm" và chia đi các ngả tróc nã. Còn bên Đăng văn viện lo hoàn tất án văn, để đưa ra xét xử. Lệnh ở các tòa, đài, đô, sảnh, viện ban ra kín nhẹm. Lính truy nã nhận hỏa bài lên ngựa lưu tinh đi suốt ngày đêm. Khi trở về đến quê quán được nghe các xã quan bản hạt trình rằng, bọn

họ đều bị treo cổ ở dọc đường. Có kẻ đã về gần tới quê non mười dặm vẫn còn bị giết. Có đứa bị treo cổ ở ngay La Thành. Tức là chưa ra khỏi kinh kỳ đã bị bắt đưa lên thòng lọng. Lại nghe nói dân chúng qua đường, ai nấy đều ném đất, ném đá hoặc những thứ đồ dơ dáy vào thân thể, mặt mũi kẻ xấu số. Riêng Trâu Canh đã chuyển cả bồ đoàn thê tử về Vân Đồn và dời chỗ ở tới ba lần, nhưng cũng bị treo cổ như những kẻ kia. Thế mới biết, không mưu ma kế quỷ nào có thể bưng bít được tai mắt người dân. Lưới trời thưa nhưng khó thoát là vậy đó.

Cùng với ngày tháng, cái chết của Dụ tông và lũ "thất trảm" làm náo động kinh kỳ lên một thời gian, rồi mọi sự lại lắng xuống. Bởi người chết đã an phận, còn người sống vẫn cứ phải tiếp tục sống. Nhưng tới khi triều đình rục rịch đem Dụ tông đi chôn cất ở Phụ lăng[1], mọi sự lại rộ lên như khi nhà vua vừa mất. Đại khái người ta bàn tán về những cái được, cái hỏng dưới thời Đại trị của ông, và bè lũ quyền gian mà Chu An đã dâng sớ "Thất-trảm". Tiếc thay, nhà vua mê muội bỏ mất con đường sáng sủa, bỏ mất bề tôi lương đống, tiết tháo, hóa nên nước hèn, dân bạc.

Bữa cất quan Dụ tông, trời u ám, gió bấc thổi ào ào, rét tái tê. Ấy là tòa Khâm thiên giám đã xem kỹ tinh tượng và

---

[1] Vùng lăng mộ các vua nhà Trần, nay thuộc đất xã Yên Sinh, huyện Đông Triều, Quảng Ninh. Xưa đất này thuộc lộ Hải Đông, châu Chí Linh.

lịch số, chọn được ngày bất tương. Tức là ngày trời đất không can thiệp vào công việc của con người. Nhưng sao gió, mây vẫn cứ u uẩn khác thường. Trời giận chăng?

Mờ sáng, lính đã đứng án ngữ từ điện Tịnh Minh ra cổng hoàng thành. Lại từ hoàng thành đến bến Đông-bộ-đầu cũng rải quân canh nghiêm ngặt. Đầu giờ Mão, chiêng trống nổi, cửa điện mở toang. Dẫn lộ là lá đại kỳ màu vàng, tiếp đến là bảy lá cờ ngũ hành rồi minh tinh, phướn, phan, đối, trướng... Một vị hòa thượng, mặc áo cà sa đại pháp chủ, đội mũ hoa sen, cổ đeo chuỗi tràng hạt màu hạt dẻ, một tay cầm cây thiền trượng, nạm ngọc, một tay để trước ngực, lâm râm đọc kinh Phật. Sau đại lão hòa thượng, là hai mươi bốn vị cao tăng cũng vừa đi vừa lần tràng hạt, vừa đọc kinh. Sau các cao tăng là hai hàng sa môn đội chiếc cầu bạch bố (loại vải trắng do Chiêm Thành tuế cống) trên vẽ đủ các thứ phù, bùa, chữ triện cũng vừa đi vừa đọc kinh Phật. Phường nhạc bát âm đi sau sa môn đoàn. Tiếp đó là linh cữu Dụ tông đặt trong kiệu rồng sơn son thếp vàng, có hai mươi bốn đòn khiêng, với chín mươi sáu phu kiệu là những tay đô lực sĩ. Đi quanh kiệu là các bà phi và các vị trong hoàng gia, hoàng tộc. Sau nữa là các quan trong triều từ nhất, nhị phẩm tới ngũ, lục phẩm.

Cách một quãng khá xa, dân chúng kinh thành lặng lẽ đi theo. Chưa bao giờ dân chúng đổ ra đường đông đến thế, kể từ sau đám tang của Trần Hưng Đạo, Trần Nhân tông.

Các đám tang của Trần Hưng Đạo, Trần Nhân tông dân chúng lăn sả vào khóc nức nở như khóc cha khóc mẹ mình, như muốn níu kéo các vĩ nhân ở lại. Song với đám tang của Dụ tông, người ta lặng lẽ đi cách một quãng thật xa, với vẻ xem ngắm dửng dưng.

Lạ thay, khi đám tang vừa tới bến thì trời tối sầm lại. Một con trốt đen kịt ào ào lướt qua. Mọi người mở mắt nhưng không ai nhìn thấy ai. Thoáng lát, trời lại quang tạnh, ai nấy đều kinh ngạc nhìn thấy chiếc minh tinh[1] đã bị gió tuốt lôi đi mất mà người vác cán minh tinh không hề biết; trong khi các thứ cờ, phướn, phan, đối, trướng chẳng suy chuyển một tí gì. Ai cũng cho đó là điềm trời quở phạt.

Muốn nói gì thì nói, nhà vua chết đi cũng để lại mối tiếc thương ngơ ngẩn, và cả lòng hoang mang hãi sợ của bọn gian nịnh được vua yêu. Với những người độ lượng, trước cái chết của Dụ tông cũng thấy chạnh lòng. Bởi suốt đời nhà vua chỉ ốm đau bệnh tật. Lại sống buông thả đến nỗi tai tiếng lưu dấu tới muôn đời. Cuộc đời đã ngắn, sự nghiệp để lại cho mai hậu ngoài những tấm gương bỉ ổi ra thì chẳng được mảy may gì. Lại con cái nối dõi không có, vừa tuyệt tự vừa mang tội bất hiếu[2]. Đại thể là

---

[1] Một dải lụa, hoặc một mảnh giấy dài, viết tên tuổi của vong để rước trong đám tang.

[2] Theo chế độ phong kiến phương Đông, một trong tội đại bất hiếu là không có con trai nối dõi.

như vậy. Nhưng với người dân kinh thành, hầu như họ đều thở phào nhẹ nhõm. Đành rằng khi còn sống, và ngay cả sau khi chết, có nhiều người yêu quí Dụ tông, có nhiều người khiếp sợ, và không thiếu người khinh ghét nhà vua. Có người thân, có người sơ với vua. Song với dân trong nước, hết thảy họ đều cầu mong ông chết sớm.

Nay ông chết, coi như tai họa lớn của dân tộc đã qua đi. Vì vậy, không lấy gì làm lạ, đám tang của Dụ tông, dân chúng Thăng Long đưa tiễn ông về nơi an nghỉ đông nghịt đường phố; nhưng không có người dân nào rỏ cho ông một giọt nước mắt xót đau. Rõ ràng là họ đưa tiễn ông không phải vì lòng tiếc thương, mà chính là họ tiễn đưa sự dối trá, thói tàn bạo vô luân, lòng tham bẩn và tính ích kỷ về huyệt mộ.

XII

Nhật Lễ lên ngôi đột ngột nên chưa kịp tuyển phi tần. Các quan dâng lời xin tân quân chọn người để lập chính cung. Xưa nay theo tục lệ của tiên quân thì chính cung không được lập người ngoại tộc. Có người nói: quận chúa, con của tả tướng quốc Cung Định vương Phủ là bậc có nhan sắc hoa nhường nguyệt thẹn, lại công, dung, ngôn, hạnh; cầm, kỳ, thi, họa bề nào cũng tinh thông cả. Tuy chưa biết mặt, nhưng nghe nói vậy, Nhật Lễ bằng lòng ngay. Nhà vua không cần hỏi lại xem tả tướng quốc và quận chúa có chấp thuận không, ngài liền xuống lệnh:

- Các quan đã nói thế thì ngày mai làm lễ vu quy luôn cho trẫm.

Các quan nhìn nhau tủm tỉm cười. Quan thái chúc tự thấy thẹn, vì nhà vua chẳng biết lễ nghĩa gì, bèn tâu:

- Xin quan gia thư lại cho ít bữa, bởi hạn kỳ tang chế còn dài. Vả chăng để ty chức chọn được ngày lành, giờ tốt nạp lễ vấn danh sang bên phủ Cung Định vương đã. Sau đó mới bàn đến lễ vu quy.

Nhật Lễ cười hô hố vang cả đại điện:

- Các ông chỉ vẽ chuyện, tang là ở trong lòng. Các ông

bảo ta lấy vợ. Ta chấp thuận, các ông lại bảo phải để tang, phải chọn ngày. Theo ta ngày hôm nay là ngày tốt nhất. Bởi ngày có tốt, các ông mới dâng được lời nói hay. Vậy ta quyết, ngày hôm nay các ông phải nạp lễ vấn danh sang nhà ông tả tướng quốc. Rồi định ngày cưới luôn. Ta vẫn nghe nói: "Lấy vợ phải cưới liền tay".

Nhà vua hấp tấp đoan quyết như vậy, đình thần ngao ngán không còn ai muốn bàn thêm điều gì nữa. Cưới vợ xong, Nhật Lễ đắm say chuyện phòng the không kém gì những tay hoang dâm bạo tợn. Nhà vua sai các nội giám đi tuyển cung nữ khắp nơi. Lại bắt lập ban hát, diễn những tích xưa kia Lưu thị từng diễn. Và đã toan gọi Dương Khương vào cho cai quản giáo phường. May Lưu thị biết mà cản được.

Lại nói từ khi Nhật Lễ được lên ngôi hoàng đế, vợ chồng Dương Khương đi lại với nhau không kiêng dè gì nữa. Lưu thị cũng đã nói cho Nhật Lễ biết cha y là Dương Khương chứ không phải Cung túc vương Nguyên Dục. Nhật Lễ nói ngay:

- Vậy thì phải đón cha tôi vào cung. Ngày mai thiết triều, tôi nói rõ việc này cho các quan biết, rồi phong cho cha ngôi thượng hoàng, mẹ ngôi thái hậu chứ.

Nghe con nói, Lưu thị tái mặt.

Nhật Lễ hỏi:

- Mẹ làm sao thế. Tôi làm vua, tôi nói gì ai cũng phải nghe. Tôi bắt ai chết người ấy phải chết, mẹ còn lo gì nữa?

Lưu thị nhẹ nhàng khuyên con:

- Vì có việc lộn sòng con mới được vào nơi cung đình quyền quý. Vì có hậu tình của Hiển từ thái hậu với ta, con mới được lên ngôi. Nay con ngồi ngai vàng chưa vững mà đã toan lộ tông tích, chắc cả nhà ta phải chết.

Nhật Lễ vẫn hung hăng cố cãi:

- Quyền bính trong tay tôi kia mà!

- Con lớn người nhưng đầu óc vẫn còn non dại lắm. Quyền bính gì trong tay con? Chẳng qua con kế vị ngôi hoàng đế, người ta phục tùng là phục tùng cái oai nghiêm của hoàng đế. Mọi quyền lực điều hành bộ máy quốc gia đều do các đài, sảnh, viện, các nha, ty nắm giữ. Nhưng thao túng tất cả sức mạnh quốc gia lại nằm trong tay các điện súy, các thượng tướng, các vệ kim ngô, thần sách... Tất cả những quyền chức ấy hiện vẫn còn nằm trong tay các hoàng thân quốc thích nắm giữ. Bây giờ chỉ cần hở ra chuyện con thuộc dòng máu họ Dương, thời người ta sẽ phanh thây xé xác mẹ con ta ngay.

Lưu thị ngừng lời, bà nhận thấy Nhật Lễ mặt bệch ra như sáp. Bà nghĩ, thằng con bà không sớm lập được vây cánh, không có người mưu trí cố kết, và dần dần tước bỏ quyền lực của vương hầu nhà Trần thì khó mà đứng vững. Vả lại nó vốn là đứa trẻ ngỗ ngược, chữ nghĩa ít, lễ nhạc không biết gì. Khi còn ở trong Song Hương đường bà đã phải khổ sở lấp liếm, che dấu các tội lỗi của nó với Hiển từ. Bước ra khỏi cung là nghêu ngao hát ông ổng như một tên

kép nhà nghề. Đức mỏng, tâm loạn mà đứng đầu trăm họ có khác gì đứng trên bàn chông, núi lửa.

Thấy mẹ im không nói nữa, Nhật Lễ giục:

- Thế mẹ bảo, tôi phải làm gì bây giờ?

- Phải chọn bề tôi trung tín, cố kết tay chân.

- Chọn ai, mẹ bảo đi, ngày mai ra triều tôi gọi họ trao việc.

- Không được con ơi, con làm cứ như việc mổ trâu hay đánh bạc ấy. Chuyện tày đình phải kín nhẹm. Hở ra là chết. Đây là đại sự không thể nóng nảy. Từ nay nhất nhất con phải nghe ta. Để ta dò xem các đại thần người trong hoàng tộc, kẻ nào có thể sai khiến được, sẽ tìm cách kết thân.

- Thôi được, tôi nghe mẹ. Nhưng mẹ phải để mặc cho tôi hưởng các thú vui.

Thế là công việc điều hành triều chính thực sự nằm trong tay Lưu thị. Thị là người ít học, là con nhà tiện dân nên không thể biết phép trị nước, chăn dân theo đạo thánh hiền. Nhưng những trò tinh vặt, những mưu ma chước quỷ của đám tiểu nhân, của đám thị dân thì thị lại lọc lõi.

Để vợ chồng đoàn tụ, Lưu thị bàn với thiếu úy Trần Ngô Lang, nhập nội hành khiển Trần Nhật Hạch tuyên triệu Dương Khương vào hầu, và cho hầu tại lệnh thư gia, chức phán thủ. Ấy là Lưu thị chỉ gợi ra cái ý đó với hai vị quan mà thị tỏ ra ân cần, tâm phúc. Hai vị đại quan thừa biết, đây là công việc được Lưu thị ưu ái giao cho làm. Chứ thực là chức phận của bên Nội thị sảnh. Hai quan cũng

không lạ gì Dương Khương là chồng cũ của Lưu thị. Nay tuyên triệu vào cung, chẳng qua thị muốn nối lại việc tư thông một cách êm thuận.

Thiếu úy Trần Ngô Lang tự nghĩ: "Việc lấy người vào sáu chi hậu cục, xưa nay chỉ chọn người trong các vương hầu, tôn thất cho làm. Triều Đại định mới lập, đã sớm hé cái mầm dâm loạn thực chẳng khác Võ Tắc Thiên[1] là mấy. Song chưa biết bụng quan hành khiển Trần Nhật Hạch ra sao, nên ông chưa dám thổ lộ...". Ông vâng lệnh phụng tả[2] đúng như ý Lưu thị. Viết xong, ông đưa cho Trần Nhật Hạch phụng san[3]. Hạch chỉ sửa có mỗi chỗ chức vụ: Nội thị phán thủ thành Nội thị chánh chưởng. Tức là ông đưa thẳng Dương Khương lên chức chánh chứ không phải là phó như ý của Lưu thị. Trần Ngô Lang không phản bác gì; ông cứ để vậy trình lên Nhật Lễ. Song ông tự nhủ lòng: "Phải canh chừng Nhật Hạch".

Vừa giao việc vừa thăm dò, Lưu thị đoán được tới tám chín phần. Hành khiển Trần Nhật Hạch có chí tiến thân với vua mới. Còn thiếu úy Trần Ngô Lang, thị không nghi ngờ gì, bởi ông chỉ làm theo phận sự của một bề tôi.

---

[1] Đời Đường Đức tông, Võ Tắc Thiên sau khi Đức tông chết, con còn bé, bà nhiếp chính rồi tự mình lên ngôi. Sau định đem ngôi vua về cho dòng họ Võ. Triều thần nổi lên đánh dẹp, giết Võ Tắc Thiên khôi phục lại nhà Đường.

[2] Phụng tả: Người viết văn bản.

[3] Phụng san: Người sửa văn bản.

Nhận được chỉ tuyên triệu, Dương Khương hối hả vào triều. Thật ra Dương Khương vào triều, là nhằm việc khác, chứ đâu phải việc chầu vua mới. Vả lại lệnh thư gia là chức quan giành cho người có học thức, còn y chữ nghĩa cào cọt hết cũng không dấp kín lòng bàn tay, làm sao mà giám sát được ngự thư gia[1].

Từ khi Dương Khương vào triều, cha con Nhật Lễ thỏa sức hưởng lạc. Để bù cho Dương Khương một lòng nhẫn nhục tin yêu. Lưu thị cho y tự ý tiêu khiển trong đám cung nhân của Dụ tông. Còn Nhật Lễ ngoài chuyện mây mưa, suốt ngày ngồi xem hát. Nhiều khi Lễ tự mình thủ vai Trụ vương hoặc Lê Ngọa triều. Ai cũng khen Lễ đóng trò giỏi. Đám kép đệ nhất của giáo phường cũng lắc đầu lè lưỡi: "Bệ hạ đóng như thật, giỏi quá! Giỏi quá!". Thật ra không phải Nhật Lễ đóng giỏi, mà nhà vua chỉ diễn lại các việc mình đã làm thường ngày, nó na ná như các việc của Trụ vương hoặc Ngọa triều hoàng đế trước kia đã từng làm.

Để tạ ơn Hiến từ, Nhật Lễ tôn hoàng thái hậu là Hiến từ tuyên thánh, thái hoàng thái hậu. Hoàng thái hậu Nghi thánh (vợ Dụ tông) được phong làm Huy từ tá thánh hoàng thái hậu. Ba tháng sau, Nhật Lễ lại lấy hữu tướng quốc Nguyên Trác làm thượng tướng quốc thái tể.

Lại nói về Lưu Nương Tú, mẹ của Nhật Lễ, từ khi con

---

[1] Ngự thư gia: tức là thư viện hoàng gia.

trai lên ngôi, Lưu thị đã làm được các việc cần làm mà không gặp cản trở gì. Bữa nọ, Lưu thị cho phục quân rồi mời Trần Nhật Hạch vào hậu điện bàn việc cơ mật. Thị chủ tâm, nếu Nhật Hạch phục tùng thời coi như không có chuyện gì. Nhược bằng Hạch có ý chống lại thì chỉ cần một ám hiệu, quân phục sẽ lấy đầu y và thủ tiêu ngay tắp lự.

Về phần Trần Nhật Hạch, khi được vời vào cung trong đêm tối, không khỏi làm ông suy nghĩ. Lo sợ nữa. Không phải ông không biết mẹ con Nhật Lễ là đồ vô dụng, còn tệ hại hơn cả Dụ tông. Thờ đám này, dễ mất mạng như chơi. Tỷ như lũ "thất trảm" đó; Chu An không giết được chúng, các đại thần lương đống như Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Sư Mạnh, Lê Quát, Trần Đình Thâm... không trừ được chúng; nhưng thời thế vừa dịch chuyển, thoáng một cái đám lê dân đã vùng lên treo cổ cả lũ.

Suy cho cùng, lũ chúng nó không biết thời; đến, đi, xuất, xử không theo đạo, nên lụy vào thân. Chính vì cái chuyện thời thế đó mà ông phải tuân theo ý chỉ của Lưu thị, tuyên triệu Dương Khương vào chầu. Không những thế, còn phải làm cho mẹ con Nhật Lễ yên tâm tin dùng, ông phải sửa cho cái tên tiện dân vô loại đó, từ chức nội thị phán thủ, lên nội thị chánh chưởng. "Chắc việc này thiếu úy Trần Ngô Lang sẽ khinh ta". Nhật Hạch tự nhủ lòng như vậy. Và ông suy xét thêm: "Đúng ra cái tên Nhật Lễ, con của mụ phường tuồng ấy, không tá túc được vào

cửa quyền môn, thì cũng là đồ bỏ. Nhưng khốn nỗi, để là hòn đất, cất lên ông Bụt. Đã là Bụt rồi thì phải thờ. Nhẽ đời là vậy. Ta không thờ. Kẻ khác thờ. Tranh nhau thờ. Thế thì tội gì, cờ đến tay, ta không phất. Trước hết là yên thân. Sau nữa, nếu được hoàng thượng tin dùng, thì lo gì việc chuyển xoay thế cuộc. Cương cứng là hỏng việc, đôi khi còn mất mạng nữa. Nếu Hàn Tín thuở hàn vi không nhẫn nhục, luồn qua háng tên hàng thịt mà để nó giết, thời thế gian sao có được một tướng tài tuyệt luân như Hoài Âm hầu. Suy ngẫm mãi, sực nhớ đã sắp tới giờ vào chầu, Nhật Hạch tự thấy ruột nóng như có lửa đốt. "Điềm gở chăng?". Để trấn an, ông bốc một quẻ Dịch. Và được quẻ *Thủy hỏa ký tế* [1]. Thoán từ, Văn Vương dạy: *"Tiểu hanh, lợi trinh. Sơ cát, chung loạn*". Ông giật mình kinh dị. Quẻ này không ứng vào nhà vua còn ứng vào ai. Tức là việc đã xong rồi, đã thành rồi. Chỉ còn phải làm tiếp các việc nhỏ nữa, mà có giữ được việc đã thành rồi mới tốt. Toàn quẻ nói rằng: Bắt đầu thì tốt, nhưng chung cục thì rối nát, loạn.

Nhật Hạch phân vân đã toan không đi. Ông nán lại giải các hào từ sơ cửu[2] đến thượng lục[3]. Và ông thấy Nhật Lễ hiện đang còn ở thời "Sơ cát", tức là còn đang tốt, đang thịnh. Thôi được! Trần Nhật Hạch tắc lưỡi: "Ta sẽ nhập cuộc với nhà vua trong vận "sơ cát", rồi ta lại thoái khi nó

---

[1] Tên một trong 64 quẻ Dịch.

[2, 3] Tên các hào trong quẻ Dịch.

chớm cái "chung loạn". Minh định xong thấy vững dạ. Tự khen mình là người mẫn nhuệ. Ông nói to về bài học xuất xử, hành tàng mà ông vừa thâu được như có ý răn dạy cả thiên hạ: "Thời là vậy đó!". Rồi ông săm săm lên ngựa vào cung.

Nhật Lễ đón ông ngoài cửa khuyết. Nhà vua dẫn ông vào nội tẩm. ở đấy Lưu thị với Dương Khương đang chờ ông. Mọi người niềm nở với ông. Nhìn gương mặt nhà vua và vợ chồng Dương Khương tươi nhuận, Trần Nhật Hạch tự nhủ: Đúng là họ đang ở thời "sơ cát". Ông yên tâm dựa vào mép kỷ, rồi quỳ tâu:

- Để bệ hạ phải chờ, thần thật có tội.

Nhật Lễ không đỡ ông dậy, cũng không cho miễn lễ, cứ để ông quỳ. Sự thật nhà vua đâu có biết các điều tế vi đó trong lễ vua tôi, mà cứ mặc, ai muốn quỳ thì quỳ. Thấy chuế quá, Lưu thị phải lên tiếng:

- Bệ hạ, sao để thúc phụ quỳ mãi thế.

Rồi chính bà ra đỡ ông vào kỷ ngồi. Bà nói với nhà vua:

- Quan gia mới lớn, chưa nhận biết hết họ hàng. Hành khiển đây với con là bậc bề trên. Ngoài là nghĩa vua tôi, trong là tình nội tộc. Lễ nghĩa ở ngoài triều, đây là nhà, phải lấy lễ gia tộc mà kính chú, vương nhi chớ lấy làm thường.

Nhật Lễ cười khà khà:

- Vậy à!

Lui về chỗ ngồi, tự nhiên trong lòng Lưu thị nổi lên điều bất như ý. Bà thầm giận, ta đẻ ra vua, điều ấy cả thiên

hạ đều biết. Tại sao triều đình không tôn ta là hoàng thái hậu. Danh xưng của ta là gì? Vị thế của ta ở đâu? Nhẽ ra, các quan đến chầu, trước hết phải quỳ lạy ta. Nhưng mọi người chỉ đứng vái ta thôi. Ngay cả Dương Khương nữa, ông ta là cha đẻ của nhà vua kia mà. Ông ta phải có danh vị, phải được tôn vinh làm thượng hoàng chứ. Lòng bà rạo rực, bứt rứt như có con hỏa xà đang giẫy giụa ở trong lòng. Đáng nhẽ bàn một việc thì bà lại nói huych toẹt sang một chuyện khác, tựa như đám trẻ chơi bài ngửa:

- Ông hành khiển có biết tôi mời ông vào đây có việc gì không?

Nhìn nét mặt Lưu thị nghiêm lạnh, nhưng vẫn giữ được vẻ xuân sắc của một đào nương, Nhật Hạch vừa thoáng rung động đã thấy ghê sợ. Ông từ tốn đáp:

- Dạ, chắc lệnh bà cùng hoàng thượng cho nghe điều cơ mật.

- Phải! Nhật Lễ vội cướp lời mẹ, rồi buông tiếng cười hích hích, thật không đúng lúc.

- Các ông nghe ta nói đây! Quan gia không phải là con của Cung túc vương!

Hai trong số ba người đàn ông ở đây đã biết rõ việc này. Chỉ có quan hành khiển là còn nghi ngờ. Ông tưởng như vừa bị một tia sét đánh bên tai. Luống cuống thật sự, mãi sau ông mới mấp máy được đôi môi:

- Tâu lệnh bà, tôi không nghe nhầm chứ?

- Không. Hoàng thượng là con của tôn ông đây - Lưu

thị chỉ vào Dương Khương. Nhìn xói vào mắt quan hành khiển với cái nhìn nanh nọc, nửa như coi thường, nửa như thách thức.

- Ông không tin lời ta. Được, ông hãy mở to mắt ra.

Nói xong, Lưu thị quay lại mở ống quyển lôi tờ bảo chứng, đặt trên mặt kỷ, hai bàn tay trắng muốt, vuốt vuốt tờ giấy cho phẳng rồi thị lùi ngay về chỗ.

Đọc xong, quan hành khiển nhập nội Trần Nhật Hạch lạnh toát sống lưng, nhưng mồ hôi lại vã ra như kẻ bị bệnh vong dương. Ông ý thức ngay rằng đế nghiệp nhà Trần thế là chấm dứt. Và ngoan ngoãn như một đứa trẻ biết mình có lỗi, ông phủ phục xuống lạy vợ chồng Dương Khương, bốn lạy.

Nhìn vẻ mặt Trần Nhật Hạch nhợt nhạt với cung cách y sụp lạy, Lưu thị biết là bà đã thắng. Và kẻ mũ đai áo rộng kia, đường đường là một đại quan đầu triều, là hoàng thân quốc thích mà gan dạ tỏ ra không hơn gì loài chuột nhắt.

Nhằm lúc Nhật Hạch còn đang hoang mang, Lưu thị hỏi luôn:

- Ông có chấp nhận thờ Dương Nhật Lễ làm hoàng đế không?

- Dạ thần xin tận lòng trung.

- Thế ông không sợ làm như vậy là bất trung với nhà Trần sao?

- Dạ không, hoàng thượng lên ngôi là do chính người của vương triều Trần xướng xuất. Chính Hiến từ thái

hoàng thái hậu ban lời, lại được cả bá quan tuân phục. Việc lên ngôi này tựa như cuộc nhường ngôi của Lý Chiêu Hoàng với Trần Thái tông vậy.

- Ông nói hợp ý ta lắm! Thiên hạ không phải chỉ của nhà Trần. Ai có đức người ấy được. Nay ý trời muốn trao thiên hạ cho họ Dương. Ta định dùng ông như một người tâm phúc để giúp tân quân, ông có chịu không?

- Đội ơn lệnh bà gia ân cho hạ thần.

Dương Khương và Nhật Lễ, hai cha con cứ ngồi lặng thinh xem Lưu thị sai khiến Trần Nhật Hạch mà lòng thầm phục. Cha con Nhật Lễ đều muốn đổi lại họ Dương, nhưng không biết công việc phải bắt đầu từ đâu. Nghe Lưu thị nói: "Phải gây bè kết cánh, tìm người tâm phúc, lập phe đảng cho mạnh". Nói vậy nhưng kết cánh với ai, lập bè đảng như thế nào Nhật Lễ quả không hiểu một tí gì. Tới lúc này, xem các việc Lưu thị làm, nhà vua mới lờ mờ nhận ra, mẹ ông đang làm những điều bà răn dạy.

Để mặc cho không khí chìm trong u tịch nặng nề, một lát Lưu thị mới lên tiếng:

- Vậy chớ theo ý ông nhập nội hành khiển, triều Đại định đã nên đổi lại niên hiệu chưa? Quan gia đã nên đổi lại họ Dương chưa?

Trước câu hỏi và cũng là công việc đầu tiên, kẻ thoán nghiệp nhà Trần đòi ông lựa chọn, và phải có kế sách dâng họ, chứ không thể chỉ là dăm ba lời xu nịnh làm đẹp

lòng họ. Xem ra Lưu thị cũng là kẻ táo tợn, đa mưu, hiểm độc. Nghĩ vậy, Trần Nhật Hạch thấy khiếp nhược, nhưng vẫn còn đủ tỉnh táo nhận ra mẹ con Nhật Lễ đang ở thời "sơ cát" như quẻ Dịch ông bốc được trước khi vào cung. Nhất định ông phải tránh cái họa "chung loạn".

Chợt nhớ hai câu hỏi như hai lưỡi gươm thần đang khua chờn vờn trên đầu trên cổ ông, Nhật Hạch khúm núm đáp:

- Tâu lệnh bà, việc lấy lại họ cũ, tức là việc bố cáo cho toàn dân biết: Thiên hạ thuộc về họ Dương, là việc tất yếu phải làm. Nhưng chưa thể làm vào lúc này được. Thế lực nhà vua còn mảnh lắm. Bây giờ bệ hạ khai triển việc này, cũng tức là khai chiến với thế lực họ Trần. Việc ấy chưa thể được! Chưa thể được! Trần Nhật Hạch cứ lắc mãi cái đầu hoa râm của ông.

- Vậy chớ ta phải làm gì? Lưu thị lạnh lùng hỏi.

- Tâu lệnh bà, Nhật Hạch đáp - Điều cấp bách lúc này là phải cài người theo dõi nghiêm cẩn hành vi của các đại thần. Gieo sự nghi kị giữa người này với người khác, khiến họ nghĩ, không một việc làm nào của họ có thể che dấu được tai mắt bệ hạ. Rồi thay dần người tâm phúc của bệ hạ vào nắm giữ các khâu then máy trong triều. Khi đã nắm trọn các vệ kim ngô, thần sách, tứ sương và quân các trấn, lộ rồi bệ hạ muốn thay đổi gì mà không được. Ngay cả việc thay dân cũng được, huống hồ chỉ thay có niên hiệu triều đại và danh xưng hoàng tộc.

Nhật Hạch ngừng lời, ông cảm thấy mệt mỏi và có cái gì đấy nhen lên ở trong lòng, như là sự hối hận, như là sự thức tỉnh của lương tâm. Tuy nhiên, ông phải dẹp bỏ ngay, bởi lương tâm quý thật, nhưng nó là một thứ xa xỉ, mạng sống còn quý hơn nhiều. Giá như ông biết chắc chắn sau khi chết, lại được tái sinh ngay vào cửa cực quyền cực quý, và tương lai của ông được hoạch định rõ ràng thì ông có sợ gì cái chết. Không phải ai khác, mà chính ông với đám gia binh cũng đủ sức hỏi tội mẹ con Nhật Lễ, và xé xác chúng ra. Khốn nỗi, mọi việc đều cứ u u minh minh. Chúng de dọa ta, chúng thu phục ta, hẳn chúng cũng đã làm như thế với những kẻ quyền thế hơn ta. May mà ta đã tuân phục ngay, và cũng kịp thời dâng kế sách cho họ. Tự bằng lòng với những gì mình nghĩ, hiểu và hành động, Trần Nhật Hạch ung dung nở một nụ cười tưởng thưởng cho sự thông sáng của mình.

Nghe Trần Nhật Hạch giãi bày gan ruột, Lưu thị biết ông ta thành thật. Nhưng thị thầm khinh con người không có nghĩa khí, úy tử tham sinh. Dùng loại người này như dùng dao hai lưỡi. Tuy nhiên, trong lúc giao thời, sáng tối chưa minh định, dùng bọn này thường được việc. Nghĩ vậy, Lưu thị ân cần nói với Trần Nhật Hạch:

- Ông hành khiển nhập nội thật là người thức thời. Kẻ thức giả không bao giờ chấp mê mà khư khư giữ mãi những cái gì xưa cũ, suy tàn. Công của ông lớn lắm. Sau này xét khen tặng, có nhẽ vị thế của ông chỉ đứng sau

vương thượng. Còn đây là chút lễ mọn, gọi là thưởng công người tâm phúc.

Dứt lời, Lưu thị mở vuông khăn gấm trùm chiếc mâm vàng nạm ngọc, trong đó có hai chục nén vàng. Bà đẩy chiếc mâm nhích về phía Nhật Hạch.

Quan hành khiển nhập nội hoa cả mắt. Ông nheo cười, hai bàn tay xoa vào nhau xoắn xuýt, miệng nói lời đa tạ.

Lưu thị dặn dò:

- Bây giờ ông lui được rồi đấy. Ta mong ông sớm đưa bản mật trình để tân quân xem nên cất nhắc ai, trừ bỏ ai. Ông nên nhớ, mọi sự phải kín như bưng; hở ra, ta e ông không giữ nổi cái đầu đâu.

Nhật Hạch vội rụt cổ lại, tựa như ông sắp bị chém. Rồi ông giơ hai tay ra chộp gọn đống vàng đút luôn vào tay áo thụng. Liền đó sụp lạy Lưu thị cùng hai cha con Nhật Lễ. Nhật Hạch làm nhanh đến nỗi khi ông bước ra cửa, Lưu thị ngỡ rằng ông chưa kịp lấy vàng. Nhưng nhìn lại thấy chiếc mâm nằm trơ, nhẵn thín, Lưu thị biết, mình đã chọn đúng mặt để gửi vàng. Bà mỉm một nụ cười kẻ cả.

XIII

Thấy những lời đồn đại bất như ý về tân quân, từ lâu Thiên Ninh công chúa đã bỏ ngoài tai. Nhưng gần đây coi các việc mẹ con Nhật Lễ làm tại triều như cất nhắc người nọ, bãi bỏ người kia. Rồi kết đảng gây bè, bất chấp nền nếp kỷ cương của các đời trước, khiến công chúa không khỏi lo ngại. Dường như bà cảm nhận đang có một tai họa gì đấy sắp diễn ra. Cứ xem cung cách ham mải các thú vui đọa lạc, lại chỉ quanh quẩn bên đám giáo phường mà xa lìa các bậc chính nhân quân tử, không cho các gián nghị đại phu gần chầu, đủ biết nhà vua không muốn nghe lời nói thẳng, không thích dùng người hiền lương, tài đức. ấy là con đường mà hoàng đế Dụ tông đã đi ngay từ những năm đầu của niên hiệu Đại trị.

Xằng bậy hơn nữa là việc cất nhắc tên vô lại Dương Khương, một tên kép hát ngu tối vào giữ chức chi hậu cục chánh chưởng ngự thư gia. Mà sáu chi hậu cục xưa nay, thuần chọn người có học thức trong hoàng tộc mới được sung vào. Nhân việc này khiến công chúa liên tưởng đến Nhật Lễ khi mới sinh, trong triều ngoài nội ai cũng bảo

không phải con của vương huynh ta. Bởi từ khi Lưu thị về cung tới khi sinh Nhật Lễ, chỉ có chưa đầy bảy tháng. Ngặt vì Cung túc đại vương, huynh trưởng của ta cứ khăng khăng nói rằng vương với thị đã tư thông từ trước. Chuyện cũ nhạt dần, và rơi vào quên lãng. Nếu như không có việc mẫu thân ta bất chợt cho Nhật Lễ lên nối dòng đại thống.

Những uẩn ức ấy không giãi tỏ được, công chúa Thiên Ninh bèn tìm đến thượng tướng quốc thái tể Nguyên Trác. Bà nói tất cả những điều mình suy nghĩ, rồi hỏi:

- Ý vương thế nào?

Trước những việc làm vô đạo của mẹ con Nhật Lễ, rõ ràng đó không phải là công nghiệp trị nước chăn dân của các đấng minh quân, thánh đế. Xem ra nó chỉ hợp với tầm nghĩ hiểu của đám tiện dân, của đám thất phu. Nhưng khốn nỗi Nhật Lễ được thái hoàng thái hậu ưu biệt cho tước vị. Như vậy có nghĩa là việc lên ngôi của hoàng thượng đã được danh chính ngôn thuận. Còn các việc làm sai quấy kia, tuy vậy cũng chưa đến mức gọi là hôn quân được. Nguyên Trác băn khoăn đáp lời công chúa:

- Chính ta cũng nghĩ như công chúa, nhưng mọi sự đều chưa tỏ lộ lắm. Chẳng thể lấy cớ gì mà phế bỏ ngay mẹ con Nhật Lễ được.

- Tôi nghe người ta đồn rằng khi Lưu thị nhận lời lấy Cung túc đại vương, thị đòi phải làm tờ bảo chứng: "Đứa con sinh ra phải là con của đại vương". Huynh trưởng vì

mê muội trước nhan sắc của nó, đã viết tờ bảo chứng. Làm thế nào tìm được tờ bảo chứng ấy...

- Nếu vậy thì mọi việc trở nên sáng tỏ ngay. Công chúa có thể dò tìm giúp ta tờ bảo chứng ấy chăng?

Thiên Ninh thở dài:

- Tìm được thì còn nói làm gì. Nhưng nếu các vương không để tâm tới việc này, chắc sẽ có ngày chúng phá nát vương triều do tổ nghiệp tạo dựng. Nay nó lấy Dương Khương vào làm chánh chưởng ngự thư gia được, mai này nó lại đưa lên làm thái thượng hoàng, chắc các vương cũng phải cúi đầu tuân phục.

Câu nói chọc giận của Thiên Ninh khiến Nguyên Trác bực mình:

- Công chúa phải giữ mồm giữ miệng đấy, chớ có nói lung tung mà mang họa. Việc này chẳng qua là tại thái hoàng thái hậu, chứ mẹ con Nhật Lễ có tự ý leo được lên ngôi tôn đâu.

Nghe quan tướng quốc nói có lý, công chúa khồng phản bác gì. Bữa nọ bà ghé lại Song Hương đường thăm thái hoàng thái hậu, định bụng sẽ trách mẹ về việc đưa Nhật Lễ lên ngôi. Nhưng thấy Hiến từ gầy võ, xanh xao lại đang mê mải đọc kinh trước ban thờ Phật, đến nỗi công chúa ngồi xuống bên cạnh mà bà cũng không hay biết. Thoạt tiên, Thiên Ninh tưởng mẹ đọc kinh Phật, nhưng ngồi một lúc, nghe rõ và tách dần những âm líu ríu dính vào với tiếng chuông, tiếng mõ bà nhận ra, mẹ

đang sám hối. Rằng người đã lầm lẫn đưa một đứa bất thiện vào ở ngôi cao. Bà cáo trước Phật đài, xin cho bà được chuộc lỗi. Tức là bà xin chết đi để phép Phật thần thông cải hóa cho cái tâm của Nhật Lễ được thông sáng, hiền đức khiến trăm họ dỡ lầm than... Thiên Ninh không còn giận mẹ nữa, công chúa tự hỏi: Đúng là mẫu hậu nhân từ. Nhân từ tới mê muội không nhận ra rằng ngai vàng kia không chỉ là cái ghế ngồi, mà nó chính là linh hồn của cả quốc gia quy tụ trong một con người. Vậy người ấy phải là đấng bậc anh minh. Sao mẫu hậu không nhận ra xưa kia đức Anh tông vì uống rượu nhân tết đoan ngọ, quá chén bị say mà đức Nhân tông suýt phế truất. Lỗi lầm nhỏ của người trị vì trăm họ, đều không được phép bỏ qua. Bậc mẫu nghi thiên hạ mà nhầm lẫn tới mức coi thiên hạ như của riêng mình, có thể đem cho người mình yêu quý được sao?

Có phải Hiến từ thái hậu nhầm lẫn, hay chính lịch sử đã nhầm lẫn đặt bà vào ngôi tôn quý, để rồi đến lượt bà phát tác sự nhầm lẫn của lịch sử.

Hiến từ thổ lộ nỗi đau của mình trước Phật đài khá lâu. Khi đã vơi vợi nỗi niềm chất chứa và cũng đã thấm mệt, quay ra thấy Thiên Ninh nhìn bà bằng đôi mắt ướt. Bà chắc con gái đã nghe hết các lỗi lầm bà sám hối. Nắm tay con, Hiến từ nói nhỏ:

- Hãy tha thứ cho ta. Con cũng đã làm mẹ, con hiểu lòng ta. Ta chỉ sinh hạ được ba con. Cung túc Nguyên Dục

thất lộc bỏ ta đi lâu rồi. Nay đến lượt Dụ tông. Dụ tông băng thì con của Nguyên Dục nối nghiệp là phải đạo. Mẹ có ngờ đâu!

Lòng hối hận về sự lầm lỡ dâng lên nghẹn tắc, Hiến từ không nói được nữa, bà níu vai công chúa, nấc lên từng cơn, rồi nước mắt ào tuôn, tưởng như đây không phải là nước mắt nữa mà chính là máu từ trong tim bà trào ra.

Thiên Ninh ra về, lòng thương mẹ khôn nguôi. Công chúa không nỡ hé môi thốt lấy nửa lời trách mẹ.

Một hôm công chúa đem các việc bất như ý ở trong triều ra bàn với Chính Túc vương phu quân và các con. Các công tử và phu quân cũng đều cảm nhận được điều mà công chúa suy tư. Song cũng như hữu tướng quốc Nguyên Trác, mọi người đều nói phải kiên nhẫn chờ đợi để xem sự việc diễn tiến cho rõ hình thù đã.

Công chúa không cho thế là phải, nhưng bà cũng không biết làm gì hơn nữa.

Chuyện thái hoàng thái hậu Hiến từ hối về việc cho Nhật Lễ lên ngôi, cả việc hằng ngày bà sám hối trước Phật đài, tất cả đều đến tai mẹ con Nhật Lễ.

Lưu thị bàn với Nhật Lễ:

- Ta biết trước sau gì cũng có chuyện này. Hiến từ với quan gia thực không có quan hệ huyết thống gì. Việc khác máu tanh lòng một khi đã không ưa nhau thì quan gia phải liệu trước đi, kẻo hối không kịp.

Nghe lời mẹ, Nhật Lễ cho tay chân thân tín ngầm bỏ

thuốc độc giết Hiến từ. Vậy là từ khi Hiến từ thái hậu cho Nhật Lễ lên ngôi vua, đến lúc chính đức vua giết bà vừa tròn tám tháng, một ngày. Lại từ khi Nhật Lễ phong Hiến từ làm tuyên thánh thái hoàng thái hậu, tới lúc nhà vua giết bà đúng bốn tháng mười ngày.

Tin Hiến từ bị đầu độc loang ra làm tối mặt cả kinh thành. Tất cả các chùa tháp, đền, quán ở Thăng Long đều gióng chuông vĩnh biệt bà. Cả kinh thành Thăng Long khóc bà. Nỗi oan khuất của Hiến từ được các sư sãi kêu cầu, được hết thảy dân chúng kinh kỳ trách cứ với Trời-Phật, khiến trời đất cũng không thể cầm lòng. Bởi thế giữa tháng chạp mà sấm sét nổi đùng đùng, mưa rào trút như thác chảy.

Hiến từ sống chí thiện từ khi bà ý thức được là một con người tới lúc Nhật Lễ giết bà. Ai được chứng kiến tất cả những nỗi đau mà suốt đời bà phải gánh đội, tưởng đó là ngoài tầm chịu đựng của một kiếp người. Từ nỗi oan khuất mà quốc phụ thượng tể - cha đẻ bà bị vu oan mà bị tù tội. Chính chồng bà giết bố bà khi vua tôn ông làm bậc quốc phụ. Và đó cũng chính là cháu giết chú. Bà phải vận áo ướt vào trong tù vắt ra lấy nước cho cha uống, bởi Minh tông cấm ngặt không cho Quốc Chẩn ăn uống. Nỗi đau ấy chưa dứt, lại đến cái họa con bà suốt hai mươi tám năm ở ngôi, gây không biết bao tội ác với dân lành. Lòng bà không lúc nào nguôi giảm về lỗi lầm của Dụ tông. Thương con, cất nhắc cháu, ai ngờ cháu lại giết bà. Phải chăng đây

là sự quả báo. Nhưng sao tất cả nỗi đau đều đổ lên đầu một người chí thiện như bà. Phải chăng bà là hiện thân của đức Thế tôn, vượt lên trên cả thiện ác, và hứng chịu khổ đau cho cả thế gian này. Các bậc cao niên trong nước, và cả sử sách từ trước tới nay chưa thấy bao giờ nói đến một người mẹ thiện đức mà khổ đau như bà.

Công chúa Thiên Ninh từ thái ấp tức tốc trở về kinh. Bà đòi phải làm cho rõ cái chết của từ mẫu. Ai có thể làm được việc này, ngoài thái y ty. Nhưng quan gia đã không cho bất cứ một viên ngự y nào tới gần thi thể thái hoàng thái hậu. Lấy cớ rằng vì tuổi già sức yếu, nên Tuyên thánh qua đời, không ai được làm kinh động đến vong linh tôn quý của người. Và chính nhà vua lăn khóc thảm thiết tới mức bỏ cả ăn uống. Lưu thị cũng vậy, bà khóc lóc, réo gào, tưởng như bà có thể chết theo thái hậu.

Trước tình cảnh tiếc thương người quá cố tới mức gần như hủy hoại mạng sống của chính mình, nhiều người đem lòng thương quý mẹ con Nhật Lễ. Và vì thế tình cảm dân chúng kinh kỳ có dịu đi, tựa như bát nước nóng đã dần dần nguội.

Song với người có tấm lòng trong sáng như khuôn kính chiếu yêu, Thiên Ninh nhận ra ngay những hành vi hiếu trọng của mẹ con Nhật Lễ, chẳng qua là nhằm bọc ủ kỹ càng trái tim rắn rết của chúng.

Thiên Ninh công chúa đã bầy tỏ cạn nhẽ với các bậc huynh trưởng như hữu tướng quốc thái tể Nguyên Trác,

tả tướng quốc Cung định vương Phủ, Cung Tuyên vương Kính, Chương túc quốc thượng hầu Trần Nguyên Đán... là những người thân thích ruột rà, rằng Hiến từ thái hậu bị đầu độc. Nhưng các vương huynh đều khuyên hãy nên dò tìm cho có được một vài chứng lý rõ ràng. Nếu hấp tấp khởi sự, thiên hạ sẽ cho hành vi của ta là bất cẩn.

Thiên Ninh đau buồn nói với các bậc bề trên:

- Có nhẽ, chỉ khi nào các đại vương được nhà vua tam ban[1], thời mới chịu nhận chân sự việc như tôi nói.

Bà giận dỗi bỏ về vương phủ. Công chúa không bao giờ tin rằng thái hoàng thái hậu lại băng đột ngột như thế, nếu như không phải mẹ con Nhật Lễ đầu độc.

Lại nói về Nhật Lễ, từ ngày giết Hiến từ mà trăm quan vẫn cứ im thít, nhà vua biết đã tới lúc muốn làm gì thì làm. Nhất là từ khi cố kết được một số đại thần làm tay chân thân tín, thì nhà vua không còn phải giữ gìn ý tứ gì nữa. Mẹ con Nhật Lễ mặc sức hưởng phú quý.

Dương Khương được thừa hưởng đám phi, tần của Dụ tông để lại. Nhật Lễ được đám hoạn quan cử người đi khắp nước, lựa tuyển gái đẹp đưa vào cung. Còn Lưu thị

---

[1] Tam ban: Ba hình thức chết do nhà vua ép buộc, nhưng kẻ chết được quyền chọn lựa:

- Thanh gươm (chết chém).

- Dải lụa (treo cổ).

- Chén thuốc (uống thuốc độc chết).

cũng được đám chi hậu cục hiến dâng năm đứa hầu trai khỏe mạnh, đẹp đẽ như người trong tranh vào chầu hầu. Bọn này đích thực là tú nam, làm các công việc xoa bóp, tắm gội, và hầu chăn gối cho Lưu thị mà mọi người đều phải tôn xưng là lệnh bà. Việc bọn hầu trai săn sóc tận tình có làm cho Lưu thị hài lòng sớm tối. Nhưng khát khao của Lưu thị là ở chỗ quyền lực phải thu về một mối, danh vị của vợ chồng thị phải rõ ràng, chớ không thể núp bóng họ Trần mãi được. Buổi sơ triều chưa có thế lực đã đành, nay thì khác xa rồi, kẻ nào ho he phản phúc sẽ phải giết tới ba họ.

Dương Khương thì lại khác, y từ địa vị một anh kép hát bị cướp vợ. Nay đường đường là bố vua, tuy việc chưa tuyên cáo cho toàn thiên hạ biết, nhưng Nhật Lễ chẳng thường gọi ông bằng cha là gì. Lại được cả một bầy vợ nữa. Các thú vui hưởng lạc thực không còn thiếu điều gì phải ao ước nữa. Vả lại Lưu thị là người tài đảm, các việc đều lo liệu sắp xếp đâu vào đó. Vậy thì còn điều gì phải băn khoăn mà Dương Khương không hưởng đến tận cùng khoái lạc.

Nhật Lễ khác với cha, nhà vua chìm đắm trong bể dục vẫn chưa cho là thỏa. Bữa nọ Nhật Lễ cho gọi các chi hậu cục thủ và phán thủ vào hỏi:

- Ngày trước ta nghe nói việc lựa tuyển các cung nhân nâng khăn sửa túi cho tiên đế, được các người săn sóc chu đáo lắm. Ta muốn các người đối với ta như đối với tiên đế.

Viên chi hậu cục thủ mới được cất nhắc sau cái chết của Bùi Khoan, thấy khó nghĩ quá. Thâm tâm y cũng muốn chiều ý vua, nhưng thực quả y không biết bằng cách nào để có được đội "Bát tiên" như Bùi Khoan, Trâu Canh đã lựa tuyển cho Dụ tông.

Suy đi tính lại, đắn đo mãi, y bèn tâu:

- Trình bệ hạ, việc tuyển lựa các mỹ nhân trong nước không phải là việc khó. Mà cái khó là ở chỗ phải biết được khí huyết, âm dương của những người ấy có hợp với bệ hạ không. Tức là không phải chỉ thỏa mãn việc giao hòa nam nữ, mà còn phải xem nó như một phương thuốc. Xưa có quan ngự y Trâu Canh là người chữa bệnh như thần. Đội "Bát tiên" chắc bệ hạ đã từng nghe, chính là phương thuốc phục dương cho tiên đế. Chẳng biết bệ hạ có biết chuyện ngày trước tiên đế bị chết đuối ở hồ Dâm Đàm nhân đêm trung thu. Vậy mà Trâu Canh châm cứu gỡ được cái chết nhưng bị liệt dương. Kíp khi tiên đế mười lăm tuổi, Trâu Canh lại dâng phương thuốc phục dương rất hiệu nghiệm, tuy người trong nước ai cũng cho đấy là việc thất đức - Viên thái giám ngừng lời nhìn sắc diện nhà vua, xem ngài có ý giận dữ không. Rồi y lại nói tiếp - Việc này không có quan thầy thuốc cao tay như Trâu Canh chỉ dẫn, không ai biết đâu mà làm, ngay cả bên thái y ty cũng bó tay.

Nhật Lễ gật gù một lát rồi phán:

- Ta cho thư lại để dò tìm con cháu Trâu Canh. Bỗng nhiên nhà vua đổi giọng đập tay xuống án quát - Việc

cung nữ trắc trở đã đi một nhẽ, nhưng các món ngự thiện của ta có gì trắc trở mà các người dám dâng ta đạm bạc thế? Hà cớ gì ta không được dùng các món như tiên đế xưa đã dùng?

Chi hậu cục thủ đưa mắt cho viên ngự thư hỏa, là người chuyên coi sóc việc ăn uống của vua. Ngự thư hỏa quỳ tâu:

- Trình thánh thượng, các món ngự thiện xưa tiên đế dùng đều do quan ngự y Trâu Canh tự coi sóc việc nấu nướng. Vả lại các món đó đều nằm trong phương thuốc phục dương cả. Nay bệ hạ sức lực cường tráng thời cần dùng các thứ đó làm chi.

Lão ngự thư hỏa thầm chê nhà vua tham ăn: "Mỗi bữa đã phải dâng tới năm chục món sơn hào hải vị rồi mà còn nói "ăn uống đạm bạc". Lại còn đòi ăn như tiên đế, để sớm được xuống mồ chắc...!".

- Ta cần! Nhật Lễ nói như quát.

Viên ngự thư hỏa lại tâu:

- Trình bệ hạ, thần biết Trâu Canh ngự y phụng dưỡng tiên đế cả thẩy hơn ba trăm món ăn thay đổi hàng ngày. Mỗi bữa người dùng độ chục món. Vì không được tự mình sắp đặt việc nấu nướng, nên thần chỉ còn nhớ lõm bõm được dăm chục món thôi.

- Đầu óc nhà ngươi sao trì độn thế. Ta truyền cho nhà ngươi nội trong một tháng nữa, phải nhớ lại và chế biến cho đầy đủ hơn ba trăm món như ngươi vừa nói. Không

làm được việc đó, ta giết cả họ ngươi. Bắt đầu từ ngày mai, phải dâng ta các món ngươi còn nhớ được.

- Tâu bệ hạ, có những món nấu ngay được. Có những món phải chờ tới hàng tháng, vài ba tháng, hàng mấy năm mới lại nấu được.

- Sao vậy? Vua hỏi.

- Dạ muôn tâu, như món chân gấu hầm bát trân thì phải cho thợ săn vào rừng săn đuổi tới mấy ngày may ra mới bắt được. Hoặc trứng gà rừng luộc với nước mưa đọng trong sọ người chết tận trong rừng sâu, nơi không có ánh mặt trời rọi tới. Món này có khi kiếm vài ba năm, mất hàng chục mạng người bị thú dữ ăn thịt, chưa chắc đã tìm được. Lại như món vòi voi hấp với trứng kiến trắng cũng không phải dễ kiếm. Voi có thể bắt phường săn kiếm được, nhưng trứng kiến phải cho người sang tận Chiêm Thành tìm mua. Đây là loại kiến của Chiêm Thành, đã có lần cống triều đình Đại Việt một con to đúng bảy tấc năm phân hai. Mà loại kiến này ba năm mới đẻ trứng một lần, trứng nó to bằng trứng chim sâu. Vả lại, muôn tâu bệ hạ, đó là các món ăn dùng làm thuốc trừ bệnh, thế gian hy hữu, nếu không đúng bệnh mà ăn phải, thần chưa biết tai họa sẽ ra sao.

Nghe tâu vậy, Nhật Lễ phân vân, có phần e sợ. Nếu là thuốc trị bệnh bằng các món ăn, nhược bằng không có bệnh ăn phải, cũng tựa như người đi uống thuốc trị thứ bệnh mà mình không có, biết đâu chẳng chuốc lấy tai họa.

Nghĩ thế, Nhật Lễ bèn phán:

- Vậy nghe ta truyền đây. Các đồ ngự thiện như trước đây tiên đế dùng, các ngươi thấy ta dùng vào vô hại, thời ta cho phép dâng ta từ ngày mai.

Tất cả đám chi hậu cục đều cúi đầu lạy tạ. Các vị ra về, ai nấy đều lo cho bữa ngự thiện ngày mai.

Đúng giờ ngọ ngày hôm sau, ngự thư hỏa dâng ngự thiện năm mươi chín món. Ngoài những món nhà vua thường dùng có thêm vài món quý mà trước đây họ vẫn thường nấu cho Dụ tông. Ví như cò lửa, chim cuốc nấu với ba loại rắn: hổ lửa, cạp nong, rắn ráo cùng chín vị thuốc bắc là môn thuốc đại bổ âm. Một món ăn khác lạ nữa là lột da năm con ếch cho vào tẩy, tẩm hết mùi tanh, rồi nhồi thịt thăn nõn băm nhuyễn trộn nấm hương xong khâu lại. Bắt một con tôm hùm to luộc lên, gỡ hết thịt ra lấy nguyên vỏ, nhồi thịt tôm băm nhuyễn cùng các gia vị, đặt giữa một cái đĩa sứ to, năm góc đặt năm con ếch cho vào hấp cách thủy. Món đó gọi là "Ngũ hổ triều long" - năm con hổ chầu về một con rồng. Đây là món ăn hết sức cầu kỳ. Nhưng tỉ mỉ như công việc của những người thợ kim hoàn, phải kể tới món cốm chiên. Tức là người ta phải dùng loại dao nhỏ bản hơn chiếc lá lúa, lưỡi mỏng hơn cả giấy để tách đôi những hạt cốm nếp rồi táp vào đấy độ dăm chiếc trứng non của con cà cuống. Lại cho vào chảo chiên với độ nóng âm âm vừa phải bằng một thứ mỡ của giống chim bìm bịp. Chiên tới khi hạt cốm phồng lên vẫn

giữ được màu xanh, và phải đảo thế nào để không có một chiếc trứng cà cuống nào rời khỏi hạt cốm. Cốm xanh rờn, giòn tan, thơm, ngọt, ngậy, có vị hơi cay cay, ăn vào mới thấy mùi thơm hòa tan trong cuống họng là được. Đây là loại thuốc chữa trị các bệnh viêm nhức xương cốt rất công hiệu, lại là món ăn bổ béo và lành.

Nhìn màu sắc các món ăn đẹp như trăm loài hoa trong vườn ngự. Nhiều món lại mang hình thù các con vật như còn sống, và mùi thơm tinh khiết hòa quyện với nhau khiến nhà vua có cảm giác vui vẻ và thèm ăn. Bữa ấy ngự thư hỏa dâng Nhật Lễ rượu xương bồ ngâm với thạch khởi tử, là thứ rượu kích dương của Dụ tông còn lại. Nhà vua càng ăn, càng uống càng thấy người khỏe mạnh tỉnh táo và khát dục. Vừa nhác thấy mấy nàng trong đội "Bát tiên" xưa của Dụ tông, nay là thiếp của Dương Khương, Nhật Lễ cho vời lại. Đuổi hết đám quan nội hầu ra, và cứ thế nhà vua hành lạc với cả ba "nàng tiên" của tiên đế, ngay trong nhà ngự thiện cho mãi tới xế chiều. Sau bữa ăn uống và hành lạc thỏa thuê, Nhật Lễ tặng cho đám quan nội hầu mỗi người tước hai tư.

XIV

Chi hậu phán thủ nội nhân Nguyễn Nhiên do có công săn sóc việc ngự thiện chu dáo, nên được nhà vua tin dùng. Thường bàn các việc cơ mật vẫn cho Nguyễn Nhiên quanh quẩn phục dịch; hoặc giả vua còn nói cho Nhiên biết các việc mình định làm. Vì vậy mà Nhật Lễ mưu toan trừ khử các người họ Trần là rường cột của triều đình, hoặc giả Lễ định lấy lại họ Dương của mình, Nguyễn Nhiên đều biết cả.

Nhiên vốn ít học, chữ nghĩa lõm bõm nhưng nối đời ăn lộc nước, lại có tiếng trung hậu nên được các triều trước tin dùng; mặc dù dòng dõi nhà ông là người ngoại thích. Vốn chất phác, tận tâm, bởi thế khi Nhật Lễ lên ngôi, Nguyễn Nhiên cũng phục vụ hết lòng như trước đã phục vụ cho Dụ tông. Do tính người tỉ mỉ, chu tất nên Nhật Lễ quý ông.

Thế nhưng khi biết Nhật Lễ là kiểu mẹ gà con vịt, Nhiên buồn lắm. Những mong các đại vương là người trong hoàng thân quốc thích khởi sự, để đem ngôi vị chính thống trả về cho nhà Trần; nhưng ông thất vọng, dường như các vương đều nhụt chí. Ví như thiếu úy Trần

Ngô Lang là người trải thờ tới bốn đời vua, lại đem lòng thờ Nhật Lễ, còn như Trần Nhật Hạch là người thân tín của vua triều trước mà cũng tỏ ra bỉ ổi, xu nịnh Nhật Lễ. Hạch còn bầy mưu cho Nhật Lễ trừ khử các người vai vế, quyền biến của họ Trần trước, rồi sau mới cướp cơ nghiệp nhà Trần.

Nguyễn Nhiên đem các điều cơ mật mình biết được, nói với tả tướng quốc Cung định vương Phủ. Phủ chỉ thở dài.

Nguyễn Nhiên lại nói: "Người ta muốn làm hại mình, sao không biết cơ mà đi trước rồi liệu tính các việc sau cho thuận tiện".

Mặc dù là cha vợ của Nhật Lễ, nhưng từ lâu mẹ con Nhật Lễ cấm không cho quận chúa về thăm cha mẹ, tin tức trở nên bặt vắng, do vậy Cung định vương vẫn nửa tin nửa ngờ Nguyễn Nhiên, nên chỉ ừ hữ cho qua chuyện.

Biết tướng quốc còn chưa tin mình, Nguyễn Nhiên lại tìm đến phủ công chúa Thiên Ninh bầy tỏ tấm lòng trung. Thiên Ninh căm giận Nhật Lễ lắm, bà tức tốc đem theo hai công tử đến vương phủ thái tể Nguyên Trác, nói lại các điều mà Nguyễn Nhiên vừa cho hay.

Các điều Nhiên nói lại cũng phù hợp với người của thái tể cho đi dò xét về nói lại, khiến cho lòng thái tể đã muốn ra tay trừ khử Nhật Lễ tới bẩy, tám phần. Ông bèn gọi con trai là Nguyên Tiết vào cùng bàn.

Thái tể nói:

- Xã tắc chao đảo bởi quyền bính trao vào tay người họ khác. Nay chúng định cướp cơ nghiệp nhà Trần do tổ tông tạo dựng. Vậy ý các vương và công chúa thế nào?

Công chúa Thiên Ninh là người tính tình bộc trực, bà nói ngay:

- Thái tể là bậc cân quắc, trụ cột của triều đình, rường mối của dòng họ. Mẫu hậu vì lòng nhân từ mà cất nhắc, hóa ra nhầm lẫn chết người. Xin thái tể cứ tự tiện quyết như thế nào, mẹ con tôi sẽ nghe theo, miễn sao trừ được họa cho nước.

Nguyên Tiết và các công tử con của công chúa Thiên Ninh cũng nhất đán xin tuân theo nghiêm huấn của thái tể.

Lại nói về Cung định vương Phủ, sau khi Nguyễn Nhiên đi rồi, ông gọi vợ lại dặn:

- Nhật Lễ càn rỡ giết người hiền; đắm say tửu sắc đến vô độ. Nguy hại hơn nữa là y định theo về họ Dương để lấy không cơ nghiệp nhà Trần. Thật bụng, ta không muốn khởi sự trước, bởi việc này còn u u minh minh, thiên hạ chưa biết, lại cho ta hiếp đáp Nhật Lễ. Để rồi mang tội giết vua, chú giết cháu, cha giết con, mà con gái ta cũng trở nên khó xử. Vậy ta hãy tạm lánh, nếu không Nhật Lễ sẽ giết ta trước. Nhật Lễ tuy vậy, vây cánh chưa nhiều, vả lại quân quyền phần đông vẫn do tay các vương hầu nắm giữ trong các điền trang thái ấp, không dễ gì y có thể thôn tính ngay được. Ta đi rồi, nếu tình thế

bức bách, các con cứ hỏi thái tể, hoặc lui về thái ấp mà giữ lấy binh lương, chờ sai khiến.

Nửa đêm tướng quốc xuống thuyền cùng đám gia tướng với các tay chèo khỏe dong buồm ngược lên trấn Đà Giang.

Trước đó mấy ngày, Cung tuyên vương Kính, em ruột đại vương cũng đã có nhời khuyên tướng quốc, nếu tình thế chưa khởi sự được, thì cũng nên tạm lánh khỏi Thăng Long. Còn Chương túc quốc thượng hầu Trần Nguyên Đán, trước khi bỏ tòa Khâm thiên giám về hương ấp Chí Linh, đã có hiến đại vương tới ba phương sách ứng xử với Nhật Lễ.

Ngồi trong khoang thuyền, nghĩ lại các việc đã xảy ra trong triều từ ngày Nhật Lễ lên ngôi, Cung định vương thấy lo cho xã tắc. Nhưng ông thầm khen Nguyên Đán là người tính toán như thần. Người ấy mà được giao trọng trách quốc gia, chắc là vực được thế nước.

Tả tướng quốc Cung định vương Phủ đi rồi, các vương hầu cũng lén trở về điền trang, thái ấp để nắm giữ lấy gia binh, phòng khi có biến. Ngay Thiên Ninh công chúa, sau khi trao lại binh quyền trong vương phủ cho các con, và đã có ước với thái tể Nguyên Trác, bà cũng lui về thái ấp, tự mình điều hành đám gia binh, vừa tập luyện vừa dồn chứa lương thảo.

Triều đình trở nên thưa vắng. Các đại thần và ngay cả người tôn thất đều ngã lòng.

Quân hổ bôn, quân cấm vệ, quân tứ sương suốt ngày

đêm tuần tiễu trong hoàng thành, và lùng sục ra oai khắp các đường phố Thăng Long. Dân kinh kỳ nhớn nhác như sắp có biến. Nhiều nhà đã chuyển bớt cha mẹ già yếu, vợ con thơ dại về quê. Có người còn chuyển hẳn đi làm ăn nơi khác. Thăng Long quang vợi hẳn. Thăng Long im ắng như vừa trải qua một nạn dịch.

Việc các đại thần có thế lực bỏ triều ra đi, cùng với việc dân chúng oán vọng dời bỏ kinh kỳ, khiến kẻ chủ mưu cướp trắng cơ nghiệp nhà Trần, đổi lại họ Dương phải chùn tay. Ngay Lưu thị và Nhật Lễ, là những người luôn thúc giục việc này cũng thấy ngần ngại. Lưu thị nói với Nhật Lễ cùng tả, hữu:

- Hãy khoan thay đổi danh tộc. Bây giờ nhân lúc lòng dân đang phân tán; nhân lúc các cố lão đại thần đang nghi hoặc, nhà vua phải làm một việc gì để trăm họ trông vào; để thị oai với bề tôi trong triều; để răn đe, cảnh tỉnh kẻ nào ho he chống lại.

Trần Nhật Hạch chớp cơ hội tâu luôn:

- Lệnh bà thật sáng suốt. Theo ý thần, để thiên tử ra uy không gì bằng cất quân đi đánh dẹp các vương hầu tự ý bỏ triều đình, bỏ nhiệm sở về cát cứ tại thái ấp. Bệ hạ phải giết một vài vương để làm gương cho kẻ khác.

- Giết hết! Ta sẽ giết hết cả ba họ kẻ nào dám chống lại ta. Nhật Lễ đập long án quát. Nhưng trong lòng, chính nhà vua cũng chưa biết là phải giết ai. Nhật Lễ bèn chỉ vào thiếu úy Trần Ngô Lang, phán rằng:

- Ông phải cử quân đi đánh dẹp cho ta.

Ngô Lang cúi đầu nhận thánh chỉ. Và thế là từ bữa ấy, Ngô Lang điều động quân tinh nhuệ trong triều đi dẹp loạn. Trước khi đi, bao giờ thiếu úy cũng mở tiệc khao quân, và ngầm dặn các tướng hãy đem binh về tụ dưới trướng Cung định vương Phủ hoặc các đại vương khác. Vì vậy chỉ trong thời gian khoảng vài tuần, thiếu úy sai khiến quân triều đình tới các ngả vợi hẳn đi.

Chờ mãi không thấy cha đả động gì tới việc trừ khử Nhật Lễ, một bữa Nguyên Tiết dẫn các con công chúa Thiên Ninh vào bái yết thái tể.

Nguyên Trác vuốt chòm râu bạc, chỉ vào Nguyên Tiết và hai cháu:

- Con và hai cháu cứ bình tâm ngồi xuống đây đã. Ta sắp có việc cho mấy anh em rồi. Vậy chớ mấy con có nhận thấy rằng trong kinh có chuyện gì lạ không?

- Dạ tâu bá phụ, người con lớn của công chúa Thiên Ninh đáp - chúng cháu thấy quân thánh dực, quân hổ bôn kéo đi nườm nượp, vợi hẳn rồi - Trình bá phụ nếu ta động thủ vào dịp này, chắc là trời giúp.

- Phải! Phải! Thái tể đáp - Đúng là trời còn tựa nhà Trần. Gần đây các vương bỏ về trấn tại thái ấp. Quan gia tuyên triệu về chầu. Các vương cưỡng mệnh. Nên sai thiếu úy[1]

[1] Ám chỉ Trần Ngô Lang.

điều quân đi đánh dẹp. Mấy tuần qua, quân triều đình ùn ùn kéo đi, chưa thấy bắt được vương nào về nộp dưới cửa khuyết, cũng không thấy một tướng nào đem quân trở lại. Ta ngờ rằng, các tướng không có bụng thờ vua nữa. Đúng như cháu nói - Trời còn tựa nhà Trần!

- Trình phụ thân - Nguyên Tiết nói - Vậy theo ý phụ thân thì bao giờ khởi sự được ạ?

Thái tể lại ve vuốt chòm râu bạc, nhìn ra ngoài trời thấy trăng sáng vằng vặc. Ông nói:

- Đang tuần trăng, chưa khởi sự được đâu.

Ông lẩm nhẩm: bữa nay là rằm tháng chín. Đợi đến hai mươi, trăng mọc vào lúc nửa đêm - Hai mươi giấc tốt. Đoạn thái tể vẫy ba người theo ông vào nhà trong. An tọa xong, ông nói:

- Đây là việc lớn quốc gia phải kín nhẹm như bưng. Ta nói để các con yên lòng. Nhật Lễ là đứa thất phu. Văn dốt, võ lại chẳng biết gì. Chỉ được cái y có sức khỏe, nhưng vô mưu. Mọi sự sắp đặt đều do mẹ y - Lưu thị là một kẻ gian hiểm; bằng cách vừa lung lạc vừa mua chuộc, kể cả một số người trong tôn thất cũng cam tâm thờ chúng, hãm hại người đồng tông. Hiện nay tai mắt chúng đã ken đầy triều - Thái tể đưa mắt nhìn con trai và hai cháu, nom ông có vẻ căng thẳng, mệt mỏi.

Nguyên Tiết dâng cha một ly nước sâm hãm. Thái tể đưa chén lên nhấp nhấp vài hụm nhỏ rồi nói tiếp:

- Tuy vậy, thế lực của Nhật Lễ chưa đủ lớn. Tay y còn

ngắn, chưa với tới được các điền trang thái ấp của các vương hầu. Bởi ở đó lực lượng dân binh, tinh binh của các vương còn đông hơn cả triều đình. Cho nên kỳ này ta khởi sự, không cần đem nhiều binh vào thành làm gì.

Thế rồi ba bốn cha con, bác cháu chụm lại bàn kế tiến binh đánh úp, bắt gọn Nhật Lễ ngay trong hậu đường cung Cảnh Linh - nơi đêm đêm Nhật Lễ thường hành lạc. Hẹn ngày hai mươi tháng chín, đầu giờ Tý, ám hiệu là ba phát pháo thăng thiên.

Đêm hai mươi tháng chín năm Canh tuất[1], cuối giờ hợi, hai công tử mỗi người đem theo năm mươi võ sĩ đã áp sát ở hai góc thành, chỉ chờ pháo hiệu là vượt tường xông thẳng vào hậu đường cung Cảnh Linh. Ngoài cổng chính, thái tể Nguyên Trác dẫn theo mười lăm người tôn thất cùng ba mươi võ sĩ và công tử Nguyên Tiết đang lấp ló phía ngoài thành. Trên chòi cao, quân cấm vệ vừa điểm nhịp trống sang canh. Ba phát pháo thăng thiên lừng lững hiện lên soi sáng một góc trời. Thái tể dẫn đoàn người vào thẳng đại môn. Lính canh chưa kịp cản đã bị quân của Nguyên Tiết trói chặt ném vào chật cả điếm.

Các võ sĩ trong hai cánh quân của các công tử con công chúa Thiên Ninh, vượt tường nhanh như sóc; án ngữ các cửa từ trong cung có thể thoát ra. Hàng trăm bó đuốc bật

[1] Cuộc chính biến đêm 20 tháng 9 năm Canh tuất (1370) do thái tể Nguyên Trác cầm đầu bị thất bại.

hồng; cung Cảnh Linh sáng trưng như một đám cháy. Thái tể Nguyên Trác đứng trên đài cao kêu gọi quân cấm vệ hiệp sức với các vị tướng trong tôn thất trừ đứa hôn quân. Năm đô quân trong vệ kim ngô đóng trụ xung quanh cung Cảnh Linh, không một người nào chống lại quân nổi dậy, họ tản đi hết.

Nhật Lễ đang ôm một ả vũ nữ trong lòng ngồi xem hát, thấy tiếng quân reo bốn mặt, tiếng phá cửa thình thình, ánh lửa sáng lóa đầy sân; biết là có biến, Lễ đẩy ả vũ nữ rồi lùi vào phía sau bức bình phong, khom lưng ấn nút then máy ở góc tường. Ván sàn bật lên, một con đường hầm hun hút hiện ra. Nhật Lễ tụt xuống kéo tay sập cửa hầm, khóa chốt then máy rồi cứ lần theo vách hầm ra khỏi cung Cảnh Linh. Nhẽ ra có thể ở lại trong hầm, nhưng Nhật Lễ sợ có kẻ phản bội nên phải thoát ra khỏi nội điện. Nhật Lễ trườn mình trong lạch suối Đào Nguyên thả thuần một thứ bạch liên, nhưng cuối mùa, sen tàn gần hết, nhà vua phải rúc đầu vào đám lá héo vừa gãy cuống rục xuống để che khuất đầu.

Lại nói đoàn quân nghĩa của cha con bác cháu thái tể Nguyên Trác phá cửa vào được hậu cung, bắt gặp đám con hát của giáo phường vẫn còn nguyên y phục các vai diễn, son phấn trát bự cả mặt mày. Mấy ả cung tần ăn mặc hớ hênh mặt xám ngoét như đồ chàm. Vài quan hoạn trong chi cục nội nhân nhìn đám võ sĩ huơ đao tra hỏi Nhật Lễ trốn đâu, mặt nghệt ra, mồm há hốc kinh sợ tới

mức không khép được miệng lại nữa. Cả đám người ấy đều xác nhận: "Quan gia có ở đây". Nhưng chúng chỉ nói sai một chút: "Quan gia vừa bỏ đi đâu độ nửa khắc". Vì vậy, đám nghĩa binh không nghĩ đến việc trong hậu cung có đường hầm, mà chỉ sục tìm khắp các nơi trong cung. Lùng sục không còn một khe kẽ nào, đoàn quân đuốc lửa sáng trưng ào ạt tỏa ra soi các lùm cây cảnh, các hòn giả sơn trong vườn. Có tới cả chục người soi đuốc xuống suối Đào Nguyên. Suối nước trong tới đáy, không một vết dấu nghi ngờ. Đoàn người lại kéo nhau ra chiếc cầu mới bắc qua suối Đào Nguyên sang đảo lớn trong hồ. Mọi người cứ giẫu qua giẫu lại trên mặt cầu, ánh đuốc cháy rừng rực, tàn than rơi xuống mặt nước xèo xèo. Nhật Lễ hoảng quá cắn chặt hai hàm răng cho đỡ run, hai tay ấn lút lòng đất không dám hé mắt nhìn trời. Lát sau thấy mọi người tản mác bảo nhau: "Chạy thoát rồi!". Mãi tới lúc ấy Nhật Lễ mới dám hé mắt nhìn qua cái lỗ thủng của chiếc lá sen tàn, thấy bóng người vẫn qua lại trên cầu. Bụng dỡ run, Nhật Lễ đã nhận ra hầu hết những người trong tôn thất và cả một số quan quân đi lùng bắt mình, nhưng các quân sĩ thì Nhật Lễ không nhận ra quân của tướng nào, phủ nào. Lúc này nhà vua chỉ mong thoát thân chứ chưa dám nghĩ tới việc trả thù.

Trăng đã lên tới đỉnh đầu. Bầu trời cao thăm thẳm, ánh trăng làm nhạt dần những đốm lửa đuốc. Những người đi tìm bắt nhà vua đã tản đi nhiều phía. Quân nổi dậy không

án lại trong các cung thất để chờ bắt vua. Họ cũng không làm việc gì khác hơn, như phế truất vua cũ, lập vua mới, mà họ ai về phủ nấy, tựa như một cuộc nổi loạn bất thành. Điều lạ là thái tể Nguyên Trác vẫn an nhiên trở lại dinh phủ, và ông cũng không hướng cho con, cho cháu được đối sách gì phòng khi Nhật Lễ trả thù.

Nhật Lễ vẫn đắm mình trong lạch suối Đào Nguyên, nước lạnh cứ thấm dần vào người khiến Nhật Lễ nổi hết da gà. Tuy không thấy một bóng người nào qua lại, nhưng Lễ vẫn không dám trở về vì sợ có quân phục. Mãi quá canh tư, cảnh trời đêm tĩnh lặng đến mơ hồ, Nhật Lễ đoán chừng cơn nguy biến đã qua, mới liều nhoai vào bờ và men theo các đường quanh, hốc tối mò dần về cung. Vừa thay quần áo, ăn xong bát cháo gà mà Nhật Lễ cho rằng chưa bao giờ ông ăn một bữa cháo ngon như vậy. Ngay lúc ấy nhà vua gọi ngự thư hỏa lại phán:

- Ta thăng thưởng nữa cho ngươi, tước thêm hai tư.

Nhật Lễ cũng phái người đi tìm gặp Lưu thị, Dương Khương, Trần Nhật Hạch, Trần Ngô Lang cùng đám tay chân thân tín. Quân hầu về báo, các người ấy không một ai bị bắt, bị giết và quân nổi loạn cũng biến mất tăm rồi.

Nhật Lễ ở phía ngoài đại sảnh, lưng đeo bảo kiếm, tay thủ đoản đao, mặt hầm hầm bước ra giậm chân thình thịch xuống thềm điện la hét:

- May mà chúng chưa giết được ta để còn nhìn thấy mặt các ông. Ta có bạc đãi gì các người mà sớm phụ nhau thế.

Trong lúc giặc lùng giết ta thì các ông vẫn còn an nhiên ngủ say như chết. Cả mẹ ta nữa, bà cũng say sưa ôm ấp mấy đứa tiểu yêu phải không? Ta sẽ giết hết các người.

Các quan sợ run cầm cập, tất cả đều cúi rạp đầu lạy Nhật Lễ. Cả Dương Khương cũng bắt chước các quan cúi lạy con mình. Chỉ riêng có Lưu Nương Tú là khảng khái đứng phắt dậy tiến về phía Nhật Lễ, bà đặt nhẹ tay lên vai nhà vua và nói, giọng nói vừa nghiêm lạnh vừa vỗ về:

- Vương nhi! Con hãy bình tâm lại. Đây chưa phải là trận cuối. Kẻ thù đã lộ mặt. Vận hội đến rồi đó.

Không biết do uy lực của Lưu Nương Tú, hay do tình mẫu tử thiêng liêng mà tự nhiên Nhật Lễ thấy lòng dịu lại. Nhà vua tưởng như mình vẫn còn trong tuổi thơ dại, vẫn còn trong vòng tay mẹ. Giọng cung kính khác thường, Nhật Lễ hỏi:

- Mẹ bảo phải làm gì bây giờ?

- Vương nhi có biết ai là kẻ chủ mưu vụ này không?

Nhật Lễ bèn nhớ lại gương mặt các người khi đêm, nhà vua nhận diện được qua tấm lá sen rách thủng trong lạch suối Đào Nguyên. Nhật Lễ bèn thuật lại đầu đuôi cuộc biến.

- Cấp thời phải làm ngay việc này. Phái quân đến bắt tại nhà từng tên một những đứa mà nhà vua đã nhìn thấy, không để sót một tên nào, dù người ấy là thái tể Nguyên Trác, là tôn thất Trần Nhân Vinh. Không cần phải qua xét xử gì bên Đăng văn viện nữa, vì nhà vua đích thân y án

rồi. Lôi tất cả lũ ấy ra chém tại pháp trường, đầu bêu ngoài thành ba ngày để răn kẻ làm tôi bất trung. Chém tất cả lũ đô tổng quản trong vệ kim ngô, còn lính trong các đô ấy đánh trượng đuổi về quê quán.

Không bàn xét gì thêm nữa, Nhật Lễ sai nổi trống chầu.

Các quan lục tục kéo nhau vào điện lạy quỳ. Nom sắc mặt các đại thần đều buồn thiu. Bởi ai cũng biết vụ thái tể Nguyên Trác cầm đầu cuộc nổi dậy không thành. Nhật Lễ thét mắng ầm ầm, rồi sai viên điện súy đô áp nha thống chế phái quân đi bắt những kẻ phản loạn về chém.

Điện súy đô áp nha thống chế tức tốc cho thi hành án quyết của nhà vua. Chừng sang giờ mùi quân đã bắt đủ mười tám người, và treo cả mười tám chiếc đầu lâu đó ngoài hoàng thành. Khốn khổ thái tể hữu tướng quốc chết mà không nhắm mắt được. Người đương thời cứ gọi ông là Ngũ Viên của nước Sở. Tội nghiệp cho ông, lòng trung dũng có thừa, chỉ vì cơ mưu hạn hẹp nên bị chết oan.

Lại nói quân đi bắt các tướng, đô trưởng và đô tổng quản cùng lính tráng trong vệ kim ngô; nhưng không bắt được một ai cả. Vệ lính ấy đã được các đô tổng quản dẫn lên mạn Đà Giang với tả tướng quốc Cung định vương Phủ ngay từ nửa đêm rồi.

Sau vụ "thập bát trảm"[1] đã trùm phủ lên kinh thành

---

[1] Chém 18 người khởi nghĩa.

Thăng Long một màu tang ảm đạm. Nhà nhà đều cửa đóng then cài. Phố xá vắng teo. Chợ thưa vãn người. Nhất những ngày chợ phiên, dân tứ chiếng đưa hàng về, thuần những người bán nhìn nhau nhăn nhó. Và thế là các phiên sau, vua không cấm, nhưng chợ vẫn không có người đến họp. Đô thành trầm tư lơ láo như vừa trải qua một trận đại hồng thủy. Dân chúng khấp khởi vừa tiễn được Dụ tông đi, thì lại bị luôn cái họa Nhật Lễ. Những người già thường răn dạy con cái phải tu nhân tích đức, may ra mới thoát được mối họa này. Ai cũng bảo nước đang lâm vào vận bĩ, âm đang thịnh, nên bọn ác quỷ đội lốt lên ngôi tôn để hành hạ dân lành.

Phía tây thành phố có nhà cụ đồ Tuấn, sinh hạ được ba người con khôi ngô, đĩnh ngộ lắm. Ông thân sinh ra cụ đồ xưa cùng học với trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi; khi còn là sinh đồ, vẫn thường đến phủ Chiêu quốc vương Trần Ích Tắc tập văn. Thời đó Ích Tắc hay chữ, giỏi thơ, văn, họa, nhạc khét tiếng kinh thành.

Ba người con cụ đều văn hay, võ giỏi nhưng cụ không cho đi thi. Cụ thường khuyên: "Nước loạn, vua vô đạo, người hiền tài không được chuộng, các con nên giấu mình ở ẩn may tránh được nguy họa, tai ương cho thân, cho nhà". Người con cả tên Thuần, vâng theo ý cha nên an phận lập am tu tại gia. Người con thứ hai tên Mẫn, người con thứ ba tên Anh còn rất trẻ, sức học hơn đời nên vẫn có chí tiến thân hơn là giấu mình sau câu kinh tiếng mõ. Là

người từng trải, cụ đồ chỉ khuyên con chứ không ép. Nhân sự biến đêm trước dẫn đến vụ chém mười tám người tôn thất từ thái tể trở xuống, là vụ án chưa từng có trong lịch sử Đại Việt từ thời dựng nước, cụ đồ cho gọi các con vào hỏi:

- Các con nghĩ gì về việc hôn quân vừa chém mười tám người tôn thất?

Thuần, người con cả chắp tay xin nói. Cụ đồ gật đầu.

- Thưa cha, Thuần nói - cuộc đời như bèo nổi mây trôi, như nước nguồn khi trong khi đục, cho nên ác, thiện là hình bóng của nhau, như âm dương nương tựa vào nhau, tuy lưỡng phân mà nhất thể, cho nên con chẳng quan hoài. Nói xong Thuần cúi đầu xin phép cha cho lui, chàng lại trở về am.

Cụ đồ Tuấn gật đầu, vẻ bằng lòng với cách ứng xử của người con trai cả. Lại hỏi hai người con Trọng Mẫn và Hán Anh.

Mẫn đáp:

- Thưa cha, chí của con và em Hán Anh là nếu có ở ẩn thì ẩn tại triều chứ không ẩn tại nhà.

Cụ đồ vuốt râu cười ha hả:

- Thì ra cha vẫn chưa hiểu được lòng các con. Chí các con là ở chốn quan trường, là đua tài cao thấp. Ta không biết đây là họa hay là phúc nữa. Nhưng một lát, nhìn kỹ vào gương mặt hai người con mà tự đáy lòng, cụ đồ cảm như rồi đây cha con khó lòng gặp lại nhau. Cố nén giấu

tâm trạng, cụ đồ lại nói - Ta không cản, nhưng ta muốn biết các con sẽ xin làm môn khách tại cửa nào?

Người con thứ hai tên Trọng Mẫn vái cha hai vái, nói:

- Thưa cha, con biết anh em con ra đi là thất hiếu. Nhưng số phận đã an bài, chúng con không cưỡng lại nổi. Thế nước rối bời, nếu không định lại được, chắc là muôn dân sẽ mắc vòng lầm than. Hiện nay hôn quân đang lộng hành, chí của con muốn xin làm nha tướng của quan tả tướng quốc Cung định vương Phủ. Hiện thời tướng quốc đã bỏ Nhật Lễ lên vùng Đà Giang.

- Thôi được! Cụ đồ gật đầu - Thế còn con - Cụ chỉ tay hỏi Hán Anh.

Hán Anh, người con trai út, đáp:

- Lạy cha! Chàng sụp lạy cha hai lạy rồi nói - Cha thường dạy con: "Kiến ngãi bất vi vô dũng dã". Thưa cha, con chưa được là người dũng, nhưng con không thể khoanh tay ngồi chờ cho thiên hạ yên trị rồi mới hành đạo. Chí làm trai, con muốn dấn thân vào nơi nguy họa, cùng các bậc hiền tài xoay loạn thành trị để cho đời nương tựa. Con nghe người ta đồn có vị tôn thất vừa đức độ vừa thao lược lắm, con muốn xin đầu tại phủ của ngài.

- Ai vậy con? Cụ đồ hỏi.

- Thưa cha, đó là quốc thượng hầu Trần Nguyên Đán.

- Thôi được, cha mừng vì các con đã chọn được chủ tốt mà thờ. Vả như Nguyên Đán thì đến trẻ con còn biết tiếng là người hiền, con làm môn khách ngài là đúng.

Biết không thể giữ được các con ở nhà, cụ đồ đã làm lễ cáo gia tiên, cáo với vong linh bà đồ, độ trì cho các con. Cụ cho mở tiệc rượu tiễn các con, nhưng không gọi người con cả vào nữa. Vì cụ đồ cảm nhận như Thuần đã đốn ngộ, đã đạt tới sự vô ngã; cho nên Thuần sẽ không quan hoài đến việc đi, ở, tụ, tán, thịnh, suy, ngay đến việc sinh việc tử với nó cũng như nhau cả thôi.

Mỗi người một duyên nghiệp, cho nên trong tiệc tiễn hành, ba cha con chỉ ôn lại các chuyện ấu thời của Trọng Mẫn và Hán Anh. Khi nói về những năm thơ ấu hồn nhiên trong trẻo của các con, gương mặt cụ rực sáng lên. Dường như nói về các con cũng là dịp cụ nhen lên cái tâm con đỏ của mình. Sắp tới lúc cha con li biệt, cụ mới có đôi điều căn dặn:

- Vận hội thanh bình cường thịnh của nước nhà chắc đã vãn. Chí làm trai không thể ngồi nhìn vận nước suy vi. Các con ra đi là phải; anh cả không đi cũng là phải. Cái vòng nguy họa này của nước ta sẽ kéo dài suốt một hội [1]. Ngày càng mờ mịt, rắm rối. Cho nên ta khuyên các con lấy đại nghĩa mà giữ mình; vạn bất đắc dĩ thân không còn nhưng danh cũng không bị vùi chôn trong nhơ nhuốc. Còn như lấy tư kỷ để giữ mình thời thân tuy còn nhưng danh đã nát mục.

Hai người con cùng quỳ xuống lễ cụ đồ bốn lễ. ý tứ như

---

[1] Một hội bằng 60 năm.

đây là một cuộc vĩnh biệt. Lại ý tứ như xin cụ đồ tha cho tội bất hiếu. Những lễ sống này là ngụ ý thay cho khi cụ đồ mất mà các anh không có nhà, hoặc giả các anh đã vong mạng trước khi cụ đồ khuất núi.

Lễ cha xong, hai người lại quay về phía am của anh cả Thuấn lạy hai lạy. Bái cha rồi hai anh em khoác tay nải lên vai, mỗi người đi về một hướng.

Cụ đồ vừa quay vào nhà cũng là lúc gà gáy sang canh.

XV

Việc Nhật Lễ giết từ thái tể xuống gồm mười tám người làm chấn động cả kinh thành, chấn động khắp toàn cõi Đại Việt.

Công chúa Thiên Ninh ở thái ấp, nghe tin cuộc nổi dậy của thái tể Nguyên Trác thất thủ. Cha con thái tể và cả hai người con của công chúa đều bị Nhật Lễ giết. Trái với chuyện nhi nữ thường tình, bà nén giấu đau thương không để một giọt nước mắt nào chảy ra ngoài. Bà tự hẹn với lòng mình: "Phải trả mối thù này!". Bà sai thiết lập hương án giữa trời, đặt bài vị hai con rồi làm lễ tế cờ.

"*Tôi, con gái họ Trần vốn không có thù oán gì với người họ Dương. Nhưng Lưu thị gian manh, đưa con người phường chèo lên thoán ngôi nhà Trần, giết quan đầu triều, giết người tôn thất; hai con trai tôi vô cớ bị bêu đầu. Tôi xin thề trước hoàng thiên hậu thổ quyết lấy đầu Nhật Lễ trả thù cho các con tôi và những người trong tôn thất bị y sát hại. Dù thân liễu yếu chỉ quen việc tằm tang canh cửi, tôi xin quyết ra tay. Nếu lòng Trời còn tựa họ Trần thì xin chứng cho lời nguyện của tôi*".

Vừa dứt lời, Thiên Ninh công chúa rút thanh trường kiếm đeo bên mạng sườn, giơ thẳng cánh chém một nhát, sạt góc chiếc án thư gỗ gụ. Đoạn công chúa quay ra vái Chính Túc vương hai vái: - "Xin phu quân cho thiếp được đề binh".

Biết tính công chúa đã nói là làm, nên lang quân không hề gàn trở. Trước ba quân, ông lặng lẽ rút lá cờ lệnh trao cho bà.

Sắp tới giờ xuất quân, công chúa còn nán viết một bức thư gửi tả tướng quốc Cung định vương Phủ, rồi cho quân chạy ngựa lưu tinh cấp báo cho vương huynh, rằng bà sẽ đưa quân về hội tại Đà Giang, hợp binh cùng vương tiến đánh Nhật Lễ.

Thiên Ninh cưỡi ngựa như một tướng ra trận chứ bà không đi kiệu. Ba mươi đô[1], tức là đúng một quân rong ruổi theo bà.

Lại nói về tả tướng quốc Cung định vương Phủ đang đồn trú tại phủ Gia Hưng miền Đà Giang, được thiếu úy Trần Ngô Lang phái quân triều đình đến tiếp ứng ngày một nhiều. Sự thực thì Nhật Lễ sai quân đi bắt tướng quốc về kinh trị tội, nhưng Trần Ngô Lang đã nói rõ cho các tướng hay mọi sự trước khi đi, và khuyên họ nên ở lại hợp sức với vương để tiện sai khiến. Cung định vương lòng

[1] Mỗi đô thời Trần có 80 người. Một quân có 30 đô, 2400 người.

còn phân vân về Nhật Lễ, nghĩa là ông chưa tìm được cái cớ sao cho danh chính ngôn thuận để bố cáo trước thiên hạ, vì vậy ông vẫn chưa có ý kéo đại binh về Thăng Long. Chợt được tin cấp báo như sét đánh bên tai: Nhật Lễ đã giết thái tể Nguyên Trác, cả thảy mười tám người trong tôn thất bị chém bêu đầu. Đến nước này, lòng ông không thể kìm nén được, vừa toan hội chư tướng để bàn việc xuất quân thì nhận được thư của Thiên Ninh công chúa. Mở thư đọc, ông cảm thấy như đứt ra từng khúc ruột, trước cảnh người trong tôn thất bị Nhật Lễ giết hại. Lại tự thẹn với em gái khi ông đọc tới dòng chữ: "*Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông mình tạo dựng. Sao lại bỏ cho người khác cướp lấy. Vương huynh nên sớm khởi binh ngay, muội sẽ đem hết đám gia binh sớm tối đến hội, chắc chỉ một trận là dẹp tan được mẹ con Nhật Lễ*".

Binh các nơi tới hội ngày một đông, mà Gia Hưng đâu phải đất dụng võ. Nhớ đã có lần trò chuyện về việc binh nhung với Chương túc quốc thượng hầu Trần Nguyên Đán. Đán nói rằng nếu như vạn nhất kinh sư có biến thời tốt nhất phải hợp quân từ ba mặt: mặt đông, dùng quân lộ Hải Đông; mặt tây dùng quân các lộ Đà Giang, Sơn Tây; mặt nam dùng quân các lộ Thiên Trường, Hoan, Ái. Mặt đông, mặt tây đều đã có quân. Riêng mặt nam, các vương hầu còn chưa tỏ tường sự thể triều đình lắm. Có nhẽ anh em nhà vua sẽ về tụ tại phía nam để làm lễ tiến binh, và cùng nhau phát hịch trừ nạn nước. Ông lại thầm

nghĩ: Nguyên Đán từng nói đất ấy là đất lập nghiệp; tiến lên có cả một miền đất đai rộng lớn, trù phú, lui về có thể lấy núi sông làm thành quách. Đất đai một dải dài chạy suốt từ Hoan, Ái tới Ô, Lý. Vì vậy ông hạ bút viết ngay cho Thiên Ninh đưa quân về hội tại vùng Đại Lại[1]. Cùng lúc ông cũng có thư dụ em trai là Cung tuyên vương Kính đem quân về hội. Hai mặt thủy, bộ quân kéo đi như nước chảy.

Tại Thăng Long, Nhật Lễ không dám sai quân đi đánh dẹp nữa. Quân các lộ, các trấn, không điều được một tên nào về kinh. Quân từ kinh sư sai đi không trở lại. Lực lượng phòng thủ kinh thành lèo tèo quá. Mẹ con Nhật Lễ đang loay hoay chưa biết tính sao. Giữa lúc ấy thiếu úy Trần Ngô Lang tâm trí bồn chồn, ông không hiểu tình thế đã đến nước này mà sao các vương vẫn chưa chịu tiến về kinh. Hẳn các vương không biết rõ nội tình của Nhật Lễ nên còn trù trừ. Ông muốn tự đến với Cung định vương, nói lại mọi điều, mọi việc để vương mưu đại sự. Việc này càng để lâu càng khó gỡ. Vì vậy thiếu úy bèn tức tốc đến gặp Nhật Lễ để dâng mật kế.

Đang lúc lâm vào tình thế khó gỡ, thấy Ngô Lang đến bất ngờ, Nhật Lễ vui mừng, hỏi:

---

[1] Đại Lại: Vùng chi lưu của sông Mã, tương ứng với vùng sông Tào gần Hàm Rồng ngày nay.

- Khanh có kế gì hay, muốn bầy tỏ chăng?

- Quan gia thật là sáng suốt; linh giác như thần, biết được cả những điều bề tôi đang suy nghĩ ở trong đầu - Quả là hạ thần có kế muốn dâng.

- Kế gì vậy? Khanh nói ta nghe.

- Tâu bệ hạ, quân sai khiến đi chưa thấy một đạo nào về. Chưa biết việc đánh dẹp ra sao, thần xin bệ hạ cho đi các lộ đốc quân, thu thập tình hình khải về triều để quan gia được biết mà trù liệu.

Nhật Lễ mừng lắm, ban lời khen:

- Quả là trời đem khanh đến cho trẫm. Vậy khanh hãy vì trẫm mà đi kinh dinh một chuyến. Tướng nào cưỡng mệnh, ta cho khanh được quyền chém trước tâu sau.

Nhật Lễ đặt tay vào đốc kiếm, toan rút thanh bảo kiếm trao cho thiếu úy Trần Ngô Lang. Đúng lúc ấy từ phía sau rèm có tiếng người quát rợn người:

- Khoan!

Rồi Lưu Nương Tú bước ra.

Cả Nhật Lễ và Trần Ngô Lang đều sửng sốt. Lưu thị chỉ mặt thiếu úy mắng:

- Lớn mật thay! Quan gia tin dùng mà ông nỡ ăn ở hai lòng. Ông sai quân đi hết, giờ đến lượt ông đi để đem quân ấy về đánh lại quan gia có phải không? Tội ông phải xử lăng trì.

Trần Ngô Lang lạnh buốt sống lưng, ông không hiểu

tại sao mụ lại theo sát ông đến thế, và vạch ra các mưu đồ của ông như người từng đi dép mo nang vào trong óc ông vậy. Song lúc này nếu tỏ ra lúng túng là mất mạng như chơi.

Nghe mẹ nói có lý. Quân sai đi các trấn, lộ gần hết, chưa có một tướng nào quay về, do đánh dẹp khó khăn, hay chúng phản ta hết rồi. Giờ thiếu úy lại xin đi nữa, chắc có lòng đi với giặc. Nhà vua giận lắm, vỗ long án quát:

- Quân, đem Ngô Lang chém bêu đầu ngoài chợ!

Ngô Lang tự nghĩ: "Khéo phen này mẹ con Nhật Lễ giết ta mất". Vượt lên cả sợ hãi, Ngô Lang cười ngất. Tiếng cười vang như rung cả mái ngói điện Thiên An.

- Nhà ngươi không sợ chết mà còn cười?

- Muôn tâu, bệ hạ đã cho chết thời thần ắt phải chết. Nếu không chết sao còn gọi tôi trung. Nhưng bây giờ cặp kè cái chết thần mới nhận ra mình là kẻ thậm ngu.

- Khanh nói tại sao ngu - Lúc này Nhật Lễ đã bớt giận.

- Dạ muôn tâu, thần ngu ở chỗ đem hết lòng trung ra thờ bệ hạ, trung đến mê muội không nhận ra bệ hạ thích nghe lời nói gièm.

- Mẹ ta nói, sao gọi là gièm?

- Tâu, lệnh bà là bậc chí tôn chí kính, không có điều gì phải phàn nàn. Nhưng đây là việc đại sự quốc gia, lệnh bà không phải là người chấp chính, bà chỉ nói một câu bâng quơ không chứng cớ, mà bệ hạ đã vội tin đến mức phải

giết một đại thần trung tín trải thờ bốn đời vua. Thần già rồi cũng phải chết, mà được chết bởi tay bệ hạ còn có điều gì phải ân hận nữa. Song thần nghĩ chỉ thương cho bệ hạ... Nói chưa dứt lời Trần Ngô Lang đã khóc rống lên tiếng cũng vang vọng như khi ông ta cười.

Nhật Lễ không hiểu sự thể như thế nào nữa. Nghe tiếng khóc não ruột, tự nhiên ông thấy động lòng và xen cả sự hối hận. Nhà vua ôn tồn dỗ dành:

- Khanh nín đi! Đừng khóc nữa làm ta thêm rầu ruột. Khanh bảo thương ta là thương ở chỗ nào?

Trần Ngô Lang lau nước mắt, rồi thưa:

- Muôn tâu bệ hạ, thần thương bệ hạ ở chỗ, sau khi thần chết đi, thì trăm quan không còn ai dám giữ tấm lòng trung với bệ hạ nữa. Bởi trung là chết! Tấm gương của thần đấy, ai dại gì mà không soi.

Lúc này Trần Nhật Hạch cùng vài người thân tín khác với vua cũng đã vào chầu. Biết sự thể như vậy, mọi người đều xúm vào can nhà vua.

Nhật Lễ buồn rầu nói như người biết hối lỗi:

- Ta hồ đồ suýt nữa giết mất một viên đại thần tận trung với nước. Việc này coi như không có, khanh đừng để bụng nữa.

Nói xong, Nhật Lễ bước xuống nâng thiếu úy dậy.

- Vạn tuế! Thánh thượng vạn tuế! Thiếu úy Trần Ngô Lang vừa hô vừa rập đầu lạy tạ.

Cũng may cho thiếu úy Ngô Lang, bởi Lưu Nương Tú nói xong rồi bỏ đi. Bà vẫn tưởng nhà vua sẽ nhất nhất làm theo lời bà. Lưu thị đi rồi, Ngô Lang biện bác tới mức nhà vua phải mủi lòng. Phải chăng Ngô Lang chưa đến ngày tận số, hay vận của nhà Trần còn vững vượng? Cũng từ bữa ấy, Ngô Lang không dám ngỏ ý xin đi thanh sát các trấn, lộ nữa.

Lại nói về Chương túc quốc thượng hầu Trần Nguyên Đán, sau khi bầy tỏ đến cạn nhẽ với tả tướng quốc Cung định vương Phủ; rằng Nhật Lễ và bè lũ đang mưu toan cướp cơ nghiệp nhà Trần. Nhưng Phủ còn trù trừ.

Sợ cháy thành vạ lây, Trần Nguyên Đán liền bỏ Khâm thiên giám, là nơi ông đã làm việc nhiều năm để về lại thái ấp ở vùng Chí Linh.

Khéo sắp xếp công việc, nên lúc nào Nguyên Đán cũng tỏ ra thư thái. Ví như việc nông tang, ông giao hẳn cho một người tháo vát cai quản. Giữ sổ sách thu nhập, chi tiêu ông lại giao cho một người có nết cẩn trọng, trung thực quản lý. Đốc thúc đám dân binh trong thái ấp luyện tập theo thời vụ, ông lại giao cho một người am hiểu binh pháp cai quản. Còn ông, hiện đang lo hoàn thành bản sơ thảo cuốn "Lịch pháp thư số" ông đã ấp ủ từ cả chục năm nay. Không những lo trứ tác mà Trần Nguyên Đán còn nghe cả động tĩnh ngoài Thăng Long.

Một bữa đang ngồi trước hiên uống ly trà cúc, ngắm mấy cội mai già, mà có lần Trần Khắc Chấn đã biện bác

không thừa nhận mai là tiêu biểu cho khí chất người đi ở ẩn; trái lại nó là tượng trưng cho tính cân quắc của các bậc trượng phu. Mới hay cây cỏ vô tri chỉ có con người là hiểu sự. Chợt thấy lá mai đã ngả màu tia tía, và một làn gió may thổi nhẹ khiến vương vội khép tà áo thụng. Và ông cũng nhận ra tiết thu đã hầu tàn. Vừa toan gọi gia nhân lấy cho tấm áo khoác, thì có tiếng vó ngựa khua lộp cộp phía cổng ngoài. Một tốp lính vào sân, mới nom sắc phục đã biết là quân của phủ Cung định vương. Chúng tiến lên mấy bước, cúi rạp đầu trước quốc thượng hầu rồi dâng thư của tả tướng quốc Cung định vương Phủ.

Những điều tướng quốc thông báo, không ngoài tầm dự cảm của Nguyên Đán, nhưng sao khi thấy nó xảy ra, ông vẫn gai lạnh cả sống lưng. Có phải Chu An đã nói dạo ông qua thăm núi Phượng Hoàng: "Đức Dụ tông là người đầu tiên gióng hồi chuông báo tử cho nghiệp lớn nhà Trần". Còn việc làm của Nhật Lễ, là để chứng minh cho điều tiên đoán ấy.

Tướng quốc khuyên ta nên mau chóng đem quân về hội tại Đại Lại, để người trong tôn thất cùng nhau làm lễ tuyên thệ trước giờ xuất quân. Nhân đó bố cáo việc dấy nghĩa trừ loạn để người trong nước được biết, và cũng là để thu phục hào kiệt, thu phục nhân tâm bốn cõi.

Cuối thư, tướng quốc còn gửi cho xem bài thơ mà ông gửi cho thứ đệ Cung tuyên vương Kính. Lời thơ thống thiết, vừa như một lời sấm tiên tri.

Dường như cảm thông với nỗi lòng của tướng quốc, Nguyên Đán cứ đọc đi đọc lại mãi bốn câu thực và kết của bài:

"... *Khử Vũ dồ tồn Đường xã tắc,*
An Lưu phục đổ Hán y quan.
Minh tông sự nghiệp quân tu ký;
Khôi phục Thần kinh chỉ nhật hoàn" [1]

Ông nghĩ, về hội tại Đại Lại, sao bằng đưa quân về ém sát Thăng Long để thanh viện cho tướng quân. Và cũng là để bốn mặt đều có quân vây hãm kinh thành, khiến Nhật Lễ không thể trốn chạy sang đầu hàng nhà Minh, hoặc vượt biển vào nam, cầu cứu Champa. Nghĩ vậy, ông bèn viết thư trần tình với Cung định vương cho ông được đem binh về áp đảo Thăng Long, chờ đại quân của tướng quốc trở ra sai khiến. Ấy là thượng sách. Ấy cũng là kế vạn toàn.

---

[1] Tạm dịch: Trừ Vũ cho yên Đường xã tắc,
An Lưu lại thấy Hán uy nghi.
Minh tông sự nghiệp ngươi nên nhớ;
Thu phục Thần kinh nhất định về.

Mấy câu thơ trên ngụ ý việc Nhật Lễ cướp ngôi nhà Trần, cũng như Võ Tắc Thiên cướp ngôi nhà Đường, Lữ Hậu cướp ngôi nhà Hán, nhưng cả hai kẻ ấy đều bị tôn thất và trung thần nhà Hán, nhà Đường giết chết, khôi phục lại ngôi vua cho họ Lý, họ Lưu. Còn khôi phục lại Thần kinh có nghĩa là lấy lại kinh đô, ở đây chỉ Thăng Long.

Tuân mệnh này, dâng kế này, có nghĩa là ông đã tôn vinh Cung định vương như một bậc đương kim hoàng đế. Và tự cho mình có bổn phận như một bề tôi. Làm như vậy, có nghĩa là Nguyên Đán quyết noi gương tổ phụ[1] xưa. Tức là trong nội tộc, điều cốt yếu nhất là hòa khí, để còn dốc sức vào công cuộc đại nghĩa, giữ lấy tiếng thơm cho mai hậu.

Nguyên Đán vui lắm. Lập tức ông cho triệu đám môn khách và gia thần bàn kế gấp rút tiến binh. Tại Đại Lại sau lễ tuyên thệ, tả tướng quốc Cung định vương Phủ nhân danh tôn thất, phát lời hịch trừ đứa tham bạo Nhật Lễ; ngõ hầu khôi phục lại thể thống quốc gia, để trăm họ được an hòa thịnh vượng.

Phát lời hịch xong lập tức xuất quân. Quân đi rung chuyển cả đất trời. Thủy bộ hai mặt quân cùng tiến. Không những quân của các tôn thất, vương thần hội tại Đại Lại tiến ra Bắc, mà quân từ các lộ Hải Đông, các trấn Sơn Tây, Sơn Nam, các đạo Đà Giang, Hoàng Giang... thẩy thẩy đều tiến về Thăng Long.

Quân khởi từ Đại Lại ngày 11 tháng 11 tới ngày 13 đến

---

[1] Trần Nguyên Đán là cháu nội bốn đời Trần Quang Khải; ở đây muốn nói tới sự hòa giải mối ti hiềm giữa hai dòng trưởng và thứ mà tiêu biểu là Trần Hưng Đạo và Trần Quang Khải để thống nhất sức mạnh đánh giặc Nguyên - Mông thời Trùng Hưng.

phủ Kiến Hưng; ngay tại ấn trướng hạ[1], Cung định vương ban lệnh phế Nhật Lễ làm Hôn đức công.

Qua ngày 15, tả, hữu tôn phò Cung định vương lên ngôi và dâng tôn hiệu là: Thể thiên kiến cực thuần hiếu hoàng đế. Vương là con thứ ba của Minh tông, cháu nội của Anh tông, chắt nội của Nhân tông được xem là các bậc vua hiền tài, anh minh đã dìu dắt Đại Việt trên con đường cường thịnh.

Vua xưng là Nghĩa hoàng, lấy hiệu là Nghệ tông. Vừa chấp chính, nhà vua đã ban lệnh đại xá cho thiên hạ. Lòng dân đều nao nức hướng về vua mới.

Nhật Lễ ở Thăng Long được tin bốn mặt quân đang ào ạt kéo về kinh sư. Lại được tin Cung định vương đã ban lệnh phế truất mình, và văn võ đã tôn phò Cung định lên ngôi. Run sợ không biết tính sao, Nhật Lễ bèn triệu tả hữu đến thương nghị. Nhưng các đại thần, các tướng trấn thành đã bỏ đi gần hết. Quan thì còn mấy viên cận thần thân tín, tướng thì chỉ còn vài viên đô tướng trông nom vệ kim ngô[2] vệ thần sách[3]. Ngay đến bọn tả hữu vũ vệ[4] cũng đã bỏ đi hết rồi; triều hội xào xạc như cảnh chợ chiều.

---

[1] Khi làm việc trên đường hành quân, ở những điểm dừng, người ta căng lều màn cho tướng làm việc. Người dưới quyền gọi là trướng hạ.

[2, 3] Tên các đội quân bảo vệ vua trong kinh thành, trong nội điện.

[4] Tên gọi đội quân bảo vệ nhà vua khi xa giá ra khỏi kinh thành.

Nhật Lễ hai tay ôm đầu, mặt cúi gằm nhìn chằm chặp vào đôi hia dưới chân mình, chợt ngửng vẫn thấy mấy gương mặt chán chường, bèn quát:

- Các ông không ai khai khẩu giúp ta được điều gì sao?

Trần Nhật Hạch đã dâng nhiều mẹo sát hại người trong tôn thất những mong tiến thân cùng Nhật Lễ, nay không ngờ thế cờ đang có nguy cơ đảo nghịch, nên Hạch cũng lo sợ không kém gì Nhật Lễ, và y chợt nhớ tới hồi "chung loạn" như lời quẻ "Thủy hỏa ký tế". Ngờ đâu trời đất vần xoay lại nhanh đến thế. Thấy Nhật Lễ gạn hỏi, Nhật Hạch bèn tâu:

- Bệ hạ hãy tập hợp hết binh sĩ lại liều chết đánh một trận như Hàn Tín[1] đánh trận Cai Hạ, may ra thì thắng.

- Quân đâu mà đánh? Nhật Lễ hỏi lại. Lũ chó lợn bất trung này bỏ ta đi hết rồi, Nhật Lễ chán ngán thở dài, rồi ngáp liền mấy ngáp như người nghiện lên cơn đói thuốc. Một lát lại quay hỏi Trần Ngô Lang:

- Thiếu úy có kế gì hay giúp ta chăng?

Trần Ngô Lang nghĩ lung lắm, không phải ông không có kế; chỉ sợ không hợp ý Nhật Lễ, lại bị xúc xiểm như dạo

---

[1] Hàn Tín danh tướng nhà Hán, phò Hán Cao tổ tranh thiên hạ với Sở Bá vương Hạng Võ. Đây là trận quyết chiến chiến lược với quân Sở; Hàn Tín bầy thế trận quay lưng xuống sông Ô Giang khiến quân không có thể lùi. Trận ấy Hạng vương đại bại. Lưu Bang thu phục toàn cõi Trung Hoa, thống nhất đất nước, lập ra nhà Hán.

trước, suýt nữa thì mất mạng. Mặt khác ông thấy nghĩa quân chẳng còn mấy chốc sẽ tới Thăng Long. Chính ông không muốn nhìn thấy cảnh đổ máu. Ông định lựa lời khuyên Nhật Lễ hàng sớm thì hơn. Ngặt vì Nhật Hạch còn ngồi lù lù kia, và y không còn đường nào khác hơn là sự chống trả hoặc trốn chạy. Trần Ngô Lang còn lo cả việc Nhật Hạch đem Nhật Lễ chạy trốn sang Bắc quốc, cầu cứu nhà Minh về đánh lại giống nòi. Vì vậy, ông đã lo một số quân ít ỏi với vài viên đô tướng tâm phúc, giữ không cho nhà vua và Nhật Hạch qua sông Cái. Đành phải chơi trò lấp lửng, Trần Ngô Lang tâu:

- Bệ hạ nên triệu mẫu hậu (ý nói Lưu Nương Tú, mẹ đẻ của Nhật Lễ), lệnh bà vốn là người đa mưu túc trí.

- Ừ phải! Nhật Lễ gật đầu rồi phái người đi triệu Lưu thị.

Trong khi chờ Lưu thị, Nhật Lễ hỏi tả, hữu:

- Ta lên ngôi được danh chính ngôn thuận, thái hoàng thái hậu phò tá, cả triều đình phò tá. Cớ gì chưa được một năm mà Cung định vương Phủ, lão cha vợ của ta đã trở mặt kết bè lập đảng chống lại ta, tự ý lên ngôi. Vậy thời ông ta phải hay ta phải? Nếu biết ta trái, sao ông ta còn đem con gái gả cho ta?

Mọi người vẫn im lặng, Nhật Lễ tự trả lời:

- Nếu ta phải thì vương Phủ là kẻ đại nghịch. Nếu ta trái, thì thái hoàng thái hậu cùng người trong tôn thất và triều đình đều không phải cả.

Nghe Nhật Lễ biện minh, Nhật Hạch cho Nhật Lễ là phải, Cung định vương Phủ là kẻ đại nghịch. Nhưng Trần Ngô Lang lại nghĩ khác. Ông cho rằng bản thân Hiến từ thái hậu phát xuất từ lòng nhân. Nhật Lễ thì tình cờ mà được ngôi vua. Kẻ có tội phải là Lưu thị. Thị mưu mô sắp đặt từ lâu. Nhật Lễ sau này có biết điều đó nhưng không làm gì để chống lại. Không những thế, còn nghe mẹ giết hại người tôn thất, toan lấy lại họ Dương, cướp cơ nghiệp nhà Trần. Trong thời gian chấp chính chưa đầy một năm, nhưng tội ác mẹ con Nhật Lễ gieo rắc trong thiên hạ, đủ phá tan cơ nghiệp nhà Trần gây dựng hơn một trăm năm. Việc đã rành rành, nhưng Nhật Lễ u tối, Nhật Hạch cố chấp làm sao nhận ra được các điều phải quấy.

Vẫn không có ai nhúc nhích trả lời, Nhật Lễ lại dịu giọng:

- Thôi được, các ông theo ta đến giờ này, kể cũng là đáng quý. Chẳng biết ta còn giữ được ngai vàng, giữ được ấn tín bao lâu nữa; ta muốn đãi cái ơn tri ngộ của các ông. Vậy ai thích quan tước gì cứ nói, ta phong ngay tắp lự. Chức từ thái tể, tả hữu tướng quốc, điện súy đô áp nha thống chế... hay gì gì nữa cũng được.

Chưa có ai dám xin chức gì trong lúc nhà vua quá rộng lượng, quá bao dong.

Chợt quân về báo:

- Quốc phụ Dương Khương cùng vài người hầu với nhiều hành lý đã bỏ đi khỏi kinh thành từ sáng sớm.

- Thế còn mẫu thân ta? Nhật Lễ nóng nảy quát hỏi.

- Muôn tâu, quốc mẫu cùng các người hầu trai gái, đem tất cả vàng bạc châu ngọc xuống thuyền của sứ Chiêm nhổ neo đi từ chiều qua. Quốc mẫu có dặn lại quan nội thư gia rằng, người có việc phải qua gấp Chiêm Thành, nếu vạn nhất có đại biến thời quốc mẫu sẽ đón bệ hạ sang Chiêm.

- Mọi người bỏ ta đi hết rồi! Các ông có đi nốt nữa thì đi. Với vẻ chán ngán, Nhật Lễ đứng dậy ngáp dài rồi nhổ toẹt vào cái ngai vàng ông ta đang ngồi.

Quân đang tiến tới gần bến đò sông Hồ, châu Trường Yên thì phu nhân của Nghệ tông, bà Huệ Ý hấp hối. Nguyên Huệ Ý đã lâm bệnh từ mấy tháng nay, thuốc thang mãi bệnh vẫn không giảm. Tới đây thì mất. Nghệ tông buồn lắm. Các quan xin vua dừng lại ba ngày để làm lễ an táng cho phu nhân; lại xin truy phong: "Thục đức hoàng hậu".

Vua y cho. Lại dặn quan thái chúc khi về Thăng Long phải lo việc làm ma, và làm lễ cầu siêu cho hoàng hậu.

Nghệ tông lòng nóng như hun, phần buồn vì nửa đường hoàng hậu ra đi, phần lo ở kinh sư mẹ con Nhật Lễ sẽ tàn sát người tôn thất, tàn sát dân lành, vét cạn của kho nhà nước. Hằng trăm việc đại sự quốc gia, vậy mà phải cầm chân lại trên bến sông heo hút này. Vì phải dừng lại ba ngày trên đường về kinh sư, nên mãi chiều ngày 21 xa giá mới tới bến Đông-bộ-đầu. Tuy nhà vua đến muộn,

nhưng quân của các trấn, lộ, châu, phủ kéo về kinh đã kín mít hoàng thành. Cửa ra vào bốn mặt thành, quân vây nghiêm cẩn tưởng một cánh chim cũng khó bay lọt. Quân các lộ, các trấn về án ngữ để đón vua mới và không cho Nhật Lễ tẩu thoát, tuyệt nhiên không làm náo động kinh thành.

Trước cảnh bị người trong nước khinh ghét, quần thần lìa bỏ, vây cánh không còn, Nhật Lễ sợ lắm, cứ bám riết thiếu úy Trần Ngô Lang. Trần Ngô Lang sai người thu xếp xin Nghệ tông cho Nhật Lễ mặc áo dân thường ra lạy trước bến Đông. Vua bằng lòng.

Nhật Lễ mặc tấm áo dài hẹp tay theo thiếu úy Trần Ngô Lang ra bến Đông. Nghệ tông cho vào thuyền. Nhật Lễ quỳ lạy. Nghệ tông giận lắm, nhà vua chỉ nói có mỗi một câu: "Không ngờ ngày nay sự thể đến thế này", rồi Nghệ tông quay lại nói với Trần Ngô Lang:

- Trẫm sẽ xét ban khen thiếu úy sau. Trong việc dẹp trừ loạn nước, công thiếu úy lớn lắm. Nếu không có thiếu úy phái quân đi, thời làm sao tránh được cái họa đổ máu.

Rồi sai đem Nhật Lễ giam lại.

Trần Ngô Lang dẫn vua lên bến, trăm quan lạy mừng. Dân chúng kinh thành và người trong tôn thất cũng ùa cả ra bến đón vua. Đại bản doanh của Chương túc quốc thượng hầu Trần Nguyên Đán đóng ở phía bắc kinh thành, riêng ông dẫn đội kỵ binh đi vòng về bến Đông ra

mắt Nghệ tông. Nhà vua mừng lắm; từ lâu ông vẫn cho Nguyên Đán là người trí lự hơn đời.

Tiếng hô: "Đức vua thiên tuế!" Đức vua vạn tuế ran cả bến sông.

Phường phố Thăng Long bỗng nhiên bừng sáng. Nhà nhà đều treo đèn kết hoa. Dân chúng đổ hết ra đường hò reo, múa hát. Đầu đường này múa rồng, góc phố kia múa lân, rồi từng tốp từng tốp hát dúm, hát soan, hát sẩm... Trẻ con thì rước đèn. Hàng quán mở toang cửa đón khách. Lập tức nhà vua cho bố cáo với dân chúng kinh thành, lệnh đại xá cho thiên hạ đã ban hành từ ngày 15. Vua lại ban tiếp lệnh xá thuế một năm. Dân chúng hồ hởi chưa từng thấy. Phải nói, suốt từ thời Dụ tông cầm quyền qua Nhật Lễ tới nay, ngót ba chục năm dân chúng kinh kỳ mới thật sự vui mừng. Tức là lần đầu tiên trong ngót ba chục năm, người dân mới nghe thấy các chữ xá tội, xá thuế. ấy là những chữ thánh thần, ngót nửa đời người họ mới nghe được. Sự thật thì cha truyền con nối, người dân chỉ có nghĩa vụ phải đóng thuế, phải phu phen tạp dịch, phải cấy ruộng cho nhà quan, phải đi lính canh đồn, giữ ải, và hàng trăm cái nghĩa vụ người dân phải... Tới nay, lần đầu tiên vua ban cho họ cái mà vua không mất, nhưng sao họ vẫn thấy sung sướng. Họ cảm nhận như nhà vua gần họ hơn, thấu hiểu phần nào nỗi thống khổ của đời họ.

Nhật Lễ nằm trong ngục tối phường Giang Khẩu,

nghe tiếng dân chúng náo nức reo hò mà lòng đầy căm hận. Y không hối hận các việc đã làm, mà hối tiếc không làm cái việc để không có ngày hôm nay. Nhật Lễ kiểm xét lại các người mà y gọi là tay chân bè cánh. Thật ra ngoài mẹ y, thì không còn ai đáng tin cậy. Họa chăng có Trần Nhật Hạch là người giúp y trừ khử đám tôn thất, cũng là kẻ đáng tin. Còn Trần Ngô Lang thì sao? Nhật Lễ tự hỏi. Y nhẩm tính: không một việc gì ta làm mà y không thành tâm cản trở. Nhưng sao ta vẫn tin hắn như một kẻ tâm phúc. Hôm rồi đón vua của nó, nghe Phủ nói, ta mới hiểu nó mưu mô đưa hết số quân của ta đi dẹp loạn, kỳ thực nó đem quân của ta nộp cho Phủ. Tới lúc cần, ta đành phải bó tay chịu lụy. Tên cáo già này khéo giấu nanh vuốt, đến mức ta tin hắn hơn cả cha mẹ ta. Mới hay mẹ ta mới là người có nhãn quan thấu thị. Tiếc thay, ta đã không nghe lời mẹ, xử giảo tên thiếu úy quỷ quyệt này. Mẹ giận ta bỏ đi, khi biết không còn làm được gì cho ta hơn nữa. Tự nhiên Nhật Lễ nhen lên lòng khao khát báo thù. Y dồn trút mọi nỗi căm uất vào Trần Ngô Lang - Ngô Lang, nguồn gốc tai họa của cuộc đời y. Trằn trọc suốt đêm, Nhật Lễ nghĩ cách rửa hận. Mờ sáng, y đã đập cửa gọi cai ngục.

Cai ngục, một lão già to béo có bộ râu quai nón đen rậm, nước da hổ giun; hai chiếc răng cửa to bè, dài trùm kín cả môi dưới có màu sắc nửa đen nhờ, nửa vàng khè. Chân tay y, các bắp thịt nổi lên thành từng múi. Y

thường đóng một chiếc khố nâu. Toàn thân y xăm hình những con thủy quái như giao long, giải, thuồng luồng. Y có dáng đi khệnh khạng, tay lăm lăm chiếc rìu, lưỡi sáng xanh, như sẵn sàng bổ lên đầu bất kỳ kẻ nào dám chống lại. Với thân hình như vậy, cai ngục lừng lững tiến vào cửa nhà giam, hỏi:

- Đứa nào gọi?

Nhìn thấy cai ngục, Nhật Lễ hốt hoảng tưởng như tử thần đến lấy mạng, y líu ríu không nói được tiếng nào.

Cai ngục lại hỏi, giọng trầm sâu như tiếng vọng từ cõi giới xa xăm:

- Đứa nào gọi ta?

Nhật Lễ hơi hoàn hồn, liền lên tiếng:

- Ta đây! Ta gọi ngươi.

- Câm mồm ngay! Ai cho mi vô lễ vậy - Cai ngục dõng dạc mắng.

Nhật Lễ bực bội quát lại:

- Ngươi không biết ta là ai à? Ta là hoàng đế Đại Việt đây.

Nhật Lễ bị tiếng cười quái dản như tiếng thú gầm của cai ngục làm ngắt quãng. Vừa ngớt tiếng cười, viên cai ngục giơ chiếc búa dứ dứ trước mặt Nhật Lễ làm y hú vía, phải lùi lại sau chấn song sắt vài bước. Cai ngục mắng:

- Đồ ngu như lợn. Mày là thằng điên. Chốn này để nhốt những đứa có tội - Những thằng tù; không có vua chúa nào ở đây con ạ. Nhớ lấy, không ông cho ăn vài lưỡi búa.

Nhật Lễ đành chịu thua tên ngu ngốc, làm sao nó có thể hiểu, ta vốn là vua của nó. Ta mà biết lũ chó đê tiện này từ khi còn ở ngôi cao, chắc ta cho treo cổ hết. Nhưng tình thế bắt buộc, âu cũng đành. Nhật Lễ hạ mình nói nhún:

- Giúp ta việc này, ta cho ngươi một quan tiền.

- Cái gì? Một quan hử. Đưa đây rồi tao giúp - Viên cai ngục cười nhăn nhở.

- Ngươi đến nhà thiếu úy Trần Ngô Lang, gọi y tới đây, ta có việc cần nói với ông ta. Nếu ngươi dẫn được thiếu úy vào tận đây, ta cho ngươi hai quan.

- Mi nói láo, một thằng tù mà có những hai quan tiền. Mi có muốn ta cho ăn vài chiếc cán búa không?

Nhật Lễ liền móc một đĩnh vàng giơ lên cho cai ngục xem, và nói:

- Cái này đáng giá một trăm quan; ngươi cứ đi gọi thiếu úy Trần Ngô Lang đến đây, ta cho cả.

Viên cai ngục cười hí hí, híp cả hai mắt. Y đòi Nhật Lễ chỉ cho y nhà thiếu úy. Nhật Lễ nói nhỏ vào tai y: "Nhà ngươi bảo thiếu úy rằng đức vua có hũ vàng lớn lắm, muốn cho thiếu úy, đến vua chỉ chỗ cho mà đào".

Viên cai ngục không tài nào hiểu nổi cái tên dở hơi kia lại tự xưng là vua. Chuyện ấy thực hư chưa biết, nhưng việc y có vàng là thực. Cai ngục liền chạy thục mạng đến nhà Trần Ngô Lang. Gặp thiếu úy, y lại nói các điều Nhật Lễ dặn.

Trần Ngô Lang xem cảnh ngộ của Nhật Lễ lúc này có phần hơi ái ngại. Ông ta cảm động nữa. Dù sao thì Nhật Lễ cũng xử tốt với ta. Mấy lần tha tội chết cho ta. Bây giờ ông ấy lại muốn cho ta cả một hũ vàng nữa. Hóa ra ông ấy không giận ta, không căm ghét ta thật ư?

Ông ta là một con người thánh thiện thật ư? Có phải đến tận bây giờ, ông ta vẫn chưa hiểu được rằng ta là phường săn, còn ông ấy chỉ là con mồi? Nếu không hiểu ra điều đó, ông ta chỉ là một kẻ si ngốc đáng thương. Dù là kẻ ngốc hoặc là bậc thánh, ông ta cũng không tránh khỏi thân phận một tên tử tù; ta thử đến xem, ông ta cần giúp gì đây.

Thiếu úy lên ngựa, loáng cái đã tới trại tù phường Giang Khẩu. Cai ngục dẫn ông tới trước song sắt nhà tù. Nhật Lễ ném cho viên cai ngục đĩnh vàng, rồi bảo:

- Nhà ngươi mở cửa cho thiếu úy vào đây nói chuyện với ta. Ngươi đi xa ra ngoài kia, không được nghe trộm.

Viên cai ngục mở cửa rồi ngoan ngoãn làm theo lời Nhật Lễ. Cầm đĩnh vàng trong tay, y tự nhủ: "Với đĩnh vàng này, ta dám thả tất cả lũ chúng mày".

Cai ngục đi rồi, Nhật Lễ bảo thiếu úy Trần Ngô Lang:

- Ta có hũ vàng, muốn trao nó cho ngươi, và có việc phải nhờ ngươi. Dịch vào trong này ta nói nhỏ, lỡ có kẻ nào nghe thấy nó hớt tay trên mất thì sao?.

Ngô Lang đi theo được vài bước, Nhật Lễ quay lại bá cổ

thiếu úy, như muốn nói thầm cho riêng thiếu úy nghe. Ngô Lang vội cúi đầu xuống. Nhật Lễ dùng hai bàn tay hộ pháp, với tất cả sức lực và lòng căm hận thít chặt lấy cổ thiếu úy.

Khốn nạn thân một ông già, chống đỡ sao nổi với sức man dại được nhân lên của kẻ cùng đường. Chỉ một lát sau, da mặt thiếu úy tái xám, mắt lồi ra, lưỡi thè dài như người lên cơn dại.

Dương Nhật Lễ buông tay nhìn Trần Ngô Lang, lòng trống rỗng, y không biết mình vừa làm gì, và sẽ phải làm gì nữa.

XVI

Ba ngày sau khi trở lại Thăng Long, Nghệ tông thiết triều. Vua tôi hoan hỉ. Trước đó hai ngày, nhà vua đã dụ cho dân chúng kinh kỳ, dân chúng cả nước mở tuần khánh hạ.

Dân chúng kinh kỳ, là những người trực tiếp chịu ảnh hưởng tốt, xấu của các bậc trị quốc anh minh hoặc ngu hèn, tàn bạo nên họ có cảm quan bén nhạy. Với Nghệ tông, họ không lạ gì. Ông vốn là một người thuần ái. Nay ông trị vì, họ đang kỳ vọng nơi ông nhiều điều tốt đẹp. Bởi vậy, khi dụ vua ban ra, dân chúng khắp các phố phường rầm rộ mở hội. Họ chơi bời, hát múa thâu đêm, tối ngày.

Nhưng dân chúng ở các miền xa ngái kinh thành thì vẫn cứ dửng dưng, như không hề biết có sự đổi thay triều đại. Với họ, dù ai ở ngôi vua, dù ai cai trị thì cũng thế thôi. Ai làm vua thì họ cũng cứ phải đóng thuế, phải phu phen tạp dịch, phải cấy ruộng tỉnh điền[1] cho nhà vua và hàng

---

[1] Chữ "Tỉnh" Trung Quốc có hình chia làm chín phần. Các nhà dân cấy 8 phần xung quanh, khu vực ở giữa, dân phải cấy, lấy toàn bộ số lúa đó nộp cho nhà vua.

trăm thứ lao dịch, khổ dịch khác nữa. Vì thế, tại các miền quê không có nơi nào mở hội; không có làng nào tế rước vui chơi.

Nghe tiếng reo hò vang dội, tiếng trống chèo thì thùng điểm nhịp từ ngoài hoàng thành vọng lại, Nghệ tông vui lắm. Nhà vua biết mình được nhân dân yêu mến, được quần thần hết sức tôn phò; nhưng không biết phải làm gì để giữ được lòng dân yêu tin ấy. Ông thành thật hỏi bá quan:

- Ta muốn chấn hưng đất nước như thời Trùng hưng[1] chẳng hay ý các ông thế nào?

Quan Chương túc quốc thượng hầu Trần Nguyên Đán tâu:

- Trùng hưng là thời đại lừng lẫy nhất trong lịch sử dân tộc Đại Việt ta. Nay bệ hạ có tâm chấn hưng đất nước, ấy là trời còn không nỡ dứt họ Trần. Song le việc làm cho cường thịnh một đất nước suy kiệt như hiện nay, không thể chỉ dựa vào lòng mong muốn của mọi người, cũng không thể là công việc một sớm một chiều có thể làm được.

Trần Nguyên Đán ngửng nhìn Nghệ tông, nhưng ông vẫn ngửa mặt nhìn bầu trời sao để theo dõi sự vận hành

[1] Niên hiệu thứ 2 của vua Trần Nhân tông bắt đầu từ tháng 9 năm Ất dậu (1285). Niên hiệu trước của nhà vua là Thiệu bảo từ năm Kỷ mão (1279 - 1285).

của tinh tú. Trong lòng, Nguyên Đán hết nỗi mừng vui, bởi chính ông cũng đau đáu lo nỗi nước nhà đang suy yếu, như người bệnh cạn kiệt cả khí huyết lẫn sinh lực. Chính ông cũng đang nghĩ xem phải bắt đầu từ đâu. Cứu dân thoát khỏi hiểm họa đói nghèo trước, hay là trừ các bè gian đảng nịnh trước. Nguyên Đán chợt nghĩ đến: "Phú quốc cường binh sách" của Hưng Đạo đại vương cách đây non một trăm năm. Ông đang định nói tiếp, thì có kẻ lập cập chạy tới trước thềm rồng đập đầu vào bệ ngọc, vừa khóc vừa nói:

- Trình thánh thượng anh minh soi xét; Nhật Lễ quỷ quyệt lừa chú thần vào nhà ngục phường Giang Khẩu, và y đã bóp cổ thiếu úy chết lè lưỡi ra rồi ạ. Xin bệ hạ cho trị tội Nhật Lễ giết người.

Ai nấy đều quay về phía người đang nói, lúc y ngừng đầu mới vỡ lẽ, đó là Trần Thế Đổ, cháu ruột quan thiếu úy Trần Ngô Lang. Cả triều đình sửng sốt.

Nghệ tông khinh ghét Nhật Lễ đến bầm ruột. Nhà vua nói:

- Vậy chớ tại sao thiếu úy lại vào nhà ngục cho tên tội đồ kia nó giết?

Trần Thế Đổ thuật lại mọi việc xảy ra như tên cai ngục đã bẩm báo với y cho nhà vua nghe. Vua ban lệnh giết Dương Nhật Lễ và con trai y là Dương Nhật Liễn đang trong tuổi vị thành niên. Lại sai giết cả Trần Nhật Hạch về tội thông đồng với Nhật Lễ, mưu đánh đổ xã tắc giết

người tôn thất. Còn những kẻ a tòng cùng với Nhật Lễ sẽ giao cho Đăng văn viện tra xét, tùy theo tội nặng nhẹ mà trừng phạt.

Nhân trị kẻ có tội, nhà vua xét theo thứ bậc công trạng của từng người để khen thưởng. Trước hết nhà vua phong cho Thiên Ninh làm lượng quốc thái trưởng công chúa. Lại cho đổi tên là Quốc Hinh. Phong cho Trần Nguyên Đán làm tư đồ. Cho Uyên Nguyên làm phủ quản tướng quân. Cho người tôn thất là Sư Hiền là Cung chính vương. Tiếp phong cho Nguyễn Nhiên kiêm chức chánh chưởng khu mật viện, Nhiên vốn là quan nội hầu, vì có công mật báo cho vua đi trốn khi Nhật Lễ âm mưu giết người tôn thất. Lại xét Cung tuyên vương Kính là em ruột vua, lập được công lớn trong việc dụng binh trừ khử mẹ con Nhật Lễ. Xếp thứ bậc, Kính chỉ đứng sau Thái trưởng công chúa. Vì vậy vua lập Kính là hoàng thái tử.

Hôm sau, vua lại mở tiệc ở đại điện Thiên An và ban yến cho các quan. Tiệc yến đang tưng bừng nhã nhạc, thì Chu An lập cập chống gậy vào bái yết thánh hoàng.

Nghe nói có quan cựu Quốc tử giám về triều. Nghệ tông vội chạy ra ngoài thềm đỡ Chu An.

An tọa xong, Chu An nói:

- Nghe nạn nước đã qua, triều đình lập vua mới, thần vui quá phải dời ổ Phượng Hoàng về mừng bệ hạ.

Chu An cảm động rơm rớm nước mắt. Ông vờ đưa tay ra vuốt chòm râu bạc trắng, kỳ thực quốc lão dùng tay áo

thụng để che khuất giọt nước mắt vui đang lăn trên gò má đồi mồi dăn deo. Ngay cả cử chỉ đó của Chu An, cũng không che được cặp mắt tinh tường của Nghệ tông. Nhà vua vội vã đón Chu An vào ngồi chiếc ghế bỏ trống bên phía tả của mình.

Chợt nhận ra đây là chiếc ghế cầu hiền, Chu An cúi đầu vái nhà vua:

- Tâu bệ hạ, thần tuổi cao, sức yếu, ghế này xin bệ hạ giành cho bậc tài cao, đức lớn, sinh lực dồi dào để khuông phò bệ hạ, hưng vượng xã tắc như thời Trùng hưng.

Nghệ hoàng hai ba lần mời, thế không thể từ chối được, Chu An mới gượng ngồi.

Tiệc tan, đích thân nhà vua dẫn Chu An ra kiệu về thẳng cung Quan triều[1].

Nghệ tông vốn trọng tính tiết tháo, tài kinh luân và nhất là học vấn tinh thuần của vị cựu Quốc tử giám Tư nghiệp này. Chính nhà vua đã đọc qua bộ "Tứ thư thuyết ước" của tiên sinh. Quả thật, ngày ấy nếu không có Chương túc quốc thượng hầu Nguyên Đán làm sáng tỏ những điều vi diệu, uẩn ảo trong tư tưởng của trứ tác, chắc nhà vua cũng không lĩnh hội được ý đồ của tiên sinh. Vì hiểu được giá trị của bộ sách, nên nhà vua càng nể

---

[1] Theo chế độ cũ của nhà Trần, vua đương quyền ở cung Quan triều, vua đã nhường ngôi ở cung Thánh từ. Đó là các tên cung điện đặt ra để phân biệt.

trọng tiên sinh. Tiếc vì Dụ tông không tu chí học hành, nên không khai thị được chân tâm; vì vậy không tiếp thụ được tư tưởng khoáng đạt của tiên sinh. Lại nghe nói tiên sinh đã nhiều lần can gián và có dâng kế sách về mở mang dân trí, về kinh dinh điền địa phát triển nghề nông, khuyến khích việc công, việc thương, nhất nhất đều không được vương huynh quan hoài. Kíp đến bọn thái giám câu kết với đám quan nội hầu, và một lũ sâu mọt trong các đài, sảnh, viện dẫn dắt Dụ tông vào con đường trác táng, vô luân, tiên sinh liều mình dâng sớ "thất trảm". Vương huynh lại một lần nữa gạt bỏ lòng trung của đấng bề tôi lương đống, gạt bỏ lời chỉ giáo tâm huyết của người thầy dạy mình. Nghệ tông tự nghĩ: "Tiên sinh là người quán thông thời thế, am tường cổ kim, nếu được tiên sinh phù giúp, ta chắc việc hưng vượng đất nước như thời Trùng hưng của các tiên đế hẳn có cơ may đạt được. Chính tiên sinh cũng chúc ta điều đó kia mà".

Nhà vua bèn sai đốt bạch lạp gây lò trầm bên cung Thủy Tinh, nơi xưa kia Trung vũ đại vương Trần Thủ Độ đã từng thỉnh được cao sĩ về giúp. Giây lát, quan nội hầu đã lại thỉnh đức vua và Chu tiên sinh lên kiệu sang đàm đạo bên cung Thủy Tinh.

Căn phòng vẫn bài trí như xưa: bộ kỷ gụ sơn son thiếp vàng, vài bức tranh của Hàn Cán, Lý Long Miên vẽ phong cảnh núi sông miền Sơn Đông, bức bình phong sơn khắc cảnh bốn mùa: tùng, trúc, cúc, mai; vài chiếc đôn sứ kê rải

rác; hai chồng gối xếp ở hai góc long sàng, bốn bức tường ghép gỗ thơm vẫn ngan ngát tỏa hương cùng với mùi trầm sực nức. Cảnh trí vẫn y hệt lúc sinh thời Trần Thủ Độ đã sống cách đây trên một trăm năm, nhưng sao không khí tẻ ngắt, lạnh tanh phảng phất mùi ẩm mốc, mùi ngai ngái rữa mục của các vật bầy trang trí cũng như của cả ngôi nhà.

Bước vào phòng, Chu An đã nhận ngay ra khí chất tàn tạ, ghê lạnh như báo trước một cơ nghiệp, một sự nghiệp đã hầu tàn.

An tọa xong, nội thị dâng trà; Nghệ tông hắng giọng:

- Chắc tiên sinh có biết lai lịch của cung này?

Chu An gật đầu, đáp:

- Xưa đức Trung vũ đại vương đã ngự tại đây. Và chính người đã sơ duyệt bộ Quốc triều hình luật, Quốc triều đại điển trước khi dâng lên đức Thái tôn. Chu An thầm nghĩ: Nghệ hoàng mời ta vào cung Thủy tĩnh, lại nhắc đến thời dựng nghiệp lớn lao của nhà Trần, hẳn tôn ý nhà vua muốn ta giúp ngài như vị cao sĩ họ Hoàng xưa, đã giúp kế sách cho Trung vũ đại vương cũng tại cung này. Nhưng than ôi! Tiên sinh vội nén giấu tiếng thở dài trong lồng ngực.

Nhà vua đưa tay sửa lại mũ áo rồi hỏi:

- Chắc tiên sinh biết rõ, thế nước ngày nay đã suy yếu nhiều, lòng dân lại ly tán. Suốt mấy chục năm qua, bọn sâu dân mọt nước đã dẫn dắt vương huynh ta vào con

đường u tối, khiến trăm họ lầm than, bốn phương oán thán, nay ta muốn gỡ ra, nhưng không biết nên bắt đầu từ đâu; vì rằng đụng tới bất cứ chỗ nào, xem ra cũng rệu rã cả, xin tiên sinh chỉ giáo.

Chu An đưa tay lên nắn lại vành khăn, xem lại hàng khuy áo, và ngồi hơi nhích ra mép long sàng. Thật ra, vì lòng kính ái bậc quốc sĩ, Nghệ hoàng cho miễn lễ vua tôi, nhưng Chu An vốn là người khiêm nhường, cẩn tắc nên vẫn ý tứ lắm. Chỉnh đốn y phục xong, Chu An nhẹ nhàng tâu:

- Bệ hạ quá yêu cho hỏi kế sách, ngại vì kẻ già nua này đầu óc không còn được minh mẫn nữa. Song phận làm tôi, biết đến đâu, thần xin tâu đến đấy.

Chu An ngừng nói, đưa tay lên ve vuốt chòm râu bạc trắng như cước, tiên sinh chậm rãi:

- Tâu bệ hạ, việc đầu tiên triều đại mới nên làm là phải phục hoạt lại cốt cách văn hóa của Đại Việt. Ta là một nước có nền văn hiến cao, có pháp độ rõ ràng, việc gì phải vọng ngoại, phải bắt chước lố lăng. Từ xe kiệu áo mão, đến lễ nhạc, quan chức cùng các thứ khác xin bệ hạ cho theo lệ cũ đời Khai thái[1]. Từ xưa, tổ phụ ta vẫn học hỏi các nền đạo lớn như Phật-Nho-Lão mà chắt lọc lấy phần tinh thuần nhất, để bổ cứu cho sự khiếm khuyết của nền văn hóa nước nhà. Ấy là cái học của các bậc đại trí. Còn như thấy người ta làm thế nào, mình cũng cố bắt chước làm

[1] Niên hiệu thứ hai của Minh tông từ Giáp tý đến Kỷ tỵ (1324 - 1329).

cho giống, tức là mình tự bỏ cái thế nhân chủ để làm tôi tớ họ. Vả lại phong hóa, thổ ngơi mỗi nơi mỗi khác, bắt chước sao được.

Nghe vị quốc sĩ nói tới đâu, Nghệ hoàng thấy thấm thía tới đó. Đúng là đám mưu sĩ vô dụng đã xúi Dụ tông cải hóa theo con đường mất gốc. Sao chúng không thấy Đại Việt ta là nhà nước có nền văn hiến cao, đến nhà Tống còn phải học. Lại xem các trứ tác của các bậc cao sĩ từ xưa tới nay, về tư tưởng cũng như học thuật, quả không thua kém các đời Hán đời Đường của Trung Hoa. Còn như cái hùng cái dũng trong văn chương học thuật các đời Lý đời Trần của ta, hơn hẳn nhà Tống vậy. Nhà vua gật gù khen mãi cao ý của Chu An. Đoạn ngài nói:

- Tiên sinh nói hợp ý trẫm lắm. Nhất định phải bãi bỏ các chuyện nhố nhăng để trở về pháp độ đời Khai thái. Nói rồi nhà vua lấy bút ghi ngay vào cuốn sổ vàng để ngỏ trước ngài. Viết xong, Nghệ tông ngửng lên nói tiếp - Trẫm đang muốn nghe tiên sinh chỉ bảo tiếp các việc khác cần làm.

Vừa lúc nội thị dâng trà. Cầm ly trà nóng trong lòng tay, mùi hương cúc tỏa thơm dìu dịu, Chu An vừa hít hà vừa nhấp chút nước sánh xanh như mật ong. Đặt chén vào khay, đậy nắp xong, tiên sinh lại tiếp:

- Đúng như bệ hạ dạy, tình trạng xã hội ta hiện đã suy vi đến cùng kiệt, "đụng vào bất cứ chỗ nào, cũng rệu rã cả". Cho nên bệ hạ phải chọn khâu nào yếu nhất mà vực lên. Ví như hiện nay, sức dân đã cạn. Dân cạn kiệt thì không thể

nói đến nước mạnh được. Việc này bệ hạ nên coi lại phương lược của các tiên đế đời Thiệu bảo. Hồi ấy đức Hưng Đạo đại vương chủ tâm hưng thế nước bắt đầu bằng việc hưng sức dân. Thế là có chính sách xẻn điền, hạn nô, chia bớt hoặc bán chịu ruộng đất cho dân, giúp dân khai khẩn đất hoang, giảm tô thuế. Và rồi chỉ một năm sau, thái ấp An Sinh đời sống trở nên sung mãn. Vua Thiệu bảo biến chính sách của ấp An Sinh, thành "Phú quốc cường binh sách". Chỉ sau một năm thực hiện quốc sách mới, thế nước nổi hẳn: lương thực dư thừa, tinh binh, dân binh đông gấp bội. Đất nước sẵn sàng đón đánh quân xâm lược. Và đã đánh thắng. Trận thắng chưa từng có trong lịch cổ kim của Đại Việt ấy, chẳng phải do sức dân làm ra ư?

Vậy thời, bệ hạ muốn hưng vận nước, trước hết phải hưng sức dân lên đã. Bệ hạ cũng nên nhớ, không có dân thì làm gì có nước.

Chu An tưởng như mình đã đi quá xa câu chuyện. Ông cũng tự lượng xem sức nghe, sức nhận của Nghệ tông có điều gì giống hoặc không giống với Dụ tông. Vì vậy ông ngừng lời và nhìn kỹ vào gương mặt nhà vua xem có điều gì khiến ngài ngự bất bình hoặc tỏ vẻ khó chịu. Nhưng tiên sinh không nhận ra nét gì thay đổi trên gương mặt phúc hậu kia. Yên tâm, tiên sinh lại tiếp:

- Tâu bệ hạ, dân tình hiện nay đói lắm. Muốn biết đời sống thực của người dân, bệ hạ nên về tận các nơi thôn cùng xóm vắng, nơi chợ búa, bến bãi, sông hồ.

Tại các nơi ấy, chỉ cần nhìn sắc mặt họ, áo quần họ, chắc chắn bệ hạ sẽ thấy được nỗi thống khổ của lớp dân khốn khó của người. Tâu bệ hạ, không thể được, không thể nhìn vào đời sống phồn hoa của một dúm dân kinh kỳ để đánh giá sức dân trong cả nước. Đám thị dân ấy họ làm chơi ăn thật, lại được hưởng ân huệ trực tiếp của triều đình. Ngay đám quan lại, hào lý ở Thăng Long cũng không dám ngang nhiên bóp nặn, chà đạp người dân như bọn xã quan, huyện quan ở các vùng, miền thôn ấp xa khuất đất kinh kỳ.

- Việc này ta có thể làm được. Chỉ cần một chuyến vi hành là ta biết, tiên sinh cứ yên tâm. Nghệ hoàng nói xen vài lời, rồi ngài lại yên lặng lắng nghe.

Ngồi trên đệm gấm, có khói trầm ngan ngát, nhưng sao cái lạnh vẫn cứ thấm vào cơ thể già nua khiến Chu An thấy tê buốt cả hai ống chân, tiên sinh phải ngồi xếp chân tròn lại như kiểu ngồi thiền, rồi phủ vạt áo kép lam lên hai bắp đùi.

Biết tiên sinh tuổi cao, sức yếu, Nghệ tông liền gọi đám quan nội hầu đến, ngài truyền:

- Ta ban cho tiên sinh một chiếc áo Hồ cừu[1], ngươi mở kho lấy rồi đem lại dâng ngay cho tiên sinh.

---

[1] Hồ cừu: Loại áo làm bằng lông cừu quý của Mông Cổ. Các dân tộc ở phía bắc Trung Quốc thường xâm lược Trung Quốc, nên Trung Quốc gọi họ là người Hồ (Hồ còn có nghĩa là loài cáo).

Lò sưởi tức tốc được đặt ở hai góc nhà. Quan nội hầu lại dâng vua và Chu An đôi lồng ấp. Chờ Chu An vận xong áo cừu, nhà vua truyền dâng rượu nóng.

Buộc phải mặc tấm áo đắt giá; nghe nói tới cả ngàn quan tiền, bằng tiền thuế của một huyện trong năm, tiên sinh thấy bứt rứt khó chịu quá. Tự biết mình lưng cứng, gối chồn không thể uốn quỳ được, nên tiên sinh đã khước lộc triều đình từ lâu. Nay nhân nhà vua hỏi chuyện lại ban áo quý, tiên sinh lâm vào tình thế khó xử; nhưng chấp kinh thì phải tòng quyền. Uống xong ly rượu nóng, lại được mặc tấm áo lông cừu vừa nhẹ vừa ấm, người cứ lâng lâng không còn cảm thấy cái rét lạnh là gì nữa. Tiên sinh chợt nghĩ: có nhẽ người đời giết nhau là bởi những thứ này đây. Và không biết có ai ở đời không mơ ước tới những thứ sang quý này? Ngay ta, cũng không thể nói là ta không thích có một tấm áo Hồ cừu giữa mùa đông giá buốt.

Nhưng, hỡi ơi! Một chiếc áo rét của vua, bằng tiền thuế của cả một huyện dân đóng góp, thế thì thân phận người dân làm sao mà ngóc đầu lên được.

Nhà vua vẫn kiên nhẫn lắng nghe những lời chỉ bảo tâm huyết của bậc quốc sĩ, về đủ các mặt trị nước an dân, kinh bang tế thế. Trong thâm tâm, Nghệ hoàng cho rằng điều gì bậc cao sĩ này nói cũng đều hay đều cần thiết cả, nhưng sao ta vẫn thấy nó xa tầm với của mình.

Đang nói, bỗng Chu An dừng lời và chăm chú nhìn

thẳng vào gương mặt nhà vua; dường như tiên sinh đọc được những ý nghĩ đang diễn ra trong trí não Nghệ hoàng. Phải chăng nhà vua mới chỉ có cái tâm hướng thiện, và hầu như thiếu hẳn cái dũng của các bậc khai sáng. Cũng là vô ích thôi - những điều ta bầy tỏ. Tiên sinh đã toan cáo từ, nhà vua lại giục:

- Tiên sinh cứ cho trẫm nghe tất cả những điều gì tiên sinh suy nghĩ về đất nước, về triều đại, trong đó có những việc trẫm có thể làm ngay được, có những việc trẫm không đủ sức làm, lại có cả những điều, những việc ngoài tầm nghĩ hiểu của trẫm, nhưng trẫm không thể không được biết.

Chu An cho lời nói đó của nhà vua là thật lòng. Nên ông lại tiếp:

- Tâu bệ hạ, có một điều mà bấy lâu nay thần vẫn băn khoăn, ấy là chính sách thân dân, gần đây lại được triều đình đặt ra. Chính sách đó bắt nguồn từ đời nhà Lý mà buổi quốc sơ, nhà Trần ta có noi theo. Đó là một tập tục đẹp để các bậc trị quốc thấu hiểu lòng dân; chẳng hay bệ hạ có còn nhớ?

- Ồ, tiên sinh muốn nói tới việc hoàng tử, công tử đến tuổi mở phủ chăng?

- Tâu bệ hạ, chính thần muốn nói tới điều đó.

Nhà vua cười lớn, tiếng cười vang cả ngôi điện

- Tưởng như tiên sinh nói tới điều gì chớ việc mở phủ của các hoàng tử, hoàng tôn, các công tử thì vẫn giữ đều,

không mảy may suy xuyển. Vả lại, chưa tới mười sáu tuổi các bà phi, các ông sư phó[1] đã đòi xây phủ riêng cho con mình, cho học trò của mình rồi. Việc đó tiên sinh khỏi lo.

Lại đến lượt Chu An cười ha hả, ông vuốt mãi chòm râu dài, và nhìn nhà vua với ánh mắt rất hóm của một ông già ngoài bảy mươi tuổi. Đoạn cả hai người cùng yên lặng. Trong gian điện rộng chỉ nghe thấy tiếng lửa reo bập bùng ở một góc xó nào đó từ lò sưởi phát ra, và làn khói trầm như ngưng đọng trong bầu không khí ấm nồng. Rồi tiên sinh lên tiếng:

- Hóa ra, việc mở phủ bây giờ như là một thứ quyền lợi, một thứ đặc quyền của các vương tôn công tử, chớ không còn là chính sách để các vị ấy được gần dân nữa.

Bất giác tiên sinh buông một tiếng thở dài không nén dấu.

- Đúng như tiên sinh nói đó. Nhà vua xác nhận - Nó là một thứ đặc quyền, đặc lợi, gây không biết bao tốn kém cho quỹ công nhà nước.

- Tâu bệ hạ, Chu An nói giọng rắn chắc khác thường - Người ta đã biến một mỹ tục thành một hủ tục rồi, bệ hạ nên chỉnh đốn lại ngay. Vâng, thần xin nói rõ nguồn gốc của tục này. Tiên sinh chiêu một ngụm trà đã nguội ngắt, rồi tiếp - Dạ, xưa nhà Lý từ khi được nước, Lý Thái tổ không muốn các con cháu của ngài, sau này vào cung vàng điện ngọc mà quên mất gốc nguồn xuất thân. Nên

[1] Sư phó: thầy dạy học cho các hoàng tử.

ngài quy ước, các hoàng tử, công tử tới mười sáu tuổi phải rời hoàng cung về các trấn, lộ mở phủ ngay trong các trang ấp. Phủ, không có nghĩa là phải xây cất các tòa ngang dẫy dọc như những tòa thành tốn kém, của các vị hoàng tử hoàng tôn ngày nay. Nó chính là một nếp nhà tranh vách đất như nhà dân; mà các hoàng tử phải tự mình coi sóc việc tạo dựng, tuy có nhờ thêm sự giúp rập của dân làng. Các hoàng tử cũng phải tự cấy lấy ruộng để lấy lúa gạo mà ăn, phải chịu tô thuế như bất cứ một người dân nào. Bởi vậy các chính sách của nhà nước, va đập ngay vào quyền lợi thiết thân của các hoàng tử, hoàng tôn. Và các hoàng tử là những người nghe ngóng các chính lệnh của triều đình ban ra, điều gì hợp với lòng dân, điều gì dân ta oán thời lập tức tâu về, triều đình sửa ngay. Bởi vậy khi lớn tuổi, và nếu được kế vị, chính nhà vua tự biết điều gì dân cần, điều gì dân ghét. Còn như việc mở phủ của mấy đời gần đây, đúng như bệ hạ nói, nói là một thứ đặc quyền đặc lợi; hơn nữa nó còn là đầu mối của phe đảng, nguồn gốc của tai họa. Và rồi khi lên chấp chính, nhà vua thuần yêu những thứ dân ghét, và ghét những thứ dân yêu như đức Dụ tông chẳng hạn.

Ngừng một lát, dường như để nhà vua có thời gian suy ngẫm, Chu An lại chậm rãi:

- Muôn tâu, chính sách gần dân của nhà Lý chỉ đặt ra cho các hoàng nam, nhưng vì hợp lòng người bởi đức lớn, nên các công chúa cũng đua nhau gần dân. Các con vua

không một người nào không biết cày ruộng, không biết việc tầm tang. Lý Thái tông còn dạy cho các cung nữ biết dệt gấm. Công chúa Thiều Hoa con gái Lý Thần tông về hẳn một phường mở trại trồng dâu[1]. Chính công chúa dạy dân phường ấy biết nuôi tằm dệt lụa; khi bà viên tịch dân lập tự thờ bà.

Tâu bệ hạ, nhà Trần ta khi mở nghiệp, vẫn tôn trọng chính sách thân dân của nhà Lý. Các đấng quân trưởng vẫn tự mình cày cấy lấy chút ít lúa gạo để thường niên cúng lễ tổ tiên. Sau này việc nước bận rộn, các bậc quân trưởng giữ lệ tịch điền để khuyến khích dân nước chăm việc nông tang. Nhưng các đời gần đây, tục lệ thuần hậu không được giữ gìn, tôn trọng. Phần nhiều từ tôn thất đến quan lại đều đua nhau xây dinh, mở phủ, chiếm đất lập ấp chỉ cốt giàu có cho bản thân. Tâu bệ hạ, một khi các quan lại trong bộ máy triều đình chỉ biết tranh đoạt của cải của nhà nước, vơ vét tiền của của dân để làm giàu, thì lòng dân ly tán; thế nước từ đó yếu suy. Bệ hạ ngẫm lại lịch sử mà xem, khi Lý Cao tông ham xây cất cung điện, mê đắm các thú dâm bôn đọa lạc, lập tức các quan trong triều cũng theo đó mà làm bậy. Nhà Lý không phải từ Huệ tông, mà từ sự xa xỉ, sự ngu tối, và nhất là chính sách khinh dân của Lý Cao tông. Cao tông chăn dân mà để dân chết đói tới quá nửa, bởi các chính lệnh vơ vét tàn bạo của ông để xây

[1] Phường đó, sau dân đặt tên là Nghi Tàm.

cất lâu đài, điện các và ăn chơi xa phí. Cao tông cũng là vị vua tai điếc mắt đui, bỏ qua tất cả những lời can gián tâm huyết của các bậc sư phó, các bậc thuyền sư, quốc sư, quốc sĩ và các bậc trung thần. Lại nữa ngang nhiên đàn áp Phật giáo, thu độ điệp, bắt sư hoàn tục, bắt sư vào quân ngũ. Cao tông đâu biết, nhà Lý nhờ đạo Phật mà hưng quốc. Hóa nên xã hội trì thủ, bốn phương loạn lạc là do Cao tông gây mầm họa để con cháu ông là Huệ tông, là Chiêu Hoàng phải gánh chịu.

Chu An lại ngước nhìn Nghệ tông và ông nói những lời như rút từ tủy xương, từ óc não:

- Xin bệ hạ hãy lấy dân làm trọng, dân chính là gốc của nước, dân là sức mạnh thần thánh của nước. Chính lệnh, bệ hạ có thể thay được; quan lại, bệ hạ có thể thay được, nhưng dân thì không thể lấy gì mà thay thế được. Bởi nó đã là cái gốc, cái rễ rồi.

Nghe những lời nói xúc động chân thành tưởng như đó là lời của non nước, Nghệ hoàng thấy động tâm và tự nhiên nước mắt ông cứ ứa ra. Nhà vua nắm lấy hai bàn tay Chu An lắc mãi không thôi:

- Trẫm xin ghi lòng tạc dạ về những lời chỉ giáo sâu xa của tiên sinh. Song có một điều trẫm còn băn khoăn, triều đình ít người tài cán quá, những bậc tể thần lương đống hầu như không còn nữa; phải chăng nước đã hết người tài, vận nước đã suy kiệt chăng?

Chu An tựa lưng bên chồng gối xếp, đầu hơi cúi, vẻ

trầm mặc. Lửa nơi mấy chiếc lò sưởi đã tàn, chỉ còn khói trầm tỏa quyện âm u, không khí thật là tĩnh mịch. Nhà vua nghe rõ cả hơi thở của mình, ngài ngự đang hồi hộp đón nghe lời chỉ giáo của bậc quốc sĩ. Thoáng lát, Chu An ngửng đầu nhìn nhà vua, tiên sinh mỉm cười:

- Tâu bệ hạ, nước không bao giờ thiếu nhân tài, thiếu hiền tài. Có thể các bậc thiên tài như đời Trùng hưng thì không phải đời nào cũng có, nhưng người tài đức thì không dời nào thiếu cả. Quy tụ được họ hay không, ấy là đức lớn của bệ hạ, là chính sách dùng người của bệ hạ. Chọn người theo khoa cử cũng là một phương sách đáng làm. Song trong thiên hạ còn biết bao người tài dức khác không xuất lộ theo cửa này. Cho nên triều đình phải nhún mình thờ kẻ sĩ, may ra mới tụ hội được anh tài. Xưa, đức Hưng Đạo đại vương đã nhìn trong đám dân binh tạp nham lựa được Phạm Ngũ Lão. Sau, Ngũ lão trở thành một dại tướng kỳ tài. Đức Anh tông nhìn trong dám bạch diện thư sinh, thấy được một Đoàn Nhữ Hài. Sau Nhữ Hài trở nên một bậc tể thần văn võ kiêm thông, lược thao xuất chúng.

Thế nước đang cường thịnh, dức Nhân tông chủ động cầu hòa với Chiêm Thành là nước yếu ở phương nam, lại đem công chúa Huyền Trân gả cho vua nước ấy là Chế Mân. Gương sáng của tổ phụ ta nhiều lắm, soi vào đấy mà học hỏi. Chẳng phải bận tâm quá đỗi vào việc vọng ngoại. Đành rằng việc học ngoài cũng là việc không thể bỏ. Chu

An lại dần lời, như ông muốn kết lại trong tâm khảm nhà vua đôi lời tâm phúc - Xin bệ hạ hết sức lưu tâm: Những người hiền tài phải được xem là tài sản quý báu của nước, là linh hồn của nước. Các chính sách như "Phú quốc cường binh" hoặc "Hưng Đạo binh pháp" đâu có thể sản sinh ra từ tay chân, cơ bắp. Thời Trùng hưng, ta đánh giặc dữ Mông-Thát đâu phải chỉ có sức mạnh quân binh, mà ta còn đánh bằng cả nền văn hóa của chúng ta nữa chứ. Tức như ta thắng giặc bằng trí tuệ hơn là bằng sức quân. Quân ta so với quân Mông-Thát, khác nào trứng so với đá. Bởi chưng, nếu bệ hạ xem dân như là tay chân của mình, thì phải xem kẻ sĩ như là óc não của mình vậy. Họ chính là nguyên khí của nước. Nước có đạo thì quy tụ được kẻ sĩ, nước vô đạo thì kẻ sĩ tản mác, ẩn lánh. Khi kẻ sĩ đã tản mác, ẩn lánh, thì bên cạnh nhà vua chỉ thuần một lũ sâu mọt.

Nghệ hoàng mới cầm quyền bính được ít bữa, lại giữa lúc thế nước đang suy, nhà vua không thể không lo lắng. Nay được đàm đạo với bậc quốc sĩ lỗi lạc như Chu An, khiến nhà vua cảm như mình vừa được khai thị. Trong thâm tâm, Nghệ tông không ao ước gì hơn là lưu giữ được bậc quốc lão này tại triều, để ông vấn kế trong tiến trình hưng thế nước. Nhưng trong mấy ngày qua, ông đã ngỏ ý đôi ba lần; lần nào cũng bị tiên sinh khéo léo khước từ. Nghệ hoàng nhớ, xưa đức Thái hoàng thái hậu đã từng khuyên Dụ tông sau khi hối, cũng nhiều lần mời Chu An

về lại triều, nhưng cũng bị ông từ chối. Đức Hiển từ răn bảo Dụ tông: "*Người tiết tháo, phách lực, thiên tử cũng không bắt làm tôi được*". Chu An là người như thế. Biết không thể ép được tiên sinh, Nghệ tông lại hỏi:

- Tiên sinh hẳn biết, sức quân ta hiện thời yếu lắm. Ta lo cả mặt bắc lẫn mặt nam, vạn nhất xảy ra nạn ngoại xâm khó bề mà giữ toàn đất nước, tiên sinh có phương sách gì hưng được thế quân?

Với vẻ dáng điềm tĩnh, Chu An lại chậm rãi dâng lời:

- Tâu bệ hạ, cứ xem việc dụng binh của đức Hưng Đạo đại vương xưa thì muốn hưng sức quân, trước hết phải hưng sức dân. Có thế người lính mới yên tâm ở nơi quân ngũ mà không phải lo đến cha già mẹ yếu, vợ dại con thơ. Rồi lại phải có tình yêu thương binh sĩ như con cái mình vậy, đời sau thường gọi tình cảm đó là "phụ tử chi binh". Thời Trùng hưng làm được các việc đó, nên sức quân ta mạnh lắm.

- Ai có thể làm được việc đó thời nay? Nghệ tông hỏi.

- Tâu bệ hạ, đời nay thần chưa thấy ai làm được việc đó như đức Hưng Đạo. Nhưng làm được gần như Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải thì không ai ngoài vị chắt nội của đức Chiêu Minh, tức quan Tư đồ Trần Nguyên Đán, hiện đang trông coi tòa Khâm thiên giám đó. Nếu được cất nhắc tin dùng, quan Tư đồ có thể là trụ cột của nước, xin bệ hạ lưu tâm.

Sau ba ngày đàm đạo, Chu An một mực xin cáo thoái.

Biết đức mỏng không thể lưu giữ được bậc cao sĩ như Chu An, Nghệ hoàng ban thưởng rất hậu cho tiên sinh, lại sai xe kiệu đưa rước tiên sinh về Thanh Đàm, là quê quán của tiên sinh.

Mọi vật phẩm vua ban, kể cả tấm áo Hồ cừu mặc tạm, Chu An đều trả lại vua hết. Chu An về làng bằng chiếc cáng võng gai với hai đứa tiểu đồng, như tiên sinh đã đến Thăng Long bữa trước. Nghệ tông đưa tiễn Chu An một quãng khá xa cửa Quảng Phúc ở phía tây hoàng thành, khi thầy trò tiên sinh khuất dạng rồi nhà vua mới quay lại, dạ bùi ngùi.

XVII

Lại nói về Lưu Nương Tú, mẹ của Nhật Lễ đem theo gia nhân cùng bạc vàng châu báu vô số kể, trốn vào thuyền của sứ đoàn Chiêm quốc từ cuối tháng mười để sang Chiêm. Số là Lưu Nương Tú được tin dồn dập từ các nơi khải về, rằng tả tướng quốc Cung định vương Phủ; Cung tuyên vương Kính, Chương túc quốc thượng hầu Trần Nguyên Đán; Thiên Ninh công chúa cùng biết bao các tướng lĩnh, các người tôn thất, bốn phương đang rầm rập tiến binh về Thăng Long. Biết mình đã phát lệnh chém mười tám người nổi loạn; nếu đám thân vương kia kéo vào thành, hẳn là khó toàn tính mạng. Trong khi còn chưa biết trốn chạy đi đâu, thì gặp viên sứ thần Chiêm quốc ghé thăm tại tư dinh. Chẳng là viên sứ Chiêm này vốn là một thương gia đã lưu trú lâu năm trên đất Đại Việt, y có cửa hàng buôn bán các đồ kim hoàn tại Thăng Long. Lưu Nương Tú từ khi được Cung túc vương Nguyên Dục đem lòng yêu, thường ra vào cửa hàng này mua sắm các đồ nữ trang quý hiếm. Thương nhân người Chiêm này có cái tên rất khó gọi: Indra

Vatakhadapatura. Người Thăng Long quen gọi bằng cái tên rút ngắn: ông In Va. Và cửa hàng ấy người ta gọi là cửa hàng In Va. Đây là một cửa hàng châu báu lớn nhất Thăng Long, lớn nhất Đại Việt.

In Va là một tên buôn bán lọc lõi hơn cả người Tầu, tinh ranh như quỷ; không một đường ngang ngõ tắt nào trên phường phố Thăng Long mà y không biết. Y giao thiệp rộng, thường được tiếng là người hào hiệp. Lại thông thạo cả phong tục tập quán của người Việt, chữ nho viết bay bướm như vẽ. Trong các hàng quan lại, các nhà buôn lớn, ai có việc gì mời đến, y tự tay viết lấy câu đối trên vải bạch bố mừng, mà nội dung câu đối rất phù hợp với gia cảnh của mỗi chủ nhân. Y nói tiếng Việt thạo tới mức chẳng ai nghĩ y là người Champa. Y đi lại chơi bời khá thân với Cung túc vương Nguyên Dục. Sau khi Dục qua đời, mối giao hảo ấy chuyển sang Lưu Nương Tú. Vì xuất thân con nhà dòng dõi, vừa giàu có, vừa có tài giao tiếp, triều đình Champa đã vời y ra làm quan. In Va làm tới chức bang giao chánh chưởng, đặc trách việc giao thiệp với hai nước Đại Việt và Đại Minh. Từ khi vào làm quan tại triều đình Champa, cửa hàng y giao lại cho một tên thủ túc trông coi. Thỉnh thoảng có việc giao thiệp giữa hai nhà nước, thường In Va cầm đầu phái đoàn tới Thăng Long. Đó cũng là dịp y nán lại một vài tháng để xem xét việc bán buôn, và cũng là cơ hội cho y giao tiếp với giới quan lại Đại Việt ở Thăng Long. Lưu Nương Tú vì thế vẫn nằm trong chỗ giao hảo

thân tình của In Va. Khi Lưu thị tới cầu In Va để qua thăm Chiêm quốc, In Va thuận lòng ngay. Và lập tức In Va thu xếp để thuyền rời Thăng Long sớm sủa. Khi thuyền qua cửa Đại An, đã đi vào vùng biển và yên chí không có thuyền nào rượt đuổi, In Va mời Lưu thị vào tận khoang trong đàm đạo, Lưu thị kể hết khúc nhôi tại triều đình Đại Việt. Nhưng thị giấu biến việc thị dính vào tội ác; cũng như việc Nhật Lễ sắp bị đánh đổ.

In Va là một tên sành sỏi trong nghề bang giao. Vả lại nội tình Đại Việt y còn lạ gì. Chính Chế Bồng Nga cử y sang Đại Việt là để dò tìm tin tức, thâm nhập nội tình, nếu có thời cơ sẽ đưa binh tràn qua bờ cõi. Nay Lưu thị là bậc quốc mẫu mà vô cớ bỏ đi như một kẻ cùng đường trốn chạy, hẳn là tình thế của mẹ con Nhật Lễ nguy kịch lắm. In Va cũng có nghe loáng thoáng mẹ con Nhật Lễ muốn đổi lại họ Dương, muốn cướp cơ nghiệp nhà Trần. Cuộc nổi dậy không thành của các đại thần tôn thất do cha con tướng quốc Nguyên Trác khởi xuất đã bị Nhật Lễ bắt và chém bêu đầu mười tám người, làm rung chuyển cả Thăng Long. In Va cũng toan tính nhân nội tình người Đại Việt lục đục, sẽ về xin Chế Bồng Nga xuất chinh. May thay, Lưu Nương Tú lại dẫn xác đến. Đúng là trời có lòng giúp Champa.

Nghe những lời nói sơ sài có phần giả dối của Lưu Nương Tú, In Va cười khẩy:

- Nếu chỉ có vậy thì việc gì phu nhân phải trốn chạy.

Nói xong, In Va cầm tay Lưu thị áp lên mặt. Y lại tiếp:

- Lâm vào cảnh ngộ này, thiết tưởng nàng chẳng nên giấu ta. Ta hứa sẽ che chở cho nàng.

Lưu Nương Tú đâu có phải người khờ dại. Thị đã từ một con hát trở nên một mệnh phụ phu nhân, quyền uy nhất nước. Lại từ phu nhân trở thành mẹ vua, đường đường chính chính, thị sẽ là hoàng thái hậu của một nước lớn. Chiêm Thành là quốc gia nhỏ bé, nếu thị có chiếu cố qua thăm thì đích thân quốc vương nước ấy phải tiếp rước. Ấy là nói về sự thành đạt. Nhưng nay đã tới bước đường cùng, vả lại cũng không giấu nổi In Va. Lưu thị bèn nói:

- Ông In Va, cảnh ngộ của tôi, chắc ông rõ. Tôi mong ông đừng bắt tôi phải thuật lại những gì mà ông đã biết. Mục đích của tôi sang quý quốc, không phải là đi tìm sự che chở cho bản thân tôi, mà là tôi đi cầu viện.

- Xin phu nhân nói rõ hơn, tôi chưa hiểu ý bà.

Lưu Nương Tú mỉm cười nhìn In Va một cách tình tứ. Lúc này In Va mới nhìn kỹ lại gương mặt bà ta. Chao ôi, chính In Va cũng không tin ở mắt mình nữa. Gương mặt bà ta mới thanh tú và xinh đẹp làm sao. In Va nguyện thầm trong tâm: Lạy đức Vishnou[1] quyền năng, con thật không tin người đàn bà xinh đẹp và còn trẻ dường kia lại có con đang trị vì quốc gia Đại Việt. Khi tiếp xúc với Nhật

---

[1] Vishnou: thần bảo tồn, một trong ba vị thần quyền năng nhất của Bà-la-môn giáo.

Lễ, ta có cảm giác ông ta gần ngang trạc tuổi với ta. Nay diện kiến cận kề với mẹ ông ta, ta lại ngỡ bà này chỉ hơn tuổi con gái ta chút ít. Ôi, sức quyến rũ của bà ta thật chẳng kém nữ thần Apsara[1]. Ấy là nói về gương mặt và sự hấp dẫn của nhan sắc bà ta; còn như về đường giao thiệp, về ngôn ngữ của con người này, khiến ta cứ phải luôn luôn răn mình: phải cẩn thận, bà ta là một người vừa khả ái vừa khả nghi, tựa như thần Shiva[2] với quyền năng biến hóa vô biên.

Với vẻ đoan trang hiền thục của một người quyền quý, Lưu Nương Tú nói:

- Ông In Va, là một sứ thần lâu năm ở Đại Việt, ông còn lạ gì nội tình nước tôi. Nay tình thế của Đại Việt đang ở chỗ bức bách, tôi nhờ ông tâu giùm lên quốc vương ông, phái viện binh sang giúp vương nhi tôi đánh lại người tôn thất. Việc ấy mà thành, công của ông lớn lắm. Tôi sẽ nói vương nhi tôi phong cho ông làm tướng quốc nhập nội kiêm đại hành khiển, tước vương. Tức là ông chỉ kém có nhà vua thôi.

Giọng nói của Lưu thị tha thiết, như có ma lực khiến In Va ngồi nhích lại gần, và khẽ đặt tay lên đùi phu nhân. Tuy vậy In Va cũng vẫn còn tỉnh táo, y nói:

---

[1] Apsara: nữ thần sắc đẹp và cũng là nữ thần múa của người Champa.

[2] Shiva: thần biến hóa (phá hoại) một trong ba ngôi tôn quý nhất của hệ tôn giáo Bà-la-môn.

- Phu nhân quả là người mưu sâu nên tìm ra chước lạ. Phu nhân nói mà không nghĩ rằng như thế là phu nhân quá coi thường tôi. Nước tôi với quý quốc mấy trăm năm nay vẫn giữ nghĩa của nước nhỏ thờ nước lớn. Nay bỗng dưng đem quân qua Đại Việt, tức là làm việc trái đạo. Nếu việc thành thì mẹ con phu nhân tột đỉnh vinh hoa. Nếu việc bại thì Champa tôi mất nước. Chắc phu nhân còn nhớ thời nhà Đinh, khi Đinh Tiên Hoàng lấy nước từ tay nhà Ngô. Phò mã nhà Đinh là Ngô Nhật Khánh[1] đã sang cầu cứu Champa đem quân sang giúp lấy lại nước. Việc chưa thành thì bão táp dìm đắm cả ngàn chiến thuyền của thủy quân Champa. Suýt nữa thì quốc vương Champa cũng bỏ mạng. Việc ấy sau này Đại Hành hoàng đế Lê Hoàn nhớ lại, đem quân sang giày xéo đất nước tôi. Cả kinh thành Indrapura và xứ Amarvati với hàng trăm đền đài, cung điện và cả một tu viện Phật giáo huy hoàng bị thiêu hủy. Lê Hoàn giết quốc vương nước tôi, sát hại không biết bao sinh linh, vơ vét của báu; san phẳng thành

---

[1] Ngô Nhật Khánh là dòng dõi của Ngô Quyền, trước xưng là Ân vương, cùng với 12 sứ quân hùng cứ một nơi. Đinh Tiên Hoàng khi dẹp yên 12 sứ quân lên làm vua, lấy mẹ của Nhật Khánh làm hoàng hậu, lấy em gái của Nhật Khánh cho con trai mình là Nam Việt vương Đinh Liễn; lại đem con gái của mình gả cho Nhật Khánh. Nhưng Nhật Khánh vẫn nuôi chí phục thù nên đem vợ trốn sang Chiêm Thành cầu cứu. Tới cửa biển, lấy gươm xẻo má vợ, kể tội Tiên Hoàng rồi đuổi về. Khi nghe tin Đinh Tiên Hoàng băng hà mới dẫn người Chiêm về, nhưng bị bão vùi chết gần hết.

trì, phá hủy tôn miếu; lại bắt cả hàng trăm cung nữ đem về Hoa Lư để thỏa lòng dục. In Va nói như trút cả nỗi căm hận lịch sử lên đầu Lưu Nương Tú. Dường như ông ta không màng gì đến nhan sắc của Lưu thị nữa. Với giọng rắn đanh, In Va tiếp - Bà tinh khôn như một con quỷ. Dựa vào chúng tôi, nếu thắng, bà được tất cả. Nếu bại, chúng tôi mất nước. Vả lại nếu thắng, bà thí cho tôi cái chức mà cách đây độ một tuần trăng bà đã sai chém bêu đầu ông ta - Ông thái tể Nguyên Trác - ông chú của con bà chứ còn ai. Ha, ha...

Nghe giọng nói, điệu cười của In Va và gương mặt rắn đanh kia, Lưu Nương Tú biết công việc của mình quả không dễ dàng một chút nào. Đối thủ của ta - bà nghĩ, không thể lấy sắc đẹp mà quyến rũ, cũng không thể lấy lợi lộc mà nhử. Lưu Nương Tú lại tự nhủ: Vậy In Va là thánh chăng? Không. Không phải ông ta là thánh. Chẳng là cái gì hết. Ông ta cũng chỉ là một con người; thậm chí một con người tầm thường. Ông ta cũng tham lam của cải; vì vậy ông ta mới lao vào buôn bán, xoay xở làm giàu. Ông ta cũng là con người đầy tham vọng chức quyền. Bởi thế, ông ta mới bỏ thị trường để leo vào quan trường. Chung quy cũng bắt nguồn từ cái lợi. Còn nói như In Va dửng dưng tình ái, ta không tin; cặp mắt và đôi bàn tay gian giảo của ông ta luôn soi mói lục tìm trong thân thể ta, là một bằng chứng cho thấy ông ta cũng thuộc loại đồng hội đồng thuyền với Cung túc vương Nguyên Dục. Chẳng

qua tên thương buôn này muốn ủ giấu lòng tham trong cái vỏ bọc của một quan chức Champa. Chao ôi bọn đàn ông, tất cả lũ chúng mày dù là vua chúa, dù là vương hầu, công, khanh, bá, tử gì gì đi chăng nữa, cũng đều có tầm nhìn không cao hơn chiếc cạp váy của chúng tao. Với suy nghĩ táo bạo và quyết liệt như vậy, Lưu Nương Tú thay đổi đối sách. Nàng lạnh lùng nhấc hai bàn tay ấm nóng của In Va ra khỏi đùi mình, và liếc nhìn chàng với ánh mắt nghiêm lạnh. In Va chột dạ, nhưng đôi tay ông ta lại ôm ghì lấy Lưu Nương Tú. Ông ta đặt cặp môi dầy lên làn da mát rợi chỗ có lúm đồng tiền nơi má Lưu Nương Tú, và một bàn tay khác đã luồn vào sau khuôn yếm che ngực nàng. Lưu Nương Tú vừa đẩy ông ta vừa lùi vào một góc khoang thuyền, cặp mắt long lanh, ngấn lệ, giọng nói đầy căm uất:

- Nghe ta nói đây, In Va. Ông mới chính là con người nham hiểm, xảo trá. Miệng ông phun ra những lời cao ngạo, nghĩa nhân. Nhưng đôi tay và cặp mắt ông lại làm những việc bất chính, phi nhân. Hóa ra ông cũng như những kẻ tầm thường khác mà ta đã gặp. Ta nói để ông biết: Ta thà chết chứ không chịu để ông làm nhục. Nàng Mị Ê[1] xưa bị bắt về Thăng Long, chưa có ai làm nhục, nàng

---

[1] Năm Giáp thân (1044) Lý Thái tông đi đánh Chiêm Thành, giết vua nước ấy là Sạ Đẩu, sau lại bắt nàng Mị Ê là phi của Sạ Đẩu. Khi Mị Ê được gọi sang hầu thuyền vua; nàng đã quấn chặt chăn vào người rồi lăn xuống sông tự tử. Vua khen là trinh tiết và phong làm: "Hiệp chính hựu thiện phu nhân".

đã vội nhảy xuống sông trầm mình để giữ tròn tiết hạnh. Ta khác, ta vẫn bảo toàn tiết hạnh, nhưng nếu ta chết, ta cũng không để cho ông toàn tính mạng.

Bất chợt, Lưu Nương Tú đổi sang giọng dịu dàng, mơn trớn:

- Nhưng thôi, ta không muốn ông giúp ta mà ông cảm thấy mình không được gì. Lưu Nương Tú vừa nói, tay vừa ve vuốt tấm lưng to bè của In Va. Đoạn nàng thọc tay vào bầu yếm móc ra hai viên ngọc nóng hổi.

Vừa trông thấy hai viên ngọc một to một nhỏ rất lạ, tuy là lái buôn châu báu, ngọc vàng, In Va cũng không biết lai lịch hai viên ngọc này. Nhưng cứ nhìn màu sắc và dáng vẻ của nó, In Va biết ngay là ngọc quý. Y bèn xòe bàn tay ra đón. Lưu Nương Tú liền đặt viên nhỏ có màu hồng tươi trong suốt vào lòng bàn tay y. Một lát lại đặt viên to gấp rưỡi viên trước vào cạnh, viên này có màu đỏ sẫm như màu huyết bò. Viên ngọc đỏ vừa chạm vào viên hồng ngọc bỗng phát ra luồng gió nhẹ. Và viên ngọc đỏ lập tức quay tròn quanh viên hồng ngọc. Cứ như thể nó mừng, nó múa. In Va hỏi:

- Thế là điềm gì? Lành hay dở, nàng nói thử ta nghe.

- Lành! Đây là điềm sum họp.

Lưu Nương Tú bèn dẫn dụ:

- Viên nhỏ là viên mái. Viên to là viên trống. Lúc nào cũng phải đặt hai viên cạnh nhau thì màu sắc mới tươi sáng. Dù chỉ một giây lát cách xa nhau như vừa đây, màu

nó đã xỉn đi ngay. Và khi gặp lại, viên mái cứ múa tít như người reo, còn viên trống thì xoay tròn theo viên mái. Ai có ngọc này trong người dáo đâm không thủng, tên bắn không trúng. Đây là ngọc quý, cực quý, phước lớn mới mong gặp được. Ta tặng cả cho ông để làm tin.

In Va thở dài. Y tự biết mình không đủ can đảm để trả lại cho Lưu Nương Tú đôi ngọc quý. Y thở dài chính là y tự khinh cái lòng tham không kìm nén nổi của mình. Cuối cùng In Va thú nhận:

- Ta bằng lòng giúp nàng, vì ta muốn lưu dấu một chút tình bao năm quen biết giữa ta với nàng. Còn cặp ngọc nàng cho, ta xin giữ, cũng như ta muốn giữ lại cái tình của ta với riêng nàng.

Lưu Nương Tú đã đọc được lòng tham và sự giả dối của In Va, từ cặp mắt hắn ánh lên khi vừa nhìn thấy đôi viên ngọc. Nàng hỏi:

- Vậy ông giúp ta những gì, giúp như thế nào?

Như đã dự liệu trước, In Va đáp ngay:

- Ta sẽ làm tất cả những gì nàng muốn, nhưng chỉ trong khuôn khổ những gì ta có thể làm được.

In Va vừa nhìn cặp ngọc vừa hấp háy nhìn Lưu thị. Y lại nói:

- Phu nhân, nghe ta nói đây, nếu bà không nói cho ta biết tên của từng viên ngọc và lai lịch của nó, thời cặp ngọc quý kia có khác chi tên vô danh tiểu tốt trong đám quân trăm vạn.

Lưu thị cười khẩy:

- Vậy là ông muốn chiếm trọn những gì ta có. Tham lam quá đấy ông In Va.

- Đúng vậy, thưa phu nhân. Bà thật là một người mẫn nhuệ. Ta muốn có tất cả những gì thuộc về bà và cả bà nữa. Chính bà mới là một thứ ngọc vô giá. Nhưng thôi, ta muốn nghe bà nói.

- Ta không giấu gì ông. Đây là một cặp ngọc có lai lịch phi thường. Nó vốn là của quốc vương Ba-tư. Nguyên ủy là nước Ba-tư đã bị Thành-cát-tư hãn chiếm tới quá nửa. Cả triều đình dồn lại trên mảnh đất hẹp In-xma-in do chúa Rốc-nút Din (Rokn-ud Din) đứng đầu. Năm Quý sửu (1253) Mông-kha lại cử em là Hu-lê-gu (Hulagu) đem quân vào chiếm nốt miền đất tự do cuối cùng của vương quốc Ba-tư.

Để đổi lấy mạng sống, vua xứ I-xma-in đem cặp ngọc này dâng hiến cho Hu-lê-gu. Và Hốt-tất-liệt đã chiếm lại từ tay em trai mình. Khi sang xâm lấn Đại Việt năm Giáp thân (1284) vì sợ lam sơn chướng khí, Hốt-tất-liệt cho con trai y là Thoát-hoan mượn làm vật tùy thân. Thoát-hoan bị quân Đại Việt đánh bất ngờ khi y còn đang yến tiệc, nên hốt hoảng tháo chạy không kịp đem theo ngọc quý. Đuổi giặc đi rồi, nội thị thu dọn cung Cảnh Linh tìm được, dâng lên vua Nhân tông. Nhà vua truyền vứt đi, bởi của quý thường gây họa. Triều thần can mãi nhà vua mới cho cất vào trong kho, và cấm các đời sau không được dùng nó

làm vật truyền quốc. Tình cờ trong một cuộc lãng du, Cung túc đại vương Nguyên Dục, tức phu quân của ta thấy nó ở trong kho lưu vật báu. Lại thấy nó có màu sắc kỳ dị khi để xa nhau, lúc để gần nhau, nên đại vương đem về chơi. Và vì thế ta có nó. Còn tên gọi, ta chỉ thấy đại vương gọi viên mái là *Hồng lụy ngọc* và viên trống là *Huyết lụy ngọc*. Không hiểu đó là tên cũ của nó hay đại vương ta tự đặt ra thời ta chưa kịp hỏi. Tất cả chỉ có thế. Nay ta đem nó tặng lại cho ông.

Khi nhìn thấy cặp ngọc, In Va đã ngờ ngợ. Y không ngờ cặp ngọc quý ấy lại rơi vào tay người Đại Việt. Sự thật, Lưu Nương Tú còn bỏ một đoạn không kể đến. Có thể là Lưu thị sợ sai chăng. Tức là sau khi Hu-lê-gu nhận được ngọc thì rút quân, và năm năm sau y lại đem quân tới san phẳng thành trì I-xma-in, bắt chúa Rốc-nút Đin đem hành quyết. Hu-lê-gu đã bỏ Rốc-nút Đin vào một cái túi da rồi cho cả bầy ngựa quần chết. Lại nữa cặp ngọc này vốn không phải của người Ba-tư. Ba ngàn hai trăm năm trước, nó là vật báu của nhà chiêm tinh học xứ Chaldé. Sau đó nó được chuyển qua tay người Hy Lạp, người La Mã rồi mới đến người Ba-tư.

In Va tự nghĩ: thật là đại phước, nó ngẫu nhiên rơi vào tay ta, giá trị của nó còn lớn hơn rất nhiều tất cả những gì mà cuộc đời ta gom góp được. Nhưng điều quan trọng là làm thế nào để giữ được nó. Để tạ ơn Lưu thị, In Va vỗ về;

- Ta biết nàng cần gì rồi. Nàng theo ta về Champa không phải là việc đi chạy trốn, không phải nàng tìm chốn nương thân. Mà nàng muốn, nếu Nhật Lễ thắng trong cuộc đọ sức này với đám tôn thất, thì Champa sẽ đưa rước nàng về nước, với nghi lễ là bậc quốc mẫu của Đại Việt. Trái lại, nếu Nhật Lễ bại, Champa sẽ cử đại binh sang hỏi tội Đại Việt để rửa hận cho Nhật Lễ, và cái chính là cho nàng. Sau đó sẽ lập người họ Dương lên cai quản đất nước. Có phải đó là ý muốn của lệnh bà? In Va nhìn xoáy vào cặp mắt huyền của Lưu thị, khiến nàng lúng túng đỏ mặt.

Lát sau Lưu Nương Tú nói:

- Ông hiểu hết gan ruột ta. Sự thật ta không mong gì hơn thế.

Rồi từ bữa ấy, In Va cùng Lưu Nương Tú đầu mày cuối mắt đã ăn ý nhau tới tám chín phần. Đêm nọ, giông gió nổi bất ngờ, thuyền neo đậu lại cửa Tư Dung. Lấy cớ sang khoang của Lưu thị vấn an, In Va đã tư thông với nàng. Việc ấy sau này xảy ra như cơm bữa suốt hành trình.

XVIII

Nghệ hoàng từ bữa trò chuyện với Trần Nguyên Đán, với Chu An trong lòng nhà vua thấy ấm áp, vững tin ở mình hơn. Ông cũng nhìn thẳng vào hiện tình đất nước, và thấy hậu quả của mấy chục năm dưới thời Đại trị, Dụ tông đã để cho bọn quyền gian lộng hành phá nát mọi kỷ cương rường mối. Dân tình đói khổ, ta oán triều đình. Ngay đến cả người tôn thất cũng chia lòng, cũng nghi kỵ nhau. Bè gian đảng nịnh mọc lên như nấm. Trộm cướp nổi lên như rươi, ngay kinh sư mà chúng cũng không kiêng nể, giết người cướp của trắng trợn giữa ban ngày, giữa phố đông. Người lương thiện sợ kẻ gian, thấy chúng cướp của, chúng hành hung người khác mà không dám kêu cứu, không dám bẩm báo quan trên, là vì sợ chúng trả thù. Người dân lương thiện sợ kẻ gian đã đành, nhưng đến quan tòa cũng sợ kẻ gian không dám thẳng tay trừng trị chúng theo luật pháp. Và nữa chúng chạy tội cho nhau, thu xếp giá cả với quan tòa ngay trước công đường, ngay trong lúc tòa đang xét xử, thì quả là chúng coi luật pháp của quốc gia này không bằng những thứ đồ dơ dáy thải bỏ. Tất cả những điều ấy, hoặc là Nghệ tông nghe

thấy, nhìn thấy ngay từ khi sinh thời Dụ tông, hoặc gần đây người ta mách bảo với nhà vua.

Để chấn chỉnh rường mối, Nghệ tông nghĩ rằng ngoài pháp độ nghiêm minh, còn cần phải có tay chân thân tín. Vì vậy nhà vua chỉ dụ phải bãi bỏ các sắc luật vô lý như xắn chân bãi bồi để đánh thuế, hoặc kiểm kê tài sản của người chết để thu lấy vật quý. Về phong tục cũng như áo mão triều đình, đều nhất nhất theo phong hóa của nước ta. Cấm ngặt việc bắt chước nhà Tống nhà Minh. Lại xuống chiếu cho người dân trong nước không được mặc áo quần theo kiểu người phương Bắc, và không được nói tiếng Chiêm, tiếng Lào và tiếng các nước ở những nơi đông người. Nghệ hoàng thường nói: "*Tiếng nói là cái hồn của một dân tộc. Sở dĩ cả ngàn năm người Tàu đô hộ mà không Hán hóa được Đại Việt, là bởi dân ta gìn giữ được tiếng nói của mình. Vậy ngôn ngữ, tự thân nó có sức mạnh thần thánh, mà ngay cả kẻ thù vĩ đại như nhà Hán nhà Đường cũng không chiến thắng nổi. Cho nên các khanh, những người có học thức, phải trước hết biết quý trọng tiếng nói của dân tộc mình. Đành rằng cũng phải biết đến các thứ tiếng nước ngoài, để cho sự bang giao được thông suốt*". Đại khái những việc có quan hệ đến quốc hồn, quốc túy như sự mất còn của nước, đều phụ thuộc vào sự hưng vượng của nền văn hóa dân tộc, đều được Nghệ hoàng để tâm chăm sóc.

Lại nữa, Nghệ tông cũng xem xét cất nhắc người thân tín. Như vụ Nhật Lễ đó, nếu như không có người tâm

huyết phò giúp, chắc cơ nghiệp nhà Trần đã nghiêng đổ. Bởi vậy, nhà vua đã lấy Lê Quý Ly làm khu mật viện đại sứ. Vì hai người cô của Quý Ly đều lấy thượng hoàng Minh tông. Một người sinh ra vua, một người sinh ra Cung Tuyên vương Kính là em cùng cha khác mẹ với Nghệ tông.

Nghệ tông nhìn thấy nơi Quý Ly một con người vừa năng nổ, vừa thông tuệ khác thường. Nói chuyện với Quý Ly, nhà vua như bị mê hoặc bởi các mưu thuật mà Quý Ly bầy xếp. Vả nữa, y là người khiêm nhường và luôn tỏ hết lòng trung. Vì vậy, Nghệ tông muốn cố kết Quý Ly thành tai mắt, thành óc não của mình. Cũng là nhằm vào việc hưng thế nước cả thôi. Với đà ấy, nhà vua lại thăng cho Nguyễn Nhiên làm nhập nội hành khiển hữu ty.

Nhiên là người không có học vấn, chữ nghĩa không thông. Mỗi khi cần thảo sớ, chương gì thì vua phải viết hộ.

Cũng như Quý Ly, Nghệ hoàng thăng chức cho Nhiên để kết chặt làm tay chân thân tín, bởi trước Nhiên đã mật báo cho Nghệ hoàng trốn đi, khi Nhật Lễ có âm mưu ám hại ông.

Nghệ hoàng cũng thăng cho hoàng tử Thúc Ngạc làm tư đồ, sau lại sai đi coi trấn Thái Nguyên...

Để chọn người tài, năm Giáp dần (1374) nhà vua cho mở khoa thi, lấy đỗ tam khôi: Đào Sư Tích trạng nguyên, Lê Hiến Phủ bảng nhãn, Trần Đình Thâm thám hoa. Việc thi cử đều theo lệ cũ từ đời Thái tông.

Chu An về nghỉ ngơi nơi quê nhà mà lòng vẫn vấn vương nơi triều nội. Không phải ông màng danh vọng, phú quý, mà ông muốn biết hiện tình đất nước sẽ đổi thay theo chiều hướng nào. Số phận của đám lê dân sẽ trôi nổi về đâu. Chợt được tin nhà vua mở khoa thi kén người tài. Và đã kén được ba vị tam khôi, Chu An vui lắm. Kíp lại được tin Nguyễn Nhiên, một viên quan nội hầu, chữ nghĩa ăn đong, chỉ vì có công báo cho nhà vua biết có kẻ bức hại để đi trốn, đã được cất nhắc làm Khu mật viện. Chưa bao lâu, lại thăng nhập nội hành khiển hữu ty là chức quan đứng đầu triều. Hơn nữa, y còn nắm giữ cả chức chánh chưởng Khu mật viện, tức là các điều cơ mật của quốc gia đều phải qua tay viên quan mù chữ này, thì làm sao mà điều hành được bộ máy nhà nước. Chu An buồn lắm. Ông không nghi ngờ đức nhân của Nghệ hoàng. Chính Nghệ hoàng đã nhầm lẫn đến rối trí, giữa ơn riêng với các việc quốc gia trọng đại. Nhà vua đã coi việc bổ nhiệm quan chức như một thứ quà tặng của riêng mình. Đây là điều bất nhẫn, sẽ làm suy yếu đất nước mà Nghệ hoàng không tự biết.

Lại nữa, Nghệ hoàng cho hành khiển Đỗ Tử Bình là một kẻ bất tài, kém đức, chỉ được cái huênh hoang khoe mẽ làm tham mưu quân sự, thì quả đầu óc nhà vua mơ hồ quá. Trong khi ấy thì tư đồ Trần Nguyên Đán, một người am hiểu tình thế đất nước sâu sắc, kiến văn uyên bác, quán thông cả thiên văn, địa lý mà chỉ cho coi một trấn nhỏ Quảng Oai.

Chu An đau buồn đến bực giận, ông bỏ cơm tới mấy bữa liền. Rằng nước không phải không có người tài, chỉ vì người tài không được cất nhắc, xếp đặt đúng người, đúng việc. Chắc chắn sự rối loạn sẽ phát sinh từ bộ máy trái khoáy này; thế nước lâm vào suy yếu lại cũng từ bộ máy này. Ông tự nhủ:

- Đấng quân chủ mà coi nước như một thứ tài sản riêng là điềm mất nước.

- Sợ người dưới hơn mình, mà không dám cất nhắc vào các công việc trọng yếu, cũng là điềm mất nước.

- Không tin vào người thân thuộc, người đáng tin là điềm mất nước.

- Lập bè đảng, vây cánh cho riêng mình là điềm mất nước.

- Coi thường tài năng, trí tuệ của kẻ sĩ là điềm mất nước.

- Thờ ơ trước thân phận của người dân, là điềm mất nước.

Phạm vào một trong sáu điều trên cũng đủ làm cho nước suy yếu. Nay Nghệ hoàng lại phạm đủ sáu điều, thời tránh sao khỏi cái họa diệt vong.

Tuổi già, sức yếu, Chu An ngã bệnh. Được tin, Trần Nguyên Đán tới thăm. Tiên sinh chỉ nghe quan tư đồ nói, chứ tiên sinh không còn nói được nữa. Nghe Nguyên Đán nói xong, Chu An ứa nước mắt vĩnh biệt.

Chu An mất, khiến quan tư đồ Trần Nguyên Đán bàng hoàng. Ông cho rằng bậc quốc sĩ như Chu An mất đi, nước không còn ai đủ nhân cách thay thế. Đành rằng nhiều

năm nay, tiên sinh không tham dự triều chính nữa, nhưng khí tiết lẫm liệt cùng với tư tưởng minh triết của tiên sinh, sẽ mãi mãi là tấm gương vằng vặc sáng soi cho muôn đời con cháu. Chao ôi, nước mất người đạo hạnh như tiên sinh, thử hỏi lấy gì bù đắp được.

Nghe tin Chu An mất, Nghệ tông khóc rống lên. Nhà vua vô cùng tiếc thương vị quốc sĩ, đã lưu lại cho mình biết bao điều chỉ giáo tâm đắc. Nghệ hoàng đinh ninh các việc mình làm, đều theo như ý của tiên sinh cả. Vua sai ty thái chúc đến dụ tế tại nhà quan cố Tư nghiệp Quốc tử giám, và tặng thụy là Văn Trinh công. ít lâu sau, Nghệ tông lại sai rước hèm của Chu tiên sinh vào thờ phối tại Văn miếu, là nơi thờ đức Khổng Tử, vị tiên sư của đạo Nho.

Lại nói, khi bắt tay vào chấn chỉnh thực sự việc quân trấn Quảng Oai, quan tư đồ Trần Nguyên Đán mới thấy sức quân quá yếu. Ông cho đó là đám người ô hợp, tụ hội nhau dưới sự dẫn dắt của một đứa ngu hèn, tham bẩn đội dưới cái chức là đô tổng quản. Quân thì ốm yếu, đứa ghẻ lở, đứa nghiện hút, đứa ốm liệt giường. Phần đông bọn lính không biết sử đao, kiếm. Dáo đâm chuệch choạc, tay run như người mắc chứng động kinh. Cung bắn, bách phát bách tán, đến bia cũng không trúng còn mong gì trúng hồng tâm. Hỏi ra mới biết quân không được luyện tập, mà hằng ngày phải đi làm cho nhà đô tổng quản, hoặc đi làm thuê lấy tiền về nộp cho y. Khẩu phần ăn bị bớt xén, quân không đủ sức tập tành.

Trần Nguyên Đán không tin sức quân nơi nào cũng hèn kém như Quảng Oai. Chưa trị tội viên đô tổng quản và thuộc hạ của y vội, ông thắng ngựa lên trấn Thái Nguyên thăm quan tư đồ Thúc Ngạc. Thúc Ngạc là hoàng tử, con của Nghệ hoàng, cũng là một người có tư chất, từ lâu Nguyên Đán đã đem lòng cảm mến.

Gặp nhau, tay bắt mặt mừng, Thúc Ngạc nói:

- Không ngờ, cháu ở chốn sơn lâm cùng cốc này mà vẫn còn được thúc phụ đoái tới.

Nắm tay Thúc Ngạc, Nguyên Đán trần tình:

- Phần vì nhớ vương điệt, phần có việc phải lên đây bàn với vương.

- Nếu là việc nước, việc trọng yếu sao thúc phụ không về kinh bàn với phụ vương cháu. Thúc Ngạc hơi ngỡ ngàng vì được Nguyên Đán coi trọng.

Thúc Ngạc rước Nguyên Đán vào dinh, chủ khách phân ngôi. Ngạc kính cẩn thưa:

- Bẩm chú, cháu đang lo sợ không biết có điều gì phạm tội mà chú phải trèo đèo lội suối tới đây dạy bảo.

Trần Nguyên Đán cười ngất, ông nói giọng khôi hài:

- Ta với quan ông hàm đều là tư đồ, chức đều là hiệp trấn như nhau cả, đều phụng mệnh quân vương cả, sao quan ông lại hỏi ta như vậy?

Thúc Ngạc tái mặt quỳ lạy:

- Kìa chú, sao chú lại coi cháu như người dưng vậy?

Trần Nguyên Đán vồ về:

- Quả thực ta có lòng quý trọng vương từ lâu, nay có dịp, ta ghé thăm. Vả cũng có một việc quan yếu, ta muốn bàn với vương. Nhưng trước hết, ta muốn biết sức quân trấn Thái Nguyên của cháu thế nào?

Vương Ngạc cứ sự thực kể hết lại với Nguyên Đán. Sau khi nghe xong, Nguyên Đán buồn lắm. Ông nói:

- Trước đây, ta ngỡ chỉ có trấn Quảng Oai sức quân mới suy tàn vậy. Nay xem trấn Thái Nguyên của vương điệt cũng không hơn gì. Suy ra sức quân cả nước, ta lo lắm. Vạn nhất nếu có giặc ngoài xâm lấn bờ cõi, lấy gì chống lại. Ta đến thăm vương chính vì việc này.

- Dạ thưa chú, cháu đang bắt tay vào chỉnh bị quân ngũ.

Nguyên Đán lại cười, ông nói như chẳng phải việc quan trọng:

- Phép làm tướng, chắc là không thể làm khác được. Nhưng ta muốn hỏi vương, xem có cách nào nâng sức quân cả nước lên không? Tức là bất cứ một đội quân nào, từ quân cấm vệ, quân tứ sương, quân các trấn, lộ, quân của các vương hầu, tôn thất đều được nhất loạt chỉnh bị như vương đang làm.

Suy tư giây lát, vương Ngạc hỏi:

- Thúc phụ dự liệu nhà Minh sắp động binh chăng?

- Họa phương Bắc dù có dự liệu đến mấy cũng không thừa. Song ta coi ý tứ, nhà Minh tự xem Đại Việt như một

thuộc quốc của họ. Chứng cớ là vừa lấy được nước từ tay nhà Nguyên, vài tháng sau, Chu Nguyên Chương[1] đã sai Dịch Tế Dân sang sứ nước ta, thông báo việc lên ngôi của ông ta. Năm sau, tức năm Kỷ dậu (1369), lại sai Ngưu Lượng và Trương Dĩ Ninh dem ấn và sắc phong sang cho vua ta. Tiếp năm Canh tuất (1370), sai Diêm Nguyên Phục sang tế thần núi Tản, sông Lô của ta. Chu Nguyên Chương thân soạn chúc văn. Đây là việc làm mạn xược của vua tôi nhà Minh. Bởi họ tự coi đất đai sông núi của ta là của họ, cho nên mới có hành vi đó.

Ngừng một lát, Nguyên Đán lại tiếp:

- Nhà Minh chỉ xâm lấn, khi biết rõ nội tình nước ta. Hiện nay, họ chưa tường ta lắm. Nhưng mặt nam, ta thật sự băn khoăn. Vài năm lại đây họ luôn quấy nhiễu miền đất hai châu Thuận, Hóa; mua chuộc dân ta làm phản. Đỗ Tử Bình được sai làm tướng trấn giữ, nhưng đánh không lại người Chiêm. Lại năm trước, mẹ của Nhật Lễ chạy sang Chiêm, ta chắc thế nào thị cũng bầy tỏ nội tình Đại Việt, và thúc giục người Chiêm sang đánh để rửa hận. Cho nên cái họa phương nam là họa gần kề. Nếu không sớm phòng bị, chắc là phải ân hận.

Những điều quan tư đồ Nguyên Đán trần tình, gieo cho vương Ngạc một nỗi lo khắc khoải về thế quân, thế

---

[1] Chu Nguyên Chương tức Minh Thái tổ hiệu Hồng võ (1368-1400).

nước. Chính vương cũng có nhiều băn khoăn về quốc sách chấn hưng đất nước của vua cha. Tiện có thúc phụ qua thăm, vương liền giãi bầy:

- Không biết thúc phụ có để tâm tới việc mới đây phụ vương cháu, cất nhắc một số người vào các chức vụ không cân xứng.

Với vẻ thận trọng, Trần Nguyên Đán đáp:

- Việc sắp đặt nhân sự, ta chắc vương thượng đã có chủ kiến, phận làm tôi chớ nên lạm bàn.

- Thúc phụ đừng nghi ngại. Cháu thật không hiểu nổi, tại sao vương phụ cháu thăng cho nội hầu Nguyễn Nhiên lên làm chánh chưởng khu mật viện, lại kiêm cả nhập nội hành khiển hữu ty mà chữ nghĩa dốt đặc. Buồn cười lắm, mỗi khi bên ty hành khiển có sớ điệp gì tâu lên ngự, hoặc thông đạt về các trấn, lộ đều do phụ vương cháu chấp bút. Lại đọc chậm cho quan hành khiển dò từng chữ một, để lúc ra đọc trước triều nội khỏi nhầm. Ấy thế nhưng nhiều phen trước bá quan, hành khiển đọc không nổi, mặt tái đi, hai tay cầm tờ sớ cứ run như người mắc bệnh kinh phong. Phụ vương cháu lại phải che đỡ đi cho. Người như thế mà đứng đầu khu mật viện, nắm giữ các đầu mối cơ cấu của cả quốc gia, thúc phụ không thấy đau lòng sao?

- Vậy chớ vương điệt đã có nhời can gián gì với hoàng thượng chưa?

- Dạ cháu đã tâu đôi ba lần, nhưng phụ vương cháu không đổi ý. Người bảo đó là để thưởng công cho

Nguyễn Nhiên. Cháu nói nhiều quá, người bắt cháu phải đi trấn ở đây.

Trần Nguyên Đán không giấu kịp tiếng thở dài. Ông thầm nghĩ: Vậy là Nghệ hoàng đã không chịu nghe lời nói phải. Vương Ngạc can gián tới mức nhà vua phải đầy cả hoàng tử đi trấn viễn châu. Nếu ta nói, phỏng có ích gì. Thật bụng, quan tư đồ đến gặp vương Ngạc, là muốn bầy tỏ cái nhẽ thịnh suy trong việc dùng người của nhà vua. Rồi qua đấy, Ngạc sẽ tâu trình với vua cha. Ai dè, Ngạc cũng là người bén nhạy, lại có tâm huyết, và đã làm những gì vương thấy phải làm. Điều nguy tai trước mắt mà Nguyên Đán cho rằng không thể trì hoãn được, ấy là vực thế quân lên. Ông đắn đo hỏi tư đồ vương Ngạc:

- Ta hỏi thật vương điệt, sức quân thế, vương có thấy lo không?

- Dạ lo lắm. Cháu sợ giặc đến từ mặt nào quân ta cũng không cự nổi.

- Vương đã nghe tham mưu quân sự Đỗ Tử Bình có chủ kiến gì chỉnh bị việc quân chưa?

- Dạ chưa. Ông ta là một tướng vô mưu. Việc thống lĩnh toàn quân, phụ vương cháu trao vào tay ông ta là một đại họa cho nước.

- Hoàng thượng có biết hiện tình sức quân trong nước, như ta và vương diệt biết không?

- Dạ, phụ vương cháu biết là biết chung chung, đại khái, chứ sao biết tường tận được như thúc phụ và cháu.

Ngay cháu mà không trọng trấn tại đây, cháu cũng không biết. Phụ vương cháu chỉ biết qua mấy vị thượng tướng, điện súy đô áp nha thống chế hoặc tham mưu quân sự. Mà theo các vị ấy, thì quân ta lúc nào cũng là đội quân mạnh nhất gầm trời.

Vương Ngạc ngừng lời, ông ngước nhìn Nguyên Đán cặp mắt trong veo, ngơ ngác.

Cảm thông với tấm lòng hiếu trung của Ngạc, Trần Nguyên Đán nói:

- Nước ta hiện nay tựa như một ngôi nhà lớn, trong đó cột, kèo đều đã mọt ruỗng; tường, mái gạch ngói đều mủn rữa, chỉ cần một cơn gió mạnh, một trận mưa lớn là sập đổ hoàn toàn. Vương diệt nên nhớ, chú cháu ta trông nom việc quân, thời ta biết quân là yếu nhất, cần phải chỉnh bị nhiều nhất. Nhưng các người khác, coi sóc những công việc khác, họ cũng nói: chính họ mới là quan yếu nhất. Đúng là việc nào cũng cần tạo dựng lại từ đầu. Song nếu mỗi người phụ trách các phần việc đều dòi hoàng thượng phải gia ân cả, ta chắc chỉ làm cho nhà vua thêm rối trí. Theo ta, hoàng thượng phải được biết tình hình đất nước một cách trung thực. Rồi căn cứ vào đó, hoàng thượng có quyết sách phải bắt đầu từ đâu.

- Dạ đúng như thúc phụ nói. Cái chính là phụ vương cháu phải biết bắt đầu từ đâu. Nhưng cháu dám đoan chắc với thúc phụ rằng, phụ vương cháu: hoặc là sẽ cùng lúc cho làm tất cả mọi việc, hoặc là không làm gì cả. Thúc phụ

biết đấy, cùng lúc làm tất cả mọi việc cũng có nghĩa là không làm gì hết. Cháu mong sao phụ vương cháu, trao cho thúc phụ chức thái tể, thì mới có cơ may vực thế nước lên được. Cháu đã tâu nhiều lắm, phụ vương cháu bảo: "Hãy thong thả! Để xem!". Thật ra, phụ vương cháu rất trọng thúc phụ. Biết thúc phụ là người văn võ kiêm thông. Không hiểu còn vương vấn điều gì mà người không chịu giao quyền bính cho thúc phụ. Cháu mong rằng, những điều thúc phụ đã cho cháu biết, thúc phụ nên nói lại với phụ vương cháu. Cháu nghĩ, phải gạt bỏ được đám bầy tôi gian nịnh ra khỏi tả, hữu; nếu không triều đình còn suy yếu, thế nước cũng chẳng bao giờ hưng lên được nữa.

Sau vài ngày thăm viếng, hai vị tư đồ - hai chú cháu càng thêm phần kính ái nhau. Những cuộc đàm đạo, những mưu tính trù liệu đều chỉ nhằm có được vua sáng, tôi hiền, nhân dân an lạc, đất nước phú cường. Cả hai quan tư đồ đều thấy tình thế hiện tại còn muôn vàn khó khăn, chỉ cần người lèo lái con thuyền quốc gia vụng tay chèo chống là thuyền lật, nước loạn. Hai chú cháu bịn rịn chia tay nhau, lòng nặng trĩu. Trên đường về Quảng Oai, Trần Nguyên Đán nghĩ kế nói thế nào cho lọt tai Nghệ hoàng, về những điều mà ông và tư đồ Thúc Ngạc cùng tâm đắc.

Lại nói về mấy người con của cụ đồ Nguyễn Quang Tuấn ở phía tây kinh thành, giã nhà ra đi từ độ Nhật Lễ còn đang tiếm ngôi. Dạo ấy, như ta đã biết, Nguyễn

Quang Thuần - người con trai cả của cụ đồ, quyết chí tu đạo, không vương thế tục. Còn Nguyễn Trọng Mẫn xin với cha đi theo tả tướng quốc Cung định vương Phủ. Chàng lặn ngòi ngoi nước lên đến tận phủ Gia Hưng, trấn Đà Giang xin theo hầu. Tướng công sau khi hỏi lai lịch, biết Mẫn là con nhà dòng dõi thi thư. Xét kỹ càng, Trọng Mẫn tuy chưa qua khoa bảng đỗ đạt, song kiến văn cũng như võ nghệ đều tỏ rõ hơn người, tướng quốc bèn thu nhận và cho nhập vào vệ dực đô. Khi về lại Thăng Long, giết được Nhật Lễ, chủ của Trọng Mẫn là đức Nghệ tông hoàng đế. Nhờ có công, Trọng Mẫn được vua cho trông coi quân thánh dực. Kíp đến khi khen thưởng, cất nhắc, Mẫn thấy nhà vua cho nội hầu Nguyễn Nhiên là người dốt nát làm chánh chưởng khu mật viện, sau lại thăng đến hành khiển ty. Còn tôn thất Trần Nhân Vinh dấy binh dẹp Nhật Lễ cùng với thái tể Nguyên Trác, việc không thành bị Lễ chém đầu mà không thấy Nghệ hoàng tôn vinh. Chỉ hai sự việc ấy, Trọng Mẫn cho rằng nhà vua vì tư tình hơn là vì nước, chàng bèn từ quan về nhà làm ruộng, nuôi cha.

Cụ đồ Nguyễn Quang Tuấn thấy con về thì vui lắm. Cụ không hề gạn hỏi cơn cớ, mà lặng lẽ sửa đồ cúng gia tiên. Trong lời khấn, cụ bầy tỏ lòng biết ơn tổ phụ, đã độ trì cho Trọng Mẫn còn sống trở về mà vẫn giữ được cái tâm ngay thẳng.

Trở lại với ruộng đồng, với cỏ cây vườn tược quê

hương, Trọng Mẫn thấy lòng thư thái, dường như chàng quên hẳn quãng thời gian gió bụi trường chinh mà chàng đã dấn thân.

Cũng ngày ra đi ấy, Trọng Mẫn ngược Đà Giang thì Hán Anh, người con út của cụ đồ lại xuôi về thái ấp của quan chương túc quốc thượng hầu Trần Nguyên Đán ở Chí Linh.

Vai khoác tay nải, lưng dắt đoản đao, Hán Anh ra mắt quan Khâm thiên giám Trần Nguyên Đán, với phong độ như một hiệp khách, lại có vẻ như một thích khách.

Nguyên Đán vốn tinh đời, ông không câu nệ vào vẻ ngoài của Hán Anh, ngược lại, ông thấy qua đôi mắt sáng như phát hào quang kia, cặp lông mày xếch như mắt phượng, gương mặt chữ điền vuông vức và vầng trán cao rộng bị che lấp bởi vành khăn kia, đủ nói con người này có đầu óc mẫn tiệp, có lòng dũng lược khác thường. Chàng vừa thi lễ xong, chưa kịp nói, Nguyên Đán đã hỏi:

- Tráng sĩ ở đâu lạc tới sơn ấp? Chẳng hay tráng sĩ có điều gì muốn chỉ bảo ta chăng?

Bị đẩy vào tình thế khó xử, Hán Anh nhìn lại gương mặt thánh thiện của quan Khâm thiên giám một lần nữa, để xem mình có bị nhầm lẫn không. Đoạn chàng nói:

- Bẩm quan, giọng chàng trầm sâu có sức lan tỏa như âm thanh của một loài kim khí - Tiểu sinh ra mắt đại quan thật là đường đột, dám xin đại quan tha tội.

Tráng sĩ có lòng ghé thăm sơn ấp là quý rồi, chỉ xin tráng sĩ cho biết quý danh. Nguyên Đán mỉm cười. Và ông như chợt nhớ lại một điều gì. Ông nhắm mắt và cố hình dung xem gương mặt kia ông đã từng gặp ở đâu đó.

Hán Anh kể rành rõ lai lịch của mình, và vì sao lại tìm đến để xin được theo hầu. Nghe xong, Nguyên Đán cảm động nói:

- Thì ra công tử là... ta biết cụ thân sinh ra công tử. Cũng là chỗ giao du trong làng văn vật đất Thăng Long cả. Phải, ta quý cụ thân sinh công tử là người trọng nghĩa khí; thơ văn tao nhã; bọn ta theo sao được. Công tử từ cửa đó tới đây là phúc cho ta lắm.

Hán Anh vái đáp lễ tới hai ba lần.

Trần Nguyên Đán sai quản gia tiếp nhận Hán Anh vào làm môn khách. Thu xếp nơi ở và phòng văn cho Hán Anh xong, Nguyên Đán sai dọn tiệc rượu.

Rượu vừa rót xong, Nguyên Đán hỏi:

- Chẳng hay bản chức có điều chi khiến công tử phải vất vả lặn lội tới sơn ấp? Vừa nói, Nguyên Đán vừa nâng chén rượu đưa mời Hán Anh.

Hán Anh vội vàng đón lấy, hai tay nâng chén rượu lên ngang mày, chàng đáp:

- Bẩm đại nhân, ở Thăng Long đến đứa trẻ lên ba tuổi cũng biết tiếng đại nhân, huống chi là kẻ tiểu sinh này. Hâm mộ danh tiếng đại nhân, tiểu sinh đã đôi ba lần xin với phụ thân để được vào hầu đại nhân, nhưng phụ thân

tiểu sinh chê kiến thức của tiểu sinh còn nông cạn, chưa xứng đáng để ra mắt đại nhân.

Với dáng vẻ độ lượng, quốc thượng hầu mỉm cười đáp:

- Đúng là ta cùng công tử có duyên với nhau, nên có thể nói: nhất kiến vi cựu[1], xin mời công tử cạn chén.

Nguyên Đán nói xong, lấy tay che miệng uống một hơi.

Nhìn vị đại quan đã dằn chiếc chén xuống kỷ, Hán Anh mới nâng chén rượu Nguyên Đán đưa mời, công tử nói:

- "Kính vương", rồi cũng che tay trước miệng uống một hơi, và thong thả đặt chén xuống.

Rượu được vài tuần, chủ khách đã có cái vị cảm mến nhau, Nguyên Đán mới gạn hỏi:

- Ta lấy bụng thực đãi người, nên muốn hỏi thẳng công tử mà không sợ mất lòng, chẳng hay thiên hướng của công tử hiện nay thế nào?

- Đại nhân đã hỏi, tiểu sinh thực không dám quanh co. Cái mộng của lũ tiểu sinh, nếu ở vào thời thịnh thì đem sức ra học, để thi thố trên trường văn để so tài cao thấp, quyết ghi tên bảng vàng rồi ra giúp vua lo việc nước. Nếu chẳng may sinh vào thời loạn, thì đem sức của mình cùng muôn dân giữ nước. Nay tiểu sinh ở vào cái thời không hẳn là yên trị, cũng không hẳn là tao loạn, nên tiểu sinh

[1] Nhất kiến vi cựu: Nghĩa là lần đầu gặp mặt nhưng tình như đã quen biết từ xưa.

không mưu cầu công danh nơi trường ốc, cũng không gửi chí vào chốn quân doanh; mà chỉ xin được nương náu dưới bóng của các bậc hiền lương.

Nguyên Đán cười khanh khách:

- Công tử quá yêu, ta đâu xứng là người hiền. Như Chu An mới thực là bậc hiền giả, tiếc thay người đã sớm biệt thế gian.

- Bẩm đại nhân, tiểu sinh đã đôi lần vào trong quý phủ ở Thăng Long, nhưng bạc đức, chưa một lần nào được diện kiến đại nhân. Nay vì hôn quân làm nhiều điều bạo ngược, giữa thời bình mà ngang nhiên tàn sát từ thái tể, tướng quốc, vương, hầu, tôn thất không chút run tay, không cần pháp luật. Không biết hôn quân sẽ đưa đất nước vào đường quanh ngõ cụt nào, không khí ở Thăng Long cực kỳ ngột ngạt, bách tính hờn oán đến bầm gan. Tiểu sinh hi vọng đại nhân cùng các đại vương tôn thất sẽ ra tay trừ đứa hôn quân. Vì vậy tiểu sinh đến cửa đại nhân, chỉ xin được nhận vào đám lính tốt, trừ xong nạn nước lại xin được về quê quán làm ruộng, thờ cha cho tròn đạo hiếu.

Trần Nguyên Đán rưng rưng cảm động, ông nắm lấy tay Hán Anh mà rằng:

- Đúng là quốc gia hữu sự, thất phu hữu trách[1]. Nay

---

[1] Nghĩa là: Nước có nạn thì đến kẻ thất phu ngu tối cũng còn phải có trách nhiệm, ý nói, mọi người đều phải lấy nước làm trọng.

công tử còn ít tuổi mà đã lo đến vận mệnh của nước, nhẽ nào đám thân vương, tôn thất bọn ta lại thờ ơ được. Ta về lại hương ấp rèn đám dân binh cũng chỉ chờ có dịp dùng đến. Vừa đây tả tướng quốc Cung định vương có tuyên triệu hội quân để trừ Nhật Lễ. May vừa đúng dịp công tử tới, đúng là trời đem công tử đến cho ta.

Hán Anh lạy hai lạy đáp lễ - Tiểu sinh sẵn sàng chờ đợi vương sai khiến.

Hai người vẫn tiếp tục cuộc rượu, và chuyện trò tâm đắc, cho mãi tới gà gáy sang canh mới chịu ai về phòng nấy.

XIX

In Va đưa Lưu Nương Tú về Cham pa, cho nàng ở trong một lâu đài sang trọng, kẻ hầu người hạ đầy nhà, nhưng không cho nàng đi đâu và tiếp xúc với ai. Thi thoảng In Va có ghé thăm trò chuyện và làm cuộc mây mưa rồi giã biệt.

Lưu thị không phải không dự cảm được rằng, In Va đã biến thị thành một kẻ tị nạn, hơn là một bậc quốc mẫu đi cầu viện nước láng giềng. Vì thế, đôi khi Lưu thị có nhắc khéo việc xin yết kiến quốc vương Chế Bồng Nga thì In Va lại nói:

- Ta có tâu với hoàng thượng tất cả cảnh ngộ của nàng cũng như hiện tình của Đại Việt, hoàng thượng đang còn cứu xét.

Lưu Nương Tú mỉm cười đáp:

- Ta nghe nước ông có một chuyện cổ tích hay lắm, chẳng hiểu ông có biết không, ta xin kể hầu ông.

- Nàng kể đi, lúc nào ta cũng muốn nghe giọng nói của nàng. In Va hồi hộp đón chờ câu chuyện.

Lưu thị hắng giọng, sửa lại nếp khăn, nếp áo rồi nói:

- "... Ngày xửa ngày xưa trên đất cổ Champa, có một vị

vua già yếu. Ngài sống lâu trong vương quốc thanh bình của ngài nên buồn chán. Bèn ban lệnh, ai có trò gì lạ, làm cho ngài vui vẻ, sẽ được trọng thưởng.

Một bữa, có người từ phương xa đến xin dâng trò lạ. Vua vời vào. Sau khi xem xét khí sắc của nhà vua, người ấy tâu:

- Thần có thể dậy được con khỉ của thần đây biết nói tiếng người. Đoạn ông ta lôi từ trong bọc ra một con khỉ còm nhom.

Vị vua già thích lắm, người nheo mắt hết nhìn con khỉ lại nhìn vị khách, hỏi gặng:

- Thật ư?

- Muôn tâu, nếu thần nói dối xin bệ hạ cứ chặt đầu thần.

- Vậy ngươi dạy nó trong bao lâu?

- Tâu bệ hạ, vị khách ngập ngừng hết nhìn vua lại nhìn con khỉ rồi tiếp - Xin bệ hạ cho thần 5 năm.

- Được, ta bằng lòng cho ngươi dạy nó 5 năm. Nhà ngươi về đi, bao giờ con khỉ kia nói được tiếng người, đem đến đây ta trọng thưởng.

- Muôn tâu đức vua anh minh, thần xin đức vua gia ân cho một việc.

- Lại còn việc gì nữa? Nhà vua cười hồn hậu.

- Dạ muôn tâu, việc nuôi dạy loài khỉ này tốn kém lắm. Xin bệ hạ ứng trước cho thần một trăm cân vàng để chi phí trong 5 năm.

Nhà vua gật đầu, và sai quan quốc khố phát ngay cho người nuôi khỉ một trăm cân vàng ròng.

Lấy vàng của nhà vua về, người kia chỉ ham các thú vui chơi. Người vợ lo lắm, một bữa lựa lời hỏi chồng:

- Chàng khoe dạy khỉ biết nói tiếng người, lại lấy cả vàng của vua về rồi, sao thiếp không thấy chàng đả động gì tới việc đó cả. Lỡ trái mệnh vua, chết cả nhà đấy.

Người chồng cười hô hố, nước mắt chảy giàn giụa cả khuôn mặt thiếu ngủ:

- Nàng ơi, sao mà nàng ngốc như đức vua vậy. Con khỉ của ta già thế kia, đức vua còn già hơn nó. Với đức vua ta ngờ rằng không phải chờ đến ba năm, con khỉ thì không tới một năm, một trong hai kẻ đó: hoặc là đức vua hoặc là con khỉ sẽ chết. Nếu đức vua chết trước chẳng nói làm gì. Nếu con khỉ chết trước, ta lại xin với đức vua dạy con khỉ khác. Ha, ha, ha... lão bịp bợm cười đến ngất đi...".

Câu chuyện chấm dứt đột ngột. In Va đỏ bừng đôi tai hỏi:

- Có phải nàng xem ta như lão dạy khỉ bịp bợm trong truyện cổ không?

- Vậy có phải ông xem tôi như vị vua già ngốc nghếch trong truyện cổ không, ông In Va?...

Lưu Nương Tú hiểu rằng In Va vừa cướp không của nàng đôi ngọc quý, vừa biến nàng thành một tiểu thiếp để y giải khuây. Muốn vượt ra khỏi cảnh ngộ này, chỉ có cách tiếp xúc được với vua Chiêm. Làm cách nào gần

được nhà vua, ấy là điều cực khó. Mà nếu có gần được ngài thì biết nói làm sao cho nhà vua hiểu, bởi ngôn ngữ bất đồng. Chính vì ngôn ngữ bất đồng, Lưu thị tự thấy mình chẳng khác gì người vừa bị đui vừa bị điếc. Một bữa Lưu thị này ra ý định học tiếng Champa. Nàng nhớ hồi còn sinh thời Cung túc vương Nguyên Dục đã từng kể, hoàng cô Huyền Trân công chúa, trước khi về Chiêm với vua nước ấy là Chế Mân, bà đã phải học tiếng Chiêm do thái sư thượng phụ Trần Nhật Duật dạy. Vậy chớ tại sao ta không học được tiếng nước họ, như xưa kia Huyền Trân đã từng học. Nghĩ vậy, Lưu thị để ý trong đám các hầu gái xem ai là người sáng sủa, thông tuệ. Cuối cùng Lưu thị tìm được nàng Sankra. Đó là một vũ nữ chân tài. Khi nàng múa, ta có cảm giác như được xem chính nữ thần Apsara múa vậy.

Do có cảm tình, nên Lưu thị hay tìm cách gặp gỡ hỏi han, thi thoảng lại tặng cho Sankra một vật phẩm đáng giá. Sankra cũng tìm cách luôn được đến với Lưu thị. Những cuộc tiếp xúc ấy, chính là dịp để Lưu thị học hỏi. Trước, còn chỉ vào từng đồ vật một hỏi xem tiếng Chàm gọi nó như thế nào. Chẳng bao lâu, không một đồ vật nào, kể cả các sinh vật được nuôi, trồng trong lâu đài mà Lưu thị không gọi được đúng tên nó bằng tiếng Chăm. Dần dần Lưu thị đã nói được từng câu ngắn. Nhưng Lưu thị dặn Sankra rất kỹ, không được lộ cho In Va biết nàng đang học tiếng Champa. Sankra cũng nói cho Lưu thị hay:

- Quan chánh chưởng Indra Vatakhamalapatura cũng căn dặn bọn em, không được dạy cho bà biết tiếng Champa. Nếu ai trái lệnh sẽ mất đầu.

- Vậy sao em còn dám dạy ta? Lưu Nương Tú dò hỏi với vẻ sửng sốt.

- Em thấy đại quan đây có gì không minh bạch. Còn bà thì lúc nào cũng buồn. Nỗi u buồn ngày càng chồng chất trong tâm can bà, em đọc được qua ánh mắt đấy. Tự nhiên, em đem lòng kính mến và cảm thông với bà. Em muốn giúp bà tự khai thị, bằng cách bà phải biết được tiếng nói của chúng em. Điều cốt yếu là ở đó, chứ không phải các vật phẩm quý giá bà tặng em đâu. Những đồ bà cho, em cất kỹ; em sẽ hoàn lại bà khi nào bà nói và viết thông thạo tiếng Champa. Nhưng cả bà và em nữa đều phải chết, nếu như để lộ ra cái chuyện tầy đình này - lén lút dạy và học tiếng Champa.

Biết rõ sự thật, Lưu thị vô cùng cảm động. Càng kính trọng hơn, trước tấm lòng khảng khái, nghĩa hiệp của Sankra. Thật tình Lưu Nương Tú cảm thấy hổ thẹn, bởi nàng đã quá tin vào các đồ vật biếu tặng của mình. Chao ôi, ở đời còn có cái gì quý bằng mạng sống, thế mà Sankra dám dấn thân cứu ta. Còn ta lại cứ tin vào vài thứ đồ vô tri vô giác nó cứu mình. Đáng kính thay tấm lòng trượng nghĩa của một nàng hầu.

Ngày tháng thấm thoắt trôi, Lưu Nương Tú nóng lòng không biết số phận Nhật Lễ ra sao. Liệu con bà có chèo

chống nổi, có trừ khử được đám tôn thất mưu phế truất nhà vua. Biết bao nhiêu điều hối thúc như lửa đốt đầu, mà ta lại sa vào cái bẫy của tên vô lại này. Thân phận chẳng khác một kẻ lưu đầy. Nghĩ vậy, Lưu Nương Tú cắn răng mà học, cố ghi nhớ lấy từng câu từng chữ vào trong đầu.

Khen thay phận đàn bà, mà Lưu Nương Tú có chí khí tu học như một nhà hiền triết. Tới nay, Lưu thị đã học tới mức đọc, viết trơn chu chữ nghĩa của người Chăm.

Sankra vừa lắc đầu cười vừa nói:

- Em hết cái chữ dạy bà rồi. Bà tìm ông Indra mà học.

Lưu Nương Tú cảm động nắm chặt tay Sankra lắc mãi không thôi, hai hàng nước mắt ứa nhòe cả khuôn mặt như một tấm gương ố; bà tháo chiếc vòng ngọc ở cổ mình ra đeo vào cổ Sankra và nói:

- Tặng em.

Sankra khẽ đẩy tay Lưu Nương Tú:

- Bà đừng làm thế. Em không xứng với vật quý này. Cả các thứ bà cho trước đây, ngày mai em sẽ gửi lại bà.

Lưu Nương Tú năn nỉ:

- Đừng, tôi xin em. Những vật phẩm này tặng em, là tôi muốn lưu dấu một chút tình trong em. Tôi sống được trên đất nước xa lạ này là nhờ có em. Chắc mai đây tôi còn phải phiền em nhiều hơn nữa.

Sankra không trả lại Lưu Nương Tú chiếc vòng ngọc ấy,

nhưng sau đó cô tháo ra và gói chung với các thứ đồ tặng khác; định bụng, có dịp sẽ trả lại hết cho bà. Bởi cô giúp bà với tấm lòng chân thực, chớ đâu phải cô cầu lợi.

Lưu Nương Tú từ bữa nói và viết được tiếng Chăm, bà nghĩ phải có cách nào đấy bầy tỏ được với quốc vương Chế Bồng Nga, họa may mới thoát khỏi cảnh này. Một hôm bà ngỏ ý với Sankra về mong muốn của mình. Suy nghĩ giây lát, Sankra đáp:

- Chú em cai quản vườn ngự uyển, thường ngày đức vua hay ra dạo. Để em nói thử xem ông có giúp được không.

Lưu Nương Tú mừng lắm. Nàng thầm nhủ: "Có nhẽ cơ may giải thoát từ đây chăng?".

Một bữa, Sankra báo cho Lưu Nương Tú:

- Chú em nhận lời rồi. Ông bảo, bà cứ viết một tờ biểu trần tình. Rồi chú em sẽ tìm cách dâng lên đức vua cho bà.

Lưu Nương Tú sung sướng quá, cặp má rực hồng như một trái đào tiên. Không nén giấu được cảm xúc, bà khóc như một đứa trẻ.

Thức ba đêm ròng, Lưu thị viết biểu trần tình gửi quốc vương Champa. Trong biểu, thị kể lể nỗi truân chuyên trên đường đi cầu viện. Nào nỗi con côi bị ức hiếp không biết sinh mệnh ra sao. Nào Đại Việt yếu hèn, quan lại tham nhũng, dân chúng chia lòng, binh lính trễ nải, chỉ đánh một trận là lấy được nước.

Lưu Nương Tú cũng hé rằng mình đã đem đôi ngọc quý: "Hồng lụy ngọc" và "Huyết lụy ngọc" nhờ Indra

Vatakhamalapatura dâng lên quốc vương Champa, gọi là vật mọn của triều đình Đại Việt để làm lễ tương kiến. Nhưng không hiểu tại sao cho đến nay nàng vẫn còn bị giam hãm trong lâu đài của Indra.

Cuối biểu, thị viết:

"Thần thiếp khóc ra máu viết tờ biểu này, cúi xin bệ hạ anh minh cứu lấy thiếp, cứu lấy sinh linh Đại Việt. Thiếp nghe nói bệ hạ nuôi chí lớn, tưởng không nên bỏ lỡ cơ hội thu phục; quân dân Đại Việt chỉ chờ bệ hạ tới là dâng đất dâng thành".

Tờ biểu đó, người chú của Sankra đã lựa được cơ hội dâng cho Chế Bồng Nga. Đọc xong, Chế Bồng Nga đùng đùng nổi giận. Nhà vua hạ lệnh nổi trống triều. Trăm quan lục tục tới chầu. Ai nấy ngơ ngác không hiểu có chuyện can qua với nước địch, hay chuyện gì tối hệ trọng mà quốc vương tuyên triệu vào lúc đêm hôm khuya khoắt này. Nội điện sáp thắp sáng như ban ngày. Sân triều và các đường đi lối lại trong hoàng thành đuốc rực trời. Chế Bồng Nga đầu đội mũ trụ, mình mặc áo giáp, chân đi hia đen, tay lăm lăm đặt trên chuôi thanh trường kiếm đeo trễ một bên sườn.

Trông sắc diện nhà vua, các quan đều sợ hãi và thầm đoán: "Có biến!".

Khi nhìn thấy quan chánh chưởng bang giao Indra Vatakhamalapatura nhà vua hét lên:

- Tên kia quỳ xuống!

Indra còn ngơ ngác, không biết có phải nhà vua chỉ

nhầm không, thì Chế Bồng Nga đã tới gần. Đức vua rút nhanh thanh trường kiếm, ánh thép vừa lòe sáng như một tia chớp thì chiếc mũ của Indra đã bay mất chỏm. Các quan sợ xanh mắt. Indra phủ phục xuống sân rồng, toàn thân run cầm cập, nói không ra lời:

- Muôn tâu bệ hạ, thần vô tội.

- Ngươi giam bà thái hậu Đại Việt sang cầu cứu ta ở đâu? Chế Bồng Nga thét hỏi:

Indra líu lưỡi không nói được ra lời.

- Nhật Lễ đã bị hại. Triều Đại định đã tiêu vong, thế mà sứ đi cầu viện đang còn bị giam để dùng làm tì thiếp, tất cả đều bưng bít không đến tai ta. Vậy ngươi phạm tội gì Indra?

- Dạ! Dạ!... Indra không tìm được lời đáp. Mặt y tái tím như miếng thịt trâu ôi.

- Còn đôi ngọc quý thái hậu dâng ta, ngươi để đâu?

- Dạ, muôn tâu, thần định tới ngày lành tết Ka-tê[1] sẽ đem dâng bệ hạ.

Chế Bồng Nga giận run lên. Như vậy là mọi điều phu nhân cáo giác với ta đều thực cả. Thương thay thân phận đàn bà bị kẻ kia lừa gạt. Nhà vua sai chưởng cơ cận vệ đem lính giong Indra về nhà lấy ngọc. Lại sai lính đem kiệu đi rước phu nhân về triều.

---

[1] Tết theo lịch Champa vào khoảng tháng 9 âm lịch.

Lấy được ngọc quý, đón được Lưu Nương Tú, Chế Bồng Nga sai tịch thu hết sản nghiệp của Indra, bắt vợ con y tống ngục; còn Indra bị chém bêu đầu trước ngọ môn ba ngày để răn kẻ làm tôi bất trung.

Thương thay Indra Vatakhamalapatura chết mà chưa kịp biết ai đã cáo giác mình. Y cũng ân hận chưa kịp nhắn lại với quốc vương một lời rằng: "Ai giữ ngọc quý là tự chuốc tai họa cho mình".

Theo lời chỉ dẫn của Lưu Nương Tú, nhốt riêng hòn trống hòn mái, quả nhiên màu ngọc xám đi. Khi đem chúng lại gần nhau, viên trống múa tít xoay tròn quanh viên mái, màu sắc tươi rói, viên ngọc như có hồn. Chế Bồng Nga thích lắm. Nhà vua cho Lưu Nương Tú vào ở hẳn trong cung điện. Đức vua thường qua lại thăm viếng, cũng có khi làm cuộc mây mưa chung đụng. Khi đầu gối má kề, khi đầu mày cuối mắt, Lưu Nương Tú đã làm xiêu lòng nhà vua. Chế Bồng Nga cho gọi viên đại tướng La Ngai là người thân cận đến hỏi:

- Ông có tin tức gì từ Đại Việt không?

- Muôn tâu bệ hạ, người của ta vừa mới ở Thăng Long về. Bên đó, từ sau cuộc chính biến của tôn thất, Nhật Lễ bị hạ rồi bị giết. Cung định vương Phủ là con của Minh tông được tôn lên ngôi báu, hiệu là Nghệ tông.

Nghệ tông lên ngôi tha bớt tô thuế, soát tù, nhiều điều hợp lòng dân. Nhưng quan lại tham nhũng, khiến ơn vua chưa kịp xuống tới người dân thì các chính lệnh hà khắc,

tàn bạo của đám quan quân vẫn cứ liên tiếp đè lên đầu lên cổ họ. Dân tình đói khổ lại bị sưu cao thuế nặng nhiều năm, nên họ vẫn chưa thôi hờn oán triều đình. Bởi vậy không trấn, lộ nào không có giặc cướp nổi lên.

Chế Bồng Nga chăm chú nghe La Ngai nói, thỉnh thoảng nhà vua lại chau mày hoặc gật đầu tỏ ý hài lòng. La Ngai vừa dừng, nhà vua hỏi luôn:

- Ta muốn bất ngờ đánh thẳng vào Thăng Long, ý ông thế nào? Liệu ông có làm nổi không?

- Tâu bệ hạ, bất ngờ tiến đánh Thăng Long thì thần làm được, nhưng phải rút nhanh, chứ đóng lâu tại đó thì thần không dám chắc quân ta có đường về, xin bệ hạ lượng định.

Suy nghĩ giây lát, Chế Bồng Nga nhìn thẳng vào đôi mắt xếch của viên cận thần, mà ông hằng quý như một người bạn. Chậm rãi, nhà vua nói:

- Ta chấp thuận kế sách của khanh. Ta cho khanh ba chục ngàn quân, hai trăm năm chục chiến thuyền thần tốc tiến vào Thăng Long. Đây là một trận thử sức. Nếu người Đại Việt quá yếu hèn, thời ta sẽ có kế sách thôn tính quy mô. Khanh nên nhớ, đánh sao cho vua tôi Đại Việt hốt hoảng sững sờ. Khi binh ta đến, như quân nhà trời kéo đến. Khi quân ta đi như có trăm phép thần thông biến hóa, khiến quân địch chưa kịp hoàn hồn truy đuổi, thì quân ta đã êm nhẹ ra khơi.

La Ngai quỳ xuống, vòng tay tâu:

- Thần xin lĩnh mệnh. Xin làm đúng như chỉ dụ của bệ hạ.

Chế Bồng Nga dặn thêm:

- Đi sâu vào đất địch là một trò chơi nguy hiểm. Nhưng vì người Đại Việt, từ khi thắng được quân Nguyên tới nay, đem lòng kiêu hãnh mà trễ nải việc binh. Lại nữa các đời gần đây vua tôi sa đọa, dân tình ta oán. Cho nên chỉ cần một đạo binh mạnh là có thể đi khắp nước họ. Song ta nói để khanh lưu tâm, chớ ham mà ở lâu, hoặc vơ vét của cải chất đầy chiến thuyền, khi họ hồi tâm truy đuổi, thì quân ta chạy không kịp. Khanh nên nhớ trận đánh này là để ra oai, khanh không được có điều gì sơ suất khiến quân kia khinh nhờn, làm mất oai thần của ta. Khanh cũng phải răn quân không được làm điều gì tàn ác với dân lành Đại Việt. Vua họ ác mà binh ta nhân, tức là ta thu phục được lòng dân họ - Khanh nhớ kỹ điều ta dặn chưa? Chế Bồng Nga nói dằn từng tiếng.

- Bẩm vương thượng, thần đã khắc sâu từng lời của vương thượng vào đây rồi. Vừa nói, hai tay quan đại tướng La Ngai vừa áp vào nơi lồng ngực trái.

- Ta cho khanh chọn trong các vệ quân Thần sách, Long tiệp, Hổ bôn của ta lấy mười ngàn, thêm vào với quân của ngươi.

- Đội ơn bệ hạ, trận này chưa cần đến những vệ quân thần thánh của bệ hạ.

- Tùy khanh, nhưng ba ngày nữa phải khởi binh.

- Thần xin xuất quân đúng hạn. Xin bệ hạ rộng lượng, nếu gió nổi lúc nào là thần khởi binh lúc ấy, có thể là trước hạn định. Và lúc đó, xin bệ hạ cho thần tự tiện không phải vào bệ kiến nữa.

Chế Bồng Nga cười ha hả:

- Vậy là khanh đã tính hải triều? Và đêm mai khanh khởi binh lúc trăng lặn?

La Ngai vẻ mặt tươi rói:

- Bệ hạ tính toán giỏi như thần Vishnu.

- Thôi được, Chế Bồng Nga nói. Đoạn nhà vua cởi tấm chiến bào đang khoác, trao cho La Ngai - Khanh mặc tấm áo này ra trận, coi như lúc nào cũng có ta bên cạnh. Chúc khanh mau thắng trận trở về.

Lại nói về phía Đại Việt, từ khi phế truất Nhật Lễ, Nghệ tông chấn chỉnh rường mối, lễ nghi, văn hiến cho đúng với phép tắc nước nhà. Mọi công việc mới chỉ là bắt đầu, mà bộ máy nhà nước từ triều đình đến ấp xã đều rệu rã suy kiệt, mất lòng dân, làm sao một sớm một chiều đã có thể đổi thay được. Hơn nữa nước nghèo, kho đụn vơi cạn, quốc khố rỗng kiệt lấy gì chi phí cho việc binh. Bởi thế quan quân đều trễ nải. Thời Trùng hưng từ biên ải phía bắc, phía nam đổ về Thăng Long cứ mười dặm có một trạm đổi ngựa, năm dặm có một trạm đốt lửa báo hiệu. Tin tức từ biên ải thông tới triều đình không bao giờ dứt. Bây giờ thì khác, mỗi lộ mới có một trạm ngựa, gọi là trạm đổi ngựa nhưng chẳng mấy khi có ngựa; cả nước không có

một trạm nào có khói lửa thông tin. Binh lính hằng ngày phải đi làm cho nhà quan hoặc làm thuê để tự nuôi thân, ngay hoàng thành cũng trống trải. Việc binh như thế có khác gì mời quân giặc đến lấy nước.

Ba vạn quân Chiêm Thành với hai trăm năm mươi chiến thuyền buồm căng, gió thuận, quân khỏe, lương nhiều, binh khí tinh xảo, họ đi như gió cuốn mây bay. Qua vùng biển Châu Hoan, Châu ái, thuyền giặc rẽ vào biển Thiên Trường, rồi xộc thẳng vào cửa Đại An[1] như vào chỗ không người.

Vào vùng cửa sông độ non mười dặm, La Ngai cho quân lên bộ do thám, không thấy có động tĩnh gì. Chứng tỏ, cửa sông này bỏ ngỏ, La Ngai cho giương buồm ngược sông tiến thẳng vào Thăng Long. Kỳ lạ thay, hai bên bờ sông và cả những bãi bồi chạy lan tới mép nước, nông phu làm cỏ lúa cỏ khoai, và cả dân đi chợ búa, đi trẩy hội chỗ đông, chỗ thưa không nơi nào không có người. Vả lại hai trăm năm mươi chiến thuyền kéo dài hàng mấy chục dặm sông, chứ có phải một hai chiếc thuyền câu đi lén đi vụng gì mà quân dân tịnh không ai để ý, không một tin tức gì báo về triều.

Tại Thăng Long triều vẫn hội, chợ vẫn họp, dân chúng

---

[1] Cửa Đại An xưa thường gọi là Đại Nha, Đại Ác đến đời Lý mới đổi là Đại An nay ở khoảng xã Quần Liêu huyện Nghĩa Hưng, Nam Định.

vẫn làm ăn, buôn bán. Dây đó các phường vẫn chơi chọi gà, đua ngựa. Đất nước đượm vẻ thanh bình.

Khi du binh của giặc vào gần tới cửa Tây Kết, quân lính trên đồn mới hốt hoảng nhận ra đó là chiến thuyền của hải quân Champa. Tất cả đều tháo chạy. Vài giờ sau kinh sư náo loạn. Các đô quân từ Tứ sương đến Hổ bôn, Thánh dực, Tứ thánh, Tứ thần, Thần sách, Vũ vệ, Long tiệp, Bổng thần, Kim ngô, Thiên ngưu... tất cả chỉ kịp hộ giá cho Nghệ hoàng vượt sông sang Đông Ngàn[1] tránh giặc. Các quan văn từ thái tể, tướng quốc đến các đô, dài, sảnh, viện đều bỏ hết cả sổ sách, thư phòng, dấu ấn chạy thục mạng. Các quan võ từ đô phòng đoàn đến đô chỉ huy sứ, đô tổng quân, thủy quân đô tướng, bộ quân đô tướng, tả hữu đại tướng quân, thượng tướng quân, tham mưu quân sự, điện súy đô áp nha thống chế... tất cả chỉ kịp chèo thuyền vượt sông Cái theo vua sang Đông Ngàn, hoặc chạy ngược lên trấn Quảng Oai lánh giặc.

Các bậc thiếu sư, thiếu phó, thái tử, hoàng tử, công chúa, quận chúa, phò mã và cả quan kinh sư đại doãn đều chạy như vịt.

Kinh sư không quan lưu thủ. Kinh sư bỏ ngỏ. Khác với thời Trùng hưng, kinh sư bỏ trống là để nhử giặc. Bỏ trống để rồi Thoát-hoan phải vượt sông trốn chạy. Để

---

[1] Đông Ngàn. Vùng đất thuộc khu vực huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

Toa-đô phải rơi đầu. Trương Hiển quy hàng. Lý Hằng trúng tên độc mà chết. Và năm mươi vạn quân Nguyên tan vỡ như một đàn châu chấu gặp bão lốc đánh tan tành. Ôi các bậc tiên đế đã đưa Thăng Long lên đỉnh cao vời vợi, khiến quân thù phải khiếp vía kinh hồn, đưa danh thơm Đại Việt vào sử sanh bất hủ. Để rồi đến ngày nay con cháu các cụ - một lũ vua tôi hèn yếu đã làm nhơ nhuốc đất Thăng Long.

Quân Chiêm vào Thăng Long mặc sức tung hoành. Chúng đốt trụi cung Cảnh Linh, diện Song Quế. Vào diện Thiên An, chúng đập nát ngai vàng, lấy hết các đồ vàng, ngọc. Suốt một ngày một đêm giặc thả sức đốt nhà, cướp của bắt con gái đẹp xuống thuyền. Mờ sáng hôm sau, La Ngai cho quân rút khỏi Thăng Long, để lại sau chúng những đám cháy khói lửa ngút trời. Và để lại cho triều Thiệu khánh nỗi kinh hoàng. Cả một phương trời ngơ ngác, hoảng loạn.

XX

Quân Chiêm Thành rút đi để lại cho triều đình Nghệ tông một niềm hoang mang hãi sợ. Nhà vua đang băn khoăn chưa biết làm cách nào để lấy lại lòng dân. Và làm cách nào để khôi phục được sức mạnh vốn có của quân sĩ thời Trùng hưng.

Nghệ hoàng cùng trăm quan lủi thủi vào tế cáo nhà thái miếu, như một lũ người có tội với tiền nhân. Hình ảnh các liệt tổ như Thái tông, Thánh tông, Nhân tông, Anh tông, Trung vũ đại vương Trần Thủ Độ, Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn; Thái sư thống quốc thượng tướng Trần Quang Khải, Tá thánh thái sư thượng tướng Trần Nhật Duật, Phiêu kỵ thượng tướng đô đốc Trần Khánh Dư, Hoài văn hầu Trần Quốc Toản...

Nhớ ra mỗi khi dẹp xong quân giặc, nhà vua cùng trăm quan vào làm lễ hiến phù tại nhà thái miếu. Lễ tế, thường có bài biểu kể về công tích của thần dân, nhờ ơn thánh tổ đã dẹp tan quân giặc. Rồi đem một vài tên tù binh, cũng tức là những tên tội phạm gây nên cuộc can qua, chém lấy máu tế cờ. Nhưng vua tôi Nghệ tông vào cáo nhà thái miếu lần này, như là một sự tạ ơn tiên tổ, đã độ phù cho

thoát chết, chứ có công tích gì đâu. Vì vậy, vua tôi chỉ lặng lẽ cúi đầu dâng hương mà không có chúc văn tế cáo. Khi đến trước tượng của Trần Hưng Đạo, Nghệ tông vừa ngước trông đã thấy ánh mắt của đại vương quắc nhìn, như một sự trách phạt. Khi lạnh rợn người chạy suốt sống lưng, Nghệ hoàng cúi gằm mặt như một kẻ tội đồ trước vong linh các liệt tổ.

Nhìn cảnh cung điện bị giặc đốt, phá đến quá nửa, cung Long Thụy, cung Phượng Hoàng là nơi ở của các cung nữ giặc dốt trụi. Các đài, sảnh, viện nơi làm việc của các cơ quan nhà nước giặc cũng thiêu hủy hết, Nghệ tông bùi ngùi khôn xiết. Lại nữa điện Thiên An là nơi triều hội cũng bị giặc tàn phá xơ xác. Ngai vàng chúng đập nát vụn. Vàng, ngọc, châu báu cùng các đồ trang trí quý hiếm truyền từ bao đời, giặc vơ vét sạch. Kho lương giặc đốt. Kho tiền, kho của chúng cướp đi. Thử hỏi, nay lấy gì mà tu sửa, xây cất. Nghệ tông lòng ngổn ngang, rối bời. Chẳng lẽ lại dồ lên đầu trăm họ bằng thuế khóa, phu phen, tạp dịch. Việc ấy quả là khó. Bởi thời Đại trị, Dụ tông đã làm cho bách tính điêu đứng mấy chục năm ròng, hờn oán còn rên xiết chưa nguôi.

Và nữa, các hành vi của giặc Chiêm mới dây cũng thật là thâm độc. Đối với triều đình thì không từ một thứ gì chúng không cướp, không phá, kể cả cung nữ không chạy kịp, chúng cũng bắt đi. Nhưng, với dân chúng, thì giặc không mảy may đụng đến. Bởi thế, dân

không oán ghét giặc. Thậm chí, có người còn gọi chúng là "giặc Phật".

Đến giặc còn không sách nhiễu dân, mà nay triều đình lại đổ lên đầu họ bằng thuế khóa, tạp dịch thời tránh sao khỏi sự oán vọng, tránh sao được điều dân ghét. Và dân sợ triều đình hơn cả sợ giặc.

Mặc dù trăm quan đã hết lòng xin nhà vua phải tu sửa, xây cất lại cung điện cho đàng hoàng, mỹ lệ, bởi đó không chỉ riêng là nơi ở, nơi làm việc của hoàng thượng và các cơ quan then máy, mà còn là bộ mặt của nước. Song Nghệ hoàng vẫn không nghe, nhà vua tự mình ban chiếu: "*Việc xây cất cung thất cần làm mộc mạc, chỉ lấy các tản quan tôn thất phục dịch, không phiền nhiễu đến dân*".

Dân kinh thành chưa từng được chứng kiến cảnh các cung nữ mặt hoa da phấn, chân yếu tay mềm quần quật làm việc suốt ngày dưới trời nắng chang chang, mồ hôi nhễ nhại mà vẫn bị bọn Trung quan[1] thét mắng. Lại nữa các quan văn, sức trói gà không nổi, nay cũng gò lưng khiêng gỗ, vác gạch hoặc các hoàng tử hoàng tôn, tôn thất đi cắt tranh, gánh cói, mặt mũi lọ lem, tóc tai rối bù với vẻ mệt mỏi, buồn thiu.

Điều lạ lùng, người dân tận mắt thấy nghịch cảnh ấy, nhưng không một ai tỏ nỗi cảm thông với các vị quen sống

---

[1] Đời Trần gọi bọn hoạn quan là Trung quan. Các đời sau đều gọi là Thái giám.

trong cảnh xa hoa đài các, mà nay phải vất vả tất bật như những người dân hạ tiện. Và cũng không ai nghĩ, đó là tấm lòng của Nghệ hoàng thương dân, không bắt họ phải góp công, góp của. Trái lại, họ ngờ đây là trò xảo trá, lừa mị dân, để rồi triều đình lại trở mặt với các sắc thuế chết người như thời Đại trị của Dụ tông.

Thế mới biết, chỉ cần làm trái lòng dân một lần, là mãi mãi dân không còn giữ được lòng tin yêu và kính trọng triều đình nữa.

Trước thế nước yếu suy, Nghệ tông nghĩ lung lắm, ông thật sự muốn tìm kiếm được những bậc tài năng xuất chúng để trao cho trọng trách quốc gia. Đã đôi lần ông có nghĩ đến vương tư đồ Trần Nguyên Đán, người đã bao năm coi sóc tòa Khâm thiên giám. Chính Chu An lúc sinh thời đã tiến cử. Nhưng sao ông vẫn cứ thấy cấn cái ở trong lòng. Dường như nhà vua mơ hồ cảm thấy, Nguyên Đán về mặt nào cũng thông tuệ hơn người, lại giao du rộng rãi và có tài thu phục lòng người. Đại thần mà tài năng át chủ, đó chẳng là mầm họa sao? Đành rằng Nguyên Đán là người trung chính, nhưng ai đo nổi những uẩn khúc trong lòng người. Và nó cũng chỉ bộc bạch khi thời cơ đến, như Nhật Lễ đó.

Suy đi tính lại, Nghệ tông nghĩ đến người bà con họ ngoại: Lê Quý Ly vốn là cháu của hai vị Minh từ và Đôn từ, đều là ái phi của vua cha. Bà Minh từ sinh ra vua, còn bà Đôn từ sinh ra Cung tuyên vương Kính. Kính là

người có công nhất trong vụ đánh đổ Nhật Lễ tiếm ngôi. Quý Ly do mẫu thân ta tiến cử nhiều lần với tiên đế, đã được phong tặng chức quan nội hầu. Y tỏ ra trung thực, lại thông tuệ, mẫn tiệp hơn cả bọn xuất thân khoa bảng. Sinh thời, thượng hoàng rất ưa đàm đạo với Quý Ly. Bởi bao giờ y cũng khéo léo đem lại cho thượng hoàng những điều mới lạ, bất ngờ. Có lần Quý Ly đã để lộ ý đồ san định lại Tứ thư[1]. Thượng hoàng cho là người có chí lớn, nhưng khuyên Quý Ly phải cẩn trọng, không được làm thương tổn đến đạo lý của các bậc thánh nho. Gần đây, vì lòng sủng ái, Nghệ tông đã thăng cho Quý Ly làm Khu mật viện đại sứ, lại gia phong làm Trung tuyên quốc thượng hầu. Tuy nhiên, Quý Ly cũng chưa tỏ lộ được điều gì xuất chúng. Mặc dù Nghệ hoàng vẫn tin yêu Quý Ly, nhưng giao thêm trọng trách lúc này e quá sớm. Nhà vua suy tính mãi không biết chọn ai. Chợt nghĩ tới Cung tuyên đại vương Kính, người em cùng cha khác mẹ với vua, là một người trung dũng hơn đời. Cuộc dẹp loạn Nhật Lễ, nếu Thiên Ninh là người phán xử quyết liệt về mẹ con y, thì Cung tuyên đại vương lại ngấm ngầm tập hợp binh lực để trừ khử hôn quân. Nghệ hoàng nảy ra ý định muốn trao quyền trị nước cho Kính.

---

[1] Tứ thư: Bốn bộ sách lớn của nho giáo: Luận ngữ, Đại học, Trung dung, Mạnh tử.

Bữa nọ, nhà vua triệu Cung tuyên đại vương vào hội kiến. Vua hỏi:

- Việc Chế Bồng Nga ngạo mạn đột kích Thăng Long, thiêu đốt cung điện, đồ thư, vơ vét châu báu khiến ta thật sự đau lòng. Vương đệ có nghĩ đây là chuyện quốc sỉ, và có đúng là quân ta yếu hèn đến mức khiếp nhược, không dám chống lại quân Chiêm?

Cung tuyên đại vương sụp lạy, khóc mà rằng:

- Muôn tâu, việc quân Chiêm vào được Thăng Long dễ dàng như vậy có nhiều nhẽ lắm.

- Nhẽ nào, vương đệ nói ta nghe.

- Tâu, đời Trùng hưng, quân ta hai lần đại thắng quân Nguyên, tới nay trong nước thái bình đã gần trăm năm, lòng quân sinh kiêu mà trễ biếng việc luyện rèn. Vì vậy chốn biên thành quân cơ sơ khoáng. Lại nữa quân Chiêm từ thời Lê Hoàn, Lý Thường Kiệt đánh cho tan tác phải quy phục Đại Việt, quả là quân họ đâm nhát sợ, hèn yếu. Từ đấy nước Chiêm thường niên triều cống, chưa bao giờ dám thất lễ. Ngay cả mặt bắc, từ năm Quý tị (1293) Nguyên Thế tổ băng, Nguyên Thành tông lên ngôi liền xuống chiếu bãi ngay việc binh với ta. Thế là cả mặt bắc, mặt nam ta tưởng như không còn nước địch nữa.

Và lại trước đây, ta thường đưa người sang các nước đối địch để dò tìm tin tức. Hoặc mở mang doanh thương, hoặc kết thân giao du với những kẻ có tai mắt trong nước họ. Cốt sao dò biết được mưu đồ của họ đối với ta. Tiếc rằng,

lâu nay các kẻ được phái đi, đem theo tiền của nhà nước, chúng đều chiếm làm của riêng và ở lại các nước đó, mưu cầu cuộc sống giầu sang.

Cung tuyên đại vương ngừng lời, ông nuốt vào sâu lồng ngực những điều bực giận không thể nói hết được.

Nghệ hoàng không phải không cảm nhận được các điều Cung tuyên đại vương vừa nói, song nhà vua ngạc nhiên, tại sao lại không có kế sách để chỉnh đốn các việc trên, và đưa nó vào kỷ cương, khuôn phép. Vua hỏi tiếp:

- Vương đệ nói nữa đi, ta đang muốn nghe.

- Hoàng thượng biết đấy, sức quân ta đã yếu, kế sách phòng bị ngoại xâm không có, hệ thống thông đạt tin tức từ biên cương đến kinh kỳ hầu như tan vỡ hết; tin tức từ nước địch, ta cũng hoàn toàn không biết. Một nước mà sức quân suy yếu, biên thành bỏ ngỏ, lại như bị bưng tai bịt mắt từ trong đến ngoài thì đâu còn sức kháng giặc. Phải kể đến một điều nữa là mẹ của Nhật Lễ chạy sang Chiêm, chắc mụ đã nói hết nội tình quân ta và xúi Chế Bồng Nga đánh Đại Việt. Chính vì thế mà giặc Chiêm tiến một lèo từ Chà Bàn tới Thăng Long, như đi vào chỗ không người. Nếu bệ hạ không mau mau chỉnh bị việc quân, thần lo không chỉ mặt nam quân Chiêm còn tiến ra nữa, mà mặt bắc quân Minh cũng sẽ tràn sang. Lúc ấy thì... thần mạo muội nói càn, xin bệ hạ tha tội.

Nghệ tông nắm lấy tay Cung tuyên đại vương cảm động nói:

- Ta muốn em thay ta gánh vác việc nước.

- Sao bệ hạ lại nói thế. Bệ hạ là rường cột của nước, em làm sao đủ tài đức làm việc lớn quốc gia.

Nghệ hoàng xua tay:

- Ta tính kỹ rồi. Mai ra triều, ta sẽ bố cáo trước trăm quan, ta lập em làm hoàng thái tử. Rồi sau đó, theo như việc các đời trước đã làm. Ta nhường ngôi cho em, và ta chỉ làm công việc của một thượng hoàng, giúp em lèo lái con thuyền quốc gia để vượt qua khúc quanh lịch sử này.

Cung tuyên đại vương sụp lạy.

Quả nhiên ngày hôm sau thiết triều, Nghệ tông tuyên cáo việc sách lập Cung tuyên đại vương Kính làm hoàng thái tử. Các quan đều tung hô chúc mừng. Triều thần ai cũng khen Nghệ hoàng là người có đức lớn. Các con của nhà vua đều đã trưởng thành, có tài có đức, xứng đáng được lập làm hoàng thái tử, để nhường ngôi tôn quý. Nhưng nhà vua lại lập em mình, là bậc kiệt hiệt đã có công trừ bỏ mối họa cho nước.

Cuối năm ấy, Nghệ tông nhường ngôi cho em. Ngoài các đồ truyền quốc như ấn, kiếm, Nghệ hoàng còn ban cho vua mới bài "Đế châm" gồm 150 câu. ấy là những lời giáo huấn về các việc cần làm và các việc không nên làm, hoặc không được phép làm với tư cách của một vị hoàng đế. Thật ra, đó là những lời khuyên của các bậc minh quân, thánh đế của nước ta, và rút trong kho sử của nước Tầu từ thời Chiến quốc. Hoặc giả các lời răn dạy của

những nhà hiền triết, cổ kim; các gương tốt xấu trong kinh Xuân Thu của Khổng Tử cũng được Nghệ hoàng đưa vào trước tác "Đế châm". Nghệ hoàng là người có lòng nhân nên dễ tiếp thu các gương tốt, song ngài cũng là người thiếu sáng suốt và tính quyết đoán, nên ngài chỉ nghe được mà không làm được các việc canh cải lớn lao.

Cung tuyên đại vương lên ngôi tức là Duệ tông hoàng đế, xưng là Khâm hoàng, hiệu Long khánh. Trăm quan dâng tôn hiệu: Kế thiên ứng vận nhân minh.

Nghệ tông nhường ngôi cho em rồi về ngự tại cung Thánh Từ, nhường cung Quan Triều cho Duệ tông. Thật ra cả hai cung này đều bị giặc Chiêm đốt phá nham nhở, Nghệ tông cho vá víu lại bằng tre lá.

Nay việc đầu tiên của triều Long khánh là sửa sang cung thất cho đàng hoàng. Nhà vua cũng ban chiếu soát tù, ân giảm cho những kẻ tội đồ, nhưng không xá thuế cho thiên hạ được, bởi quốc khố cạn kiệt. Việc đánh Chiêm Thành để rửa hận là điều mà Duệ tông nung nấu. Nhà vua đích thân chỉnh bị việc quân, xuống chiếu chọn dân đinh sung vào quân ngũ. Hạng nhất sung vào Lan đô. Hạng nhì, hạng ba lấy tới cả người thấp bé, miễn cơ thể khỏe mạnh là được. Quân túc vệ xưa có các vệ Tứ thiên, Tứ thánh, Tứ thần nay xung thêm các quân Uy tiệp, Bảo tiệp, Long dực, Thần dực, Ý yên, Điện hậu, Long tiệp... lại thêm các quân Thị vệ, Tạc ngạch, Hoa ngạch, Tả ban, Hữu ban... Quân thuộc vệ, dực nào đều có thích chữ đen lên

trán để dễ phân biệt. Các nơi như Thanh Hóa, Nghệ An, Hóa Châu, Thuận Châu, Tân Bình đều đặt quân hiệu. Quân đông nhưng thiếu tướng, vua lại hạ chiếu tuyển chọn người trong nước, ai có tài năng võ nghệ, thông hiểu lược thao, thì không phân biệt trong ngoài tôn thất đều cho làm tướng coi quân.

Xong các việc ấy, thế quân đã hơi nổi, nhưng dân trong nước vẫn còn đói lắm, vì liền năm mất mùa. Trộm cướp nổi lên như rươi, người dân ra đường đều nơm nớp lo sợ. Mặt trời chưa lặn, các nhà đã rào rấp cổng ngõ, rồi đóng chặt cửa ở trong nhà.

Duệ tông lại sai các biên quan Đào Lực Đinh và Hà Tử Công đốc suất người Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình sửa đắp đường sá từ Cửu Chân đến Hà Hoa, nội trong ba tháng phải xong. Sai Đỗ Tử Bình đem thêm hai vạn quân ra trấn miền Thuận, Hóa ngăn không cho quân Chiêm Thành phạm vào cõi bờ của ta.

Để có thêm lương, tiền của vào việc quân, nhà vua xuống chiếu cho những người giàu có ở các lộ, ai muốn mua quan tước theo thứ bậc nào thì dâng thóc, dâng vàng bạc theo mức triều đình quy ước. Vì thế mà trong nước lại nảy sinh một loạt quan lại xuất thân từ những kẻ phú trọc, vô học, bất tài ra trị dân, những mong bòn rút của dân để mau giầu và bù lại số thóc, số tiền đã nộp cho vua. Do đấy, nước đã rối, lại càng rối thêm.

Có lương, có tiền Duệ tông sai đóng hàng loạt thuyền

chiến cho quân thủy, mua sắm lừa ngựa, khí giới cho quân kỵ, quân bộ.

Chuẩn bị xong các việc cần kíp, vua xuống chiếu thân đi đánh Chiêm Thành. Quan ngự sử trung tán là Lê Tích dâng sớ can: "*Binh là đồ hung khí, không nên tự mình gây ra. Chúa không nên lấy mối tức giận riêng mà dấy quân. Tướng không nên cầu công mà đánh liều. Huống chi trong nước, giặc cướp còn nhiều ổ chưa dẹp hết được. Xin bệ hạ bãi binh*".

Vua cho là lời nói dở, không nghe. Tư đồ đại vương Ngạc và tư đồ Nguyên Đán cũng dâng sớ can không nên khởi binh vào lúc này. Duệ tông cho là không thức thời.

Quan ngự sử đại phu tư gián đình úy tự khanh Trung đô tổng quản là Trương Đỗ dâng sớ can: "*Chiêm Thành trái mệnh, tội ấy giết chết cũng chưa đáng, song ở cõi tây xa lánh, núi sông hiểm trở, nay bệ hạ mới lên ngôi, chính hóa chưa thấm nhuần đến phương xa, nên sửa văn đức cho họ tự phải phục; nếu họ không nghe, sẽ sai tướng đi đánh cũng không muộn gì*".

Vua chê là đồ hủ nho. Đồ ngu. Trương Đỗ không nản, ông là người bền chí, và biết đường lợi hại của việc dùng binh trong thế nước hiện nay. Trương Đỗ nổi tiếng thanh liêm trong triều. Ông người huyện Đồng Lại[1], lộ Hải Đông làm quan tại triều, nhưng ông dựng nếp nhà tranh ở phường Cơ Xá, Nghi Tàm để ở.

---

[1] Nay là huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

Can gián bị vua quở trách, ông không cho đó là nhục. Ông về nhà viết thư gửi các bạn đồng liêu xa gần nên hợp sức can vua.

Vua không đổi ý, tiếp đến tháng tám lại xuống chiếu cho các lộ Thanh Hóa, Nghệ An tải năm vạn hộc lương vào Châu Hóa. Vậy là ý đồ quyết đánh Chiêm Thành của nhà vua không gì lay chuyển được. Trương Đỗ cố can hai lần nữa, bầy tỏ đến cạn nhẽ. Vua vẫn không nghe, ông treo áo mũ và phẩm hàm tại ngự sử đài rồi tay không về Cơ Xá.

Trương Đỗ thời niên thiếu đã tỏ ra người có chí khí. Một hôm thấy phía bãi bắn ngoài hồ Dâm Đàm, quân hội bắn đông lắm. Ông ghé xem chăm chú. Tướng quân coi sóc cuộc thi bắn liền hỏi: "Mày có biết bắn không?". Trương Đỗ trả lời: "Xin cho bắn thử". Ông bắn ba phát liền, đều trúng cả hồng tâm. Tướng quân kinh ngạc, muốn nhận ông làm con nuôi. Ông khước từ bỏ về. Và ông cũng bỏ luôn nhà đi du học. Ông học thông tuệ khác thường, nổi tiếng hay chữ một thời. Khi thi đỗ tiến sĩ, được bổ dụng ngay. Ông là người ưa nói thẳng. Ngay cả với vua cũng thế thôi. Can vua hết lời không được. Biết vua là người hẹp lượng lại kiêu ngạo, trước sau rồi cũng chết vì thói ngông cuồng. Trương Đỗ bỏ về. Và từ đấy không ra làm quan nữa. Khi ông mất ai cũng thương tiếc, dân Nghi Tàm làm ma cho ông to lắm; rồi rước thờ ông làm thành hoàng làng. Con cháu ông nối đời làm quan và cũng giữ được nếp thanh liêm như ông.

Lại nói về Chế Bồng Nga, từ khi sai La Ngai đánh thẳng vào Thăng Long đem chiến thắng huy hoàng trở về. Nhà vua lấy làm tự đắc, coi như đã rửa được cái nhục mấy trăm năm trước Lê Hoàn phá nát kinh thành Trà Kiệu, Lý Thường Kiệt vào tận Chà Bàn bắt vua Chế Củ. Chế Bồng Nga cho cả nước mở hội ba ngày mừng chiến thắng. Bồng Nga mưu toan xây dựng một đội quân cực mạnh để thôn tính Đại Việt.

Việc đang tiến hành thì được tin Duệ tông lên ngôi, quyết chí báo thù. Quân thám thính về báo các việc Duệ tông đã làm như luyện quân, sửa đường, tích lương... Và gần đây thì tình hình chiến cuộc có chiều hướng sắp khai diễn.

Chế Bồng Nga họp tả hữu bàn đến nát nước mà vẫn chưa ngã ngũ. Người cho nên đánh trước khi Đại Việt xuất chinh. Người lại nói chỉ nên đánh vào Châu Hóa đốt hết lương thảo, đánh ra Nghệ An phá cầu cống đường sá rồi rút về phòng bị.

Còn Lưu Nương Tú từ khi dâng ngọc quý cho Chế Bồng Nga và hối thúc ông đánh vào Thăng Long thắng lợi, được Chế Bồng Nga tin cậy, và coi bà như một phu nhân lánh nạn. Tuy vậy, thỉnh thoảng nhà vua cũng ghé thăm, nhưng Lưu thị tuổi cao không còn hấp dẫn nhà vua như mấy năm trước.

Lưu Nương Tú nghe tin triều đình Champa bàn tới bàn lui, bèn xin gặp Chế Bồng Nga mách nước.

- Trình hoàng thượng, thiếp tôi nghe nói hiện có Đỗ Tử Bình đang cầm hai vạn quân trấn miền Châu Hóa.

- Điều đó ta biết từ khi y vừa tới đất ấy, Chế Bồng Nga đáp.

Lưu Nương Tú mỉm cười:

- Thiếp có một kế nhỏ, nếu bệ hạ dùng chắc là Đại Việt bãi binh.

Chế Bồng Nga giật mình, sự thật ông không ngờ người đàn bà này lại ghê gớm đến thế. Ông hỏi:

- Phu nhân có kế gì nói ta nghe.

- Tâu bệ hạ, Đỗ Tử Bình là chân trụ cột của triều Nghệ tông. Nay được Duệ tông sai trọng trấn mặt nam. Nhưng thực thiếp tôi biết ông ta là một kẻ bất tài, ưa nịnh lại tham ăn của đút. Nay bệ hạ cử một người nói giỏi và cho ông ta ít cân vàng bạc, thế nào ông ta cũng tâu về triều đình xin hoãn việc nam chinh. Nếu Đại Việt hoãn binh, thì nhân xuất kỳ bất ý, bệ hạ cử binh thần tốc đánh sang, thiếp chắc chỉ một trận là thu phục xong nước ấy.

Chế Bồng Nga dùng kế của Lưu Nương Tú, ông sai một nhà thuyết khách ngồi trên lá thuyền có chở theo mười mâm vàng vào yết kiến Tử Bình.

Trông thấy lễ hậu, Tử Bình nói cười không dứt, tiếp sứ như tiếp vua. Sứ Champa nói:

- Biết oai đại nhân, quốc vương tôi run sợ sai tôi sang đây thương nghị.

Tử Bình cười khà khà, nói giọng kẻ cả:

- Các ông tiểu quốc không biết thân phận, dám chọc giận đại vương tôi. Đốt phá kinh thành, thiêu hủy đồ thư, bắt gái đẹp trong cung lại lấy hết vàng bạc châu báu; quốc vương tôi quyết bắt cho bằng được Chế Bồng Nga để rửa hận.

Sứ Champa làm ra vẻ sợ hãi:

- Quốc chủ tôi nghe lời kêu xin của mẹ Nhật Lễ, nói nhà vua bị lũ bề tôi làm loạn, xin một đạo quân sang dẹp. Bởi không muốn làm tổn thương cái nghĩa đối với nước lớn lân bang, nên quốc vương tôi đã cử binh sang, ai ngờ bị lừa. Vì vậy quốc vương tôi sai tôi đem chút lễ mọn (vừa nói sứ Chàm vừa chỉ vào một dãy mười mâm vàng đầy tú hụ) gọi là biếu riêng đại nhân. Xin đại nhân tâu giúp cho một nhời, để hoàng đế Đại Việt nguôi giận mà đại xá cho.

Tử Bình lại cười hềnh hệch:

- Thôi được, thương tình các ông nước nhỏ lại biết hối vì hành vi dại dột, ta nhận lời xin giúp với thiên tử cho.

Sứ về tâu lại đầu đuôi với Chế Bồng Nga. Suy nghĩ giây lát, nhà vua phán:

- Nếu Đại Việt không đánh ta, thời ta cũng đánh họ. Nhưng muốn chắc thắng, ta phải ráo riết luyện quân cho tinh nhuệ, và phải biết giấu nanh vuốt, khiến kẻ kia coi thường ta mà lơ là việc phòng bị. Song ta chắc Duệ tông sẽ bại, bởi ông ta động binh đánh nước láng giềng mà phô trương đến đứa trẻ lên ba tuổi cũng biết.

Tử Bình từ khi được chục mâm vàng thì hí hửng, mưu toan giữ làm của riêng mình. Để có cớ đem về cất giấu, Tử Bình trao quyền cho phó tướng. Một mình ông ta với đội chiến thuyền về kinh. Chôn cất của cải xong, Tử Bình vào thẳng cung Quan Triều dâng vua một cặp ngà voi, một cặp sừng tê gọi là sản phẩn nơi biên trấn. Thật ra, các thứ đó cũng đều là của Chiêm Thành biếu tặng.

Duệ tông hỏi han vỗ về, nhà vua có vẻ hài lòng lắm.

Thấy vua đang vui, Tử Bình nghĩ, có nhẽ lúc này nói dễ lọt tai hoàng thượng, bèn lên tiếng:

- Tâu bệ hạ, thần có điều cơ mật xin trình bệ hạ.

- Khanh nói đi.

- Muôn tâu, Chiêm Thành từ khi lọt vào được Thăng Long tới nay sinh kiêu hỗn. Chế Bồng Nga thường cho quân sang quấy rối biên cương, thần đã trừng trị đích đáng. Có trận giết chết không còn một mống nào.

- Phải. Khanh làm thế là phải. Vua khen.

- Muôn tâu, nhưng Chế Bồng Nga còn hỗn với bệ hạ.

- Nói mau ta nghe. Y hỗn thế nào?

- Tâu, Chế Bồng Nga cho một đội khinh thuyền nửa đêm lọt vào hải phận ta, réo gọi tên bệ hạ ra mạ lị thô bỉ lắm, thần không dám tâu lại.

Duệ tông tức giận gầm lên:

- Thế mà nhà ngươi để yên à? Hả?!

Tử Bình run sợ, sụp tâu:

- Thần lập tức xuất đội cường binh đuổi đánh. Nhưng chúng đi thuyền nhỏ lại lẫn vào sương mù. Trong đêm tối mặt biển bao la không biết chúng chạy đường nào. Muôn tâu, đêm ấy mà thần bắt được bọn chúng, thần sẽ cắt hết lưỡi rồi thả cho về.

- Phải! Khanh làm thế là phải.

Nghe các lời tâu của quan biên trấn Đỗ Tử Bình, lòng nhà vua nóng như dầu sôi lửa đốt. Phần muốn rửa cái nhục Chế Bồng Nga vào Thăng Long tàn phá, phần muốn trị cái tội mạn xược của vua Chăm. Nếu như trước đây Duệ tông chuẩn bị việc binh cho cuộc nam chinh, bầy tôi can gián nhà vua không nghe nhưng còn trù trừ chưa tiến binh vội, ấy là còn để dò biết thêm phía giặc; song bây giờ dù tin tức chưa đầy đủ, hoàng thượng cũng quyết định xuất chinh.

Đỗ Tử Bình không mong gì hơn thế. Bình cho rằng can qua nổ ra, ông sẽ bắt đám thủ hạ biết chuyện Chế Bồng Nga cho sứ sang thương nghị và biếu vàng ra trận hết. Lũ này sẽ không có cơ may trở về. Việc trước sau sẽ kín như bưng. Còn nếu như Chế Bồng Nga hoặc các người bên phía Chăm nói ra thì chỉ cần phao lên rằng: "Giặc vu khống, muốn chia rẽ vua tôi Đại Việt".

Lập tức Duệ tông xuống chiếu, ngày mồng một tháng mười sẽ đại duyệt hai quân thủy, bộ ở bãi cát sông Bạch Hạc. Vua đích thân làm tướng chỉ huy. Nhà vua cũng mời thượng hoàng Nghệ tông đến ngự duyệt.

Mọi việc chuẩn bị xong xuôi cho cuộc nam chinh, Duệ tông thiết triều, lưu thủ kinh sư giao cho hoàng thái tử Nghiễn mười sáu tuổi, lại giao cho nhập nội hành khiển hữu ty kiêm chánh chưởng khu mật viện Nguyễn Nhiên, và hưu tướng quốc cung tín vương Trần Thiên Trạch đồng giám quốc. Thượng hoàng Nghệ tông giám sát việc triều chính.

Tháng 12 năm Bính thìn (1376), vua thân làm tướng, đem 12 vạn quân từ kinh sư kéo đi. ấy là chưa kể hai vạn quân trước đó đã sai Đỗ Tử Bình ém ở Châu Hóa. Vua sai tham mưu quân sự Lê Quý Ly làm tướng đốc lương, giám sát các xứ Nghệ An, Tân Bình ngày đêm chở lương gấp ra mặt trận cung cấp cho hai quân thủy, bộ.

Quân vừa ra khỏi kinh thành được vài dặm, tới đầu bến sông xã Bát Tràng thì gặp đám ma. Vua không vui, sai dẹp đám ma lấy đường quân đi, phạt hiếu chủ 30 quan tiền.

Duệ tông và tùy tùng đi theo đoàn thuyền chiến đến thẳng cửa Di Luân[1] thì vua lên bộ đi với quân kỵ. Vua ban lệnh quân bộ, quân thủy đều hội cả ở cửa Nhật Lệ[2]. Khi vua tới Nhật Lệ, truyền cho quân sĩ nghỉ ngơi ba ngày. Tiếp đó cho quân luyện tập cách đánh thủy, đánh bộ, công thanh, diệt viện theo địa bàn xứ Chiêm Thành. Ăn tết

---

[1] Di Luân: Tức cửa Ròn thuộc huyện Cảnh Dương, tỉnh Quảng Bình ngày nay.

[2] Nhật Lệ: nay thuộc thị xã Đồng Hới tỉnh Quảng Bình.

xong, nhà vua lại cho quân luyện tập thêm vài bữa nữa, rồi tất cả đại đội binh mã xuống thuyền nhằm thẳng cửa Thị Nại [1] đổ quân.

Mười hai vạn quân đổ lên đen kịt cả một vùng bờ biển bao la, không hề có một đạo quân Chiêm nào dám chống cự. Vua sai lập trại trước động ỷ Mang. Tiền quân hiệu úy do đại tướng Đỗ Lễ; tả hữu dực do các tướng Nguyễn Nạp Hòa, Phạm Huyền Linh đảm trách. Vua thân giữ trung quân có Ngự câu vương Húc là con thứ của thượng hoàng Nghệ tông dưới trướng. Lại thêm các tướng Trần Tông Ngoạn, Trần Trung Hiếu, Trần Thế Đăng, Trần Khắc Chấn, Bùi Bá Nang, Hoàng Phụng Thế, Lê Mật Ôn, Ôn Dã Kha, Nguyễn Kim Ngao, Nguyễn Tiến Luật... quản các vệ quân Thiên đình, Bảo tiệp, Thần dực, Thần sách, Thánh dực, Thiên uy, Thị vệ, Thần vũ... theo hầu nhà vua.

Đỗ Tử Bình lĩnh hậu quân; Lê Quý Ly đốc quân tải lương ở mãi phía sau.

Chế Bồng Nga thấy quân Đại Việt tràn sang kể có ức vạn, lại do Duệ tông tự làm tướng cầm quân, trong lòng đã hơi núng. Lại nghe nói việc diệt trừ Nhật Lễ trước kia cũng do chính tay vương định đoạt. Vả xem cách lập trại, dàn quân đều theo thế liên hoàn, đầu đuôi, tả hữu dựa vào nhau, ứng cứu cho nhau đều thuận lợi, đủ biết Duệ

---

[1] Thị Nại: Thuộc Quy Nhơn. Cửa biển đó đã bị cát bồi, nay chỉ còn dấu vết đầm, hồ.

tông không phải là một tướng tồi. Chế Bồng Nga cũng tự biết Champa chỉ có ưu thế về quân thủy. Nay lại phải đánh với quân bộ của Duệ tông, e khó bề đương nổi. Tiền thân của đạo quân này đã từng đánh bại quân nhà Nguyên, không thể coi thường được.

Chế Bồng Nga suy tính, ông thấy chỉ dùng kế của thái tử Harijit[1] hồi chống nhau với nguyên soái Toa-đô của nhà Nguyên, có sự giúp rập kế sách của thượng tướng quân Trần Đạo Tái, may ra mới chống cự được với Duệ tông. Nhưng quân Nguyên hồi đó chỉ có 5 vạn, còn quân Trần ngày nay trên 12 vạn, lại thông hiểu cả địa hình và phong tục của Champa. Đường bộ, đường biển đều cận kề, thuận cho cả đôi đường tiến thoái. Bởi vậy, nếu không dùng kế mà chỉ dùng lực, chắc không thể thắng nổi quân Đại Việt.

Sắp xếp xong, Chế Bồng Nga dùng kế trá hàng. Trước hết nhà vua cho một đạo binh nhỏ do tướng Mục-bà-ma rải quân lập trại phía ngoài thành Chà Bàn[2], giả vờ để chống nhau với quân Đại Việt.

Chiều 23 tháng giêng, Duệ tông cho đại quân khai

---

[1] Thái tử Harajit tức Indravarman II. Vua Champa thế kỷ 13, ta thường gọi là Chế Mân - người được vua Trần Nhân tông đem công chúa Huyền Trân gả cho.

[2] Chà Bàn chính là thành Bình Định thuộc Quy Nhơn ngày nay. Xưa là kinh đô của vương quốc Champa.

pháo. Trại giặc bốc cháy đùng đùng. Ngoài các doanh trại bị trúng pháo bốc cháy, đêm đến quân Champa còn đốt thêm các loại gỗ có dầu, ngọn lửa bốc cao tới mấy trượng. Chế Bồng Nga lại khéo bài bố cho quân chạy ra chạy vào tán loạn trước ánh lửa, rồi tiếng kêu, tiếng khóc như ri.

Quân Trần đi thám thính về tâu trước trung quân:

- Trại giặc cháy hết không còn tí gì. Quân Chàm chết như rạ. Kẻ nào thoát chết trốn chạy không còn hồn vía. Chỉ một trận nữa là lấy được nước họ, bắt được vua họ như xưa kia Lý Thánh tông bắt Chế Củ vậy.

Duệ tông lấy làm hài lòng lắm. Nhà vua hạ lệnh thưởng cho sĩ tốt mỗi người một bát rượu. Quân Trần tụ hội đốt lửa hò reo, nhảy múa mừng chiến thắng, vang dội khắp cửa Thị Nại.

Quá nửa đêm, Mục-bà-ma đem theo hơn chục thuộc hạ, mặt mũi gai cào rớm máu, nhọ nhem; đầu tóc cháy xém khét lẹt, quần áo rách như tổ đỉa, xin vào ra mắt Duệ tông.

Duệ tông ngồi trong trướng hổ uy nghi, quân canh nghiêm mật, cho dẫn Mục-bà-ma vào. Mục-bà-ma run cầm cập đi bằng hai đầu gối không dám ngửng mặt lên. Lát sau như bớt sợ, y khóc mà rằng:

- Quốc vương tôi ngu tối dám phạm oai trời. Nay bệ hạ thân chinh thảo phạt, nhẽ ra phải tự trói mình đến chịu tội, nhưng lại ương bướng chống lại. Bệ hạ mới khai pháo, doanh trại chúng tôi đã cháy hết, quân lính chết đạn, chết cháy tới quá nửa. Số còn lại sợ hãi chạy trốn vào rừng. Chế

Bồng Nga cũng sợ oai đại vương đã trốn biệt tăm. Nay bốn mặt thành đều bỏ ngỏ, không ai làm chủ nữa. Xin bệ hạ tiến quân vào mà chiếm lấy. Nói xong, Mục-bà-ma lại rập đầu xuống đất lạy lia lịa.

Nhìn mặt mũi viên bại tướng, Duệ tông không một chút nghi ngờ. Nhà vua lập tức triệu các tướng vào trung quân hạ chỉ:

- Chế Bồng Nga sợ oai ta đã trốn chạy, quân Chiêm tan vỡ, nay thành Chà Bàn bỏ trống. Các tướng kíp về chỉnh bị quân mã, ăn cơm sớm, giờ Dần tiến binh.

Các tướng ngơ ngác, bởi mọi người đều nghi đây là kế trá hàng của Chế Bồng Nga.

Tiền quân đại tướng Đỗ Lễ can:

- Người Chiêm Thành tráo trở khôn lường. Biết đâu chẳng phải là kế trá hàng của Chế Bồng Nga. Xin bệ hạ nhớ lại trận chiến năm Quý mùi (1283), nguyên soái Toa-đô nhà Nguyên dẫn 5 vạn quân vào đất này; thái tử Harijit cũng dùng kế trá hàng lừa Toa-đô làm cho quân Nguyên đến thất điên bát đảo. Toa-đô không dám vào sâu đất họ, mà chỉ đóng quân ngoài bãi cát này, tới gần một năm mới tiến vào miền giáp ranh với Đại Việt, chốt quân án ngữ mặt nam của ta.

Duệ tông sầm mặt mắng:

- Sao ngươi làm tướng của triều đình mà không thông hiểu lịch sử. Thử hỏi ngày ấy, nếu không có thượng tướng Trần Đạo Tái cùng một vạn binh hùng của Đại Việt sang

trợ giúp, thời quân Chiêm làm nên trò trống gì. Mưu lừa Toa-đô là mưu của thượng tướng ta, cớ sao ngươi lại gán cho thái tử Chàm. Chế Bồng Nga là một tên võ biền, sợ oai ta trốn rồi, sao ngươi còn khiếp hãi?

Đỗ Lễ cố can:

- Xin bệ hạ bình tâm, nếu quả quân kia tan vỡ, vua nó trốn chạy, quân nó xin hàng, thì bệ hạ chỉ cần phái một đạo binh nhỏ với vài lời khuyến dụ, như kế Hàn Tín phá nước Yên ngày xưa. Nếu Chế Bồng Nga thực bụng xin hàng, thì y phải tới trước, rước bệ hạ vào thành. Nhược bằng quân kia tráo trở, lúc ấy ta tiến binh cũng chưa muộn.

Các tướng cũng xúm vào can. Vua giận lắm. Thét mắng:

- Các ngươi biết một mà không biết hai. Ta hoài công dậy lũ các ngươi mà vẫn chưa mở mắt ra được. Ta mình mặc áo giáp, tay cầm gươm, dãi gió dầm mưa, vượt biển trèo non vào sâu đất giặc, không một kẻ nào dám chống lại. Ta mới khai pháo mở màn, trại giặc đã bị đốt tan tành, vua tôi họ chui lủi trốn chạy như một lũ chuột. Ấy là trời giúp. Không nhanh chóng chiếm lấy là có tội. Các ngươi làm tướng há không biết: "Binh quý thần tốc!". Duệ tông giận dữ nhìn khắp mặt các tướng. Đoạn nhà vua chỉ mặt Đỗ Lễ phán:

- Đỗ Lễ kia, ngươi làm tướng mà nhút nhát như đàn bà. Đoạn sai quân đem xiêm áo đàn bà bắt Đỗ Lễ mặc.

Đỗ Lễ gạt nước mắt nhận lấy quần áo mặc vào. Các tướng răm rắp ai nấy về trại sửa soạn để giờ Dần tiến binh.

Mờ sáng, quân Duệ tông trống dong cờ mở, có Mục-bà-ma dẫn đường, đi theo các lối mòn lau lách giữa hai bên rừng núi. Duệ tông mặc áo long cổn đen thêu rồng vàng, thắt đai ngọc, trong nịt giáp hộ tâm, cỡi ngựa nê thông[1]. Theo hầu có Ngự câu vương Húc mặc áo trắng thêu phượng, cỡi ngựa trắng. Đi được hơn chục dặm mà vẫn mờ mịt, như lạc vào trận đồ bát quái. Duệ tông tự nhiên thấy ruột nóng như lửa, nhà vua chợt nghĩ: "Hay là giặc lừa ta thật", thì hốt nhiên bốn phía tiếng nổ như xé trời, tiếng reo dậy đất, lửa cháy ngút ngàn, gỗ đá lao tới tấp từ hai bên sườn núi xuống, chặn đứng quân Trần.

Quân Chàm khóa kín đầu đuôi, đánh vào khúc giữa. Quân Việt trước sau không ứng cứu cho nhau được bị gỗ, đá đè, tên bắn, câu liêm móc, lửa thiêu chết không biết bao nhiêu mà kể.

Quân Chàm hô vang:

- Bắt lấy người mặc áo trắng!

- Bắt lấy người mặc áo đen! Vua nước nó đấy. Nghe tiếng hô đó, Đỗ Lễ cùng các tướng tiên phong biết vua đang bị khốn, bèn liều chết mở đường máu đánh bật lại để cứu vua.

Nhưng than ôi, trước hàng vạn tay nỏ cứng, nhất loạt từ hai bên sườn non bắn xuống, thì các tướng làm sao thoát được. Đỗ Lễ, Nguyễn Nạp Hòa, Phạm Huyền Linh,

---

[1] Nê thông: Loài ngựa Hồ sắc đen như bùn.

Trần Khắc Chấn... cùng nhiều vị tướng lĩnh khác đều chết trong đám loạn quân. Đỗ Lễ chết vẫn nguyên trong sắc phục đàn bà, mắt ông không nhắm được. Phải chăng ông đang căng hết nhãn lực để kiếm tìm đức vua thì bị trúng tên độc.

Thương thay Duệ tông, trúng tên độc ngã xuống, liền bị đá đè vỡ sọ, còn Ngự câu vương Húc bị giặc bắt sống.

Lạ lùng sao ngày hôm ấy, ngày 24 tháng giêng năm Đinh tị (1377) giữa trưa mà cả kinh thành Thăng Long tối om, chợ búa phải đốt đuốc để mua bán.

XXI

Chế Bồng Nga lừa được quân Trần và hãm họ vào đất chết, lại giết được Duệ tông, bắt được Ngự câu vương Húc là thái tử của thượng hoàng Nghệ tông thì hí hả lắm. Đây là chiến thắng chưa từng có trong lịch sử Champa kể từ lập quốc. Trái với thông lệ, khi chiến thắng quân ngoại xâm hoặc trong các cuộc thảo phạt ở phương xa về, các nước thường làm lễ hiến phù ở nhà thái miếu. Tức là làm lễ tạ ơn tổ tiên đã phò trợ cho con cháu lập được công lớn. Trong dịp đó, thường đem vài tù binh ra chém để lấy máu bôi vào các đồ tế khí thờ trong nội điện. Chế Bồng Nga cũng đem Ngự câu vương Húc đến tế trước đại điện và tế thần Shiva, nhưng ông không sai đao phủ chém đầu, lại sai quan thái chúc đứng ra làm mai mối để ông gả công chúa Indra Pantura, con gái ông cho người tù binh mà ông vừa bắt được.

Lại nói về quân Đại Việt, tiền quân và trung quân mới lọt vào trận địa quân Champa liền bị chặn đánh, nên hậu quân chưa bị thiệt hại. Đỗ Tử Bình lãnh hậu quân, nghe tin vua băng, vội vã cho rút hết xuống thuyền chạy thẳng ra biển. Nhưng Đỗ Tử Bình vẫn còn chậm chân hơn tham

mưu quân sự đốc quân tải lương Lê Quý Ly ở phía sau hậu quân; vừa được tin quân ta thất trận, Quý Ly đã hạ lệnh nhổ neo quay mũi thuyền về trước. Quý Ly đáp thuyền lên Châu Hóa rồi lấy ngựa lưu tinh đi suốt ngày đêm về Thăng Long báo tin.

Nghệ hoàng nghe xong khóc rống lên đau đớn. Nhà vua sai đón bắt Tử Bình đem về trị tội. Khi xe cũi chở Tử Bình qua Thiên Trường, dân chúng đứng chậtních ven bờ sông ném gạch ngói xuống thuyền, làm Tử Bình thâm tím hết cả mặt mũi thân thể. Thuyền đi khuất rồi mà tiếng la hét, chửi mắng vẫn còn vang vọng cả bến sông.

Từ khi nghe tin quân ta đại bại, các chùa, quán ở kinh sư, không nơi nào không làm lễ cầu siêu cho binh lính. Đi về phía nào cũng nghe thấy tiếng chuông, tiếng mõ. Đứng ở góc xó nào cũng ngửi thấy mùi hương. Tiếng khóc tràn ngập kinh thành. Từ trong cung diện đến phố phường hoặc nơi thôn cùng xóm vắng, đâu đâu cũng có tiếng nỉ non sầu oán. Cả nước cầu siêu. Cả nước tủi hờn, oán-vọng. Thế nước như chìm xuống.

Trong cuộc đời lận đận, kể cả khi còn trong vòng cương tỏa của Nhật Lễ và bè lũ quyền gian, chưa bao giờ Nghệ hoàng thấy lòng mình tan nát, xót đau như lúc này. Em ruột tử trận, xác bỏ nơi nước giặc, con trai bị giặc bắt cầm tù, hơn chục vạn quân phần chết, phần bị giặc bắt, phần chạy thoát thì tan hoang hoảng sợ như gà phải cáo. Điều đau đớn và nhục nhã cho một nước lớn là cả hoàng đế, hoàng

tử, cả một lũ tướng súy cùng một đạo quân hùm sói, đã từng làm táng đởm kinh hồn vua tôi nhà đại Nguyên mà bây giờ phải đeo đai một tiếng ô nhục: *thất trận*.

Nhà vua lo sao báo được thù này. Rửa được hận này. Nhưng trước hết phải lo hồi phục được sức quân; nếu không, giặc lấn xâm vào cõi, binh đâu mà chống đỡ. Lại còn lo lập vua mới. Nước không thể một ngày không có vua.

Tuy nhiên, vẫn còn một mối lo lớn nhất mà nhà vua không dám nghĩ tới, ấy là nạn đói đang lan tràn khắp nước; và trộm cướp ngày càng gia tăng.

Tình thế đất nước căng thẳng, xác xơ như vừa trải qua một trận đại hồng thủy, lại tiếp đến một trận dịch bệnh trầm trọng. Để yên lòng tướng sĩ và yên bụng thần dân, nhà vua thường ngày xám hối, tự ăn chay, không dùng xe kiệu cùng các đồ xa xỉ. Nghệ tông tự mình soát tù, ân xá và sai lập đàn chay cầu siêu cho bách tính, phát chẩn ba ngày liền cho những người đói khát ở kinh thành. Làm xông các việc ấy, Nghệ hoàng mới tạm yên tâm. Ngài ngự tuyên triệu các đại thần vào chầu tại cung Thánh Từ, hỏi về việc lập vua mới.

Nhớ lại hồi Dụ tông mất, thái hoàng thái hậu Hiến từ cũng triệu bá quan đến hỏi, rồi cuối cùng bà tự quyết cho Nhật Lễ lên ngôi. Nay không biết Nghệ hoàng có thực tâm cầu lời nói phải, hay ngài đã có chủ kiến sắp đặt rồi, nên các quan chưa ai có vẻ gì muốn nói.

Nhà vua đảo mắt nhìn mãi xem có ai xin nói, nhưng triều hội vẫn im phăng phắc. Một lát sau, vua lại gặng hỏi:

- Việc chinh phạt Chiêm Thành gây cho ta tổn thương quá nặng. Rồi đây ta sẽ thân chinh hỏi tội Chế Bồng Nga. Quan gia vì nước bỏ mình, lòng ta đau như cắt, song nước không thể để trống ngôi vua mãi được, nhưng lập ai bây giờ cho phải đạo, ta mong các quan cứ xướng xuất, rồi bàn cho đến chỗ rốt ráo.

Thấy các quan du dưa không ai muốn bầy tỏ ý mình, Đào Sư Tích đứng ra xin nói:

- Tâu thượng hoàng, việc lập vua mới trước nay đều có phép tắc cả. Nay cứ theo điển lệ của các tiên đế mà làm. Ý thượng hoàng thế nào, phận làm tôi, chúng thần xin tuân mệnh. Song có một điều xin thượng hoàng xét cho, bởi như trước đây khi lập Nhật Lễ vì không có sự giám sát chặt chẽ, nên mắc nhầm lẫn chết người. Vậy nay định lập ai, thượng hoàng trước hết hãy hỏi bên cơ mật viện, rồi sau đó sẽ bàn trong các quan.

Đào Sư Tích nói có lý, các quan xem ra đều hùa theo Sư Tích. Sư Tích vốn xuất thân khoa bảng. Từ chân trắng, đỗ trạng nguyên khoa Giáp dần (1374) cùng với Lê Hiến Phủ, Trần Đình Thâm giữ các chân bảng nhãn, thám hoa lang. Đào Sư Tích là người học vấn tinh thuần, nên được bổ dụng làm giám tu quốc sử ở ngự sử đài.

Sau lời tâu của Đào Sư Tích, các quan đều đổ mắt nhìn về phía Nguyễn Nhiên. Vì Nhiên làm chánh chưởng khu

mật viện kiêm nhập nội hành khiển hữu ty. Nhiên đỏ mặt không biết nói gì. Bởi quả thực ông cũng không biết gì mà nói.

Nhiên nhìn Nghệ hoàng như muốn xin ngài ngự tha cho.

Nghệ hoàng khẽ gật đầu, rồi ngài nói dỡ đi:

- Công việc bên khu mật viện, ít lâu nay ta giao cho Quý Ly làm cả. Trước khi triều hội, Quý Ly đã tâu hết mọi sự với ta. Các quan không có bàn việc ấy ở đây. Đã gọi là cơ mật, sao còn bàn nữa? Nghệ tông cất tiếng cười gượng. Không khí triều hội như được giãn ra.

Sự thật, mấy bữa trước Quý Ly thường qua lại cung Thánh Từ tâu lên thượng hoàng mấy việc, trong đó có việc lập vua mới. Quý Ly cũng biết mình tuy là người họ ngoại nhưng được vua ái mộ, cho nắm giữ nhiều chức to, lại ủy thác các công việc quan trọng. Quý Ly là người thâm trầm khôn ngoan, làm việc gì cũng tính toán chi ly lắm. Ông không lạm dụng lòng tin của vua, để các đồng liêu phải ganh ghét, người tôn thất nghi ngờ. Tuy nhiên, ông không dại gì mà không siết mối dây quan hệ giữa ông và vua ngày một chặt thêm. Quý Ly thường nghĩ: "Cứ siết từ từ sao cho thật êm dịu, để người bị trói không hề có cảm giác mình đang bị siết ở hai đầu dây". Bởi vậy, ông thận trọng ném ra một ý đồ thăm dò.

- Muôn tâu thượng hoàng, thần nghĩ với đức độ và trí sáng suốt của thượng hoàng, chắc thượng hoàng đã có chủ kiến rồi.

- Ta cũng có một dôi dự liệu, nhưng ta muốn biết ý khanh có hợp với ý ta không. Và khanh cũng là chỗ bà con thân tộc, ta hết lòng tin yêu, nên ta mới hỏi riêng dó thôi.

Nghệ hoàng đã mở lòng như thế, Quý Ly không thể không thực bụng. Ông liền bộc bạch:

- Muôn tâu, lý đương nhiên, cha truyền con nối. Quan gia mất đi, thì chọn người con trưởng có đức độ, có tài năng lên nối dòng đại thống. Thế nhưng ngôi hoàng thái tử chưa lập. Bây giờ quyền ấy là ở nơi thượng hoàng, chớ các quan sao dám lạm bàn. Song le, ý thần có hơi khác.

- Khanh nói ta nghe cao ý của khanh.

- Muôn tâu, ý thần xuất phát từ gan ruột, chỉ sợ thánh thượng quở là xu nịnh nên không dám trình.

Nghệ tông cho lời nói của Quý Ly là chân thành, đáng khen. Ngài bèn chỉ vò mỹ tửu cùng mấy chiếc chén ngọc úp trong khay ngà để bên góc kỷ - Ta ban cho khanh một chén, tự rót lấy mà uống. Uống xong nói ta nghe ý của khanh; hay, dở ta không quở trách đâu mà sợ.

Quý Ly khúm núm rót rượu xong, vái nhà vua hai vái tạ ơn, rồi uống. Đặt chén vào khay, quan trung tuyên quốc thượng hầu, kiêm tri khu mật viện sự, kiêm tham mưu quân sự nói:

- Muôn tâu, hồi quốc sơ, vì tình thế lắm nhẽ tế vi, Trung vũ đại vương Trần Thủ Độ phải chọn đức Thái tôn lên ngôi. Việc ấy gây nghi ngờ cấn cái cho hai ngành trưởng,

thứ bao nhiêu năm ròng. Nay bệ hạ vì nghĩa lớn mà nhường ngôi cho quan gia; chẳng may quan gia bỏ mình vì nước; thần thiết tưởng bệ hạ không nên lặp lại việc đã qua của lịch sử, mà nên trả ngôi tôn về cho dòng đích. Vả lại các vương, con của bệ hạ đều đã trưởng thành, tài đức đều hơn đời, xin bệ hạ chọn lập hoàng thái tử rồi truyền ngôi, là hợp cả đạo trời cùng lòng người.

Quý Ly nói trúng điều Nghệ tông suy nghĩ, đã toan tỏ ý vỗ về, nhưng nhà vua muốn xem thêm ý tứ của các quan thế nào, nên ngài chỉ nói:

- Ý của khanh là thành thật, để ta còn cứu xét. Thôi khanh về.

Nay trước trăm quan, Nghệ hoàng vừa che chắn cho cái trống rỗng, cái ngu tối trong đầu óc của quan chánh chưởng khu mật viện kiêm nhập nội hành khiển hữu ty Nguyễn Nhiên, vừa bao kín cái ý của Quý Ly đã tâu với ngài mấy bữa trước.

Thấy các quan ngập ngừng không muốn nói thẳng điều mình suy nghĩ, quan đại an phủ sứ của kinh sư là Lê Giác bèn lên tiếng:

- Muôn tâu, theo ngu ý của thần, thì các con của thượng hoàng đều trưởng thành hơn các con của quan gia. Sao không lập con của thượng hoàng? Vả lại ngôi tôn trả về cho dòng trưởng cũng là việc tránh họa biến cho đời sau. Xin thượng hoàng minh xét.

Nghệ tông nghe lời tâu của Lê Giác bỗng giật mình.

Nhà vua không nghi ngờ gì tính trung thực của Lê Giác. Giác vốn là con của cố nhập nội hành khiển thượng thư hữu bật Lê Quát, người mà nhà vua vẫn đem lòng kính ái đã cùng với Phạm Sư Mạnh xin cáo quan về hưu từ lâu rồi. Tự nhiên Nghệ tông lại có ý giận Lê Giác. Nhà vua nghĩ:

"Như thế có nghĩa là họ đã dò đoán được ý ta".

Các quan hùa theo ý Lê Giác đông tới quá nửa. Nửa còn lại, phần theo ý Đào Sư Tích, một phần chưa khai khẩu.

Các con của Nghệ hoàng cũng có người tham dự triều chính như tư đồ vương Ngạc. Ngạc cảm như mắc cỡ, không nói gì. Các con của Duệ tông đều còn nhỏ cả, duy có hoàng tử Nghiễn tròn mười sáu tuổi, khi nhà vua đi đánh Chiêm Thành giao cho quyền lưu thủ kinh sư; tuy vậy việc nước đều ở trong tay Nghệ hoàng. Hoàng tử có tham dự triều chính, nhưng sinh thời Duệ tông chưa lập, nên cũng khó nói, vương chỉ ngồi nghe các quan nghị bàn.

Quan tư đồ Trần Nguyên Đán, dạo trước đã dâng nhà vua kế hưng thế nước, chưa được vua hỏi đến. Nay nghe các quan nói mỗi người một phách, tựu trung chỉ có hai ý. Một là lập con của Nghệ hoàng, hai là lập con của Duệ hoàng. Chính Nguyên Đán cũng muốn lập con của Nghệ hoàng, bởi như vương Ngạc, không những tuổi đã lớn, mà tài năng cũng giỏi. Nước đang cần người như thế đứng đầu trăm họ. Các quan cũng muốn nghe ý của người tôn

thất, nhất là Trần Nguyên Đán, tài đức vẹn toàn khiến cả triều đình khâm phục. Các quan đều hướng nhìn về phía quan tư đồ Trần Nguyên Đán. Nghệ hoàng đưa mắt như ngầm khích lệ Nguyên Đán.

Quả thật, trước sự thúc bách, Trần Nguyên Đán buộc phải lên tiếng. ý của ông giống như ý của Quý Ly đã ngầm tâu với vua, hoặc như ý của Lê Giác đã nói huỵch toẹt trước triều đình. Nghe Trần Nguyên Đán bầy tỏ thấu tình đạt lý tới mức không ai có thể phản bác được. Thậm chí cả những người trước có ý muốn lập thái tử Nghiễn, con của Duệ hoàng cũng đều ngả theo Trần Nguyên Đán mà đổi ý. Vậy là cả triều đình xin Nghệ hoàng chọn lập một trong các hoàng tử con của ngài. Cũng chính vì nhẽ đó lại làm Nghệ hoàng phật ý. Nhà vua nghĩ rằng: "Như thế có nghĩa là cả triều đình đã đoán biết được ý của ta". Mà Nghệ hoàng từ trước đều được triều đình và trăm họ kính trọng, bởi đức độ của ngài. Ngay việc nhường ngôi cho Cung tuyên vương Kính, đến nước Minh cũng phải trọng. "Thế mà nay lại lấy ngôi vua đã cho em về lập con mình để thiên hạ chê cười sao?". Nghĩ vậy, Nghệ hoàng quyết theo ý mình. Ngài truyền:

- Ta đã nghe hết ý của trăm quan. Vậy ta quyết: Ngôi vua trả về cho Kiến đức đại vương Nghiễn. Cha vì việc nước hi sinh, lập con là phải đạo. Ta mong các quan không bàn gì thêm nữa, hãy hết lòng phò trợ cho tân quân.

Vua vừa dứt lời, trăm quan hô vang: Vạn tuế! Vạn tuế!

Vua sai tòa Khâm thiên giám chọn ngày lành để làm lễ đăng quang cho vương Nghiễn.

Các quan dâng tôn hiệu là *Hiến thiên thể đạo khâm minh nhân hiếu hoàng đế.*

Nhà vua lên ngôi xưng là Giản hoàng, đổi niên hiệu là Xương phù.

Có một việc lạ là Duệ tông hoàng hậu nghe tin con được lập, từ trong ngôi chùa khuất lấp ở kinh thành, nơi bà xuống tóc thế phát đi tu, kể từ khi nghe tin Duệ tông đi đánh phương xa không về nữa, bà hốt hoảng lên kiệu, tức tốc vào cung Thánh Từ. Phủ phục trước Nghệ hoàng, bà rập đầu xuống thềm điện, khóc mà tâu rằng:

- Xin thượng hoàng thương tình mà tha cho, vương Nghiễn không thể đảm dương được ngôi quân trưởng.

Có nhẽ Nghệ hoàng không thấu được nỗi lòng của hậu, nhà vua cho rằng hậu quá đau đớn về cái tang của Duệ hoàng, nay không muốn con ra làm việc lớn nữa. Bởi thế nhà vua tìm lời vỗ về:

- Hậu phải lấy việc Nghiễn lên ngôi là phúc hạnh chứ, sao lại lấy đó làm điều buồn lo.

Nước mắt ròng ròng, bà ngửng đầu rồi vái lạy:

- Kính xin thượng hoàng thương tình Nghiễn ngu dại, thiếp là mẹ nó nên thiếp biết nó không có tài cán gì đâu. Đất nước khó khăn, cần có người tài đức dẫn dắt, chớ đâu đặt đứa ngu khờ vào ngôi tôn được. Bà lại sụp lạy - Trăm điều trông cậy thượng hoàng thương cháu...

Bà khóc lóc kêu xin mãi, khiến Nghệ hoàng tỏ vẻ nghi ngờ lòng thành thật của bà. Nhà vua nghiêm giọng nói:

- Đây là việc lớn quốc gia, triều đình đã quyết, không nói lôi thôi nữa.

Nghe lời nói khô khốc đầy quyền lực của Nghệ hoàng, góa hậu thôi không khóc nữa và thưa:

- Thiếp cúi xin hoàng thượng thương cháu dại mà tha cho. Nếu thượng hoàng cố tình bắt Nghiễn phải ở ngôi, thì tiện thiếp xin chết trước, để khỏi phải tự mắt mình nhìn thấy cảnh đau lòng.

Nghệ tông giận lắm, ngài rũ áo đi vào hậu điện. Góa hậu lại lên kiệu về thẳng phủ đường của Quý Ly. Bà với Quý Ly là chỗ anh em họ nội, nên dễ giãi tỏ nỗi lòng hơn là đối với thượng hoàng. Bà kể lể sau trước về mọi yếu kém của vương Nghiễn, rồi thiết tha nhờ Quý Ly xin thượng hoàng tha cho Nghiễn. Nghe góa hậu trần tình về vương Nghiễn và nỗi lo sợ của bà, nếu con phải ở ngôi vua, Quý Ly thấy hơi lạ. Thực tình khi nghe Nghệ hoàng tuyên lập vương Nghiễn lên ngôi, Quý Ly vui như mở cờ trong bụng. Ông tự nghĩ: "Thế là thượng hoàng trúng kế ta rồi!". Bởi nhẽ, nếu ông nói thẳng điều này, chắc là Nghệ hoàng sẽ lập vương Ngạc là một người vừa thông tuệ, vừa bén nhạy nhưng Ngạc lại không ưa Quý Ly lắm. Còn như lập vương Nghiễn, Quý Ly gật gù: "Thằng bé này vừa nhát vừa ngu, nếu nó ở ngôi thật dễ cho ta. Mẹ nó với ta là chỗ anh em họ. Bà nội nó lại là cô ruột của ta. Thành thử ta

có nhiều thân tình với nó. Còn như vương Ngạc mà lên, trước sau rồi ta cũng bị biếm, mặc dù bà nội Ngạc cũng là cô ruột ta". Quý Ly cho đây là một cơ may hy hữu, bèn tìm lời an ủi hậu:

- Thần không biết nói thế nào để hậu hiểu được tấm lòng của thần. Song thiết nghĩ, nhờ hồng phúc tổ tiên và vong linh hoàng thượng độ trì cho, nay hoàng tử được kế vị ngôi trời, nhẽ ra hoàng hậu phải lấy đó làm vui, cớ sao lại còn nhờ thần xin cái việc không đâu ấy làm gì.

Mới ngoài bốn chục tuổi, nom hoàng hậu như một bà già bảy mươi tuổi, má hằn sâu những nếp nhăn ngang dọc, da khô xác, mệt mỏi, các đường gân nổi cục xanh lớt. Hậu mặc như một ni sư. Quần áo nâu sồng, mũ trùm kín gáy, hậu vừa thở dài vừa nói:

- Anh còn lạ gì tôi với thằng bé. Chính vì các bà Hiến từ, bà Đôn từ với cả anh nữa, cứ tiến dẫn mãi nên tôi mới phải vào cung. Anh tưởng tôi sung sướng lắm sao? Còn thằng Nghiễn, thuở bé ốm lên ốm xuống, không chết là may. Bây giờ nó vẫn chưa hoàn hồn. Học hành thì ngu dốt, chỉ được cái lắm thày. Thày nào cũng khen: "Hoàng tử thông tuệ lắm". Nhưng có biết gì đâu, tôi hỏi đoạn sách nào nó cũng không thông nghĩa. Thằng ngớ ngẩn ấy mà tôn nó làm vua, anh không biết ngượng sao?

- Ấy chết! Quý Ly làm ra vẻ sợ hãi. Hậu phải biết đây là ơn trọng của thượng hoàng. Hậu không thấy từ xưa người ta vẫn nói: "Ai cũng quý con hơn cháu". Thế mà thượng

hoàng lại quý cháu hơn con; chính vì vậy người mới chọn đại vương Nghiễn để lập. Sao hậu không vào cung Thánh Từ tạ ơn hoàng thượng ngay đi?

- Tôi vào rồi, không phải để tạ ơn mà tôi xin thượng hoàng gia ơn cho tôi, đừng bắt thằng Nghiễn làm vua nữa.

- Đừng! Đừng thế! Thần xin hậu bình tâm, đừng để thượng hoàng phải nghe thấy những lời đó nữa mà tổn thương. Đây không chỉ là cái tình của thượng hoàng đối với hậu và hoàng tử Nghiễn, mà còn là phép nước. Hậu gắng bỏ ngay những nghĩ suy tạp loạn, phải thấy đây là một kỳ duyên đại hạnh không chỉ riêng cho hoàng tử, mà còn cho cả vương triều, cả quốc gia nữa.

Bà góa hậu nhìn thẳng vào tận hốc mắt của Quý Ly, bà trương hết nhãn lực như người dùng kính chiếu yêu, khiến con người vừa phách lực vừa gian hùng như Quý Ly cũng chột dạ. Đoạn bà nói:

- "Ông khu mật viện ạ, tôi thừa biết lòng dạ của ông rồi. Ông muốn thằng nhãi ranh nhà tôi lên ngôi để ông dễ lộng hành chứ gì. Tôi nói thật cho ông biết, họ Trần mạt, nhưng không phải để cho ông thay thế. Dẫu ông có muốn làm Trung vũ đại vương[1] thì cũng không có ai làm Linh từ quốc mẫu[2] để nội ứng cho ông dâu. Hãy xem gương Nhật

[1] Tức Trần Thủ Độ.

[2] Bà Trần Thị Dung trước là vợ Lý Huệ tông, sau lại lấy Trần Thủ Độ.

Lễ đấy. Tôi chán ngấy cái trò tranh đoạt quyền binh lố lăng, nên tôi không muốn cho con tôi dính vào. Thất đức lắm. Rồi lại giết nhau thôi.

- Xin hoàng thái hậu định thần lại, đừng rối trí nữa; tai họa sẽ theo lời nói gở dấy.

Góa hậu thấy lòng trống vắng đến bơ vơ, hậu thừa biết Quý Ly vì lòng ích kỷ nên cố ý giả vờ. Với cảm giác thanh thản của người đứng ngoài vòng danh lợi, hậu muốn bứt hẳn con mình ra khỏi lũ người tanh hôi ấy, giọng bà trở nên quyết liệt:

- Nếu vạn nhất không tránh được họa làm vua, thì tôi bắt Nghiễn phải trị ông cái tội gieo mầm họa cho nó. Nói xong, bà đi thẳng.

Vì đau buồn cũng có, lại cũng vì bà được chứng kiến quá nhiều những cảnh ngộ bi thảm xảy ra nơi triều nội, nên bà chán ngán và chỉ cầu xin sự yên ổn. Vì vậy, khi được tin Duệ tông tử trận, bà liền xuống tóc, đi tu Phật. Vừa chớm tìm thấy sự trong lặng nơi cõi thiền u nhã, bà lại được tin người ta đã đưa đứa con trai khốn khổ của bà lên ngôi vua. Bà biết, con bà chỉ là một thứ bình phong cho các phe đảng núp sau đó thanh toán nhau. Và rồi đến một ngày khác, sẽ đến lượt con bà bị thanh toán. Bởi thế, bà quyết giành giật lại đứa con máu thịt của bà, để nó được sống như một lương dân. Song bà có ngờ đâu, lời nói trong lúc bực giận của bà, lại như mũi tên độc găm vào lòng Quý Ly.

Hậu vội vã lên kiệu vào cung Quan Triều tìm lời khuyên giải vương Nghiễn.

Giản hoàng quỳ lạy mẹ, rồi rước vào điện. Hậu gạt nước mắt khuyên:

- Con ơi, nếu con thương mẹ, con nên trả lại ngôi vua cho thượng hoàng, rồi về hương ấp nhà sống như những người dân lương thiện.

- Mẫu hậu nghĩ thế nào lại bắt con từ bỏ ngôi vua, để về hương ấp sống một mình với đám dân hạ tiện, rồi cũng biến luôn thành đám dân hạ tiện sao?

- Con không phải sống một mình, nếu con bỏ ngôi vua, thì ta cũng sẽ bỏ chùa để về sống với con; ta thờ Phật tại gia cũng được. Vả lại tu Phật là tu tâm, tâm thiện là Phật. ý con thế nào?

- Thưa mẫu hậu, từ cổ chí kim, con chỉ thấy thế gian tranh đua nhau, giết chóc nhau để giành lấy quyền lực vào tay mình thôi chứ có ai lại tranh về làm dân. Sao mẫu hậu lại khuyên con trái lẽ thường làm vậy. Vả chăng việc con lên ngôi là thuận theo ý của thượng hoàng và của cả triều đình nữa, con có tranh giành với ai đâu.

Thái hậu cảm thấy nhói đau từ trong tâm trí, trong óc não, rằng con bà cũng là kẻ ham muốn quyền lực. Bà không biết giãi bầy thế nào cho con tỉnh ngộ, để thoát khỏi chốn mê lầm mà thế gian ngu dại cứ lao theo. Đoạn bà nói:

- Con đọc sách thánh hiền chẳng nhẽ không thâu nhận được điều gì sao? Ta nhớ, Lão Tử có dạy rằng: "Ta chỉ tranh cái mà thiên hạ không tranh, hoặc ta chỉ tranh cái mà thiên hạ không tranh được".

Ví như bây giờ con trở về làm dân, thiên hạ có ai tranh với con làm gì. ấy là cái thiên hạ không tranh. Hoặc giả con tu tâm để mở nghiệp thiện cho đồng bào của con, đất nước của con. Lại như con có tài cao chí cả làm được các việc kinh bang tế thế. Những việc như thế chắc là không ai tranh được với con.

Đã không tranh với con, cũng như không có ai tranh được với con, thời con làm gì có kẻ thù. ấy là con đường thênh thang, sao con lại bỏ?

- Mẫu hậu chỉ muốn con theo con đường yếm thế để trở về với đám dân hạ tiện. Con chưa thấy người mẹ nào lại không muốn cho con mình có quyền hành cùng địa vị cao sang.

- Con ơi, nếu không có cái đám người mà con gọi là hạ tiện ấy thì con làm vua với ai? Chao ôi, con ngồi trên ngai vàng chưa ấm đít mà con đã sớm biết vô ơn người dân đến thế!

Thử hỏi, ai cày ruộng lấy lúa gạo nuôi con? Ai đóng kiệu, khiêng kiệu đưa rước con? Ai nộp thuế để nuôi cả cái triều đình của con? Vả lại con nên nhớ, tổ phụ ta cũng gốc từ dân chài lưới và làm ruộng, chớ có phải đẻ ra đã làm vua thiên hạ được đâu! Ta không ngờ cái chiếc

ngai gỗ kia, cái ghế ngồi to tướng kia nó có sức mạnh thần thánh hơn cả tình mẫu tử. Ôi, có nhẽ ta thua nó, vài mảnh gỗ ghép lại thành cái ghế cầu kỳ với những nước sơn lòe loẹt kia nó thắng ta, nó cướp mất con ta. Thôi đành!

Hoàng thái hậu đảo làn mi, nước mắt rớm nhòa cả gương mặt khắc khổ. Hậu bước đi và nói:

- Vĩnh biệt con!

- Mẫu hậu! Mẫu hậu! Con xin mẫu hậu đừng bỏ con.

Hoàng thái hậu lên kiệu về chùa. Giản Hoàng chạy theo một đoạn, rồi đứng nhìn cho tới khi khuất dạng.

Về tới chùa, hoàng thái hậu không khóc. Bà lặng lẽ đi tắm rửa, thay áo quần và làm khóa lễ chiều. Trước Phật đài, bà thổ lộ hết mọi nỗi niềm đau đớn. Bà xin Phật độ trì cho con bà hồi tâm tỉnh trí, bỏ đường tối, tìm được đường sáng mà đi.

Khuya, hậu mới về phòng nghỉ. Trằn trọc mãi tới canh hai, không khí bốn bề đều chìm vào u tịch, thảng có cơn gió nhẹ lướt, làm lao xao tán lá trên các lùm cây muỗm quanh vườn chùa, như tiếng các cô hồn họp chợ. Hậu ngồi phắt dậy bước ra đường. Hậu đi chân trần trên đám lá mục mà vẫn phát ra âm thanh nhè nhẹ. Hậu bước tới đâu, các côn trùng đều thôi rên rỉ. Hậu đến gốc cây nhãn, lần tìm mãi mới thấy một cành ngang. Yên tâm, hậu khẽ bước tới vạt chè. Bê chiếc ghế hái chè của đám tiểu ni lại, lặng lẽ cởi dải thắt lưng buộc thành thòng lọng vào cành cây, rồi

hậu khấn: "*Lạy Trời, lạy Đất, lạy chư Phật mười phương xin cho con được giải thoát!*". Hậu lại rầm rầm: "*Ớ Nghệ hoàng, ta đã nói cạn nhẽ mà lòng ông vẫn sắt đanh băng giá, ông không chịu buông tha con ta. Ta biết thế nào rồi ông cũng giết nó. Không nỡ chứng kiến cảnh đau lòng ấy, ta phải đi đây!*". Dứt lời, hậu chui cổ vào thòng lọng rồi lấy chân đạp đổ chiếc ghế hái chè.

XXII

Được cử làm lưu thủ kinh sư, Kiến đức đại vương Nghiễn bị mất cha, vừa được lên ngôi vua, Giản hoàng lại mất thêm người mẹ. Vậy là chỉ trong ít tháng nhà vua mất cả cha lẫn mẹ. Tuy nhiên, nhà vua cũng không còn thì giờ để đau buồn nữa. Bởi triều đình có bao nhiêu việc phải bàn và phải làm. Mặc dù nhà vua chẳng biết bàn gì và làm gì, nhưng vẫn bị đám cận thần luôn luôn quấy nhiễu. Lúc họ bảo: "Bệ hạ phải phê vào chiếu này"; lúc lại bảo: "Bệ hạ phải nói điều này...". Ngoài những điều bực bội nho nhỏ, nhà vua nghiệm ra rằng mình có nhiều quyền lực quá; tới mức cho ai sống thì được sống, bắt ai chết thì phải chết, và muốn gì, lập tức có ngay. Chung quy chỉ tại cái ghế ngồi (ý nhà vua muốn nói cái ngai vàng).

Vua lại được thượng hoàng Nghệ tông, đem công chúa Thục Mỹ, là một trang tuyệt sắc gả cho. Thục Mỹ được lập ngay làm hoàng hậu.

Triều đình bàn nên cử người sang cáo phó với nước Minh nhân việc Duệ tông mất. Bàn cãi mãi về việc báo tang như thế nào; cuối cùng mọi người đều nhất tâm nên nói: "Vua đi tuần ngoài biên giới bị chết đuối".

Nhân đây, quan tư đồ Trần Nguyên Đán xin nhà vua cử người cao nhã, có tài biện bác sắc sảo, có bản lĩnh kiên cường, lại phải biết cả tiếng nói của người Minh nữa, để không chỉ làm việc nghi lễ mà còn phải dò tìm thêm ý tứ người Minh đối với nước ta. Trần Nguyên Đán bầy tỏ thêm:

- Cứ theo như ý thần, thì các đời vua Trung Quốc, không một đời nào là không có ý đồ thôn tính Đại Việt. Mưu mô ấy có thực hiện được hay không, còn tùy thuộc vào thế của họ và lực của ta. Song lúc này không thể là lúc họ không dòm ngó.

Theo xướng xuất của Nguyên Đán, triều đình bàn tính mãi, cuối cùng mới cử được Trung thư thị lang, kiêm tri thẩm hình viện sự, ngự sử trung tán thám hoa lang Trần Đình Thâm đi sứ nhà Minh.

Lại nói về Ngự câu vương Húc bị bắt ở Chiêm Thành. Ta còn nhớ, Ngự câu vương Húc là con của thượng hoàng Nghệ tông, đã phối duyên cùng công chúa Tuyên Huy[1], là con của vua Duệ tông mới được một năm trước đây. Phò mã đại vương Húc theo vua cha đi chinh phạt Chiêm Thành; Duệ tông bị chết trận, còn vương bị bắt làm tù binh.

---

[1] Nghệ tông là con thứ 11 của Minh tông, là anh ruột của Duệ tông. Năm trước, Duệ tông gả con gái cho vương Húc, năm nay Nghệ tông lại gả con gái cho Giản hoàng. Vậy là anh em ruột gả con lẫn cho nhau. Việc chỉ lấy người trong họ là tiền lệ của nhà Trần từ đời Trần thái tông.

Sau buổi lễ hiến phù, Chế Bồng Nga không những không giết vương Húc, mà còn đem con gái yêu là công chúa Indra Pantura gả cho. Vương Húc không thể nào hiểu được ý tứ của người Chiêm. Vương không vui, song cũng không dám tỏ ra buồn chán, vì sợ phật lòng người Chiêm. Dò biết tâm trạng vương Húc, Chế Bồng Nga cho triệu Húc vào cung.

Vương Húc dù đã bị bắt vẫn cứ tự cho mình là con vua của một nước lớn, trước sau rồi Chế Bồng Nga cũng phải trả về Đại Việt, cho nên trong bụng vẫn có ý không phục vua Chiêm. Từ lâu đài nơi vương Húc ở tới cung điện vua Chiêm, chỉ cách một đoạn quanh sườn núi, người ta đưa tới cho vương một con ngựa bạch cao to, bờm rủ dài nom như những tua, ngù của đám quan võ. Trên lưng ngựa đặt bộ yên cương vàng, nạm hồng ngọc, bích ngọc đến hoa cả mắt. Viên nội giám cỡi con ngựa sắc huyền dẫn vương Húc vào cung. Từ xa đã nom thấy ngọn tháp cao trên nóc điện, nhọn đẹp như chiếc vương miện của vua Chiêm. Khi tới gần, vương Húc bị choáng ngợp bởi màu vàng chói lọi của cả cung điện tỏa ra, chàng có cảm giác như cả một núi vàng được chạm trổ tinh vi. Vương Húc đã từng được vào điện Song Quế và cung Cảnh Linh, tưởng đó là cung điện huy hoàng nhất trên cõi thế. Song chàng đã nhầm, chính cung điện của vua Chiêm mới là kỳ quan của con người. Phía ngoài cung điện, không biết cơ man nào là tượng được tạc hẳn vào tường. Viên cận thần

chỉ cho chàng ba pho tượng tạc vào ba phía trên đỉnh nóc điện: đó là thần sáng tạo Brahma; thần bảo tồn Vishnou; và thần biến hóa Shiva.

Viên cận thần nói thêm:

- Đây là các vị tối linh thần của Bà-la-môn giáo chúng tôi, cũng như Phật Di đà tam tôn, thể hiện quá khứ, hiện tại, vị lai của tôn giáo các ông. Dưới các tượng kia là tượng các nữ thần múa, nữ thần thổi sáo, đánh trống, đánh chũm chọe. Sát lớp chân tường lại có các thần đầu người mình rắn, đầu người mình voi, đầu người mình sư tử, hoặc đầu người mình chim... Nếu như hai lớp tượng trên làm bằng vàng thì lớp cuối cùng được tạc bằng đá ngọc. Nhưng dù tượng vàng hay tượng ngọc đều có vẻ sống động dị thường. Thần Apsara như đang múa, thần Garuda như đang bay... Vương Húc thất kinh về sự giàu có và tài năng nghệ thuật của người Chàm. Chàng tự nhủ: "Thế mà bấy lâu nay ta cứ tự phụ, có nhẽ dưới gầm trời này, văn chương nghệ thuật và sự giàu có, họa may ta chỉ thua có Trung Quốc. Ai ngờ nước Chiêm Thành bé nhỏ, ở mãi phương nam xa tít tắp này còn có phần hơn ta nhiều lắm. Ngay cả sức mạnh chinh chiến, họ cũng hơn đứt mình rồi. Vậy là đúng như lời các bậc cố lão nói: "Ngoài trời còn có nhiều trời nữa". Trong thâm tâm, vương Húc thực sự hoang mang, hoảng sợ.

Ngước lên thềm điện, vương Húc đã thấy Chế Bồng Nga và các cận thần của nhà vua đang đón chờ. Khác với

thềm rồng Đại Việt, chỉ leo qua chín bậc là tới nền điện rồi. Cung điện của vua Chiêm cao vời vợi, vương đã đếm tới bảy mươi hai bậc mà mới chỉ trông thấy đôi hia của Chế Bồng Nga. Chế Bồng Nga bữa nay uy nghi như một vị thiên tướng. Đầu ông đội chiếc mũ trụ vàng, toàn thân vận đồ trắng thêu chim thần Garuda với loại chỉ bằng vàng. Hai bên cổ tay và nẹp quần đều thêu hình rắn thần, còn hai bả vai là hai đầu con sư tử đang nhe răng nanh. Nhà vua đeo thanh trường kiếm bên phía sườn trái. Vỏ kiếm bằng vàng, chuôi kiếm nạm hồng ngọc. Ngang lưng thắt chiếc đai bằng vàng, bản rộng tới một gang tay, chạm trổ rất tinh vi hình các giống chim, thú thiêng. Chế Bồng Nga đi đôi hia đen thêu những con rắn vàng quấn quýt. Vừa chợt trông thấy mái đầu của hoàng tử Đại Việt nhô lên, Chế Bồng Nga bước ra đón. Bằng cử chỉ nhẹ nhàng, độ lượng, vua Chiêm nắm lấy bàn tay trắng muốt và mềm mại như tay vũ nữ của vương Húc. Ông hơi cúi xuống (vì Chế Bồng Nga cao hơn vương Húc) hỏi nhỏ:

- Con ta có được khỏe không?

Viên thông dịch vừa nói lại điều đó, khiến vương Húc đỏ bừng cả hai tai như một cậu bé mắc cỡ. Và sự thật thì vương cũng còn quá trẻ so với Chế Bồng Nga, chàng mới được hơn 18 tuổi. Khi ở trong cung cấm, được các tùy tùng và các bậc sư phó tâng bốc đủ vẻ, đủ điều, đến nỗi hoàng tử lúc nào cũng tưởng như mình là nhất thiên hạ. Nay bị ném vào trận mạc, danh xưng đích thực là một viên bại

tướng, một tên tù binh. Song sự tiếp rước và lòng ưu ái mà quốc vương nước địch giành cho, khiến vương lúng túng, không biết ứng xử ra sao. Quả thật vương không biết phải đáp Chế Bồng Nga thế nào. Về tuổi tác, ông cũng ngang hoặc hơn tuổi vua cha bên Đại Việt. Song còn thể diện quốc gia, biết tính sao bây giờ. Sực nhớ tới ngự sử trung tán Đoàn Nhữ Hài ở triều thượng thượng phụ Trần Anh tông, đi sứ Chiêm Thành, vừa giữ được thể diện sứ giả, vừa giữ được tình hòa hiếu giữa hai nước. Còn ta, biết tính sao đây?

Như đọc được những suy nghĩ thầm kín của vương Húc, Chế Bồng Nga sai cận thần dẫn hoàng tử Đại Việt đi thăm các nơi trong cung điện của ngài. Lại dẫn cả tới cung điện xưa kia Huyền Trân công chúa, tức hoàng hậu Paramecvari đã từng ở. Người Chiêm còn lưu giữ khá nhiều dấu tích của Huyền Trân; phần nhiều các đồ trang sức vẫn còn nguyên vẹn, lại có cả bút tích về mấy bài thơ tức sự của bà, viết về tâm trạng khi phải dời Đại Việt sang Chiêm. Đáng giá nhất là bức tượng bán thân của bà bằng đá cẩm thạch. Vương Húc đã từng nghe kể nhiều về đức Điều ngự Giác hoàng, đệ nhất tổ Thiền phái Trúc Lâm, và việc người gả công chúa cho Chế Mân, quốc vương Chiêm Thành. Nghĩ lại thời oanh liệt của non sông đất nước, vương như thấy mình có thêm sức mạnh. Song vương chưa biết phải trù liệu ra sao với việc vua Chiêm ép gả công chúa cho chàng. Điều kỳ lạ là cho tới

giờ này, vương cũng chưa biết mặt công chúa như thế nào. Và có phải nàng đúng là con của quốc vương hay con của các vương thần, hoặc con của tiện dân mà Chế Bồng Nga mạo nhận. "Liệu ta chối từ có được không?". Vương tự hỏi.

Vừa lúc ấy Chế Bồng Nga lại xuất hiện, nhà vua nắm tay hoàng tử Đại Việt rồi chỉ vào bức tượng Huyền Trân - Chắc con biết câu chuyện về mối tình của hoàng hậu Paramecvari với thượng phụ của ta?

Vương Húc cúi đầu đáp:

- Tâu bệ hạ, chuyện đó đã được ghi vào sử sách Đại Việt từ lâu.

- Con có biết vì sao có mối tình ấy không? Chế Bồng Nga lại hỏi.

Vương Húc im lặng.

- Phải rồi, con mới lớn, biết sao được các điều sâu kín đó. Chế Bồng Nga nói, đôi mắt ông mơ màng như nhớ lại các sự việc đã trải trên bảy chục năm - Con nên nhớ con là con em một nước mà thượng đế đã ban cho sức mạnh thần thánh. Chỉ riêng việc trong vòng ba năm, đánh bại hai cuộc xâm lăng của một đội quân có sức mạnh ngang trời đất của nhà đại Nguyên, cũng đủ cho các nước dưới gầm trời này kính trọng. Một nước có sức mạnh như Đại Việt thời ấy, lại nằm kề sát với nước ta, liền núi liền biển với nước ta. Đại Việt, nếu có bụng thôn tính nước ta, chắc không khó. Ấy vậy mà đức Nhân tông đã chủ động bắc

một chiếc cầu hòa hiếu với Champa. Chính ngài đem công chúa yêu của ngài gả cho thượng phụ ta. Và ngài ở thăm nước ta gần một năm trời, khuyên người Champa bao nhiêu điều bổ ích trong việc hưng quốc, an dân. Đức bà Huyền Trân, tức hoàng hậu Paramecvari khi về làm dâu Champa cũng góp nhiều công sức, trí tuệ để xây dựng nước Champa giàu mạnh và cùng sống hòa hiếu với Đại Việt.

Gương mặt Chế Bồng Nga vẻ mơ màng, mắt ông chớp chớp và như trong trẻo lại, ông nói với giọng nuối tiếc - Song thật là bất hạnh cho nước ta, bởi người Champa không tin nhau, lại đi nghe theo sự xúi giục của nhà Nguyên. Và thế là người tôn thất chia lòng, rồi đầu độc quốc vương của mình. Lại mưu toan đưa cả hoàng hậu Paramecvari, tức đức bà Huyền Trân lên giàn thiêu. May mà người bên Đại Việt lập mưu cứu được. Quốc vương ta mất, đức Nhân tông bên Đại Việt qua đời. Chiếc cầu hòa hiếu Champa - Đại Việt sụp đổ. Rồi từ đấy hai nước bất hòa. Thường là Đại Việt cứ vài năm một lần vin hết cớ này đến cớ khác sang trách phạt nước ta, có khi còn đưa cả quân sang hỏi tội.

Nghe Chế Bồng Nga nói đến đoạn này, vương Húc buốt lạnh cả sống lưng, chàng có cảm giác như Chế Bồng Nga sắp đưa chàng ra hỏi tội. Còn đang lúng túng với những nghĩ suy bé mọn. Chợt vương lại nghe thấy giọng Chế Bồng Nga thủ thỉ:

- Vậy nay, noi theo gương hòa hiếu của đức Nhân tông, ta muốn dựng lại nhịp cầu xưa đã đổ. Vì vậy, ta muốn gả con gái yêu của ta cho con. Chẳng hay ý con thế nào?

Vương Húc run sợ, trong lòng không hề có ý nghĩ dám chống lại Chế Bồng Nga, nhưng không hiểu sao chàng lại buột nói:

- Đội ơn bệ hạ, vương Húc tôi đã có nội tướng rồi.

Chế Bồng Nga ngửa cổ cười sằng sặc.

- Hoàng tử Đại Việt thơ ngây quá. Ta biết con có vợ rồi. Cũng như xưa kia đức vua Indra Varman đệ tam (III) của chúng ta đã có hoàng hậu Tapasi, mà đức Nhân tông bên Đại Việt vẫn hài lòng cho công chúa về làm dâu nước Champa. Ông lại cười và vỗ vào vai vương Húc nói tiếp:

- Con không thấy các hoàng đế Trung Hoa, ngoài chánh cung ra còn hàng mấy chục bà phi, với cả mấy trăm mỹ nữ, luôn quấn quýt theo hầu sao? Nói xong, vua sai dẫn cả đoàn vào Nguyệt cung để thăm công chúa Indra Pantura.

Nguyệt cung là lâu đài chìm trong một khu vườn đầy kỳ hoa dị thảo. Không khí như được ướp tẩm bởi hương thơm. Và các sắc hoa cũng muôn màu. Nào là bạch trà lung linh, cánh trắng muốt như ngọc. Nào hoa lê hé nụ trắng phau. Nào mẫu đơn đỏ, trắng, vàng từng lùm đang khoe sắc, tỏa hương. Nào mai vàng xòe cánh. Và nữa là các loài hồng bạch, hồng nhung sắc thắm đỏ, hồng nhung sắc tím đen. Rồi các loài cúc trắng, đỏ, vàng, tím...

Những hàng cây trắc bá, tùng hương làm thành một vòng rộng bao quanh khu vườn, tựa như đoàn lực sĩ giang tay bảo vệ lâu đài. Kỳ thú hơn cả là dòng suối trong vắt, nhìn rõ những viên cuội trắng phau dưới đáy nước chảy lững lờ.

Dòng suối chảy len lách, cắt khu vườn thành nhiều mảnh, với những cạnh góc khác nhau, và các mảnh vườn ấy lại được nối với nhau bởi các cây cầu nho nhỏ, cong tựa nửa vành trăng. Lâu đài kiến trúc theo hình một tháp tròn, cửa sổ trổ ra bốn mặt, nom như một vị thần nghìn mắt. Nền lâu đài được tôn cao, làm nổi lên vẻ đường bệ. Nóc lâu đài đắp một chóp nhọn như chóp mũ đâu mâu, nhưng thực là một chiếc linga bằng đá huyền óng ánh.

Vừa đặt chân lên thềm Nguyệt cung, mùi xạ hương và tiếng nhạc trầm cùng lúc ùa ra đón khách. Chế Bồng Nga vẫn thân mật khoác tay hoàng tử Đại Việt, thong thả bước vào Nguyệt cung. Điều kỳ lạ là ánh sáng từ các khuôn cửa ném qua các kính che mờ ảo, khiến khách có cảm giác như mình đang đi dạo dưới ánh trăng xanh. Qua tiền sảnh, bầy đủ thứ trái cây trên các mâm vàng chạm trổ đặt nơi đầu các pho tượng vũ nữ bằng cẩm thạch, như đang niềm nở mời chào. Nhà vua dẫn khách vào đại sảnh, đúng lúc điệu múa hoan ca vừa kết thúc. Kèn trống im bặt, chỉ nghe thuần một tiếng nhạc rung. Các vũ nữ mình trần, đầu đội mũ bằng vàng như mũ của nữ thần múa Apsara, bụng thắt dây lưng vàng chạm trổ, hai cổ tay bó bằng chiếc

vòng rộng bản hình các cánh sen bằng vàng, điểm thêm một chùm nhạc. Hai cổ chân đeo các vòng vàng gắn nhạc. Các vũ nữ đều mặc váy dài chạm gót màu trắng mờ ảo như màu trăng. Cả bầy vũ nữ đều run rẩy đôi tay, uốn éo đôi chân, hàng trăm chiếc nhạc đều rung lên một nhịp, khiến ta có cảm giác chính các vũ nữ cũng là một thứ nhạc khí.

Chế Bồng Nga đến vừa lúc kết thúc điệu vũ, các vũ nữ cúi chào rồi lui vào hậu điện. Mới thoáng nhìn nhan sắc các vũ nữ, vương Húc đã mê mẩn. Chàng tưởng mình đang lạc vào thế giới của các nàng tiên. Vừa lúc ấy, một thiếu nữ mặt hoa da phấn bước ra đứng trước Chế Bồng Nga. Nàng cất tiếng chào và sụp lạy.

Chế Bồng Nga cúi xuống đỡ công chúa lên, khẽ nói lời an ủi:

- Ôi con gái yêu của ta, cha miễn lễ cho con.

Công chúa đẹp lộng lẫy, các thứ vàng đeo ngọc dát của nàng tỏa hào quang, hay hào quang phát ra từ đôi mắt nàng khiến vương Húc choáng ngợp. Chàng như người từ trong hầm tối bước ra ánh sáng mặt trời. Chàng không tin ở mắt mình nữa. Và tự nhủ, có nhẽ nào ta lại được gặp tiên ngay nơi hạ giới.

Vừa lúc Chế Bồng Nga nắm một tay vương Húc và một tay công chúa, ông nói: - Indra Pantura, đây là hoàng tử Đại Việt, vị hôn phu của con, con chào chàng và cám ơn cha đi. Xong ông đặt hai bàn tay của đôi trẻ úp vào nhau.

Công chúa khẽ cúi chào vương Húc. Nàng ý tứ nhìn thật nhanh sắc diện hoàng tử, người mà vua cha bảo đó là vị hôn phu của nàng. Đoạn nàng quỳ lạy vua cha và nói:

- Con cám ơn vương phụ, ý của người là ý của thần Shiva. Nói vậy, nhưng trong lòng công chúa rất hoang mang. Nàng chưa hiểu gì về chàng hoàng tử kia. Và cả đất nước mà vua cha nói đó, với nàng cũng xa vời vợi. Không biết thân phận rồi sẽ ra sao, song không thể có chuyện không tuân phục thánh chỉ. Bởi xưa nay, ai trái ý Chế Bồng Nga thì người ấy không còn hiện hữu nữa, dù người ấy có là con của ngài thì cũng thế thôi.

Tất cả những suy tư thầm kín của công chúa Indra Pantura và chàng hoàng tử Đại Việt kia, Chế Bồng Nga đều đọc được qua ánh mắt và gương mặt họ. Thật ra, với tuổi trẻ thì thần thái và sắc diện của họ, tựa như một cuốn "tâm trạng thực lục"[1] của chính họ đang mở ngỏ, cho mọi người cùng đọc.

Chế Bồng Nga vỗ nhẹ vào bả vai vương Húc nói:

- Con gái ta, vị hôn thê của con đó, con có chấp thuận không?

Vương Húc mặt đỏ lựng, chàng ấp úng điều gì đó không ai nghe rõ.

Nhưng vị quốc vương Champa cũng không cần biết

[1] Tâm trạng thực lục: Tựa như nhật ký nội tâm.

chàng nói gì. Ông chỉ quan tâm tới các mệnh lệnh của mình ban ra. Đoạn ông nói tiếp:

- Giữa tuần trăng này các con làm lễ vu quy.

Lệnh vua ban làm lễ cưới cho công chúa Indra Pantura với chàng hoàng tử Đại Việt tức là người tù binh cao quý, khiến cả triều đình Champa rung động, cả kinh thành Chà Bàn rung động. Nhưng cả kinh thành lại cũng đang náo nức chuẩn bị hội hoa đăng, để mừng lễ kết tóc của đôi uyên ương tuyệt sắc.

Trong khi các đại thần còn đang ngơ ngác, tưởng rằng cử chỉ thân tình qua mối lương duyên của đôi trẻ, quốc vương Champa sẽ bắt đầu cuộc hòa hiếu với Đại Việt. Và thực tâm, nhiều người nghĩ không nên đối đầu với nước lớn lân bang. Vả lại trận đại thắng mới đây, càng làm cho Đại Việt tức giận. Cho nên đi lại nước cờ nhân duyên của nhà Trần, Chế Bồng Nga thực sự là một vị vua sáng.

Song, thế gian khờ dại, tính sao nổi đường đi lắt léo của các nhà chính trị gian hùng. Chính trong lúc mọi người đang hướng về ngày lễ vu quy của công chúa Indra Pantura, thì Chế Bồng Nga đã triệu vị tổng binh vào chầu. Ông đưa cho đại tướng La Ngai xem cặp ngọc mà Lưu Nương Tú biếu tặng. Ông cũng nói cho La Ngai biết về lai lịch cặp ngọc, và chính Indra Vatakhamalapatura đã định biển thủ cặp ngọc quý này.

La Ngai đưa trả lại đôi ngọc cho Chế Bồng Nga và nói:

- Tâu bệ hạ, thần nghe nói, những loại ngọc này

thường hấp được tà khí của các loài yêu quái, nên nó kết thành tinh. Người giữ ngọc này chẳng khác nào giữ lấy sự bất an làm món đồ gia bảo. Bệ hạ chẳng thấy vì đôi ngọc này Ba-tư mất nước. Cũng vì đôi ngọc này Thoát-hoan suýt mất mạng. Vì thế các vua nhà Trần coi nó như một thứ đồ bỏ. Vương Dục trộm ngọc này nên chết yểu. Nhật Lễ có ngọc này nên mất mạng. Indra Vatakhamalapatura định chiếm ngọc này nên mất đầu, sản nghiệp bị tịch thu hết sạch. Muôn tâu, kẻ dâng ngọc cho bệ hạ, chính là y muốn hại bệ hạ. Xin bệ hạ trước hết hãy chém người dâng ngọc, rồi sau đem giam ngọc này vào cửu ngục.

Chế Bồng Nga không hề đổi sắc mặt, nhà vua ngửa mặt cười sằng sặc; đoạn ông nói:

- Quả thực ông là chân tay của ta, là gan ruột của ta, nên ông lo cho ta nhiều quá. Ông phải biết, những viên ngọc quý kia, có tội tình gì mà phải giam nó vào cửu ngục. Và lại, những kẻ chết vì ngọc quý, là chết bởi lòng tham. Còn ta, nhờ có đức lớn mà ngọc quý tự tìm đến. Phương ngôn nói: "quý vật tầm quý nhân". Vậy là trời cho ta, chớ có phải ta tham lam chiếm đoạt của ai đâu mà sợ.

La Ngai đuối lý. Viên đại tướng cũng không đến nỗi dốt nát gì mà không hiểu điều đơn giản: Lý lẽ bao giờ cũng thuộc về người nắm giữ quyền tối thượng. Ông ta ngồi thu mình lại như một người biết ân hận.

Chế Bồng Nga lại hỏi:

- Khanh có biết ta triệu khanh vào chầu có việc gì không?

Liếc nhanh ánh mắt của nhà vua, La Ngai tâu:

- Vương thượng sắp sai thần sang đánh Đại Việt.

Chế Bồng Nga cười ngất:

- Ông mới đúng là một con sư tử đã thành tinh. Làm sao ông đoán được ý ta?

- Muôn tâu, thánh thượng dụng binh như thần. Trong binh pháp lại có câu: "Lấy hư làm thực lấy thực làm hư". Nên từ bữa bệ hạ xuống chiếu cho trăm họ biết cuộc lương duyên sắp tới của công chúa Indra và hoàng tử Đại Việt, thần đã phải vội vàng chuẩn bị quân ngũ ngay.

- Bao giờ quân có thể lên đường được?

- Nếu bệ hạ ra lệnh thì ngay đêm nay có thể khởi binh được.

- Mấy vạn?

- Thần có năm vạn quân lúc nào cũng sẵn sàng vào trận.

- Vậy là tốt. Ông chuẩn bị cho ta gấp đôi số quân đó. Từ nay tới rằm tháng ba, ta làm lễ vu quy cho đôi trẻ. Khoảng hai tháng sau đó, vào mùa gió nổi thì khởi binh. Việc này phải hết sức kín nhẹm. Liệu có ai biết mưu ta không?

- Tâu hoàng thượng, triều đình Champa không ai biết cả, nhưng có một người đàn bà biết kế của hoàng thượng.

- Ai đó?

- Tâu, chính người dâng ngọc cho bệ hạ; bà Lưu Nương Tú.

Chế Bồng Nga sửng sốt hỏi lại:

- Tại sao thị biết mưu ta. Khanh thử nói ta nghe.

- Muôn tâu, cách đây vài ba ngày, gặp thần đi dạo, bà ta chặn lại hỏi:

- Có phải ông lại sắp sang Đại Việt?

Thần cười trả lời:

- Tôi có phải quan đi sứ đâu mà bà hỏi?

Bà ta bắt nọn:

- Có nhẽ ông đã nhận mệnh của hoàng thượng rồi, nhưng ông giấu tôi. Bà ta mỉm cười như giễu thần: "Việc binh phải kín nhẹm. Đúng không nào?".

Quả thần cũng đoán hoàng thượng sắp tuyên triệu. Nhưng lạ nhất là tại sao bà ta biết. Thần bèn vặn lại:

- Căn cứ vào đâu mà bà ăn nói hồ đồ thế?

Nhìn thẳng vào mắt thần, bà ta nói dõng dạc:

- Tôi căn cứ vào đám cưới sắp tới, mà nghĩ rằng việc đó là việc binh chớ đâu phải việc nhân duyên. Vả lại che làm sao được mắt người đời. Nhưng tôi xin ông đừng nói lại những điều này với quốc vương, hoàng thượng mà biết tôi biết rõ mưu ngài, chắc là tôi khó toàn tính mệnh.

Chế Bồng Nga cau trán, nhíu mày hỏi tiếp:

- Liệu có còn ai biết mưu ta không?

- Tâu bệ hạ, chắc là không.

- Vậy thời ta phải giết Lưu Nương Tú, nếu không đại sự sẽ hỏng mất. Thật ra là mụ rắp tâm tự sát chớ đâu phải ta cố ý giết mụ.

Lại nói về sứ đoàn Đại Việt sang cáo phó với nhà Minh

do trung thư thị lang, ngự sử trung tán, thám hoa lang Trần Đình Thâm cầm đầu, hết đi ngựa lại đi thuyền sáu tháng ròng rã mới đến được Yên Kinh. Tới nơi cả sứ đoàn phờ phạc ốm đứng ốm ngồi, non nửa tháng mới xin ra mắt Minh Hồng võ[1].

Sứ đoàn Đại Việt dâng biểu thăm hỏi của thượng hoàng Nghệ tông, cùng danh mục các thứ đồ tiến cống lên vua nhà Minh. Tiếp đó là biểu cáo phó việc Duệ tông đi tuần ngoài biên cương bị chết đuối, cùng với biểu xin tấn phong cho vua mới.

Triều đình nhà Minh không biết việc Duệ tông bị hãm rồi bị chết trận ở Chiêm Thành, nhưng họ nghi ngờ về cái chết của nhà vua. Do đó vua Minh đòi sứ thần Đại Việt phải nói rõ về cái chết của Duệ tông. Hồng võ hỏi:

- Sứ thần hãy nói ta nghe, sao Duệ tông đi tuần ngoài biên cương mà lại chết. Vậy vua của các ngươi ốm chết, hay bị quân giặc phục kích giết chết.

- Đội ơn thiên tử hỏi đến, Trần Đình Thâm dõng dạc đáp - Giặc Chiêm Thành bấy lâu nay cướp phá miền biên viễn, khiến dân lành vô tội bị chết oan. Quốc vương Đại Việt chúng tôi vì thương dân nên ngài tự thân chinh tuần thú, chẳng may thuyền bị cơn lốc nhấn chìm. Thượng

---

[1] Minh Hồng võ tức Minh thái tổ Chu Nguyên Chương, sau khi đánh đổ nhà Nguyên, lập ra nhà Minh, ở ngôi 31 năm, từ 1369 đến 1400.

hoàng Đại Việt cho chúng tôi sang cáo phó với thiên tử. Xin thiên tử rủ lòng thương cử người sang viếng tang.

Hồng võ làm ra vẻ cảm thông, ông nhắc đi nhắc lại mấy lời: "Thương thay! Thương thay!" Rồi quay ra hỏi hai ban văn võ:

- Các khanh bàn xem việc này nên như thế nào. Liệu viếng thì có phạm vào điển lệ Trung Quốc không?

Viên thượng thư bộ lễ, bước ra phủ phục trước bệ rồng:

- Muôn tâu thánh thượng, theo sách Chu lễ thì có ba loại chết không có lễ viếng. Một là chết vì sợ. Hai là chết vì cái gì đè. Ba là chết duối.

Nghe xong, Hồng võ truyền:

- Sứ Đại Việt nhớ lấy về tâu lại, rằng thiên tử và thiên triều đã bàn, nhưng Duệ tông chết phạm lệ nên thiên triều không có lễ viếng.

Nghe vua Minh nói, Trần Đình Thâm giận bầm ruột. Ông nghĩ: Cái bọn này từ vua tôi, chủ tớ đều đáng ghét. Lệ tiến cống hàng năm, dù mất mùa, bão lụt hay hạn hán, dân mình chết đói đầy đường chúng cũng mặc kệ, các sơn hào, hải vị, kỳ trân dị thảo đều không thể thiếu một ly, thế mà vua mình chết nó còn hoạnh họe là chết phạm lệ nên không viếng. Trần Đình Thâm bèn lên tiếng:

- Thiên tử cao minh lượng xét, thánh nhân dạy: "Sinh hữu hạn, tử bất kỳ". Bởi vậy không ai chọn được cho mình cái chết. Vả lại Chiêm Thành nghịch mệnh, trái đạo. Quốc vương chúng tôi thân chinh tuần thú, việc làm ấy không

chỉ riêng vì nước vì dân của Đại Việt, mà cái chính là để giữ vững rường mối kỷ cương của thiên tử. Nếu Chiêm Thành nghịch mệnh mà không răn đe, thử hỏi làm sao nước chúng tôi có thể làm phên dậu bất khả xâm phạm của thiên triều được.

Nghe Trần Đình Thâm biện bác xuôi tai, Minh Hồng võ liền phán:

- Thôi được, thương tình phên dậu, ta sẽ cử người sang điếu.

Hôm sau, sứ đoàn Đại Việt không phải vào chầu nữa. Nghị triều, Hồng võ hỏi quần thần:

- Giao Chỉ xưa vốn là quận huyện của Trung Quốc, từ Triệu Đà nghịch mệnh đến Trưng Trắc, Trưng Nhị làm phản, nhà Tần nhà Hán đã dẹp được. Sau này Ngô Quyền nổi lên, nhà Tống nhu nhược, để cho xứ ấy hỗn hào. Nay nhân chuyện nước nó lộn xộn, ta đem binh sang đánh lấy, các khanh nghĩ thế nào?

Nhiều người vì nịnh, hùa theo ý của Hồng võ, nhưng cũng nhiều người vẫn chưa quên mấy cuộc đại bại của nhà Nguyên, nên không dám a dua.

Thái sư Lý Thiện Trường bước ra khỏi ban, can rằng:

- Em chết mà anh lập con của em lên. Việc họ làm như thế, đủ biết mệnh trời chưa nỡ dứt. Vả lại muốn biết vận mệnh của một nước, hãy xem khí sắc của sứ giả. Thiên tử cứ nhìn kỹ thần thái của Trần Đình Thâm và cách y ứng xử, biện bác, đủ biết nước họ còn vượng lắm.

Hồng võ đã có ý muốn nghe lời can của thái sư, chợt viên binh bộ thượng thư lại bước ra tâu:

- Thái sư nói thật hữu lý, song thiết tưởng thiên tử không nên bỏ qua xứ ấy.

Chi bằng ta cử một đoàn sang điếu tang vua cũ, phong vua mới, nhân tiện dò xét nội tình họ. Lại cử một đoàn khác sang Chiêm Thành, vỗ về phong tặng Chế Bồng Nga, rồi liệu lời khuyên Chế Bồng Nga đánh phá Đại Việt, thiên tử sẽ gia ân. Nếu hai nước ấy đánh nhau, ta sẽ đưa thêm binh lên biên ải thanh viện cho Chiêm Thành. Đại Việt bị ép cả hai mặt, mặc nhiên phải tăng cường quân bị. Nước đã nhỏ lại phải nuôi một đạo quân lớn, càng nghèo. Đã nghèo là yếu, nội bộ sẽ phát sinh bất hòa. Dân sẽ tự nổi lên làm giặc. Nội tình chúng sẽ suy yếu, bất an. Chờ cho hai kẻ kia đánh nhau, tất có kẻ thắng kẻ bại. Kẻ thắng cũng chẳng còn sức đâu mà chống đỡ. Lúc ấy, ta chỉ cần cử một đạo binh nhỏ cũng lấy được cả hai nước. Xin thiên tử suy xét.

Minh Hồng võ nghe cả lời can và lời khuyên của hai viên quan đầu triều. Vì vậy, nhà Minh cử ngay một đoàn với danh nghĩa sang viếng tang Đại Việt, và một đoàn khác sang Chiêm Thành vỗ về yên ủy và khích xúi.

Đại loại những việc như thế, như thế ở Chiêm Thành và Trung Hoa đều nhằm xâu xé hoặc thôn tính Đại Việt; nhưng ở Thăng Long, người ta không hề biết đến.

XXIII

Đêm Thăng Long tịch mịch, từ xa, xa lắm phía vườn ngự uyển có tiếng lá xạc xào, tiếng các loài trùng rỉ rả như mơ, như thực, như reo ca, lại như nỉ non sầu oán. Nghệ hoàng khắc khoải tới canh ba vẫn chưa ngủ được.

Ngài tự kiểm xét các việc làm của mình xem có điều gì được, điều gì chưa được. Nhất là việc đưa con của Duệ hoàng chứ không phải con của mình lên ngôi; dường như điều đó khiến người tôn thất hài lòng, triều thần kính trọng. Lại theo như Trần Đình Thâm đi sứ Trung Quốc về tâu lại, thì bản thân thái sư Lý Thiện Trường cùng cả triều đình nhà Minh đều kính nể qua việc ta lập Giản hoàng.

"...Việc ta lập Giản hoàng tỏ sáng như hai vầng nhật nguyệt, nhưng kỳ lạ tới mức không hiểu được, rằng tại sao mẹ của Giản hoàng - Lê thị lại cứ nằng nặc xin cho con không phải tức vị. Khi ta không nghe, bà liền tự vẫn và nói: "Để khỏi trông thấy việc đau lòng". Ta cho đó là điềm gở".

Nghệ hoàng cứ đay đi đay lại các việc mình làm để tìm ra nhẽ đúng sai. Cả đến việc Duệ tông cứ khăng khăng

đòi đi đánh phương Nam để đến nỗi không trở về nữa, và việc con của ngài, hoàng tử Húc bị bắt tại Chiêm Thành cũng làm cho nhà vua vừa xót thương em, thương con, và ngài cũng tự trách mình không cân nhắc khuyên can em, trong việc hấp tấp dùng binh. Nhà vua cho đó là lỗi tại mình. Đại loại những việc, những chuyện như thế, thường làm ngài mất ngủ. Vừa đây Nghệ hoàng lại nhận được sớ dâng kế sách hưng quốc, an dân và phòng bị việc binh từ hai đầu biên ải bắc, nam của quan tư đồ Trần Nguyên Đán Nhà vua đã xem kỹ những điều Nguyên Đán trình tâu từ các biểu chương lần trước, lại đưa cho cả Lê Quý Ly và Nguyễn Nhiên cùng xem. Vua hỏi cặn kẽ hai người mà vua cho là chân tay tâm phúc nhất, họ đều nói: "Kế của Nguyên Đán nếu được dùng tức là phải bỏ đi quá nửa số quan lại trong triều, thế thì lấy người đâu mà làm việc. Kế của Nguyên Đán nếu được dùng, tức là phải lấy bớt đất ruộng điền trang thái ấp của các vương hầu, và các nhà quí tộc ra chia cho bọn nông nô. Điều đó không những chỉ có quan lại, mà ngay cả người tôn thất, các nhà cao sang vọng tộc, các nhà phú hộ cũng đều oán vọng nhà vua. Kế của Nguyên Đán nếu được dùng sẽ làm cho bộ máy triều đình yếu đi, và chỉ có lợi cho đám nông nô lười biếng, đám nông dân khố rách áo ôm tha hồ mà phè phỡn"...

Có lần Nghệ hoàng bất chợt hỏi Quý Ly:

- Ta xem nhiều điều trong các biểu chương của Nguyên

Đán tâu về, từa tựa các điều trong "Phú quốc cường binh sách" của đức Hưng Đạo đại vương thời Thiệu bảo, thời Trùng hưng. Vậy sao thời ấy Nhân tông làm được, còn thời nay khanh lại khuyên ta không nên làm?

- Muôn tâu thượng hoàng, cái lý không làm được nó nằm sờ sờ trước ta; bởi thời đó là thời chiến. Thời chiến thì việc quan yếu nhất phải lo là việc binh, nên không thể không làm như thế. Còn thời nay là thời bình. Đức lớn của thượng hoàng trải khắp bốn phương, từ đứa trẻ lên ba tuổi đến người già trăm tuổi, thẩy đều được ơn mưa móc. Đã thế, sao còn phải làm các điều khiên cưỡng kia, để cho thiên hạ nản lòng.

Nghệ hoàng nhiều phen phân tâm. Một bên thì Nguyên Đán, vương Ngạc thúc nên làm; một bên thì Nguyễn Nhiên, Lê Quý Ly, Đỗ Tử Bình khuyên không nên làm.

Suốt đêm trằn trọc, sớm dậy Nghệ hoàng cho triệu quan tư đồ Trần Nguyên Đán vào cung.

Trần Nguyên Đán vào thẳng cung Thánh Từ, thấy Nghệ hoàng đang an tọa trên chiếc sập thếp vàng, nơi nhà vua thường uống trà. Thượng hoàng có thói quen tao nhã, mỗi sớm người thường dùng trà trước bữa điểm tâm. Quan tư đồ sụp lạy.

Nghệ hoàng vội nâng Nguyên Đán dậy và trách yêu:

- Tình anh em, sao tư đồ thủ lễ một cách thái quá, khiến ta khó xử. Từ nay lễ vua tôi chỉ dùng khi thiết triều, chú

nhớ nhé! Nhà vua nói xong cười hì hì, dắt tay Nguyên Đán vào kỷ ngồi.

Nguyên Đán từ chối hai ba lần không được, đành phải ngồi mím ra mép kỷ.

Nghệ hoàng cầm cây dùi ngà to bằng ngón tay, gõ nhẹ một tiếng vào lợi cái chuông đồng đen, to bằng chiếc gáo dừa treo trên thanh giá nhỏ xinh đặt giữa kỷ. Lập tức hai trà nô dâng trà.

Hai trà nô cỡ mười hai mười ba tuổi, mặt đẹp như tiên đồng, tóc để trái đào, vận quần áo đỏ, nẹp vàng có thêu hoa lá bằng các loại chỉ ngũ sắc.

Nhìn cử chỉ và ánh mắt hai trẻ, Nguyên Đán biết ngay đây là loại "trái điếc". Lệ xưa đã định, ấp thôn nào có loại trẻ này, tâu về triều, được nhà nước bảo dưỡng, tới tuổi mười hai đưa vào cung hầu hạ. Lớn lên chúng sẽ được cai quản đám cung nữ, và hầu cận nhà vua trong các việc chăn gối. Cái lợi của việc dùng loại "trái điếc" này là bảo đảm chắc chắn hơn bọn cung hình[1] nhiều lắm. Bởi cung hình, khi sót hoa, sẽ xảy ra loạn dâm trong cung cấm. Việc này không phải đã không có. Cho nên lũ "trái điếc" bao giờ cũng được nhà vua tin cậy hơn là lũ cung hình, và vì vậy chúng cũng có giá hơn.

---

[1] Cung hình có nghĩa thiến bộ phận sinh dục (đàn ông). Lũ quan hoạn này có rất nhiều quyền hành, đôi khi nhà vua sa vào đường dâm loạn cũng bởi bọn chúng, ví như Dụ tông chẳng hạn.

Một tên bưng chiếc khay vàng trong đựng một chén sứ có nắp đậy men màu ngọc bích, y quì dâng lên thượng hoàng. Tên kia bê khay bạc trong đựng chiếc chén sứ cũng có nắp đậy, men màu hổ phách, quì dâng quan tư đồ.

Nghệ hoàng giơ tay đón chén trà nóng, mỉm cười nói:

- Mời dùng trà.

Nguyên Đán đỡ lấy chén trà từ khay, đáp:

- Đội ơn hoàng thượng ban trà.

Vua tôi cùng mở nắp chén, khói bốc lên từ màu nước xanh trong và một mùi hương thanh khiết như mùi của hương rừng, của sương móc quyện hòa vào nhau.

Quan tư đồ hít khan mùi hương lạ, khẽ thưa:

- Thượng hoàng ban cho chén trà ngon quá. Ngon quá!

- Ta vẫn thường được các hòa thượng trên Yên Tử sơn gửi cho loại trà tự trồng trên thung cao, quanh năm sương móc, nhưng lại không có gió to bão lớn bao giờ. Nghe nói, chỗ ấy mây vào ở với người. Các hòa thượng ăn ở trong mây như các vị thiên tiên, chẳng hay quan tư đồ có biết nơi đó?

- Dạ, thần đã có vài phen lên chơi trên đó với các sư già am Bạch Vân. Tâu bệ hạ, đúng là cảnh tiên. Non xanh nước biếc, mọi người đi lại, nói cười trong cảnh mây lành năm sắc. Xa xa là biển khơi, với vạn vạn nếp núi chầu về. Dạ tâu, nơi đó gọi là đỉnh "Tử phong".

- Gió lặng! Nghệ hoàng nói xen vào.

- Dạ đúng như vậy. Nơi ấy không có gió, mặc dù trên độ cao ngàn trượng. Mà trà mới ngon làm sao. Thảo nào, ban nãy thần thấy có mùi sương móc tan trong họng.

- Đúng thế, ta đã uống "Lão quân mi"[1] của người Tàu. Trà của họ cũng ngon, khó mà chê được. Nhưng nó không có vị mát tan trong họng mà tư đồ gọi là mùi sương móc. Bởi vậy ta thích trà Yên Tử hơn. Song ta muốn đặt cho nó một cái tên, vương đệ đặt giùm ta chăng?

Trần Nguyên Đán nhíu mi vẻ suy tư. Đoạn ông "à" lên một tiếng:

- Tâu hoàng thượng, thần nghĩ ra rồi.

- Đệ nói ta nghe.

- Dạ, thần định đặt tên là "Bạch Vân trà". Bởi nó được sản ra từ nơi các hòa thượng am Bạch Vân.

- Hay lắm! Vậy ta phải ban cho vương đệ một chung nữa.

- Đội ơn hoàng thượng, thần xin kiếu. Bởi nếu thần uống thêm nữa sẽ không còn cảm được hương vị tinh tế của trà quí.

- Đệ quả là một người sành trà. Ta cũng thế, hãn hữu lắm ta mới dùng chung thứ hai, ấy là lúc trong bụng hơi khan khát. Nhưng uống xong lại thấy giận mình, vì để mất đi cảm giác thanh khiết lúc ban đầu.

---

[1] Loại trà trên núi tuyết của Trung Hoa, khi sao lên búp chè có màu trắng và săn nhỏ như chiếc lông mi bạc của ông già.

- Dạ đúng như ý của bệ hạ.

- Ấy vậy mà ta thấy nhiều người uống trà lại lấy sự uống được nhiều làm trọng, thật chẳng khác gì đám trâu uống nước.

Trần Nguyên Đán cười phá lên:

- Tâu, đó là hạng ngưu ẩm.

Nhà vua cũng cười vui. Lại hỏi:

- Vương đệ thường dùng loại ấm chén nào để uống trà? Đồ Tống hay đồ Nguyên?

- Tâu, thần chỉ dùng đồ gốm sứ Bát Tràng hoặc đồ Đông Sơn của ta. Thần cho đồ gốm sứ của ta từ đời Lý lại đây đẹp lắm, thanh thoát mà khỏe khoắn chứ không thô mộc như gốm Đường, không lả lướt màu mè như gốm Tống.

- Vương đệ nói thật là hữu lý. Ta cũng chỉ dùng các đồ gốm sứ Bát Tràng, gốm sứ Đông Sơn chứ không dùng đồ Tàu. Nhưng phải nhận rằng thợ gốm sứ Trung Hoa vào loại tài danh bậc nhất gầm trời.

Vua tôi đang đàm đạo thì đám nội thị vào dâng bữa điểm tâm. Vua mời Nguyên Đán:

- Vương đệ dùng bữa với ta.

- Đội ơn bệ hạ, thần đã lót dạ rồi mới vào chầu.

- Ta cho triệu sớm, là có ý mời vương đệ dùng trà và điểm tâm với ta. Thôi cứ ăn đi, ăn ít ăn nhiều cũng được.

Vua ép, Nguyên Đán không dám cãi lời.

Dù đã ăn sáng rồi, dù sống trong một gia đình cao sang, quyền quý, nhưng Trần Nguyên Đán vẫn sửng sốt tới kinh ngạc vì bữa điểm tâm của Nghệ hoàng. Ba mươi hai món bầy kín trên hai chiếc mâm đồng chạm lộng sáng loáng, mỗi món một màu sắc và cảnh vẻ như một thứ đồ chơi. Ví như món khai vị làm bằng thịt nai rừng giã nhuyễn, trộn với gia vị viên tròn, ngoài bọc lòng đỏ trứng tráng mỏng như giấy hoa tiên, nhồi vào trong những chiếc nấm hương chỉ to bằng chiếc cúc áo. Rồi thả vào nước đã hầm tắc kè núi đá và hạt bạch liên, múc vào những chiếc bát men, chỉ nhỏ bằng lòng bàn tay, mỗi bát độ dăm bảy viên.

Lại như món "Thất hồng ngọc", dùng trứng chim cuốc luộc lên lấy lòng đỏ, ngâm với mật ong rừng bảy ngày đêm, lấy long nhãn bọc ngoài, nấu với đường phèn và thả vào mấy sợi yến sào để làm món ăn tráng miệng. Bát chè trong vắt với sắc trắng của nước đường, sắc ngả xanh của cùi nhãn, và sắc đỏ của loài yến huyết, nom đẹp như mấy nét vờn trong tranh thủy mạc.

Thượng hoàng ăn ít lắm, các loại món ăn như thế này ngài chỉ nhấm mỗi thứ vài viên, hoặc nhiều món ngài không đụng đũa đến. Nhưng thành lệ, ngài thích ngắm các món ăn cho vui mắt hơn là ăn. Các ngày sóc, ngày vọng tức là ngày mồng một và tuần rằm hàng tháng, ngài dùng đồ chay, đơn sơ mươi lăm món. Lại cứ ba tháng có một bữa vào ngày sóc đầu tiên của quí, ngài

tịnh khẩu[1]. So với việc ẩm thực của Dụ tông, quả Nghệ hoàng là một người sẻn kiệm nhiều lắm.

Trong khi ngài ngự dùng bữa thì có tới năm, sáu đứa chầu hầu. Đứa bê bát, đứa hứng đồ ăn ngài nhằn, nhổ; đứa bê thau nước rửa tay; dưa dâng khăn lau tay; đứa dâng khăn lau miệng; đứa quạt hầu, đứa chờ sai khiến...

Dùng xong bữa điểm tâm đã vào cuối giờ thìn[2]. Nghệ tông hắng giọng bảo Trần Nguyên Đán:

Bữa nay ta mời vương đệ đến là để bàn về các kế sách mà bấy lâu đệ khải về triều.

Nguyên Đán vừa mừng vừa lo. Mừng vì nhà vua đã có đọc các biểu chương của mình. Lo vì không biết ý nhà vua thế nào. Mạnh dạn, quan tư đồ nói:

- Tâu, thần chỉ dám trình lên thượng hoàng các điều thần nghĩ hiểu và đau đáu suy tư về vận hội của nước. Thần không an phận ếch ngồi đáy giếng, nếu có diều gì sai quấy, xin bệ hạ tha tội cho.

- Nguyên Đán, ta có đọc kỹ các biểu chương của em. Em đúng là một bậc kỳ tài. Cho nên các điều em bầy tỏ, ta thấy đều phải lẽ cả, đều cần thiết cho dất nước và vương triều. Thế nhưng cho đến nay, ta vẫn chưa làm được điều gì như em mong muốn. Tức là ta không làm được cái việc

---

[1] Tịnh khẩu: nghĩa là nhịn ăn.

[2] Tính theo hệ can chi. Một ngày đêm có 12 giờ từ Tí đến Hợi. Giờ Thìn từ 7 giờ đến 9 giờ sáng.

mà theo em, kể cả theo ta, cần phải làm ngay - Vì sao vậy? Nghệ tông đột ngột đưa ra câu hỏi. Nhà vua buông một tiếng thở dài buồn thiu. Ngài lại tự trả lời: - ấy là bởi em đã trao cho ta một cây đại đao, mà sức ta không đủ để trói gà, thử hỏi ta sử sao nổi. Hóa nên kế sách của em như vàng ròng, ngọc quí, gỗ trầm hương lại giao vào tay một người thợ mộc vụng về...

Nghe nhà vua nói, Nguyên Đán buồn nẫu ruột. Thà nhà vua cứ quát tháo hoặc xé vụn chương biểu của ta, rồi ném vào mặt ta, còn hơn nhà vua ngọt nhạt mà hàm ý trách ta dâng kế sách vô dụng. Cũng tức là nhà vua không dùng. Tuyệt nhiên không muốn dùng kế của ta. Nếu không nhà vua đã hỏi đến từng việc, và bàn cách làm.

Nghệ tông vẫn cứ tiếp tục giãi tỏ nỗi niềm, khiến Nguyên Đán không còn nghĩ đó là lời răn dạy của đấng quân thượng, mà ông chỉ còn cảm nhận được một thứ âm thanh đơn điệu, vô bổ kiểu như tiếng "vo vo" của con tò vò. Chợt nhà vua hỏi:

- Có phải tứ trấn dân vẫn còn đói, trộm cướp vẫn còn nhiều, Nguyên Đán có biết tại sao không?

Trần Nguyên Đán chưa kịp trả lời, nhà vua đã lại nói:

- Ấy là ta đã giảm bớt tô thuế, sẻn kiệm tiêu dùng. Ngay việc dựng lại cung thất ta cũng dùng tạm tranh tre, bắt người tôn thất và chức dịch, quan lại đi làm, chớ ta có phiền đến dân đâu. Vậy mà dân vẫn oán ta, họ vẫn đói. Rồi trộm cướp, giặc giã ngày một gia tăng, ta chẳng còn

biết làm sao để chuyển xoay vận nước. Vương đệ thử nói ta nghe vì sao lại thế?

Nguyên Đán chợt nghĩ, chắc nhà vua hỏi chiếu lệ, chẳng lẽ triệu ta vào lại không hỏi, chứ thực tình những việc như thế này ta đã có viết trong biểu dâng người; không những thế, ta còn nói cả cách làm từng việc. Nhưng thôi, vua đã hỏi thì không thể ngậm miệng được. Nguyên Đán ngập ngừng:

- Muôn tâu, việc sẻn kiệm cho nước phải trở thành quốc sách, chứ chỉ riêng nhà vua làm, còn quan lại các cấp không làm thì dân chúng không tin. Vả lại nếu chỉ có việc chi tiêu của hoàng gia, chắc dân không bao giờ dám dị nghị, trừ khi quá hoang hủy như thời Đại trị.

- Khanh nói sao, ta tưởng ta làm thế, là cả bộ máy triều đình phải làm theo chứ?

- Tâu, việc nhà vua làm như vậy là với mong muốn đức hóa thiên hạ. Việc ấy chỉ có thể được ở thời bình trị, nước giàu, dân no đủ, quan lại là những kẻ có học, biết đường liêm sỉ.

- Còn thời nay thì sao? Vua hỏi.

- Bệ hạ có tha tội thời thần mới dám nói thật.

- Nói đi, vương đệ nói hết ta nghe.

- Muôn tâu thời nay loạn không ra loạn, trị chẳng ra trị. Nói rằng loạn, thời hiện tình không có giặc ngoài xâm lấn, cũng không có kẻ mưu phản triều đình. Nói rằng trị

cũng không đúng, giặc Chiêm Thành quấy nhiễu biên ải, xúi dân làm phản, còn bên trong thì trộm cướp tứ tung. Ngay trên đất nhà vua tại Thăng Long mà ban ngày chúng cũng xông vào nhà dân cướp phá. Lính phòng đoàn có trông thấy cũng làm ngơ, vì sợ chúng báo thù, giết hại vợ con gia đình. Thăng Long còn thế, tứ trấn dân yên sao được. Tâu thượng hoàng, giặc cướp quấy phá một, quan lại cướp phá còn gấp mười, gấp trăm lần như thế. Khắp từ thôn ấp đến trấn, lộ, đâu đâu dân cũng ta oán. Ngày trước Ngô Bệ nổi lên là ví đám xã quan ức hiếp dân lành quá đáng. Nhưng ngày nay chúng còn tham lam vơ vét nhiều hơn thế. Lại ác hiểm quá đáng. Ngay trong thôn ấp chúng cũng dựng nhà tù, cũng kìm kẹp, cùm trói, giam cầm người dân vô tội. Ai cứng cổ kiện lên quan trên, chúng lại đút lót cho quan trên, khiến người dân vô tội càng thêm nặng tội. Dân lành bị ức hiếp, pháp luật nhà nước không bênh vực; không trông cậy vào đâu được, họ rủ nhau làm loạn để tự cứu mình. Thế là cả dân chúng lẫn quan lại không còn bên nào tôn trọng phép nước nữa. Bệ hạ còn lạ gì, cùng tắc biến.

- Phải, cùng tắc biến! Nhà vua nhắc lại.

- Muôn tâu, nhưng biến này là để gây loạn, chứ không phải biến để thông như Dịch lý[1] đâu ạ.

---

[1] Nguyên lý của Kinh dịch: "Cùng tắc biến. Biến tắc thông".

- Phải! Nghệ tông gật đầu buồn bã.

- Trình thượng hoàng, thần được chứng kiến nhiều việc quan lại xa xỉ thái quá, bòn đẽo dân thái quá. Như bữa trước trên trấn Quảng Oai của thần, viên huyện quan có mẹ già chết bệnh. Các xã quan trong hàng huyện đến viếng, mỗi kẻ phải nộp đủ ba quan tiền, ba thúng gạo, một cặp gà trống thiến. Còn các nhà phú hộ, mỗi nhà phải nộp một con lợn giá 6 quan, với hai vò rượu ngon. Ai thiếu lễ, sai lính nọc đánh mười lăm roi, cho về lấy đủ lễ đến viếng nộp. Lại ở một xã nọ trong huyện ấy, nhà xã trưởng cưới vợ cho con, cả làng phải nộp gạo, nộp tiền, nộp gà, lợn cho nó, ai thiếu nó cũng tróc nã như viên huyện quan cấp trên của nó.

- Vậy chứ vương đệ có trị tội bọn này không? Nhà vua đập tay xuống kỷ quát hỏi.

- Dạ, thần đã bắt chúng phải hoàn trả lại dân đầy đủ. Viên huyện quan, thần cách chức đuổi về làm dân. Viên xã quan, thần đầy nó đi viễn châu làm lính.

- Phải! Vương đệ làm thế là chí phải. Phép nước phải nghiêm như vậy.

- Trình bệ hạ, các quan hiện nay phần đông đã quên mất phép nước. Vì vậy luật lệ ban hành từ đời trước mà đời nay không còn được lưu dụng nữa; xin bệ hạ xuống chiếu bãi bỏ và nhắc lại các luật lệ còn hữu dụng. Và ban bố thêm một đạo luật mới nữa, nếu quan lại cậy thế ỷ quyền nhũng nhiễu dân, không dùng luật pháp bảo

vệ người vô tội thì ghép vào các tội, như tội ngũ nghịch để trị.

- Được, ta sẽ cho bên đình úy ty ban hành cả trăm đạo luật cũng được.

- Muôn tâu, luật ban ra phải hợp lòng dân, hợp thế nước, tức là nó thích dụng cho dân cho nước, chứ bệ hạ ban nhiều luật quá, sợ lại rối loạn đấy ạ.

Nghệ tông thở dài:

- Không có luật, vương đệ bảo nó loạn; có nhiều luật, đệ bảo nó rối! Khó thật! Ta tưởng như ta đã làm tất cả vì dân; hóa ra ta lại chưa làm được gì cho trăm họ.

Nghe vua than thở, Nguyên Đán thật sự cảm thông vơi tấm lòng con đỏ của nhà vua. Ông muốn bầy tỏ cho cạn nhẽ các việc từ luật pháp đến thanh lọc bộ máy, chỉ e nhà vua nghe mà không làm, hoặc giả nói lại với những kẻ vô dụng thì triều đình càng thêm chia lòng.

- Trình bệ hạ, người nên bình tâm gỡ ra từng việc. Bệ hạ thương dân như con, thời trước hết phải làm sao cho dân có đời sống no đủ. Muốn có đời sống no đủ, thời dân phải có đất ruộng cấy trồng. Tô thuế vừa phải, không để cho bọn quan lại từ lộ, trấn, phủ, huyện, xã mỗi cấp lại lạm bổ thêm vào. Thành thư thuế triều đình thu một, người dân phải nộp tới mấy mươi. Như thế, dẫu mùa màng bội thu cũng không đủ nộp tô thuế; nếu lại gặp năm mất mùa, người dân không những khánh kiệt mà còn chết đói nữa. Lại như bệ hạ vì thương dân mà không nỡ sai khiến làm

cung thất và công sở, bắt các quan cùng người tôn thất phải dựng bằng tranh tre, điều ấy thần thấy không nên. Bởi các quan là những người quen làm việc bằng óc não, chỉ cần một kế sách hay của họ còn lợi hơn cả vạn người gò lưng vác đất. Nay bệ hạ bắt các quan làm những việc mang vác nặng nhọc, tức như bệ hạ bắt họ phải từ bỏ sở trường, làm theo sở đoản. Việc ấy không thu được thành tựu, mà họ còn ngầm oán bệ hạ. Vả lại công sở, là bộ mặt của nước, cớ sao bệ hạ để nhếch nhác thế được, người dân dù có ăn đói mặc rách, cũng không bao giờ muốn nhìn thấy triều đình phải xúi xó. Hơn bao giờ hết, lúc này không nên để sứ thần các nước dòm ngó được vào gan ruột mình. Thực tình, giặc Chiêm Thành tuy có hung hăng, song việc trừ khử chúng không khó. Điều mà thần quan ngại nhất, vẫn cứ là đám vua tôi nhà Minh. Bọn này vừa quỉ quyệt, lại vừa khéo che đậy nanh vuốt.

Nghe quan tư đồ tâu rành rõ mọi nhẽ, mọi việc, Nghệ tông sực nhận ra như mình dã bỏ mất một nhân tài. Bấy lâu nhà vua cũng đôi ba phen muốn gọi Nguyên Đán về cho làm tả tướng quốc, nắm quyền điều hành bộ máy nhà nước, giúp rập quan gia. Nhưng nghe các người khác nói tới sự huyễn hoặc về tài năng của Nguyên Đán, nhà vua thấy cũng có lý, và ngài lại phân tâm. Cứ dùng dằng mãi. Ngay lúc này đây, nhà vua vừa định trao quyền bính cho Nguyên Đán, nhưng chợt nhớ đến bọn Lê Quý Ly, Đỗ Tử Bình vua lại thôi. Và gặng hỏi:

- Vương đệ bảo trẫm nên làm gì bây giờ?

- Trình thượng hoàng, theo như chỗ thần hiểu, một nước mạnh hay yếu trước hết là ở bộ mãy nhà nước mạnh hay yếu. Bộ máy nhà nước mạnh hay yếu hết thảy phụ thuộc vào việc dùng người. Nếu dùng được người tốt, người có tài, ắt là bộ máy nhà nước phải mạnh. Chỉnh đốn mối rường này giúp hoàng thượng, nếu được hoàng thượng cho phép, thần xin tiến cử một người.

Nghệ hoàng tươi cười hỏi ngay:

- Ai, có phải Quý Ly không?

Nghe nhà vua nói đến Quý Ly, quan tư đồ bủn rủn cả tay chân. Ông thầm nghĩ: "Quý Ly không như ta tưởng. Y là một người nham hiểm, nhưng biết che giấu kỹ càng nanh vuốt, thành thử nhìn bề ngoài cứ tưởng y là một người trung thực, chất phác, đôi khi vụng về đến dễ thương. Và chính y đã lừa được thượng hoàng. Vậy thời ta biết ăn nói làm sao bây giờ? Tuy nhiên, Nguyên Đán là người từ xưa không biết dối lòng, nên cứ nói điều mà ông nghĩ:

- Muôn tâu, thần nghĩ đến một người khác.

- Ai vậy?

- Tâu, người ấy chính là vương Ngạc. Ngạc là người có bản tính tốt. Có học vấn tinh thuần, lại biết nhún mình cầu tiến. Cho nên Ngạc có khả năng thu phục nhân tài, lại biết chính điều bất chính. Do vậy, vương Ngạc có dư sức làm trong sạch bộ máy triều đình. Nếu hoàng thượng dùng vương Ngạc, chắc chắn hoàng thượng có thể rảnh tay lo

việc lớn. Muôn tâu, tân quân mới lên ngôi, tuổi còn non nớt, chưa trải đời, trải việc, vì vậy phải có chỗ chắc chắn để nương tựa, thời mai đây quan gia mới đủ sức lèo lái con thuyền quốc gia, kế được nghiệp lớn mà thượng hoàng **đã** ưu ái ban cho.

Nghệ tông cười khà khà:

- Tưởng ai chứ Ngạc thì ta còn lạ gì. Ta đẻ ra nó sao ta không biết tài năng của nó. Những điều vương đệ nói về nó đều có cả, song không phải được cả như thế. Hãy để ta xem.

Nguyên Đán cáo lui, lòng trĩu nặng như cả một dãy núi Tản đè lên hai vai.

XXIV

Lễ cưới công chúa Indra Pantura với hoàng tử vương Húc được vua Champa cho cả nước nghỉ ba ngày, riêng kinh thành Chà Bàn dân chúng được nghỉ vui chơi hội hè, nhà nước mở cửa kho chẩn cấp cho mọi người yên tâm dự hội.

Cả nước hoan hỷ, từ kinh thành tới nơi thôn cùng xóm vắng, đều vang lên lời ca tiếng hát, tiếng trống, tiếng kèn... Những người già nhất nước nói cho con cháu biết, gần tám chục năm rồi Champa mới lại có ngày hội lớn như thế này. Ngày hội lần trước là đức Harijit, tức vua Indra Varman đệ tam cưới nàng Huyền Trân - công chúa Đại Việt; nay thì công chúa Champa lại cưới hoàng tử Đại Việt.

Với Chế Bồng Nga thì khác, dụng ý của ông, ngoài việc để vương Húc thấy ông thực lòng tin yêu y, còn là việc ông cho cả nước ăn mừng chiến thắng. Trong lịch sử dựng nước của Champa từ thượng cổ tới nay, có bao giờ người Champa giết được vua Đại Việt, lại bắt sống được hoàng tử nước họ. Đánh tan một đội quân hàng chục vạn người, đã bao phen làm nghiêng đổ thành trì Champa. Chiến

thắng có một không hai ấy, tại sao lại không khao thưởng toàn quân, toàn dân. Nhưng Chế Bồng Nga không bố cáo điều đó trước trăm họ, là bởi ông sợ nó sẽ gây bất bình cho vua tôi Đại Việt, mà điều ấy thì không có ích gì cho những mưu mô toan tính của ông.

Kinh thành Chà Bàn vốn đã mỹ lệ, nay hầu khắp các lâu đài, cung điện, đền tháp và cả các đường phố, các vườn ngự cũng đều chăng đèn kết hoa. Ban ngày thì sắc màu huyền ảo. Ban đêm thì ánh sáng muôn màu tỏa chiếu rực rỡ. Người người qua lại nườm nượp. Ai cũng mặc bộ quần áo đẹp nhất của mình đi dự hội. Và khắp bốn phương tám hướng, bất cứ đứng, ngồi ở đâu người ta cũng nghe thấy lời ca tiếng nhạc. Trước cung điện nhà vua, ban vũ nhạc cung đình thay phiên nhau hát múa, đàn địch cho các đại thần và cả dân chúng cũng được vào xem. Một nhóm mười hai vũ nữ mặt hoa da phấn, nom tựa như các nàng tiên đang múa theo vũ điệu Ta-ma-ne H'rung của người Champa. Đây là vũ điệu hoan ca mừng chiến thắng. Điệu vũ có từ thời bộ lạc Cauthala đổ bộ lên chiếm được dải đất ven biển này, do đức bà Po Nagar dẫn lối chỉ đường. Các tiên nữ ăn vận giống hệt người Champa quí phái. Mũ vàng chóp nhọn, mỗi đỉnh chóp đều được gắn một viên kim cương, hoặc viên mã não phát sáng lung linh, tưởng như các nàng có thêm mắt ở trên đầu. Mỗi người deo một bông tai vàng có đính hồng ngọc. Tất cả đều ngực trần chỉ đeo có mỗi một cái đỡ hai chúm vú bằng

vàng dát mỏng, trổ hoa lá và nạm vào đó những viên ngọc li ti phát ra đủ màu lấp lóa.

Mỗi bên cổ tay đeo bảy chiếc vòng nạm kim cương lấp lánh. Và mỗi vũ nữ đều vận một chiếc xiêm ngắn đến nửa dùi, mỏng nhẹ như khói, dường như nó được dệt bởi một thứ tơ trời. Và mỗi bên cổ chân đều đeo một chiếc vòng bạc, gắn bảy chiếc lục lạc vàng. Các vũ nữ múa theo nhịp trống paranưng, kèn saranai, sáo tampo. Ban nhạc ngồi khuất lấp phía sau tấm bình phong chạm trổ cảnh hải quân Champa đang hỗn chiến với thủy quân Chân Lạp. Quân Chân Lạp thua, bị vây tròn trên mặt biển. Không ai nhìn thấy gương mặt các nghệ sĩ trong ban nhạc, nhưng các hòa âm từ sau tấm bình phong kia vút lên, lúc rì rào như gió đang trò chuyện cùng nắng, lúc sục sôi như sóng gầm bão xoáy; lúc như nhịp lướt nhẹ nhàng của gió, đang cùng sóng chở lời ru ca của mẹ, từ một hoang đảo nào đó, tới những người con xa xứ. Khi các nhạc khí ném ra những âm thanh xô dẩy nén dồn thì từ phía các cổ tay, cổ chân của các vũ nữ tiếng vòng xuyến, tiếng lục lạc cũng rung lên, vút lên và quyện hòa vào nhau thổn thức. Vừa như tiếng nấc, lại vừa như tiếng reo bi hùng của cả một dân tộc, được nén giấu trong các nhạc khí, và được lưu giữ tại nơi cổ tay cổ chân của các vũ nữ kia.

Từ vua quan đến chúng dân, mọi người đều như dại như ngây, dường như họ đang cùng đọc cuốn biên niên sử vĩ đại của cả dân tộc, qua âm hưởng của các nhạc khí,

và ngôn ngữ không lời được biểu hiện qua các vũ điệu thần kỳ. Ba ngày hội hè thỏa thuê, dân trong toàn cõi Champa đều phấn chấn về sự tự cường của dân tộc, và hết thảy mọi người từ trí đến ngu đều tôn vinh Chế Bồng Nga là đức vua anh hùng nhất của dân tộc mình.

Trong khi dân chúng cả nước vui hội hè thì tại tòa Nguyệt cung, triều đình cử hành hôn lễ cho công chúa Indra Pantura với Ngự câu vương Húc, hoàng tử Đại Việt.

Các quan đến chúc mừng với không biết bao nhiêu quà, lễ quí hiếm cùng các báu vật tiến dâng.

Cuộc vui diễn ra tưng bừng suốt ba ngày đêm. Cung điện lúc nào cũng đầy ắp khách tiệc tùng. Nhã nhạc như đưa mọi người vào cõi mộng. Trong khi đó, tại Nguyệt Đoan phòng, hai ông bà mối đang hướng dẫn cho đôi giai nhân các tục lệ kiêng cữ của từng tuần tiết hợp cẩn giao hoan.

Điều bất hạnh cho cặp công chúa, hoàng tử này là bất đồng ngôn ngữ, khác với cuộc hôn nhân của quốc vương Chế Mân và công chúa Huyền Trân hơn bảy mươi năm về trước, đã được đức Trần Nhân tông vun đắp. Và Huyền Trân công chúa, trước khi về làm dâu xứ người, đã được vua cha cùng các tể thần dạy cho thông thạo ngôn ngữ và các phong tục tập quán nơi quê chồng. Thành thử Huyền Trân công chúa vào Champa như là một hiện thân của nền văn hóa Đại Việt, với sứ mệnh của chiếc cầu hòa hiếu.

Nay Húc, thân một tù binh được vua Champa đẩy đưa vào một mưu đồ chính trị, thông qua cuộc nhân duyên khiên cưỡng. Tội nghiệp cho đôi trẻ thơ ngây, cứ tưởng như là chúng được ân sủng của vua cha. Thương thay cho công chúa Indra Pantura, một trang quốc sắc, tuyệt sạch giá trong, bị vua cha đem dùng như một chiếc tốt trong ván cờ thế sự. Điều xót xa là công chúa không hề biết được vai mình phải diễn theo tích điển nào.

Còn hoàng tử vương Húc, tuy đã bước vào tuổi thành niên, đã nạp phi[1] nhưng cũng thơ ngây lắm, sao hiểu được các thứ mưu ma kế quỉ của Chế Bồng Nga. Chàng hồn nhiên tới mức, coi đây là sự thương yêu, sự mến mộ thật sự của quốc vương Champa đối với chàng. Và việc ông chăm sóc lương duyên cho đôi lứa, là một nghĩa cử của các bậc vua cha thường làm. Bởi nó đã vượt lên cả sự hận thù dân tộc, nó không chấp nê trong mối bất hòa của hai nước. Và chàng nhận lĩnh món quà hạnh phúc của quốc vương Champa trao tặng, không cần đắn đo suy nghĩ.

Hai người nằm trong chiếc giường thất bảo trải nệm gấm, lại phủ vải bạch bố, giữa giường là cây đèn chín bấc đang tỏa sáng, soi rõ bóng hình các tiên cô lấp ló trên vách tấm màn the. Và dưới chân đèn là một cơi trầu bằng vàng, trên mặt cơi trầu đặt một con dao bằng bạc trắng phau. Cạnh đó, chiếc ống nhổ loe miệng bằng vàng.

[1] Nạp phi: Lấy vợ.

Công chúa để nguyên xiêm y lộng lẫy, cả chiếc mũ vàng nạm ngọc, và trên đầu trùm phủ một tấm the màu tím nhạt. Nàng tựa vai bên chồng gối xếp, vẻ bẽn lẽn, nàng không dám nhìn tân lang mà nhìn vào cơi trầu và đĩa đèn đang cháy. Lòng bâng khuâng, nửa phần vui sướng, nửa chờ đợi xem cái gì sẽ xảy ra, nàng lướt mắt nhìn chàng. Nhưng công chúa vội cúi xuống ngay, bởi nàng bắt gặp cặp mắt chàng đang thiêu đốt toàn thân mình. Indra Pantura có cảm giác như những tia sáng từ đôi mắt chàng phát ra còn mạnh hơn, nóng hơn và sáng hơn cả cây đèn chín bấc kia. Nàng luống cuống như người rối trí. Lẽ ra phải têm trầu, rồi mời trầu chàng và cùng làm quen trò chuyện cho qua đêm, song nàng không biết làm gì cả. Và vô tình để một giọt lệ ngoen trên gương mặt trong sáng như thiên thần.

Chợt thấy nét buồn phảng phất và đôi giọt lệ đang lăn trên hai gò má của gương mặt thánh thiện kia, vương Húc trở nên lúng túng. Chàng đâu biết công chúa đang xúc động vì hạnh phúc đến với nàng bất ngờ quá. Và lầm tưởng nàng khổ đau vì mai đây phải theo chàng về Đại Việt. Vương nhoài người về phía nàng, và loáng đã ôm gọn nàng trong tay.

Công chúa hốt hoảng đẩy chàng ra. Vương Húc ngơ ngác nhìn nàng. Chàng không hiểu mình phải làm gì. Đoạn, vương mạnh dạn nắm lấy tay nàng và thầm thì nói những gì chính chàng cũng không tự biết. Công chúa

nghe những âm thanh trầm trầm tựa như lời ve vuốt. Mặc dù nàng chẳng biết vương nói gì, song nàng cảm nhận được sự dịu ngọt, và cùng lúc các giác quan của nàng đều thức dậy, đón nhận một cái gì tựa tựa như tiếng nói của tình yêu. Rồi nàng cũng e ấp nắm lấy tay vương, ve vuốt lên đôi má bầu bầu còn dậm lông tơ của chàng.

Vương Húc nhiệt tâm tiếp nhận tình yêu của công chúa, chàng quay ra thổi tắt cả chín ngọn bấc, rồi dẹp bỏ cơi trầu và cả cây đèn vào một góc giường. Nàng cố giằng tay chàng ra, cố níu giữ mà không được. Công chúa buông tiếng thở dài như phó mặc số phận cho thần linh, và mặc chàng gỡ bỏ xiêm y. Gần sáng, công chúa đánh thức vương dậy mặc lại long bào, rồi nàng tự tay thắp sáng chín ngọn bấc, xếp lại cơi trầu và con dao cho ngay ngắn, và chỉ chỗ cho chàng nằm ở một đầu giường, còn nàng nằm đầu kia. Việc ấy, Indra Pantura lặp lại đúng bảy đêm rồi mới dẹp bỏ hẳn.

Vương Húc không sao hiểu nổi. Đêm đầu chàng cho rằng nàng còn e lệ. Sang các đêm sau, nàng vẫn làm như vậy, chàng đã nghĩ đến một thứ lệ tục nào đó, song chàng không hình dung ra được. Cho tới khi nàng lại dẹp bỏ đi tất cả sau bảy đêm, thì chàng hoàn toàn không hiểu gì cả.

Sự thật, đây là một lệ luật bắt buộc mà bất kỳ đôi vợ chồng mới cưới nào cũng phải tuân theo. Nghĩa là cây đèn kia phải thắp thâu bảy đêm không lúc nào ngưng tỏa sáng. Và cơi trầu kia là vật đưa đẩy câu chuyện, lại cũng là

thứ làm cho thắm duyên nhau. Các cặp vợ chồng mới cưới, thường là "cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy" chưa có dịp hiểu biết về nhau, nên tục tệ tạo đà cho họ gần gũi nhau chứ không khiên cưỡng, gò bó. Quen hơi bén tiếng, hai mắt cùng liếc, hai lòng cùng ưa, rồi dẫn đến chuyện mây mưa thì tình yêu mới bền chặt. Đằng sau màn khói thần linh, người xưa gói chuyện đời trong đó. Rồi cháu con nối tiếp chỉ còn biết tôn thờ, bởi nếu không sẽ bị thần linh trách phạt, lứa đôi tan vỡ.

Indra Pantura, tuy đã lén dựng lại cảnh trầu đèn sau cơn chăn gối, vừa là để che mắt bọn nội thị, vừa là để tạ lỗi với thần linh. Song trong lòng nàng vẫn luôn áy náy lo âu.

Trong khi đôi trẻ còn chưa hưởng trọn tuần trăng mật thì vua cha đã đòi phải xếp lại gối chăn. Vương Húc phải lên đường ra trận. Chế Bồng Nga vỗ về:

- Chàng phò mã của ta. Ta ghen với đế nghiệp của con đó.

Vương Húc còn ngơ ngác, không hiểu vị quốc trượng này muốn nói gì, thì quốc vương Champa lại tiếp:

- Rõ ràng là con không hiểu được các việc ta đã làm và đang làm cho con.

- Bẩm phụ vương, con thật không hiểu ý phụ vương.

Chế Bồng Nga cười vang cả ngôi điện. Đoạn ông vỗ vai vương Húc, phán:

- Hãy nghe ta nói đây. số phận đã gắn bó con với con gái ta, gắn bó con với nước Champa anh hùng. Ta muốn

gây dựng đế nghiệp cho con. Hiện thời đội quân thần thánh của ta đã đánh tan quân Đại Việt, sắp đuổi họ ra khỏi đất Thăng Long. Nay ta đã thu hồi được miền đất hai châu: Châu Ô, Châu Rí xưa vì sức ép của Đại Việt, mà tổ phụ ta phải dùng nó làm sính lễ, để đón bà Huyền Trân công chúa về Champa. Nay ta trao lại đất ấy cho con. Ta cũng chinh phục được Châu Hoan và gần hết Châu ái. Tất cả vùng đất ấy đều thuộc về con. Vậy con phải làm tờ bố cáo, kêu gọi chúng dân qui tụ dưới triều đình của con. Nay mai, ta sẽ cho đội hải binh cùng đội tượng binh hùng mạnh của ta dẫn con về quê hương xứ sở. Triều đình của con tạm ngự ở Châu Ô, chờ khi ta thu phục xong Thăng Long rồi sẽ liệu. Vậy ý con thế nào?

Quả thật trong đầu của vương Húc chưa bao giờ tưởng tượng ra cảnh này; ngay cả trong mơ cũng chưa hề thấy. "Nhưng nó lại là sự thật sao?". Vương tự hỏi. Và vương thầm nghĩ: "Chẳng lẽ Đại Việt ta đã hèn yếu đến mức này sao? Chẳng nhẽ quân Chiêm đã lấy xong toàn cõi Đại Việt, chỉ còn có Thăng Long cũng sắp rơi vào tay bọn họ?". Kiểm xét lại từ ngày theo thúc phụ đi chinh phạt Chiêm Thành tới nay, vương Húc cảm như vừa trải qua một giấc mơ vừa hãi hùng vừa kỳ lạ: "Kể từ bữa vào Chiêm, mới đánh một trận vua tôi họ đã tan tác tháo chạy. Nhưng đánh sang trận thứ hai thì quân ta đại bại. Thúc phụ ta bị chết bởi tên độc giữa trận tiền. Còn ta thì bị bắt làm tù binh. Chưa kịp vào trại tù đã trở thành phò mã. Vừa làm phò mã đã lại sắp phải làm vua. Sự thay đổi vị thế đến

chóng mặt. Chẳng biết rồi nó sẽ còn đi đến đâu". Chợt nhớ Chế Bồng Nga đang hỏi, vương Húc vội đáp:

- Muôn tâu phụ vương, ý phụ vương là ý Trời.

Chế Bồng Nga gật đầu, và ông nở nụ cười như là một sự khen tặng đối với vương Húc. Sự thật vương Húc cũng không biết liệu tính ra sao, nên vương cứ phó mặc cho số phận, tựa như cánh bèo dạt xô theo sóng nước.

Nói rằng vương Húc viết lời bố cáo. Nhưng thực Chế Bồng Nga đã cho viết, cho in hàng vạn bản rải khắp mấy châu từ Hoan, ái đến Ô, Rí. Đại khái lời lẽ nhằm thóa mạ nhà Trần, tâng bốc Champa. Và người xứng đáng lên ngôi hoàng đế Đại Việt là vương Húc.

Lại nói các châu, quận, trấn, ly ở phía nam xa xôi, bấy lâu triều đình vẫn trao cho Đỗ Tử Bình coi sóc. Vừa là vỗ về dân chúng, trấn ngự biên cương; vừa là giữ mối giao hảo với Champa.

Thế nhưng Đỗ Tử Bình chỉ lo đục khoét lương dân, tăng cường thuế sưu, tạp dịch; ngay cả năm mất mùa y cũng không tha giảm, khiến lòng dân oán vọng triều đình chồng chất. Ngay việc binh bị, Tử Bình cũng phó mặc cho mấy viên đô tướng dưới quyền. Sức quân ngày một yếu.

Việc Tử Bình chăm chút nhất là lo vơ vét cho nặng túi, rồi chuyển gấp về Thăng Long cất giấu. Năm trước Duệ tông tức khí xuất quân rồi bỏ mạng, cũng vì Tử Bình muốn giấu nhẹm mười mâm vàng do Chiêm Thành đút lót mà xuyên tạc sự thật, để cho mọi việc đều trở nên sai, quấy.

Những điều như vậy người trong nước đều biết cả, duy có triều đình là vẫn như đui như điếc. Người có chữ nghĩa thì bảo triều đình vừa khiếm thính, vừa khiếm thị. Vì vậy, cứ mỗi lần Tử Bình thất trận về triều, là mỗi lần Nghệ tông lại vỗ về thăng thưởng. Duy có lần Duệ tông bị giết chết tại Chà Bàn, lòng dân oán giận không cùng, Tử Bình mới bị nhốt vào xe cũi giải về Thăng Long.

Thật tình là ngầm bảo vệ Tử Bình, để dân chúng khỏi xé xác y ra mà thôi.

Chế Bồng Nga biết đến gan ruột nội tình Đại Việt, nên ông khéo dùng vàng bạc mua chuộc các đầu mục người các trấn, lỵ. Lại có khi chở cả muối gạo đem phân phát cho người dân. Của cải Chế Bồng Nga cho dân không đáng kể, nhưng ông ta sai tay chân thân tín, cứ đồn thổi mãi cái tin đó đến tận thôn cùng xóm vắng, khiến người dân đã phần nào có thiện cảm với quân Chiêm. Lại dân các vùng Châu Ô, Châu Rí loáng thoáng vẫn còn người Chiêm ở lại, nay đều rủ rê người Việt về qui phụ với Champa.

Lòng dân đang rối, lại nhận được lời "Hịch" của vương Húc, hứa hẹn sẽ tha tô thuế, sưu dịch, lính tráng và kết thân với Champa để không bao giờ còn có họa chiến chinh. Ấy là nguyện vọng của người dân ở bất cứ thời nào, nước nào cũng chỉ mong có thế. Bởi vậy tới phần nửa số dân đã ngả theo vương Húc, cũng tức là ngả theo Champa.

Quân thám về báo, lòng dân đã có phần hướng về vương Húc, nhiều nơi còn thiết lập hương án để đón vua

mới. Chế Bồng Nga không bỏ lỡ cơ hội, bèn sai đại tướng điểm quân mã binh thuyền lập tức tiến nhanh vào Đại Việt. Đúng ngày 5 tháng 5 nhằm ngày tết Đoan ngọ, Chế Bồng Nga cho vương Húc xuất hiện trước dân chúng vùng Châu Hoan.

Trông thấy vương Húc, có người nhận ra cách đây mấy tháng, Húc theo hầu dưới trướng của Duệ tông, hành binh tiến đánh Chiêm Thành có ghé đất này ít bữa. Lại nghe nói sau khi Duệ tông trúng tên độc chết, thì Húc bị quân Chiêm bắt cầm tù. Sao bây giờ lại núp bóng quân Chiêm trở về tự lập làm vua?

Xét nhân cách Húc có phần khả nghi, người ta ý tứ đưa mắt cho nhau, bấm nhau tản đi vội. Ấy vậy mà vẫn có kẻ bợ đỡ đi theo, lại còn trơ trẽn hô hoán: "Đức vua thiên tuế!"

XXV

Tin bay về Thăng Long: Chế Bồng Nga gả con gái cho Ngự câu Húc, lại dẫn về Hoan Châu tiếm hiệu xưng vương, khiến cả triều đình chao đảo. Kinh thành như hỗn loạn. Các nhà giàu có đều đem của, đem con ngược Kinh Bắc hoặc lánh ẩn vào các miền rừng núi.

Từng giờ, từng khắc tin dồn dập đưa về: "Đại binh của Chế Bồng Nga theo đường biển đang tiến vào Thăng Long". Triều đình chưa biết ứng phó ra sao.

Tham mưu quân sự Lê Quý Ly thống suất đại quân, bèn cho dàn binh ra ken kín bốn mặt thành. Tướng quân còn dọa sẽ lấy đầu Chế Bồng Nga, nếu y dám hỗn hào xâm phạm kinh sư một lần nữa.

Vua sai Đỗ Tử Bình đem hải binh chẹn giữ cửa sông Đại Hoàng[1], không cho giặc tiến vào Thăng Long bằng đường thủy.

Tử Bình lập trại quân thủy, bộ dầy như bát úp. Chờ ba ngày không thấy giặc tới, ông cho bớt quân thủy lên bờ

---

[1] Ngã ba Vường trên sông Hồng, nơi giáp 3 tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên.

nghỉ ngơi. Hai quân thủy, bộ gặp nhau như cá gặp nước. Họ bèn mở các trò vui như kéo co, đánh vật, đều là trò giải trí thượng võ cả. Đúng lúc ấy thủy binh giặc ập tới.

Chế Bồng Nga vừa đánh vào quân thủy, vừa đổ quân lên bờ săn đuổi quân bộ của Đại Việt.

Bị đánh bất ngờ, quân Đại Việt trở tay không kịp, tháo chạy hỗn loạn. Đỗ Tử Bình được các vệ sĩ xốc lên ngựa, té chạy một mạch về tới Thăng Long vẫn chưa hoàn hồn.

Tham mưu quân sự Lê Quý Ly vội cho các vệ Thần sách, Long tiệp, Hổ bôn, Tứ thánh, Tứ thần... hộ giá Nghệ hoàng và quan gia lên thuyền chạy tuốt qua sông Cái về Đông Ngàn tránh giặc.

Thăng Long bỏ ngỏ.

Chế Bồng Nga dẫn đại binh vào kinh sư Đại Việt thong dong như người đi chợ. Lần này Chế Bồng Nga mặc sức cho quân lính lùng sục vào các nhà cướp của, bắt gái đẹp. Bởi Bồng Nga thừa biết nội tình Đại Việt đang rối ren, lòng dân bất mãn, sức quân tan rã, Nghệ hoàng nhu nhược, đế Nghiễn thơ ngây. Mà quyền hành lại đang bị Quý Ly và Tử Bình thao túng. Điều Chế Bồng Nga sợ nhất là Đại Việt có vua sáng, thâu góp được nhân tài như dưới thời Thiệu bảo[1], Trùng hưng[2] thì sức mấy mà người Champa dám bén mảng tới.

---

[1] [2] Hai niên hiệu của đời vua Trần Nhân tông (1279 - 1284) - (1285 - 1293).

Quân Chiêm Thành lục soát trong một dinh thự bắt được vị quan lớn, dẫn đến trước Chế Bồng Nga đang ngự trong điện Thiên An. Ngự câu Húc nhận ra người này là Lê Giác, chức đại an phủ sứ của kinh sư.

Chế Bồng Nga bèn ngồi tót lên chiếc ngai vàng bỏ trống, bắt Lê Giác phải quỳ lạy.

Lửa giận bừng bừng, Lê Giác nhổ nước miếng vào trúng mặt Chế Bồng Nga rồi quát: - "Quân giặc hỗn láo. Ta là quan của nước lớn, không được vô lễ. Ta nom tướng mạo mày chẳng sống được bao lâu nữa. Liệu mà tu tỉnh hàng phục sớm đi, kẻo người Đại Việt không tha mạng cho mày đâu!".

Chế Bồng Nga không ngờ lại có kẻ dám táo tợn hạ nhục y trước ba quân. Y rút gươm chém sạt góc long án. Rồi hét:

- Lời rủa kia sẽ ứng nghiệm vào mi! Quân, lôi tên này ra chém, đem thủ cấp nó vào đây cho ta!

Ba quân dạ ran. Một loáng, hai tên lính Chiêm Thành đã khiêng chiếc đầu Lê Giác còn nguyên búi tóc đặt trong chiếc mâm đồng, máu ngoen đỏ lòm, nhưng đôi mắt ông vẫn mở trừng trừng, khiến Chế Bồng Nga rợn tóc gáy quay đi. Và y phẩy tay cho lính khiêng ra. Những người Việt, người Chiêm có mặt tại đấy, không ai không ngầm kính trọng Lê Giác.

Trở lại Thăng Long, thượng hoàng Nghệ tông sai đem hòm gỗ thơm tẩm liệm cho Lê Giác. Nhà vua thân đến tận

nhà viếng. Thượng hoàng rỏ nước mắt viết sắc truy phong cho Lê Giác: "*Mạ tặc*[1] *trung vũ hầu*".

Các quan đều cúi mặt mặc niệm Lê Giác, và thầm phục ông là con người khí phách. Lại nghĩ: "Cũng đúng thôi, vì Giác là con của cố nhập nội đại hành khiển Lê Quát, vốn là học trò yêu của Chu An".

Nhìn năm chữ "Mạ tặc trung vũ hầu", như gợi cho mọi người nhớ về đức Trần Bình Trọng đánh giặc thời Trùng hưng. Bình Trọng bị giặc hãm vào thế cùng, nhất định không chịu hàng. Khi giặc bắt, dụ dỗ, ông một mực khinh ghét, không thèm nói với chúng một lời. Tới khi chúng nịnh: "Hay ta đưa ông về làm vương bên đất Bắc?". Ông giận dữ thét: "Ta thà làm quỉ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc".

Giặc liền giết ông. Và ông được Thánh tông truy tặng tước "Bảo nghĩa vương", lại sai thợ vẽ hình ông lưu lại.

Lê Giác không có được chiến công như Trần Bình Trọng, song lòng trung dũng với nước của hai ông thật đáng lưu dấu muôn đời.

Cái chết của Lê Giác làm sống lại tinh thần hào hùng của Đại Việt. Làm ấm lòng tướng sĩ, khích lệ sĩ khí. Và ngay cả trong dân, khí thế như cũng được nhen thêm.

Tin về cái chết đầy phách lực của quan đại an phủ sứ

---

[1] Mạ tặc là chửi giặc.

của kinh sư, một bữa bay về tới quán nước bên sông của một làng nọ.

Nhân buổi đi dạo cùng với viên gia tướng ở ngoài bờ sông, thấy trong quán đông người, lại có tiếng nói ồn ào, Trần Khát Chân đang muốn ghé vào thì viên gia tướng liền nắm tay cậu đứng dừng lại. Bởi lúc ấy trong quán vừa có tiếng người nói dõng dạc:

- Suốt từ đời Trùng hưng tới nay mới lại thấy sự lạ.

- Sự lạ gì đó thưa cụ? Tiếng một người khác lễ phép hỏi.

Người có giọng nói ấm áp vừa rồi liền đáp:

- Chẳng là thời Trùng hưng ở vùng ta đây có đức ông Trần Bình Trọng[1] vừa đánh vỗ mặt giặc Thát, lại vừa thét chửi mắng giữa mặt chúng khi chúng bầy trò dụ dỗ. Gương trung liệt ấy muôn đời sau còn soi mãi. Gần một trăm năm sau, nay lại có quan đại an phủ sứ Lê Giác bị giặc Chiêm bắt toan hạ nhục, quan ngài vừa nhổ vào mặt Chế Bồng Nga vừa quát chửi.

Hẳn nhiên là đức ông Bình Trọng và quan đại an phủ sứ đều bị giặc giết. Đức ông ngày ấy được thượng hoàng

---

[1] Trần Bình Trọng dòng dõi Lê Đại Hành, thời Trần Nhân tông có công dẹp giặc Thát năm Ất dậu (1285) được ban quốc tính (đổi theo họ vua). Bình Trọng quê gốc Hà Lang (sau đổi Hà Lương) nay thuộc huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa. Đời Trần được phong thực ấp ở làng Nhuế Dương lộ Hải Đông, nay thuộc huyện Kim Động, Hưng Yên. Gia đình ông dời về đấy ở. Trần Khát Chân là cháu bốn đời Trần Bình Trọng, ông được sinh ra và lớn lên tại đây.

Trần Thánh tông truy phong làm "Bảo nghĩa vương". Còn quan đại an bây giờ được thượng hoàng Nghệ tông truy phong làm "Mạ tặc trung vũ hầu".

Những chuyện như thế cứ lan truyền trong dân như một vết dầu loang.

Thấy người ta nói về tổ phụ mình với đầy lòng kính ái, Trần Khát Chân không khỏi tự hào.

Đức Bình Trọng chính là cao tổ[1] của Khát Chân. Dòng dõi mấy đời làm thượng tướng. Khát Chân tuy còn nhỏ, song vẫn có chí lập công với đời. Năm nay Khát Chân mới 15 tuổi. Nhưng cứ mỗi lần nghe quân Chiêm Thành ngang nhiên vào ra đất kinh sư, là lòng cậu lại sôi lên. Đã nhiều lần Khát Chân xin với mẹ lập đội tinh binh, để lớn lên dùng vào việc nước. Phu nhân thương con, song bà không thể chiều theo ý con. Bà thường nghĩ: "Binh là việc hiểm, trẻ con không nên biết".

Đức ông sớm khuất, bà trông nom thái ấp và nuôi dạy các con. Công việc thật là quá sức đối với phu nhân. Song trước hiện tình đất nước rối ren, giặc ngoài lại luôn quấy

---

[1] Cao tổ là kỵ nội, tức tổ 5 đời. Theo thứ tự:

1) Cao tổ (kỵ nội)

2) Tằng tổ (cụ nội)

3) Tổ (ông nội)

4) Khảo (cha)

5) Kỷ (bản thân)

nhiễu, mà Khát Chân ngày đêm năn nỉ, khiến bà cũng mủi lòng. Phu nhân nghiêm giọng nói:

- Con còn quá nhỏ chưa thể cáng đáng được việc quân.

- Trình mẹ, con có nói con xin đi đầu quân đâu. Con chỉ xin mẹ cho lập đội tinh binh trong phủ, để hàng ngày con được luyện tập cho quen. Lỡ mai đây triều đình sai khiến, con không còn bỡ ngỡ.

- Thôi được! Phu nhân gật đầu. Ta bằng lòng cho con lập đội tinh binh, nhưng phải đợi sang xuân, khi con vào tuổi 16 đã. Chí ít cũng phải vào tuổi của đức Hoài Văn hầu[1] khi đi dự đại hội Bình Than đã chứ.

- Thưa mẹ, con xin lĩnh ý.

Trần Khát Chân vui mừng khôn xiết. Chàng tự nhủ: "Chỉ còn hai tháng nữa là sang xuân. Và thế là ta đã vào tuổi 16. Ta sẽ có đội tinh binh, sẽ tha hồ mà tập luyện". Còn bây giờ, chàng xin với vị gia tướng dạy cho chàng những thế võ dùng trong quân thủy và cả cách đánh quân thủy nữa. Chắc rồi sẽ phải học cả đánh bộ, đánh ngựa. Nhưng Khát Chân vẫn yêu thích hải binh hơn. Vì đó là nghiệp nhà. Từ đức cao tổ xưa đã giỏi nghề đánh thủy.

Lê Bá Lượng vốn là gia tướng của thân phụ chàng. Ông là một người theo nghiệp võ, nhưng văn tài cũng vào loại xuất chúng. Ông thường khuyên Khát Chân:

---

[1] Hoài Văn hầu tức tiểu tướng quân Trần Quốc Toản.

- Người làm tướng, không được trọng võ khinh văn. Tiểu chủ còn trẻ nên trau dồi văn chất để rèn cho cái đức được tinh thuần. Muốn thông nghiệp võ, phải thạo nghiệp văn. Nếu tướng chỉ chăm biết việc đánh thành, diệt viện mà không thông tỏ nghiệp văn, đó là loại thiên lôi chỉ đâu đánh đấy; dù suốt dời ở trong quân ngũ vẫn không có sự nghiệp. Hoặc giả thân làm tướng mà chỉ thạo văn, dốt võ, ấy là loại tướng đánh giặc bằng mồm.

Khát Chân tuy còn nhỏ tuổi nhưng có cái tâm hướng thiện, nên bao giờ chàng cũng coi trọng lời huấn giáo của các bậc cao niên. Hơn thế, vị gia tướng này là người chàng hằng ngưỡng mộ. Bởi vậy những lời ông nói, chàng luôn ghi lòng tạc dạ. Đoạn chàng hỏi:

- Người làm tướng cần những đức tính gì thưa ông?

Nghe chàng hỏi, Lê Bá Lượng hơi sửng sốt. Ông không ngờ tiểu chủ của ông đã sớm tỏ ra người có trí lực. Cười nheo cả hai mắt, nhìn cậu chủ với vẻ tự hào, ông đáp:

- Thưa tiểu chủ, đức của người làm tướng phải hội đủ ba điều: nhân-trí-dũng.

- Thưa, liệu có thể thiếu được điều nào trong ba điều ấy không?

- Không! Thưa tiểu chủ không thể thiếu được điều nào cả.

- Vì sao vậy?

- Vì rằng, người làm tướng không có đức NHÂN sẽ là kẻ uống máu không tanh, coi máu xương sĩ tốt như bùn,

coi mạng sống con người không bằng con vật. Tướng ấy không bị quân thù giết cũng bị kẻ dưới quyền ám hại.

- Còn có NHÂN có DŨNG mà không có TRÍ ư? Đó là loại ngu tướng; loại tướng này hễ ra quân là thủ bại.

- Có NHÂN có TRÍ mà không có DŨNG thì sao? Đấy là loại tướng hèn.

- Thưa, các bậc tướng nước nhà hiện nay thuộc loại nào, mà để cho quân Chiêm Thành vào ra đất Kinh sư dễ dàng làm vậy? Tôi chắc họ phải hội đủ ba đức lớn như ông nói, thì triều đình mới trao quyền làm tướng cho họ chứ?

Câu hỏi rất hồn nhiên của tiểu chủ, song Lê Bá Lượng không biết phân giải thế nào cho Trần Khát Chân hiểu được, mà không mắc tội bất kính với các bậc nguyên nhung. Thật tình Lê Bá Lượng cho rằng, các hàng tướng lĩnh đương triều, có quá nhiều đức tính mà người làm tướng không cần có; và họ thiếu tất cả những đức tính người làm tướng cần phải có. Bởi vậy đất nước mới rơi vào thảm cảnh, như một ngôi nhà không có tường chắn mái che. Do đó, quân Chiêm Thành mới ra vào Thăng Long như vào chỗ không người. Sực nhớ, chưa trả lời tiểu chủ, Lê Bá Lượng dẫn dụ một cách mơ hồ.

- Tiểu chủ à, việc này đem soi vào các bậc trụ cột của triều đình khó lắm. Coi chừng, tai họa đấy.

Khi nào tiểu chủ cầm quân khắc tự kiến giải được.

Trần Khát Chân không cho điều vị gia tướng nói là

phải. Song cậu cũng lờ mờ nhận thấy có điều gì mà ông ta không tiện nói.

Một lát, Trần Khát Chân lại hỏi:

- Bữa trước, ông có cho tôi đọc cuốn: "Vạn Kiếp tông bí truyền thư" của đức ông Hưng Đạo đại vương, và cả cuốn "Tôn Tử binh pháp". Ông lại dặn thu nhận được điều gì trong hai cuốn đại binh thư ấy thì nói cho ông hay. Vậy, hôm nay tôi đã nói được chưa?

Vị gia tướng mặt mày rạng rỡ, nhìn vào đôi mắt sáng như hai vì sao lấp lánh của Trần Khát Chân, ông giục, giọng đầy phấn khích:

- Tiểu chủ nói đi. Tôi không mong gì hơn thế nữa.

- Trước hết về cuốn của Tôn Tử, tôi đọc say mê lắm. Đọc xong, tôi thấy thích thú vô cùng. Dường như các điều cần thiết cho đời người làm tướng, Tôn tiên sinh đều có dạy cả. Tôi đọc tiếp lần thứ hai rất thong thả, vừa đọc vừa suy ngẫm mong thâu nhận được nhiều hơn. Gấp sách lại suy nghĩ, tôi không còn thích nữa.

- Vì sao vậy, tiểu chủ? Tướng giỏi các đời xưa nay, không ai không học qua sách ấy.

Trần Khát Chân mặt hơi ửng hồng. Dường như cậu lúng túng không tìm ra lời để bầy tỏ sự nhận biết của mình.

Lê Bá Lượng mỉm cười như một sự khuyến khích. Đoạn Khát Chân nói:

- Thật tình, sau khi đọc xong binh pháp của Tôn tiên

sinh, tôi thấy hiện ra trước tôi một con người vừa trí vừa sảo. Tôi không biết nói ra điều ấy có mang tội bất kính với tiên sinh và cả với ông không. Nói xong, Trần Khát Chân cúi đầu, tay mân mê hàng khuy áo, tựa như chàng đang có mặc cảm lỗi lầm.

Nghe tiểu chủ bình phẩm về binh pháp của bậc đệ nhất binh gia, Lê Bá Lượng toát mồ hôi. Vì rằng ông học, và cả những người dạy ông đều nhìn nhận và tiếp nhận từ cái trí, còn tiểu chủ lại tiếp nhận từ cái tâm, nên cậu tìm ngay được nhẽ đục, trong.

- Thế còn Hưng Đạo binh pháp thế nào, thưa tiểu chủ?

Bỗng nhiên gương mặt Trần Khát Chân bừng sáng, chàng đáp:

- Thú thực với ông, đọc "Vạn Kiếp tông bí truyền thư" lần thứ nhất tôi không thấy thích, và cũng chẳng hiểu gì cả. Bởi tôi cứ tò mò tìm những điều "tông bí" như là một phép lạ. Lại tự nghĩ, chẳng nhẽ Quốc công tiết chế viết sách này, là người đã từng đánh bại đội quân có sức mạnh nghiêng trời lệch đất, mà không phải là sách hữu dụng ư? Tôi bèn đọc lại, vừa thong thả, vừa mở lòng thơ thới. Kỳ lạ lắm ông ạ, lập tức mọi sự đều trở nên giản dị làm sao. Tôi tự cho là mình đã nắm được yếu thuyết của Đức ông. Rồi lại nghi ngờ, hay là mình tự huyễn hoặc. Tôi thử bầy tỏ điều mình thụ cảm được, để ông duyệt xét, có nên chăng?

- Dạ được, xin tiểu chủ cứ cho nghe.

- Vâng, chỉ xin ông đừng cười tôi là thằng bé ngoa ngôn. Tôi hiểu Đức ông trước ở lòng nhân, và tôi thấy có mấy điều tâm đắc:

- Người làm tướng phải hết lòng tin vào binh sĩ.

- Người làm tướng phải hết lòng yêu thương binh sĩ. Coi máu xương của họ như máu xương của người ruột thịt mình, như máu xương của chính mình.

- Tướng, binh đồng lòng vì nước.

- Tướng binh cùng chia sẻ ngọt bùi, cay đắng.

- Người làm tướng phải gương mẫu, phải xông vào nơi hiểm nguy trước binh sĩ.

- Người làm tướng phải sáng suốt, để khỏi mắc mưu giặc.

- Người làm tướng thưởng phạt phải công bằng. Mọi việc đều quang minh chính đại...

Làm được các việc trên, là hội đủ ba điều: *Nhân-Trí-Dũng* như ông nói. Và đấy là yếu thuyết của "*Vạn Kiếp tông bí truyền thư*".

Trần Khát Chân vừa dừng lời, Lê Bá Lượng bèn sụp lạy.

Cậu bé 15 tuổi không biết điều gì đã xảy ra với vị gia tướng. Và cậu chắc là lỗi tại mình. Trần Khát Chân luống cuống đỡ Lê Bá Lượng dậy. Hai hàng nước mắt cậu chảy ròng ròng:

- Xin ông tha tội, chẳng hay tôi có điều gì đã xúc phạm đến các bậc tiền bối, xúc phạm đến ông? Lê Bá Lượng xua tay:

- Không phải thế! Không phải thế! Tiểu chủ ơi, tôi xúc động quá. Trời ban cho tiểu chủ nghiệp làm tướng đấy. Tiểu chủ đã tâm cảm được yếu thuyết của Đức ông Trần Hưng Đạo rồi. Tôi xem đây như một sự đốn ngộ, tựa như Lục tổ Huệ Năng[1] đối với Ngũ tổ Hoằng Nhẫn[2] vậy.

- Ông có làm sao đấy không? Ông nói cái gì về Ngũ tổ với Lục tổ, tôi chẳng hiểu gì cả.

Vị gia tướng cười hồn hậu:

- Không có gì đâu tiểu chủ. Chẳng là tôi mừng quá. Bởi tiểu chủ vốn có thiên bẩm về nghiệp làm tướng. Tôi nhìn thấy ở tiểu chủ một vị tướng tài ba, có thể sánh với các bậc huân tướng thời Trùng hưng. Đúng là lão ô bách tuế không bằng phượng hoàng sơ sinh[2]. Thật là đại hạnh cho nước nhà lắm lắm.

Lại nói Nghệ hoàng trở về Thăng Long, lòng tan nát

[1, 2] Dòng Thiền phương Nam do Bồ Đề Đạt-ma đưa từ Ấn Độ sang Trung Quốc truyền theo y, bát được 6 đời gồm: sơ tổ Đạt-ma, nhị tổ Tuệ Khả, tam tổ Tăng Xán, tứ tổ Đạo Tín, ngũ tổ Hoằng Nhẫn, lục tổ Huệ Năng. Trường hợp Huệ Năng tâm cảm được ý của ngũ tổ Hoằng Nhẫn trong bài kệ nổi tiếng, mặc dù ông không biết chữ. Và do sự tranh giành y bát trong đời, nên từ Huệ Năng, ông không truyền y bát nữa mà chỉ truyền đạo. Tức là ông tránh sự hình thức mà tìm về bản ngã.

[2] Có nghĩa là con quạ già trăm tuổi, không bằng con phượng hoàng mới sinh. Lê Bá Lượng cho rằng suốt 30 năm ông học hỏi, dò tìm sâu nông nội điển, mà sự hiểu biết vẫn còn mờ mờ mịt mịt. Vậy mà tiểu chủ của ta mới đọc qua đã nắm được yếu pháp của binh thư.

về nỗi sức quân yếu hèn, kinh thành xơ xác. Nhà vua hỏi bá quan:

- Làm thế nào để tăng sức quân? Làm thế nào để ngăn giặc dữ phương nam?

Các quan còn chưa hết kinh hoàng thì làm sao mà nảy sinh ra kế sách.

Nghệ tông dừng cặp mắt nơi Đỗ Tử Bình, như ngầm khích lệ ông ta hãy vì vua mà hiến kế.

Tử Bình đặc trấn mặt nam, bấy lâu nay bị Chế Bồng Nga đánh cho thất điên bát đảo, nên đã bớt huyênh hoang. Ông thừa biết hiện tình quân lính ra sao. Đến lương thực còn chẳng đủ ăn; quần áo, khí giới tất cả đều thiếu, đều cũ nát, rệu rã như tinh thần của họ vậy. Một đội quân như thế làm sao mà đánh được giặc.

Tử Bình ấp úng bước ra khỏi ban:

- Tâu thượng hoàng, giặc đến không thể không đánh. Nhưng sức quân xuống lắm. Phải vực lên cấp kỳ. Mà muốn vực thế quân lên, nhà nước phải có tiền. Thật nhiều tiền. Vì rằng người lính, ngoài cái ăn, cái mặc lại còn phải có khí giới, thuyền bè, xe ngựa.

Nghệ hoàng cau vầng trán, hỏi lại:

- Khanh bảo ta lấy đâu ra thật nhiều tiền bây giờ. Đến cung điện của ta, dinh thự của các đài, sảnh, viện giặc đốt phá chẳng có tiền mà sửa, còn lấy đâu ra tiền để sắm khí giới, ngựa xe, thuyền bè nữa?

Tử Bình bèn tâu:

- Thần xin dâng thượng hoàng một kế mọn. Tình thế không thể cưỡng được, ta nên bắt chước "phép dung" của nhà Đường. Tức là ngoài thuế ruộng đất, nay thêm một sắc thuế thân cho các đinh nam. Mỗi đinh nam một năm phải đóng 3 quan. Cả nước có hai triệu đinh, bệ hạ lập tức có 6 triệu quan chi dụng cho việc binh.

- Thôi được! Thượng hoàng tặc lưỡi. Ta vốn không muốn phiền nhiễu dân, nhưng không còn cách nào khác nữa. Vậy bên hành khiển ty cứ theo kế của Tử Bình mà làm.

Quý Ly cũng xin thượng hoàng cho chọn trong quân các vệ, người nào mạnh khỏe, thông hiểu võ nghệ thì sung làm vệ sĩ.

Lại xin cho Nguyễn Bát Sách quản quân Thiết sang; Nguyễn Vân Nhi quản quân Thiết giáp; Nguyễn Hố, Lê Lặc quản quân Thiết liêm; Nguyễn Thành Liêm, Nguyễn Thành Du quản quân Thiết hổ; Trần Quốc Hưng quản quân Ô đồ...

Các việc trên, thượng hoàng cùng quan gia đều y cho cả.

Qua lời tâu trình và hiến dâng kế sách, thượng hoàng Nghệ tông càng đem lòng yêu dấu Quý Ly. Ngài tự nghĩ: "Thế nước đang chung chiêng, không thể không dựa vào con người này". Ngài nhìn thấy ở Quý Ly, con người đang ẩn chứa một tài năng ghê gớm, nhưng chưa có thời cơ thi thố. Lại cũng nhìn thấy ở người anh em bà con họ ngoại

này, một tấm lòng trung hậu vô song. "Con người này phải được trao quyền hơn nữa". Thế là ngay lập tức, thượng hoàng ban lệnh thăng cho Quý Ly làm tiểu tư không, vẫn kiêm hành khu mật viên đại sứ như cũ.

Do không được bàn định từ trước việc cất nhắc này, nên từ quan gia đến tả tướng quốc Trang định vương Ngạc cùng bá quan đều chưng hửng.

Tan chầu, Nghệ tông cho gọi Quý Ly vào hậu điện, dặn nhỏ:

- Ta không sợ Chế Bồng Nga, nhưng cứ phòng trước.

Quý Ly tưởng Nghệ hoàng bàn kế phòng chống giặc Chiêm bèn sụp lạy:

- Để cho thượng hoàng lúc nào cũng phải áy náy lo âu, thần thật đắc tội. Việc dẹp lũ cướp biển Chế Bồng Nga, thần đã có diệu kế. Nhất định thần phải bắt bằng được Chế Bồng Nga để làm lễ hiến phù cho bệ hạ đẹp lòng.

- Biết! Ta biết khanh tận trung lắm. Việc đánh giặc, khanh hãy bàn kỹ với Tử Bình. Ta thấy kế của Tử Bình dùng tạm được. Nhà nước có tiền, các khanh kíp vực thế quân lên. Hiện thời trong kho ta còn ít tiền đồng, khanh đưa sang cất giấu trong hang núi Thiên Kiện[1], núi Khả Lãng[2] cho ta. Bữa trước lánh giặc về các vùng đó, ta thấy

---

[1] Một địa điểm thuộc huyện Tiên Du, Bắc Ninh.

[2] Một địa điểm thuộc Bắc Giang.

hai nơi ấy cất giấu thì kín nhẹm, mà lúc cần lấy đi cũng tiện. Việc này ta chỉ cho một mình khanh biết, nhớ giữ kín kẻo giặc đánh hơi thấy thì khó mà toàn vẹn được với chúng.

Quý Ly vội quì xuống vái nhà vua:

- Thần xin lĩnh mệnh.

Cho quân đi cất giấu tiền của, vẽ bản đồ nơi chôn cất xong, Quý Ly dâng cho Nghệ hoàng. Nhà vua úy lạo mãi.

Về nhà, Quý Ly tự xét: "Không biết vì sao Nghệ hoàng tin yêu ta như vậy. Càng ngày càng ủy giữ chức cao, lộc hậu. Nhưng xem ra thái úy tả tướng quốc Trang định vương Ngạc cùng quan gia và nhiều người khác vẫn cứ canh chừng ta, hằm hè với ta. Họ cố kết với nhau, còn ta không có ai bè đảng, lỡ xảy ra chuyện gì, biết tính sao". Nghĩ vậy Quý Ly bèn cho mời Nguyễn Đa Phương đến đàm đạo.

Phương vốn là con của Sư Tề. Sư Tề là thầy dạy của Quý Ly. Hồi nhỏ, học Sư Tề, Quý Ly vẫn chơi bời giao du với Đa Phương, nhận Đa Phương làm nghĩa đệ. Đa Phương lớn lên cũng là một tay cự phách trong giới võ lâm. Từng ở trong quân, bị giặc Chiêm bắt, sau lại trốn về được. Ai cũng phục Phương là người trí, dũng.

Quý Ly là người có chí lớn, văn võ kiêm thông; học vấn tinh thuần. Ông vẫn nuôi chí đem tài năng cải hóa cả nền văn hiến lẫn võ bị nước nhà, song vận hội chưa đến. Quý Ly còn là một người vừa sắc sảo vừa kín đáo. Việc bại

không làm ông nản chí. Việc thành, ông cố che giấu bớt đi, chứ không huyênh hoang tự đắc. Vì thế đời ít người để ý đến ông. Duy có hai người ông rất nể sợ ấy là quan tư đồ Trần Nguyên Đán, và thái úy tả tướng quốc Trang định vương Ngạc. Hai người này có thể nhìn thấu ruột gan ông. Nguyên Đán là người kín đáo, đôi khi còn trò chuyện hỏi han ông, chứ thái úy Ngạc dường như khinh ông ra mặt. Ông vẫn luôn áy náy, nếu vương Ngạc mà ở ngôi cao, chắc ông sẽ bị vứt ra lề đường.

Trời đã xế chiều, Quý Ly sai gia nhân dọn gian đại sảnh, gây đốt lò trầm rồi hâm nóng rượu. Vừa lúc ấy thì Nguyễn Đa Phương cũng ghìm cương ngựa phía cổng ngoài. Hai tiểu đồng cúi chào Đa Phương rồi đón lấy cương ngựa. Quý Ly lật đật chạy ra đón Đa Phương rồi dẫn vào nhà.

Rượu được một tuần, Quý Ly mới vào chuyện:

- Nghĩa đệ có biết hôm nay ta mời em đến có việc gì không?

Nguyễn Đa Phương đặt bát rượu xuống khay, nhìn khắp gian nhà rồi nói:

- Quan Tư không vừa được thượng hoàng thăng thưởng, nhớ đến tình anh em thuở hàn vi nên cho gọi đến khao, chắc là vậy.

Quý Ly cười. Ông có vẻ tự thẹn, bởi chính ông không nghĩ tới chuyện chia vui với người anh em cố cựu. Song vẫn gật đầu và nói:

- Đấy cũng là một nhẽ. Còn một nhẽ nữa, ta muốn hỏi ý em trước khi tâu lên thượng hoàng.

Đa Phương tròn xoe mắt ngạc nhiên. Ông chưa biết là chuyện gì. Nhưng chắc chắn không phải là việc không vui. Bởi cứ nom ánh mắt và cử chỉ của Quý Ly thì biết. Ăn ở với nhau bao nhiêu năm, Đa Phương còn lạ gì. Khi nào có chuyện buồn, anh ấy (Quý Ly) có tật hay máy đuôi con mắt phải. Còn khi nào có chuyện vui, đôi mắt anh ấy cứ hấp háy như hé cười. Đa Phương từ tốn nói:

- Em sẵn sàng nghe quan huynh dạy bảo.

Quý Ly cho đám gia nô lui, tự tay ông rót đầy hai bát rượu. Trao cho Đa Phương một bát, ông cầm lấy một bát nói:

- Ta với em tuy khác cha nhưng lại cùng chung một thầy. Từ thuở hàn vi cha em đã cho phép hai ta kết nghĩa anh em. Ta vẫn áy náy chưa giúp gì được em. Nay ta muốn tiến cử em với thượng hoàng để em giữ chức đô tướng, chẳng hay ý em thế nào?

Nguyễn Đa Phương lập tức đứng dậy vái Lê Quý Ly hai vái để tỏ lòng biết ơn.

Quý Ly gạt đi và nói:

- Cũng gọi là một chút để trả nghĩa thầy và lưu cái tình với em. Ta chỉ mong sao cho sự nghiệp của em ngày một rạng rỡ, thời cái công tiến cử của ta tưởng cũng không phải là thường.

Nguyễn Đa Phương nói lời cảm tạ tới hai, ba lần trước khi từ giã.

Đa Phương vừa ra khỏi ngõ, Quý Ly đã nghĩ tới một người khác. Người này mưu lược giỏi như thần. Không có việc gì ông ta không thông tỏ. Nếu thu dụng được người này làm vây cánh, lại thêm thượng hoàng yêu trọng thì còn lo sợ gì nữa. Nghĩ thế, Quý Ly bèn sai lấy kiệu rước ông tới nhà quan chủ thư thị ngự sử Phạm Cự Luận.

Sau một hồi phân ngôi chủ khách và chuyện trò, Phạm Cự Luận bèn nhận lời để Quý Ly tiến cử ông với thượng hoàng.

Quý Ly bèn làm sớ bảo cử xin thượng hoàng cất nhắc Nguyễn Đa Phương vào chức đô tướng quân, Phạm Cự Luận làm quyền đô sự. Cả hai chức ấy và hai người ấy, Nghệ tông đều y cho.

XXVI

Việc Quý Ly được trao quyền hành ngày một lớn, gần đây lại bảo cử những người thân tín để cố kết, khiến giới sĩ phu và quan lại Thăng Long e ngại. Có người đã dùng khẩu ngữ để loan truyền như "Phương - Viên tá lự", nghĩa là có vây cánh trong triều. Phương, Viên còn có nghĩa là vuông, tròn, ám chỉ Nguyễn Đa Phương[1] và Phạm Cự Luận[2].

Tất cả những chuyện ấy đều lọt tai người tôn thất. Và những người lo cho rường mối của nhà Trần đều thấy có điều gì bất ổn. Bữa nọ, tôn thất Trần Nhật Chương bèn đến gặp thái úy Trang định vương Ngạc nói lời tâm phúc:

- Đại vương nghĩ thế nào về việc quyền bính trong triều ngày càng dồn về tay người họ ngoại (trỏ Quý Ly)?

Thái úy xua tay:

- Ông bảo ta phải làm gì. Đây là cao ý của thượng hoàng.

- Ông là tể tướng, lại là con của thượng hoàng, thấy

---

[1] Chữ Hán, Phương có nghĩa là vuông.

[2] Luận chữ Hán tựa chữ Luân, nghĩa là bánh xe. Bánh xe có hình tròn. Đây là lối nói ẩn dụ, kiểu đồng dao hoặc sấm ký.

điều gì không phải thì can ngay đi có được không. Nay Quý Ly ở chức cao không kém ông, nhưng quyền thực hơn ông, vì y còn nắm trong tay việc điều hành quân sĩ. Gần đây lại còn chuyện "Phương-Viên tá lự" hẳn ông cũng biết. Dân chúng đã cảnh tỉnh, thế mà người tôn thất lại làm ngơ ư? Tôi sợ cứ để lâu ngày dày kén, rồi hối không kịp đâu.

Vương Ngạc nét mặt rầu rầu nhìn Nhật Chương như ngầm nói: "Tôi bất lực". Một lúc lâu sau ông mới đáp lời Nhật Chương với vẻ ngậm ngùi:

- Không phải ta không biết hoặc không lưu tâm đến các điều ông nói. Song những việc này thượng hoàng đều tự ý quyết. Đến quan gia còn không được biết huống chi ta. Rối ren lắm. Mặt ngoài thì Chiêm Thành dùng vương Húc làm trò khuyển mã, để nhục cho nhà, cho nước. Ta mong sao giết được đứa nghịch đệ phản quốc ấy đi. Mặt trong thì kẻ ngoại thích được thượng hoàng tin yêu, đang ngấm ngầm cố kết vây cánh. Ta cũng nghĩ như ông: "Lâu ngày dày kén thì khó gỡ lắm". Thôi được, ông cứ để ta liệu. Đây là việc lớn phải kín nhẹm như bưng. Kẻ kia ác hiểm hơn đời, nếu ông môi hở răng lạnh, việc chưa thành đầu đã rơi, mong ông nhớ kỹ lời ta.

Nhật Chương đi rồi, vương Ngạc càng thêm bối rối. Ông thật sự không hiểu được vua cha. Thường Ngạc có bầy tỏ đôi điều xa xôi về Quý Ly đều bị Nghệ hoàng gạt đi. Có lúc vua cha còn răn: "Coi chừng, con hẹp lượng sẽ

không dung được người tài". Lại cũng đôi ba phen vương tiến cử Nguyên Đán. Rằng phải trao thực quyền cho Quốc thượng hầu. Nhưng đều bị vua cha phản bác: "Ta với Nguyên Đán là tình anh em, sao ta không biết. Đán có cái tâm tốt. Trí thì quảng bác hơn đời. Tài thì vu khoát. ấy vậy mới khó dùng".

Hiện lúc này vương Ngạc cũng không hướng về Trần Nguyên Đán nữa. Bởi bao tâm huyết của Trần Nguyên Đán đều dồn trút vào việc xây dựng kế sách. Đã có tới ba bốn kế sách khác nhau dâng thượng hoàng, đều không được xem xét thấu đáo. Vì vậy ông không còn hy vọng thi thố nữa. Cái chí của ông bây giờ là lui về dưỡng nhàn.

Lại nghĩ đến đế Nghiễn. Thái úy không nghi ngờ tấm lòng đôn hậu của quan gia. Song đây chưa phải là chuẩn mực của một đấng quân vương. Nhà vua hiền lành đến đần độn. Không có được một kế sách gì khả dĩ ích nước, lợi dân, hoặc làm trong sạch bộ máy nhà nước. Điều gì thượng hoàng phán là răm rắp tuân theo. Bởi vậy, mỗi lời nói của thượng hoàng đều biến thành luật lệ, thành quốc sách. Còn điều gì do các đô, đài, sảnh, viện dâng lên đều hạ bút ký liền. Ôi người làm vua mà như thế có hơn gì một tên thư lại, một cái hình nộm.

Một mình không thể lo tính hết các điều phải quấy cao thấp, thái úy liền cho vời tri thẩm hình viện sự Lê Á Phu, tướng quân Nguyễn Bát Sách cùng các ngự sử Nguyễn Hà, Lê Lặc và một vài người thân tín khác.

Thường những người này hay qua lại phủ thái úy, nay được triệu đến cùng lúc, họ ngầm hiểu ý. Sau khi nghe thái úy tả tướng quốc vương Ngạc, nói về nỗi quan hoài của ông trước nội tình đất nước và giặc ngoại xâm đe dọa, cùng nỗi nhục canh cánh do hoàng thứ đệ vương Húc gây nên, ông liền hỏi các đồng liêu nên làm gì.

Lê Á Phu, người vẫn hay đàn hặc Quý Ly nói:

- Thái úy là tể tướng, chỉ dưới quan gia, sao thái úy không hạn bớt quyền hành của y lại mà cứ để cho y dương dương tự đắc.

Tướng quân Nguyễn Bát Sách người có tính nóng như Trương Phi liền nói:

- Nếu thái úy ra lệnh, tiểu tướng lấy sinh mạng Quý Ly dễ như trở bàn tay.

Vương Ngạc thở dài:

- Ta mời các ông đến là để bàn việc nước. ý ta chỉ muốn hưng thế nước, phải có người tài đức thật sự nắm giữ các cương vị then máy. Chớ không phải việc kéo bè kết cánh. Với Quý Ly, ta chỉ muốn nói ông ta nắm giữ các cương vị hệ trọng, nhưng các việc ông ta làm không đem lại thành tựu như thượng hoàng kỳ vọng. Song ông ta vẫn được tin dùng. Ta xem người này trí sảo lắm. Lại gần đây thiên hạ đồn về chuyện "Phương-Viên tá lự", khiến ta không khỏi nghĩ đến những chuyện bất tường kia khác.

- Bẩm thái úy, thế thì tội ông ta sờ sờ ra đấy, cứ cáo giác sang bên thẩm hình viện sự cho Lê tiên sinh đây trừng trị.

Tướng Nguyễn Bát Sách nói cứ ngon ơ, tướng như việc đến thế là xong.

Tả tướng quốc thái úy vương Ngạc bèn đỡ lời Bát Sách:

- Lòng trung dũng của tướng quân, ta không nghi ngờ. Song ta hỏi, Quý Ly có tội gì mà cáo giác ông ta. Việc ông ta bảo cử hai người, tình trong, ai cũng hiểu là có mưu mô, nhưng lý thì lại không như thế. Quý Ly làm việc này giữa thanh thiên bạch nhật, lại xin đứng ra bảo cử. Xét về lý, là người chỉn chu có trách nhiệm lắm. Theo đó, cả triều đình không một ai phản bác, lại được chính thượng hoàng phê duyệt. Thử hỏi, như thế còn có gì đáng ngờ mà đàn hặc ông ta. Ngay đến đàn hặc cũng không có cớ, vậy lấy gì để cáo giác ông ta. Đã không cáo giác được thì căn cứ vào đâu mà trị tội. Muốn làm gì thì làm, vương Ngạc nhấn mạnh - phải tôn trọng kỷ cương, phép nước. Nếu chỉ vì không ưa nhau mà cáo giác nhau thì không ai dám yên tâm ở chức. Cho nên, theo ta điều duy nhất có thể làm được trong lúc này, là giám sát các hành vi của Quý Ly và bọn Đa Phương, Cự Luận.

Lê Á Phu cũng nói thêm vào:

- Bên thẩm hình viện chỉ xét xử khi bị cáo đã lâm vào tình trạng phạm pháp quả tang, hoặc có chứng cớ ngoại phạm rõ ràng. Cho nên ý của thái úy răn như vậy là đúng.

Ngự sử đại phu Nguyễn Hà được thái úy hỏi về việc Ngự câu Húc nên xử thế nào, bèn đáp:

- Thưa thái úy, nếu về lý mà xét, vương mắc tội phản

quốc, cứ chiểu luật thi hành. Song đứng về tình thì lại khác. Dù sao vương cũng còn non dại, lại gặp lũ giặc quỉ quyệt nên vương bị gạt. Việc này, trước hết phải bằng mọi cách cử người tâm phúc vào tận Hóa Châu, dụ cho vương ra ngoài này đã. Nếu vương không ra thì cứ đại binh vào đánh bắt lấy, kẻo cứ để cho giặc lợi dụng mãi, cũng là mối nhục cho nước. Khi bắt được vương rồi, thiết tưởng tướng quốc xin ý chỉ của thượng hoàng mà xử là đủ. Việc này không nên để kéo dài, thất lợi lắm.

Tả tướng quốc thái úy Trang định vương Ngạc đem các chuyện ra tâu với quan gia, nhưng ông không nói đã có bàn riêng với một số người tại vương phủ.

Nghe các điều tướng quốc tường trình, đế Nghiễn ngơ ngác hỏi:

- Vậy chớ vương huynh định sao?

Nhà vua là con Duệ tông; Duệ tông là em ruột Nghệ tông, mà Vương Ngạc là con của Nghệ tông; vì vậy theo thứ bậc vua phải gọi Ngạc bằng anh họ.

- Tâu, việc ấy là do ở hoàng thượng quyết chứ, tướng quốc đáp.

- Ta quyết sao được. Theo ta, những gì thượng hoàng đã quyết, tướng quốc và ta đều phải tuân phục. Chuyện về Quý Ly, tưởng không nên bàn nữa.

- Tâu, thế còn chuyện Húc thì sao?

- Húc đang ở trong trại giặc mãi tận Hóa Châu thì ta làm thế nào được. Tướng quốc định xử việc này ra sao?

- Húc là em thần. Nhưng tội y là tội bán nước cầu vinh. Phải tróc nã cho bằng được đưa về xử, kẻo ô danh cho nhà, mà cũng nhục cho nước. Nếu không xử nghiêm, dân nước sẽ không còn tin vào triều đình nữa.

Từ bữa nghe tướng quốc nói về tội của vương Húc, với sự ô nhục mà y làm phiền toái cho dòng dõi tôn thất; cũng như việc vương Ngạc quan ngại: "Nếu không xử nghiêm, dân nước sẽ không còn tin vào triều đình nữa". Nhưng nếu lại đem về xử tại Thăng Long, ngộ nhỡ thượng hoàng vì lòng thương con mà nương nhẹ thì còn ai tin vào luật pháp của nhà nước nữa. Nghĩ vậy, vua bèn ghé tai dặn viên đô trưởng đô thám sát do tướng quốc phái đi: "Nếu dụ được y về, các ngươi liệu giết quách đi kẻo quân Chiêm truy đuổi".

Đội thám sát quả có tìm thấy vương Húc và dụ được y bỏ hàng ngũ quân Chiêm trở về. Và họ làm đúng như lời vua dặn. Họ đã giết vương Húc ở dọc đường. Chuyện ấy sau này đến tai Nghệ hoàng. Vì thế ngài ghét đế Nghiễn lắm. Ngài cho Nghiễn là kẻ vừa vô ơn vừa bạc ác. "Nó không hiểu vì sao nó được ở ngôi. Nó lo đền đáp ơn ta bằng cách nó giết con ta". Ngài thường nói thế với những người trong tôn thất, mỗi khi có ai vô tình chạm đến việc Ngự câu vương Húc thất lộc [1].

---

[1] Thất lộc: ý nói đã chết. Đây là một mỹ từ mà người Việt ưa dùng.

Lại nói việc binh bị, không phải dễ dàng như Tử Bình dâng kế đánh thuế thân, và cứ hễ có tiền là vực được sức quân lên ngay. Sự thật, đó là cách tính của triều đình thôi, chứ dân đói, cơm chẳng có ăn lấy đâu ra mỗi người ba quan đóng thuế. Thành thử sắc thuế đưa ra, dân sợ không đóng được sẽ bị triều đình tróc nã, liền bỏ quê hương bản quán ra đi. Người từ xứ họp nhau lại cùng kiếm kế sinh nhai. Nhiều khi không có việc làm ngồi đói rũ tới mấy ngày, thế là rủ nhau xuống núi cướp bóc. Bởi thế, đã loạn lại càng loạn thêm

Số quân xung từ các trấn, lộ lên phần thì già yếu, phần thì chán nản bởi biết bao khó khăn thiếu thốn đang diễn ra với cha già, mẹ yếu, vợ dại, con thơ ở quê hương họ. Thế là lính bỏ ngũ trốn đi mỗi ngày một nhiều.

Được tin Nghệ hoàng lo lắm, ngài bèn vời quốc sư Đại Than đến cung và hỏi:

- Nước có vững hay không chỉ nhìn vào sĩ tốt là đủ biết. Tình thế đến nước này quốc sư bảo ta phải làm gì? Quốc sư băn khoăn một lát rồi đáp:

- Lão tăng thân khô tâm lạnh, xuất gia xả tục, suốt đời không mưu lợi lộc cho riêng mình, mà chỉ cầu tìm sự giải thoát cho chúng sinh. Nay thế nước yếu suy, lòng dân ly tán, sao bệ hạ không xét lại các chính lệnh của triều đình xem có điều gì khắc bạc không. Bệ hạ nên nhớ nhân nào thì quả ấy. Người dân không vô cớ bỏ cửa bỏ nhà, bỏ quê hương bản quán ra đi. Người lính cũng vậy, một khi họ đã

bỏ cơ ngũ ra đi, hẳn là trong cơ ngũ đang có điều gì không ổn. Ngay kiến là một loài sinh vật nhỏ bé chúng còn biết yêu cái tổ của nó, huống chi con người.

Nay nhà vua hỏi bần tăng xem nhà vua phải làm gì. Sao nhà vua không tự hỏi mình xem đã làm được những điều gì ích dân lợi nước. Còn những điều gì không hợp với lòng dân thì phải cấp kỳ tu chính lại đi. Bần tăng là người tu Phật, nên chỉ biết nói theo các yếu ước của kinh bổn do đức Phật răn dạy mà thôi.

- Đại khái như thế nào, quốc sư nói thử ta nghe.

- Phật dạy rằng ngay cả Phật cũng không thể làm thay chúng sinh, mà Phật chỉ chỉ cho chúng sinh thấy con đường giải thoát. Rồi mỗi người phải tự giải thoát cho mình. Vậy là phải dựa vào nội lực chứ không thể dựa vào tha lực. Từ đấy suy ra, ta thấy con đường giải thoát cho nước.

Nghệ hoàng chăm chú nhìn vào gương mặt khô lạnh của quốc sư Đại Than, vẻ như đại sư sắp ngừng lời, nhà vua như người mộng du chợt tỉnh, ngài nói:

- Ta nghe quốc sư nói thuần những điều đạo lý cao xa, mà ta thì đang cần có lính.

- Phải chăng ý nhà vua muốn nói thu bớt độ điệp[1] thải hồi tăng chúng. Rồi ai không có độ điệp phải tức thời hoàn

---

[1] Thời Lý-Trần nhà nước cấp giấy phép cho những người tu hành gọi là độ điệp. Người nào có độ điệp không phải đóng thuế, đi phu, đi lính. Ai không có độ điệp không được ở chùa.

tục. Lại xét trong đám ấy ai còn trong tuổi tráng niên đều phải xung quân.

- Hay quá! Quốc sư nói trúng ý trẫm. Đây mới là điều ta cần. Đây mới là diệu kế.

- Lão tăng chỉ gợi lên cái ý của bệ hạ chớ đâu phải kế sách gì của lão tăng. Nếu gọi là kế, thì đây là mạt kế.

- Ta muốn hỏi quốc sư, nếu vạn nhất phải dùng kế mạt này thì quốc sư có chống lại ta không?

- Muôn tâu, những kẻ tu hành đang nhan nhản trên đất của bệ hạ. Bệ hạ làm chủ đất này thì mọi thứ, từ con người đến cây cỏ đều là của bệ hạ cả. Bệ hạ ở thế nhân chủ, sao bệ hạ lại hỏi lão tăng điều ấy? Sao bệ hạ không nói: "Quan ngã sinh, quan dân dã"[1]

Đại Than quốc sư với hàm ý như trách cái đức của nhà vua mỏng. Vì vậy Nghệ tông có vẻ không bằng lòng. Ngài ngự rũ tay áo đứng dậy đi vào hậu cung.

Quốc sư cũng bỏ kinh thành ra đi.

Còn triều đình thì bắt các tăng nhân không có độ điệp, và cả những tăng nhân tuy có độ điệp nhưng còn khỏe mạnh sung vào lính lại sắp đi đánh Chiêm Thành.

Tử Bình từ khi dâng kế đánh vào thuế thân để lấy

---

[1] Quốc sư Đại Than, mượn lời của hào 5 quẻ "Phong địa quán" trong Kinh Dịch. Nghĩa là "Muốn xem đức của ta, hãy xem phong tục đạo đức của dân". Đại ý quốc sư khuyên nhà vua nên biết thương dân mà trồng cây đức.

thêm tiền của hưng sức quân, có đánh nhau với người Chiêm mấy trận tại các vùng Hoan Châu, Ái Châu đều bị thua, bèn cáo ốm không giữ binh quyền nữa. Nghệ tông y cho, lại thăng làm nhập nội hành khiển tả tham tri chính sự lãnh Lạng Giang kinh lược sứ. Tử Bình sức đã yếu, không làm được việc gì nữa, chẳng bao lâu sau ốm rồi chết. Nghệ tông truy tặng Thiếu bảo[1], lại cho thờ theo ở Văn miếu.

Việc nhà vua truy tặng hàm thiếu bảo cho Đỗ Tử Bình chẳng ai nói làm gì. Nhưng việc cho thờ phối ở Văn miếu thì người trong nước cho là một sự nhảm nhí. Vì rằng Tử Bình không phải là người có công với đạo học nước nhà, lại thêm nhân cách bỉ ổi, bởi chưng sự nghiệp của ông ta chỉ cốt ở lợi mình hại dân, dối vua hại nước. Hóa nên bàn thờ ông ta tại Văn miếu không có bài vị và bát hương. Thật ra không phải không có, mà cứ hễ thủ từ hoặc người nhà thấy thiếu, thấy mất lại cho bù vào thì chỉ loáng cái, mắt trước mắt sau chưa kịp nhìn đã biến mất. Mãi thế rồi chẳng ai thiết nữa, thành thử nơi thờ Tử Bình chỉ là một ô trống hoang lạnh.

Đỗ Tử Bình chết, khuyết hẳn một tướng lưu trấn mặt nam. Nghệ hoàng bèn cất nhắc Lê Quý Ly. Vì vậy Quý Ly được lãnh chức Nguyên nhung hành Hải tây đô thống

---

[1] Thiếu bảo: Hàm tam công vào loại cao nhất. Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo.

chế. Có nghĩa là thống suất toàn bộ quân thủy bộ, đặc trấn mặt biển phía tây nam đất nước, tức là từ Thanh Hóa đến Châu Hóa.

Nghệ hoàng từ khi cho chuyển tiền sang chôn cất bên Kinh Bắc và Lạng Giang lại sai xây cất cung thất ở tạm bên đó, lỡ giặc vào kinh sư còn có chỗ lánh ẩn đàng hoàng.

Chợt tin bay về triều đình như sét đánh. Quân Chiêm Thành do Chế Bồng Nga đốc suất hai mặt thủy bộ sắp tiến vào kinh sư. Kinh sư từ khi Nguyễn Đa Phương được cất nhắc đã thay đổi hẳn bộ mặt phòng thủ. Tướng quân cho rào dậu nhiều vòng chắc chắn từ la thành đến cấm thành và tử cấm thành, những hàng tre dầy, mũi nhọn chĩa lên trời tua tủa, như hàng triệu mũi mác sẵn sàng chọc thủng bụng kẻ nào dám liều lĩnh vượt qua. Nếu lên cao nhìn toàn bộ công trình phòng thủ Thăng Long của Quý Ly và Đa Phương, thì khu vực cung điện chẳng khác gì một cái cũi ba lớp. ấy vậy mà khi có tin Chế Bồng Nga sắp đến, thượng hoàng Nghệ tông vội sai cấm quân rước ngài qua sông Cái để sang Đông Ngàn lánh giặc.

Nhìn cảnh vua tôi ngự trên hàng đoàn thuyền chạy trốn giặc, đám nho sinh cảm thấy như đất nước đang bị xúc phạm, bèn kéo nhau xuống bến đò xin nhà vua ở lại. Cầm đầu đám ấy là Bùi Mộng Hoa. Mộng Hoa để nguyên mũ áo nhảy ào xuống nước cùng hàng chục người khác nắm giữ mạn thuyền, xin nhà vua ở lại cùng quân dân đánh giặc. Nghệ hoàng không nghe. Đám cấm quân tay

đao vung lên chỉ chờ có lệnh sẽ róc hàng loạt các bàn tay bám kéo thuyền vua.

Nhà vua cố tình bỏ chạy, đám nho sinh không giữ nữa; tay buông mạn thuyền mà lòng đầy khinh bỉ đấng quân vương hèn yếu.

Nghệ tông đi rồi, các nho sinh vào tận ngóc ngách phường phố hô hào mọi người lập thành từng đội dân binh, cùng với binh lính triều đình đánh giặc.

Lại nói Chế Bồng Nga sau khi để một cánh quân lên bộ ở cửa sông Ngu[1]. Để toán quân men theo đường rừng tiến đến tận trấn Quảng Oai.

Chế Bồng Nga ém quân, bẩy trận xong bèn đưa thư vào Thăng Long cho vua Trần, thách đánh.

Chế Bồng Nga từ khi gả công chúa cho Ngự câu vương Húc, lại đưa về Hóa Châu để mua chuộc người trong nước cũng là thăm dò nội tình Đại Việt, không việc nào không theo ý ông, và đều thu được thành tựu. Lại nữa việc ông ra vào Thăng Long lúc nào tùy ý, bèn nảy sinh kế sách đánh chiếm toàn bộ Đại Việt. Nhưng theo một trình tự lâu dài. Trước hết, các miền đất giáp ranh phải lấn sâu vào tới tận Hoan-Ái. Thỉnh thoảng lại cho quân đánh thật sâu vào Thăng Long, làm cho vua tôi nhà

---

[1] Sông Ngu là một nhánh của sông Mã, tức sông Lạch trường (Thanh Hóa) ngày nay.

"Trần ăn không ngon, ngủ không yên, lúc nào cũng hoảng loạn. Ngay cả việc đánh Kinh Bắc, đánh thông lên vùng biên ải giáp giới nhà Minh cũng đã trong dự liệu của Chế Bồng Nga. Việc này vua Champa đã được sứ đoàn nhà Minh ở Chà Bàn cổ súy. Và hứa sẽ xin với thiên tử nhà Minh cho viện binh khí cần.

Bỗng nhiên quân Đại Việt đột nhập Hóa Châu, bắt đi vương Húc, làm thế cờ của ông ta hụt hẫng mất một quân.

Lần này vào Đại Việt, Chế Bồng Nga quyết tìm bắt lại vương Húc. Nếu không, phải bắt một hoàng thân nào khác thế vào chỗ của Húc.

Hai vua chạy khỏi Thăng Long, nhưng ba quân quyết chiến giữ thành, lại được đám nho sinh Quốc tử giám hô hào ủng hộ. Vì vậy thế quân, lòng dân xem đã vững.

Chế Bồng Nga đưa thư thách đánh, là một việc chưa từng có trong lịch sử quan hệ giữa Đại Việt và Champa tới cả ngàn năm. Ngay cả việc ấy cũng như là sự nhục mạ vua tôi Đại Việt.

Các quan đầu triều đem việc Chế Bồng Nga thách đánh trình lên Nghệ tông mãi tận bên Đông Ngàn. Nhà vua ngần ngừ hạ chiếu, sai tướng coi quân Hoa ngạch là Lê Mật Ôn dem quân ra Quảng Oai cự địch.

Quân ta không biết quân Chàm bầy trận ở đâu. Lê Mật Ôn bèn dẫn tiền quân vào chiếm bãi Tam Kỳ, toan bầy thế trận để chống giặc. Không ngờ Chế Bồng Nga cho quân phục sẵn ở đây. Khi Mật Ôn vừa vào tới trung tâm, chưa

kịp khai triển thế trận thì quân phục của Chế Bồng Nga từ bốn phía, voi ngựa nhất tề xông vào đánh quân Đại Việt. Bị tiến đánh bất ngờ, quân Đại Việt trở tay không kịp. Lê Mật Ôn bị bắt tại trận cùng bộ tướng. Quân ta tan vỡ dầy xéo lên nhau chạy trốn. Chế Bồng Nga cho quân đánh thốc vào Thăng Long, nhưng không phá vỡ được tuyến phòng ngự của Đa Phương, bèn rút theo đường biển mà về.

Giặc không vào được Thăng Long, nhưng Nghệ hoàng cũng không về Thăng Long nữa, mà ở lại cung Bảo Hòa vừa được xây cất trên núi Lạn Kha, là vùng phong cảnh đẹp nổi tiếng. Nghe nói từ xưa đã có tiên xuống chơi xứ này, nên người đời mới gọi đất ấy là đất Tiên du. Cung Bảo Hòa không uy nghi tráng lệ được như cung Cảnh Linh, điện Song Quế nhưng ở vùng rừng núi mà mọc lên một nếp nhà như thế này cũng là điều thế gian hy hữu. Nghệ hoàng lại cho gọi một số văn thần đến chầu chực để sai bảo như thiêm tri Nội mật viện Nguyễn Mậu Tiên, lang trung Lễ bộ Phan Nghĩa cùng nhiều người khác. Nghệ hoàng bắt chước vua cha viết "Đế châm". Xưa Trần Minh tông từng viết các lời răn dạy để lại cho các con khi nối ngôi, đôn vào thành tập gọi là "Đế châm", tức là châm ngôn cho các bậc vua chúa. Nay Nghệ tông phát tác sự nghiệp của vua cha, ngài soạn được một bộ, gồm tám quyển lấy tựa đề là "Bảo Hòa Di Bút", lại sai trạng nguyên Đào Sư Tích nhuận sắc thay lời tựa ở đầu sách để dạy bảo quan gia.

Nhà vua chưa cho khắc ván in, chỉ sai chép làm vài chục bản gởi cho một số người mà ngài yêu trọng. Ví như Chương túc quốc thượng hầu tư đồ Trần Nguyên Đán; hàn lâm học sĩ Hồ Tông Xác; tiểu tư không kiêm hành Hải tây đô thống chế Lê Quý Ly và một số người có văn chất cao trọng khác.

Viết xong "Bảo Hòa di bút", nhà vua lấy làm mãn nguyện lắm. Nghệ tông thật sự tin rằng, cháu con nối nghiệp cứ nghiền ngẫm sách này, rồi làm đúng các diều dạy bảo, chắc chắn sẽ rạng tỏ sự nghiệp tổ tông.

XXVII

Trần Nguyên Đán từ ngày được Hán Anh[1] đến làm môn khách, ông thấy lòng đỡ trống trải. Hán Anh tuy còn ít tuổi, nhưng ưu thời mẫn thế, nên đàm đạo đôi khi cũng nảy sinh nhiều ý lạ, đáng khen.

Gần đây Hán Anh lại dẫn Nguyễn Ứng Long[2] đến ra mắt quan tư đồ. Sau vài lần thù tiếp, Nguyên Đán nhận ngay ra Nguyễn Ứng Long là người thông tuệ hơn đời, lại nặng lòng với thời thế, ông bèn ngỏ ý lưu ứng Long lại làm môn khách. Và để cho mỗi người có một công việc, ông giao cho họ dạy hai ái nữ của ông. Tức là hai nàng quận chúa. Cô lớn tên là Thái, cô nhỏ tên là Thai.

Nguyễn Ứng Long dạy cô chị, Nguyễn Hán Anh dạy cô em. Thật ra không phải đến tận lúc này các nàng mới học

---

[1] Nguyễn Hán Anh quê lộ Hồng Châu nay thuộc vùng Gia Lộc Hải Dương, đã dời nhà ra ở Thăng Long tới ba đời.

[2] Nguyễn Ứng Long tức Nguyễn Phi Khanh, thân phụ Nguyễn Trãi sau này. Quê ông ở làng Chi Ngãi huyện Chí Linh, sau dời về làng Nhị Khê nay thuộc Thường Tín - Hà Tây. Cả hai ông đều trở thành con rể của Trần Nguyên Đán.

chữ. Mà họ đã lầu thông kinh sử. Nay học thêm các bậc túc nho là để mở mang tầm nhãn giới.

Dạo này quan tư đồ gần như ở hẳn thái ấp chứ không qua lại tòa Khâm thiên giám, hoặc để mắt tới việc quân tại trấn Quảng Oai nữa.

Quan tư đồ đã soạn xong cuốn "Lịch pháp", đang giao cho hai vị môn khách chép lại, và xem có điều gì sơ khoáng thì báo cho quan ông tu chỉnh thêm.

Đây là một cuốn sách ông để tâm khảo cứu thiên văn, địa lý đối chiếu với thời tiết vận hành và mùa màng suốt hai mươi bốn năm qua trên toàn cõi Đại Việt. Nó không chỉ là cuốn lịch để xem thời tiết, mà còn là người cố vấn, người bạn của nhà nông. Bởi trong đó, ông truyền cho nhà nông nhiều kinh nghiệm về thời vụ, về gieo trồng những loại giống lúa nào trên chân đất ruộng nào sẽ cho thu hoạch cao. Ngoài lúa, ông còn hướng dẫn trồng các giống kê, đậu, ngô, khoai, sắn cùng những loại cây ăn quả khác.

Sách tuy chưa đến tay các nhà nông, song ông tự bằng lòng với công việc mình làm. Ông cho rằng cái màng ông làm tưởng như không quan trọng này, hóa ra lại có ích. Còn như để cả tâm huyết suốt cuộc đời vào trường chính trị, lại trở thành hư ảo. Mà sự hư ảo chính trị không chỉ làm thoái hóa cả một thể chế, đôi khi còn làm tiêu vong cả một dân tộc. Ông giận mình đã ngụp lặn trong cái giáo phường bỉ lậu với những vai ông sấm, kép chẳng ra kép, hề không ra hề. Và bây giờ sắp đến lúc phải hạ màn. Ông

biết, dù ông có gồng sức lên bao nhiêu, thì sự hư ảo lại càng mênh mang bấy nhiêu. Bởi ông biết Nghệ tông là người cố chấp đến khờ dại. Cho nên ông cùng tướng quốc thái úy và biết bao người tâm huyết khác, càng bầy tỏ nỗi lòng và kế sách hưng quốc, nhà vua càng thờ ơ, càng nghi ngờ, và quyền hành càng chuyển dịch vào tay người họ ngoại Quý Ly.

Chưa bao giờ ông nói: "Quý Ly là kẻ bất tài". Nhưng Quý Ly là người có cái tâm khắc bạc, ham hố quyền lực và hấp tấp đi theo con đường pháp trị của nhà Tần. Lại mưu toan dùng vài biến pháp để canh cải xã hội. Đó là mẹo vặt của mấy tay bá đạo. Quý Ly thuộc hạng gian hùng. Hiện điều ấy chưa phát lộ. Nhưng con đường của Quý Ly sẽ là như vậy. Và như thế, nó trái với nền văn hóa, nền đạo đức ôn nhuần theo kiểu đức trị của Đại Việt, khởi từ nhà Lý xuyên suốt nhà Trần. Mọi người đều nhìn rõ thảm cảnh ấy không còn xa nữa, ngoại trừ người đứng đầu triều đại, ấy là đức thượng hoàng Trần Nghệ tông anh minh.

Một bữa về Thăng Long, nhân đi dạo qua "Huyền Thiên đạo quán", quan tư đồ Trần Nguyên Đán ghé thăm mấy đạo sĩ. Trở về, ông thấy lòng trống vắng đến cô đơn. Trần Nguyên Đán chợt nhận ra mình đã đánh mất một cái gì lớn lắm, thiêng liêng lắm.

Tựa kẻ mộng du, ông ngồi vào án thư, tiện tay với cây bút lông dấp vào nghiên mực tiểu đồng đã mài sẵn. Và cứ thế ông viết một mạch xong bài tứ tuyệt:

Bạch nhật thăng thiên dị[1]
Tri quân Nghiêu, Thuấn nan.
Trần ai lục thập tải,
Hồi thủ qui hoàng quan.

Đọc lại thấy như là một sự tự bạch. Đúng là cả đời, ông chỉ mong đem hết tài trí ra phụng sự đất nước. Và sự thật ông đã làm tất cả những gì có thể làm được. Song điều mà ông khao khát giúp vua hưng vận nước, tưởng như là điều giản dị, hóa không phải thế. Nó còn khó hơn cả ức vạn lần bay lên chín tầng trời, giữa thanh thiên bạch nhật. Càng nghĩ, càng thẹn với mấy đạo sĩ khăn vàng, mà xưa kia ông thường chê họ đi theo con dường tâm linh phù phiếm. Khẽ đưa tay ra nâng vuốt chòm râu, ông thấy không còn sợi nào xanh nữa. Quan tư đồ thầm nhủ: "Đã vào tuổi sáu mươi, việc đời nên khép lại. ích gì nữa mà đeo đuổi". Và tiện nghiên, bút ông viết sớ cáo quan.

Không những Nghệ tông không hạ chiếu lưu nhiệm, mà ngài còn đến tận thái ấp viếng thăm Trần Nguyên Đán.

Cách tới nửa dặm đường, Nghệ tông đã đọc được ba chữ: "Thanh hư động" của Duệ tông đề tặng, và cũng là đặt tên cho trang ấp của tư đồ, hồi em ta về thăm. Nhìn

---

[1] Tạm dịch: Giữa ban ngày bay lên trời dễ,
Giúp vua để được như Nghiêu, Thuấn mới khó,
Sáu mươi năm trong cõi trần,
Ngoảnh lại luống thẹn với người đội mũ vàng.

nét chữ còn tươi rói, mà người viết đã đi vào cõi hư vô, khiến Nghệ tông trạnh buồn. Nhà vua sai viên nội nhân đưa vuông lụa bạch, để ngài thấm mấy giọt long tuyền vừa rịn ra bên khóe mắt. Không biết đây là lần thứ mấy, ngài khóc người em thất lộc đã bỏ mình nơi chiến trận mãi tận đất Champa.

Nghe có tiếng ngựa hí, lại tiếng người nói láo nháo ở phía đầu thái ấp, đám gia nô đang làm nương chợt nhìn thấy xe kiệu, tàn lọng, hốt hoảng chạy về bẩm với quan tư đồ:

- "Bẩm đức ông, hoàng thượng giá lâm!".

Trần Nguyên Đán vừa chụp được chiếc khăn lượt lên đầu, chiếc áo thụng tía mới xỏ được một tay đã thấy nhà vua và đám tùy tùng vào đến đầu sân. Nguyên Đán không kịp xỏ giầy, vội chạy ra sân quì xuống vái thượng hoàng hai vái:

- Chưa kịp làm lễ cung nghinh, thần thật có tội. Xin thượng hoàng đại xá.

Nghệ tông liền đỡ Nguyên Đán và nói:

- Miễn lễ! Miễn lễ! Ta đến thăm em. Phần vì nhớ, phần vừa nhận được sớ em xin cáo quan.

Trần Nguyên Đán hơi chột dạ. Ông lo rằng nhà vua đến tận hương ấp thế này, chắc ngài có ý muốn lưu ta lại chăng? Nếu thế thì thật là bất hạnh.

Quan tư đồ mời nhà vua vào an tọa nơi chính đường. Hết tuần trà, lại sai bầy tiệc rượu. Nghệ tông xua tay nói:

- Hãy khoan! Hãy khoan. Ta muốn được cùng em đi xem ngắm cảnh vật nơi động thất. Hồi còn sinh thời Duệ hoàng, sau khi đi thăm "Thanh hư động", về khoe mãi không thôi. Ta ao ước một ngày nào đó cũng được về dưỡng nhàn như em. Nói rồi liền đứng dậy.

Nguyễn Đán toan gọi gia nô sắp kiệu, Nghệ tông liền kéo tay quan tư đồ:

- Đi dạo mà còn đi kiệu thì thấy được cái gì. Nói rồi Nghệ hoàng nắm tay Nguyên Đán săm săm bước ra hiên.

Nguyên Đán ngoái gọi gia nô đem ra hai cây gậy trúc đùi gà. Đầu tay nắm tỉa theo hình giao long, các nét khắc, soi vừa tỉ mỉ vừa tinh tế khiến nhà vua phải để mắt xem ngắm.

Quan tư đồ dẫn nhà vua đi theo "Tiểu lộ tùng". Đây là con đường nhỏ uốn lượn quanh co theo dòng suối. Đường lên theo các bậc thang được xếp đá phẳng phiu, hai bên đường là hai hàng tùng thẳng tắp như một đội quân hầu chực sẵn. Tiếng suối róc rách, tiếng tùng lao xao trong gió, tiếng chim gáy xa xa, tiếng sáo chao chát từng bầy dội vào lòng Nghệ tông một niềm vui dào dạt. Qua rặng tùng, Nguyên Đán lại dẫn nhà vua rẽ vào "Đào hoa lộ". Đây là con đường trồng thuần một giống đào Mẫu Sơn. Loại đào này cỡ giáp tết thì chớm nở, hoa rải tới Thượng Nguyên[1] thì kết trái. Và quả chín vào đúng

[1] Thượng nguyên: Rằm tháng giêng.

dịp lễ Vu lan[1]. Loại đào này trái to bằng nắm tay, thơm ngon kỳ lạ. Dân vùng Mẫu Sơn đem đào cất rượu. Rượu có màu hồng, hương thơm, vị đậm, thường gọi là "Bồ đào mỹ tửu". Con đường càng dẫn lên cao thì tầm mắt càng mở rộng. Bầu trời bao la, rừng núi điệp trùng. "*Thanh hư động*" có bàn tay con người cải hóa, nom đẹp như một khuôn tranh. Loáng thoáng đó đây dựng lên những mái đình lục giác, bát giác, cột gỗ, lợp tranh nom vừa mộc mạc vừa thanh tao. Đi hết "Đào hoa lộ mỹ tửu" thì tiếp đến "Mai hoa lộ". Những cây mai khẳng khiu thân cành nhuốm màu nâu mốc, tưởng như nó từ khe đá mọc lên. Vào mùa sương móc, hai con lộ Đào, Mai này phô sắc hoa thắm đỏ, và trắng tuyết, làm cho cả vùng "Thanh hư động" rực đỏ, và trắng phau khiến "Thanh hư động" đượm vẻ thanh tao, như là nơi tu tĩnh của các bậc tiên thánh. Ấy là chưa kể đến những vạt kim cúc, phơi màu vàng ánh như tơ tằm vào mỗi độ thu sang.

"Mai hoa lộ" dẫn thẳng lên đỉnh động. Tại đây có ngôi "Phương đình". Nghệ tông vừa ghé vào đã thấy dọn sẵn một bầu rượu với hai chiếc chén ngọc, đặt trên mặt bàn chân quì cùng bốn chiếc ghế có lót đệm gấm. Ngôi "Phương đình" có dáng vóc vững chãi, lợp ngói mũi hài

---

[1] Vu lan: Rằm tháng bảy. Hai lễ này thường được dân chúng và các chùa cúng lễ rất to.

men ngọc lưu ly. Tại bốn cây cột treo bốn tấm liễn nét chữ bay bướm như vẽ. Nghệ tông nhẩm đọc:

Qui khứ lai hề [1]

Thỉnh tức giao dĩ tuyệt du

Thế dữ ngã nhi tương di

Phục giả ngôn hề yên cầu?

Ngài thầm dịch:

Về đi thôi!

Hãy đoạn tuyệt giao du.

Đời đã cùng ta lìa bỏ nhau.

Còn dùng lời suông hề! cầu chi nữa?

Mặt nhà vua hơi tái đi, ngài cảm như mình bị xúc phạm. Nhưng Nghệ tông trấn tĩnh được ngay. Ngài thầm nhủ: "Cũng đúng thôi. Đây là ý nguyện của Tư đồ. Vì thế y mới có sớ cáo quan".

Vừa lúc Nguyên Đán dâng rượu.

Nhà vua tươi cười đỡ lấy. Mùi nếp thơm quyện với kim cúc tạo thành một thứ hương thanh khiết lạ lùng. Vua khen chế khéo, rồi hỏi:

---

[1] Đây là mấy câu trích trong bài "Qui khứ lai từ" (Bài từ về đi thôi!) của Đào Tiềm. Đào Tiềm người đất Tầm Dương đời Tấn (279-420), tự là Đào Uyên Minh, hiệu là Ngũ Liễu tiên sinh. Khi làm quan lệnh tại Bành Trạch, phải đứng đón chào viên đốc bưu do quận thú phái đến. Đào Tiềm than rằng: "Tại sao ta lại phải vì 5 đấu gạo mà gẫy lưng?" Bèn trả ấn từ quan. Và bài "Qui khứ lai từ" được viết ra từ đấy.

- Mấy bức liễn em viết treo đây, có phải em trích trong "Qui khứ lai từ?"

- Bẩm vâng. Nguyên Đán đáp.

- Vậy là em đã cùng một chí hướng với Đào tiên sinh?

Trần Nguyên Đán mỉm cười:

- Dạ, xin thượng hoàng gia ân.

- Chao ôi, ta muốn về tận "*Thanh hư động*" xem em đã thật sự có chí lui về dưỡng nhàn chưa, hay có điều gì ẩn ức với ta mà em cáo thoái thì ta không cho về đâu.

- Dạ, tâu thượng hoàng. Trần Nguyên Đán vừa nói vừa ve vuốt chòm râu bạc. Thấm thoát thần đã lục tuần, dầu tóc không còn một sợi nào xanh đen nữa. Nguyên Đán so vai làm như người đã xuống sức lắm - Bây giờ đi lại không còn thấy vững cái chân nữa, nếu thần còn tại triều sẽ như là một thứ đồ rách ngáng chỗ, làm cản chân người khác.

Nghệ hoàng nhìn Trần Nguyên Đán quả thật có động lòng trắc ẩn. Nhà vua an ủi:

- Ta không ngờ râu tóc Tư đồ bạc mau quá. Có dễ ta hơn em đến sáu bảy tuổi, nhưng tóc râu ta chưa đến nỗi bạc như em.

- Dạ, thần bị cái chân huyết hơi kém ạ.

- Thôi được, ta không cản trở con đường dưỡng nhàn của em nữa.

Nguyên Đán thầm nghĩ: "Sự thật, tôi đâu có cầu nhàn.

Tôi chỉ chán cái triều đình rối ren của bệ hạ. Chán hơn hết là bệ hạ, bởi ông cũng chỉ là một con rối trong tay kẻ khác mà không tự biết".

Vẻ như phân vân, nhà vua gạn hỏi:

- Vậy chớ em có còn điều gì tâm huyết cần nói với ta?

- Muôn tâu, mấy tháng gần đây, đầu óc thần như lú lẫn, chợt nhớ, chợt quên, ấy là triệu chứng của tuổi già không sao cưỡng nổi. "Ôi, tôi còn gì tâm huyết hơn là cái kế sách hưng nước đã bao phen bầy tỏ với ông, mà ông chẳng đoái hoài. Hơi sức đâu mà tôi nói cùng ông, để rồi ông lại nói cho người họ ngoại (trỏ Quý Ly). Và sự thù oán lại chất chồng". Trần Nguyên Đán cay đắng tự nói với mình như vậy. Và ông cũng bắt mình phải tự kiềm chế, giả điếc giả đui.

- Thôi được! Nhà vua tặc lưỡi, em về thay mặt triều đình vỗ về đám lê dân trong vùng, đừng để họ đói nghèo mà gây hờn oán với ta.

"Quái lạ, triều đình bắt dân đi xâu di lính, bắt dân đóng thuế đinh thuế điền mà không nghĩ đến việc vỗ về chăn dắt; lại trao phó cho một hưu quan tuổi già sức yếu làm cái việc đáng nhẽ nhà vua phải làm. Nhà vua đổ đốn tới mức không còn biết mình phải làm gì nữa sao. Hèn chi mà nước không rối. Ta chỉ buồn các tiên đế bỏ không biết bao máu xương, công sức tạo dựng cơ nghiệp, để đến bây giờ... Ta lo sợ, nhưng chung cục chắc cũng chẳng bao xa. Lịch sử mù lòa sẽ tôn Nghệ tông như một

đấng vua hiền. Mà ông hiền thật. Bởi ông có giết ai đâu. Ông còn thương dân mà phải sẻn kiệm nữa là khác. Cung điện, dinh thự giặc tàn phá, ông bắt dựng lại bằng tranh tre nứa lá, và đích thân các quan lớn quan bé phải tự làm lấy như một lũ phu phen. Đúng là ông hiền như một đứa ngu phu. Đứa ngu phu ở ngôi tôn quí, chỉ cần nó phát tác sự ngu tối một cách thành kính, cũng đủ làm cho đất nước rối ren, suy kiệt lớn gấp cả chục cuộc chiến tranh do kẻ thù đem tới. Ta nghiệm đúng như lời xưa Chu An nói: "Dụ tông là người thỉnh lên hồi chuông báo tử cho nghiệp lớn nhà Trần". Còn bây giờ ta nói: "Nghệ tông là người tận tâm làm cho cơ nghiệp nhà Trần sụp đổ mà không tự biết". Có nhẽ lịch sử coi ta như một kẻ ngoa ngôn, song đáng tiếc, sự thật lại đúng như vậy đó...".

Trần Nguyên Đán cứ chìm đắm vào những suy tư chắp nối, chợt nhớ chưa đáp lời Nghệ tông.

- Muôn tâu, thần xin lĩnh thánh ý.

Làm như một sự vô tình, Nghệ tông hỏi:

- A, còn tập "Bảo hòa di bút" của ta, Tư đồ đã đọc chưa mà không thấy nói?

- Dạ, thần đã đọc kỹ tới cả chục lần, và cũng có chép lại vài ý mọn kèm với sách gửi về triều trả bệ hạ rồi.

- Thế a! Nhà vua nói mà không cần nén giấu niềm vui - Sao em còn phải gửi sách về triều. Ta tưởng sách ấy là ta đã ban cho em chứ?

- Dạ, thần không thấy có lời ban tặng. Sợ đắc tội nên thần không dám lưu giữ.

- Ôi, ta vô tâm quá! Vô tâm quá. Song em thử nói đại khái vài ý về "Bảo.hòa di bút" ta nghe.

- Muôn tâu, đó là bộ sách cực quí. Chỉ cần những bậc vua chúa làm đúng như các điều bệ hạ răn dạy, cũng đã trở thành đấng vua hiền, sự nghiệp vì thế mà trường cửu đến vô tận thời gian.

- Giỏi! Giỏi! Em ta đúng là bậc thông tuệ hơn đời.

Nghệ tông dời "*Thanh hư động*" với tâm trạng hư huyễn, không vui mà cũng chẳng buồn. Nhà vua sai đám quân kiệu đi thẳng về cung Bảo Hòa, nơi hành cung tránh giặc để ngài ngự lại tiếp tục cuộc giao du miền sơn cước và làm thơ.

Lại nói về Quý Ly từ khi có thêm Nguyễn Đa Phương và Phạm Cự Luận, vây cánh mạnh hẳn lên. Điều đó lại làm thái úy tướng quốc Trang định vương Ngạc cùng quan gia và các hàng tôn thất thêm gai mắt. Vì vậy đã xảy ra một việc khiến Quý Ly đến tận hôm nay vẫn còn thấy bẽ mặt. Ấy là vào một buổi thiết triều, Quý Ly đến, thấy ghế của mình không còn nữa. Chẳng là ghế của Quý Ly từ ngày được thăng hàm tiểu tư không, Nghệ hoàng cho sắp ngang với ghế của tể tướng, tức là tướng quốc thái úy Trang định vương Ngạc. Nhưng từ khi được ngồi ghế ấy, Quý Ly càng thêm mất lòng tướng quốc. Nhất là quan tri thẩm hình viện sự Lê Á Phu đã

nhiều lần đàn hặc, ghế ấy phải kê thấp hơn ghế tướng quốc. Bởi tướng quốc chỉ đứng sau thượng hoàng và vua. Hơn nữa tướng quốc ở hàng tước vương, Quý Ly mới chỉ được phong tước hầu mà dám ngồi tiếm như vậy, phải bỏ đi. Tuy nhiên, Nghệ hoàng vẫn cứ gia ân, không cho bỏ. Dạo này nhân Nghệ hoàng ở lì cung Bảo Hòa ít có dịp về triều, nên Lê Á Phu xin với tướng quốc và quan gia bỏ ghế ấy đi.

Quý Ly tím mặt, đứng như trời trồng giữa triều đình. Trong khi tể tướng cứ tâu trình mọi việc với quan gia, làm như không có Quý Ly đứng đó. May có viên quan nội hầu bê đến cho chiếc ghế, nhưng lại đặt thấp hơn hàng ghế tướng quốc. Buộc phải ngồi, nhưng Quý Ly đã lấy lại sự bình tâm. Ngay lúc ấy, ông không nghĩ tới việc chỉ lấy lại một chỗ ngồi, mà nghĩ tới việc lấy cả thiên hạ.

Bữa nay trời đẹp, Quý Ly ra dạo ngoài khuôn viên. Trời xanh, cây cối trong vườn như tùng, cúc, trúc, mai, lan... không thiếu một thứ gì. Và hoa cỏ cũng như mỉm cười với ông, chào đón ông. Ông rất đỗi yêu thiên nhiên, bởi thiên nhiên không những là người bạn không bao giờ phản bội, mà còn là liều thuốc thư giãn công hiệu nhất; nên mỗi khi có điều gì u ẩn hoặc đầu óc căng thẳng, ông thường đi dạo hoặc ngồi xem ngắm cây cối trong vườn. Song, bữa này cả thiên nhiên và cây cỏ, hoa lá đều không lôi kéo được ông. Bởi đầu óc ông còn quay đảo với biết bao nhiêu thứ phải làm. Lập tức Quý Ly trở

lại thư phòng. Ông cầm ngay lấy tập sách đang soạn. Ông cho đây là một công việc lớn lao có quan hệ đến vận mệnh quốc gia. Nhẽ ra, có toàn quyền trong tay, ông sẽ sai bên Hàn lâm viện thảo soạn theo sự chỉ dẫn của ông. Nhưng bây giờ chắc chưa có ai theo ông. Bởi họ không bao giờ dám đặt sự nghi vấn với các bậc tiên nho tiên thánh, dù chỉ một chữ. Mà với họ, phải sát đúng từng chữ, từng dấu khuyên, dấu sổ[1]. Ai chỉ cần làm trái một chút, là họ gào lên như một lũ khùng, rằng dám hỗn hào truyền sai kiến văn của thánh Khổng[2] thánh Mạnh[2]. Họ đâu biết rằng, chính thầy Mạnh cũng đã nói: "Tin tận thư như vô thư". Tức là tin hết thảy mọi điều như trong sách (để rồi toa rập đúng như thế) thì thà không đọc sách còn hơn. Điều đó, chỉ có nghĩa rằng Mạnh Tử dè chừng các đệ tử và các lớp hậu thế trở thành những con vẹt. Nay ông soạn sách Minh Đạo, để rồi sẽ dùng sách ấy cho việc cải hoá nền quốc học. Cái chí của ông là phải canh cải xã hội cho được hoàn thiện thêm. Dân giầu nước mạnh nhiều lên, nhưng cũng phải tiến hóa thêm, chứ không thể cắm đầu cúi cổ làm y hệt những điều mà các bậc tiền bối đã an bài hàng ngàn năm trước. Theo ông, con người cũng như vũ trụ, không có gì là bất biến cả. Mà có biến

---

[1] Khuyên, sổ tức là dấu chấm, dấu phẩy.

[2] [2] Khổng Tử. Mạnh Tử các học giả hoàn thiện học phái nho gia vào thời Xuân Thu - Chiến Quốc của Trung Hoa (1122-247 trước Tây lịch).

thì mới có hanh thông. Đó chẳng phải là chuẩn tắc của Dịch lý sao?

Đạo nho có một điều mà ông cho là bất như ý. Tức là, một mặt dạy cho người ta phải nắm lấy thời cơ biến dịch; mặt khác lại buộc người ta hết sức chặt chẽ vào vô số những điều bất biến. Hóa nên, Quý Ly cho rằng muốn cải hóa xã hội, phải trước hết cải hóa giáo dục. Và tiếp đó là đào tạo nhân tài, sử dụng nhân tài. Vì vậy, việc đầu tiên của ông trên con đường vạn dặm này phải tự soạn sách, để dẫn dắt lớp nho sinh và nho sĩ vào đời.

Nhưng ở đời, đâu phải cứ có cái tâm tốt là mọi việc không bị cản trở. Ví như trong khi ông đang soạn sách "Minh Đạo", thì ở triều đình người ta bỏ ghế của ông đi, toan làm nhục ông. Và biết đâu chẳng còn có mưu toan vứt ông ra lề đường, hoặc bêu đầu ông ngoài cửa khuyết. Vì vậy ông phải lo liệu trước. Việc này ông đã giao cho Phạm Cự Luận. Và cũng chỉ có Phạm Cự Luận mới đủ tài trí đảm đương. Tức là từ trong cung vua tới các dinh phủ đều có tay chân thân tín. Nếu nơi nào không đưa được người của ông vào, thì phải biến những người sẵn có tại đấy thành người của ông. Bởi thế, chỉ cần nhà vua ho một tiếng, tướng quốc cười một tiếng ở bất cứ nơi nào đều có thể đến tai ông.

Gần đây ông có nghe đồn dậy khắp nơi, rằng có một tướng trẻ măng mới 18 tuổi, đã lập đội tinh binh chuyên nghề đánh thủy. Lại nghe nói vị tiểu tướng quân này nuôi

chí lấy đầu Chế Bồng Nga, và đã có sớ về xin triều đình thu dụng vào trong quân. Quả như lời đồn, cách đây hai ngày bên phủ thái úy mới chuyển cho ông sớ thỉnh cầu của Trần Khát Chân, cháu bốn đời của Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng. Ông đã cử Nguyễn Đa Phương về tận nơi thu dụng. Quý Ly rất đỗi vui mừng, nếu như lại hưng lên được cái khí thế đánh giặc của thời Trùng hưng, thì lo gì đám giặc cỏ Chế Bồng Nga.

XXVIII

Không thể nói tướng quốc thái úy Trang định vương Ngạc không đọc kỹ "Bảo hòa di bút" của vua cha. Ngạc đọc tới ba lần và phát hiện ra rằng vua cha thật sự không còn minh mẫn nữa. Nếu như đây là những điều bắt buộc các bậc làm vua phải noi theo mà hành hóa, thì tại sao vua cha lại không tự làm trước đi. Ví như ngài viết: "*Bậc làm vua phải bao dung, phải sáng suốt. Không được nghe lời nói gièm. Không để cho kẻ nịnh hót che lấp sự thật. Phải biết nén lòng nghe lời can gián thẳng thắn của những người bộc trực. Phải biết thu nạp hiền tài và đưa họ vào các cương vị xứng đáng của bộ máy quốc gia. Phải coi những người hiền đức là tài sản vô giá của nước. Nước mạnh hay yếu thực ở nhóm người này chi phối...*".

Đấy là vua cha viết, chứ thực thượng hoàng thuần làm trái với những điều ngài răn dạy. Biết bao sớ, chương kế sách của quan Tư đồ Trần Nguyên Đán và của nhiều kẻ sĩ có tâm huyết khác đều xếp xó. Cả bản thân quan Tư đồ tài năng là vậy, đức độ là vậy mà cũng suốt đời long đong không làm được việc gì ra việc gì. Ngay ta là con, mà nói sự thực nhà vua cũng gạt đi không nghe. Và đã tin ai thì tin đến mù quáng. Bỏ ngoài tai tất cả các điều mà gián

quan chê trách. Người tài thì bỏ xó. Người đức thì không dùng, chỉ có Quý Ly là nhất thiên hạ.

Ừ thì cứ cho rằng Quý Ly có tài canh cải như thượng hoàng vẫn khen. Nhưng thử hỏi ở các ngôi vị ấy, y đã làm được điều gì tỏ lộ cái chí của y. Làm tướng thì đánh trận nào thua trận ấy. Viết sách " Minh đạo" thì tối mò mò. Có nhẽ cái biệt tài của y là ném đá dấu tay, và luôn đánh hơi đón bắt được ý muốn của thượng hoàng, rồi tung lời nịnh hót hoặc gièm pha đúng lúc.

Vương Ngạc cố giữ để không phạm vào các điều hiếu nghĩa, chứ thực ông không còn giữ được lòng yêu kính vua cha nữa. Vì vậy Ngạc không có hồi âm gì về tập "Bảo hòa di bút" của nhà vua. Tuy vậy ông lại rất thích lời đề tựa của Đào Sư Tích. Rõ là một người có học thức sâu rộng. Ông chính thêm những điều chân chính. Và không đả động gì đến những lời vu khoát sáo rỗng của thượng hoàng. Sư Tích khen mà không nịnh, đấy là điều cực khó cho những ai viết tựa hoặc nhuận sắc các trước tác của các bậc bề trên; đó cũng chính là giới mốc để phân biệt kẻ xu nịnh và người có nhân cách.

Trái với Trang định vương Ngạc, Quý Ly cẩn đề "Bảo hòa di bút" rất chi là cao nhã, lại tự mình đem đến cung Bảo Hòa trao tận tay cho thượng hoàng. Nghệ tông cảm kích về những điều nhận xét và cả tấm lòng của Quý Ly, nên lưu giữ quan tiểu tư không ở lại suốt một ngày đêm để đàm đạo.

Càng trò chuyện với Quý Ly, nhà vua càng nhận thấy ở người em họ ngoại này nhiều điều tâm đắc. Vua cười nói xởi lởi:

- Quý Ly như hiểu cả gan ruột ta.

- Muôn tâu, chữ nhà Phật nói như thế là thần có duyên với bệ hạ.

- Biết đâu kiếp trước ta với khanh chẳng là anh em.

- Dạ, thần đâu dám.

Thấy Quý Ly thật sự trân trọng trước tác của mình, Nghệ tông cảm động thầm so sánh: "Như Nguyên Đán đó, tình là anh em, nghĩa là vua tôi, mà y chỉ viết cho ta mấy câu chiếu lệ, vô bổ. Khen chẳng ra khen, chê chẳng ra chê. Lại như vương Ngạc là con ta đấy, mà y cũng có thèm trả lời ta đâu. Vậy là người hiểu ta sâu sắc không ai bằng Quý Ly. Hẳn người yêu ta hết lòng cũng không ai bằng Quý Ly. Thật là: "Nhất đắc tri kỷ...".

Nhà vua hỏi các việc trong triều, Quý Ly cứ thực tâu trình. Khi hỏi về các quan, Quý Ly thường lảng tránh không nói ra ý mình, mà chỉ nói quan nọ nói về quan kia như thế như thế. Hoặc dân gian truyền khẩu. Trong những lời đưa đẩy, yêu ai, ghét ai, Quý Ly thường lồng vào đó cái ý của riêng mình. Ông đưa ra các lời phẩm bình vừa đúng lúc, vừa cao đẹp, khiến nhà vua không thể không thừa nhận. Ông cũng khéo léo gói vào một chút xíu thôi, cái tính ương gàn hoặc ý tứ chê vương Ngạc là người

căng cứng hẹp lượng, mà không mang tiếng nói vụng, nói xấu người khác.

Tất cả những gì Quý Ly nói, đều nhanh chóng ăn sâu vào tiềm thức của Nghệ hoàng một cách rất ngọt ngào. Vì thế, Quý Ly nói rất ít, nhưng Nghệ tông lại nhớ rất dai.

Quý Ly cũng đem chuyện cậu bé tiểu tướng quân Trần Khát Chân xin đầu quân đánh giặc, tâu lên thượng hoàng. Nhà vua mừng lắm, và hẹn thế nào Quý Ly cũng phải đưa cậu ta vào bệ kiến.

Hôm sau Quý Ly về triều, nhà vua cho quân cận vệ hộ tống. Lại sai người đem chiếu thư về trao cho quan gia.

Tới buổi thiết triều, quan gia mới mở ra đọc. Hóa ra sắc phong cho Quý Ly thêm chức "*Đồng binh chương sự*". Lại ban cho một thanh gươm một lá cờ đỏ có đề hàng chữ: "*Văn võ toàn tài quân thần đồng đức*".

Đạo sắc như một tiếng sét đánh vào những người coi thường Quý Ly, chống đối Quý Ly.

Ngay tối hôm ấy, tri thẩm hình viện sự Lê Á Phu cùng Nguyễn Kha, Nguyễn Bát Sách, Nguyễn Văn Nhi tới phủ tướng quốc thái úy bàn cách trừ khử Quý Ly.

Sau khi bàn bạc, vương Ngạc căn dặn mọi người:

- Các ông cứ về lo liệu mọi việc cho chu đáo, nhưng phải kín nhẹm. Bởi chân tay của Quý Ly giăng mắc khắp nơi, mà thượng hoàng lại dung túng, bênh che y, hở ra là nguy đến tính mệnh, chết cả lũ. Nhưng trước khi hạ độc

thủ y, để ta còn phải bệ kiến quan gia. Nếu quan gia chấp thuận thì ta sẽ tính ngày khởi sự sau. Các ông nên nhớ, mọi việc đều phải kín như bưng.

Ai nấy ra về. Sớm hôm sau không có phiên chầu, thái úy đến thẳng cung Quan triều gặp quan gia. Đúng buổi quan gia dang học. Bữa nay Vương Nhữ Mai hầu giảng nhà vua. Vương Nhữ Mai là con của nhập nội hành khiển tả ty Vương Nhữ Chu.

Vương Nhữ Chu, Vương Nhữ Mai là một cặp phụ tử đồng triều, đều được hưởng ơn vua, lộc hậu. Ai cũng khen nhà ấy có phúc.

Quan gia và cả tướng quốc thái úy Trang định vương Ngạc, mặc nhiên coi cha con Nhữ Mai thuộc loại trung thần không có điều gì phải canh chừng. Vì vậy vua và thái úy cứ bàn bạc mà không cần phải đuổi Nhữ Mai ra ngoài.

Mở đầu tướng quốc nói:

- Mặt nam, quân chiêm Thành không ngớt quấy phá. Mặt bắc, nhà Minh ngày càng bức bách. Mới năm ngoái đòi lấy hai chục tăng nhân cùng các cây giống như cau, mít, vải đưa sang Yên Kinh. Tiếp lại cho người sang đòi "vay" 5 vạn hộc lương đưa lên biên ải cho họ. Trong khi dân ta đang đói mà vẫn không thoái thác được. Hiện nay nước Minh lại cho bọn Cẩm y vệ xá nhân Lý Anh, sang đòi mượn đường bộ đi đánh Chiêm Thành. Còn dòi cả 50 thớt voi, và suốt từ Nghệ An trở vào ta phải đặt trạm cấp lương

và cỏ voi cho họ. Thật chẳng khác lũ hổ đói Hốt-tất-liệt ngày xưa.

- Vậy là họ muốn đánh lấy Đại Việt chớ đâu phải đánh Chiêm Thành? Việc này tướng quốc đã có đối sách gì chưa? Quan gia hỏi.

- Tâu, thần đã cho người đi tiếp bọn Lý Anh. Dùng tiền tài mua chuộc, để về nước, y tâu lại với Minh Hồng võ[1] bãi việc mượn đường. Triều đình nên sớm cử một đoàn cống sứ sang Yên Kinh, đem phẩm vật tuế cống cùng biểu của bệ hạ trần tình với Hồng võ. Song việc chính là phải hưng thế quân lên. Nếu không, mình càng nhún, họ càng lấn.

- Phiền tướng quốc lo giúp ta các việc này.

- Thần xin lĩnh mệnh.

Giây lâu, tướng quốc lại nói:

- Việc ngoài tuy rối, song vẫn có thể gỡ được. Điều thần lo nhất là việc trong cứ mỗi ngày một nát thêm lên, đe dọa sự còn mất của vương triều không phải ít.

- Theo tướng quốc, ta phải làm gì bây giờ?

- Bệ hạ còn lạ gì, lâu nay thượng hoàng yêu quí đến mê muội người họ ngoại Quý Ly. Tước trật tăng cho y không giới hạn. Quyền bính tập trung trong tay y ngày càng nhiều. Cho y tự ý làm điều gì thì làm. Mới đây lại ban cho y cờ kiếm và cả phương danh: "*Văn võ toàn tài quân thần*

---

[1] Minh Hồng võ, tức Minh thái tổ Chu Nguyên Chương (1370-1400).

đông đúc". Với đặc ân ấy, thử hỏi y kém gì bệ hạ. Mà thực tình bệ hạ không có sức mạnh bằng y. Y vừa có vây cánh mạnh, vừa sai khiến được quân sĩ trong toàn cõi. Nếu y đem lòng kia khác, thử hỏi nghiệp lớn do tổ tông để lại, liệu có giữ nổi không? Cái họa Dương Nhật Lễ còn sờ sờ ra đó. Xin bệ hạ lưu tâm.

- Việc cần phải làm như thế nào, tướng quốc cứ tự tiện mà làm.

- Điều thần lo sợ nhất là thượng hoàng không tin yêu người tôn thất. Dù tài mấy cũng không dùng. Như quan tư đồ Trần Nguyên Đán thì đủ rõ. Ngay thần là con đẻ, mà can gián hoặc thỉnh cầu điều gì đều không được. Hắn Quý Ly kiềm chế thượng hoàng bằng một thứ bùa bả gì chăng? Nếu không sớm trừ khử Quý Ly, thần e không những tính mạng người tôn thất mà ngay cả thần, cả bệ hạ, cả cơ nghiệp nhà Trần, chưa chắc có tồn tại. Than ôi!

Nói xong, vương Ngạc rơm rớm nước mắt. Đoạn tướng quốc nói tiếp:

- Chúng thần gồm những... gồm những... đã bàn thấu đáo; chỉ chờ lệnh chỉ của bệ hạ là khởi sự.

- Được! Ta ưng thuận. Khi nào bọn các ông cần lệnh chỉ? Có thể ta sẽ thảo trước rồi ký sẵn vào đấy, để bất cứ lúc nào các ông cần đến là có ngay.

- Đội ơn bệ hạ, chúng thần xin tận tâm báo quốc.

- Vậy thì phúc lớn cho nhà Trần ta.

Chuyện đến đây, tưởng như Quý Ly phải chết. ấy vậy mà không. Phải chăng lòng Trời còn tựa?

Số là Vương Nhữ Mai nghe được đầu đuôi câu chuyện. Bởi ít lâu nay Phạm Cự Luận đã cho vời y, đặt y vào trong then máy. Cho nên khi biết được tin này, y đến thẳng phủ Quý Ly tường trình lại tất cả.

Quý Ly hốt hoảng triệu Nguyễn Đa Phương và Phạm Cự Luận tới bàn.

Nghe xong, cả bọn đều sửng sốt, không ngờ sự thể lại xoay vần đến thế. Quý Ly hỏi:

- Các ông thử nói xem, ta có tội gì.

Sau một phút băn khoăn, Phạm Cự Luận nói:

- Cái tội của tôn ông là được thượng hoàng yêu quí, được giao trọng trách quốc gia.

- Thế nhưng các việc được giao, ta có đảm đương được hay ta để bê trễ?

- Ngay tôn ông việc gì cũng làm được, trách phận nào cũng đảm đương, đã tạo cho tôn ông không ít kẻ thù. Nhưng thôi, bây giờ không phải lúc tranh biện, hãy bàn đến việc ứng phó cho kịp.

Khác với Phạm Cự Luận, Nguyễn Đa Phương nói thẳng:

- Người ta tính chuyện hạ độc thủ mình, mà mình cứ ngồi bàn ở đây, khéo lại chết cả lũ.

- Vậy làm thế nào, hiền đệ thử nói ta nghe.

- Theo tôi, có hai cách. Một là cất quân đánh trước.

- Đánh ai? Quý Ly hỏi.

Nguyễn Đa Phương ngồi thần mặt ra không trả lời được.

Quý Ly nói:

- Đánh, có nghĩa là đánh vào cái nơi định sát hại ta. Tức là đánh vào tướng quốc và thượng hoàng. Như thế là lật đổ triều đại, là thoán nghịch biết chưa? Mà thực đây cũng chỉ là do Vương Nhữ Mai nói, chưa có bằng chứng gì cả. Ngộ nhỡ đây chỉ là chuyện bịa đặt, hoặc giả quan gia và tướng quốc chỉ than phiền mà Nhữ Mai muốn lập công, y phải nói quá đi thì sao?

Phạm Cự Luận phản bác:

- Trước khi cố kết với Vương Nhữ Mai, tôi đã có thăm dò y. Khi y đã nằm trong then máy của ta, tôi lại nói cặn kẽ về việc y thông đạt tin tức, một chữ cũng không được thêm bớt. Tính mạng của y đặt vào sự trung thực. Cho nên, ta phải tin vào những điều Vương Nhữ Mai nói là đúng sự thực, để có kế sách ứng phó. Có điều như tướng quân Đa Phương nói là đánh trước, tưởng không được. Mà nếu có được cũng chỉ ba ngày sau là quân của các hoàng thân, các người tôn thất kéo về bóp nát chúng ta. Nên nhớ, Dương Nhật Lễ đã chiếm được ngôi tôn, đã nắm trọn quân sĩ trong tay mà vẫn bị người tôn thất diệt gọn.

Quý Ly lúc này càng bối rối hơn, ông lặng lẽ như một chiếc bóng quay về phía Đa Phương:

- Hiền đệ nói có hai cách. Vậy cách thứ hai của em thế nào, nói thử ta nghe.

- Tình thế không đánh được thì phải tránh. Chẳng nhẽ ngồi chờ chết sao. Cứ như ý tôi thì đại huynh nên về lánh tại núi Đại Lại[1]. Đấy là đất quê đại huynh. Cứ về đây chờ nghe ngóng xem sao.

Quý Ly rất phân vân quay hỏi Cự Luận:

- Ông có còn kế gì khác không? Hay ta theo kế của Đa Phương.

Phạm Cự Luận lắc đầu:

- Không đi được. Đi là không còn mưu được kế sinh tồn. Đi dễ, về khó. Đi là chết.

Quý Ly rầu rĩ:

- Nếu không có phương sách nào hữu hiệu, ắt ta phải tự tử. Ta nhất quyết không để tay người khác giết. Rồi ông thở dài thườn thượt, đầu rũ xuống.

- Tôi có một kế có thể thoát được. Mà đã thoát thì sẽ có cơ may chuyển họa thành phúc.

Quý Ly ngửng phắt đầu, mắt sáng lên, giục:

- Kế gì hay vậy? Ông nói mau ta nghe.

Phạm Cự Luận chậm rãi:

- Việc quan gia giết vương tử Húc khiến thượng hoàng oán giận bấy lâu. Điều ấy lại khiến vua không hài lòng.

- Quả có như vậy. Ta thấy thượng hoàng đôi khi lại

[1] Núi Đại Lại thuộc huyện Vĩnh Lộc Thanh Hóa, nằm ở phía bắc sông Lèn. Núi này còn có một tên khác: Kim Âu.

nhắc tới chuyện này với vẻ đau lòng. Có lần ngài đã nói: "Ta không ngờ, đặt nó lên ngôi tôn quí để nó giết con ta".

- Vậy thời ông phải biết móc vào lòng thương con của thượng hoàng. Nay thượng hoàng đã yêu tin ông, quyền bính trong nước đều ở trong tay ông cả, mà vua lại có âm mưu hại ông, thì có khác gì hại thượng hoàng. Thượng hoàng là người có đức nhân, lại yếu đuối, ông nên vào lạy thượng hoàng, bầy tỏ lợi hại, tất thượng hoàng sẽ nghe theo. Một khi thượng hoàng đã nghe ra thì tình thế dễ như trở bàn tay. Họa đấy, nhưng phúc cũng ngay đấy thôi. Ông nên nói huỵch toẹt cái câu dân gian thường nói: "chưa thấy ai bán con nuôi cháu, chỉ thấy bán cháu nuôi con", hẳn thượng hoàng phải động tâm. Mà thượng hoàng thiếu gì con chính đích. Nếu ngài tỉnh ngộ, đổi lập sang Chiêu Định vương, nước chả ở trong tay ông thì ở trong tay ai?

- Nếu ta đã bầy tỏ cạn nhẽ mà thượng hoàng không nghe thì làm thế nào?

- Ông chẳng định tự tử trước khi đến gặp thượng hoàng sao? Hãy cứ đặt tất cả vào nước bạc này, tức là đi gặp thượng hoàng, nếu không còn cách nào cứu vãn được, thì lúc ấy ông tự tử không còn phải hối nữa.

- Nhưng bây giờ ta sang cung Bảo Hòa, lỡ họ phục quân ngang đường giết ta thì sao?

- Ông sang cung Bảo Hòa làm gì. Đêm qua thượng hoàng đã về cung Thánh Từ rồi. Ông cứ vào vấn an, chắc

thượng hoàng vui lắm. Vả lại tôi chưa thấy bên phủ tướng quốc có động tĩnh gì. Ông nên đi ngay đi. Để không ai nghi ngờ, ông nên đi kiệu của tôi, buông rèm xuống không cho người bên ngoài nhìn thấy.

Quý Ly dùng kế của Phạm Cự Luận, vào bái Nghệ hoàng. Nhà vua mừng lắm. Đón Quý Ly vào nội tẩm, lại cho ngồi cùng.

Quý Ly không ngồi, mà sụp lạy, rồi khóc rống lên.

Nhà vua bối rối không biết chuyện gì bèn nâng Quý Ly dậy, dỗ dành:

- Khanh nín đi. có chuyện gì uất ức cứ giãi bầy ra. Khanh không biết ta yêu quí khanh hơn các em ta; ta tin dùng khanh hơn cả con, cháu ta sao?

Thấy nhà vua nói "tin dùng hơn cả con, cháu", Quý Ly càng khóc lớn.

Nghệ tông không cầm lòng được, tự dưng nước mắt cũng ứa ra. Ngài nói:

- Kẻ nào bức bách được khanh. Ta biết sớm muộn rồi cũng có sự này. Nên ta đã cất nhắc khanh vào hàng đầu triều. Lại trao cho khanh nắm giữ binh quyền. Vừa đây ta ban cờ kiếm cho khanh là để tăng quyền thế của khanh, để không kẻ nào có thể đố kỵ với khanh được. Nào, có điều gì khanh nói ta nghe. Ngay cả tướng quốc hay quan gia động đến khanh cũng không sợ. Ta còn sống thì không kẻ nào lộng hành được.

Nghe nhà vua nói, hệt như kế sách Phạm Cự Luận đã

dự liệu, Quý Ly lấy tay áo thụng lau khô nước mắt, lạy tiếp nhà vua bốn lạy rồi cứ thực tình giãi bày hết cả. Tuy vậy, Quý Ly cũng đủ tỉnh táo để không nói gì về tướng quốc thái úy Trang định vương Ngạc, có dính líu vào chuyện nay. Vì như thế, sự việc sẽ rắc rối thêm, và nhà vua trở nên khó xử. Câu chuyện qui về kẻ chủ mưu ám hại người hiền là do quan gia.

Nghệ hoàng giận sôi lên, ngài quát mắng đùng đùng.

- Quân chó lợn đê tiện. Nó đã giết con ta, nay lại định giết chân tay thân tín của ta.

Mặt nhà vua tái nhợt, đôi mắt rực đỏ như sắp bốc cháy.

Lại đến lượt Quý Ly yên ủi thượng hoàng. Quý Ly can khéo lắm. Tựa như người đem cỏ khô chữa cháy:

- Trăm lạy thượng hoàng nguôi giận. Thượng hoàng nên thương lấy quan gia. Việc Quan phục đại vương[1] không may thất lộc, quan gia cũng đau lòng lắm. Ngài thường dạy chúng thần: "Đây không phải là chuyện em giết anh, mà là chuyện đức vua trừng trị kẻ bầy tôi theo giặc, sát hại người đồng tông. Đây còn là chuyện ta giết kẻ bán nước cầu vinh, làm nhục xã tắc để giữ nghiêm phép nước...?

Như một con dao ngàn mũi ngoáy sâu vào vết thương tấy đỏ, Nghệ hoàng đau đớn gầm lên:

---

[1] Quan phục đại vương là tước phong của vương Húc, con của Nghệ tông.

- Thằng nghiệt súc! Đứa hôn quân! Ta quyết không tha mạng sống cho mi.

Quý Ly biết diệu kế của Cự Luận đã thập phần hoàn hảo. Bây giờ ông phải can ngăn nhà vua, đại xá cho quan gia trẻ người non dạ. Quý Ly thừa biết, ông càng can, càng làm cho vững thêm, lòng căm ghét và ý chí trừ khử đế Nghiễn của thượng hoàng.

Quả vậy, mới mờ sáng ngày hôm sau, thượng hoàng đã nói thác có việc phải về Yên Sinh, bắt bọn nội nhân sắp sửa xa kiệu. Lại sai chi hậu nội nhân gọi vua đến bàn việc nước.

Thương thay nhà vua trung hậu đến ngu khờ, chưa kịp ăn cơm sáng đã vội vã chạy sang chầu, chỉ có hai đứa nội nhân theo hầu.

Vừa thấy nhà vua ló mặt vào lạy, thượng hoàng vẫy gọi:

- "Đại vương lại đây!" Rồi sai đám quân phục bắt giam tại chùa Tư Phúc, có quân canh phòng nghiêm cẩn.

Thượng hoàng cho nổi trống đăng văn. Các quan lục tục vào chầu. Nghệ hoàng tuyên chiếu:

"Trước kia Duệ tông đi đánh phương nam không trở về. Ta dùng con đích cho nối ngôi là theo phép của người xưa. Song, quan gia từ khi lên ngôi đến giờ, vẫn còn trẻ con lắm, giữ đức không thường, thân mật với lũ tiểu nhân. Đến nỗi nghe bọn Lê á Phu, Lê Dữ Nghị gièm pha vu hãm người công thần, làm dao động xã tắc, nên giáng xuống làm Linh đức đại vương. Nước không thể không có vua. Song việc lập vua mới ta sẽ quyết sau".

Nghe Nghệ tông tuyên chiếu, tướng quốc thái úy Trang định vương Ngạc mặt xám ngoét, toan bước ra can, nhưng Nghệ tông đã cho bãi triều. Nhà vua lui vào hậu điện. Triều thần hãi hùng ngơ ngác.

Bãi triều, các phe trở về tụ hội bàn bạc căng lắm.

Quý Ly rải quân ém các ngả. Lại sai tăng quân bảo vệ cung Thánh Từ.

Phủ tướng quốc người ra vào nườm nượp. Tướng lĩnh trong các đội quân cận vệ của nhà vua như đốc Thiết liêm quân Nguyễn Khoái, Nguyễn Văn Nhi; quản Thiết giáp quân là Nguyễn Kha, Lê Lặc; quản Thiết sang quân là Nguyễn Bát Sách, quân kỵ đã sẵn sàng, chỉ chờ tướng quốc hạ lệnh là xông vào giải thoát cho quan gia.

Tướng quốc đang hoang mang không hiểu vì sao thượng hoàng biết được việc này, mà người từ cung Bảo Hòa về triều êm như ru, không một ai biết. Lại không biết kẻ nào đã tiết lậu việc này, và hiện Quý Ly điều quân những đâu những đâu. Tướng quốc tự hỏi: "Nếu ta cho chúng cứu quan gia, tức là chống lại thượng hoàng. Và chỉ cần thượng hoàng phẩy tay một cái, là tất cả quân sĩ dưới quyền Quý Ly sẽ nhân cớ này mà tàn sát. Không chừng chúng cướp luôn cả cơ nghiệp nhà Trần". Nghĩ vậy, tướng quốc phân vân không dám quyết.

Các tướng sôi sục:

- Nếu thái úy còn trù trừ thì Quý Ly sát hại quan gia mất. Nói xong họ kéo quân về chùa Tư Phúc.

Tướng quân Nguyễn Bát Sách gạt bọn lính canh tới áp sát phòng giam, toan phá cửa.

Người nhà chùa đã kịp vào bẩm với quan gia có quân đến giải cứu. Vua sai lấy giấy bút. Ông viết vội hai chữ "Giải giáp", vừa đúng lúc Nguyễn Bát Sách ló vào cửa sổ, vua trao cho Bát Sách và nói:

- Ta biết khanh cùng các tướng tận lòng trung, nhưng không được trái ý thượng hoàng. Nếu trái ý thượng hoàng sẽ đục nước béo cò, Quý Ly sẽ vì thế mà đạp đổ xã tắc.

Nguyễn Bát Sách khóc mà vĩnh biệt vua. Các tướng lủi ra, quân tỏa về trại.

Quý Ly theo sát mọi việc, mật tâu với thượng hoàng.

- Muôn tâu, nếu thượng hoàng không thả quan gia, lòng quân sinh biến. Rồi Quý Ly thuật lại chuyện các tướng Nguyễn Bát Sách, Nguyễn Khoái, Nguyễn Văn Nhi, Nguyễn Kha, Lê Lặc... lại có cả quan tri thẩm hình viện sự Lê Á Phu cũng có mặt. Quân quyền áp sát đang định giải vây cho quan gia. Không biết quan gia nói gì, họ tạm lui ra án ngữ bên ngoài. Tình hình gấp gáp lắm, xin thượng hoàng sớm quyết đi cho.

Lời tâu của Quý Ly, khác nào đem dầu đổ vào đám lửa đang cháy, Nghệ tông giận tím mặt quát:

- Lũ loạn quân loạn thần này phải diệt cho bằng hết. Rồi Nghệ tông thân dẫn lính cận vệ đến chùa Tư Phúc, áp giải quan gia về phủ Thái Dương. Thượng hoàng sai

đám quan nội hầu vứt vào trong nhà giam cho đế Nghiễn một dải lụa bạch. Nhà vua không van xin, không tỏ lộ sự hãi sợ.

Cầm dải lụa trong tay ông mỉm cười: "Không biết mình có tội gì". Lòng lạnh tanh, vua trải tấm lụa ra nền nhà kéo đi so lại cho thật ngay ngắn, rồi một tay giữ, một tay đo được đúng 14 gang. Vua cười sằng sặc, tự nói:

"Thượng hoàng keo kiệt quá. Ta 28 tuổi mà chỉ cho ta được có 14 gang lụa. Tại sao lại không được mỗi tuổi một gang? Ta phải đòi chứ".

Đế Nghiễn cũng không cần biết tại sao ông phải đòi mỗi tuổi một gang lụa cho cái chết của mình. Song ông nhất định không thể chết mà mỗi tuổi người ta chỉ thí cho ông có nửa gang lụa để treo cổ.

Đoạn nhà vua đập cửa réo gọi. Đám lính canh cùng mấy viên quan nội hầu nhớn nhác nhòm vào nhà. Vua nói:

- Lũ bay tâu với thượng hoàng rằng ta trả lại dải lụa này, cho ta dải khác dài gấp đôi, nếu không ta không chết. Nói xong vua ném dải lụa qua cửa sổ.

Lũ lính canh tản ra, vua ngồi âu sầu suy nghĩ. Thoạt tiên ông nghĩ về mẹ mình, về các con rồi về vợ. Tất cả những gì trong cuộc sống thường nhật trải mấy chục năm qua, đều diễn lại nơi óc ông như một khuôn tranh dài vô tận. Cuối cùng các ý nghĩ lại quay về nơi người mẹ. Ông nhớ, ngày ấy phụ vương đánh Chiêm Thành không về ông mới 16 tuổi. Hay tin phụ hoàng băng, mẫu hậu đã

xuống tóc, xuất gia[1]. Kịp tới khi được tin thượng hoàng định lập ta lên ngôi quân trưởng, mẫu hậu đã về xin với thượng hoàng tha cho. Thượng hoàng không những không cho mà còn quở trách. Mẫu hậu lại về dỗ dành ta đừng có dại mà dấn thân vào chỗ chết. Nếu ta nghe lời, mẫu hậu sẽ hoàn tục, dẫn ta về sống ở một miền quê. Ta chưa kịp theo lời mẫu hậu, thì mọi người xúm vào khuyên ta đừng nghe bà xui dại. Hai bên đều nói là "dại", ta biết theo bên nào. Nhưng oai quyền của vua thì ta biết, như phụ hoàng hoặc thượng hoàng, quyền hành chất ngất, ai cũng phải khát thèm. Thế là ta không nghe lời mẹ mà tuân lời bác - tức thượng hoàng. Ông ta chẳng là anh ruột của phụ vương ta sao.

Suốt 12 năm bác cho ta làm vua, nhưng bác vẫn giữ quyền nhiếp chính. Ta chưa hề được quyết một điều gì. Quyền hành ngày một chuyển về tay người họ ngoại Quý Ly. Ta không khác gì một tên tù binh hoặc một con rối trong tay kẻ khác. Ta không được tin cậy trao quyền đã đành, ngay đến con đẻ thượng hoàng cũng không được tin dùng, và vẫn bị người bề tôi lấn lướt. Ngay cả những điều ấy, mẫu hậu cũng nói hết ta nghe. Tiếc thay ta đã không nghe lời mẹ.

Các việc trong đời đang diễn lại rất nhanh nơi óc não, thì một dải lụa khác ném vào. Nhà vua không sao nhớ lại

---

[1] Xuất gia: Có nghĩa là cắt tóc, vào tu tại chùa.

được những chi tiết vừa diễn ra. Có một cái gì ùa ập tới, như là một bóng đen ma quái làm buốt lạnh cả sống lưng. Nhà vua cảm thấy rét run, người co dúm lại, khiến ông buột miệng kêu lên thành tiếng: Mẹ! Mẹ ơi!

Lại thoáng thấy nhà sư trọc đầu, vận áo dài nâu treo lơ lửng thân mình trên một cành cây cao, rậm. Văng vẳng như tiếng mẫu hậu rành rõ bên tai ngày nào: "*Con ta kém đức, khó kham trách nhiệm to lớn, đến phải tai họa mất thôi. Tiên hoàng mất đi, kẻ chưa chết muốn chết, không muốn trông thấy việc đời nữa, huống chi lại trông thấy con sắp nguy ư? Ta thà chết trước còn hơn chính mắt mình nhìn thấy con bị hại*".

Cái xác cứ đánh đu tít bổng lên như sắp bay vào không trung. Nhà vua như một kẻ mộng du, tay nắm vào xà nhà mà vẫn ngỡ mình nắm bắt vào cành cây tưởng tượng. Cột xong dải lụa, ngài hét lên: "Mẫu hậu chờ con!" Rồi ngài chui đầu vào thòng lọng, tay buông khỏi "cành cây" và đu miết vào khoảng không cao tắp...

Nghệ tông vừa giết cháu xong, thì Quý Ly xin cho giết nốt các tướng của quân cựu phủ và các đại thần đã về hùa với vua làm loạn xã tắc như tri thẩm hình viện sự Lê á Phu; đốc Thiết liêm quân Nguyễn Khoái, Nguyễn Văn Nhi; quản Thiết giáp quân Nguyễn Kha, Lê Lặc; quản Thiết sang quân Nguyễn Bát Sách là những người định đem quân vào cướp vua. Cùng với các tướng, hàng đô quân cũng đều bị giết cả.

Giết hàng trăm người, Quý Ly vẫn chưa thấy yên tâm. Điều Quý Ly sợ nhất là tướng quốc Trang định vương Ngạc nắm giữ ngôi tôn.

Vì vậy Quý Ly lại triệu Phạm Cự Luận đến mật bàn:

- Ông có kế gì đưa được Chiêu Định vương[1] lên ngôi không? Quý Ly hỏi.

Phạm Cự Luận thầm nghĩ: "Quý Ly nuôi chí đoạt xã tắc. Nay đang ở thế cưỡi hổ. Thắng keo này là thắng lớn!" Đoạn ông đáp:

- Việc tất phải thế.

- Sao tôi thấy người ta đồn vương Ngạc sẽ lên ngôi. Nếu Ngạc lên ngôi, tôi với ông có chạy ra Đại Lại ngay bây giờ cũng không kịp nữa.

- Thế thì tương kế tựu kế.

- Kế gì, ông nói ta nghe! Quý Ly sốt ruột giục.

- Ông cứ vào hỏi thẳng thượng hoàng việc có đúng như người ta đồn không? Ông nên nhớ, nhà vua có tính cứ hay làm trái với mọi người. Hỏi xong, ông lại khuyên nhà vua nên truyền ngôi cho con đích. Mà trong các vương thì không ai bằng tướng quốc. Tôi chắc chắn nếu nhiều người nói tốt cho Ngạc, thì thế nào Ngạc cũng bị thượng hoàng đánh rớt. Vả lại cái lỗi lớn nhất của Ngạc là quá tin vào lòng trung chính và sự hiếu thảo của mình, mà quên một

---

[1] Chiêu Định vương tức Ngung, con út của thượng hoàng mới 12 tuổi.

điều cha mình là người già cả, ưa nịnh như tính thường của tuổi tác.

Quý Ly lại dùng kế của Phạm Cự Luận, quả có làm cho Nghệ hoàng khó chịu. Ông lại khéo gợi về tập ""Bảo hòa di bút", khiến nhà vua càng thêm bực giận vì vương Ngạc đã tỏ ra thiếu trân trọng.

Hôm sau thiết triều, Nghệ hoàng sai quan hàn lâm thị độc tuyên chiếu trước bá quan.

- Quan hàn lâm hắng giọng rồi đọc rành rõ từng lời: *"Nhờ hồng phúc của liệt tổ, việc nguy đã nên an, xã tắc lại vững vàng, rường mối lại như xưa. Song nhà nước không thể không có người đứng chủ, ngôi báu không thể bỏ trống một ngày.*

Nay ta thấy Chiêu Định vương tuy tuổi còn nhỏ, nhưng đã sớm tỏ lộ đức lớn, lại có uy nghi cốt cách đế vương. Ta truyền đón Chiêu Định vương vào nối dòng đại thống. Vậy bá cáo trong ngoài, mọi người đều biết".

Chiếu tuyên đọc xong, các quan đều lặng người đi.

XXIX

Qua vụ mưu sát không thành, bị Quý Ly quật lại, không những đế Nghiễn bị treo cổ mà hàng chục viên tướng khác, một số các quan đại thần và hàng trăm người có liên lụy đều bị giết. Không khí trong triều chìm hẳn xuống. Các quan như gà phải cáo, không còn ai dám hé môi nữa.

Ngay cả tướng quốc thái úy Trang định vương Ngạc cũng tiu nghỉu như mèo mất tai. Ngạc đã tìm ra kẻ tiết lộ cơ mưu chính là Vương Nhữ Mai. Nhưng Mai vẫn cứ nhơn nhơn, tướng quốc cũng đành chịu.

Vương Ngạc tự nhủ: "*Làm gì Quý Ly không biết ta dính vào vụ này. Thế mà y vẫn không đả động gì tới. Hẳn là ý định diệt hết vây cánh ta rồi mới quay sang diệt ta. Tiếc thay, chính phụ vương lại tiếp sức cho kẻ thù, thời trước sau ta cũng phải chết về tay y*". Nỗi niềm không biết dãi tỏ cùng ai. Ngay việc gặp mấy người em bất hạnh của Linh Đức vương, tướng quốc cũng ngại.

Lại nói về gia cảnh của Duệ tông. Sau khi ông bỏ mình trên đất Chiêm, thì ít lâu sau, vợ ông vì không muốn tận mắt thấy con mình bị giết, nên bà cũng tự xử trước rồi.

Nay đến lượt Nghiễn chết nữa, mấy người em trở nên hoang mang hãi sợ. Người em kế của đế Nghiễn là Nguyên Diệu, đem liêu thuộc lên thuyền chạy vào phía nam, rồi sang hàng Chế Bồng Nga.

Chế Bồng Nga được Nguyên Diệu nên biết rõ nội tình Đại Việt, đã rối lại càng thêm rối. Ông bèn triệu đại tướng La Ngai cùng các bầy tôi tâm phúc bàn kế chinh phục Đại Việt.

Chế Bồng Nga nói:

- Nội tình Đại Việt hiện rối ren như những ngày cuối của Nhật Lễ tiếm quyền. Tuy vậy, binh lực của họ so với ngày ấy yếu hơn nhiều. Quý Ly thao túng triều đình, thâu tóm văn võ, người tôn thất cũng không làm gì được. Ngay đến tướng quốc con của Nghệ tông cũng bó tay. Quý Ly đứng được là vì mọi việc y đều nhân danh Nghệ tông mà sai khiến. Việc giết đế Nghiễn mưu ở Quý Ly, nhưng Nghệ hoàng tuyên xử.

Vậy là lòng dân hờn oán. Người tôn thất cũng hờn oán Quý Ly. Nay ta có thể dùng Nguyên Diệu dựng cờ nghĩa, diệt Quý Ly khôi phục lại kỷ cương rường mối, như xưa kia Cung đình vương Phủ dấy nghĩa diệt Dương Nhật Lễ, các ông nghĩ sao?

Chế Bồng Nga vừa dứt lời, La Ngai liền đứng dậy thưa:

- Bệ hạ mưu sâu, chúng thần không dám lạm bàn. Nhưng tình thế hiện nay có cần phải dựng lại con bài vương Húc không? Ý thần là không cần. Đại Việt ví như

một ngôi nhà cột kèo đã mọt ruỗng, tường vách đều xiêu vẹo, chỉ cần một trận gió nhẹ là đổ sập. Tại sao ta không làm cái trận gió ấy cuốn đi cho nhanh có hơn không? Chế Bồng Nga tươi cười:

- Ta hiểu ý khanh. Thôi được, ta dùng Nguyên Diệu làm kẻ dẫn đường và nhận mặt tù binh. Từ nay ta chinh phục Đại Việt bằng kế sách sau đây - Các vùng Hóa Châu, Hoan Châu, Ái Châu chiếm đến đâu giữ đất đến đấy. Chiêu dụ dân tứ tán cho về làm ăn, tha hết tô thuế, sưu dịch. Trong dân, kẻ nào tình nguyện sung quân thì cha già, mẹ yếu được nhà nước Champa chu cấp. Mặt khác ta dùng binh mạnh đánh thẳng vào Thăng Long. Cứ vài tháng lại đánh một trận như thế, khiến vua tôi Đại Việt phải co cụm lại một chỗ, ta sẽ vây rồi diệt gọn. Kỳ trước ta đã thử tiến bằng đường bộ, chỉ còn vài chục dặm nữa là vào được Thăng Long. Như vậy không phải họ chỉ yếu, chỉ sơ hở mặt thủy mà ngay cả mặt bộ cũng yếu lắm, cũng trống trải lắm. Vậy các ông cứ theo kế của ta mà trường kỳ chinh phục.

Quả như ý của Chế Bồng Nga, tháng mười năm ấy, quân Chiêm Thành ào ạt tiến đánh ba châu suốt một dải từ Hoá Châu đến tận ái Châu.

Quân triều đình do nguyên nhung hành Hải tây đô thống chế Lê Quý Ly đốc xuất, có các tướng hùm sói dưới quyền như Nguyễn Đa Phương, Phạm Khả Vĩnh, Chu Bình Khuê, Phan Mãnh quyết tâm cự địch.

Nay đến lượt Nghiễn chết nữa, mấy người em trở nên hoang mang hãi sợ. Người em kế của đế Nghiễn là Nguyên Diệu, đem liêu thuộc lên thuyền chạy vào phía nam, rồi sang hàng Chế Bồng Nga.

Chế Bồng Nga được Nguyên Diệu nên biết rõ nội tình Đại Việt, đã rối lại càng thêm rối. Ông bèn triệu đại tướng La Ngai cùng các bầy tôi tâm phúc bàn kế chinh phục Đại Việt.

Chế Bồng Nga nói:

- Nội tình Đại Việt hiện rối ren như những ngày cuối của Nhật Lễ tiếm quyền. Tuy vậy, binh lực của họ so với ngày ấy yếu hơn nhiều. Quý Ly thao túng triều đình, thâu tóm văn võ, người tôn thất cũng không làm gì được. Ngay đến tướng quốc con của Nghệ tông cũng bó tay. Quý Ly đứng được là vì mọi việc y đều nhân danh Nghệ tông mà sai khiến. Việc giết đế Nghiễn mưu ở Quý Ly, nhưng Nghệ hoàng tuyên xử.

Vậy là lòng dân hờn oán. Người tôn thất cũng hờn oán Quý Ly. Nay ta có thể dùng Nguyên Diệu dựng cờ nghĩa, diệt Quý Ly khôi phục lại kỷ cương rường mối, như xưa kia Cung dình vương Phủ dấy nghĩa diệt Dương Nhật Lễ, các ông nghĩ sao?

Chế Bồng Nga vừa dứt lời, La Ngai liền đứng dậy thưa:

- Bệ hạ mưu sâu, chúng thần không dám lạm bàn. Nhưng tình thế hiện nay có cần phải dựng lại con bài vương Húc không? Ý thần là không cần. Đại Việt ví như

một ngôi nhà cột kèo đã mọt ruỗng, tường vách đều xiêu vẹo, chỉ cần một trận gió nhẹ là đổ sập. Tại sao ta không làm cái trận gió ấy cuốn đi cho nhanh có hơn không? Chế Bồng Nga tươi cười:

- Ta hiểu ý khanh. Thôi được, ta dùng Nguyên Diệu làm kẻ dẫn đường và nhận mặt tù binh. Từ nay ta chinh phục Đại Việt bằng kế sách sau dây - Các vùng Hóa Châu, Hoan Châu, Ái Châu chiếm đến dâu giữ đất đến dấy. Chiêu dụ dân tứ tán cho về làm ăn, tha hết tô thuế, sưu dịch. Trong dân, kẻ nào tình nguyện sung quân thì cha già, mẹ yếu được nhà nước Champa chu cấp. Mặt khác ta dùng binh mạnh đánh thẳng vào Thăng Long. Cứ vài tháng lại đánh một trận như thế, khiến vua tôi Đại Việt phải co cụm lại một chỗ, ta sẽ vây rồi diệt gọn. Kỳ trước ta dã thử tiến bằng đường bộ, chỉ còn vài chục dặm nữa là vào được Thăng Long. Như vậy không phải họ chỉ yếu, chỉ sơ hở mặt thủy mà ngay cả mặt bộ cũng yếu lắm, cũng trống trải lắm. Vậy các ông cứ theo kế của ta mà trường kỳ chinh phục.

Quả như ý của Chế Bồng Nga, tháng mười năm ấy, quân Chiêm Thành ào ạt tiến đánh ba châu suốt một dải từ Hoá Châu đến tận ái Châu.

Quân triều đình do nguyên nhung hành Hải tây đô thống chế Lê Quý Ly đốc xuất, có các tướng hùm sói dưới quyền như Nguyễn Đa Phương, Phạm Khả Vĩnh, Chu Bỉnh Khuê, Phan Mãnh quyết tâm cự địch.

Quân giặc kéo cả hai mặt thủy bộ đánh như vũ bão. Quân ta đóng cọc ngăn dòng sông không cho thuyền giặc qua. Giặc đắp chặn dòng sông chính phía thượng lưu. Ngày hôm sau, giặc ém quân và voi mai phục, còn quân bộ giả bỏ lều trại rút chạy.

Quý Ly sai quân ta nhổ cọc nhất tề hai đường thủy bộ đuổi theo giặc mà đánh.

Lập tức giặc tháo nước sông từ thượng lưu cho tràn xuống; rồi quân phục, voi phục đổ xô ra chặn đánh quân ta. Quân ta xéo lên nhau mà chạy, chết vô số kể. Quý Ly vội giao binh quyền cho tướng Phạm Khả Vĩnh, còn mình chạy trốn về Thăng Long.

Phạm Khả Vĩnh, Nguyễn Đa Phương hai tướng đang bị giặc khép dần vòng vây.

Đêm xuống hai người bàn nhau cách ứng phó. Đa Phương nói:

- Thế giặc đang cường. Quân ta bị thua mấy trận liền, tinh thần binh sĩ xuống lắm, bây giờ có liều chết cũng chỉ là giốc túi đánh nước bạc cuối cùng. Sao bằng ta lừa giặc để rút cho êm. Bảo toàn lấy lực lượng, lo cự giặc lâu dài.

Phạm Khả Vĩnh đáp:

- Tướng quân nói rất đúng, ta phải rút hết trong đêm nay, nếu không thì không thể rút được nữa.

Rút, nhưng các tướng làm như là tiến quân, khiến giặc không ngờ. Tức là các thuyền lớn xếp hàng chữ nhất,

[illegible] vài tốp quân reo, hoặc nơi này trống điểm canh, nơi kia trống đổ nhịp. Rồi dùng toàn thuyền nhẹ, lấy hậu quân làm tiền quân, đến canh ba thời rút hết. Cuộc rút lui này của hai tướng khiến giặc chưng hửng, và vì thế Chế Bồng Nga không cho La Ngai tiến binh ra Thăng Long nữa.

La Ngai hỏi:

Tâu bệ hạ, quân Đại Việt thua mấy trận liền, sợ oai bệ hạ chúng chạy dài, sao không thừa thắng đánh thốc vào Thăng Long bắt vua tôi nó đem về Champa trị tội.

Bồng Nga cười giễu:

[illegible] dễ lắm sao. [illegible]

[illegible] quân ta bị giặc hãm sẽ không có đường về. Ai ngờ các tướng Nguyễn Đa Phương, Phạm Khả Vĩnh đã xoay chuyển được tình thế, biến nguy thành an. Sau khi rút quân an toàn, bèn lập lại phòng tuyến ngăn giặc, khiến chúng không dám tiến sâu vào đất ta nữa. Tin ấy bay khắp Thăng Long. [illegible] xin ngài [illegible]

Nghệ hoàng từ khi cho chuyển tiền sang chôn cất bến Kinh Bắc và Lạng Giang lại sai xây cất cung thất ở tạm bến đó, lo giặc vào kinh sư còn có chỗ lánh ẩn dừng hoàng.

Chợt tin bay về triều đình như sét đánh. Quân Chiêm Thành do Chế Bồng Nga đốc suất hai mặt thủy bộ sắp tiến vào kinh sư. Kinh sư từ khi Nguyễn Đa Phương được cất nhắc đã thay đổi hẳn bộ mặt phòng thủ. Tướng quân cho rào dậu nhiều vòng chắc chắn từ la thành đến cấm thành và tử cấm thành, những hàng tre dày, mũi nhọn chĩa lên trời như hàng triệu mũi mác sẵn sàng chọc thủng bụng [illegible] cấm quân rước ngài qua sông [illegible] Thăng Long, vẫn đinh ninh [illegible]

Nhìn cảnh vua tôi ngự trên hàng đoàn thuyền chạy trốn giặc, giám sinh cảm thấy như đất nước đang bị xô [illegible] nằm giữa thuyền, [illegible] quyền giặc. Nghệ hoàng không nghe. Đám cấm quân tay



Thấy vậy, Nguyễn Đa Phương đàng lên mặt, chê Quý Ly là kẻ chưa giáp mặt quân thù đã tháo chạy.

Đa Phương hỗn hào không nể mặt; Quý Ly cũng không nghĩ đến [illegible]

Lấy tư cách là tri khu mật viện sự, Quý Ly xin yết kiến Nghệ tông để cáo giác Đa Phương.

Nghệ hoàng nói lại:

- Ta tưởng Đa Phương là nghĩa tế của khanh, có gì thì che chở cho y, chớ sao lại cáo giác.

Quý Ly sụp lạy:

- Đội ơn hoàng thượng gia ân, thần không thể đặt việc nhà trên việc nước. Thà thần mang tiếng bất nghĩa còn hơn mang tội bất trung.

Thượng hoàng vỗ về khen mãi không thôi:

- Nếu những người ở các cương vị then máy quốc gia đều có bụng thờ vua như khanh, thì nước lo gì không mạnh. Giặc nào còn dám dòm ngó núi sông ta. Vậy chớ Đa Phương có tội gì khanh nói ta nghe.

Vì đã sắp sẵn mưu mẹo ở trong đầu, Quý Ly vừa nói vừa rưng rưng lệ:

- Muôn tâu, tội thần là ở chỗ nể nang nghe kế của Đa Phương, nên quân ta mới từ thế thắng chuyển qua thế thua. Thần cũng đã vì tình [illegible] mà ẩn nhẫn nhận lỗi về phần mình. Không ngờ Đa Phương kiêu ngạo, hỗn hào,

HOÀNG QUỐC HẢI

VƯƠNG TRIỀU SỤP ĐỔ

tiểu thuyết lịch sử

6

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

không còn coi ai ra gì nữa. Nếu không trách phạt răn đe, mầm loạn sẽ nảy khắp trong quân. Xin bệ hạ trước hết trị tội thần vì đã không nghiêm. Sau đó xin bệ hạ trị kẻ làm tướng không lường được mưu giặc, lại vì kiêu căng tự phụ suýt nguy cho xã tắc.

- Khanh không có tội gì cả. Nghệ tông nói. Người đứng đầu không phải lúc nào cũng gạt ra ngoài tất cả các kế sách của thuộc hạ. Tội là ở lũ thuộc hạ đã dâng kế hèn để khanh phải vất vả suýt nguy đến tính mạng. Theo ta, nên trị tội nhẹ Đa Phương để răn đe.

Quý Ly rập đầu tâu:

- Thánh thượng anh minh soi xét. Đa Phương là đứa có sức khỏe hơn người, lại võ nghệ cao cường, nếu chỉ trách phạt để răn đe, thần sợ nó sẽ trốn sang người Minh hoặc chạy sang Chiêm Thành, như vậy có khác gì thả hổ vào rừng để gây mối họa về sau, chi bằng giết quách đi.

Vua nghe theo Quý Ly, bắt giam Đa Phương rồi ban cho ông một dải lụa.

Cầm dải lụa trong tay, Đa Phương than thở:

"*Ta vì tài mà được quí trọng, lại cũng vì tài mà chết. Chỉ tiếc thân nam nhi không được chết nơi chiến trận mà phải chết vào tay kẻ phản bạn*". Nói rồi buộc dải lụa lên xà nhà tự vẫn.

Nghe tin Nguyễn Đa Phương là một tướng giỏi bị vua Trần giết, Chế Bồng Nga mừng lắm, sai La Ngai gấp gáp sắp sửa binh thuyền tiến đánh Đại Việt.

Mùa đông, quân Chiêm Thành rầm rập tiến vào cửa bể Đại An.

Được tin, vua truyền Trần Khát Chân vào bệ kiến.

Lại nói Trần Khát Chân đúng năm 18 tuổi xin đem cả gia binh đi đầu quân. Đó là một sự lạ, Nghệ hoàng đã gặp và khích lệ, lại cho coi quân Long tiệp.

Không phụ lòng vua, Trần Khát Chân ra sức luyện rèn. Các tướng lão luyện đều khen: "Khát Chân tỏ lộ một tài năng siêu việt!"

Thấy Trần Khát Chân vào, Nghệ hoàng bèn vẫy lại bên long án, tay ngài nắm lấy tay Khát Chân, nói:

- Thế nước suy, giặc Chiêm khinh nhờn. Các tướng đã ra quân, nhiều phen đều bị Chế Bồng Nga đánh bại. Nay ta xem cháu, tuy là tướng trẻ, nhưng ai cũng khen cháu có chí lớn. Thật là hổ phụ sinh hổ tử. Giặc đã vào cõi, ta ủy thác cháu đem quân chặn giặc. Triều đình trông cậy nơi cháu. Ta chỉ ngại có một điều.

Trần Khát Chân quì lạy:

- Xin thượng hoàng cho thần nghe điều quan ngại ấy.

- Ta chắc cháu, dũng ắt có thừa, nhưng chưa trải qua chiến trận mà Chế Bồng Nga lại là một tay lão luyện quỷ quyệt, ngộ nhỡ xảy ra điều gì sơ xuất thì ta còn sống sao được nữa.

Trần Khát Chân xúc động rơi nước mắt lạy:

- Thần tuy còn trẻ, chưa trải trận mạc, nhưng thần chịu

Uống xong tuần trà cuối cùng Chu An dừng lại ngắm ngọn bạch lạp đã sắp tàn. Ông định nối thêm ngọn sáp khác vào giá, chợt nghe tiếng chim vít chè hót.

Vậy là trời sắp sáng. Bỏ ngọn sáp vào chiếc tráp gỗ mun, ông ngồi nghe giọng hót sắc gọn của chim mẹ, và giọng non nớt chiêm chiếp như tiếng gà mới nở của mấy cái chim non, đang cố lấy theo giọng mẹ. Từ nhỏ, mẫu thân ông đã dạy phải chăm chỉ học hành như loài vít chè kia, mấy ra mới thấu đáo được chữ nghĩa thánh hiền. Và đúng là ông đã học "như thiết như tha, như trác như ma" để khỏi phụ công sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ.

Thế là người học trò của ông - những năm gần đây ông chỉ có mỗi một người học trò, ấy là đức Dụ tông, đã gần hai tháng nay bỏ học, không nói với ông một lời. Từ ngày ông được triệu về làm Quốc tử giám tư nghiệp, có đôi ba lần tiếp xúc với đức thượng hoàng Minh tông. Nhà vua quả là người có văn chất, có đức độ. Thượng hoàng ngỏ ý muốn mời ông về dạy cho quan gia, để khai sáng thêm con đường trị nước của Dụ tông. Gọi là mời,

... đành liều thân can gián ... chức trọng vào loại đầu triều, được vua sủng ái. Có trừ được lũ yêu nhân ấy mới nối lại được thể thống. Thật ra việc này là phải do quan tả gián nghị đại phu Trương Hán Siêu đàn hặc ngay từ những năm ông còn sống. Ngặt nay Hán Siêu tuổi già lại bị bưng bít, thành thử ông không biết đầu cuối ra sao.

... Kinh Diên để nghe giảng nữa. Chu An nghĩ lung lắm. Mái đầu đã bạc, bụng chất chứa kinh luân mà ngày nào ông cũng phải đến chờ người học trò vĩ đại kia để hầu giảng cho tròn đạo một ông thầy, tròn nghĩa vua tôi. Nhưng Dụ tông vẫn không ló đến tòa Kinh Diên. Bữa nay vừa đúng hai tháng. Ông quyết không chờ thêm một ngày nào nữa. Ngay từ tối hôm trước, ông đã gói ghém tất cả phẩm phục vua ban lại và đặt trên mặt

Trần Khát Chân lùi ba bước quỳ xuống, hai tay nâng cao ...

– Bệ hạ ban, thần xin nhận. Mong bệ hạ gia ân cho thần lưu giữ lại đây, bao giờ lấy được đầu Chế Bồng Nga đem về dâng nơi cửa khuyết, xong thần mới dám nhận lại.

Trần Khát Chân vừa bái vừa lui. Nghệ tông xúc động ...

Trần Khát Chân đốc suất quân Long tiệp, hợp sức cùng tướng quân Hoàng Phụng Thế coi quân Tả thánh dực. Chủ sự xuất quân từ bến Đông bộ đầu, xuôi nước đến mờ tối hôm sau thì gặp giặc ở Hoàng Giang. Thấy đây là khúc sông hẹp không thể bày trận, lại chưa có quân kỵ mã phục trước trên bờ, nếu có khai chiến thì trận thế cũng khó mà thắng. Khát Chân tự hẹn

chiếc kỷ [illegible] vẫn ngồi hầu giảng nhà vua. Bây giờ chỉ còn mỗi một việc là ra đi. Chu An búi lại lọn tóc cho gọn, bên ngoài ông quấn chiếc khăn vành dây bằng lượt đen, trùm lên búi tó. Rồi khoác lên mình chiếc áo thụng xanh thuở hàn vi. Chợt nhớ ra điều gì, ông quay lại gọi tên trà nô và dặn: "Ngươi lau rửa cẩn thận bộ đồ trà rồi để vào chỗ cũ. Hôm nay có việc ta phải đi sớm". Xong, quan Tư nghiệp xỉa cho y ba tiền. Y chắp tay vái lia lịa. Bỗng y sực nhớ ra, liền hỏi:

- Bẩm quan sư phó, ngài không chờ xem, ngộ nhỡ hôm nay quan gia đến nghe giảng thì sao?

Chu An bặt hàm: "Ờ ta bận". Với lấy cây gậy trúc, ông bước ra khỏi nhà bái đường. Đi qua cửa Huyền Vũ, là cửa [illegible]

[illegible]

Sương giăng trắng cả kinh thành Thăng Long như vẫn còn đang mơ ngủ. Chu An vừa đi vừa ngoái lại nhìn những tòa tháp, những lâu đài, điện các của kinh thành, như đang cố ngoi lên để khỏi bị ngập chìm trong cái bể sương kia mà lòng buồn khôn xiết. Có nhẽ nào, ông nghĩ: Có nhẽ nào kinh thành của nước Đại Việt sừng sững thế này, chất chứa bao hào khí, khiến lũ giặc Nguyên - Mông phải táng đởm kinh hồn, nhưng rồi một ngày nào đó lại phải sập đổ vì một tên hôn quân. Lòng ông nghẹn

vất. Trông trước trông sau không thấy có ai. Chu An đưa ống tay áo thụng lên gạt thầm mấy giọt lệ. Gần tới bến, quan Tư nghiệp cứ đi vài bước lại quay lại ngắm rặng hòe đang phơi những nhánh cành khẳng khiu ra che đỡ tuyết sương. Vừa trông thấy con thuyền, Chu An đã kịp nhận ra có hai người từ dưới bến đi lên. Sương bay lấp lóa, không nhìn rõ mặt khách. Hai người đó đến trước Chu An cung kính chắp tay vái.

- Lạy thầy, [illegible]

Chợt nhận ra [illegible] Phạm Sư Mạnh và Lê Quát, Chu An mừng quá. Ông nghẹn giọng nói:

- Hóa ra các anh vào [illegible] vẫn [illegible] ta mà ta không hay biết. Liệu các anh có [illegible] về triều không? Chu An giơ chiếc gậy trúc gạt hai người ra rồi sầm sầm xuống bến.

Lê Quát, Phạm Sư Mạnh cùng [illegible] chạy theo thầy. Phạm Sư Mạnh níu thuyền lại, còn Lê Quát đỡ cho thầy bước xuống.

Phạm Sư Mạnh nói:

- Bẩm thầy, ít bữa nay chúng con thấy thầy có vẻ buồn quá. Đã mấy lần anh em con lảng vảng đánh tiếng, nhưng không thấy thầy gọi, nên không dám vào kính yết. Chiều hôm qua, [illegible] thuyền cập bến. Con không dám hỏi, nhưng ngẫm đoán là thầy sắp đi xa. Con về nói lại với anh Quát, hai anh em [illegible] bàn nhau cứ chờ thầy ở đây.

yểm trợ, [illegible] giặc lọt vào thì một đánh mười vẫn đủ sức.

Mờ sáng hôm sau Chế Bồng Nga cho nhổ trại tiến quân. Đi được chừng hơn chục dặm thì trời sáng rõ. Chế Bồng Nga đứng trên đỉnh lầu thuyền, quan sát thấy cảnh tượng hư hư thực thực bày ra suốt dọc hai bên sông. Cùng vừa lúc thuyền viễn thám, tuần thám, và ngựa lưu tinh chạy về bẩm báo các điều trông thấy tại trung quân. Chế Bồng Nga [illegible], nửa ngờ rằng có quân phục, nửa tin rằng đây là kế của quân Đại Việt nhằm lừa quân Champa, [illegible] sợ mà chạy từ lâu rồi. Đang giữa lúc trời quang mây tạnh, mặt trời hoe hoe nắng, bỗng có trận mây mù lướt qua, lập tức cả bầu trời chìm trong một màn trắng sữa cách ba bước không còn nhìn thấy mặt nhau nữa. Chế Bồng Nga tái mặt. Ông vội hạ lệnh cho tả hữu nổi trống dừng quân. Và cho gọi hàng tướng Nguyên Diệu đến trước trướng hỏi.

- Khanh nói ta nghe, ở Đại Việt có vị cao tăng nào có tài hô phong hoán vũ không?

Nguyên Diệu chính là em [illegible] Linh đức vương mới bị Quý Ly hại năm trước, chạy sang hàng Champa và muốn nhờ tay Chế Bồng Nga giết Quý Ly để rửa hận.

Nghe Chế Bồng Nga hỏi, [illegible] Nguyên Diệu đáp luôn:

- Đại Việt, các hòa thượng có tài hô phong hoán vũ nhiều vô số kể.

Chu An thấy hai người học trò nói tình thực, trong lòng xem đã nguôi nguôi. Ông cúi nhìn họ và nói:

- Thôi các anh về, thầy đi.

- Lạy thầy, đầy triều rắn rết, chúng con ở lại mà làm gì. Thầy cho chúng con theo hầu.

- Không được! Chu An nghiêm giọng. Các anh còn trẻ lại là rường cột, phải ở lại triều mà gánh vác việc nước. Thầy già, bất lực rồi, phải đi thôi!

- Nhưng thưa thầy, chúng con phải làm gì ạ?

- "Kiến cơ nhi tác!"[1] Chu An nói rồi phẩy tay cho tiểu đồng nhổ sào, ông đi thẳng vào trong khoang.

Dõi trông cho tới khi con thuyền đã khuất hẳn, không gian chỉ còn là một biển mây trắng mịt mùng, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh nhìn nhau vừa bùi ngùi vừa ngơ ngác. Chợt Lê Quát hỏi Phạm Sư Mạnh:

- Tôn huynh có biết tại sao thầy bỏ Thăng Long mà đi không?

Lê Quát nghĩ rằng Phạm Sư Mạnh giữ chức chưởng ba thư, kiêm Khu mật tham chính, được gần vua, nên biết rõ ngọn nguồn hơn mình. Còn mình, tuy là Hữu bộc xạ, tham dự chính phủ, nhưng thường lĩnh mệnh đi kinh dinh các lộ, ít khi ở triều.

Nghe Lê Quát hỏi, Phạm Sư Mạnh thở dài:

[1] Cứ xem diễn biến thời cơ mà liệu cách hành động.

- Thật thế chăng? Khanh kể tên vài người tu hành như Nguyễn Diệu được vanh vách.

- Không Lộ[1] thiền sư, Mãn Giác[2] đại sư; Giác Hải[3] thiền sư; Vạn Hạnh[4] thiền sư...

Chế Bồng Nga vội đưa tay ra ngăn không cho Nguyên Diệu nói nữa. Ông hỏi:

- Ta muốn biết có phải mù khơi đây trời kia là do pháp thuật của các cao tăng không?

- Dạ, điều ấy thì Nguyên Diệu tôi không biết.

- Thế những thiền sư có tài hô phong hoán vũ như khanh vừa kể tên đó, liệu khanh có thể đưa ta tới yết kiến một vài vị không?

Nguyên Diệu lắc đầu:

- Gặp làm sao được.

- Tại sao?

- Các vị ấy viên tịch cách đây mấy trăm năm rồi.

Chế Bồng Nga nhíu đôi mi tỏ vẻ khó chịu, hỏi như gắt:

- Sao ngươi dám mạn xược, dám lỡm ta. Trong khi ta

[1] Không Lộ thiền sư quê quán thuộc lộ Thiên Trường. Sư tu đắc pháp có thể đi dưới nước, bay trên không, bắt cọp, đuổi voi. Sư viên tịch 1119 đời Lý Nhân tông.

[2] Mãn Giác đại sư (1052 - 1096) triều Lý Nhân tông.

[3] Giác Hải thiền sư xuất hiện dưới thời Lý Nhân tông không rõ năm sinh và mất. Sư đắc pháp thần thông.

[4] Vạn Hạnh là bậc trí giả của các thời đại mà ông sống như Đinh - Lê - Lý. Chính ông là người tạo nghiệp cho vương triều Lý.

- Chắc là tên thông sự cũng không biết gì nhiều hơn tôn huynh. Có điều rằng tính thầy nghiêm khắc, nghe đâu đã hai tháng nay hoàng thượng bỏ học. Cũng không ra thị triều nữa. Công việc nhà nước phó mặc cho các đài, sảnh, viện tự lo. Lại còn bao điều chướng tai gai mắt hàng ngày, thầy cứ phải nghe, phải thấy. Người có trí lự, có tâm huyết như thầy, làm sao chịu nổi.

Hai người vẫn vừa đi vừa nói chuyện, sau vài đắn đo, Lê Quát lại hỏi:

- Đệ nghe như thầy có sớ, điệp gì dâng lên hoàng thượng, tôn huynh có biết việc ấy không?

- Có! Việc ấy thì đệ biết. Vì các giấy tờ sớ, điệp trình lên hoàng thượng đều phải qua bên Khu mật viện. Nhưng nội dung như thế nào thì chỉ có hoàng thượng mới rõ. Bỗng Phạm Sư Mạnh đấm ngực thùm thụp - Thôi đúng rồi. Đệ nhớ ra rồi. Tính đến hôm nay là vừa tròn hai tháng, kể từ ngày thầy dâng sớ. Và cũng đúng hai tháng hoàng thượng bỏ học, bỏ thị triều.

- Thế là rõ, Lê Quát đáp - Hoàng thượng lánh mặt. Chắc là những điều thầy nói có phương hại đến các thú ăn chơi của nhà vua.

- Hẳn nhiên như thế rồi - Phạm Sư Mạnh tiếp. Từ ngày thượng hoàng băng, nhà vua đổi niên hiệu thành Đại trị, thì bắt đầu từ những năm Đại trị tới giờ, lại chứa chấp quá nhiều mầm đại loạn. Có phải thế không tôn huynh?

- Dạ, đệ cũng thấy thế. Mà có nhẽ chỉ có thầy chúng ta

XXVIII

Trần Nguyên Đán từ ngày được Hán Anh đến làm môn khách, ông thấy lòng đỡ trống trải. Hán Anh tuy còn ít tuổi nhưng ưu thời mẫn thế, nên đàm đạo đôi khi cũng nảy sinh nhiều ý lạ đáng khen.

Gần đây, Hán Anh lại dẫn Nguyễn Ứng Long[2] đến ra mắt quan tư đồ. Sau vài lần thù tiếp, Nguyên Đán nhận ngay ra Nguyễn Ứng Long là người thông tuệ hơn đời, lại nặng lòng với thời thế, ông bèn ngỏ ý lưu Ứng Long lại làm môn khách. Và để cho mỗi người có một công việc, ông giao cho họ dạy hai ái nữ của ông. Tức là hai nàng quận chúa. Cô lớn tên là Thái, cô nhỏ tên là Thai.

Nguyễn Ứng Long dạy cô chị, Nguyễn Hán Anh dạy cô em. Thật ra không phải đến tận lúc này các nàng mới học

[2] Nguyễn Ứng Long tức Nguyễn Phi Khanh, thân phụ Nguyễn Trãi sau này. Quê ông ở làng Chi Ngại huyện Chí Linh, sau dời về làng Nhị Khê [illegible]

lên, cứ xốn xang lên. Bước [illegible] Đại [illegible] nghiêm mật, và bên tả môn treo một tấm biển, nét chữ sắc như dao: "Miễn chầu". Hai vị đại thần cùng buông một tiếng thở dài.

Họ buồn bã chia tay nhau, ai về phủ nấy.

Trong cung, trên chiếc long sàng trải nệm gấm, màn the buông rủ và phía ngoài che bởi một bức bình phong, nhưng vẫn nhìn thấy lấp ló Dụ tông đang áp mặt trên cái bộ ngực trần lồ lộ của một vũ nữ để ngủ. Cả đức vua cùng vũ nữ đều còn lõa thể sau cơn hành lạc. Cảnh đó những kẻ đàn hát diễn xướng cứ việc vào việc nấy. Họ diễn cho nhau xem, và chờ bất chợt ngài ngự thức giấc là đã thấy ngay trò vui.

Trâu Canh, viên đệ nhất ngự y đang lúi húi mở nắp chiếc hộp bạc, lấy ra một củ nhân sâm to bằng ngón chân cái đã xắt làm ba đoạn. Y dùng chiếc [illegible] khoanh mỏng, bỏ vào chiếc cấm "Diêu biến" do cánh thuyền buôn phương Bắc từ Hàng Châu đem sang biếu hoàng thượng, từ năm Kỷ sửu (1349). Trâu Canh còn lật đi lật lại chiếc cấm, xem mãi sắc men và kiểu dáng. Y lẩm nhẩm: "Đây là bọn nhà buôn bịp bợm, chứ làm gì có cấm "Diêu biến" thế này. Nguyên ủy là do những người làm đồ gốm, cứ ở Hàng Châu vào thời Nam Tống, khi [illegible] ngoài trời bỗng cứ đàn chim diều hâu bay qua, [illegible] Chim [illegible], rơi đúng vào [illegible]

hãnh và nuôi chí chinh phục Đại Việt lại thấy quân quanh huyện để cai trị.

Ông đã làm cho người Đại Việt hoang mang hai sợ trên dưới đã làm kẻ chia lòng, vì vậy mới sinh ra cảnh vua tôi giết nhau khiến triều đình chao đảo.

Chế Bồng Nga cũng thừa biết, hiện Đại Việt là miếng mồi ngon béo bở, cả Champa và Trung Hoa đều muốn xâu xé. Điều Chế Bồng Nga ngờ vực là, tại sao đến bây giờ Trung Hoa vẫn chưa động binh. Hoặc giả họ giương kỳ mai phục để cho hai bên đánh nhau, cho có lợi họ sẽ nhảy vào và chỉ phải đánh với một bên đã suy yếu.

Chế Bồng Nga xét định về mưu toan của nhà Minh thật là sáng suốt. Song còn việc ông ta chưa toàn thắng ở Đại Việt thì lại không nhận ra. Trước hết, Champa có đội hùng binh mạnh, có thể ra vào Đại Việt dễ dàng. Nhưng chiếm giữ lấy đất ấy thì đội hùng binh của ông không làm nổi. Hơn nữa sức quân của Đại Việt tuy có suy yếu, là bởi vua quan, tướng súy nguu hèn, nhưng tinh thần của đội quân đã từng ba phen làm cho vua tôi nhà Nguyên kinh hoàng thì chưa phải đã mất hẳn. Chỉ nên ở vào [illegible] quân nào có tướng giỏi, biết chăm sóc [illegible] Trung [illegible] Champa thì sao? [illegible] Chế Bồng Nga [illegible]

chậu rồi đổ nước vào, thấy mặt chậu biến 6 màu sáng rực rỡ kỳ lạ, khác hẳn với những chiếc cùng loại. Mà sau người ta mới phát lộ ra các chuyện "phản diệu". Cánh thợ gốm đặt cho nó cái tên "Diêu biến". Cho là vật quý, họ gốm đem dâng vua Tống. Nhà vua ưng ý lắm, sai chế tiếp món đồ có kiểu men này. Nhưng chế làm sao được. Vài năm sau có người thợ giỏi, chế tác được loại men có màu gần giống như thế, gọi là "Định Diêu". Đem tiến, vua tạm ưng. Và dụ rằng: "Các loại đồ chế theo kiểu men này, cấm không được bán ra ngoài dân gian, vì vậy mới có tên là "Quân Diêu". Và dưới triều nhà Minh đồ dùng đều viết chữ ngự. Gia dụng đồng ghi những chữ nhật, màu đỏ. Ấy là đời Nam Tống gặp cảnh loạn lạc, chứ bây giờ thì họ bán như bán rau đầy các chợ Hàng Châu. Việc ấy Dụ tông sao biết được.

Thấy Dụ tông cựa mình, Trâu Canh giơ tay làm hiệu cho đám nhạc công, cả cung nhân bớt âm lượng để nhà vua ngủ thêm lát nữa. Trâu Canh biết, nhà vua chỉ ngủ chập chờn thôi. Suốt ngày đêm hành lạc và hưởng lạc, thì làm sao mà ăn ngon ngủ yên được. Y bỏ củ sâm thái dở vào hộp đậy kín lại, rồi chế nước sôi vào ấm "Diêu biến" đặt trong chiếc giỏ ủ, lót gấm màu huyền.

Là một thầy thuốc lão luyện, lại được chân truyền từ nhiều đời, Trâu Canh biết Dụ tông yếu thận lắm. Chân âm của ông ta hầu như đã kiệt. Mà hằng ngày ông lại hối thúc phải bổ dương cho ông ta hành lạc. Còn một phương thuốc cuối cùng, Trâu Canh đem ra cung hiến nốt. May

HOÀNG QUỐC HẢI

hậu tới Champa... Nhưng Chế Bồng Nga vì say mê chiến thắng, nên đã kéo toàn dân vào một cuộc trường chinh không thời hạn. Sức người, sức của đổ ra đầu tư cho một đội quân quá lớn, mà các chiến thắng tinh thần không thể nào bù đắp vào những mất mát về người, những thiếu hụt về tiền bạc, về lương thực ngày một trầm trọng. Dân tình chán nản, nạn đói đe dọa, cướp bóc, giặc giã loáng thoáng đã nổi lên. Và nữa, Chế Bồng Nga là người tàn ác, giết dân cũng như giết thuộc hạ không chồn tay, nếu như ai đó dám hỗn hào làm trái ý ông.

Từ Đại Việt về chưa ấm chỗ, Chế Bồng Nga đã lại nhớ Thăng Long. Ông ta nhiều lần sai tướng La Ngai phải gấp gấp lên đường. Lần này, theo ông phải triệt bỏ hoàn toàn hải binh Đại Việt để vùng biển này, sông nước này chỉ có hải binh Champa làm chủ. Vì vậy, bao nhiêu lực lượng tinh nhuệ, bao nhiêu chiến thuyền lớn, đều được huy động vào trận.

Chế Bồng Nga nói như tạc từng lời của ông ta vào lịch sử:

- Các người, nếu thắng trận này, ta làm chủ thủy binh Đại Việt. Để rồi sau ta làm chủ các chiến quân trên bộ của họ. Ta sẽ chia Đại Việt cho người Minh một nửa phía bắc. Nửa phía nam vĩnh viễn thuộc về ta. Tiếc rằng sức ta chưa đủ mạnh để gạt bỏ con sói già Chu Nguyên Chương. Nhưng rồi

---

Chu Nguyên Chương, tức Minh Thái Tổ

Đúng ngày 5 tháng giêng năm Canh ngọ (1390) đội thủy binh của Chế Bồng Nga làm lễ xuất phát. Đại tướng La Ngai lãnh ấn tiên phong. Tiểu tướng Ba-lậu-kê được gọi đến sai phái ở trung quân. Hàng thần Nguyễn Diệu cũng cho dự bàn các việc trong quân, và được ở gần hoàng thượng để hỏi han những điều cần biết về Đại Việt.

Ngày 21 tháng hai, toàn bộ binh thuyền Champa đã vào tới cửa Đại An. Chế Bồng Nga sai giăng cờ, khua chiêng đập trống cả một vùng trời biển bao la. Lần này Chế Bồng Nga quyết giao chiến, quyết tử chiến để tiêu diệt sạch sanh thủy binh Đại Việt. Nhà vua chờ khi thủy [illegible] mà không cần nghĩ đến [illegible] Chế Bồng Nga thừa biết sức mạnh quân thủy của nước này. [illegible], ông muốn binh ông được giao chiến từ hải khẩu. Khi binh thuyền của quân Chiêm vào tới cửa Đại An, thì có một tốp thuyền nhẹ của thủy quân Đại Việt ra khiêu chiến. Lại sai hai đội thuyền lớn tiếp ứng. Quân Chiêm Thành thuyền nhẹ, chèo khỏe, đi nhanh, lướt như bay trên mặt nước. Khoảng cách giữa hai đội quân ngắn dần. Cho tới khi hai bên nhìn rõ cờ hiệu của nhau, thì chiến thuyền của quân Đại Việt quặt vào một nhánh sông nhỏ, mà không kịp bắn một phát tên nào.

Quân Chiêm Thành hò reo đuổi đánh.

[illegible]

[illegible] lộc trong ấp có một vạn nhà. Kíp đến khi [illegible]

[illegible] 23 thì đại quân Champa đã tiến gần sát cửa [illegible]

[illegible] vua ngồi nhỏm dậy, ngài co chân đạp thật mạnh [illegible]

[illegible]

Bởi Chế Bồng Nga chưa bao giờ có ngoại lệ.

Trong lúc quân đông, chen lấn hỗn độn, Bà-lậu-kê sai chèo thuyền ghé vào bên bờ lau sậy, rồi chạy miết vào làng. Nhưng mới chạy được một đoạn đã bị quân phục binh bắt gọn. Trong đám hàng binh có kẻ nói được tiếng Đại Việt, nên Bà-lậu-kê đòi cho gặp ngay quan quân, để hiến kế bắt sống Chế Bồng Nga.

Đám lính tuần bèn lấy ngựa kèm Bà-lậu-kê về ra mắt tướng quân Trần Khát Chân.

Bà-lậu-kê nói hết sự tình, [illegible] thuyền [illegible] của người Chiêm [illegible] Chế Bồng Nga, [illegible] Chế Bồng Nga ngồi ở đó. [illegible]

Trần Khát Chân giữ Bà-lậu-kê ở lại [illegible] dược mà y đã sắp sẵn chỉ còn chờ [illegible]

Khoảng quá trưa thì tiền quân của Chế Bồng Nga tiến thẳng vào trận địa. [illegible] Chế Bồng Nga [illegible] Trần Khát Chân để [illegible] thuyền giặc [illegible] ba nhánh sông. [illegible] thuyền Chế Bồng Nga lọt vào trung tâm trận địa, do tướng Trần Khát Chân mai phục sẵn. Một loạt pháo hiệu nổ vang. Từ mọi phía, binh thuyền quân ta ẩn náu trong các ngòi lạch, hoặc trong lau sậy, cói lác hai bên bờ bãi, nhất loạt xông ra chặn

ngang thuyền giặc hỗn chiến. Tiếng trống đồng, trống cái, tiếng loa thét, tiếng quân reo ào ạt như trời long đất lở.

Quân ta mai phục lâu ngày, tinh thần lúc nào cũng mong đánh tan giặc dữ, đem yên bình lại cho dân, cho nước. Quân Chiêm khoảng hơn mười năm nay gây không biết bao tội ác, kiêu mạn hỗn hào, xúc phạm đến lòng tự tôn dân tộc, đã được Trần Khát Chân khích lệ lòng quân, quyết một phen rửa hận.

Quân ta dùng thuyền nhỏ, di chuyển nhanh Cứ hễ tiếp gần thuyền giặc là ném hỏa hổ, rồi quăng dây leo sang đánh sáp lá cà. Những ánh đao lóe sáng. Những dòng máu phọt lên, và những đầu lâu giặc rụng tõm tõm xuống sông sâu như sung rụng. Những dáo búp đa đâm xỉa. Những đoản đao rút từ vành khố, nhảy bổ vào đám quân Chiêm đang hốt hoảng đứng túm tụm vào một góc thuyền. Những cặp người đánh lộn, ôm, đẩy, ném, quăng, giằng xé, ghì, đạp rồi lôi tuột nhau lăn ùm xuống nước.

Chẳng bao lâu mặt sông đỏ rực bởi lửa bén vào các đồ quân dụng, hoặc diêm tiêu, thuốc nổ, bén vào buồm, ván bốc cháy đùng đùng. Mặt sông như một bể lửa. Và máu nữa. Máu sối tuôn trên sạp thuyền. Máu chảy thành dòng quyện hòa trong nước bốc mùi tanh lợm. Dòng sông phút chốc đỏ lòm như một dòng sông máu. Lại nữa thanh âm hỗn tạp mới khủng khiếp làm sao. Tiếng kim khí va đập chan chát. Tiếng trống đồng, tiếng chiêng khua dồn dập, ném ra những âm thanh sắc nhọn đến rợn người. Tiếng

quân thét; tiếng gầm gào, tiếng rên rỉ, tất cả tạo thành bản nhạc quỉ khốc thần sầu.

Trời đã về chiều. Trần Khát Chân từ áo bào đến mũ đâu mâu đều đỏ máu. Mắt chàng rực sáng như ánh sao hôm. Nom chàng hùng dũng như tướng nhà trời. Trần Khát Chân đang nóng lòng tìm bắt Chế Bồng Nga. Lát lát chàng lại quay hỏi Bà-lậu-kê:

- Đã thấy thuyền Chế Bồng Nga chưa?

- Bẩm tướng quân vẫn chưa thấy. Tướng quân thử đánh thốc vào cái mảng thuyền quây san sát phía trước mặt kia xem sao. Tôi nghĩ thuyền quốc vương tôi đang được quân che bọc ở đó.

Trần Khát Chân phất cờ cho binh thuyền lao đi độ mười trượng, bỗng Bà-lậu-kê nắm lấy tay ông run run nói:

- Bẩm tướng quân, trong số các thuyền sơn xanh kia. Chiếc có màu sơn sẫm nhất là chiếc của quốc vương tôi. Đây là chiếc thuyền chắc chắn nhất, trải thủ và cung thủ cực khỏe, nếu tướng quân không nhanh tay là nó chạy mất.

Lập tức Trần Khát Chân cho bắn hỏa pháo vào chiếc thuyền có màu xanh sẫm. Thế là từ hai bên bờ sông, các loại song sảo pháo, ngũ sảo cự thạch pháo ào ào bắn vào tiêu mục đã xác định. Rồi tứ phía, nỏ cứng, tên độc nhất tề trút xuống như mưa giông chớp giật.

Thương thay Chế Bồng Nga, một quốc vương, một dũng tướng có một không hai trong lịch sử của đất nước

Champa, đã làm cho vua tôi Đại Việt kinh hoàng suốt 19 năm ròng đã tử trận.

Trần Khát Chân quyết đánh một trận rửa hận cho non sông đất nước, nên sức quân ông được nhân lên tới cả vạn lần, tưởng không một kẻ thù nào không bị hạ sát.

Chế Bồng Nga chết bởi hàng loạt mũi tên bắn ghim chặt ông vào mạn thuyền. Nhiều mũi tên xuyên qua cổ qua đầu, xuyên từ phía trước ngực và cả phía sau lưng, ghim đứng ông vào ván thuyền.

Khen thay Nguyên Diệu, chỉ một tia lóe sáng trong đầu, y vội lượm thanh mã tấu trên sạp thuyền, chặt lấy đầu Chế Bồng Nga, rồi chạy ra mũi thuyền tay giơ cao thủ cấp Chế Bồng Nga, tay cầm cờ trắng vẫy thuyền Đại Việt. Chiếc Kim Phụng của Trần Khát Chân vừa ghé mũi, Nguyên Diệu đã nhảy ào về với quân ta.

Thượng đô quân Long tiệp với Phạm Nhữ Lặc và đầu ngũ là Dương Ngang vừa kịp nhận ra Nguyên Diệu, liền huơ đao lia một nhát, đầu Nguyên Diệu rơi bịch xuống ván thuyền cùng với đầu Chế Bồng Nga. Máu từ cổ Nguyên Diệu phun vọt lên như một cây bông máu mà thân y vẫn chưa kịp đổ.

Trần Khát Chân sai quản quân Lê Khắc Khiêm bỏ thủ cấp Chế Bồng Nga vào hòm, lập tức chở thuyền về báo tiệp với thượng hoàng Nghệ tông ở hành tại Bình Than, còn mình tự đốc thúc quân sĩ truy đuổi giặc.

Chế Bồng Nga chết, quân Chiêm tan vỡ. La Ngai phải

cho quân bỏ thuyền lên bờ chạy bộ cùng đám tàn quân. May có đêm tối che chở, nếu không, đội quân xâm lược trên mười vạn tên ấy sẽ không còn một tên nào sống sót.

Lại nói binh đội của Lê Khắc Khiêm về tới Bình Than thì trống đã điểm canh ba, thượng hoàng đang say giấc vào đêm. Quân thấy kinh động phía ngoài sông, liền vào đánh thức Nghệ hoàng. Tưởng quân Chiêm tràn tới, thượng hoàng mặt xám ngoét hỏi:

- Chạy đâu bây giờ?

Vừa đúng lúc đám quân chạy bộ vào báo tin thắng trận. Một lát sau, tướng Lê Khắc Khiêm sai mở hòm, bê thủ cấp Chế Bồng Nga đặt trên chiếc mâm đồng, trải vuông vóc đỏ.

Vua mừng lắm, sai gọi các quan đến xem. Các quan xúng xính trong sắc phục đại trào, mặt tươi rói đồng thanh hô:

- Thượng hoàng thiên tuế! - Thượng hoàng thiên tuế!

Vua cúi nhìn thủ cấp Chế Bồng Nga nói:

"Ta với Chế Bồng Nga cầm cự với nhau đã lâu, ngày nay mới được thấy mặt, khác gì Hán Cao tổ thấy đầu Hạng Vương".

Vẻ ngậm ngùi, lát sau nhà vua sai lấy hòm gỗ thơm mai táng cho Chế Bồng Nga theo lễ đại vương.

Trong khi thuyền của Chế Bồng Nga bị quân Đại Việt vây chặt, đại tướng La Ngai từ ngoài đánh thốc vào mong giải cứu cho vua, nhưng không phá nổi vòng vây. Chỉ khi

quân Đại Việt đã giết được Chế Bồng Nga, chém đầu mang đi, lúc ấy vòng vây mới tự giãn ra. Và La Ngai liều chết đánh vào cướp được cái xác không đầu dẫn quân lên bờ chạy cùng quân bộ.

Chạy đến bờ sông Lô thì quân Chiêm dừng lại chất củi thiêu xác Chế Bồng Nga. Gặp khi có dân binh đuổi đánh thì xua voi ra đoạn hậu, rồi tung tiền cùng bạc vàng lại phía sau để khỏi bị đuổi.

Chạy trốn về tới Chiêm Thành, La Ngai tự lập làm vua Champa. Con Chế Bồng Nga là Chế Ma-nô-đà-nan và em là Chế Sơn-nô sợ bị giết, bèn chạy sang ta xin che chở. Ma-nô-đà-nan được phong làm Hiệu chính hầu, Sơn-nô được phong chức á hầu. Theo phong tục Champa, Chế Bồng Nga không được đặt tro hài trong lăng tẩm hoàng gia, mà phải để ngoài bãi tha ma giành cho những người chết bất đắc kỳ tử, hoặc thân thể không toàn vẹn.

Cũng từ đấy nước Champa bại liệt, không bao giờ còn dám ngó dòm Đại Việt nữa.

XXX

Giết được Chế Bồng Nga, cả triều đình mừng lắm, Nghệ tông thở phào:

- Thế là cái họa Chiêm Thành từ nay không còn phải lo nữa.

Triều đình nghị bàn ban khen cho những người có công trong việc đánh bại quân Chiêm. Trần Khát Chân chiếm công đầu. Khát Chân vốn dòng dõi Bảo nghĩa vương Trần Bình Trọng, là vị tướng trẻ nhất trong hàng tướng lĩnh Đại Việt. Cho đến khi giết được Chế Bồng Nga và đánh tan hơn mười vạn quân Chiêm Thành, tướng quân mới hai mươi tuổi. Vua thăng cho Trần Khát Chân làm Long tiệp bổng thần vệ thượng tướng quân, tước Vũ tiết quan nội hầu. Lại ban cho thực ấp một trăm mẫu tại làng Hoàng Mai, và được nhận lại chiếc đai ngọc vua ban trước lúc xuất chinh mà Trần Khát Chân gửi lại. Phạm Khả Vĩnh làm Xa kỵ vệ thượng tướng quân, tước quan phục hầu Phạm Nhữ Lặc và Dương Ngang đều được thưởng tước 5 tư; thăng Nhữ Lặc làm giám Cấm vệ đô, cho Dương Ngang 30 mẫu ruộng. Các người khác được thăng chức, tước theo thứ bậc khác nhau.

Lại nói về Trần Nguyên Đán, từ khi ông cáo quan về

hưu ở cái tuổi sáu mươi, tưởng là về dưỡng nhàn hóa lại không phải thế. Đúng là bứt khỏi công việc triều đình cái thân có nhàn, nhưng cái tâm ngày càng chất chứa nỗi đau thế sự. Nhiều việc đời ngang trái hằng ngày cứ dội vào tai ông, rồi chứa chấp chặt ứ trong não ông, tưởng đến vỡ tung cả đầu óc. Ví như việc Quý Ly mượn tay Nghệ hoàng để giết cháu ruột của chính ngài là hoàng Đế Nghiễn. Lại giết cả trăm người khác mà Quý Ly cho là có liên hệ; trong đó không ít người tôn thất. Ngay đến cả con mình như thái tử tướng quốc vương Ngạc, nhà vua cũng nghi ngờ mà tước dần quyền bính trao vào tay Quý Ly. Thực các mưu mô này đều ở một Quý Ly, nhưng lại được ban ra từ oai quyền của Nghệ hoàng, thành thử người đời cứ nhầm tưởng Nghệ hoàng vẫn còn điều hành triều chính một cách công minh và thiết thực.

Ngay cả việc Quý Ly vì kém mưu mà thua Chế Bồng Nga, trốn chạy khỏi chiến trường, nơi ông ta được toàn quyền đô đốc. Quý Ly đáng phải trị tội, thì lại đi giết một viên tướng giỏi là Nguyễn Đa Phương, đã có tài biến nguy thành an, cứu được cả một đội quân không bị tiêu diệt, cứu cho Thăng Long khỏi bị uy hiếp. Tội của Đa Phương là đã nói ra sự thật khiến Quý Ly bực giận. Và mặc dù Đa Phương là nghĩa đệ của ông ta, khi cần Quý Ly vẫn mượn tay Nghệ hoàng để giết. Thuần những việc có quan hệ đến sự mất còn của một đế nghiệp, một dòng họ cứ hằng ngày dội đến, khiến quan tư đồ hết đỗi đau lòng. Ngài đã phải đau đớn thốt lên:

"Tam vạn quyển thư vô dụng xứ.

Bạch đầu không phụ ái dân tâm"[1]

Việc nước đã rối, việc nhà còn rối hơn. Hai đứa nho sinh thực cũng có tài, muốn lưu giữ làm môn khách để bầu bạn, thì Nguyễn Ứng Long đã trêu ghẹo, và làm con gái lớn ông có chửa rồi bỏ đi. Trần Nguyên Đán phải nén bực giận tới tận sâu đáy dạ và tự nghĩ: "Vận nước sắp hết rồi, biết đâu không phải là trời xui ra thế, vị tất không phải là phúc của nhà mình". Rồi cho người tìm ứng Long về, và cho gọi cả Hán Anh vào, ông nói:

- Người đời xưa đã có việc này, không thấy chuyện Văn Quân với Tương Như[2] sao? Nếu được như Tương Như để tiếng cho đời sau thì ta cũng bằng lòng.

Đại ý:

Đọc tới ba vạn cuốn sách mà hóa thành vô dụng.

Dẫu bạc đầu vẫn không phụ lòng dân yêu mến.

Trác Văn Quân là con gái Trác Vương Tôn đời Hán, góa chồng về ở với cha đẻ. Một bữa Tư Mã Tương Như đến chơi nhà Trác Vương Tôn, chợt ngó thấy nàng đã đem lòng yêu; liền soạn ra khúc "Phượng cầu Hoang" tức là chim phượng tìm chim hoàng. Nhân trong bữa tiệc lại có người tha thiết mời Tương Như chơi đàn. Chàng liền mượn cây ỷ cầm dạo luôn khúc nhạc vừa soạn. Trong đó có những câu như: "Phượng hề, Phượng hề qui cố hương, ngao du tứ hải cầu kỳ hoàng; hữu nhất điểm nữ tại thử đường, thất nhĩ nhân hà độc ngã trường, hà do giao tề vị uyên ương" (Chim phượng, chim phượng về làng cũ đi thôi, đi ngao du bốn bể tìm chim hoàng; có một người con gái đẹp ở tại nhà này, phòng gần nhưng người xa, làm khô héo cả ruột gan ra, làm sao mà gặp gơ nhau, hẹn làm đôi chim uyên ương) Trác Văn Quân lén nghe được. Khi Tư Mã Tương Như ra về, nàng liền trốn theo chàng.

Nguyễn Ứng Long và Nguyễn Hán Anh lúc được gọi về thì khép nép, sợ hãi, nhưng khi nghe quan Tư đồ nói vậy, họ vô cùng cảm kích. Hai nho sinh sụp lạy và hứa sẽ không để nhạc phụ phải phiền lòng.

Từ đấy hai người ra sức học hành, và đều thi đậu thái học sinh. Nhưng chỉ có Hán Anh được bổ dụng, còn Ứng Long bị bỏ, chỉ vì Long là con nhà thứ dân mà dám sánh với người tôn thất, quyền quí.

Những việc như vậy cứ dồn, tích vào đầu óc một con người ưu thời mẫn thế, khiến quan tư đồ Trần Nguyên Đán đổ bệnh. Ông ốm nhưng không chịu ăn uống. Con cháu cố khuyên nài, ông nói: "Thời sự đã đến thế này, ta được chết đã là may lắm rồi! Lại còn cầu sống để thấy họa loạn hay sao?".

Ấy vậy mà khi được tin viên tướng trẻ 20 tuổi Trần Khát Chân giết chết Chế Bồng Nga, đánh tan tác đội quân Chiêm bạo tợn thì Trần Nguyên Đán như khỏe lại. Ông sung sướng nghĩ rằng, cuối cùng thì tinh thần thời Trùng hưng đã thức tỉnh được lòng tự tôn dân tộc trong quân. Thật tình, ông không lo lắm cái họa phương nam bằng họa phương bắc. Kiểm xét lại trong lịch sử, có triều đại nào của Trung Hoa không có ý đồ thôn tính Đại Việt. Không một triều đại nào của Trung Hoa lại không có ít nhất từ một đến vài ba cuộc xâm lăng Đại Việt.

Quan tư đồ tỉnh táo được vài ngày, rồi lại trở về trạng thái suy kiệt. Các danh y cũng đành bó tay. Người nhà lại

cho đi mời những vị hòa thượng danh tiếng, trong giới y thuật Trúc Lâm từ Yên Tử về chữa trị. Khi các cao tăng đến, Trần Nguyên Đán khuyên họ không nên chữa bệnh cho ông. Ông nói:

"Cảm ơn các Thiền sư đã quá gót tới tệ xá. Nhưng các vị chỉ có thể chữa được bệnh chứ không chữa được mệnh. Mệnh tôi đã sắp tận, chỉ chờ ngày một ngày hai là đi. Duyên may được gặp các vị trước khi về cõi tịch diệt, chắc là cũng vơi nhẹ nỗi lòng".

Các Thiền sư trò chuyện với ông có vẻ tâm đắc lắm. Và họ cũng thừa nhận, ông không có bệnh tật gì phải chữa trị.

Tại Thăng Long, thượng hoàng Nghệ tông nghe tin quan Tư đồ Trần Nguyên Đán bệnh nặng, nhà vua ngự giá về thăm.

Anh em trò chuyện hồi lâu, Nghệ hoàng cảm thấy như lời Nguyên Đán nói, ông sắp đi.

Nhà vua cảm động rỏ nước mắt hỏi Nguyên Đán về quốc sự:

- Nếu chẳng may vương mất đi, mà có biến ở mặt bắc, mặt nam thì làm thế nào?

Trần Nguyên Đán cảm như có một cái gì đấy dâng lên nghẹn ứ cả cổ họng, khiến ông không nói được ra lời. Mà chỉ thầm nghĩ: "Rằng có khi mặt Bắc, mặt Nam chưa có gì xảy ra, nhưng nội biến sẽ là chắc chắn. Chỉ tiếc cơ nghiệp nhà Trần do tổ tông tạo dựng, oanh liệt là thế, lại bỗng

nhiên sụp đổ. Nói cho công bằng thì không có sự sụp đổ nào ngẫu nhiên cả, mà đều đã được chuẩn bị kỹ càng. Nó trớ trêu ở chỗ, ngay kẻ chuẩn bị cho sự sụp đổ ấy cũng không tự biết. Như quan Quốc tử giám tư nghiệp Chu An nói. "Chính đức Dụ tông là người đánh hồi chuông báo tử cho đế nghiệp nhà Trần". Và suốt mấy chục năm sau, đức Nghệ tông là người tiếp tay siêu việt cho Quý Ly, chôn cất trọn vẹn cái đế nghiệp huy hoàng ấy của cả dòng họ. Hiện thời nó chưa xảy ra, cũng bởi tại nó chưa đến ngày đến tháng như ta mà thôi". Sực nhớ, chưa trả lời câu thượng hoàng hỏi, Trần Nguyên Đán bèn thưa:

- Tâu hoàng thượng, kế sách giữ nước thần không dám nói gì hơn đức Hưng Đạo. Chỉ cần làm tốt các điều đức ông răn dạy trong "Phú quốc cường binh sách" thời dân nào chẳng giàu, nước nào chẳng mạnh. Lại như khi đức ông sắp viên tịch, đức Anh tông có hỏi: "Nếu giặc Bắc lại sang thì làm thế nào? "Không kịp nói gì nhiều, đức ông chỉ dặn lại điều cốt yếu nhất của mọi triều đại: "Khoan thư sức dân để làm kế sâu gốc bền rễ, đó là thượng sách để giữ nước".

Nhìn thần sắc Nguyên Đán nhợt nhạt, Nghệ tông gạt nước mắt hỏi:

- Ta chỉ muốn hỏi em đối sách với phương Bắc, phương Nam!

Trần Nguyên Đán lấy hai tay đỡ xuống chiếu toan

gượng ngồi. Nhưng không còn đủ sức nữa. Gia nhân nâng ông tựa vào chồng gối xếp, hai bên có hai người đỡ. Nguyên Đán nói thều thào qua hơi thở:

- "Phương Bắc cậy khỏe về vũ lực. Phương Nam ta có cái khỏe ôn hòa. Tức là họ cậy cương, ta cậy nhu. Như đá với nước đó. Nước chảy mãi ắt đá cũng phải mòn. Ấy là đối sách với phương Bắc. Còn phương Nam, thần chắc sau khi Chế Bồng Nga mất đi, nước ấy rồi sẽ rối nát, giữ nhà chẳng xong, còn làm gì được nữa. Nghỉ một lát, Trần Nguyên Đán lại tiếp: - Nếu cần phải có đối sách với phương Nam, hãy noi theo các các chính sách của đức Nhân tông đã làm". Nói xong ông lả người đi.

Nghệ tông về triều được vài ngày thì Nguyên Đán mất. Ông đi, gương mặt vẫn còn dượm vẻ suy tư. Đôi má ông hóp lại, khiến khuôn mặt ông dài ra, tựa như một dấu hỏi.

Tin Nguyên Đán mất bay về triều, Nghệ hoàng mệt không đi viếng được. Thuận tôn còn nhỏ chưa biết việc gì, triều đình cử quan tham tri bộ lễ về tế tại nhà.

Dù khi còn sống, quan Tư đồ bị bó tay không thi triển được tài năng và sở nguyện của mình, nhưng kẻ gian nịnh cũng còn nể sợ ông, không dám lộng hành thái quá. Nay ông mất, coi như người trong tôn thất không còn ai để chúng phải kiêng nể nữa. Bởi vậy, những người thiện đức thấy cảnh huống thế, ai mà chẳng nản lòng.

Lại nói về tướng quốc thái úy Trang định vương Ngạc,

khi được tin quan Tư đồ vừa lâm trọng bệnh chưa kịp về thăm thì đã lại nghe tin ông mất. Vương buồn lắm. Ông khóc: "Thế là hết! Đến một chỗ dựa tinh thần ta cũng không có được nữa".

Tướng quốc kiểm xét lại các việc. Từ chuyện giết đế Nghiễn cùng hàng trăm tướng lĩnh và người tôn thất, đại thần, đến việc bức tử vị tướng tài ba Nguyễn Đa Phương. Từ chỗ tước hết quyền sai khiến binh sĩ của ta, đến chỗ thăng cho Quý Ly tới chức tiểu tư không, tham mưu quân sự nắm trọn quyền thống lĩnh chư quân, lại ban cho y phương danh "Văn võ toàn tài quân thần đồng đức"; rồi trao kiếm, trao cờ cho y. Nhìn bề ngoài là phụ vương ta quyết, nhưng thực tình đều do Quý Ly bầy xếp cả. Thế mới biết y là kẻ gian hùng không kém Tào Tháo. Nhưng y còn hơn Tào Tháo ở chỗ, quyền hành cực phẩm thâu tóm trong tay, mà vua lại hết sức yêu tin như một kẻ tâm phúc, chứ không như Hán Hiến đế[1] bị bức phải nghe theo.

Vương Ngạc chán ngán đến cô đơn, bởi ông không có người tâm phúc. Ngay như Vương Nhữ Mai, cha con y đều được Đế Nghiễn và ông tin dùng, lại cấp bổng lộc ưu

---

[1] Tào Tháo khi nắm trọn quyền trong tay thì bức bách Hán Hiến đế, nên có nhiều cuộc nổi dậy do các đại thần xướng xuất, cũng có khi Hán Hiến đế bí mật xuống chiếu cần vương. Trái lại Nghệ tông tin mà nghe theo Hồ Quý Ly.

hậu, vậy mà y còn nhẫn tâm theo Quý Ly để phản ông. Bây giờ, đầy triều đều là tay chân y, ta đi một bước y đều biết; làm bất cứ việc gì đều đến tai y tắp lự. Ngộ nhỡ có điều gì y không ưng ý, lại ton hót với thượng hoàng ta có ý đồ kia khác. Mà thượng hoàng lành hiền đến nhu nhược, đến mê muội, y nói gì chẳng nghe ngay, cả việc y xui giết đương kim quân trưởng là cháu ruột mình, mà phụ vương ta còn nghe. Lại nữa, cũng nghe y đưa thằng em út của ta mới mười hai tuổi lên làm vua, còn ta đã ở ngôi vị tướng quốc lại kêu ta không đủ tài đức, không thể nắm giữ ngôi cao.

Ôi, cái quân chó lợn kia không thể nói là chúng không có tài. Chỉ tiếc, tài năng của bọn chúng được tận dụng vào các mục đích phi nhân.

Càng nghĩ, vương Ngạc càng thấy hoang mang hãi sợ. Ông có cảm giác như mình là một kẻ lữ hành cô đơn, đang sải bước trên con đường dài vạn dặm, tối om om, mà rốt cuộc không biết sẽ dẫn tới đâu. Và bao giờ thì dừng lại. Tự nhiên vương nảy ra ý nghĩ phải trốn khỏi Thăng Long, để không bị sa vào nanh vuốt Quý Ly. Bởi vương thấy cái nguy cơ Quý Ly cướp đế nghiệp nhà Trần, chỉ là việc sẽ diễn ra trong sớm tối. Điều đau đớn nhất cho ông là không bầy tỏ được nhẽ phải quấy với vua cha. Nỗi bi phẫn ấy ông cũng không bầy tỏ được cùng ai, kể cả vợ con, anh em mình. Và càng ủ kín nó ở trong lòng, nó càng phát tác như một thứ ung nhọt, càng

nghẹn uất. Quẫn quá, ông bỏ kinh thành đi vào một đêm tối trời sau tiết Đoan ngọ cùng vài đứa nô bộc, nhưng ông cũng không dám tin rằng chúng có trung thành với ông không. Tướng quốc ra đi mà không biết mình đi đâu, đi để làm gì? Tưởng việc ra đi ấy là kín nhẹm, là có thể che giấu được tai mắt mọi người. Hóa ra ông chỉ giấu được người thân, giấu được những người có tâm thiện đức không mưu toan dòm dỏ hoặc gây họa lụy cho ai. Song ông lại không giấu được Quý Ly, bởi tai mắt của Quý Ly giăng mắc khắp mọi nẻo.

Khi Quý Ly được mật báo tướng quốc bỏ đi thì y mừng lắm. Quý Ly nghĩ ngay đến thời cơ trừ khử một đối thủ, mà từ bấy lâu ông hằng canh cánh lo âu. Và đã có lần ông suýt mất mạng về tay con người này. Lập tức Quý Ly sai các võ sĩ tâm phúc ruổi theo vương Ngạc. Và ông có mật lệnh cho các đô phòng đoàn phải trừ khử Ngạc mà không cần xét hỏi kẻ lạ mặt tới trấn, lộ mình là ai.

Khi biết chắc chắn là vương Ngạc đã bị giết chết, Quý Ly bèn đem việc Ngạc bỏ trốn tâu lại với thượng hoàng Nghệ tông. Với vẻ mặt đau khổ, lại nhểu ra mấy giọt nước mắt, Quý Ly tỏ bầy mọi nhẽ. Trước hết ông băn khoăn không hiểu vì sao tướng quốc lại nghĩ quẩn. Và không biết tướng quốc đi đâu, chỉ sợ ông lại bỏ sang nước Minh, rồi rước quân Minh vào thì thật là đại họa cho nước.

Nghệ tông chưa kịp đau nỗi đau phụ tử, đã lại lo nỗi

lo vương Húc và cả sự họa loạn cho nước. Nhà vua rối trí bèn phán:

- Khanh kíp cho quân đuổi bắt Ngạc về cho ta hỏi tội.

Quý Ly chỉ chờ có thế, nên đã thảo sẵn đạo chiếu truy nã, liền đưa ngay cho hoàng thượng ký.

Có chiếu truy nã trong tay, Quý Ly sai ngay quân hổ bôn đi cả đường thủy, đường bộ truy đuổi vương Ngạc. ấy là cách để che mắt thiên hạ, chứ thực thì ông đã giết vương Ngạc từ trước khi Nghệ tông thảo chiếu.

Bởi vậy, khi chiếu vua tới châu Vạn Ninh thì Nhân Liệt - tay chân tâm phúc của Quý Ly đã sai quân đánh chết Ngạc rồi. Thương thay trước khi chết, vương Ngạc chỉ kịp nói có mỗi một câu: "*Thế là phụ vương giết con!*". Khi về triều, Nhân Liệt tâu với vua rằng người dân Vạn Ninh vì lòng tức giận đã đánh chết đại vương.

Việc tướng quốc Trang định vương Ngạc bị giết có làm vua buồn. Nhưng theo Quý Ly thì đó là đại phúc cho bản triều. Nếu thực như vương có bụng chạy sang đầu 'nhà Minh, thì đúng là tai họa cho nước. Quý Ly còn an ủi Nghệ hoàng bằng chuyện "Tái ông thất mã"[1].

Nghệ hoàng từ khi vào tuổi bảy mươi, ngài thường lẩn cẩn. Nói trước quên sau, khóc đấy cười đấy như con trẻ. Song có lúc ngài lại tỏ ra minh mẫn, sáng suốt.

Quý Ly biết rất rõ tính nết của hoàng thượng, nên dễ bề

[1] Ý nói họa phúc bất thường.

đẩy đưa ngài khuôn theo ý đồ của mình. Vì vậy có nhiều việc khi nghĩ lại biết mình lầm lỡ, thượng hoàng lấy làm hối. Như việc giết Linh đức vương Nghiễn. Hoặc việc nghe Quý Ly giết hàng trăm tướng lĩnh và cả Nguyễn Đa Phương là một tướng tài kiệt hiệt.

Những lúc nhà vua trầm tư mặc tưởng thì đám quan nội hầu lại mật báo cho Quý Ly.

Quý Ly thường bầy các trò liên ngâm thưởng nguyệt hoặc xướng họa thơ văn, là trò tiêu khiển lôi cuốn Nghệ hoàng. Vì thế nhà vua cũng nguôi khuây ngay các điều u uất vừa chợt đến.

Quý Ly bên trong thì mượn oai Nghệ hoàng thanh toán hầu hết các phe cánh đối địch với mình. Lại mượn tay nhà vua giết cả người tôn thất, giết cả tướng quốc là con vua mà vẫn không kẻ nào dám ho he chống lại. Bên ngoài thì Quý Ly đã câu kết được phe cánh, thâu tóm hầu hết quyền hành sai khiến các an phủ sứ, các đô phòng đoàn, các trấn, lộ trong toàn cõi. Còn như các vệ kim ngô, thần sách, bổng thần, thiết kỵ, các đô tứ thánh, tứ thần... đều là tay chân tai mắt của Quý Ly cả.

Phần đông các quan trong triều đều a dua theo Quý Ly, cũng có người vì sợ hoặc vì muốn an phận nên phải theo. Nhưng không ít những người có nhân cách cao thượng cũng phản bác ra mặt. Có người còn làm đồng dao cho trẻ hát khắp các xóm thôn phường phố, để nói rõ mưu đồ thoán đoạt của Quý Ly như:

Trung gian duy hữu Xích chủy hầu[1]
Ân cần tiến thượng Bạch kê lâu.
Khẩu vương dĩ định hưng vong sự.
Bất tại tiền đầu tại hậu đầu.

Và người ta nói đó là chính thượng hoàng Nghệ tông chiêm bao thấy em trái mình là hoàng đế Duệ tông, chết trận tại Chiêm Thành từ tháng 5 năm Đinh tỵ (1377) báo mộng. Chuyện đến tai Nghệ hoàng. Và rồi từ lúc nào không biết, nhà vua lại nhận đúng là Duệ hoàng đã hiện về, và đọc cho ngài nghe bài thơ ấy.

Bài thơ tung ra quả có làm cho Quý Ly lo ngại, ông đã suy nghĩ nhiều đêm mà vẫn chưa tìm ra kế sách hữu hiệu đối phó với đám danh sĩ cao ngạo. Ông đã nghĩ đến việc phải thủ tiêu bọn này, nhưng vẫn chưa có mảy may chứng cớ để buộc tội họ. Song ông lại nghĩ, nếu tìm ra lỗi lầm của họ rồi đe nẹt mà chinh phục họ nghe theo mới là thượng sách. Bởi nhẽ một nước mạnh hay yếu, sang hay hèn là

---

[1] *Quãng này chỉ hầu mõm đỏ,*
Lăm le ngấm lên lầu gà trắng.
Khẩu vương đã định việc còn mất,
Chẳng ở trước mà ở về sau.

Chiết tự ra "Xích chủy" tức là Quý Ly.

Quý Ly tuổi thân. Còn "Bạch kê" tức Nghệ tông, vì Nghệ tông tuổi Tân dậu. Chữ khẩu, chữ vương hợp với nhau thành chữ quốc. Có nghĩa là việc nước còn hay mất về sau sẽ thấy. Dậu là gà. Thân là khỉ (hầu), (khỉ bắt gà).

đều ở lớp người này quyết định cả. Băn khoăn mãi rồi ông cho gọi các con vào bàn.

Hồ Nguyên Trừng, con trưởng của Quý Ly mạnh dạn nói:

- Thưa cha, nội tình trong nước hiện chưa ổn cố được, mà bên ngoài thì người nước Minh dòm ngó ráo riết lắm. Vì vậy, cha phải thẳng tay trừng trị kẻ nào có mưu toan chống lại ta. Suy cho cùng thì nguy hiểm nhất vẫn là đám nho sĩ cao ngạo, tự vỗ ngực cho mình là chân chính. Một lời nói của chúng, một áng thơ, văn của chúng có sức mạnh gấp trăm lần các đạo quân lớn của ta. Hơn nữa thơ văn truyền tụng, không cần có quân ngũ, không cần người dẫn đạo gì hết mà nó chỉ rỉ tai trong dân chúng, là nó sẽ tới mọi ngóc ngách như là nước có thể rò rỉ, thấm tháp vào mọi nơi, mọi chỗ. Cho nên cứ cho người lén thủ tiêu đám này là thượng sách.

Quý Ly vẫn lắng nghe người con trưởng nói, nhưng trong lòng ông cảm thấy thất vọng.

Không đổi sắc mặt, ông quay sang hỏi người con thứ:

- Vậy chứ Hán Thương, ý con thế nào?

- Thưa cha, Hán Thương nói - Con nghĩ rằng cha con ta đang ngồi trên đống lửa.

- Vì sao vậy? Quý Ly hỏi.

- Trình cha, thế nước hiện đang lâm vào tình thế hết sức bi đát. Dân tình nghèo xác, nhiều vùng dân còn bị đói,

hoặc có người chết đói. Hàng mấy chục năm nay mùa màng thất bát luôn luôn, mà sưu dịch lại cứ mỗi ngày một tăng, lòng dân oán vọng nhiều lắm. Triều đình khắt khe quá để đến nỗi các người tu hành cũng phải nổi lên chống lại, như vụ thiền tăng Phạm Sư Ôn lập quân đưa về chiếm kinh sư hồi tháng chạp năm Kỷ tỵ (1389). Cho nên trước hết phải lo cho dân được yên ổn làm ăn, đời sống no đủ. Vì như Mạnh Tử nói: "Vua lấy dân làm Trời. Dân lấy miếng ăn làm Trời". Chỉ khi nào người dân đã thực sự có Trời của mình rồi, thì nước mới giàu, mạnh và triều đình mới sai khiến họ được. Vả lại, những chuẩn mực của thời thịnh, ấy là lòng khoan dung và sự trọng dụng đối với kẻ sĩ. Thưa cha, thế nước còn nguy cấp ở chỗ người Minh đang gấp gáp mưu đồ thôn tính Đại Việt ta. Bằng chứng là mới đây họ phái người sang đòi ta phải giúp họ 5 vạn quân, 50 thớt voi, 50 vạn hộc lương. Thực ra đây chỉ là gây sức ép thăm dò ta, xem thực lực ta yếu mạnh ra sao để họ có quyết sách.

Nghe Hán Thương nói, Quý Ly vui vẻ gật gật mái đầu, làm cho búi tóc phía sau gáy ông cứ rung rung lật lật.

Biết lời nói của mình đã lọt tai cha, Hán Thương mạnh bạo tiếp lời - Thưa cha, một việc quan yếu cấp kỳ nữa là phải thâu tóm được kẻ sĩ, vì tiếng nói của kẻ sĩ chân chính bao giờ cũng có sức mạnh to lớn, đúng như anh cả con đã nói. Nhẽ ra có thời gian, để họ nhận biết được điều phải quấy mà tự nguyện tin theo là thượng sách. Nhưng tình

thế cấp bách, ta không thể đợi như vậy được, mà phải bằng cách nào đấy, dò thăm ý tứ họ, rồi phân biệt họ ra từng loại hạng, để có đối sách riêng với từng người. Bọn này một khi họ đã tự nguyện tòng phục, thì trong tay ta sẽ có sức mạnh trí tuệ, mà sức mạnh trí tuệ mới là sức mạnh thần thánh. Thưa cha, cũng có thể nói: ai thu phục được kẻ sĩ thì thiên hạ đã ở trong tay tới tám chín phần rồi. Thế nhưng bọn này uy vũ, hoặc giả như của cải vàng bạc đều không thể khuất phục được họ. Xin cha hãy liệu mà khu xử với họ.

Quý Ly thầm khen: "Hán Thương là một mưu sĩ giỏi. Sự nghiệp của ta sau này có tỏ rạng được hay không đều đã nằm cả trong tay Hán Thương". Ông lại giục:

- Vậy chớ còn điều gì quan yếu nữa phải làm trong lúc này, con nói thử ta nghe.

- Thưa cha, Hán Thương nói, nếu cha không cho lời con sắp bầy tỏ là nghịch nhĩ (trái tai), thì việc còn mất của nước nhà hiện nay lại ở người quân trưởng. Nghệ tông là một người tốt, nhưng ông ta vừa nhu nhược, vừa hèn yếu. Vai trò lịch sử của ông ta cần phải được thay thế.

Quý Ly đưa mắt cho Hán Thương, đoạn ông nói:

- Ta được ở chức cao tót vời như hiện nay, đều là ân tứ của Nghệ hoàng. Ta với ông còn là chỗ bà con thân tộc. Từ nay con không được có ý nghĩ vọng động đó khiến thiên hạ nghi ngờ ta.

Hán Thương cúi dầu vâng theo ý cha, và cả hai anh em đều xin cha cho lui. Sự thật, Hán Thương nói rất trúng ý cha. Bởi từ lâu, Quý Ly dã tự biết, muốn điều hành bộ máy quốc gia có hiệu lực, phải tự mình nắm giữ ngôi cao để sai khiến thiên hạ. Việc lật bỏ nhà Trần, dễ như trở bàn tay. Cái khó mà ông cho là trở ngại nhất, lại nằm trong đám sĩ phu. Chính ông cũng muốn thanh lọc họ như Hán Thương tâu bầy. Nhưng không biết bằng cách nào để khỏi mang tiếng tàn bạo. Chợt ông nhớ, người xưa thường có chuyện dâng lời nói thẳng để tìm kế hay, người giỏi. Nghĩ vậy, ông bèn vào cung Thánh Từ tâu với Nghệ hoàng. Nhà vua cười móm mém:

- Khanh bao giờ cũng nghĩ ra dược các mẹo giỏi. Vậy thì làm đi thôi, ngõ hầu có thể tìm ra người tài, kế hay.

Lập tức Quý Ly sai bên Hàn lâm viện thảo chiếu "Cầu lời nói thẳng". Thượng hoàng ký xong, liền dược nhân bản ngay, để gởi cho các bậc sĩ phu trong nước.

Sau chiếu "Cầu lời nói thẳng", Quý Ly còn gởi cho một số vị có danh tiếng trên văn dàn, và một số người quan hoài đến việc học của sĩ tử trong nước bộ sách "Minh Đạo" ông vừa soạn xong. Trong đó, theo ý của Quý Ly phải lấy Chu Công làm tiên thánh. Vì chính Chu Công là người khởi xướng ra học thuyết Nho giáo. Khổng Tử là người hoàn thiện học thuyết của Chu Công, và có công truyền giảng học thuyết khắp thiên hạ. Vì vậy, Khổng Tử được liệt hạng làm tiên sư của đạo Nho.

Còn việc thờ tự tại Văn miếu[1], Quý Ly cho thờ Chu Công ở chính giữa, mặt quay về hướng nam, Khổng Tử ngồi sang một bên, mặt hướng về tây.

Quý Ly cũng đặt nhiều điểm hoài nghi trong sách "Luận ngữ"[2]. Ông không chấp nhận tư tưởng tiền hậu bất nhất của Hàn Dũ đời Đường. Vì Hàn Dũ trước thì công kích Phật giáo dữ dội, sau lại giao du với nhà sư Đại Diên và rất sùng Phật. Rồi cả lớp Tống nho[3] về sau với những người nổi tiếng nhất như Chu Hy... ông cũng đều phê phán là đi theo cái học hình danh. Tức chỉ chuộng phần hình thức mà nhẹ phần thực nghiệp.

Bộ sách ấy dâng lên Nghệ tông, được vua ban chiếu khen.

---

[1] Văn miếu do Lý Thánh tông lập tháng 8 năm Canh tuất (1070) đắp tượng Chu Công, Khổng Tử và tứ phối, tức bốn cao đồ của Khổng tử gồm: Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử. Và 72 người học trò khác của Khổng Tử đều được vẽ tranh thờ ở hai nhà tả hữu vu. (Ngày nay tại Văn Miếu chỉ còn tượng Khổng Tử thờ ở chính giữa và 4 vị thờ phối ở hai bên).

[2] Luận ngữ là một trong bốn bộ sách quan trọng của Nho giáo. Tương truyền do Khổng Tử soạn. Lại có thuyết nói sau khi Khổng Tử mất, các học trò của ngài ghi chép lại các lời rao giảng của Khổng Tử, có lẽ thuyết này đúng hơn.

[3] Nhà Tống (960 - 1280).

XXXI

Lại nói chiếu "Cầu lời nói thẳng" của Nghệ tông ban ra khiến kẻ sĩ trong nước nghi hoặc. Bởi lẽ lúc này Hồ Quý Ly đã thâu tóm quyền hành sai khiến thiên hạ. Chi phối hai ban văn võ, đã được Nghệ tông ban cho Quý Ly tám chữ thêu trên lá cờ tiết "*Văn võ toàn tài quân thần đồng đức*" và một thanh gươm báu.

Điều đó có nghĩa rằng, từ việc điều động binh nhung, trấn áp phản nghịch, thăng giáng các bậc đại thần đều thuộc quyền Quý Ly. Lại nữa, ông có quyền chém trước tâu sau.

Vậy thời việc cầu lời nói thẳng của nhà vua phỏng còn có ích gì.

Nhận chiếu cầu lời nói thẳng trong tay, các đại thần, các danh sĩ đều hết sức băn khoăn. Thế sự rối nát, kể cả hàng ngàn điều muốn nói, muốn tỏ bầy. Nhưng nói cho ai nghe? Tỏ bầy cho ai hay?

Hữu ty lang trung, nhập nội Hành khiển trạng nguyên Đào Sư Tích biết đây là mưu kế của họ Hồ, núp danh hoàng thượng thăm dò kẻ sĩ. Vì vậy hễ ai đã nhận được chiếu đều phải có hồi âm; nếu không Quý Ly sẽ ghép vào tội khi quân mà xử.

Nhưng hồi âm như thế nào thì thực là một việc nan giải.

Đang lúc rối trí thì gia nhân vào bẩm, có quan Trung thư thị lang, tri Thẩm hình viện sự, thám hoa lang Trần Đình Thâm xin được diện kiến. Đào Sư Tích mừng quýnh, chân không kịp xỏ giầy, chạy ra đón khách.

Trần Đình Thâm mỉm cười. Ông giơ tờ chiếu lên vái Đào Sư Tích.

Sư Tích đáp lễ, rồi dẫn người đồng liệt vào nhà tân khách.

Phân ngôi chủ khách, uống chưa xong một tuần trà, Đào Sư Tích liền hắng giọng:

- Quan huynh đã có diệu kế gì đối phó lại cái trò ranh mãnh của Quý Ly chưa? Đệ bí quá.

Trần Đình Thâm phá ra cười, giọng cười của ông giòn khách khách. Đoạn ông im bặt, tựa như ông nuốt hết tiếng cười vào trong bụng. Rồi với vẻ mặt nghiêm trang, ông nói:

- Thâm này đang bí mới phải đi hỏi trạng chứ.

Đào Sư Tích với vẻ hóm hỉnh cợt lại:

- Quan tri Thẩm hình viện sự, nắm trong tay mọi điều cơ mật của nước. Xin cho đệ biết, đối sách của quan huynh!

Đào Sư Tích tiếng là Hành khiển nhập nội, một chức quan đứng đầu nội các, nhưng cũng chỉ là một thứ hữu danh vô thực. Mọi quyền hành đều thuộc phủ Thái sư do Quý Ly thâu tóm. Hành khiển đã thế. Thẩm hình viện còn quyền biến gì.

Trần Đình Thâm cùng Đào Sư Tích, Lê Hiến Phủ vốn là bạn đồng khoa, lại làm quan đồng triều. Ba người giành tam khôi, khoa Giáp dần (1374). Đào Sư Tích đệ nhất giáp đệ nhất danh; Lê Hiến Phủ đệ nhị giáp đệ nhị danh; Trần Đình Thâm đệ tam giáp đệ tam danh. Tức là ba học vị cao nhất đương thời: Trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa.

Vì là chỗ đồng khoa, lại là đồng liêu nên tình bằng hữu giữa họ vừa thân tình vừa gắn bó. Trong nói năng thù tiếp, họ không cần phải giữ gìn, rào đón.

Đặt chén nước xuống mặt kỷ, nhìn sâu vào mắt bạn, Trần Đình Thâm chậm rãi:

- Nếu quan huynh không bận việc, ta cùng ghé thăm Bùi Mộng Hoa. Tôi chắc Bùi Mộng Hoa đã có đối sách.

Biết Bùi Mộng Hoa là người cương trực, khí phách, Đào Sư Tích đã muốn đi tới bảy tám phần. Ông nhớ có dễ cách đây tới gần mười năm. Vào khoảng mùa thu năm Quí dậu (1383), quân Chiêm Thành do vua nước ấy là Chế Bồng Nga dẫn đầu, đánh theo đường bộ, đã tới trấn Quốc Oai, chỉ cách kinh thành có vài ba chục dặm. Tin dữ bay về kinh sư, thượng hoàng Trần Nghệ tông hoảng hốt chỉ kịp đem theo vài tên tọa thượng nô, chiếc cháp bạc đựng bản thảo cuốn "Đế châm", và chục đứa cấm quân chạy bổ xuống bến Đông - bộ - đầu. Tại đây, lúc nào cũng có vài ba chiếc thuyền chắc chắn, phu lái sẵn sàng, để hoàng thượng chạy sang bên Đông Ngàn lánh giặc. Bởi từ mấy

năm nay, Chế Bồng Nga đánh vào Thăng Long dễ như trở bàn tay.

Quân thủy của Đại Việt với các tướng tài như Hồ Quý Ly, Nguyễn Đa Phương, Phạm Cự Luận đều lần lượt bị Chế Bồng Nga đánh bại. Lần này, ông ta đi đường bộ đem quân vào phía tây kinh thành, để thử sức quân bộ và quân kỵ Đại Việt.

Nghe được tin cấp báo, thượng hoàng Trần Nghệ tông chẳng còn hồn vía nào mà chờ được phu kiệu nữa. Ngài ngự dông thẳng ra bến, rồi vọt lên thuyền. Ngài nói líu cả lưỡi, khiến đám phu thuyền chẳng hiểu ngài ban lệnh gì. Bởi vậy, chúng vẫn còn trùng trình chưa nhổ neo.

Đúng lúc ấy, Bùi Mộng Hoa, giám sinh Quốc tử giám áo mũ chỉnh tề, cùng một số bạn bè trong trường giám, nhảy ào xuống nước, níu giữ thuyền ngự lại. Bùi Mộng Hoa chắp tay cung kính:

- "Hoàng thượng anh minh. Ngài là linh hồn của cả dân tộc. Xin hoàng thượng cứ vững tâm ở lại Thăng Long cho trăm họ trông vào. Bọn tiểu sinh thề cùng chúng dân trăm họ quyết lấy máu xương mình cản giặc, bảo vệ xã tắc, bảo vệ hoàng thượng".

Theo lời nói của Bùi Mộng Hoa, đám nho sinh lội cả xuống bến đồng thanh hô:

- "Xin hoàng thượng ở lại! - Xin hoàng thượng ở lại!".

Thượng hoàng Trần Nghệ tông mặt xám như chì, ngài không nói được lời nào, chỉ xua tay như đuổi mọi người tránh ra cho thuyền ngược.

Đám lính hổ bôn trong đội quân thiên thuộc đã đuổi kịp nhà vua. Chúng lao thẳng xuống bến kéo áo, nắm tóc, túm tay đám nho sinh đẩy hết lên bờ.

Thuyền ngự vút đi, để lại sau ngài nỗi thất vọng cho cả kinh thành.

Ôi cũng là một sự đi khỏi kinh thành, như cuộc ra đi của đức Trần Nhân tông vào những ngày áp tết năm Ất dậu (1285), ngài khuyến cáo trước chư tướng rằng: "Ta cho giặc ngủ trọ ở Thăng Long ít đêm, rồi lại thu hồi".

Cuộc rút khỏi Thăng Long ngày ấy, đã khích lệ muôn dân, xả thân vì nước. Và chỉ vài ba tháng sau, quân dân Đại Việt quét sạch lũ giặc Nguyên - Mông tàn bạo ra khỏi đất nước.

Ôi, tổ phụ thì hào hùng dường ấy, mà con cháu lại hèn yếu dường này!

Gần chục năm trước, Bùi Mộng Hoa đã tỏ ra là một người có nhân cách kẻ sĩ, chắc hẳn vụ "Cầu lời nói thẳng" này biết đâu ông chẳng có nhiều cao ý. Nghĩ vậy, Đào Sư Tích bèn nhận lời.

Hai người vào tới nhà Bùi Mộng Hoa đã thấy có Quốc tử giám trợ giáo Đoàn Xuân Lôi, Bảng nhãn Lê Hiến Phủ đang ngồi uống trà.

Bùi Mộng Hoa cư ngụ trong một ngôi nhà tranh đơn sơ, xung quanh nhà xếp đầy các kệ sách. Gian đầu kê bộ tràng kỷ bằng tre cật, dùng lâu ngày, nan tre đen bóng. Gian đối diện là thư phòng của chủ nhân, sách vở bầy lộn xộn. Một bài văn đang soạn dở chừng, chiếc bút lông thỏ gác trên nghiên mực vừa mài. Chắc là tiên sinh đang viết thì có khách tới thăm.

Gian giữa kê một chiếc hương án làm bàn thờ gia tiên. Phía trên treo bức đại tự "*Hữu đức tất hữu lân*", chữ lấy trong sách Luận ngữ[1]. Bức đại tự này dòng họ Bùi đã lưu giữ tới bảy đời. Vì vậy, con cháu tuy sống thanh bạch, nhưng chữ nghĩa thì không thiếu, bè bạn không thiếu, mà xóm giềng thì thân thiết như tình máu mủ, ruột rà.

Bùi Mộng Hoa từ nhỏ chỉ biết lấy bụng thực đãi khách, chứ không chuộng sự giả phú giả quí để khoe mẽ.

Ở kinh thành, ông nổi tiếng là người tiết tháo, cao thượng. Chán thế sự nên ông không bước vào con đường cử nghiệp, chỉ ở nhà đọc sách và gõ đầu trẻ. Nhưng chữ nghĩa mà ông thâu nhận thì đến các bậc túc nho cũng phải nể trọng. Nhà ông lúc nào cũng đầy ắp khách thơ văn. Hết luận bàn từ chương, trứ tác, lại tới chuyện thế sự. Đã sa

---

[1] Luận ngữ: Một cuốn trong bộ Tứ thư, tương truyền do học trò của Khổng Tử soạn theo các bài thuyết giảng của ông sau khi ông mất. Câu này có nghĩa là: người có đức tốt, ắt có hàng xóm tốt. Nghĩa là có bạn tốt.

vào chuyện thế sự, như sa vào mê lộ. Vừa thú vị, vừa bực giận, lại vừa chán ngắt nữa.

Bùi Mộng Hoa thật sự như một cái túi để các bạn giốc bầu tâm sự. Từ việc tư riêng trong gia cảnh, đến sự bỉ lậu chốn quan trường. Từ việc buồng the trong cung cấm đến việc giặc giã ngoài biên thùy, không việc gì ông không được nghe, không phải nghe.

Đến với ông để được thổ lộ, để được an ủi, để được khuyên răn, mà không bao giờ sợ chủ nhân coi thường mình, hoặc đem chuyện mình tiết lậu nơi cơ mật, để lập chút công thừa. Với nhân cách cao thượng và tấm lòng độ lượng, dường như Bùi Mộng Hoa là nơi không chỉ có khách văn nhân, mà cho tất cả những bậc chính nhân quân tử lui tới, tâm tình.

Trong nhà có đủ ba vị tam khôi khoa Giáp dần (1374), lại thêm một vị đại khoa năm Giáp tí (1384), tất cả đều thuộc hàng nhất nhị phẩm của triều đình, Bùi Mộng Hoa vừa rót trà mời khách vừa mỉm cười nói:

- Mấy khi được các bậc đại khoa cùng lúc đến thăm một kẻ hàn sĩ như Hoa này. Chẳng hay các đại huynh có điều gì dạy bảo đây?

Hỏi vậy thôi chứ trong bụng Bùi Mộng Hoa thừa biết, quí tôn ông đến đây có việc gì rồi.

Bê bát trà nóng trên tay, nhìn màu nước xanh như ngọc, Trần Đình Thâm chợt nghĩ đến tấm lòng băng tuyết của Bùi Mộng Hoa. Uống vài ngụm, khi đặt bát nước

xuống kỷ, nhìn thẳng vào đôi mắt đen lánh của Bùi Mộng Hoa, ông hỏi:

- Chắc tiên sinh đã nhận được "Chiếu" của hoàng thượng?

Bùi Mộng Hoa gật đầu và quay hỏi lại:

- Chư huynh đều nhận "Chiếu" cả rồi chứ?

- Đã! - Mọi người đáp.

- Việc này theo ý chư vị là do Thượng hoàng chủ trương hay do âm mưu của cha con họ Hồ? - Bùi Mộng Hoa hỏi tiếp.

Trong đám các quan có trợ giáo Quốc tử giám Đoàn Xuân Lôi, là người ít tuổi nhất. Đoàn Xuân Lôi cùng theo học trường Giám với Bùi Mộng Hoa, biết rõ phẩm hạnh của bạn ngay từ hồi còn học ở trường. Và biểu hiện cao nhất, là việc ông níu giữ thuyền ngự năm Quí dậu tại bến Đông-bộ-đầu, sau đó là bỏ cuộc thi đình năm Giáp tí (1384), mà với tài văn chương nghị luận, ai cũng bảo khoa ấy nếu Bùi Mộng Hoa ứng thí, hẳn phải chiếm đệ nhất giáp đệ nhất danh. Trong thâm tâm, Đoàn Xuân Lôi thường tôn Bùi Mộng Hoa luôn ở trên mình một bậc. Vừa nghe chủ nhân hỏi, Đoàn Xuân Lôi nhanh nhảu đáp:

- Cao ý của các quan huynh thế nào đệ chưa rõ. Nhưng cứ theo thiển ý của đệ thì đây là âm mưu của cha con Hồ Quý Ly, chứ thực thượng hoàng chẳng có chủ kiến gì, chẳng có cao kiến gì đâu.

- Hiển nhiên là vậy rồi. Bảng nhãn Lê Hiến Phủ đáp. Nhưng chủ đích của Hồ Quý Ly qua "Chiếu cầu lời nói thẳng" này y muốn dò tìm cái gì?

- Chư huynh chẳng thấy dã tâm của cha con họ Hồ sao? - Trần Đình Thâm cao giọng nói. - Tới lúc này quyền hành y đã nắm trọn, thượng hoàng chỉ là một thứ bung xung, để y nhân danh mà sai khiến, hoặc trừng trị thiên hạ. Vậy y còn băn khoăn và lo sợ điều gì nữa?

Trần Đình Thâm đặt câu hỏi rồi bỏ lửng. Các đồng liệt đều chăm chú điều ông sắp nói ra. Một lát sau, ông tiếp:

- Cái mà cha con Hồ Quý Ly còn băn khoăn, lo sợ lúc này chính là giới sĩ phu Thăng Long - Vì sao y sợ giới sĩ phu? Là bởi lời từ miệng kẻ sĩ nói ra thường hợp lòng người. Mà đã hợp lòng người thì một truyền mười, mười truyền trăm vạn như một làn sóng ngầm, không thể nói là không gây nguy họa.

Ít lâu nay, thơ văn của họ, lời nói của họ có ý ngầm tố giác âm mưu soán đoạt của cha con y, đã loan truyền trong thiên hạ. Tai mắt của cha con y ở khắp mọi nơi, không thể nói là y không biết.

- Biết sao y không diệt? - Lê Hiến Phủ hỏi.

Đào Sư Tích đỡ lời:

- Diệt là hạ sách, mà hậu quả của nó chưa biết sẽ ra sao. Có thể đây lại là cái cớ cho giới sĩ phu phát hịch cứu vong.

Hồ Quý Ly là một con cáo đã thành tinh. Hồ Hán Thương là một con chó sói săn mồi thuần thục, không thể không biết đến điều đó. Vả lại cha con y thừa biết lòng dân cả nước vẫn còn hướng về nhà Trần, căm ghét sự lộng hành của cha con y. Nếu giới sĩ phu lại biểu hiện sự căm giận của dân chúng bằng lời hịch nữa, thử hỏi sự thể sẽ kết cục ra sao, không phải cha con y không tính đến. - Đào Sư Tích hạ giọng, và đưa mắt nhìn các bạn hữu như là một sự khích lệ.

Lê Hiến Phủ tiếp lời ngay:

- Vậy tại sao giới sĩ phu không phát hịch?

- Chưa! Tình thế chưa đến hồi kết cục như vậy. Trần Đình Thâm nói. - Cái khó là phe phái ở đây không rõ ràng. Cha con Hồ Quý Ly chưa lộ mặt. Tất cả mọi việc y đều mượn danh thượng hoàng để ra tay. Mà thượng hoàng thì tin cẩn y một cách u mê.

Các vị cứ bảo tôi là người trong hoàng tộc, sao không khuyên giải. Khuyên giải sao được khi mà thượng hoàng nghe Quý Ly xúi giục, đang tâm giết cháu ruột của mình là đương kim hoàng đế tại vị. Vụ giết hoàng đế Nghiễn tháng chạp năm Mậu thìn (1388) khiến trăm họ kinh hoàng, thử hỏi còn ai dám can gián ngài nữa. Đến bậc tể thần và là anh em gần gũi như quan Tư đồ Trần Nguyên Đán lời nói còn chẳng lọt tai Thượng hoàng, tới lúc hồi hưu còn phải gửi thư nhờ bạn bè can gián:

"Kim cổ hưng vong chân khả giám

Chu công hà nhẫn gián thư hy"[1]

Trần Đình Thâm buông tiếng thở dài ngao ngán. Mọi người nhìn ông với vẻ cổ súy. Ông tiếp:

- Thượng hoàng Trần Nghệ tông có đức lớn là không tin bất cứ ai trong hoàng thân quốc thích, không tin bất cứ một người tài đức trung thực nào. Ngay con dích của ngài, thái úy Trang định vương Ngạc là một người có trí lự, kiến thức dồi dào, có đức cảm hóa lòng người, có tài qui tụ nhân tâm, có thể đặt lên ngôi quân trưởng; chỉ vì không hợp với Quý Ly, y ra vào ton hót gièm pha với thượng hoàng, nên ngài bỏ không dùng. Nhất là từ khi quan Tư đồ Nguyên Đán hồi hưu, thi Thái úy tỏ ra thối chí. Ông tự bạch:

"Ngã thị dương niên khí vật[2].

Và ông đã nghĩ đến cái nhàn của Lão Trang.

"Điền viên tảo biện qui lai"[3].

- Hỏng! Đất nước thế thì hỏng to rồi. Thượng hoàng thuần chọn những người bất tài, hèn kém đặt lên ngôi quân trưởng để làm đẹp lòng Quý Ly. Và để y dễ bề thao túng bộ máy quốc gia.

---

[1] Việc còn mất xưa nay xem đã rõ
Các ông sao nỡ ít thư can.

[2] Tôi nay vào hàng vứt đi rồi.

[3] Ruộng vườn sớm liệu trở về thôi.

- Chư huynh! - Lê Hiến Phủ chen lời Trần Đình Thâm. - Những điều Trung thư thị lang là người trong hoàng tộc nói, tưởng như mỗi lời của ông là mỗi giọt máu rỉ từ tim óc ông ra.

Nhưng cái khó của chúng ta là bảo vệ ai đây. Thượng hoàng không cần chúng ta. Ngài vẫn điều hành đất nước, nói cho đúng là Quý Ly vẫn điều hành đất nước thông qua ngài. Còn hoàng thượng ư? Hoàng thượng chỉ là con bù nhìn để ký các chế, cáo và sắc dụ theo ý của Quý Ly.

Trong khi đó thiên tai, bão lụt liền năm, mất mùa mấy vụ liền mà triều đình vẫn nhắm mắt làm ngơ, không tha, không giảm tô thuế, bớt sưu dịch. Dân chết đói đầy đường. Trộm cướp xảy ra giữa ban ngày, chức dịch không ngăn cản. Nhiều nơi các quan châu, huyện, phủ còn bao che để chia phần với kẻ cướp. Người dân bị mất của, hại người đi kêu cầu, quan trên không xét. Kêu cầu quá còn bị tống giam nơi ngục thất. Do vậy, dân biết kẻ ác, kẻ có tội cũng không dám tố giác. Xã hội gì mà người ngay sợ kẻ gian. Người trung thực, có tài thì bị ruồng bỏ, kẻ bất lương khéo nịnh, khéo bợ đỡ thì được tin dùng, cất nhắc.

Đi về bất cứ phương nào, bất cứ nơi nào từ kinh thành tới thôn cùng xóm vắng, đều nghe thấy tiếng hờn oán rủa nguyền của bách tính. - Lê Hiến Phủ càng nói sắc mặt ông càng tái đi. Dường như ông cố ghìm nén bớt đi lòng căm giận, ông ráng nuốt bớt đi sự căm giận vào trong đáy dạ.

Dằn từng tiếng, ông tiếp. - Một xã hội như thế, một triều đình như thế mà chúng ta còn ngu tối giữ mãi lòng trung sao? Liệu Hồ Quý Ly có phải là tay kiệt xuất, có tài vực lại thế nước như Trần Thủ Độ buổi sơ triều không? Bùi tiên sinh! - Lê Hiến Phủ quay về phía Bùi Mộng Hoa nói. - Chúng tôi muốn được nghe cao ý của tiên sinh.

- Thưa chư huynh, - Bùi Mộng Hoa lên tiếng. - Chư huynh là những người gắn bó mật thiết với triều đình, phẩm tước triều đình ban, bổng lộc triều đình chu cấp, mà nghe trong giọng nói của chư huynh như có cả tiếng rên xiết của muôn dân, huống hồ kẻ hàn sĩ này đang sống chung lẫn với họ.

Song đây mới là chuyện xót đau trong nội tình Đại Việt ta, chứ chuyện ngoài biên ải còn đáng lo ngại hơn nhiều. Người Minh dòm ngó dữ lắm. Cách đây ít lâu tôi có lên thăm một người bạn trên Lạng Châu, thấy lính tráng bê tha nơi chợ búa, mua bán, cướp bóc như một lũ ăn mày, lũ cướp, chẳng còn biết giữ thể diện quốc gia gì hết.

Hỏi mọi người, họ bảo khẩu phần của lính, bị cấp trên ăn chặn, lại phải làm việc cật lực cho gia đình các quan binh. Vì vậy, hở ra lúc nào là họ lẻn trốn ra chợ, ra phố để kiếm thêm miếng ăn, miếng uống. Xin được thì xin, không xin được thì cướp. Dùng một đội quân như thế để trấn giữ biên thùy, thì làm sao mà bảo toàn được cương vực.

Còn về Hồ Quý Ly, tôi chỉ muốn nói ông ta là người ưa canh cải. Nhưng ông ta là một người trí xảo. Ông ta thiếu đức dũng và thiếu cả lòng nhân. Mà thiếu hai điều đó thì cả dân chúng và giới sĩ phu trong nước đều lìa bỏ.

Tình thế cấp bách lắm rồi! - Bùi Mộng Hoa nói như là một sự thúc giục. - Nếu bên ngoài quân nhà Minh không xâm lấn, thì bên trong thế nào cũng xảy ra nội loạn. Vậy thời theo thiển nghĩ của kẻ học trò, tương kế tựu kế, nhân dịp này ta nói toạc âm mưu soán đoạt của Hồ Quý Ly, và các tội ác của cha con ông ta. Sự vạch tội ấy, nếu lẻ té ở một vài người, ắt bị trả thù. Nhưng tất cả mọi người đều nói, thì y không dám ra tay.

Nếu ta bảo nhau làm được điều đó, thì không những chặn đứng được âm mưu của Quý Ly, mà còn cảnh tỉnh được cả thượng hoàng. Đó là thiển nghĩ của kẻ bạch diện thư sinh này, còn cao kiến xin nhường các bậc đại khoa, các bậc đại quan.

Bùi Mộng Hoa dứt lời, không khí im phăng phắc. Văng vẳng tiếng chim cu gáy từ bụi tre phía sau nhà. Ai đó rít thuốc lào kêu sòng sọc, khói phả xanh mờ khung cửa sổ có vạt nắng dọi vàng hoe. Nắng hanh tháng chạp tươi trong mà sao vẫn giá buốt.

Nhập nội hành khiển Đào Sư Tích nhấp thêm một hụm nước rồi thong thả nối lời:

- Có nhẽ tiên sinh Bùi Mộng Hoa nói đúng. Các phe phái hiện còn đang tranh giành chưa ngã ngũ. Chơi nước

cờ này, Hồ Quý Ly muốn thăm dò xem ông ta có được lòng giới sĩ phu Thăng Long không. Bởi ông ta thừa biết, kẻ sĩ ngả về phe nào, phe ấy thắng. Tương kế tựu kế, "Cầu lời nói thẳng", thì ta nói thẳng, như cao kiến của Bùi tiên sinh. ý các đại nhân thế nào?

- Không chỉ nói thẳng, - Lê Hiến Phủ tiếp, - mà phải nhân cơ hội này vạch tội bè lũ phe cánh họ đã làm cho đất nước rối bời, dân tình điêu háo. Dân thì đói rét, lính như một lũ cướp ngày, quan thì tham nhũng bất lương, đẩy đất nước lâm vào cảnh nhu nhược, yếu hèn. Đến nỗi một nước nhỏ yếu như Champa, trước đây chỉ nghe hai tiếng Đại Việt đã rụng rời. Thế mà nay quan quân của nó ra vào Thăng Long như đi chợ. Nhưng cái họa Champa chưa phải là lớn so với cái họa phương Bắc. Nhà Minh đối với nước ta, tựa như cú dòm nhà bệnh, hễ thấy ta suy yếu là chúng xua binh sang xâm lấn tức thì. Nay nguy cơ ngoại xâm đã rõ mà nội tình cứ xâu xé nhau, tự làm yếu mình đi thì có khác gì sửa soạn để dâng nước cho giặc. Hóa nên thừa cơ cảnh tỉnh cả Thượng hoàng cùng Quý Ly là việc nên lắm.

Các quan ai cũng cho cao ý của Bùi Mộng Hoa, Lê Hiến Phủ là phải, không cần bàn thảo gì thêm nữa. Chủ nhân sai đem rượu kim cúc ra đãi khách. Sau một tuần rượu, các quan đều cáo lui.

Độ nửa tuần trăng sau khi gởi chiếu "Cầu lời nói thẳng", thượng hoàng Trần Nghệ tông đã tới tấp nhận được hàng trăm các sớ, tấu của quan lại và giới sĩ phu gởi về triều.

Nghệ tông đã già, từ gần chục năm nay đầu óc của ngài chỉ tập trung vào có hai việc. Một là trước tác tập "Đế châm". Ở đây ngài ban những lời dậy ngọt ngào. Theo như lời dẫn nhập của ngài: "*Hễ ai ở ngôi quân trưởng mà tọa rập đúng lời răn này, tự khắc trở thành bậc minh vương, thánh đế. Ví như: "Thưởng phạt công minh. Không nghe lời gièm pha. Phải lo cho dân đủ ăn đủ mặc. Để dân đói, rét, dân ắt làm loạn. Binh là việc quan yếu. Lơ là việc binh, nước địch ắt nhòm ngó...*".

Hai là ngài đang trứ tác một tập thơ mang tính giáo huấn có tựa đề "*Bảo hòa di bút*". Theo ngài, nếu con cháu sau này nghiêm chính tuân theo lời huấn hỗ của ngài, thì chỉ nội hai tập sách ấy, dủ bảo đảm cho ngôi báu họ Trần được muôn năm trường trị.

Bởi hai lẽ trên, nên các sớ tấu hưởng ứng chiếu "Cầu lời nói thẳng" do chính ngài ban ra (nói cho đúng là do Lê Thái sư tức Thái sư Hồ Quý Ly thảo cho ngài ký), nay tới kỳ hồi âm, thì ngài lại không thèm ngự lãm. Tức là ngài không đọc. Thật ra ngài có đọc vài ba bản, bản nào cũng chỉ nói đến đất nước rối ren, Quý Ly thao túng. Theo ngài, đây là lời lẽ của bọn cuồng chữ, bới lông tìm vết, chứ đất nước do ngài trị vì bốn phương vẫn âu ca thái bình. Bọn giặc cỏ Champa hỗn hào xâm lấn, ta sai viên tướng trẻ Trần Khát Chân chỉ một trận ra tay là đã chém đầu vua nước nó. Đất nước thanh bình, thế mà lũ nhát gan cứ lo hão về cái họa phương Bắc với cái họa phương Nam.

Bọn cuồng ngôn loạn ngữ này còn vu cho Thái sư đủ

thứ âm mưu. Chúng biết đâu mọi trọng trách đều do ta ủy thác cho Thái sư thừa hành.

Nghĩ vậy, Nghệ tông sai đem tất cả sớ, tấu, biểu hồi âm "Cầu lời nói thẳng" sang phủ Thái sư. Cho tùy nghi xử lý.

Quý Ly đóng cửa thư phòng cấm không cho ai vào ra, không được phép tâu báo để ông chuyên đọc những tấu biểu hồi âm kia trong ba ngày.

Xem tờ công văn khám hợp thấy phát đi bao nhiêu, thu về bấy nhiêu. Ông tự nhủ, thế là giới quan lại, giới sĩ phu đã biết trọng cái uy của ta. Chắc họ sẽ có nhiều điều tâm đắc với việc ta làm.

Về khoan khoái, ông sai tên trà nô hãm một bình trà thơm. Vừa hít hà mùi thơm thanh khiết của hương sen, ông vừa nghĩ tới vẻ huy hoàng trong giấc mơ bình thiên hạ, mà ông hằng ấp ủ từ thời tráng niên, khi được Nghệ hoàng gọi vào triều ban cho chức quan nhỏ vào hàng ngũ phẩm. Thật ra việc ông được gọi vào triều cũng là nhờ có hai bà cô ruột vào làm phi của thượng hoàng Minh tông. Hai bà đó, một bà sinh ra Duệ tông, một bà sinh ra Nghệ tông. Về quan hệ họ tộc, ông là anh em con cô con cậu ruột với Nghệ tông. Ông đang ôn nhớ lại những chuyện xưa thì có tiếng con sơn tước đang cao giọng hót. Tiếp đó là con bạch yến, con hồng yến song ca. Đâu đó con cu gáy có giọng thổ đồng, ném ra một tiếng gáy với lèo ba, lại tiếp lèo bốn, lèo năm. Tiếng chim gáy cận kề, mà sao nghe các âm hưởng nó len lách tới xa xăm. Cứ nghe giọng chim cu

gáy, ông lại có cái cảm giác thanh bình. Ông nghiệm ra rằng cái lũ chim cảnh nuôi nhốt lồng kia, dường như nó biết tâm trạng ông. Cứ lúc nào ông vui thì chúng hót, và lúc ông buồn, chúng lại im re. Và hễ có một con cất tiếng hót, thì lần lượt các con kia sẽ hót theo. Ông đang nghĩ về "con mi".

Một con chim già rừng, tiếng hót vang như tiếng chuông ngân, có nhẽ nó sắp lên tiếng rồi đây.

Đúng vậy, con họa mi đã lên tiếng. Một mình nó làm cả một dàn đồng ca. Giọng nó trong trẻo, thánh thót mà âm vang. Giọng nó át tất cả các giọng hót khác. Vì vậy, khi con mi đã lên tiếng hót thì các loài chim khác im bặt. Nghe con mi hót, lòng ông như bồi hồi xốn xang, như có sự thôi thúc. Uống xong ly trà nóng, nghe tiếng chim hót vui tai, thái sư tỏ vẻ hài lòng, ông với tay cầm lấy một bản tấu đọc. Ông không còn tin ở mắt mình nữa. Hồ Quý Ly phải đọc to thành lời:

"Thánh triều ta từ khi được Thái sư Lê Quý Ly giúp rập. Đất nước trở nên thanh bình, thịnh vượng. Phía bắc được nhà Minh trọng thị, phía nam nhà nước Champa phải thần phục, triều cống. Giặc giã, trộm cướp tự tan. Dân lành no ấm. Tưởng thời Nghiêu, Thuấn cũng không thể hơn được".

Đọc xong Hồ Quý Ly lật trang sau xem tên tuổi người viết. Với vẻ bực dọc, ông phê vào góc tờ sớ: "Thật là một kẻ nhân cách bỉ lậu".

Với kẻ khác thì lối nói này là lối nói xỏ xiên. Bởi đất nước đang rối bời. Bốn phương, phương nào cũng có giặc giã, trộm cướp. Dân tình đói khổ, ta oán. Phía bắc, nhà Minh rập rình thôn tính. Phía nam, Champa liền năm quấy phá, nhiều phen ra vào tàn phá Thăng Long. ấy vậy mà y lại nói: "Đất nước thanh bình, thịnh vượng, Champa triều cống. Tưởng thời Nghiêu, Thuấn cũng không hơn được...". Thế nhưng với viên Đông các điện Đại học sĩ này thì văn chương cũng như nhân cách của hắn, chỉ chuyên dùng vào việc xu nịnh, những mong vinh thân phì gia.

Quý Ly ném tờ biểu vừa đọc xuống mặt kỷ. Ông đọc bản tiếp theo.

"... Nhà Trần ta khởi nghiệp nhờ một tay Thái sư Trần Thủ Độ gây dựng. Ba lần đánh thắng giặc Mông - Thát là một đệ nhất chiến công trong hoàn vũ. Nay vận mệnh nước nhà đang hồi chao đảo. Giặc Champa hỗn hào xâm phạm. May nhờ có Hành hải Tây đô nguyên súy Thái sư Lê Quý Ly, chỉ một lần ra tay đã quét sạch quân xâm lược Champa, chặt đầu vua nước nó là Chế Bồng Nga. Đất nước trở lại thanh bình, bốn phương no ấm. Ôi, người tài thì thời nào chẳng có, đời nào chẳng có. Nhưng được người anh minh lỗi lạc như Thái sư ta thì hiếm lắm. Đến như Lý Thường Kiệt, Lý Đạo Thành, Trần Thủ Độ cũng không thể bén gót ngài...".

Lại tên chó má nào đây! Hồ Quý Ly buột miệng nói.

Nó ca ngợi ta hơn cả đức vua. Nó coi người đẻ ra triều đại này không bén gót ta. Thật là đồ chó ngựa. Không, chúng đâu bằng được chó ngựa. Chó ngựa là các vật nuôi hết mực trung thành với chủ. Bọn này đang ăn lộc vua, mà coi ta hơn vua, thì phải xếp chúng vào hàng cầm thú nào đây.

Thái sư chán nản đọc thông tới hai chục tờ sớ, thuần một giọng nịnh hót không tiếc lời. Hồ Quý Ly chợt nghĩ: "Từ trước ta vẫn gờm đám sĩ phu Thăng Long. Tưởng bọn họ thế nào chứ, như vầy thì chỉ là một phường giá áo túi cơm thôi. Ta sẽ sai khiến chúng cũng như trừ bỏ chúng, bất quá không hơn mấy tên "quan trung khách"[1].

Suy nghĩ giây lâu ông lại đọc tiếp: "... Kiến thức một gang mà dám chê bai Khổng Tử. Lại ngờ ba việc: - Khổng Tử ra mắt nàng Nam Tử - Khổng Tử hết lương ở nước Trần - Khổng Tử muốn đến khi Công sơn Phất bật gọi... Đây chỉ là những việc vụn vặt trong cuộc đời hành xử của thánh nhân, chỉ những kẻ tiểu nhân mới moi tìm bắt bẻ; người trí giả, người quân tử chỉ xét người, xét việc bằng đại đạo. Còn như sách "Minh Đạo" kia do Quý Ly soạn, thì nó không phải là "Con đường sáng" đâu. Nó chính là "con đường tối" đó. Thương thay!".

---

[1] Đời Trần, nô lệ hầu trong nhà quan thích ba chữ "Quan trung khách" lên trán. Nô lệ trong cung vua thích ba chữ "Tọa thượng nô" lên trán.

Hồ Quý Ly đọc mà cảm như toàn thân có kim châm, lửa đốt. Chỉ còn thiếu nước thét lên và rút kiếm ra khỏi bao.

"Tên vô lại nào mà dám ngông cuồng, chê bai, bắt bẻ, sỉ nhục ta". Ông vừa chửi rủa vừa xem tên tuổi ở phía sau - Đó là Trợ giáo Quốc tử giám Tư nghiệp Đoàn Xuân Lôi. "Để rồi xem gươm ta có chém nát được gan tên cuồng ngôn này không" - Hồ Quý Ly thầm đe. Và ông ghi vào góc tờ biểu: "Trảm".

Ông dằn lòng đọc tiếp: "... Nhà vua bỏ ra hàng chục năm soạn cuốn "Đế châm". Biết bao gương sáng, bao sự nghiệp huy hoàng của bao triều đại được kết đúc lại thành lời châm, để răn dạy các bậc vua nối. Thế nhưng hàng chục năm qua, nhà vua đã để cho việc triều chính rối nát. Xa người thân, gần người sơ. Bỏ hiền tài, dùng gian nịnh. Chính lệnh phiền hà. Sưu cao thuế nặng. Lòng dân hờn oán. Giặc ngoài xâm lấn. Thế nước yếu suy...

Nhà vua chỉ cần làm đúng như những lời răn bảo mà ngài viết trong sách, lập tức nước nguy hóa an; nước nghèo hóa giàu; người hiền tài ở chức, kẻ bất tài xu nịnh đều không có đất nương thân...

Ô hô! Ai tai!".

"Lại tên phản nghịch nào đây. To gan thật, chúng dám đụng đến cả thượng hoàng".

Thì ra người viết những lời trên không ai khác, mà là Hữu ty lang trung Hành khiển nhập nội trạng nguyên Đào Sư Tích.

"To gan!" Hồ Quý Ly phê chữ son vào góc tờ biểu của Sư Tích.

Và nửa tờ biểu khác: "Quý Ly xiểm nịnh lừa dối Thượng hoàng để làm nhiều điều xằng bậy. Công thì cướp lấy, tội đổ cho người khác. Trận thua ở thành Chà Bàn năm Đinh tỵ (1377) nướng hết 12 vạn quân, vua Duệ tông tử trận, thái tử Vương Húc bị giặc bắt cầm tù, đều do Quý Ly đốc quân tải lương tới trễ. Quân vừa tiến vừa chờ lương nên Chiêm Thành có đủ thời cơ phòng bị. Khi vua bị tử nạn, Quý Ly ở hậu quân không lo tiếp hỗ mà thừa cơ trốn chạy; tót về kinh sư bèn đổ tội cho Đỗ Tử Bình.

Đỗ Tử Bình bị đóng cũi đem về triều trị tội, còn Quý Ly thăng "Hành hải tây đô nguyên súy"...

"Thâm tai Quý Ly!

"Thâm tai Quý Ly!".

Không chịu nổi kẻ dám hỗn xược vạch đúng âm mưu và tội trạng, Quý Ly ném tờ biểu xuống đất. Ông đã toan xé nát nó ra, đốt bỏ nó đi. Nhưng như thế lại không biết kẻ kia là ai. Quý Ly bèn nhặt tập biểu đọc mặt sau thấy dòng lạc khoản đầy kiêu mạn:

"Kẻ hủ nho nơi thôn dã: Bùi Mộng Hoa".

Thằng này gan cóc tía! Chính y đã giữ thuyền ngự không cho vua bỏ kinh thành chạy giặc.

Nén lòng, Quý Ly đọc hết sớ biểu hồi âm đó, ông lạnh

toát sống lưng, bởi những kẻ dám dùng lời nói thẳng vạch mặt chỉ tên ông không chỉ có Bùi Mộng Hoa, Đào Sư Tích, Đoàn Xuân Lôi mà là hàng trăm, hàng trăm người.

Vậy là kẻ xun xoe nịnh hót ông cũng có. Nhưng kẻ ngang nhiên dám vạch tội ông, dám chống lại ông còn nhiều gấp bội. Chính cái số đông sĩ phu còn trung thành với nhà Trần này khiến ông lo lắng. Lo lắng tới bối rối, Quý Ly sai gọi Hồ Nguyên Trừng, Hồ Hán Thương tới hội kiến.

Hồ Quý Ly cho các con biết rõ về thái độ gay gắt của giới sĩ phu Thăng Long qua chiếu ""Cầu lời nói thẳng".

Đột nhiên ông hỏi Hán Thương:

- Ta muốn biết ý con khu xử việc này ra sao?

Hán Thương giao du rộng, kiến thức hơn đời, thường có những đối sách khôn ngoan, được Quý Ly khen là người trí.

Nghe cha thông đạt, Hán Thương đón biết ý cha, nhưng không dám nói thẳng. Chàng đưa mắt nhìn anh như muốn mời Hồ Nguyên Trừng nói trước, song chàng bắt gặp ánh mắt nghiêm lạnh của cha, đành phải khai khẩu:

- Thưa cha! Đám sĩ phu dám ngạo mạn, tội đáng xử giảo. Ngặt vì biên thùy phía Bắc, nhà Minh đang rậm rịch động binh. Nếu ở Thăng Long, ta ra tay động thủ đám sĩ phu, sợ rằng đây sẽ là cái cớ cho giới nho lâm nổi dậy.

Và rồi trên biên ải, giặc Minh sẽ ào ạt tràn vào. Thế là

cùng một lúc, cả thù trong lẫn giặc ngoài đều chống lại cha, sự thể sẽ trở nên muôn khó.

- Ý con như vầy, có nghĩa rằng coi như cha chưa biết đám triều thần nói gì, đám sĩ phu nói gì. Cũng coi như không có việc nhà vua xuống chiếu "Cầu lời nói thẳng".

- Dạ thưa cha, - Hồ Hán Thương cung kính. - ý con là cần phải có sự răn đe để bọn họ bớt ngông cuồng. Dạ thưa cha, nên huyền chức, nên lưu đầy cận châu, viễn châu một số người, nhưng sẽ viện ra những cớ khác, những tội danh khác. Còn bề ngoài, cha vẫn cứ nên lấy danh nghĩa Thượng hoàng ban chiếu khen ngợi họ, úy lạo họ; để trên danh chính ngôn thuận không kẻ nào dám mở mồm nói rằng: "Triều đình cầu lời nói thẳng, lại trị tội người dâng lời nói thẳng".

- Hay! Hay lắm! Quả con không phụ lòng cha. - Vẻ hài lòng, Hồ Quý Ly trao trọn số biểu chương, sớ tấu hồi âm cho Hồ Hán Thương, ông nói tiếp, giọng thong thả rành rõ từng lời một. - Cha cho con toàn quyền xử trị lũ cuồng ngôn loạn ngữ này. Song chớ có làm điều gì khiến bọn chúng vin vào đó mà khích động đám nông phu nổi loạn.

Chợt ông quay hỏi Hồ Nguyên Trừng:

- Việc này cha và Hán Thương quyết như vậy, chẳng hay ý con thế nào?

Nghe cha hỏi, Nguyên Trừng giật thột.

Chàng đang mải nghĩ về chế tác một loại vũ khí sao

cho hữu hiệu, để bảo vệ xã tắc, như trọng trách cha chàng đã trao cho từ mấy tháng trước đây. Và bữa nay, cha cho gọi, hẳn là thân phụ muốn biết công việc chàng làm đã đến đâu. Nghĩ vậy, Hồ Nguyên Trừng bèn hăm hở nói:

- Thưa cha, cái loại khí giới mà con sắp chế tác đây, nếu thành tựu thì công dụng của nó, con chắc còn lớn hơn cả chiếc nỏ thần của Thục An Dương Vương.

Hồ Quý Ly không những không trách phạt người con cả, đã không để tâm tới việc ông và Hán Thương đang bàn. Trái lại, ông vồ lấy ý tưởng của Hồ Nguyên Trừng. Bởi chỉ có loại võ khí lợi hại đó, mới có thể giúp ông đứng vững. Giúp ông đối phó với thù trong giặc ngoài.

- Vậy chớ Nguyên Trừng, con có thể dẫn cha về nơi con bắt đầu công việc, để tận mắt cha thấy được lá bùa hộ mệnh của non sông xã tắc được chớ.

Khắp kinh thành người ta đồn ầm lên rằng, giới sĩ phu đã thẳng thắn vạch mặt Hồ Quý Ly qua chiếu "Cầu lời nói thẳng". Và người ta còn nói rõ hơn, Hồ Quý Ly sẽ trị tội những ai, những ai...

Lời đồn đại đã đánh trúng vào những đối sách của cha con Hồ Quý Ly, nên Hồ Hán Thương rất lúng túng trong việc trị tội đám triều quan và sĩ phu, dám cao ngạo, dám cáo giác âm mưu và tội lỗi của cha con chàng.

Để tỏ rằng triều đình không phải lũ tiểu nhân, Hồ Hán Thương đã thảo chiếu úy lạo, nhân danh Thượng hoàng

Trần Nghệ tông. Đại khái: "... *Các khanh cũng như các bậc sĩ phu trong nước, thật xứng là tôi trung của trẫm. Nhất là những lời tâm huyết và kế sách của các bậc quốc sĩ, trẫm sẽ lưu tâm xem xét, ngõ hầu chấn chỉnh nền chính trị quốc gia, đặng mau chóng làm cho dân giàu nước mạnh. Các khanh cùng các bậc quốc sĩ hãy ráng hết sức mình phụng sự non sông xã tắc, đừng để phụ lòng trẫm...*".

Bẵng di độ một hai tháng sau, khi không ai còn bàn thảo gì về chuyện "Cầu lời nói thẳng" nữa thì một số người gai góc trong triều quan, trong giới sĩ phu mới lần lượt bị biếm, bị truất hoặc lưu đầy.

Thoạt tiên là một người trong hoàng tộc, Thám hoa lang, Trung thư thị lang, tri Thẩm hình viện sự Trần Đình Thâm, bị biếm từ hàng tam phẩm xuống hàng bát phẩm, và bị đầy đi viễn châu với tội trạng: "Tiết lậu cơ mật".

Người thứ hai là Hữu ty lang trung, Hành khiển nhập nội, trạng nguyên Đào Sư Tích, với tội trạng vẻn vẹn cũng chỉ có bốn chữ. "Bất kính quốc vương". Sư Tích bị biếm từ hàng nhị phẩm xuống hàng ngũ phẩm, và bị lưu đầy cận châu, tức bị đưa về trấn Quốc Oai. Nhớ khoa thi năm Giáp dần, Đào Sư Tích có bài sách đối nổi tiếng do nhà vua ra đề, về việc cầu hiền. Duệ tông đọc xong, liền chấm cho ông đỗ đệ nhất giáp, đệ nhất danh, tức đỗ trạng nguyên khoa ấy. Nay Nghệ tông biếm, mà thực là Quý Ly biếm, chắc ông không còn là người tài nữa, và cũng chẳng phải người hiền?

Người thứ ba Trung thư hoàng môn thị lang trợ giáo Quốc tử giám Đoàn Xuân Lôi.

Người thứ tư An phủ sứ Hoàng Hối Khanh.

Người thứ năm Hữu thị lang Lê Hiến Phủ...

Kế có hàng trăm người bị biếm, bị bãi, bị lưu đầy. Một số người khác không bị bắt, bị biếm, lưu thì suốt ngày đêm, trước nhà đều có bọn lính kín lảng vảng, như lũ cú lũ cáo dòm nom, rình rập.

Không khí ảm đạm đè nặng lên giới sĩ phu, khiến phường phố, thôn ấp vốn đã u uất vì nghèo đói, vì sưu cao thuế nặng, vì quan nha nhũng lạm, nay lại càng thêm căng thẳng, xác xơ. Người ta ngại không dám đi lại chơi bời thăm viếng nhau nữa. Các sĩ phu, các nho sinh thôi không quần tụ bình văn, tập văn nữa. Đến như nhà Giám, trước đây cứ ngày rằm hằng tháng các quan văn tại triều, các bậc văn nhã trong kinh thành đều tề tựu để bình văn, nay thì vắng tanh vắng ngắt. Ngay trường Quốc Tử giám, từ khi quan Trợ giáo Tế tửu Đoàn Xuân Lôi bị lưu đầy, không khí học hành của các Giám sinh cũng trở nên hoang mang, trễ nải.

Điều lạ là mặc dù Hồ Quý Ly đe dọa biếm, bãi, lưu đầy và bao vây căng thẳng, kể cả mơn trớn, mua chuộc, nhưng không một ai trong số những người có sĩ khí đã công nhiên tố giác thái sư, lại tự ý rút lời hoặc nói điều xu nịnh đối với ông. Chính điều đó làm cha con Hồ Quý Ly vừa trọng nể, vừa căm hận giới sĩ phu.

Tuy nhiên, tới lúc này ngoài việc thanh trừng phe cánh, ông vẫn chưa dám vô cớ giết một bậc quốc sĩ nào.

Khinh ghét thế sự, một số người bỏ kinh thành tìm nơi lâm tuyền ẩn dật. Một số khác tá túc nơi chùa chiền, đạo quán.

Quan Hàn lâm học sĩ phụng chỉ Hồ Tông Xác, người có biệt tài làm cả trăm bài thơ trên bàn tiệc, nhân tiết Nguyên tiêu ở nhà đạo nhân Lê Phạp cũng cáo lão về quê. Tiếp đó là quan tri Thẩm hình viện sự, Ngự sử trung tán Trần Đình Thâm, tự tay chọc thủng màng tai để không còn phải nghe bất cứ điều gì từ cái triều đình mà ông cho là thối tha nữa. Trước khi chọc thủng màng tai, Trần Đình Thâm thường thổ lộ với bè bạn: "Cái thời mà vua tôi không thật bụng với nhau, thì sự ngờ nghệch đui điếc lại chính là chiếc áo giáp che chắn những con mắt cú vọ của bọn thám tử triều đình".

Bùi Mộng Hoa, người không tiếc lời nói thẳng, vạch trần mọi âm mưu quỷ kế của Hồ Quý Ly, những tưởng ông phải là người đầu tiên lên đoạn đầu đài. Thế nhưng Quý Ly vẫn chưa đụng đến. Lại biết Quý Ly đang kiếm cớ trả thù, tỉa rút từng người, thì Bùi Mộng Hoa cảm thấy thế nước đang lâm vào nguy họa. Không phải không có người tài để vực thế nước đi lên, mà bởi cha con Hồ Quý Ly đã thao túng được cả bộ máy quốc gia, vào mục đích vụ lợi. Và cha con y đã tạo ra được cơ chế để hủy hoại các tài năng chân chính. Vì vậy, người tài đức tản mác đi khắp bốn phương, xa lìa chính thể.

Đành rằng, Bùi Mộng Hoa tự nghĩ - Hồ Quý Ly đang ôm ấp những cải cách xã hội tầy trời. Những cải cách mà nó chỉ có thể có ở những con người kiệt xuất. Nhưng tiếc thay nó lại xuất phát từ cái tâm bất thiện của ông, và trên một cái nền xã hội điêu tàn, nhân tâm ly tán, thì làm sao mà thu được thành tựu. Ông ta sẽ chết bởi cái mà ông ta khát khao chiếm lấy.

Bùi Mộng Hoa tự biết mình không thể làm được gì hơn nữa: Và tiên sinh cũng quyết không dời bỏ nhà mình, không dời bỏ kinh thành. Tiên sinh bèn lấy một lưỡi dao nhỏ mài mòn tới khi chỉ còn nhỏ bản như một chiếc lá lúa, một đầu bằng, một đầu nhọn hoắt và chỉ dài bằng hai đốt ngón tay.

Sửa xong mũi dao, ông tắm gội sạch sẽ rồi gọi vợ con và các học trò vào dặn:

- Từ nay, ta thôi không dạy các trò học nữa. Các trò hãy về tìm thầy khác mà học. - Bất chợt tiên sinh đứng lên vái vợ hai vái. - Mọi việc trong nhà từ nay ta nhờ nàng cáng đáng giùm. Ta chưa muốn chết không phải vì ta sợ chết, mà vì ta muốn chứng kiến tận mắt ngày cha con Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần. Ta biết, cái nhà Trần ấy dù không có ai cướp, nó cũng mất; song ta còn muốn được chứng kiến cảnh cha con y bị giặc bắt hành hình. - Giọng tiên sinh trở nên ngậm ngùi, lời nói như được tưới đẫm bằng nước mắt. - Từ nay hằng ngày ta chỉ xin được ăn có một bữa vào đúng ngọ, và cũng chỉ ăn có một bát cơm thôi.

Các việc từ trong nhà tới ngoài đời ta không dòm ngó đến nữa. Vì thế ta không nói năng gì cả. Nếu nàng và các con ép ta phải nói thì lưỡi dao này sẽ trôi vào họng, tính mệnh ta vì thế sẽ tiêu vong. Vậy nhé!

Vợ con tiên sinh chưa kịp mở lời, thì tiên sinh đã há miệng đón lấy lưỡi dao từ nơi kẽ ngón tay. Ông để đầu nhọn xuôi về phía họng, chỉ cần há mồm ra nói là lưỡi dao trôi xuôi xuống. Ngậm dao xong, ông vào giường buông màn, đầu kê trên chiếc gối mây, tay cầm cuốn "Kinh Xuân Thu" mở đọc từng trang.

Việc này lập tức đến tai Hồ Quý Ly. Bối rối chưa tìm ra đối sách trước phản ứng quyết liệt của giới sĩ phu, Hồ Quý Ly cho triệt bỏ đám lính kín bao vây trước nhà những người nói thẳng.

Học trò vào bẩm, triều đình đã rút hết bọn lính kín đi rồi. Nhưng tiên sinh không để ý đến. Dường như tiên sinh không thèm để ý đến các việc có liên quan đến cái triều đình kia nữa.

Và ngày ngày tiên sinh vẫn đọc sách.

Và ngày ngày lưỡi dao vẫn ngậm chặt trong họng tiên sinh.

Ở vào cái tuổi ngoài bảy mươi, Nghệ hoàng cảm thấy mình như một chiếc đèn đã cạn dầu, cái chết đã cận kề. Ngài kiểm xét trong mấy chục năm dùng Quý Ly, y đã giết con, giết cháu mình, giết biết bao người tôn thất và các vị công thần, cố lão. Ngay hai cha con nhà vua, nay cũng

như hai chiếc bù nhìn. Thuận tông năm nay đã ở tuổi 18 mà vẫn không được điều hành việc gì. Nghệ tông cảm thấy hối hận, nhưng lực đã bất tòng tâm rồi. Người thân tín, người tài đức đã bỏ đi, đã xa lánh ông hết rồi.

Một bữa thấy trong người khó ở, Nghệ tông cho gọi Quý Ly vào cung; với vẻ ung dung thư thái, ngài nói: "Bình chương là người họ thân, công việc trong nước đều giao cho cả. Nay thế nước suy yếu, ta cũng đã già yếu, sống chết chưa biết lúc nào. Vậy sau khi ta chết rồi, quan gia đáng giúp thì giúp, nếu là người hèn kém ngu tối thì ngươi tự lấy lấy nước".

Quý Ly hốt hoảng bỏ mũ cúi rạp đầu khóc. Rồi chỉ trời vạch đất thề bồi xin giữ lòng trung.

Ít ngày sau. Nghệ tông không ốm mà băng, hưởng thọ 74 tuổi.

XXXII

Nghệ tông mất đi, hết thẩy quyền điều hành đất nước thuộc về tay Quý Ly. Thuận tông chỉ là vị vua bù nhìn, Quý Ly sai làm việc gì thì làm việc đó. Hơn nữa, hoàng hậu lại là con gái của Quý Ly.

Lại nói, sau vụ "Cầu lời nói thẳng", cha con Quý Ly đã biết hầu hết thái độ của kẻ sĩ trong nước. Thật ra, loại có nhân cách lớn, nhất định không chịu về hùa với Quý Ly không nhiều lắm. Trong số này người cáo quan, người cáo bệnh, người cáo lão về hưu, người bỏ đi biệt tích vào chốn sơn lâm. Song phần đông nằm im chờ thời, một số ngả dần theo Quý Ly.

Để có thêm vây cánh và tập trung quyền lực vào tay người tâm phúc, Quý Ly bãi bỏ viện Đăng văn, đặt Thượng lâm tự[1], cho con trưởng của mình là Nguyên Trừng làm phán tư sự. Phạm Cự Luận làm tham mưu quân sự nay kiêm luôn Khu mật viện[2] sự.

---

[1] Cơ quan này tương tự với Tòa án tối cao ngày nay.

[2] Khu mật viện thời Lý - Trần, các triều đại sau này gọi là Viện cơ mật, tương đương với cơ quan mật vụ của các nước hiện nay. Chức tham mưu quân sự thời Trần, tương đương với tổng tham mưu trưởng ngày nay.

Quý Ly cũng thẳng tay đàn áp những ai dám chống đối mình, dù chỉ là lời nói. Ví như vụ giết người tôn thất là Trần Nguyên Uyên và con thứ của Sư Hiền là Nguyên Dận, chỉ vì hai người này trong đám tang Nghệ hoàng đã bàn đến vụ giết Trần Nhật Chương. Chẳng là Trần Nhật Chương hồi năm Nhâm thân (1392) có dự mưu giết Quý Ly. Chân tay của Quý Ly dò biết việc ấy. Quý Ly khóc xin với thượng hoàng trị tội. Tháng 5 năm ấy, Nghệ tông xuống chiếu giết Nhật Chương, người trong nước ai cũng cho đó là điềm gở. Nay mấy người khơi lại sự việc hai năm trước, lấy làm tiếc cho Nhật Chương mưu sự không thành. Trong khi hai người đàm đạo lại có cả nho sĩ Nguyễn Phù cũng được biết, thế là Nguyễn Phù bị giết lây.

Không khí khủng bố bao trùm khắp nước. Ra đường, mọi người chỉ lầm lũi đi một mình, không dám nhìn ngó, nói cười cùng ai. Trong các quán xá cũng thưa vắng, thực khách chỉ cúi mặt xuống mâm cơm, ăn xong đi liền, chẳng ai thiết làm quen với ai.

Cha con Quý Ly tuy đã nắm chắc quyền lực trong tay, nhưng cũng biết dân chúng kinh kỳ không ưa, và có rất nhiều thế lực lăm le chống lại mình. Quý Ly bèn họp các người tâm phúc lại bàn bạc. Phạm Cự Luận nói:

- Xin chủ tướng phải lo ngay chuyện biên ải phía Bắc. Nhà Minh đang dập dờn gây chuyện. Nơi thì họ xua quân sang cướp bóc của cải, bắt người vô tội, bắt cả biên quan

của ta đưa về Trung Quốc. Nơi thì họ xua dân sang vơ vét của biên dân ta từ các đồ quý hiếm đến thóc lúa, lợn gà, cả chổi cùn rế rách cũng lấy đi. Lại có nơi lính tráng họ sang lập doanh trại lấn sâu vào đất ta tới hàng chục dặm, ngang nhiên treo cờ đại Minh, thu hết mọi vật dụng của dân chúng quanh vùng, cưỡng hiếp đàn bà, đánh giết đàn ông, đốt nhà, đốt cả rừng rú của ta. Họa xâm lăng chắc không còn xa nữa.

Quý Ly nhíu mày có vẻ đăm chiêu, ông nói:

- Ta biết Minh Hồng võ dòm Đại Việt như cú dòm nhà bệnh. Sức quân ta so với hồi đánh nhau với Chế Bồng Nga có hưng lên được. Nhưng để đánh thắng đám quân của Hồng võ ước gì ta có được trăm vạn quân. Các ngươi tính sao? Lại còn chuyện các phe đảng định chống lại ta nữa, chớ đâu chỉ có chuyện giặc Bắc.

Nguyên Trừng lên tiếng:

- Thưa cha, Nghệ hoàng mất đi, trọng trách quốc gia đều đổ lên vai cha, nhưng đám hủ nho và người tôn thất vẫn đang âm thầm chống lại cha. Bên trong đã không ổn, bên ngoài lại không yên. Giặc Bắc tràn vào chỉ là chuyện sớm tối. Cho nên phải làm thế nào cho trong ấm thì ngoài mới yên.

- Làm sao trong ấm ngoài êm, ấy là điều ta mong mỏi. Vậy làm thế nào các người thử nói ta nghe. Quý Ly nhìn người con thứ mà ông hằng yêu mến, hất hàm về phía y, ông hỏi:

- Hán Thương, ý con thế nào, nói ta nghe?

Hán Thương hết nhìn cha lại nhìn Phạm Cự Luận, rồi ngẩng cao đầu nói:

- Tình cảnh đất nước hiện đang lâm vào thế bí. Nếu cha không có quyết sách cấp thời, giặc đến sẽ trở tay không kịp, mất nước như chơi. Hoặc giả nội loạn cũng có thể xảy ra lắm.

Hán Thương bỗng ngừng lời, nhìn cha như có ý thăm dò.

Quý Ly vốn biết người con yêu của ông tuy còn ít tuổi, nhưng vô cùng thông tuệ, và thường nảy sinh những ý tưởng táo bạo. Ông bèn khích lệ:

- Hán Thương cứ nói những dự liệu của con. Dù phải quấy ta đều muốn nghe, chứ không trách phạt gì đâu mà ngại.

Được lời như cởi tấm lòng, Hán Thương lại tiếp:

- Trình cha, thế nước chung chiêng, vì vậy phải cấp kỳ làm một số việc. Trước hết là củng cố sức quân., ý cha muốn một trăm vạn binh sĩ, là điều không thể có được. Bởi nước nhỏ, nhân dinh ít mà phải nuôi đội quân quá lớn, sức dân không kham nổi. Sao bằng ta chỉ cần ba chục vạn quân hùng mạnh, võ nghệ tinh thông, chiến thuật kỳ ảo, vũ khí tinh sảo hơn quân Minh. Vậy là ta có thể lấy ít thắng nhiều, như xưa kia đức Hưng Đạo đại vương đã dùng kế ấy mà thắng được quân Nguyên.

Quý Ly ngắt lời con:

- Quân tinh khỏe, ta có thể luyện được phải không tướng quân? Quý Ly hướng về phía Phạm Cự Luận hỏi.

- Chiến thuật kỳ ảo, ta có thể có - Quý Ly nói tiếp. Nhưng võ khí tinh sảo hơn quân Minh thì ta chưa nghĩ ra. Vậy chớ con có cách gì không, Hán Thương?

- Thưa cha, việc này anh em con đã có dự liệu. Như thời Trùng hưng, quân Mông-Nguyên cậy có chiến thuật kỵ mã. Nhưng Hưng Đạo chọn cách đánh vào mùa mưa lũ, thành thử đám người ngựa ấy mất hết sở trường, rốt cục như lũ chuột bị dìm trong nước. Còn bên ta, công bộ trạng nguyên Nguyễn Hiền, đã chế được các loại song sảo pháo, ngũ sảo pháo, tức loại đại pháo hai nòng, 5 nòng. Nhưng hồi đó chỉ bắn bằng đạn đá, sức công phá không cao. Nay huynh trưởng con cũng đã có dự tính sáng chế loại đại pháo bắn bằng đạn đồng, đạn chì, sức công phá lớn không lường hết được.

- Vậy chớ các con đã chế thử chưa? Quý Ly hăm hở hỏi, vì ông không mong gì hơn là có một loại khí giới như thế.

- Dạ thưa cha, suốt 5 năm nay anh em con đã để tâm can óc não vào việc chế tác loại khí giới tinh sảo này, nhưng cũng mới chỉ có trên bản vẽ, để còn phải chế thử. Nhưng từ chế thử đến làm đồng loạt, phải có thời gian. Lại nữa nguyên liệu đâu phải dễ mua, dễ kiếm. Dạ, con cũng định mua của người Tầu. Song người Tầu sao họ chịu bán cho mình những thứ mình cần. Thưa cha, súng chế xong, lại còn phải chế đạn, bắn đi thử lại

cho tới khi dùng đại đởn trong quân, chắc cũng phải mất vài ba năm.

- Con cần những nguyên liệu gì?

- Dạ thưa cha: đồng, chì.

- Bao nhiêu?

- Dạ, bao nhiêu cũng ít. Càng nhiều càng tốt.

- Vậy lấy ở đâu ra nhiều đồng chì đến thế.

- Con xin dâng một kế mọn, nếu cha chấp thuận thì ta dư sức đúc hàng trăm khẩu pháo với vô số đạn dược.

- Kế gì vậy? Quý Ly hỏi và ông nhích gần về phía Hán Thương. Gương mặt ông bừng sáng. Dường như ông đang mường tượng thấy đội quân của ông sẽ có loại khí giới màu nhiệm, như chiếc nỏ mà thần Kim Quy đã trao tặng cho An Dương vương vậy.

Hán Thương chậm rãi:

- Con nghĩ rằng cha đã làm ra sách "Minh Đạo", thì kế con sắp dâng đây chẳng có gì là ghê gớm. Cứ như chỗ con hiểu, tiền đồng, tiền kẽm hiện đang lưu hành ở nước ta chiếm một khối lượng đồng, chì rất lớn. Nếu ta thay bằng tiền giấy để thu tiền kim khí về mà đúc khí giới, ắt là nhất cử lưỡng tiện. Hơn nữa, tiền giấy lưu thông dễ hơn. Tuy nhiên, để cho dân tin, nhà nước phải bảo trọng giá trị của đồng tiền. Một khi dân đã chấp thuận tiêu tiền giấy, thời nó có tác dụng thúc đẩy nền kinh tế nước nhà lớn lắm. Con cũng biết, nền kinh tế nước nhà hiện đang trì trệ, công thương còn hết sức sơ sài mà tiêu tiền giấy là điều

khiên cưỡng. Song tình thế cấp thiết, nếu không cưỡng bách dân chúng thời ta lấy đâu ra đồng, chì để chế tác khí giới chống ngoại xâm.

- Hay! Hay lắm! Ta đã bảo con vốn có đầu óc khác thường quả không sai.

Nghe Hán Thương nói sẽ phát hành tiền giấy để thu đổi lấy tiền kim khí về, Phạm Cự Luận tròn xoe mắt; trong lòng thầm thán phục Hán Thương là bậc siêu việt.

Tuy vậy, Phạm Cự Luận không khỏi băn khoăn. Ông hỏi:

- Nếu ta in tiền giấy rồi mà dân chúng không chịu đổi thì sao? Từ thượng cổ chưa có chuyện tiêu bằng tiền giấy. Giấy thì có giá trị gì. Tôi không dám chắc dân chúng sẽ tuân phục.

Hán Thương mỉm cười:

- Nhà nước sẽ ban hành luật tiêu tiền giấy. Vả lại ông nắm tới cả mấy mươi vạn quân trong tay, lại nắm luôn cả Khu mật viện - Còn anh, Hán Thương nhìn thẳng vào hai tròng mắt Nguyên Trừng nói - Anh giữ Thượng lâm tự để làm gì? Kẻ nào dám cưỡng mệnh thì trị tội, phép nước để đâu. Tình thế gấp gáp lắm, bây giờ không phải lúc để dân nhờn.

Quý Ly nghe con nói, mà ông cảm như mình có thể chuyển xoay thế nước, vượt qua bước cam go này không mấy khó khăn.

Nghe xong những người tâm phúc dâng kế sách nhằm ổn cố nội tình đất nước, và lo chống giặc ngoài xâm lấn.

Quý Ly trước hết giao cho thiếu bảo Vương Nhữ Chu sắp đặt về các qui chế tiền giấy, và thêm cả qui chế về mũ áo phẩm phục.

Quý Ly cũng cho định lại phép tắc thi cử do Trần Thái tông ban hành từ năm Bính ngọ (1246), tới nay đã được 150 năm.

Về chế độ quan lại cai trị, Quý Ly cũng canh cải khác đi. Vì như lộ, đặt chức an phủ sứ và phó sứ, phủ đặt trấn phủ sứ và phó sứ, châu đặt chức thông phán, huyện đặt lệnh úy, chủ bạ để coi sóc công việc. Lại cho lộ coi phủ, phủ coi châu, châu coi huyện. Ấy là về việc dân. Còn việc binh thì đặt các phủ đô đốc, đô hộ, đô thống, tổng quản và ty thái thú để trông coi. Cho bãi các chức đại, tiểu tư xã, chỉ chức quản giáp để như cũ.

Ngoài ra còn thăng cho các người tâm phúc ở những nơi then chốt như Hán Thương lãnh chức Đông Đô lộ đô hộ phủ; thái bảo Trần Hãng lãnh Bắc Giang lộ đô thống phủ; Trần Nguyên Hãn lãnh Tam giang lộ đô thộng phủ; thiếu bảo Vương Nhữ Chu làm tri Thiên Trường phủ lộ quân dân sự...

Trước khi xét định quân ngũ, Quý Ly còn xuống lệnh thải bớt các tăng nhân[1], đạo nhân[2] chưa đến 50 tuổi trở lên thì cho về hoàn tục, để tăng số nhân đinh bắt lính.

---

[1] Tăng nhân: các nhà sư theo đạo Phật.

[2] Đạo nhân: các nhà tu, theo đạo Lão (tức đạo Giáo) - Một biến thái của học thuyết Lão Tử.

Vương Nhữ Chu cũng đã soạn xong thể thức mũ áo cho các quan văn võ. Nhất phẩm thì áo sắc tía; nhị phẩm sắc đại hồng; tam phẩm sắc đỏ hoa đào; tứ phẩm sắc lụa; ngũ, lục, thất phẩm sắc biếc. Văn quan và tụng quan, chức tước từ lục phẩm trở lên đội mũ cao sơn, chánh lục phẩm được thắt đai, đi hia...

Còn về tiền giấy in xong hạ lệnh cho mọi người đem đến đổi. Cứ mỗi quan tiền đồng đổi sang tiền giấy được một quan, hai tiền. Loại giấy 10 đồng vẽ rong, giấy 30 đồng vẽ sóng, giấy 1 tiền vẽ mây, giấy 2 tiền vẽ rùa, giấy 3 tiền vẽ lân, giấy 5 tiền vẽ phượng, giấy 1 quan vẽ rồng. Ai làm giả phải tội chết, tịch thu điền sản sung quốc khố. Trong nước cấm hẳn tiền đồng không ai được tích chứa hoặc tiêu riêng với nhau.

Tình thế đất nước ngày một khó khăn. Hán Thương bàn với cha:

- Tại Đông Đô[1] cùng các trấn lộ ngoài Bắc, thế lực nhà Trần vẫn còn lớn, ảnh hưởng của họ trong giới sĩ phu và quan lại còn sâu sắc. Nhưng hệ thống cai trị đã mọt ruỗng, bộ máy nhà nước không còn điều hành được nữa. Dân chúng chán nản không còn mấy ai tin vào triều đình. Thuận tông là đứa ngu hèn không biết công việc triều chính. Một nhà nước như thế, không thể đối phó với nạn ngoại xâm được. Xin cha hãy vì sự tồn vong

---

[1] Đông Đô - Một tên khác của Thăng Long xuất hiện từ cuối đời Trần.

của xã tắc mà đoạt lấy ngôi tôn, sai khiến thiên hạ, cùng hợp quần giữ nước. Nhưng muốn làm được việc đó phải thiên đô, nếu không sẽ xảy ra cảnh nồi da xáo thịt. Vì sao phải thiên đô ư? Thưa cha, nếu thiên đô về vùng đất tổ của ta trong vùng Đại Lại, lộ Thanh Hóa thì vừa dựa vào thế đất hiểm mà chống giặc Bắc, vừa dựa vào dòng họ nhà mình cùng quê hương mình, ắt được sự hưởng ứng hơn là tại đất Đông Đô. Về Đại Lại dù sao cũng chỉ là trung sách. Nếu như sau này bốn bể đã yên, ơn đức của cha đủ vỗ về thiên hạ thì việc trở lại Đông Đô có khó gì.

Quý Ly cân nhắc mãi lời bàn tâm huyết của Hán Thương. Ông nói:

- Con nói rất hợp ý ta. Suốt ba mươi năm ta phò Nghệ tông, mạnh tay chèo chống lắm mới giữ được thế nước như ngày nay, mới giữ được trọn vẹn tấm thân của cha con ta. Nhưng muốn đoạt lấy thiên hạ, ta thấy trước hết phải thiên đô đã. Tiếc thay dân chúng Đông Đô không hiểu ta. Ngay cả giới sĩ phu trong nước cũng không hiểu ta, bởi thế trong cuộc kình chống giặc Minh sắp tới, nếu ở lại Đông Đô, có nhẽ ta sẽ lâm vào cảnh như người bị trói tay.

- Dạ thưa cha đúng như vậy. Hiện tình đất nước lúc này y hệt cuối đời Lý Huệ tông.

- Ta cũng nghĩ như vậy.

Lại nói về Thuận tông từ khi được cha cho lên ngôi vua

năm 12 tuổi. Kể từ bấy tới nay ngài không được quyết một công việc gì. Những năm còn sống Nghệ tông, mọi việc đều do ông quyết, mà thực là do Quý Ly quyết, Thượng hoàng chỉ xem qua rồi châu phê là ban chiếu. Đôi khi những người phụ tá cũng tâu với Thuận tông là triều đình đang bàn, đang xét việc này việc nọ, nhưng nhà vua không để tâm vào việc nào cả. Tới khi Nghệ tông mất, mọi thứ chiếu, chế, cáo, sắc mỗi khi ban ra, Quý Ly chỉ cho người đem vào nói với vua rằng: "Quốc phụ nói người đã xem kỹ rồi". Như thế có nghĩa rằng vua không cần phải xem nữa. Và nhà vua cũng không xem thật. Tựu trung Thuận tông thân ở ngôi cao, mà tựa như một tên xẩm mù ngự trị giữa hoàng cung.

Thân phận như thế tưởng đã được yên, không ngờ Quý Ly lại bắt phải dự bàn việc thiên đô. Và còn dặn: "Việc này quan gia không được tiết lậu với ai". Nói rằng bàn, kỳ thực nhà vua bị ép phải ký vào chiếu dời đô.

Từ khi ký vào chiếu, lòng ông tan nát không biết ngỏ cùng ai. Ngay hoàng hậu, vợ ông cũng là con gái của Quý Ly; hậu chính là một tên do thám. Nên cực chẳng đã ngài bèn thổ lộ với mấy người nội thị hoặc cung nhân như Trần Ngọc Cơ, Trần Ngọc Kiểm. Họ đều ứa nước mắt nói lại với vua: "Dời kinh đô thế nào cũng có việc cướp ngôi". Có kẻ nghe được đem việc ấy tâu lại với Quý Ly, họ đều bị Quý Ly giết cả. Lại giết thêm một số người khác nghi là có đàm đạo việc dời đô.

Vừa ký xong chiếu dời đô thì Thuận tông được chuyển ngay về ở cung Bảo Thanh trong núi Đại Lại.

Đại Lại chính là nơi khi Đế Nghiễn và tướng quốc Trang định vương Ngạc định giết Quý Ly, ông đã toan trốn về đây ẩn lánh.

Cung Bảo Thanh được xây dựng vội vã, kể cũng chẳng hơn nhà dân được là bao.

Thuận tông bị Quý Ly bẻ hết chân tay, tức những kẻ trước đã hầu hạ ở Đông Đô, nay đứa bị giết, đứa bị đẩy đi viễn châu, hoặc phải về lại bản quán quê hương. Những kẻ mới được đến hầu, thường là không trò chuyện thổ lộ gì được với chúng. Một hôm buồn bực quá, và cũng là bi phẫn quá, Thuận tông bèn vời hoàng hậu vào trước long sàng gạn hỏi:

- Chắc hậu biết lúc nào thì quốc phụ giết ta để đoạt thiên hạ chứ?

Thánh Ngẫu, tức hoàng hậu là con gái của Quý Ly trố mắt nhìn Thuận tông như một sự lạ, như một điềm gở. Nàng sụp lạy:

- Sao vương thượng lại nói thế. Ơn dầy từ đức thượng hoàng ban cho cha con thiếp. Cha thiếp dốc lòng thờ thượng hoàng, nay lại phải một mình gánh vác việc nước thay bệ hạ. Ơn chưa thấy, đã thấy oán rồi. Vậy chớ bao giờ thì bệ hạ hành quyết cha con thiếp!

Thuận tông thầm nghĩ: "Đúng là cha nào con ấy. Chúng cứ nói một đằng làm một nẻo. Bên ngoài thì ra vẻ vua tôi

trên dưới kỷ cương lắm. Bên trong, cha con y coi mạng sống của ta không hơn gì cọng cỏ. Tiếc thay, vương huynh và vương đệ ta chậm ra tay quá, để y lộng hành. Và tới lúc này ta chẳng khác một con thỏ, y đã săn được và nhốt chặt trong lồng, trong cũi, chỉ chờ ngày mổ thịt". Nghĩ vậy, nhưng Thuận tông vẫn cứ phải đấu dịu:

- Hậu lại vu cho ta rồi. Liệu ta có phải chết như lũ Trần Ngọc Cơ, Trần Ngọc Kiếm không? Sức ta trói gà không nổi, trong tay đến con dao cùn cũng không có, còn mong giết ai. Mấy đứa nội thị, cung nhân đều như những tên mật thám lúc nào cũng canh chừng ta, hậu còn không thấy sao?

Thuận tông vì tức giận mà tuôn ra những lời lẽ vừa nghi ngờ, vừa mạt sát cha con Quý Ly. Giá như khi trước còn ở Đông Đô, hẳn là hoàng hậu sẽ thưa lại cùng cha không sót một lời. Nhưng nay thì khác, nghĩ lại thương tình. Dù sao thì nhà vua đối với ta cũng là đạo vợ chồng. Và trời cũng thí phúc cho được một mụn con trai. Đã lập làm hoàng thái tử. Nhưng thực ta cũng không biết bụng cha ta thế nào. Ta đã nghe nhiều người thì thầm, họ bảo: "Quý Ly đối với nhà Trần, chẳng khác gì Thủ Độ đối với nhà Lý". Ta thì không biết Trần Thủ Độ xưa kia ra sao, nhưng cha ta thực quả là một người chuyên chế, tàn bạo. Ta đã chứng kiến không biết bao kẻ rơi đầu chỉ vì một lời nói chơi phù phiếm, chứ chẳng có mưu đồ ám hại ai. Vì vậy, từ khi dời chuyển từ Đông Đô về đây, ta không dám

hé môi tố giác thêm một kẻ nào. Bởi ta không muốn tiếp tay cho cha gây thêm tội ác nữa. Hậu bèn nói với vua:

- Thần thiếp có tội gì mà bệ hạ dày vò, ghét bỏ.

Thuận tông bỏ đi không nói gì thêm nữa.

Dù hoàng hậu không hé lộ điều gì về Thuận tông tỏ ra bực dọc đối với cha mình. Song Quý Ly đã có sẵn chủ kiến, nên việc cần làm, ông vẫn cứ làm.

Quý Ly cho gọi vị đạo sĩ nổi tiếng trong vùng là Nguyễn Khánh đến sai bảo.

Lĩnh ý Quý Ly xong, đạo sĩ bèn ra mắt Thuận tông. Ông khoe là người tu đắc đạo, tâm linh siêu thoát, nhãn quan thấu thị, có thể nhìn người mà biết được quá khứ, tương lai. Lại có thể cúng cầu trừ tai giải ách được.

Thuận tông lòng đang tẻ ngắt, sầu hận đến không thiết cả mạng sống mình nữa, gặp được đạo sĩ giải tỏa cho cái nhẽ sống chết, nhẽ còn mất trong cuộc đời thế tục chán buồn. Đạo sĩ còn khai mở cho nhà vua con đường thênh thang giải thoát, mà các bậc tiên thánh đã tìm về. Khi tâm thức nhà vua đã xiêu ngả tới nửa phần, đạo sĩ lại nói những nỗi đau người, đau đời, đau bệnh, cả những việc đau lòng mà nhà vua đã trải.

Thuận tông thầm nhủ: "Ông ta quả là một đạo sĩ siêu việt. Biết hết cuộc đời ta, không sót một ly nào".

Biết nhà vua đã xiêu lòng, đạo sĩ bèn gợi:

- Hoàng thượng biết đấy, xưa các tiên đế thường theo

Phật. Như đức Nhân tông còn lập hẳn ra phái Thiền Trúc Lâm, mong giải thoát cho chúng sinh. Chẳng hiểu ước vọng của ngài có được toại nguyện không, nhưng thế gian thì vẫn cứ ngày một chìm đắm, mê muội. Mà các ngài cũng tiêu vong. Còn như theo về Lão giáo của đức Thái thượng Lão quân, sẽ dẫn ta đến cõi trường sinh bất lão. Cõi tiên thanh nhã, thơm tho khác hẳn với cõi phàm trần. Bệ hạ tuy ở ngôi tôn quý, nhưng muôn việc đều rắm rối khó nhọc, chi bằng truyền ngôi cho thái tử để tu dưỡng khí thanh hòa.

Thuận tông đã dần lòng theo đạo tới tám chín phần, nhưng không hiểu sao ngài còn hỏi:

- Nếu như ta không theo đạo của ông thì sao?

Đạo sĩ cười xòa:

- Việc phát tâm theo Đạo là tùy thuộc ở mỗi người.

- Ta chỉ thương thái tử còn nhỏ quá. Hay đợi cho ta vài năm nữa có được không?

- Bệ hạ dợi bao lâu mà chẳng được. Chỉ sợ người khác không đợi dược bệ hạ. Còn việc muốn hay không muốn cũng chẳng tùy thuộc ở bệ hạ nữa. Như xưa kia Lý Huệ tông có muốn xuất gia dâu mà vẫn cứ phải ra ở chùa Chân Giáo. Tôi là người tu hành, thấy việc đời ngang trái nên muốn cứu. Nhưng nếu bệ hạ chưa sẵn lòng, tức là cái duyên chưa tới.

Xong, vị dạo sĩ chép miệng nói nhỏ, như để cho chính mình nghe:

"Thì ra ở đời, khôn cũng chết, dại cũng chết, chỉ có biết là sống". Ông đã toan giũ áo đứng dậy. Thuận tông bèn níu lại:

- Ông nói ta nghe, thế nào là biết?

- Biết, tức là giũ bỏ tất cả mọi sự hư ảo nó buộc ràng ta, để về với Đạo, như thần đã tỏ bầy với bệ hạ đó.

- Ta bằng lòng theo về với Đạo của ông.

Ngay ngày hôm ấy, đạo sĩ Nguyễn Khánh bèn lập đàn cúng, tâu cho Thuận tông được vào sổ phụng đạo nhập tiên.

Quý Ly bèn cho người đến bảo vua, đã thoát tục, nhập tiên rồi thì không còn phải gánh vác việc đời nữa, nhà vua nên xuống chiếu nhường ngôi cho thái tử án.

Lúc này Thuận tông mới vỡ tỉnh rằng mình bị lừa, nhưng đã muộn. Và sự thật ông cũng ngầm hiểu, tình thế không thể cưỡng lại được. Nhà vua chỉ thương thái tử còn nhỏ quá, mới lên ba tuổi dã biết gì việc đời, huống chi là việc nước. Xong lại tự nghĩ: "Thật ra, ta hoặc con ta ở ngôi thì cũng có khác gì. Quyền thế đều nằm trọn trong tay người họ ngoại, mà suốt đời phụ hoàng ta đã tin nghe".

Trong chiếu nhường ngôi có đoạn viết "... Nay ta truyền cho thái tử án lên ngôi hoàng đế. Phụ chính do thái sư Lê Quý Ly là quốc tổ nhiếp chính...".

Vì mới lên ba tuổi, nên thái tử án nhận lễ truyền ngôi mà không biết lạy. Quý Ly bảo thái hậu: "Con lạy trước cho thái tử lạy theo".

Lễ truyền ngôi làm chiếu lệ buồn tẻ cho hợp thức việc tiếm đoạt từng bước của Quý Ly. Bấy giờ, những người có tâm huyết, ai cũng thương Thuận tông, ghét Quý Ly, nhưng tình thế không thể làm gì được.

Thái tử án lên ngôi. Quý Ly cho đổi niên hiệu là Kiến tân năm thứ nhất, tức năm Mậu dần (1398). Lại tuyên cáo đại xá cho thiên hạ, nhưng thực không ai được hưởng chút ân huệ nào.

Cũng từ hôm ấy, Quý Ly tự xưng là Khâm đức hưng liệt đại vương. Trong giấy tờ đều ghi là Trung thư thượng thư sảnh phụng nhiếp chính cai giáo hoàng đế...

Lại nói Thuận tông được vào sổ phụng đạo nhập tiên, tức là đã xuất gia rồi, bèn được đưa về tu tại quán Ngọc Thanh hương Đạm Thủy[1], là nơi có nhiều đạo sư nổi tiếng.

Quý Ly mật sai nội tẩm học sinh Nguyễn Cẩn là người tâm phúc của mình đi theo hầu Thuận tông.

Thấy y là người lạ đáng ngờ, Thuận tông bèn hỏi:

- Ngươi theo hầu ta, hay muốn hại ta?

Nguyễn Cẩn lúng túng, không nỡ nói cái ý mà Quý Ly đã dặn mình, cũng như những việc Quý Ly bắt phải làm.

Nấn ná, y lại nhận được mật thư của Quý Ly răn dạy: "*Nguyên quân không chết thì ngươi phải chết*".

---

[1] Đạm Thủy xưa thuộc đất huyện Chí Linh, lộ Hải Đông, nay thuộc huyện Đông Triều tỉnh Quảng Ninh.

Quý Ly cũng gửi thư cho Thuận tông, đại ý nói: "*Trước có vua hèn ngu: Hôn đức*[1] *và Linh đức*[2]*. Sao không liệu sớm đi, chỉ để bận người khác*".

Đọc xong, Thuận tông đau đớn nhận ra sự tàn bạo của Quý Ly hơn cả hùm, sói. Hùm, sói nuôi con chứ không ăn thịt con. Vậy mà ta với ông là chỗ thân thiết; về tộc họ là tình chú cháu, tuy về đằng ngoại, nhưng ông lại là cha vợ ta. Thế mà ông rắp tâm giết ta để cướp cơ nghiệp nhà ta. Thuận tông rùng mình nhớ ông đã đọc ở đâu đó, lời khấn thề trước Trời-Phật của Lý Huệ tông khi Trần Thủ Độ bức ông phải chết: "Thiên hạ của nhà ta đã về nhà mày rồi, mày lại còn giết ta, ngày nay ta chết, đến ngày khác, con cháu nhà mày cũng lại như thế".

Thuận tông khiếp sợ, không ngờ lời nguyền của Lý Huệ tông trên 170 năm vẫn còn ứng nghiệm. Rồi từ bữa ấy, ông ngơ ngẩn như người mất hồn.

Chính Nguyễn Cẩn cũng lo lắng cho tính mệnh của mình nữa, nếu như không giết được vua. Cẩn rỏ nước mắt pha thuốc độc vào thức ăn của Thuận tông, không hiểu vì sao ông vẫn không chết. Sau Cẩn không cho vua ăn nữa mà chỉ cho uống nước dừa, tới cả chục ngày, vua vẫn không chết.

Quân về tâu, Quý Ly sợ để lâu ngày, chuyện lộ ra sẽ

[1, 2] Ám chỉ Nhật Lễ và Đế Nghiễn (Phế đế).

sinh biến, bèn sai xa kỵ vệ thượng tướng quân là Phạm Khả Vĩnh đến thắt cổ giết chết Thuận tông.

Trước khi chui vào thòng lọng, Thuận tông còn kịp khấn: "*Hỡi Quý Ly, ngươi là kẻ hiếp vua lừa dân. Ngươi đã cướp thiên hạ của nhà ta nay còn giết ta nữa. Sự nghiệp của nhà Trần ta rực rỡ trên 170 năm. Sự nghiệp của nhà mày bất quá không tới 7 năm, ắt sẽ bị chết cả nhà, ắt phải tuyệt tự. Xin Trời-Phật chứng cho lời nguyền của tôi*". Khấn xong, ông chui đầu vào thòng lọng.

Đám quan quân đem thi thể ông chôn tại lăng Yên Sinh gần đó.

Giết được Thuận tông, Quý Ly muốn khôi phục họ cũ của mình, bèn họp các con lại nói:

- Tổ phụ nhà ta vốn họ Hồ, quê tự Triết Giang (Trung Quốc) sang làm thái thú Diễn Châu từ đời Hậu Hán ngũ quí[1], rồi lập nghiệp tại đó. Đến đời thứ 12 thì đức tổ ta là Hồ Liêm dời đến ở hương Đại Lại này. Đức tổ Hồ Liêm ta làm con nuôi của tuyên úy Lê Huấn, từ đấy mới đổi làm họ Lê. Cho tới ta là cháu bốn đời mang họ Lê. Ta thiết

---

[1] Ngũ quí (907-959).

Sau nhà Đường thì có 5 nhà lần lượt lên làm vua đất Trung Hoa; mỗi nhà chỉ kéo dài trên dưới mười năm, gồm có:

- Hậu Lương (907-922) - Hậu Đường (923-935)

- Hậu Tấn (936-946) - Hậu Hán (947-950)

- Hậu Chu (951-959)

nghĩ, sự nghiệp của cha con ta bây giờ rạng rỡ không kém đức thủy tổ. Vậy tại sao ta không phục lại họ cũ, để làm rạng tỏ tổ tông. Ý các con thế nào?

Nguyên Trừng và Hán Thương đều nói:

- Xin cha cho phục lại họ Hồ! - Xin cha cho phục lại họ Hồ!

Hôm sau thiết triều, Quý Ly tuyên cáo đổi về họ Hồ, nhưng không nói nguồn gốc từ Triết Giang sang cư ngụ.

Từ ngày Quý Ly bức tử Thuận tông, khôi phục họ cũ, chuẩn bị ráo riết mọi việc. Như bắt lính, luyện quân, xây đắp thành trì, đào sông, đắp đường, tích chứa lương thực để phòng chống người Minh xâm lấn. Nếu chỉ có các việc ấy thì chẳng ai ghét được ông. Nhưng Hồ Quý Ly lại sai rỡ gấp các cung điện Thụy Chương, Đại An đem về dựng tại vùng núi non Đại Lại. Rồi đàn áp dân chúng, giết người không chịu ngợi ca mình, khiến lòng dân phẫn uất. Ai cũng bảo Quý Ly sẽ cướp cơ nghiệp nhà Trần nay mai.

Tình thế bức bách khiến các bậc võ tướng và tể thần thấy đến lúc phải ra tay trừ khử Hồ Quý Ly, khôi phục lại rường mối, kỷ cương của nhà Trần.

Thái bảo Trần Hãng liền bàn với thượng tướng Trần Khát Chân:

- Tướng quân có coi các hành vi giết vua cũ, lập vua mới, tự đưa mình vào nhiếp chính của Quý Ly là triệu chứng của sự cướp thiên hạ của nhà Trần ta không?

- Quả có như vậy, tôi cũng nghĩ như quan Thái bảo.

- Vậy chúng ta phải làm gì chứ, nếu không kẻ kia cứ tỉa dần chẳng mấy chốc hết người tôn thất.

- Có một việc tôi còn đang phân vân, xin Thái bảo chỉ cho.

- Chẳng hay việc gì đó thượng tướng?

- Từ bữa xa kỵ vệ thượng tướng quân Phạm Khả Vĩnh được Quý Ly sai đi bức tử Thuận tông về, ông ta mặt tái mét đến tìm tôi, nói lại tất cả các việc. Kể cả Thuận tông có lời nguyền cha con Quý Ly. Ông ta bảo bị ám ảnh về cái chết của nhà vua, và ân hận lắm. Nếu như người tôn thất đứng ra làm việc nghĩa thì ông ta cũng xin theo. Tôi không biết đây là thực tình hay do mưu của Quý Ly. Bởi Quý Ly quỷ quyệt lắm, tôi chưa dám tin Khả Vĩnh.

- Vậy chớ tướng quân trả lời ông ta thế nào, Thái bảo hỏi.

Tôi chỉ đáp:

- Chớ có càn rỡ, thái sư là người nhiếp chính trung thành.

Tôi lại ngỏ ý răn đe để thăm dò:

- Việc này lộ ra, chắc lụy đến ba họ.

Khả Vĩnh chỉ thở dài. Nhưng từ bữa ấy, ông ta nhìn tôi với con mắt như là khinh bỉ. Riêng việc đó, tôi ngờ ông ta thật tâm. Vậy chớ theo ý Thái bảo nên như thế nào?

- Đúng là ông ta thật tâm chứ còn ngờ gì. Nếu là Quý Ly sai đến, chắc y đã kiếm cớ với tướng quân rồi. Theo tôi, ta phải ra tay vào dịp hội thề này thôi.

Trước còn ở Thăng Long, hội thề làm trong đền Đồng

Cổ, nay bàn sẽ làm ở Đốn Sơn. Bởi Đốn Sơn có ngôi đền thiêng.

Khát Chân hai mắt sáng ngời, mặt tươi rói, ông nói:

- Thế là lòng trời còn tựa nhà Trần. Tôi có ngôi nhà cao ráo, trên lầu nhìn ra Đốn Sơn rất gần.

Từ ngày Quý Ly nhiếp chính đi đâu cũng oai vệ lắm. Y tiếm dùng tàn, lọng, xe kiệu, mũ áo như thiên tử, chỉ có điều y chưa xưng trẫm, xưng quả nhân với bá quan khi thiết triều thôi.

- Hay lắm, tôi sẽ mời Quý Ly đến ngự trước trên thượng lâu nhà tướng quân.

Bởi tại vùng này cũng chẳng có nơi nào xa giá tạm dừng được. Ngay ngôi đền cũng lụp xụp lắm, chắc Quý Ly sẽ ưng thuận ghé nhà tướng quân.

- Vậy thời tôi sẽ cho phục quân rồi sai thích khách nhảy lên lầu giết phăng đi là xong.

Hai người mưu sự kín nhẹm, lại kéo thêm được một số người tâm phúc khác nữa cùng theo.

Tới ngày hội thề, thái bảo Trần Hãng mời Quý Ly lên tọa tại nhà Trần Khát Chân. Đúng là Quý Ly dùng nghi vệ thiên tử, càng làm mọi người căm ghét.

Khi Quý Ly cùng bọn vệ sĩ có cả Trần Hãng đã an tọa ở trên lầu rồi; nếu đúng như kế đã vạch thì bây giờ là lúc thích khách ra tay. Thế nhưng khi Phạm Tổ Thu là cháu của Phạm Khả Vĩnh, và Phạm Ngưu Tất, là hai thích

khách cấp gươm định tiến lên lầu để hành thích, không biết trời đất quỷ thần xui khiến thế nào Trần Khát Chân lại trừng mắt ngăn họ lại, Sở dĩ Trần Khát Chân trừng mắt không cho hai thích khách ra tay, là bởi ông thấy Quý Ly lúc ấy đã đưa mắt cho hai vệ sĩ của ông là hai đao thủ khét tiếng, đang lăm lăm hai cây đoản đao trong tay. Và qua cửa sổ tầng lầu, Khát Chân nhìn thấy đám quân kỵ của Quý Ly đang từ bốn mặt ập tới nhà ông.

Quý Ly ở trên lầu thấy bên dưới có người đi lại rậm rịch đâm chột dạ, bèn sai bọn vệ sĩ lập tức xuống lầu. Đúng lúc Phạm Ngưu Tất vứt gươm xuống đất nói: "Cả lũ chết thôi".

Quý Ly thấy hết, nhưng vờ quay đi. Y đã nhận mặt được tất cả, bèn tức tốc ra về. Lệnh truy bắt ngay cấp thời.

Tôn thất thái bảo Trần Hãng, thượng tướng quân Trần Khát Chân, trụ quốc Nhật Đôn, thượng tướng Phạm Khả Vĩnh, hành khiển Hà Đức Lân, Lương Nguyên Bưu, Phạm Ông Thiện, Phạm Ngưu Tất, Phạm Tổ Thu cùng các liêu thuộc gồm hơn 370 người đều bị giết cả. Những người bị giết, gia sản đều bị tịch thu, con gái bắt làm tì, con trai từ 1 tuổi trở lên hoặc chôn sống, hoặc dìm chết trong nước. Cuộc truy lùng bắt bớ chém giết còn kéo dài mấy năm liền. Dân gian sầu khổ, oán ghét cha con Quý Ly không kể xiết. Không khí xã hội bi phẫn đến cùng cực. Ra đường, người thân quen cũng không dám nhận nhau, chỉ đưa đẩy bằng ánh mắt.

Thương thay thượng tướng quân Trần Khát Chân, một danh tướng đã đánh tan hơn mười vạn quân xâm lược Chiêm Thành, chém đầu Chế Bồng Nga, cứu giang san khỏi cơn nguy họa, chỉ vì sơ suất trong chốc lát mà để hận tới muôn sau. Nghe nói, trước khi Trần Khát Chân bị chém trên núi Đốn Sơn, ông thét lên ba tiếng, khiến cả cọp, báo cũng run lên cầm cập, rừng ào ào xô dạt như có một trận cuồng phong ập tới. Tướng quân chết đã ba ngày, nét mặt vẫn tươi nguyên như khi còn sống. Năm ấy Trần Khát Chân mới 29 tuổi.

Mặc dù Hồ Quý Ly khép ông vào tội đại nghịch, nhưng từ Thăng Long tới những nơi heo hút đều có lập đền, miếu thờ ông.

Thanh toán hết các phe đảng kình chống, giết vợi người tôn thất và những ai có lòng hướng về nhà Trần, nắm trong tay thằng cháu ngoại chưa ráo máu đầu gọi là vua, hầu như Hồ Quý Ly đã nắm trọn thiên hạ. Quý Ly còn tự xưng là là Quốc tổ chương hoàng đế, mặc áo màu bồ hoàng, ở cung Nhân thọ, theo như lệ thiên tử, ra vào dùng 12 chiếc lọng vàng. Cho con là Hồ Hán Thương làm nhiếp chính thái phó, ở bên hữu điện Hoàng Nguyên; Hồ Nguyên Trừng làm tư đồ. Nhưng như thế vẫn chưa toại nguyện; tới ngày 28 tháng 2 năm Canh thìn (1400), nhằm ngày đại cát, Hồ Quý Ly phế đức vua 5 tuổi xuống làm Bảo ninh đại vương, thương tình là cháu ngoại nên không nỡ giết.

Hồ Quý Ly tự lập mình làm hoàng đế, đặt niên hiệu là Thánh nguyên, lấy quốc hiệu là Đại Ngu[1].

Vậy là nhà Hồ lập, vương triều Trần sụp đổ, cũng như 175 năm trước nhà Trần lập, nhà Lý bị phế. Các triều đại hưng vong thành bại xoay vần như con thò lò sáu mặt: chợt mặt nhất, thoắt đã mặt tam, mặt lục; chỉ có dân tộc, phải, chỉ có dân tộc là mãi mãi trường tồn.

Viết xong tại Giảng võ vào giờ Giáp tuất,
ngày Giáp tuất, tháng Bính dần, năm Giáp tuất
(20 giờ ngày 8 tháng giêng Giáp tuất).
Ngày 17 tháng 2 năm 1994.

[1] Đại ngu: chữ Hán, có nghĩa là sự yên ổn to lớn. Hồ Quý Ly thật tâm mong mỏi cho nước nhà yên thịnh.

BÃO TÁP TRIỀU TRẦN



VƯƠNG TRIỀU SỤP ĐỔ

Chịu trách nhiệm xuất bản:
MAI QUỲNH GIAO
Biên tập: **THU QUỲNH**
Bìa: **VĂN SÁNG**
Sửa bản in: **THỤC ANH**

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ
39 Hàng Chuối – Hà Nội
ĐT: 04.39710717 – 39717979 – 39717980 – 39716727 – 39712832
Fax: 04.39712830
Email: nxbphunu@gmail.com
Chi nhánh: 16 Alexandre De Rhodes – Quận 1 – TP.Hồ Chí Minh
ĐT: 08.38234806

In 1000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm tại Công ty CP in Sách Việt Nam. Giấy phép xuất bản số: 648-2010/CXB/9-36/PN ký ngày 2-7-2010. QĐXB số: 140/QĐ-PN. In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2010.



Thế kỷ 13 đầy biến động do sự xuất hiện

của đế chế Mông Cổ.

Quân Mông Cổ đã khuấy đảo suốt từ Á sang Âu, từ bờ Hắc Hải tới Thái Bình Dương ngợp chìm trong khói lửa chiến tranh. Biết bao quốc gia nghiêng đổ, vua chúa bị giết, bị cầm tù và dường như không có sức mạnh nào cản nổi vó ngựa Hồ, dường như không có quốc gia nào là đối thủ xứng tầm với đế quốc Mông- Nguyên.

Vậy mà ba lần đoàn quân khổng lồ ấy tràn vào xâm lăng Đại Việt, cả ba lần đều đại bại, hàng chục vạn quân cùng hàng trăm tướng lĩnh lừng danh từng là niềm tự hào của Đại Hãn đều bị bắt, bị giết, và cuối cùng chúa giặc ở Yên Kinh phải bãi binh, tôn trọng nền độc lập của Đại Việt.

Vì sao thời đại nhà Trần làm được điều đó?

Bạn đọc sẽ tìm được lời giải đáp trong

BÃO TÁP TRIỀU TRẦN

BỘ MỚI 6 TẬP

BÃO TÁP CUNG ĐÌNH
ĐUỔI QUÂN MÔNG THÁT
THĂNG LONG NỔI GIẬN
HUYẾT CHIẾN BẠCH ĐẰNG
HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA
VƯƠNG TRIỀU SỤP ĐỔ

Vương triều sụp đổ



Giá: 110.000đ